NGUYỄN DUY CHÍNH

LÊ MẠT SỰ KÝ

SỰ SUY TÀN CỦA TRIỀU LÊ CUỐI THẾ KỶ XVIII

(Tái bản lần thứ nhất,
có chỉnh sửa và bổ sung)

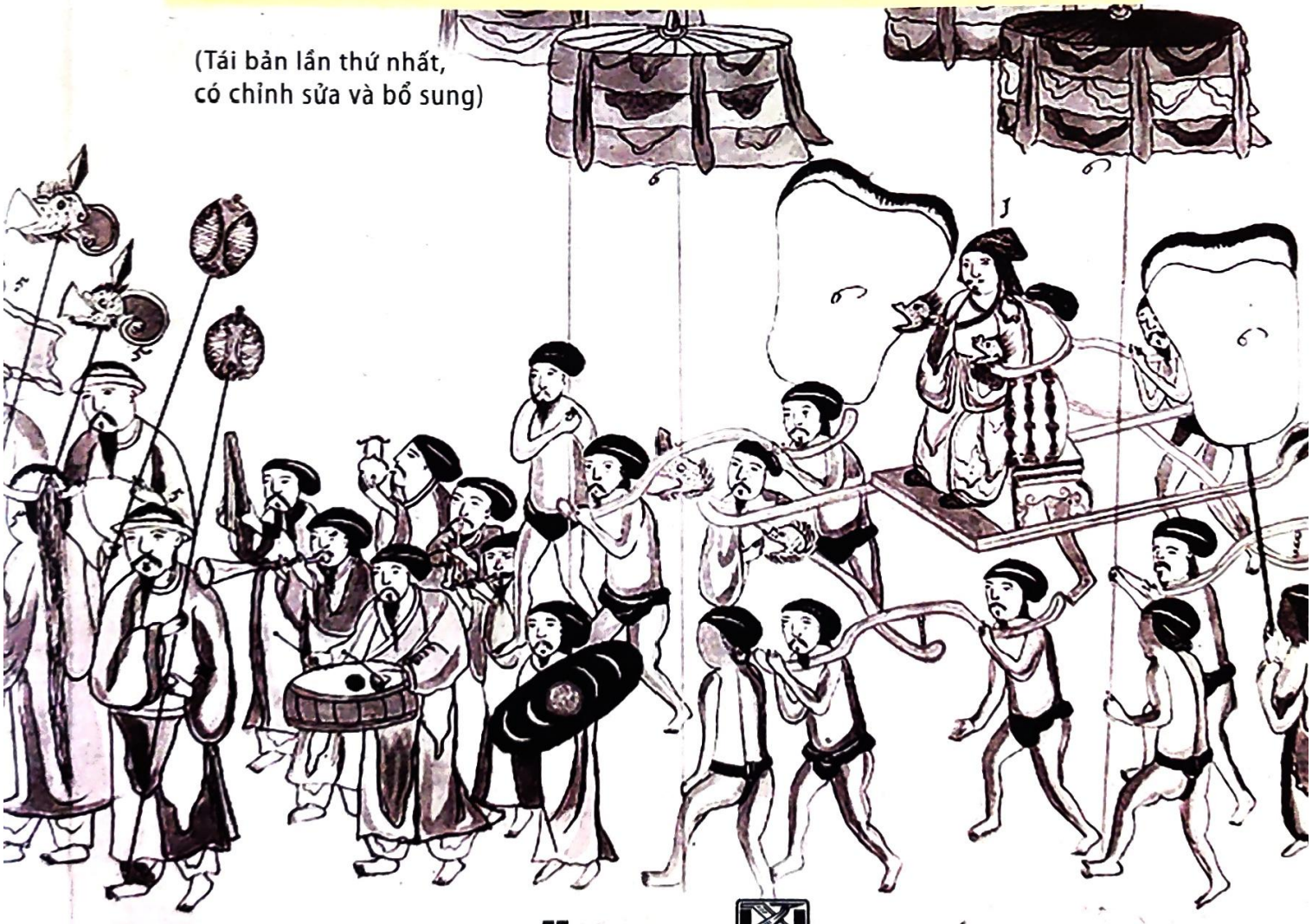

dtBOOKS

NHÀ XUẤT BẢN
KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN DUY CHÍNH

LÊ MẠT SỰ KÝ

SỰ SUY TÀN CỦA TRIỀU LÊ CUỐI THẾ KỶ XVIII

(Tái bản lần thứ nhất, có chỉnh sửa và bổ sung)

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

MỤC LỤC

Lời nói đầu 11
Dẫn nhập 13

PHẦN I
LÊ DUY KỲ (1766-1793):
ĐÁNG THƯƠNG HAY ĐÁNG TRÁCH

I. ĐÀNG NGOÀI CUỐI THẾ KỶ XVIII 28
1.1. Gia vong 29
1.1.1. Sự lộng quyền của họ Trịnh 29
1.1.2. Thái tử bị hại 31
1.1.3. Lê Duy Kỳ được phong Hoàng thái tôn 37
1.2. Quốc phá 39
1.2.1. Tây Sơn ra Bắc: Chiêu bài phù Lê diệt Trịnh 39
1.2.2. Chiêu Thống lên ngôi 41

II. TÂY SƠN CHIẾM MIỀN BẮC, VUA LÊ XUẤT BÔN 48
2.1. Tây Sơn chiếm đất Bắc 48
2.1.1. Trịnh Bồng 48
2.1.2. Nguyễn Hữu Chỉnh 49
2.2. Nhà Lê thất quốc 51
2.2.1. Vua Lê chạy trốn 52
2.2.2. Hoàng tộc chạy sang đất Thanh 53

III. NHÀ THANH CỨU VIỆN 61
3.1. Nhà Lê cầu cứu 61
3.2. Thanh triều đáp ứng 66
3.2.1. Chiêu bài Hưng diệt kế tuyệt, tự tiểu tồn vong 68
3.2.2. Truy tìm vua Lê 68
3.2.3. Quân Thanh đáp lời cầu viện 73
3.3. Sứ bộ áo rách nón mê 85

VI. TRỞ LẠI THĂNG LONG 89
4.1. Trở về 89
4.1.1. Vua Lê xuất hiện 91
4.1.2. Thực tế theo các nhân chứng 94
4.2. Triều đình nhà Lê tại Thăng Long 99
4.2.1. Tái lập Lê triều 99
4.2.2. Tổ chức và cai trị 103
4.2.3. Xuất bôn sang Trung Hoa 109

V. BANG GIAO THANH-VIỆT HẬU CHIẾN 114
5.1. Trước khi Thanh triều công nhận Tây Sơn 114
5.1.1. Đối với Tây Sơn 115
5.1.2. Đối với nhà Lê 124
5.2. Phái bộ Thành Lâm sang phong vương 135
5.3. Phái bộ Quang Trung 137
5.4. An tháp 138
5.4.1. Quảng Tây (đầu năm Kỷ Dậu [1789] đến đầu năm Canh Tuất [1790]) 138
5.4.2. Yên Kinh (năm Canh Tuất [1790] đến năm Quý Sửu [1792]) 139

5.5. Ảnh hưởng của việc sứ bộ Quang Trung đi Yên Kinh..... 141
5.5.1. Phản ứng của nhóm nhà Lê..... 141
5.5.2. Chính sách hồi hương và đoàn tụ..... 144
5.5.3. Nỗ lực phục quốc..... 151
5.6. Tình hình trong nước..... 159
5.7. Sau khi nhà Tây Sơn bị diệt..... 161
5.7.1. Chính sách của tân triều..... 161
5.7.2. Xin đưa hài cốt về quê quán..... 162
5.7.3. Hồi quy cố quốc..... 163
5.7.4. Lê mạt tiết nghĩa từ..... 171

VI. NHÂN CÁCH VÀ TÀI NĂNG..... 171
6.1. Tội danh..... 172
6.1.1. Vụ án sát thúc, dâm muội..... 172
6.1.2. Cầu viện nhà Thanh..... 174
6.2. Cai trị và nhân cách..... 175
6.2.1. Văn chương..... 175
6.2.2. Đối xử..... 182

PHẦN II

LIỆT PHI NGUYỄN THỊ KIM (1765-1804):
NGƯỜI ĐÀN BÀ BẤT HẠNH

I. TIỂU SỬ..... 194
II. TUỔI TRẺ..... 194
III. NHẬP CUNG..... 195
IV. BÔN TẨU..... 196
V. CẦU VIỆN..... 197

VI. LƯU VONG 199
VII. AN TRINH THỦ TIẾT 200

PHẦN III

LÊ QUÝNH (1750-1805):
TÔI TRUNG THỜI LÊ MẠT

I. THÂN THẾ 226

II. SANG TRUNG HOA LẦN THỨ NHẤT 229
2.1. Phục quốc 229
2.2. Nguyên nhân chạy sang Long Châu (Quảng Tây) 231
2.3. Xuất bôn sang Quảng Tây 232
2.3.1. Ý đồ của Tôn Sĩ Nghị 232
2.3.2. Mục đích của Thanh triều 235
2.3.3. Quân Thanh vượt qua Nam Quan 236

III. TRỞ LẠI THĂNG LONG 217
3.1. Triều đình Chiêu Thống 217
3.2. Khi quân Thanh thất bại 241

IV. VẬN ĐỘNG CỨU VIỆN 246
4.1. Bang giao hậu chiến 246
4.1.1. Hòa đàm sơ khởi 247
4.1.2. Công nhận Nguyễn Quang Bình làm An Nam Quốc vương 249
4.2. Lê Quýnh sang Trung Hoa lần thứ hai 250
4.2.1. Qua Ải Điểm 252
4.2.2. Đến Ninh Minh 255

4.3. Thái độ của quan nhà Thanh 263
4.3.1. Quan lại địa phương 264
4.3.2. Tranh luận với Phúc Khang An 267
4.4. Trên đường áp tải 275
4.4.1. Tuyệt thực 279
4.4.2. Tới Bắc Kinh 281
4.5. Thái độ dứt khoát của Lê Quýnh 302

V. BỊ GIAM Ở BẮC KINH 288
5.1. Trong ngục 288
5.1.1. Vụ án xin về nước của vua Lê 291
5.1.2. Vụ án Ám thông cố quốc 294
5.1.3. Vụ án hải phỉ người nước Nam 296
5.1.4. Bất khuất trong ngục 299
5.1.5. Ân xá 305
5.2. Ra khỏi ngục 313

VI. TRỞ VỀ NƯỚC 318
6.1. Vận động trở về nước 318
6.2. Sau khi về nước 322

BẢNG NIÊN BIỂU, SỰ KIỆN,
NHÂN VẬT LỊCH SỬ THỜI LÊ MẠT 344

PHỤ LỤC 367
Lê mạt tiết nghĩa từ 368
Một số nhân vật lịch sử thời Lê mạt 372
Sắc dụ của vua Tự Đức 388

Di văn 394
Hình ảnh 397

TÀI LIỆU THAM KHẢO 411
SÁCH DẪN 419

PHẦN I

LÊ DUY KỲ (1766-1793): ĐÁNG THƯƠNG HAY ĐÁNG TRÁCH

Nói tên Lê Duy Kỳ có thể ít người biết nhưng nếu nói đến vua Chiêu Thống thì phần lớn chúng ta sẽ hình dung ra một ông vua nhiều tội lỗi, đáng nguyền rủa. Vua Chiêu Thống [dưới triều Nguyễn được đặt tên thụy là Mẫn Đế nghĩa là ông vua đáng thương] là hoàng đế cuối cùng của triều Lê, trị vì chỉ một thời gian rất ngắn. Người lãnh đạo sau cùng của triều đại thường được ghi nhận một cách thiếu thiện cảm - kẻ thất bại bao giờ cũng có lỗi và đáng trách nhiều hơn đáng khen - từ Bảo Đại nhà Nguyễn ở Việt Nam, Phổ Nghi nhà Thanh, hay Sùng Trinh nhà Minh ở Trung Quốc. Tuy nhiên, không phải lịch sử đều lặp lại một quan điểm, nhiều giai đoạn, nhiều nhân vật đã được đánh giá lại cho chính xác.

Cuối thế kỷ XVIII, Đại Việt đầy biến động. Cuộc nổi dậy của anh em Tây Sơn không những chấm dứt vương quyền chúa Nguyễn ở Nam Hà mà còn diệt luôn chúa Trịnh ở miền Bắc đưa đến sự sụp đổ của nhà Lê, triều đình chính thống của Đại Việt trong gần 400 năm.

Tuy nhiên, Tây Sơn cũng không giữ nước được lâu và chỉ chưa đầy 20 năm thì chính họ cũng bị tiêu diệt. Sự thay đổi nhiều thế lực, nhiều vương quyền quá nhanh trong một thời gian ngắn khiến cho sử sách viết về thời kỳ này bao gồm đủ khuynh hướng, nếu chỉ nhìn một phía chắc chắn chúng ta sẽ vừa thiếu sót, vừa thiên vị. Một triều đại qua đi, những người hoài vọng thường đề cao người đi trước và trút trách nhiệm cho người không may mắn phải ở vào vị trí sau cùng.

Trong vài chục năm qua, không ít những tác phẩm miêu tả thời kỳ này bằng lăng kính phiến diện, chủ quan. Chính vì thế, Nguyễn Ánh [vua Gia Long] cũng như Lê Duy Kỳ [vua Chiêu Thống] đều bị miêu tả dưới những tội danh *"bán nước"*. Mặt khác, thực tế của nhu cầu đề

cao tinh thần chống xâm lăng - dù là từ phương Bắc hay phương Tây - khiến nhiều người thích huyền thoại hóa nhân vật Nguyễn Huệ; và lẽ dĩ nhiên, để làm nổi bật một cá nhân ở phía này thì cũng phải hạ thấp một đối tượng ở phía khác. Do đó, những bản án nặng nề được áp đặt cho Nguyễn Ánh hay Lê Duy Kỳ... chưa hẳn vì tội trạng của đương sự mà chỉ để làm sáng tỏ chính nghĩa nhằm động viên toàn dân đánh đuổi ngoại xâm.

Bên cạnh đó, chúng ta cũng không thể bỏ qua chủ tâm nguyên thủy của chính triều Nguyễn đã cố ý viết sai lạc về đối phương. Giai đoạn cuối triều Lê và suốt thời kỳ Tây Sơn được viết nhằm trám vào một khoảng trống của lịch sử chứ chưa hẳn đã là trình bày sự thật khách quan về những gì đã xảy ra tại miền Bắc. Để bảo vệ và đề cao vai trò của mình, triều Nguyễn không chỉ bôi đen anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ mà còn nỗ lực xóa nốt tính chính thống của vua Lê. Với nhà Tây Sơn, vua Gia Long đuổi tận giết tuyệt nhưng lòng người không oán thán nhiều vì anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ lên ngôi chưa lâu, ơn đức chưa đủ thấm vào quần chúng. Trái lại, nhà Lê mấy trăm năm qua tuy không có thực quyền, ngôi vua chỉ là hư vị nhưng công lao của nhiều đời nên tuy đã diệt vong mà tâm tình "*hoài Lê*" vẫn còn âm ỉ và day dứt, một mạch nước ngầm chảy trong huyết quản của người dân Bắc Hà. Tới nửa cuối thế kỷ XIX, khôi phục Lê triều vẫn còn được sử dụng như một chiêu bài trong những cuộc nổi dậy.

Vào những năm cuối của triều đại Tây Sơn, không hiếm cựu thần nhà Lê vẫn tưởng Nguyễn Ánh đang đóng vai "*phục quốc*", thành công rồi sẽ lại tôn Lê như bao nhiêu đời chúa trước. Trên giấy tờ, Nguyễn Ánh vẫn dùng niên hiệu Cảnh Hưng. Chúa Nguyễn cũng đã cho người liên lạc với con cháu và cựu thần tiền triều [kể cả việc sai người sang Trung Hoa tìm Lê Chiêu Thống] để ước hẹn khởi binh và một nhà nho đã "bịa ra lời của Nguyễn công [tức chúa Nguyễn] làm bài hịch *Dụ Bắc thành trung nghĩa hào kiệt* gửi cho người quen mọi nơi, tỏ ý đang đem quân ra Bắc diệt giặc phù Lê, và bảo những người trung nghĩa

với Lê cất quân đánh giặc"[1]. Chính vì thế, tuy Nguyễn Huệ xử với cựu triều không đến nỗi nghiệt ngã [ngoại trừ những người nổi lên chống lại triều đình], sĩ phu Bắc Hà vẫn coi ông như một *"ông Ác"*, ngược lại chúa Nguyễn được miêu tả như một *"ông Thiện"*. Câu hát *"lạy trời cho cả gió nồm, cho thuyền chúa Nguyễn giong buồm thẳng ra"* là một thí dụ điển hình về cuộc chiến tranh tâm lý cuối thời Tây Sơn.

Đến khi sắp sửa thành công, Nguyễn Ánh không còn phải tiếp tục tôn phò nên dứt khoát dùng niên hiệu Gia Long, xác định là một vị hoàng đế mới. Triều đình chính thức và hợp pháp của An Nam lúc đó là nhà Tây Sơn không còn được Trung Hoa yểm trợ - vì quan điểm đối với An Nam của vua Nhân Tông [Gia Khánh] khác hẳn vua cha Cao Tông [Càn Long] - nên chúa Nguyễn không phải chuẩn bị một cuộc chiến đối đầu với Trung Hoa như Nguyễn Quang Bình [Nguyễn Huệ] đã làm mà còn được nhà Thanh ám trợ đẩy anh em Nguyễn Quang Toản vào tuyệt lộ.

Nhằm thực hiện công việc một ná bắn hai chim, triều Nguyễn dùng ngay hào quang chống xâm lăng của Tây Sơn [nay đã bị diệt] để truất đi cái mệnh trời của Lê triều đã kéo dài gần 400 năm. Không thể tru di tông thất nhà Lê giống như nhà Trần với nhà Lý, nhà Hồ với nhà Trần, tân triều nhấn mạnh vào sự bạc nhược vô dụng [và phản quốc] của ông vua đã thất thế. Song song với việc tiễu trừ dư đảng Tây Sơn, những cuộc truy quét quy mô để xóa bỏ những giấy tờ, tài liệu, ấn tín... liên quan đến cựu triều cũng được nhà Nguyễn tiến hành qua nhiều đợt khác nhau.

Cảm thấy sự thờ ơ của triều đình đối với miền Bắc - mà người ngoại quốc cũng nhận ra rằng nhà Nguyễn coi như một thuộc địa - và e rằng nhiều sự thật rồi đây cũng sẽ mai một không bao giờ được biết tới, một số sĩ phu Bắc Hà tự làm công việc sưu tầm, ghi chép những gì xảy ra vài chục năm trước, trong đó có hai tác phẩm với nhiều tài

---

1. Hoàng Xuân Hãn, "Phe chống đảng Tây Sơn ở Bắc với tập *Lữ trung ngâm*", Tập san *Sử Địa*, số 21, 1-3/1971, Sài Gòn, tr. 15.

liệu giá trị còn tồn tại được đến ngày nay là *Lịch triều tạp kỷ* (Ngô Cao Lãng)[1] và *Quốc sử di biên* (Phan Thúc Trực)[2].

Tuy nhiên, những tác phẩm đó cũng chỉ được giới nghiên cứu coi như tài liệu bổ di, không được dùng để thay thế các bộ sử do Sử quán triều đình biên soạn. Để trả lại công bằng, thiết tưởng chúng ta cũng cần phải cải chính một số chi tiết và đánh giá lại một số nhân vật mà tiểu sử, hành vi vốn đã trở thành kinh điển vì rập theo hai bộ sử cơ bản do triều đình [thời Nguyễn] soạn ra là *Đại Nam chính biên liệt truyện* hay *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* [chi tiết trong hai bộ sử này khi được soạn thảo nửa cuối thế kỷ XIX, có lẽ cũng chỉ rút ra từ một số ký sự lưu truyền thời bấy giờ như *Hoàng Lê nhất thống chí* (Ngô gia văn phái), *Lê quý kỷ sự* (Nguyễn Thu), *Lê quý dật sử* (khuyết danh)...]

Tại sao cần đánh giá lại vua Chiêu Thống?

Tháng 12 năm 1924, trên tạp chí *Nam Phong* số 90, phần Hán văn có khởi đầu một biên khảo đăng 5 kỳ (chấm dứt ở *Nam Phong* số 95, 1925) nhan đề *Tang thương lệ sử* (桑滄淚史) do Hàm Giang Đinh Lệnh Uy (邯江丁令威) biên soạn, Sở Cuồng [Lê Dư] viết tựa. Đây là một tập

---

1. Ngô Cao Lãng [hoặc Lê Cao Lãng], tự Lệnh Phủ, hiệu Viên Trai, quê ở Thanh Hóa, đỗ Hương cống năm Đinh Mão [1807] làm đến Tri phủ. *Lịch triều tạp kỷ* một bộ sáu quyển, nay chỉ còn I, II, III, IV và VI [thiếu quyển V]. Những quyển này đã được Hoa Bằng và Hoàng Văn Lâu dịch (Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995).

2. Phan Thúc Trực (1808-1852) hiệu Dưỡng Hạo, người Nghệ An đỗ Thám hoa năm Thiệu Trị thứ 7 [1847], làm quan trong Nội Các rồi sang Tập Hiền viện thị giảng, sung Kinh Diên khởi cư chú [ghi chép những việc thường ngày của vua]. *Quốc sử di biên* gồm ba tập: Thượng, Trung, Hạ chép ba đời vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị. Hiện nay có hai bản dịch đã ấn hành: Hồng Liên Lê Xuân Giáo dịch [mới chỉ có quyển Thượng, các quyển sau chưa in], Phủ Quốc vụ khanh Đặc trách Văn hóa, Sài Gòn, 1973; Đỗ Mộng Khương dịch, Viện Sử học, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2009.

tài liệu khá đầy đủ viết về cuộc đời và thân phận lưu vong của vua Chiêu Thống mặc dù chủ yếu vẫn dựa theo tài liệu triều Nguyễn và *Hoàng Lê nhất thống chí*.

Hai mươi năm sau, một tác phẩm khác bằng quốc ngữ nhan đề *Bánh xe khứ quốc* do Phan Trần Chúc soạn, được nhà xuất bản *Đời Mới* ấn hành ở Hà Nội[1]. Tuy chưa phải là những tài liệu biên khảo quy mô, hai tác phẩm này cũng nói lên phần nào cảnh ngộ bi phẫn của một ông vua vong quốc mà hoàn cảnh trớ trêu đã trở thành miệng tiếng của người sau.

Lê Duy Kỳ sinh ra và lớn lên phải chịu những lưỡi gươm treo lơ lửng trên đầu trong nhiều năm. Ông không phải là một hoàng tôn sống trong nhung lụa mà là một trẻ mồ côi đầy bất hạnh, sống chết trong tay người, có thể táng mạng vì một lý do thật nhỏ nhặt. Ông chìm vào quên lãng và chỉ được lôi ra từ nhà ngục vì một duyên may khi kẻ thù của gia đình ông [họ Trịnh] đang tan rã nên các phe phái tranh giành cần một biểu tượng cho hoàng gia. Thành thử khi nắm quyền nếu quả ông có một chút khắc bạc hơn bình thường cũng không phải là điều đáng ngạc nhiên. Đó là lý do sâu xa khi ông ra lệnh đốt và phá hủy một số cung điện của chúa Trịnh mà Hoa Bằng cho rằng "*nhỏ nhen hẹp hòi*"[2] hay mối căm tức ngấm

---

1. *Bánh xe khứ quốc*, Nxb. Đời Mới, Hà Nội, 1945; Nxb. Chính Ký, Sài Gòn, 1952; và được tái bản dưới tựa đề *Cuộc đời trôi nổi và đau thương của vua Lê Chiêu Thống*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2000.

2. "Lời người dịch" của Hoa Bằng trong *Lịch triều tạp kỷ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr. 13. Thực ra, việc vua Chiêu Thống cho phá hủy cung điện của họ Trịnh là để dứt khoát không cho một quyền thần nào khác có cơ hội dựng lại phủ Chúa [mặc dù sau đó lại bị một số lãnh chúa mới ép ông phải tái lập họ Trịnh]. Tuy nhiên, vì thói quen trong nhiều trăm năm, người nào nắm đại quyền đều muốn biến mình thành một thứ chúa mới, dù là Nguyễn Huệ, Nguyễn Hữu Chỉnh hay Đinh Tích Nhưỡng... Đó cũng là một trong những lý do khiến nhiều người đã chạy theo Tây Sơn rất sớm mà không một chút mặc cảm là phản bội nhà Lê.

ngầm khi thấy anh em Tây Sơn cũng lại đi vào con đường lấn lướt của một thứ chúa mới.[1]

Trong suốt cuộc đời 28 năm, Lê Duy Kỳ hầu như chỉ được làm vua trên danh nghĩa, luôn luôn bị những thế lực khác cầm quyền thay. Mà thời gian ông còn được gọi là vua ấy cũng rất ngắn, bao gồm ba giai đoạn:

Giai đoạn I: (21 tuổi) Từ khi lên ngôi tháng Bảy năm Bính Ngọ [1786] đến lúc xuất bôn tháng Chạp năm Đinh Mùi [1787] tính ra khoảng *16 tháng* trong một thời kỳ rối mù[2], loạn lạc khắp nơi.

Giai đoạn II: (22 tuổi) Từ tháng Chạp năm Đinh Mùi [1787] đến tháng Một năm Mậu Thân [1788], trong khoảng *1 năm* ông bôn ba chạy từ nơi này sang nơi khác qua lại không dưới mười chỗ ở khác nhau, nhiều lần thoát chết trong đường tơ kẽ tóc. Tuy danh nghĩa là vua nhưng nhiều kẻ lại coi ông như một món hàng, để lợi dụng cũng như để buôn bán.

Giai đoạn III: (23 tuổi) Từ cuối tháng Một năm Mậu Thân [1788] đến đầu tháng Giêng năm Kỷ Dậu [1789], khoảng chừng *1 tháng* trong vai bù nhìn, dưới quyền bảo hộ của quân Thanh.

Khi Tôn Sĩ Nghị bại trận, ông chạy theo sang Trung Hoa, chấm dứt sự nghiệp làm vua để sống nhờ nơi đất khách từ tháng Giêng năm Kỷ Dậu [1789] đến tháng Mười năm Quý Sửu [1793] khi ông qua đời (từ

---

1. Khi vua Lê Hiển Tông sắp mất có trối lại là: "*Sau khi ta nhắm mắt rồi, truyền nối là việc trọng đại, cháu* [Lê Duy Kỳ] *nên nhất nhất bẩm báo để Nguyễn Văn Huệ biết...*" Thế nhưng khi vua Hiển Tông qua đời, Lê Duy Kỳ tự phát tang rồi nối ngôi sau mới báo cho Nguyễn Huệ biết. Ông còn nói: "*Lên ngôi ngay ở trước linh cữu là theo lễ đấy*". Xem Ngô Cao Lãng, *Lịch triều tạp kỷ*, quyển IV, Hoa Bằng và Hoàng Văn Lâu dịch, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr. 581; Nguyễn Thu, *Lê quý kỷ sự*, Hoa Bằng dịch, Văn Tân hiệu đính, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1974, tr. 41. Thực ra, việc này không có gì sai trái vì Nguyễn Huệ là người ngoài, không thể can thiệp vào những việc của triều đình miền Bắc.

2 Trong sách này, tháng Âm lịch, chúng tôi dùng Giêng, Hai, Ba, Tư, Năm ...Một, Chạp. Nếu tháng Dương lịch, chúng tôi dùng 1, 2, 3, ...11, 12. (NDC)

năm 23-27 tuổi). Những năm làm vua đã khốn khổ, đến lúc xuất bôn - dù ở trong nước hay ở ngoài nước - thì cũng chỉ toàn những cảnh ngộ éo le, đầy nước mắt.

Đánh giá kỹ, cuộc đời ông chỉ được một thời gian ngắn gọi là yên ổn, từ tháng Giêng năm Cảnh Hưng thứ 44 [Quý Mão, 1783] khi được thả ra khỏi ngục sống bên cạnh ông nội là vua Hiển Tông trong vai Hoàng thái tôn để chuẩn bị nối ngôi thay người cha bất hạnh là Thái tử Duy Vĩ - dù ngôi vua của nhà Lê chỉ là hư vị và luôn luôn bị đe dọa bởi phủ Chúa - đến khi quân Tây Sơn ra Bắc diệt họ Trịnh năm Bính Ngọ [1786]. Tất cả chừng 2 năm rưỡi, ông được sống tương đối yên lành. Có lẽ, đây là khoảng thời gian duy nhất ông được học hành, dạy bảo lễ nghi để chuẩn bị đóng giữ vai quốc trưởng. Số thơ văn ít ỏi ông để lại và hành trạng làm vua cho thấy tư chất ông không đến nỗi tầm thường.

Cũng trong thời gian này, ông lập gia thất với bà Nguyễn Thị Kim, hơn ông một tuổi, dường như là cháu họ của mẹ ông - người vẫn bị sử sách gọi là Thái hậu với nhiều ác ý. Hai người vừa có được con trai đầu lòng [đặt tên Lê Duy Thuyên] thì một lần nữa kinh đô bị xâm phạm nên tan tác chồng một nơi, vợ một nẻo.

Những đề cập về Lê Duy Kỳ trong sách vở đều cho rằng ông hèn yếu, kém khả năng, tưởng như khi làm vua ông vẫn được hành động hoàn toàn tự do theo chủ kiến và ý thích riêng của mình. Thực tế cho thấy mỗi quyết định, mỗi biến chuyển đều có những nguyên nhân rất xa không dễ dàng phát hiện. Cuộc đời vua Chiêu Thống - cũng như chiếc ngai vàng của nhà Lê những năm sau cùng - chỉ là một chiếc lá giữa dòng, mặc cho nước cuốn tới đâu thì cuốn, không thể nào cưỡng lại được.

Để nhận định về vua Chiêu Thống cho được công bằng, chúng ta cần nhìn lại con người trong thời buổi mà ông sống, không thể chỉ dựa vào yêu ghét qua "*tin đồn*". Ông chỉ là một con chim trong lồng, một bóng mờ chính trị, một người bị rơi vào giữa một đám đông xô đẩy, mọi vấn đề đều do những sắp xếp ngoài tầm tay. Ngay cả những chi tiết mà người tôn phù nhà Lê thuật lại lắm khi cũng chỉ là "*ảo giác chính trị*" khi thất thế.

I. ĐÀNG NGOÀI CUỐI THẾ KỶ XVIII

Từ khi Đại Việt bị chia ra thành hai phần - Đàng Ngoài và Đàng Trong - tuy trên danh nghĩa cùng thần phục nhà Lê nhưng miền Bắc thì chúa Trịnh nắm giữ quyền hành, miền Nam chúa Nguyễn làm chủ. Vì vị trí khuất nẻo nên miền Bắc khó thông thương với bên ngoài, thuyền buôn ngoại quốc phần lớn chỉ ghé các bến đỗ ở Đàng Trong, tuy các nhà truyền giáo vẫn tiếp tục ra vào Đàng Ngoài để thi hành các sứ mạng của họ. Hoàn cảnh địa lý đã chi phối rất lớn đến tình hình Đại Việt và các biến cố trọng đại ít nhiều bị ảnh hưởng.[1]

Việc thiếu thông thương đó đưa đến hậu quả là tin tức về miền Bắc cũng trở nên hiếm hoi hơn, ít được người ngoại quốc đề cập đến so với tài liệu về Đàng Trong. Từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII, các cuộc nội chiến giữa Lê-Trịnh với Mạc, hay Trịnh với Nguyễn xảy ra liên tục nên các thương gia cũng không mấy ai muốn mạo hiểm để vào buôn bán. Người Anh và người Hòa Lan thiết lập cơ xưởng sản xuất cũng chỉ tồn tại một thời gian rồi phải đóng cửa.

Chính sách về ngoại thương là độc quyền của triều đình, mua hay bán sản phẩm đều bị kiểm soát nghiêm nhặt. Người Hòa Lan từ Macao sang miền Bắc chỉ đặc biệt chú trọng đến tơ lụa cốt để đem sang Nhật Bản bán lấy lời và thương vụ chủ yếu của người Nhật đến Đông Nam Á cũng là tơ lụa chưa chế biến (*raw silk*).[2]

Tuy ít được người nước ngoài biết đến, Thăng Long - thường được gọi dưới tên Đông Kinh hay Kẻ Chợ - ở thế kỷ XVII là một thị trấn lớn so với những thành phố khác ở Á châu. Nhiều giáo sĩ đến Đại Việt thời đó cho biết kinh đô Thăng Long có đến hơn 20.000 nóc gia, tính ra dân số khoảng 100.000 người. Con số này có lẽ được phóng đại vì nhu

---

1. Đáng để ý là những bản đồ cũ của người Tây phương vẽ về Việt Nam, vịnh Bắc Bộ thường là một tam giác đến tận gần Thăng Long. Dường như chỉ vài thế kỷ trước, khu vực duyên hải còn là biển vào sâu trong đất liền.

2. Alastair Lamb, *The Mandarin Road to Old Hué: Narratives of Anglo-Vietnamese Diplomacy from the 17th Century to the Eve of the French Conquest*, Shoe String Pr Inc, 1970, p. 20.

cầu truyền giáo hơn là thực tế. Theo Baron trong *A Description of the Kingdom of Tonqueen* viết cuối thế kỷ XVII thì cung điện vua Lê có tường gạch bao quanh còn dinh chúa Trịnh thì làm bằng gỗ.[1]

Về sau, ngôi vua của nhà Lê chỉ còn là hư vị nên cung điện hư nát nhiều mà không có tiền tu sửa. Sau những năm chiến tranh, đến cuối thế kỷ XVIII thì Thăng Long gần như hoang phế, mùa màng thất bát, đói kém xảy ra ở khắp nơi, không còn là nơi đô hội như trước nữa. Năm Mậu Tuất [1778], thóc lúa dân tích trữ không còn gì, giá gạo cao vọt, chỗ nào cũng có người chết đói.[2]

Khi quân Tam Phủ nổi loạn, nhiều dinh thự đền đài bị đốt phá nên kinh thành lại càng xơ xác. Nguyễn Huệ cũng ra lệnh phá hủy nhiều công trình kiến trúc để lấy vật liệu về xây kinh đô mới ở Nghệ An. Khi quân Tây Sơn rút ra khỏi kinh thành, các thổ hào từ mạn ngược vào chiếm Thăng Long, cũng đốt phá sạch trước khi bỏ đi.

1.1. Gia vong

1.1.1. Sự lộng quyền của họ Trịnh

Năm Giáp Thìn [1664], Tây vương Trịnh Tạc yêu cầu vua Lê Huyền Tông (mới có 10 tuổi) ban cho mình điển lễ đặc biệt "*vào chầu vua không phải lạy, tờ chương tấu không phải xưng tên, khi lâm triều ngồi bên tả chỗ ngồi của vua*" mà sử thần đã phê là đến như "*Đổng Trác, Tào Tháo nhà Hán, Lưu Dụ nhà Tấn chưa từng làm mà Tạc dám làm*"[3]. Năm Mậu Thân

---

1. Samuel Baron, "*A Description of the Kingdom of Tonqueen*" [vol 6 trong bộ *A Collection of Voyages and Travels* (6 vols.)], Churchill, London 1746, trích lại theo Alastair Lamb, sđd, tr. 32. Tôn Sĩ Nghị khi vào thành Thăng Long miêu tả cung điện vua Lê không lấy gì làm khang trang, chỉ là những căn nhà gỗ lợp ngói.

2. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển XLV, tr. 3, tập II, Viện Sử học dịch, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr. 735, chép: tháng Tư năm Đinh Dậu [1777] thời Trịnh Sâm "[...] luôn mấy năm, trấn Nghệ An mất mùa đói kém, thây chết đói nối liền với nhau."

3. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển XXXIII, tr. 9, tập II, sđd, tr. 305.

(1668), Trịnh Tạc lại nhân chiến công đánh họ Mạc tự gia phong là Đại Nguyên soái Thượng Sư Thái phụ Tây vương. Dân gian, vì thế, gọi các chúa là Thượng Sư [kể cả chúa Nguyễn ở Nam Hà cũng bắt chước] nên người ngoại quốc thường nhắc đến dưới cái tên "Ong Chiang Su" [Ông Thượng Sư].

Vua Lê được hưởng thực ấp một nghìn xã, còn chúa Trịnh chủ động mọi việc hành chính quân sự, kể cả phế vua nọ lập vua kia để dễ bề thao túng. Trịnh Tạc lại phong cho con là Trịnh Căn làm Nguyên soái, văn thư phủ chúa ban ra tiếm xưng *"lệnh dụ"*. Đến đời các chúa Trịnh Cương (Nhân vương), Trịnh Giang (Thuận vương) lại càng quá quắt. Trịnh Giang là người *"ngu tối, ươn hèn"*[1], tự phong làm Nguyên soái, Thống quốc chính, Uy Nam vương, vu cho vua Vĩnh Khánh (Lê Duy Phường) tội thông gian với vợ Trịnh Cương để phế đi, lập Lê Duy Tường lên ngôi, niên hiệu Long Đức.

Năm Kỷ Mùi [1739], Trịnh Giang giả thác là sứ thần nhà Thanh phong cho làm An Nam Thượng vương, có ý muốn cướp ngôi nhà Lê. Năm sau, Trịnh Doanh (Ân vương) lên ngôi vương, tôn Trịnh Giang làm Thái Thượng vương. Từ đó trở về sau, vua Lê hầu như không còn quyền hành gì nữa. Để che đậy cảm xúc, vua Hiển Tông phải tiêu khiển hưởng nhàn nên ông làm vua rất bền (47 năm), qua mấy đời chúa Trịnh. Lê Hiển Tông chính là ông nội của Lê Duy Kỳ, người sau này lên ngôi niên hiệu Chiêu Thống.

Phạm Đình Hổ thuật lại trong *Vũ trung tùy bút* như sau:

Bùi công Huy Bích (裴輝璧) có nói rằng: Họ Trịnh từ đời Nhân vương (Trịnh Cương) trở về trước, còn giữ thần lễ [lễ bầy tôi với vua]. *Các quan liêu thuộc trong phủ chúa Trịnh, mới đặt có Hộ phiên, Binh phiên, Thủy sư phiên và Lịnh sử phiên mà thôi, trong triều vua Lê lục bộ còn chửa đến nỗi thất chức.*

Trăm quan vào tâu việc đối với chúa Trịnh thì xưng mình là "ngu". Chúa Trịnh có ra phủ đường coi chính sự, thì bách quan đội mũ bình đính, mặc áo thanh cát vào tham bái đứng hầu. Quan đại thần ở phủ bộ vào bái yết xong thì lên chỗ ngồi, đó là theo cái lễ vào tham yết ở chốn tướng phủ. Khi nào nhà chúa

1. Theo mật khải của Nguyễn Công Hãng, là thầy dạy của Trịnh Giang.

khai các ra tiếp kiến tân khách, thì bách quan đội khăn lương, khăn yến vĩ, mặc áo thanh cát, vào bái yết xong rồi thì cứ theo thứ tự mà ngồi, khoản tiếp phù trà[1] *tử tế, đó là theo cái lễ tướng phủ ra tiếp khách.*

Khi ấy nhà chúa có vào chầu vua Lê, theo lệ tuy đã miễn bái, nhưng khi chúa Trịnh nào mới được thụ sắc phong ra thân chính thì cũng phải thân hành vào triều bái vua Lê. Đời vua Lê Hi Tôn lên thượng thọ tám mươi, chúa Trịnh Nhân vương cũng mặc áo triều phục vào đứng ở bên hữu long trì, thân ra dóng dả trăm quan vào lạy mừng. Vua Lê sai giải chiếu thất trùng ở nơi bái vị của chúa Trịnh để tiêu biểu ra cho khác.

Đến khi Trịnh Thuận vương [*Trịnh Cường*] (*sic*) [tức Trịnh Giang] *nối ngôi, mới đặt ra Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công sáu phiên, cướp mất cả quyền quan Lục bộ, lấy chức Chưởng thự tham bồi làm quan chính phủ đại thần, từ bấy giờ chốn triều đường vua Lê chỉ là hư thiết mà thôi. Các quan vào tâu chúa Trịnh thì đổi chữ "ngu" xưng là "thần". Chúa Trịnh ra thân chính ở phủ đường thì gọi là "thị triều (視朝)", khi nào ra tiếp khách ở ngoài các thì gọi là "khách triều (客朝)". Quan đại thần ở chốn phủ bộ phải đợi chỉ nhà chúa cho ngồi mới được ngồi, thì gọi là "tọa đường (坐堂)". Còn cái lễ nhà chúa vào triều bái trong nội điện vua Lê thì bỏ đi không hỏi đến nữa.*

Nhà chúa có truyền chỉ ra thì trước kia vẫn gọi là lịnh chỉ, sau này quyền chính đều về nhà chúa, đệ niên cứ đầu xuân ngày khai tỉ ấn thời yết tờ lịnh chỉ mới ra ngoài phủ đường hoặc ngoài cửa các. Các quan võ giai xuất thân và chức câu kê trong sáu cung đều phải có lịnh chỉ ban cho cả, còn các việc khác mà do nhà chúa truyền ra thì xưng là chỉ truyền hay là chỉ dụ, hoặc xưng là ngự là thánh cũng không khác gì như trong nội điện vua Lê vậy.[2]

1.1.2. Thái tử bị hại

Khâm định Việt sử thông giám cương mục chép:

Tháng 3 [năm Kỷ Sửu, 1769]. *Sâm (chúa Tĩnh Đô vương Trịnh Sâm) truất ngôi Hoàng thái tử Duy Vĩ, rồi bắt giam vào ngục.*

---

1. Trà và trầu.

2. Phạm Đình Hổ, *Vũ trung tùy bút*, "Thần lễ", Đông Châu dịch, *Nam Phong tạp chí*, số 128, Avril, 1928, tr. 391.

Thái tử lúc còn nhỏ, thông minh, nhanh nhẹn, xem rộng sách Kinh, sách Sử, đối với sĩ phu rất có lễ độ; thần dân không ai là không mến yêu thái độ, dung nghi. Trịnh Doanh rất trọng tài của Thái tử, nên đem con gái trưởng là Tiên Dung Quận chúa gả cho[1]*. Thái tử vẫn bực tức về nỗi nhà Lê mất quyền bính, khảng khái có chí thu nắm lấy quyền cương. Trịnh Sâm lúc lớn lên làm Thế tử, đối với Thái tử, hắn vẫn ghen ghét về địa vị, tài năng. Một hôm, Thái tử và Sâm cùng ở phủ đường được chúa Trịnh ban cho ăn cơm và bảo cùng ngồi một mâm, lúc ấy vợ Trịnh Doanh là Nguyễn thị ngăn đi và nói: "Thế tử và Thái tử có danh phận vua tôi, lẽ nào được ngồi cùng mâm? Nên phân biệt ngồi làm hai chiếu". Sâm đổi nét mặt, bước ra về, nói với người ngoài rằng: "Ta với Duy Vĩ hai người, phải một chết một sống, quyết không song song cùng đứng với nhau được".*

Kịp khi Sâm nối ngôi, bàn vụng với hoạn quan Hoàng Ngũ Phúc và Phạm Huy Đĩnh định mưu truất Thái tử, nhưng không có lẽ gì buộc tội, bèn vu cho Thái tử tư thông với người phủ thiếp của Trịnh Doanh, rồi đem tội trạng ấy tâu bày với Nhà vua bắt Thái tử giam vào ngục.

Trước đây, trong giếng Tam Sơn ở sau cung điện, bỗng nhiên có tiếng như sấm, Thái tử e rằng tất xảy ra tai nạn, nói để Nhà vua biết; Nhà vua thường cầu đảo cho Thái tử được thoát nạn. Đến nay, Thái tử biết tin tai nạn phát sinh, vào ở tẩm điện của Nhà vua. Huy Đĩnh trước hết vào tìm khắp trong Đông cung, nhưng không thấy, bèn vào thẳng điện đình kể tội trạng Thái tử và nói với Nhà vua rằng: "Tôi nghe biết Thái tử ẩn nấp trong tẩm điện của bệ hạ, xin bắt giao cho tôi". Nhà vua ôm mãi lấy Thái tử, không nỡ ly biệt. Huy Đĩnh cứ quỳ mãi ở dưới sân. Thái tử tự nghĩ không thể nào thoát nạn được, vừa khóc vừa lạy trước mặt Nhà vua, rồi rảo chân bước ra chịu trói. Khi đưa về phủ chúa Trịnh, Huy Đĩnh bắt Thái tử trút mũ ra để nhận tội, Thái tử không chịu, nói: "Bỏ vua này, lập vua khác, bạo nghịch giết vua, là việc làm đã quen của nhà bay, chứ ta có tội gì đâu? Việc này đã có sử

---

1. Tiên Dung Quận chúa Trịnh thị mất sớm, các con của Thái tử Vĩ sau này là của người vợ họ Nguyễn [khai với nhà Thanh là Ngọc Tố], khi Lê Duy Kỳ lên ngôi tấn phong mẹ làm Thái hậu. Nếu như vậy, đúng ra, Duy Vĩ là anh rể của Trịnh Sâm.

xanh chép để ngàn đời!" Trịnh Sâm giả thác mệnh lệnh của Nhà vua, truất Thái tử làm thứ nhân, rồi giam vào ngục.[1]

Thái tử Lê Duy Vĩ là con trưởng vua Hiển Tông, có ba người con trai (theo lời khai của các bầy tôi nhà Lê khi chạy sang Quảng Tây thì họ không cùng mẹ nhưng rất thương yêu nhau)[2]. Người lớn nhất là Lê Duy Kỳ (sau lên ngôi niên hiệu Chiêu Thống), người kế tiếp là Lê Duy Lứu [hay Trứu] (Điền quận công)[3], sau nữa là Lê Duy Chỉ (Lạn quận công)[4].

Khi Duy Vĩ bị tội oan, các con đều còn nhỏ. Theo *Hoàng Lê nhất thống chí* thì vợ Thái tử là Nguyễn thị đem con chạy trốn nhưng bị chúa Trịnh bắt lại đem giam vào ngục. Vụ án không ngừng lại ở việc truất ngôi Thái tử của Lê Duy Vĩ. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* quyển XLIII, trang 36-37 chép:

[...] *Tháng 12* [năm Canh Dần, 1770]. *Sâm giết Thái tử cũ là Duy Vĩ và Điện tiền hiệu điểm Nguyễn Lệ.*[5]

Sau khi Thái tử đã bị giam, Sâm muốn giết đi, nhưng chưa tìm được chỗ sơ hở. Đến nay, Hoàng Ngũ Phúc và Phạm Huy Đĩnh nhờ người khác tố cáo vu ra rằng "bọn Trần Trọng Lâm và Nguyễn Hữu Kỳ cùng với bọn gia khách của Thái tử là cống sĩ Vũ Bá Xưởng và tự thừa Lương Giản định mưu dấy

---

1. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển XLIII, tr. 23-24, tập II, sđd, tr. 686-687.

2. *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển II, Nguyễn Duy Chính dịch, tr. 6.

3. 珊郡公黎維袖. Chữ Điền bộ ngọc (玉), chữ Lạn cũng bộ ngọc, chữ Lứu [袖] bộ kỳ (衤), có sách dịch là Trứu. Chữ Lứu một bên bộ kỳ (衤), một bên chữ do (由), các sách nhà Thanh như *Thánh Vũ ký, Thanh đại thông sử, Khâm định An Nam kỷ lược* chép nhầm thành Tụ (袖) (bộ y nghĩa là tay áo rất giống với bộ kỳ). Theo Giáo sư Hoàng Xuân Hãn, chữ này phải đọc là Lứu. Những chữ này không thấy trong từ điển Hán Việt nhưng có trong từ điển tiếng Nôm. Theo ý của người viết, hoàng tộc nhà Lê đều lấy bộ kỳ nhưng chỉ để phân biệt với thứ dân chứ không dùng để đọc. Do đó có lẽ tên của Điền quận công là Do (由) chứ không phải Trứu hay Lứu.

4. 瓓郡公黎維祗.

5. Người Thái Bình.

quân, để cướp lấy Thái tử ra khỏi ngục". Rồi Huy Đĩnh đem việc ấy nói cho Sâm biết. Sâm hạ lệnh bắt đem trị tội. Lương Giản trốn. Bá Xưởng bị bắt, tra tấn nghiêm ngặt, lời cung của Bá Xưởng liên can cả đến Nguyễn Lệ. Lệ nói: "Thái tử là người sẽ nối ngôi vua sau này của một nước, nay không có tội gì mà bị giam cầm nhục nhã, thì định mưu cướp lấy Thái tử đem ra là một việc nghĩa, nhưng thực tình tôi không được dự biết việc ấy. Nay nếu bức bách về sự khảo đả mà thú phục xằng, thì không phải là người có dũng khí, việc không mà nói có, thì không phải là người có nghĩa. Vả lại việc này bảo là Lệ này tự định mưu, họa chăng còn có lý, chứ Thái tử ở trong nhà giam, đến vợ con cũng không được ra vào, thì Lệ này từ đâu để yết kiến Thái tử mà cùng nhau mưu tính được? Bây giờ chỉ có việc chết mà thôi, chứ Lệ này chả biết nói gì cả!" Nguyễn Lệ bị khảo đả, nát hết da thịt mà vẫn không thay đổi lời khai. Huy Đĩnh tự dựng thành bản án dâng lên. Sâm sai Huy Đĩnh thắt cổ giết Thái tử, lại giết cả bọn Nguyễn Lệ và Bá Xưởng nữa. Sau hạ lệnh thu lấy sắc mệnh của Trần thị là Hoàng hậu đã mất và là mẹ đẻ của Thái tử; các con Thái tử là Khiêm, Trù và Chi đều bắt đem giam cấm ở ngục Đề Lãnh.[1]

Ba đứa trẻ và mẹ bị giam trong ngục tới năm Nhâm Dần [1782], quân Tam Phủ đứng lên truất phế Trịnh Cán để lập Trịnh Khải, đầu năm Quý Mão [1783] mới được thả ra. Theo tuổi, khi bị giam thì Lê Duy Kỳ mới lên năm, hai người em chắc phải nhỏ hơn. Khi ra khỏi nhà lao, ông đã 16 tuổi, tính ra mẹ con ông bị cầm tù 11 năm. Tuy nhiên, theo lẽ thường thì ngay từ khi cha bị bắt [Kỷ Sửu, 1769], cuộc đời của những đứa trẻ này đã đi vào một ngõ cụt và chắc chắn cũng không vui sướng gì, tiếng là 11 năm nhưng đại hạn đã đến từ năm Kỷ Sửu [1769], tính ra hơn một giáp (1769-1783). Ba anh em tuy là con của Thái tử, cháu nội vua Lê nhưng những ngày thơ ấu thật không bằng trẻ con nhà dân dã. Sử không chép rõ gia đình ông được ở chung với nhau trong ngục hay bị nhốt riêng nhưng suốt thời gian đó, ắt hẳn, không được học hành gì cả.

---

1. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển XLIII, tr. 3, tập II, sđd, tr. 699-700.

Theo *Càn Long triều, Thượng dụ đáng*, quyển XVI, ngoài hai người em trai, Lê Duy Kỳ còn ba cô em gái mà khi ông lưu lạc sang Trung Quốc thì còn lẩn trốn ở trong nước. Theo chỉ thị của vua Càn Long, Nguyễn Quang Bình đã tìm được một trong những người em gái đó đưa sang Bắc Kinh để đoàn tụ với mẹ và anh. Việc tìm và đưa sang Trung Hoa thân quyến của vua Chiêu Thống được ghi chép khá đầy đủ trong *Dụ Am văn tập*[1] của Phan Huy Ích.[2]

Trong khi anh em Lê Duy Kỳ bị giam trong ngục, chúa Trịnh không chỉ lấn lướt vua Lê mà còn có ý định cướp ngôi. Theo *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển XLV trang 7, tháng Chạp năm Đinh Dậu, Cảnh Hưng thứ 38 (1777), nhân kỳ tuế cống, Trịnh Sâm sai Tả thị lang Vũ Trần Thiệu cầm đầu sứ bộ sang nhà Thanh. Sâm làm tờ mật biểu dặn họ Vũ tâu lên vua Càn Long rằng *"nhà Lê không có người con cháu nào hiền tài"*, đồng thời cho người đút lót để xin phong tước cho mình. Khi đi đến hồ Động Đình, Trần Thiệu giả vờ có bệnh, đang đêm đem tờ biểu đốt đi rồi uống thuốc độc tự tử.[3]

Chúa Trịnh cũng âm mưu sang đoạt, đem chiếc ấn *An Nam Quốc vương* của nhà Thanh ban cho họ Lê giấu đi nên khi lên ngôi, Lê Duy Kỳ phải dâng biểu gửi Tổng đốc Lưỡng Quảng để nhờ xin lại chiếc ấn khác [để gửi văn thư cầu phong] nhưng việc chưa xong thì hoàng tộc

---

1. Số hiệu A.604/2 [quyển III] của Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

2. Chi tiết duy nhất về thân quyến của vua Lê ở Trung Hoa theo tờ bẩm của Lê Quýnh viết gửi vua Thanh khi nghe tin Nguyễn Ánh đã chiến thắng nhà Tây Sơn để xin về nước năm Quý Hợi [1803] có câu "蓋囧等四人帶罪以來，故主既亡，狐丘望斷，而所遺一女，付托無人" (cái Quýnh đẳng tứ nhân đái tội dĩ lai, cố chủ ký vong, hồ khâu vọng đoạn, nhi sở di nhất nữ, phó thác vô nhân: (*Bắc hành tùng ký*) *Bọn Lê Quýnh bốn người từ khi mang tội đến nay thì chủ cũ đã mất, mong cáo về gò đứt rồi, chỉ còn lại một đứa con gái, không người phó thác...*). Sau khi vương tử Lê Duy Thuyên qua đời, vua Chiêu Thống có nạp hai người thiếp [có lẽ để có người nối dõi] và sau sinh được một cô con gái, trở về cùng với cả nhóm khi đưa hài cốt về Việt Nam.

3. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển XLV, tr. 7, tập II, sđd, tr. 739.

đã phải xuất bôn.[1] Trong một hoàn cảnh mà chúa Trịnh chỉ muốn tông tộc nhà Lê bớt người nào hay người ấy, không nói gì đến con cháu vua Hiển Tông đang bị giam cầm, ngay cả tôn thất đang ở kinh thành cũng thấy tính mạng như treo trên sợi tóc.

Cuộc đời ba anh em Lê Duy Kỳ chỉ được tạm yên trong ba năm (1783-1786) khi phủ chúa bận tranh chấp quyền hành và đối phó với quân Tam Phủ, tạm quên gia đình vua Lê. Từ đầu năm 1783 đến giữa năm 1786 có lẽ là quãng thời gian thoải mái nhất trong suốt 27 năm Lê Duy Kỳ tại thế; tuy vậy không phải là không có những lúc sống chết trong đường tơ kẽ tóc, nguy hiểm không phải đâu xa mà chính ngay từ người trong nhà.

Khi Lê Duy Kỳ được tha ra, miền Bắc vẫn còn có cả vua lẫn chúa. Đương kim hoàng đế Lê Hiển Tông là ông nội của ông, còn chúa Trịnh khi đó là Đoan Nam vương Trịnh Khải. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển XLVI trang 1 chép:

[...] *Trước đây, Duy Cận (con thứ tư vua Hiển Tông) được lập làm Hoàng thái tử, chính là do Trịnh Thái phi Nguyễn thị tán thành. Đến nay thấy Thái tôn (tức Lê Duy Kỳ) trở về, Nguyễn thị sợ Duy Cận mất ngôi Thái tử, bèn sai hoạn quan là Liêm Tăng (sót họ) đến bắt ép Thái tôn sang chầu, để toan bí mật giết đi. Thái tôn từ chối không được, sa nước mắt khóc mà ra đi; khi đi đường bị quân tuần sát ngăn lại. Vì thế, các quân lính dức lác ầm ĩ, yêu cầu tra cứu cho ra người lập mưu làm hại Thái tôn, họ lùng kiếm Liêm Tăng không được, ngờ là Duy Cận chủ mưu. Lúc ấy, Duy Cận đương chầu Trịnh Thái phi, nghi trượng để ngoài cửa phủ đường, quân sĩ liền đập phá tan nát. Duy Cận sợ, phải thay đổi quần áo đi lẻn về cung.*

Trịnh Khải biết việc này là do Thái phi gây ra, nhân dụ dỗ quân sĩ chớ làm huyên náo, rồi lập tức hạ lệnh cho bầy tôi trong triều xin Nhà vua lập Duy Khiêm (tức Lê Duy Kỳ) làm Hoàng thái tôn. Lúc ấy, Duy Khiêm 18 tuổi. Lại

---

1. Khi Tôn Sĩ Nghị trình lên việc Lê Duy Kỳ xin ấn mới, vua Càn Long trả lời rằng xin ấn mới xong sẽ lại xin cầu phong như vậy sẽ phải đi hai phái bộ vậy nên gộp làm một, vừa xin ấn vừa cầu phong cho tiện. Tuy nhiên, văn thư trả lời chưa sang đến Đại Việt. *Càn Long triều, Thượng dụ đáng* [XIV, 10-11], tr. 3.

bắt Duy Cận làm tờ biểu nhường ngôi Thái tử. Duy Cận bị truất làm Sùng Nhượng công.[1]

Nếu quả thực Lê Duy Cận có âm mưu hại cháu như thế thì phải nói rằng vua Chiêu Thống cũng còn nhiều tình nghĩa vì sau này khi Tôn Sĩ Nghị đòi đưa Duy Cận sang an tháp ở Trung Hoa, chính Lê Duy Kỳ đã xin cho Duy Cận được ở lại để mình lo liệu với lý do Duy Cận là người "si ngốc" không đáng lo vì biết rằng một khi bị đày sang Trung Hoa sẽ không bao giờ trở lại quê hương được nữa.

1.1.3. Lê Duy Kỳ được phong Hoàng thái tôn

Lê quý dật sử[2] chép như sau:

Khi đó, quân sĩ đã tôn lập ngôi chúa, lại thả con cố Thái tử[3] *bị giam là Duy Khiêm, Duy Tụ, Duy Chi rước về nội điện.* [Quân lính] *lại đến cửa khuyết xin lập Hoàng thái tôn. Vua ban sắc thưởng cho quân sĩ hai nghìn lạng bạc và ban cho mỗi người thêm một bậc chức tước và cho phép nhường cho họ hàng quen biết để lấy đó làm ơn, giáng hoàng tử thứ tư trước đây được lập để nối dòng, làm Sùng Nhượng công, ra sức* [sắc?] *chỉ lập Duy Khiêm làm Hoàng thái tôn. Lời văn của sắc chỉ:*

Kính nghĩ:

Hoàng tôn là dòng cháu đích, tuổi đã trưởng thành. Ta nhờ tự vương [tức chúa mới Trịnh Khải] *mở rộng được mưu lớn, xoay chuyển càn khôn được đúng đắn, ngươi là đích tôn, noi theo đức xưa giữ đồ thờ cúng.*[4]

Việc Trịnh Sâm bỏ trưởng lập ấu đã đưa đến loạn kiêu binh, nay Trịnh Khải trở lại làm chúa lại nảy sinh ra mâu thuẫn giữa chúa Trịnh và binh lính. Chúa Trịnh sợ binh sĩ tôn phò Hoàng thái tôn, một mai khi

---

1. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển XLVI, tr. 1-2, tập II, sđd, tr. 767-768.

2. Về tác phẩm *Lê quý dật sử*, phần nhiều ý kiến cho rằng tác giả là Bùi Dương Lịch.

3. Tức Lê Duy Vĩ.

4. *Lê quý dật sử*, Phạm Văn Thắm dịch, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1987, tr. 51.

Lê Duy Kỳ làm vua thì cơ nghiệp nhà Lê có cơ khôi phục, quyền hành nhà chúa sẽ bị bớt đi nên lại có ý muốn trấn áp quân Tam Phủ. Trịnh Khải lại tin dùng bọn Mai Doãn Khuê, Nguyễn Lệ[1], Nguyễn Triêm... sai họ dẹp kiêu binh đồng thời giám sát Hoàng tự tôn Lê Duy Kỳ.

Bọn Nguyễn Lệ, Nguyễn Triêm trừ được một số lính Tam Phủ nhưng sau đó quân sĩ nổi lên, Nguyễn Triêm bị giết, chúa Trịnh phải cách chức Nguyễn Lệ. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển XLVI, trang 7 chép:

[...] *Từ đấy, quân sĩ mỗi khi ra ngoài kéo từng đàn hàng trăm hàng ngàn người, tung hoành nơi thôn xóm, tự ý cướp bóc thả cửa. Quân sĩ nào đi đường một mình, thường bị dân quê đón đường giết chết. Quân và dân coi nhau không khác gì giặc cướp thù hằn.*[2]

Lịch triều tạp kỷ viết:

[...] *Bởi vậy hễ lính Thanh Nghệ nào lệ thuộc ở các trấn mà trốn đi, khi đi qua các xóm làng không dám cất tiếng nói, có kẻ nào lỡ mồm nói tiếng Thanh Nghệ mọi người nghe biết thì giết liền. Chúng thường phải giả câm, ăn xin ở dọc đường để lén vào kinh đô, đồn đại lên rằng chẳng mấy ngày nữa, bốn phương* [sẽ kéo quân] *đến tập hợp ở dưới chân thành. Các quân Thanh Nghệ đóng ở kinh đô bèn họp nhau lại, bàn mưu chống cự, chia đường kéo ra các mặt Đại Phùng và Vĩnh Kiều đều bị thổ hào đánh bại, chúng phải quăng bỏ áo giáp đeo vết thương mà về. Kinh đô rung động. Những người ở phố phường chợ búa đều dắt díu nhau chạy ra khỏi thành. Chư quân vừa sợ vừa giận, gọi Tông là "chúa giặc".*[3]

Những xung đột nội bộ của miền Bắc đã khiến cho hệ thống chính trị và quân sự Đàng Ngoài suy yếu đưa tới việc Nguyễn Huệ đem quân ra mà không gặp một lực lượng kháng cự nào đáng kể. Năm ấy là năm Bính Ngọ (1786), Lê Duy Kỳ được 19 tuổi.

---

1. Con Nguyễn Nghiễm, người Hà Tĩnh.

2. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển XLVI, tr. 7, tập II, sđd, tr. 773.

3. Ngô Cao Lãng, *Lịch triều tạp kỷ*, quyển IV, sđd, tr. 535.

1.2. Quốc phá

1.2.1. Tây Sơn ra Bắc: Chiêu bài Phù Lê diệt Trịnh

Khi Nguyễn Huệ ra Bắc, ông nghe theo lời khuyên của Nguyễn Hữu Chỉnh, nêu cao danh nghĩa *"Phù Lê diệt Trịnh"* để thu phục lòng người. Chính chiêu bài này đã khiến cho quân chúa Trịnh buông giáo đầu hàng rất nhanh. Thành Thăng Long hỗn loạn:

Những người tránh "giặc" chạy ra ngoài thành đều bị dân phụ cận cướp bóc. Quân sĩ bại trận kết bầy hàng trăm hàng ngàn tay cầm gươm giáo, nhưng chỉ mới trông thấy vài ba trẻ chăn trâu đi qua là đã hoảng hốt bó tay, vứt hết mọi thứ trong người mà chạy. Các làng xã gần nhau thì cướp bóc lẫn nhau, đón đường chặn khách bộ hành lột quần áo, nên đường sá vắng tanh.[1]

Trịnh Khải bỏ chạy, xung quanh chỉ còn vài người nên đã bị *"phản"* trong một tình thế rất hy hữu.

Đoan vương chạy đến [làng] *Hạ Lôi thuộc Văn Lãng. Trần Quán* [Lý] *sai học trò của mình người làng Vân Điềm đến đón. Quân Tây Sơn đuổi kịp. Dân có kẻ tên là Tuần Trang phản chúa, người Vân Điềm biết sự tình không thể làm gì được, tranh nhau với Tuần Trang, bức chúa dâng cho Tây Sơn để lấy công.*[2]

Thấy thế cùng, Đoan Nam vương tự tử. Quân Tây Sơn vào thành, dùng phủ chúa làm quân doanh nhưng đốt hết nhà cửa xung quanh. Nguyễn Huệ cho đem xác Trịnh Khải về kinh. Bọn tên Trang và Ba [người Vân Điềm] đều tự cho mình là người có công bắt được Trịnh Khải nên tranh nhau vào lãnh thưởng.

Huệ hỏi Ba rằng: "Có đúng là chúa Trịnh không?" Ba thưa: "Chính phải". Huệ lại hỏi: "Nhà ngươi làm sao lại biết?". Ba thưa: "Tôi đã từng là gia thần [của chúa]. *Huệ nói: "Là kẻ bầy tôi mà bắt vua thì tội đáng xử chém". Bèn sai kéo Ba ra chém.*[3]

---

1. Bùi Dương Lịch, *Nghệ An ký*, Nguyễn Thị Thảo dịch, Bạch Hào hiệu đính, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, tr. 321.

2. *Lê quý dật sử*, sđd, tr. 69.

3. Bùi Dương Lịch, *Nghệ An ký*, sđd, tr. 322. Về số phận của Tuần Trang, theo *Lê quý kỷ sự*, sđd, tr. 48-49 thì sau khi Tây Sơn rút đi, hai anh em cũng bị bắt và vua Chiêu Thống sai xé xác trước mộ Đoan Nam vương.

Theo những nhân chứng sống còn ở kinh thành, lính Tây Sơn chia nhau đóng ở mọi nơi công thự, quần áo hỗn tạp không thống nhất. Người miền Bắc coi họ là *"man binh"* (蠻兵) ý nói họ là những kẻ mọi rợ từ phương Nam tiến lên. Trong văn chương, ta thấy các nhà nho gọi Nguyễn Huệ là *"cuồng Chiêm"* (狂占), *"hắc tử"* (黑子) với hàm ý khinh miệt. Tuy nhiên, người ta vẫn phải công nhận rằng *"quân lệnh của Tây Sơn rất nghiêm, không ai dám lấy một mảy của dân"*.[1]

Ngay lúc đầu, Nguyễn Huệ đã thấy không vừa ý khi ông được phong tước công:

[...] *Ngày mồng 8* [tháng Bảy năm Bính Ngọ, 1786]. *Vua Lê đặc cách sai triều thần bưng tờ chiếu sắc sang bên phủ* [phủ chúa Trịnh, nơi Nguyễn Huệ đóng quân] *tuyên phong Nguyễn Văn Huệ nguyên súy Phù chính dực vũ Uy quốc công. Huệ chịu phong xong, sai người kính dâng lễ tạ, cực kỳ chu tất. Rồi bảo riêng Nguyễn Hữu Chỉnh rằng: "Ta đem vài vạn quân ra đây, chỉ một trận là dẹp yên Bắc Hà, một tấc đất, một người dân, gì mà chẳng phải của ta cả. Ví bằng ta muốn xưng đế, xưng vương, có gì là chẳng được, sở dĩ nhường nhịn mà không làm, chỉ là hậu đãi nhà Lê đó thôi.*[2]

Để lấy lòng, Nguyễn Hữu Chỉnh phải giả thác là vua Lê muốn kết thân, và làm mai để vua Hiển Tông gả Công chúa Ngọc Hân cho Nguyễn Huệ. Tổng kết nhiều tài liệu khác nhau, ta thấy quả thực triều đình vua Lê hết sức cùng kiệt. Trong nhiều năm, vua Lê và tông tộc chỉ lo việc lễ nghi, ăn thực ấp, còn tài sản, tiền bạc ở miền Bắc đều ở trong tay chúa Trịnh và giới quý tộc, quan lại dưới quyền phủ chúa.

Khi Nguyễn Huệ ra Bắc, có lẽ cũng chỉ tính ở đây một thời gian nên vàng bạc, châu báu thu vét cả. Hôn lễ của Công chúa cũng là dịp triều đình lấy lại chút uy tín vì có một số sính lễ của người con rể mới:

[...] *Ngày 11, Nguyên soái Nguyễn Huệ đưa ra 200 lạng vàng, 2.000 lạng bạc và 20 tấm gấm để làm sính nghi, sai bọn thần thuộc dâng tờ biểu cầu hôn và lễ vật đến điện Vạn Thọ, có nghi trượng nhà binh và tàn tán cờ xí dẫn đầu hoặc rước theo sau. Vào tới trong điện, đợi đến dâng tiến. Vua Lê sai Hoàng tử Sùng Nhượng công Lê Duy Cận tiếp nhận lễ vật đem cáo nhà Thái miếu. Qua*

---

1. Bùi Dương Lịch, *Nghệ An ký*, sđd, tr. 323.
2. Ngô Cao Lãng, *Lịch triều tạp kỷ*, quyển IV, sđd, tr. 576-577.

bữa sau làm lễ cưới. Khi Công chúa Ngọc Hân vu qui, từ cửa đền vua đến cửa phủ quân thứ, đều được Huệ cho dàn bày khí giới và nghi trượng một cách oai nghiêm rực rỡ. Người xem đều cho là một việc hiếm thấy xưa nay. Lại có kẻ hơi tỏ ý chê cười khinh bỉ. Xe Ngọc Hân đến cửa phủ, Huệ đi kiệu rồng vàng ra đón làm đúng như lễ cưới mọi đám khác. Các hoàng thân, các bà phi, các bà chúa và văn võ bách quan sau khi dự yến xong rồi, Huệ liền đưa ra 200 lạng bạc chi tiễn mọi người đi đưa dâu. Huệ còn đi tiễn ra gần cửa phủ, mới trở về.[1]

Trong di văn của Lê Duy Đản có thêm một số chi tiết:

Năm Bính Ngọ, Nguyễn Huệ xâm chiếm kinh thành, giả danh tôn phù. Vua Cảnh Hưng gả công chúa cho. Quốc lão Nguyễn Viện[2] (阮院) *và Tham tụng Trần Công Xán* (陳攻燦)*, Bồi tụng Uông Sĩ Lãng* (汪士朗)*, Nguyễn Duy Hợp* (阮惟洽) *cùng hạ liêu vài ba người đưa dâu. Nguyễn Huệ thưởng cho 100 lạng bạc. Người ta chê cười rằng có vậy mà cũng tranh nhau kẻ nhiều người ít.*[3]

1.2.2. Chiêu Thống lên ngôi

Sau khi Công chúa thành hôn được vài ngày thì vua Hiển Tông mất, thọ 70 tuổi. Lê Duy Kỳ lên nối ngôi, niên hiệu Chiêu Thống. Khi vua Hiển Tông mất, ông dặn cháu rằng:

Sớm hôm ta sẽ cất được gánh nặng, nỗi lo âu sẽ trút vào thân cháu. Cháu phải nhớ lấy. Sau khi ta nhắm mắt rồi, truyền nối là việc trọng đại, cháu nên nhất nhất bẩm báo để Nguyễn Văn Huệ biết. Phải thận trọng, đừng có khinh suất.[4]

---

1. Ngô Cao Lãng, *Lịch triều tạp kỷ*, quyển IV, sđd, tr. 578-579.

2. *Lịch triều tạp kỷ* và *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* viết là: Nguyễn Hoàn. Nguyễn Hoàn, người Nông Cống làm đến quốc lão trí sĩ, được vời ra làm Tham tụng.

3. *Lê Duy Đản thi tập* [bản chép tay BEFEO, A.2821], tr. 26. Theo một tài liệu do ông Đào Thái Tôn phát hiện ở huyện Yên Phong [Bắc Ninh] thì quê quán Lê Duy Đản có đôi chút chi tiết hơi khác về tên người nhưng có lẽ vì sao chép thay đổi còn nội dung giống như trong thi tập. *Thông báo Hán Nôm học* [1995].

4. Ngô Cao Lãng, *Lịch triều tạp kỷ*, quyển IV, sđd, tr. 581.

Tuy nhiên, Lê Duy Kỳ cũng muốn dần dần tự lập, thoát khỏi cái cảnh đã có vua lại có chúa mà nhà vua chỉ ngồi làm vì như ông nội mình đã chịu đựng mấy mươi năm qua, con bị giết cũng đành chịu không dám than thở. Vì thế, ông tự mình lo việc tang ma và lên ngôi, không muốn Nguyễn Huệ tham dự vào việc triều đình một cách thái quá. Chính việc dửng dưng đó đã đưa tới sự bất mãn khiến Nguyễn Huệ sau này có bụng muốn cướp ngôi nhà Lê và khi bất đắc dĩ thì cũng chỉ lập Lê Duy Cận là người đối lập với vua Chiêu Thống.

Những người có đôi chút thế lực - dù là tướng lãnh Tây Sơn, thổ hào hay cả những người được hưởng tước vị triều đình - cũng chẳng có ai thực tâm phù Lê, không làm được điều gì tích cực để ổn định Bắc Hà. Tình hình rối ren của miền Bắc đã tạo một khoảng trống trong hệ thống quyền lực.

1.2.2.1. Tổ chức hành chính

Hãy thử kiểm điểm lại ba lĩnh vực chính yếu: quân đội, nhân sự, tài chính để đánh giá di sản mà Lê Duy Kỳ có được cũng như những nỗ lực của ông và bầy tôi trong vài tháng ngắn ngủi của triều đình miền Bắc.

** Quân đội*

Đến đời Lê, tổ chức hành chính và quân sự của Đàng Ngoài đã đến mức khá hoàn chỉnh. Năm 1724, chúa Trịnh Cương mở khoa thi võ đầu tiên để tuyển mộ võ quan gọi là bác cử (博舉) và sở cử (所舉). Trước đó, từ năm 1721, triều đình đã mở trường võ học để huấn luyện về quân sự cho con cháu các nhà quyền quý ở kinh đô. Khoa thi bác cử mở vào những năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi còn sở cử vào những năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu. Thi võ gồm ba kỳ, kỳ thứ nhất hỏi về binh thư Tôn Tử, kỳ thứ nhì thi tài cưỡi ngựa, đấu côn, kiếm và múa đao. Những ai qua được hai kỳ này được gọi là sinh viên (生員)[1]. Kỳ thứ ba là kỳ sát hạch về chiến lược, nếu thi đỗ thì gọi là học sinh (學生) hay biền sinh hợp thức và có thể thi tiếp kỳ thi bác cử. Những ai đỗ kỳ thi bác cử được gọi

1. Nếu là con quan thì được gọi là biền sinh (弁生).

là tạo sĩ (造士) tức là tiến sĩ võ. Qua năm 1731, chúa Trịnh Giang cải tổ lại các kỳ thi võ giống như của Trung Hoa, hai kỳ đầu chỉ thi kỹ thuật và thể lực, kỳ thứ ba mới thi binh thư. Chúa Trịnh Giang cũng mở thêm những kỳ thi đặc biệt cho những người đang ở trong quân ngũ muốn thăng tiến trong binh nghiệp gọi là hoành tuyển (宏選).

Ở miền Bắc, quân đội hiện dịch vào khoảng từ 6 đến 7 vạn người, chia ra làm 12 doanh (營), 58 cơ (奇), 285 đội (隊) và 62 thuyền (船). Mỗi doanh có từ 160 đến 800 người, mỗi cơ từ 200 đến 500, mỗi đội từ 15 đến 275 và mỗi thuyền từ 20 đến 86 người.[1] Xem như vậy, quân số nhiều ít không nhất định và tùy theo từng đơn vị, từng địa phương. Các doanh, cơ, đội cũng thường đi theo các chữ tả, hữu, tiền, hậu, trung là cơ chế ngũ quân ảnh hưởng của Trung Hoa.

Tổ chức quân sự của miền Bắc cũng còn theo phương hướng đông tây nam bắc để chia thành năm vùng gọi là Ngũ Phủ (五府) bao gồm:

- Trung quân phủ lấy binh lính từ Thanh Hóa, Nghệ An vốn dĩ là nơi xuất phát của Lê triều và chúa Trịnh, còn được gọi là ưu binh (優兵).[2]

- Đông quân phủ bao gồm binh lính từ Hải Dương, An Quảng.

- Nam quân phủ là lính ở Sơn Nam.

- Tây quân phủ là lính thuộc Hưng Hóa.

- Bắc quân phủ là lính của Kinh Bắc.

Mỗi phủ dưới quyền chỉ huy của hai đô đốc (都督), một tả một hữu, một đồng tri (同知) và một thiêm sự (添事). Thời bình, quân trực thuộc phủ Chúa là trung quân, tức ưu binh Tam Phủ nên khi đạo quân này tan rã rồi, dưới tay vua Lê hầu như không còn quân đội nào cả.

Cứ như sách vở thuật lại, khi Tây Sơn rút đi, triều đình nhìn quanh cũng chỉ có vài viên quan văn, quân sĩ thì hầu như không có ai nên vua Chiêu Thống đành phải truyền hịch cho các gia đình có thế lực các nơi

---

1. Đặng Phương Nghi, *Les Institutions Publiques du Viet-Nam au XVIIIe Siècle*, École Française d'Extrême-Orient, Paris, 1969, tr. 125.

2. Khi quân Tam Phủ nổi loạn, dân chúng gọi họ là *kiêu binh*.

về bảo vệ hoàng gia. Một số hào kiệt các nơi như Lê Quýnh[1], Vũ Trinh hưởng ứng. Hai vị hoàng đệ, các hoàng thân cũng gây được vài nghìn quân túc vệ.

** Nhân sự*

Tuy trên danh nghĩa Đàng Ngoài là đất thuộc nhà Lê nhưng trên thực tế, mọi quyền hành trong hơn hai trăm năm qua đều ở trong tay họ Trịnh. Khi Nguyễn Huệ *"giao trả nước"* cho nhà Lê, thực lực vẫn ở trong tay các sứ quân, mỗi người chiếm cứ một vùng. Tuy những lãnh chúa đó mang tước hiệu công hầu nhưng họ đều là những thế lực riêng rẽ, không dưới quyền điều động của ai, nếu vua Lê muốn nhờ họ làm một việc gì thì chỉ là một sự trao đổi, gần như thuê. Tình hình đó khiến họ thay đổi lập trường như chong chóng và không một khu vực nào còn trung thành với triều đình để có thể sử dụng làm bàn đạp giúp vua Lê quật khởi, nếu có cần vương thì chưa được việc đã đòi hỏi còn quá thời chúa Trịnh khi trước.

Cái chết thảm khốc của Thái tử Duy Vĩ và kinh nghiệm 11 năm tù đày của ba đứa trẻ cho họ một kinh nghiệm sâu sắc. Đó là bằng mọi giá phải cố gắng tự lập để thâu lại quyền hành, không thể để cho một *"chúa"* khác nắm quyền sinh sát. Vậy thì trung thành với nhà Lê còn lại những ai?

Xung quanh vua Lê khi đó chỉ còn một số các bậc khoa bảng, được đào tạo trong cửa Khổng sân Trình nêu cao tấm lòng trung nghĩa một cách sách vở. Những nho sĩ đó không có thực lực, cũng không đủ uy tín và luôn luôn phải đi tìm một sứ quân để theo phò. Những sứ quân đó dễ thay lòng đổi dạ một khi yếu thế nên thường tạo ra những tai họa bất ngờ. Ngay cả những thổ hào hay viên chức nhỏ ở hương thôn cũng mua vua, bán chúa nếu có cơ hội.

Ở thời kỳ đó, chính tà chân ngụy không có ranh giới rõ rệt, nhiều

---

1. Người xã Đại Mão, huyện Siêu Loại, tỉnh Bắc Ninh. Địa bàn huyện Siêu Loại, ngày nay, tương ứng với khu vực có trung tâm là huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh; các xã Lệ Chi, Dương Quang, Dương Xá, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội và các xã Lạc Đạo, Chỉ Đạo, Đại Đồng huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

người hết làm quan cho nhà Lê lại làm quan cho Tây Sơn, sau đến khi Nguyễn Ánh thống nhất sơn hà thì lại làm quan cho triều Nguyễn.[1] Người ngoài Bắc vì thế mới có thơ rằng:

Nguyên văn:

黎朝進士二十四
八真八僞八真僞
如今脱劫纏頭巾
未覽誰非又誰是

Phiên âm:

Lê triều tiến sĩ nhị thập tứ,
Bát chân, bát ngụy bát chân ngụy.
Như kim thoát kiếp triền đầu cân,
Vị lãm thùy phi hựu thùy thị.

Dịch nghĩa:

Hai mươi bốn ông tiến sĩ triều Lê,
Tám thật, tám giả, tám giả thật.

---

1. Phan Thúc Trực (潘叔直) chép: Trong số quan lại có cả văn võ nhà Lê, hàng thần nhà Ngụy Tây đều đến bái yết (vua Gia Long), tùy theo tài từng người mà bổ nhiệm, trong đó có tiến sĩ Bùi Huy Bích, Nhữ Công Chấn, Phạm Quý Thích, Lê Huy Du, Lê Huy Trâm, Nguyễn Huy Lý, Nguyễn Bá Lãm, Nguyễn Cát, Lê Đình Hiển, Nguyễn Trọng Tông, Lê Trọng Thể, Lê Duy Thản, Nguyễn Thời Ban, Ngô Thế Lịch, Nguyễn Du, Nguyễn Trung Cần, Nguyễn Đăng Sở, cùng các quận công Cát Đằng, Thần Đầu, Thanh Nê, Bảo Từ, Nhân Tuy, La Mỗ, Bình Vọng, tất cả đều chờ cho xa giá Nhà vua đến để chúc mừng... Trong số đó, Huy Bích, Công Chấn từ chối trở về quê, Quý Thích làm trợ giáo Bắc Thành, Huy Du làm Đốc học Bắc Thành, Huy Trâm làm Đốc học Kinh Bắc, Huy Lý, Bá Lãm, Trọng Thể, Đình Hiển cũng kế tiếp làm Đốc học, Trọng Tông là Hiệp trấn Kinh Bắc, Duy Thản làm Hiệp trấn Lạng Sơn. *Quốc sử di biên* (國史遺編) [bản chữ Hán] (Nguyễn Duy Chính dịch, Trung Văn đại học Tân Á nghiên cứu sở, Hương Cảng, 1965, tr. 13-14).

Nếu như bỏ khăn bịt đầu xuống,

Chẳng biết ai là đúng ai là sai.[1]

Trong khi vua Lê cố gắng củng cố quyền hành thì giới quan lại vẫn theo thói cũ, kẻ thì đi tìm dòng dõi họ Trịnh để phò tá, lấn lướt triều đình, người thì thấy gió đã xoay chiều, mắt trước mắt sau liên lạc để ngả theo Tây Sơn mưu cầu công danh. Có người trên danh nghĩa làm quan với nhà Lê nhưng lại ngấm ngầm phản bội, sẵn sàng truất phế chúa cũ để suy tôn chúa mới. Chính vì thế, tuy Lê Duy Kỳ cố gắng cải thiện tình hình nhưng vì thiếu tiền bạc và nhân sự nên không mấy sáng sủa.

** Tài chính*

Khi quyền hành còn trong tay chúa Trịnh, tuy mang tiếng là vua nhưng chỉ được hưởng thực ấp một nghìn xã, một thứ quan lại ăn lương để trông coi các việc lễ nghi tế tự. Vua Lê không có ngân sách, cũng không có những nguồn lợi nào cụ thể để chi phí khi cần. Khi Nguyễn Huệ ra Bắc, ông thu thập tất cả các kho tàng của chúa Trịnh đem về Nam, để lại một đất nước rỗng không như vua Lê phải thú nhận. Chỉ trong hai năm, hết quân Tây Sơn đến các thổ hào, kinh thành Thăng Long bị cướp phá không biết bao nhiêu lần nên về sau chỉ là một nơi hoang tàn, đổ nát không còn gì nữa. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển XLVI, trang 29 chép:

Sau khi quân giặc [Tây Sơn] *đã rút đi, nhà vua lập tức triệu bầy tôi trong triều bàn luận rằng: "Giặc để lại cho ta một nước trống rỗng, nếu có sự nguy cấp, thì chống đỡ bằng cách nào?" Bèn viết thư triệu hết những người thế gia và bầy tôi cũ dấy quân vào bảo vệ hoàng thành. Vì thế, hào mục các nơi chiếm giữ châu quận, chiêu tập binh mã, đều mượn danh nghĩa "bảo vệ". Những hạng vô lại đánh giết lẫn nhau, trong nước thành ra rối loạn.*[2]

---

1. Phan Thúc Trực, *Quốc sử di biên*, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 14.

2. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển XLVI, tr. 29, tập II, sđd, tr. 794.

Khi Nguyễn Hữu Chỉnh ra Bắc, kho tàng rỗng tuếch, không thu được đồng ở các mỏ thượng du nên phải thu vét đồ đồng ở đền chùa đúc tiền Chiêu Thống thông bảo.[1]

1.2.2.2. Văn học

Vua Lê tuy còn trẻ, khi lên ngôi mới 20 tuổi nhưng đã chuộng văn học. Ngay tháng Ba năm Chiêu Thống nguyên niên (Đinh Mùi, 1787) đã mở thi chế khoa. Lối thi này là lối thi mới gồm 10 khoa, phỏng theo cách thức của Tư Mã Quang nhà Tống kén chọn nhân tài dựa trên đức độ, tiết tháo, mưu trí và sức khỏe, thông minh, công bằng, tinh thông kinh sử, bác học, văn tài, khéo xét xử, giỏi tài chính, thuế khóa, hiểu biết pháp luật.

Khoa này lấy Bùi Dương Lịch và Trần Bá Lãm ngang với tiến sĩ. Ngoài ra còn có Nguyễn Huy Túc và Nhữ Công Vũ được cất nhắc lên bậc tiến triều, những người khác có tài thì cho làm viên ngoại lang, tri châu, tri huyện. Những người có thực tài, thực dụng đều được bổ dụng.[2]

Đến tháng Mười cùng năm, lại mở khoa thi hội cho các cống sĩ, tổng cộng có đến 1.212 người dự thi, lấy 14 tiến sĩ, Bùi Dương Lịch đỗ đầu (thám hoa). Theo *Nghệ An ký* thì:

Tháng Ba năm Chiêu Thống thứ 1 (1787), Vua xuống chiếu tiến cử các kẻ sĩ hiền lương phương chính. Vua cho Lịch tôi [Bùi Dương Lịch] *sung chức Cung phụng sứ ở Viện Nội hàn. Vua ham học kinh sách, quan kinh diên cứ 6 ngày đến giảng một lần, còn trong Viện Nội hàn mỗi ngày giảng một lần. Lịch tôi còn được ân sủng vào thẳng điện Tập Hiền, để sẵn sàng khi vua hỏi. Mỗi khi được vào hầu vua thì vua thường khăn áo chỉnh tề, cho ngồi bàn trà, quyền chúc hợp ca* [?]. *Em thứ hai vua Hoàng Nhị Đệ là Hiền* [Điền] *quận công* [Lê Duy Trù][3] *cũng rất yêu kính, mỗi khi tôi vào hầu vua trở ra, đều mời về nhà riêng để giảng nghĩa kinh.*[4]

---

1. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển XLVII, tr. 4-5, tập II, sđd, tr. 809.

2. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển XLVII, tr. 4, tập II, sđd, tr. 808.

3. Tức Duy Lứu.

4. Bùi Dương Lịch, *Nghệ An ký*, sđd, tr. 330.

II. TÂY SƠN CHIẾM MIỀN BẮC, VUA LÊ XUẤT BÔN

2.1. Tây Sơn chiếm đất Bắc

2.1.1. Trịnh Bồng

Tuy tài liệu về thời kỳ vua Chiêu Thống cầm quyền ở miền Bắc chỉ còn rất ít, xen lẫn trong những biến cố dồn dập của một triều đại đã suy tàn, chúng ta cũng tìm được một số điểm đáng ghi nhận.

Nguyên khi vua Chiêu Thống lên nối ngôi, tuy họ Trịnh không còn làm chúa nữa nhưng thực tế dư đảng vẫn còn nhiều. Trong khi Nguyễn Nhạc muốn dứt khoát không can thiệp vào việc của miền Bắc, chỉ *"ước hẹn đời đời làm láng giềng giao hiếu với nhau"*[1] thì Nguyễn Huệ vẫn có tham vọng nắm giữ quyền hành ở miền Bắc. Khi Tây Sơn bỏ đi, các hoàng thân quốc thích chỉ chiêu mộ được vài nghìn binh sĩ chia ra giữ bốn phía hoàng thành nên vua Lê phải viết thư triệu các thế gia và bầy tôi cũ dấy binh bảo vệ kinh đô. Nhân cơ hội đó, thổ hào mỗi người chiếm cứ một phương, đánh giết lẫn nhau.[2]

Nhân dịp này, Trịnh Lệ [em Trịnh Sâm] ở Văn Giang cùng hai cựu thần là Trương Tuân (張詢), Dương Trọng Tế (楊仲濟) trở về chiếm lại phủ chúa định lên ngôi. Một người họ Trịnh khác là Trịnh Bồng (鄭逢) cũng quay lại tranh quyền với Trịnh Lệ khiến vua Lê bất đắc dĩ phải phong cho Bồng làm Tiết chế thủy bộ chư quân, Bình chương quân quốc trọng sự, Thái úy Côn quốc công [*Lê quý kỷ sự*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1974, tr. 49 viết là Côn quận công].

Vua Lê vốn không muốn họ Trịnh trở lại nên cấp cho Bồng 3.000 lính, 5.000 mẫu ruộng và 200 xã giữ việc thờ cúng họ Trịnh, lại làm sắc dụ nói rõ đây chỉ là tước Công thế tập. Dư đảng họ Trịnh là Đinh Tích Nhưỡng và một số cựu thần xu thời lại nài ép vua Lê phong vương cho Trịnh Bồng. Vua Lê nói:

---

1. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển XLVI, tr. 2, tập II, sđd, tr. 793.

2. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển XLVI, tr. 29, tập II, sđd, tr. 794.

Ngày trước nhà ta suy vi, nhờ được họ Trịnh khuông phù, rồi quyền bính về họ Trịnh, việc tế lễ vì [về] *ta. Đó là một thời. Nay mệnh trời đã đổi, tổ tông thiên hạ ở cả một mình ta, một nước hai vua hà nên lấy đó làm lệ. Vả lại họ Trịnh đã được rồi, họ Trịnh lại tự để mất đi, chứ nào ta có phụ gì họ Trịnh?*[1]

Được mấy ngày, Đinh Tích Nhưỡng đem quân vây điện, cầm súng tuốt gươm. Các tôn thất và quan đại thần sợ sinh biến, khóc lóc, khuyên van mãi vua mới bất đắc dĩ phong Bồng làm Yến Đô vương [tức trở lại thời vua Lê chúa Trịnh].[2] Họ Trịnh lấy lại ngôi chúa rồi, thủ hạ cậy công cướp bóc nhân dân.

2.1.2. Nguyễn Hữu Chỉnh

Thấy ngôi vua lại có cơ trở thành hư vị như các đời trước, vua Chiêu Thống đành bí mật vời Nguyễn Hữu Chỉnh từ Nghệ An ra giúp. Việc nhờ vả Nguyễn Hữu Chỉnh hẳn là rất miễn cưỡng vì Chỉnh hiện đang đóng một vai trò mập mờ. Tuy Bằng quận công vốn là bầy tôi nhà Lê nhưng đã chạy theo anh em Nguyễn Nhạc, nay đang trấn thủ một khu vực vốn đã bị nhường cho Tây Sơn [để trả công phù Lê cho Nguyễn Huệ] và triều đình đang tìm cách chuộc lại nên việc nhờ cậy Nguyễn Hữu Chỉnh đã tạo nên một mối lo tâm phúc cho Nguyễn Huệ [khi đó đang vướng mắc vào tranh chấp với vua Thái Đức Nguyễn Nhạc], vốn e ngại một sự ly khai của Bắc Hà.

Nguyễn Hữu Chỉnh kéo quân ra, đánh bại Trịnh Bồng ở sông Thanh Quyết khiến tất cả kinh thành kinh hoàng. Yến Đô vương chạy sang Dương Xá, rồi lại chạy sang Quế Ổ (桂塢). Vua Chiêu Thống sợ họ Trịnh quay trở lại, quần thần bàn nên đốt vương phủ để triệt đường về. Vua Lê nghe theo. Khi Nguyễn Hữu Chỉnh đem quân tới, vua Lê cho bách quan nghinh tiếp vào ở cung Tây Long và phong cho Chỉnh tước Bình chương quân quốc trọng sự, Đại tư đồ, Bằng quốc công, binh lính thì cho đóng ở bờ sông bên ngoài kinh thành.

---

1. Bùi Dương Lịch, *Nghệ An ký*, sđd, tr. 326.

2. Nguyễn Thu, *Lê quý ký sự*, sđd, tr. 49; Bùi Dương Lịch, *Nghệ An ký*, sđd, tr. 326.

Dư đảng họ Trịnh lại nổi lên, Nguyễn Hữu Chỉnh sai Nguyễn Như Thái và Hoàng Viết Tuyển đem quân đánh dẹp bắt được Dương Trọng Tế đem về kinh đô xử tử. Hoàng Phùng Cơ từ Sơn Tây tiến đánh kinh đô bị bộ tướng của Chỉnh là Lê Duật đánh tan, phải uống thuốc độc chết.

Nguyễn Hữu Chỉnh cũng bí mật liên lạc với Trấn thủ Nghệ An [người của Tây Sơn] là Nguyễn Văn Duệ mưu phản Nguyễn Huệ, cốt biến vùng Thanh Nghệ thành một trái độn để chia bớt thế lực. Cùng lúc đó, vua Lê lại sai Trần Công Xán làm chánh sứ vào tận Phú Xuân để thương lượng đòi đất Nghệ An nhưng Bình vương Nguyễn Huệ không bằng lòng, sai người tìm cách đục thuyền giết toàn bộ phái đoàn ở cửa Đơn Nhai. Thấy Bắc Hà có nguy cơ đối đầu với mình, Nguyễn Huệ vội vàng sai Vũ Văn Nhậm đem quân ra đánh Nguyễn Hữu Chỉnh. Một trong những lý do Chỉnh không hết lòng cũng vì vợ con Chỉnh còn đang ở Phú Xuân, nên không dám vọng động tấn công trước.

Khi Vũ Văn Nhậm ra Bắc Hà, hai tướng của Nguyễn Hữu Chỉnh là Nguyễn Như Thái, Hoàng Viết Tuyển chia binh chống cự nhưng vì cha của Tuyển đang bị Vũ Văn Nhậm bắt nên Tuyển có ý muốn hàng, dừng quân không chịu tiến lên. Khi quân của Nhậm tới, Tuyển trở tay không kịp.

Ngày 25 tháng Một, Nguyễn Hữu Chỉnh đem đại quân chặn địch ở Sinh Quyết [Thanh Quyết]. Ngày 30, Nhậm sai người lặn xuống sông dùng thừng buộc vào thuyền của Chỉnh kéo về bờ phía nam, quân Chỉnh tan vỡ. Quân Tây Sơn tiến đến sát kinh thành.

Đêm hôm đó, Chỉnh trở về. Vua Chiêu Thống cho vời mấy lần, Chỉnh không vào, chỉ cho Tham tri chính sự Nguyễn Như Khuê tâu vua xin chạy về phía bắc nương nhờ Nguyễn Cảnh Thước. Theo *Lê quý dật sử* thì:

Vua nghe theo, đợi trời sáng, vua ngự ra điện Vạn Thọ, bọn thị vệ dần dần bỏ trốn, vua triệu các quan sảnh đường để xét hỏi, thì họ đã ngầm trốn đi từ trước, không còn một người nào trực cả. Bọn nội thị ai về nhà nấy thu xếp hành lý. Trong điện chỉ còn Hoàng thân thứ hai, cai quản vệ Hổ bôn Đạt Quận hầu [Lê Duy Đạt], *người vừa mới được tiến triều là Nguyễn Khải người*

Hương Cần, huyện Kỳ Hoa, người họ ngoại là Tích Xuyên hầu cùng hoàng giáp Bùi Dương Lịch bưng khăn đứng hầu mà thôi.

Khi sắp đi, vua trước hết đến nhà tẩm miếu tiên đế bái khóc. Bọn thị vệ lại lén bỏ đi. Vua tôi chỉ đưa mắt nhìn nhau, không biết làm thế nào. Bùi Dương Lịch đến trước vua tâu rằng: "Nay Chỉnh dẫu thua trận rút lui, nhưng thủ hạ của Chỉnh còn nhiều, lòng người còn biết sợ Chỉnh, xin nhà vua truyền dụ đi đến nhà Chỉnh, sai Chỉnh đi theo hộ giá, chắc được, như thế có sự ràng buộc".[1]

Vua Chiêu Thống cưỡi voi đến nhà Chỉnh bàn tính chuyện chạy lên Kinh Bắc. Tuy nhiên, trấn thủ Nguyễn Cảnh Thước làm phản, mật sai người xin đầu hàng Vũ Văn Nhậm, cướp hết voi, ngựa, hành lý của nhà vua. Chỉnh vội vàng đưa vua Lê lên Yên Thế nương nhờ thổ hào ở đó là Dương [Đình] Tuấn.

2.2. Nhà Lê thất quốc

Ngày mồng 4 [tháng Chạp] quân Tây Sơn kéo đến, vua Lê sai Hoàng đệ đem Hoàng thái hậu, Vương phi và Nguyên tử theo đường phía bắc chạy lên Lạng Sơn, còn nhà vua mặc áo giáp, cưỡi ngựa đi đầu có ý đích thân chống giặc. Các bề tôi, nội thị can ngăn, vua mắng là hèn nhát. Bùi Dương Lịch nắm cương ngựa can rằng:

- Việc binh chiến không thể lường được, xin bệ hạ hãy lấy xã tắc làm trọng, chớ có khinh địch.

Vua miễn cưỡng nghe theo, cho ngựa đứng sau trận khoảng 3 dặm. Dương Tuấn đem quân giữ bên phải, Nguyễn Hữu Chỉnh đem quân giữ núi bên trái.[2] Quân Tây Sơn dàn hàng ngang tiến lên, Nguyễn Hữu Du[3] bị giết, hai con và cháu của Dương Tuấn cũng tử trận. Nguyễn Hữu Chỉnh bị bắt giải về Thăng Long xé xác, bêu ở cửa thành. Vua Lê chạy sang Bảo Lộc, các bề tôi mỗi người một ngả. Đầu năm sau, thổ hào ở Hải Dương đón Lê Duy Kỳ về Giáp Sơn.

---

1. *Lê quý dật sử*, sđd, tr. 80-81.
2. Bùi Dương Lịch, *Nghệ An ký*, sđd, tr. 336.
3. Con của Nguyễn Hữu Chỉnh, *Nghệ An ký* viết là Hoằng.

2.2.1. Vua Lê chạy trốn

Sau khi Vũ Văn Nhậm chiếm được kinh thành, vua Lê chạy trốn, tình cảnh hết sức long đong vất vả. *Lê quý kỷ sự* chép:

Tự hoàng từ sau trận thua ở Mục-thị, lật đật long đong, nay đông mai bắc, đến đâu cũng được nghĩa binh hào mục ở đó theo về như chợ, nhưng quân lính không quen trận chiến, gặp "giặc" liền thua.[1]

Về phần Vũ Văn Nhậm, từ khi chiếm được Thăng Long làm nhiều điều đắc chí khiến Nguyễn Huệ cũng sinh nghi, sai Ngô Văn Sở ra Bắc để kiềm chế Nhậm. Nhậm cũng không ưa Ngô Văn Sở nên cho lên đóng ở Phú Xuyên nhưng bắt phải tự túc về lương thực, tiền bạc. Ngô Văn Sở hết sức căm tức, chờ dịp báo thù. Theo *Lê quý kỷ sự* thì *"khi đi, Nhậm che sáu lọng, khi ngồi Nhậm dùng sập thếp vàng. Lại tự tiện đúc ấn chương và khi cho tướng dưới quyền dùng tiếng tâu nói với Nhậm trong những dịp trình bày việc công"*.[2] Ngô Văn Sở báo cho Nguyễn Huệ biết, tố cáo Nhậm làm phản. Nguyễn Huệ liền kéo quân ra thẳng Thăng Long, bắt Nhậm giết đi.

Khi Nguyễn Huệ giết được Vũ Văn Nhậm rồi, lại một lần nữa bách quan văn võ lục tục "ra hàng" nghĩa là chịu làm việc với triều đình mới. Khi Lê Duy Đản sang Quảng Tây có đọc được tờ biểu mà đình thần gửi sang để xin Thanh triều chấp nhận cho Nguyễn Quang Bình [Nguyễn Huệ] lên làm vua thay Lê Duy Kỳ. Theo một bài thơ của Lê Duy Đản thì tờ biểu này có 75 chữ ký, bao gồm ba quan văn.[3]

---

1. *Lê quý dật sử*, sđd, tr. 99.

2. *Lê quý dật sử*, sđd, tr. 100.

3. [...] 留名不覺汙青史，忍恥還甘戴赤巾。無論武夫焉識義，儒冠三十有三人。.

Lưu danh bất giác ô thanh sử, Nhẫn sỉ hoàn cam đái xích cân. Vô luận võ phu yên thức nghĩa, Nho quan tam thập hữu tam nhân.

Để tên chỉ làm cho sử xanh nhơ bẩn. Lẽ nào lại không biết thẹn mà đội khăn đỏ ư? [khăn đỏ là quân Tây Sơn]. Kẻ võ phu không biết nghĩa lý thì chẳng nói gì. Đến quan văn ba mươi người mà cũng có ba người ký tên. [*Lê Duy Đản thi tập*, BEFEO, A.2821].

2.2.2. Hoàng tộc chạy sang đất Thanh

Về nguyên nhân nhà Thanh đem quân sang Đại Việt, *Đại Nam chính biên liệt truyện* chép:

Khi kinh thành Thăng Long vừa mất, vua Chiêu Thống sai thị thần là Lê Quýnh cùng mấy chục người tôn thất bảo hộ Quốc mẫu họ Nguyễn chạy lên Cao Bình (Bằng) dựa vào Đốc trấn Nguyễn Công Túc, gửi thư sang Long Bằng cầu xin Tổng đốc Lưỡng Quảng Tôn Sĩ Nghị đem binh cứu viện...[1]

Cũng việc đó, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* quyển XLVII, trang 32 chép dài hơn:

Trước kia, Thái hậu đến Cao Bằng, các phiên tù đều đem quân đi phòng thủ, chẹn đánh. Phiên mục Bế Nguyễn Trù dẫn tướng giặc là bọn Cúc, Hoán[2] *đến đánh úp trấn doanh. Bọn Đốc đồng Nguyễn Huy Túc, Phiên thần Địch quận công Hoàng Ích Hiểu, Tụng thần Lê Quýnh và Nguyễn Quốc Đống bảo vệ Thái hậu và Nguyên tử do cửa ải Thủy khẩu chạy sang Long Châu nhà Thanh. Quan châu là Trần Tốt đem việc này đề đạt lên Tổng đốc và Tuần phủ.*

Lưỡng Quảng Tổng đốc Tôn Sĩ Nghị và Quảng Tây Tuần phủ Tôn Vĩnh Thanh hội họp ở Nam Ninh. Thái hậu đưa Nguyên tử đến yết kiến ở trong sân, gào khóc xin cứu viện. Bọn Sĩ Nghị tâu với vua Thanh rằng Tự hoàng nhà Lê đương phải bôn ba, đối với đại nghĩa, ta nên cứu viện. Vả lại, An Nam là đất cũ của Trung Quốc, sau khi khôi phục nhà Lê, ta nhân đó, đặt lính thú để đóng

---

1 初昇隆失守昭統帝遣侍臣黎囧與尊室數十人扈國母阮氏及宮眷如高平依督鎮阮公宿通書龍憑營求兩廣總督孫士毅提兵赴援... (Sơ Thăng Long thất thủ, Chiêu Thống đế khiển thị thần Lê Quýnh dữ tôn thất sổ thập nhân hộ Quốc mẫu Nguyễn thị cập cung quyến như Cao Bình y Đốc trấn Nguyễn Công Túc, Thông thư Long Bằng doanh cầu Lưỡng Quảng Tổng đốc Tôn Sĩ Nghị đề binh phó viện...). *Đại Nam chính biên liệt truyện*, quyển XXX, tr. 29a.

2. Cúc có lẽ là Ma Danh Cúc (魔名菊), một trại trưởng người thiểu số vùng Thái Nguyên [Phan Thúc Trực, *Quốc sử di biên*, Ngô Tuấn Thăng chép, Hồng Kông, 1965, tr. 37]. Hoán thì là Trần Danh Bính, được phong tước Hoán Nghĩa hầu sau về hàng Tôn Sĩ Nghị rồi lại phản, bị quân Thanh bắt giết trên đường xuống Thăng Long.

giữ. Thế là vừa làm cho nhà Lê được tồn tại, vừa chiếm lấy được An Nam: thật là làm một chuyến mà được hai lợi.[1]

Từ hai nguồn này, các sử gia đều dựa vào đây để khẳng định là gia quyến và bầy tôi nhà Lê chủ động trong việc sang Trung Hoa cầu viện, Thái hậu họ Nguyễn - mẹ Lê Duy Kỳ - van xin thống thiết và dựa vào đó Tôn Sĩ Nghị trình bày lên vua Càn Long xin cử binh sang đánh nước Nam.

Với lối trình bày đơn giản có dụng ý, chúng ta tưởng như đây là một phái đoàn chính thức tiền hô hậu ủng đi qua cửa ải đến tận dinh Tổng đốc nhà Thanh xin đem quân cứu viện. Sai lầm này khiến người đọc sử có ác cảm với mẹ con vua Lê và đám bồi thần chỉ vì quyền lợi bản thân nên manh tâm nhờ cậy người ngoài, bất kể đến quyền lợi quốc gia dân tộc.[2]

---

1. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển XLVII, tr. 32, tập II, sđd, tr. 837.

2. Dựa theo những chi tiết vẫn được coi là "chính sử" nêu trên, nhiều bộ sử khá quy mô do những học giả ngoại quốc danh tiếng viết cũng khẳng định chính Lê Duy Kỳ chạy sang Trung Hoa cầu cứu nhà Thanh. Xin kể sơ qua vài tác phẩm nhiều người biết:

(1). [...] Trong lần thứ hai quân Tây Sơn ra Đàng Ngoài năm 1787, vua Lê bỏ kinh đô tìm đường chạy sang Trung Hoa, ở đó ông ta xin vua Thanh giúp đỡ lấy lại ngai vàng. ([...] *Having fled his capital during the second Tây Sơn invasion of Đàng Ngoài in 1787, the Lê emperor eventually made his way to China, where he appealed to the Qing emperor for assistance in reclaiming his throne.*). George Dutton, *The Tây Sơn Uprising - Society and Rebellion in Eighteenth-Century Vietnam*, University of Hawai'i Press, Honolulu, 2006, p. 48.

(2). Vua Lê băng hà. Người cháu nội và cũng người kế vị, được một số tôn thất hộ tống chạy sang Quảng Tây. Nơi đây, ông ta kêu gọi nhà Thanh can thiệp để đưa ông trở lại ngai vàng. ([...] *The Le emperor died. His grandson and successor, accompanied by members of the Le royal house, fled to Kwangsi. There he pleaded for Ch'ing intervention to restore him...*). Alexander Woodside, Chapter 5: "The Ch'ien-Lung Reign", Willard J. Peterson (Chief Author), *The Cambridge History of China: The Ch'ing Dynasty to 1800*, Vol 9, part One, p. 277.

Thế nhưng, tài liệu của nhà Thanh không những khác hẳn mà nội dung lại mang dụng ý rõ rệt, một mặt che giấu việc tuần phòng biên giới chểnh mảng, mặt khác nhấn mạnh vào nghĩa vụ nước lớn để chính danh hóa việc đem quân sang Đại Việt. Bên cạnh đó, động cơ ngầm của vấn đề chính là mục tiêu cá nhân của Tôn Sĩ Nghị với tham vọng nếu không chiếm Đại Việt, biến thành quận huyện thì cũng là một cơ hội tốt để ông ta thăng quan tiến chức.

Và nói chung, mọi sách vở tài liệu dựa trên hai nguồn: 1/ chính sử Việt Nam qua *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* hay *Đại Nam liệt truyện*; 2/ chính sử Trung Hoa qua *Đại Thanh thực lục*, *Thanh sử cảo* đều quy tội cầu viện Trung Hoa vào tông thất nhà Lê.[1]

Thực tế như thế nào? Chúng ta cần xem xét vấn đề này với những chi tiết cụ thể hơn.

---

(3). Năm 1788, vua Việt Nam của triều Lê cùng gia đình chạy trốn kẻ nổi dậy là gia đình họ Nguyễn, khi đó chiếm Hà Nội. Đào tỵ tại Quảng Tây, ông ta [tức Lê Duy Kỳ] nài nỉ xin nhà Thanh che chở. Vua Càn Long đáp ứng nhanh chóng, sai ba đạo quân tấn công vào Việt Nam mà một đội từ Quảng Tây xuống phía nam do tướng Tôn Sĩ Nghị chỉ huy, một đội từ Vân Nam ở phía đông nam, và một đạo thứ ba theo đường biển từ Quảng Đông... (*In 1788, the ruler of Vietnam's Le dynasty fled with his family from the usurping Nguyen family, who had seized Hanoi. Taking refuge in Guangxi province, he begged for Qing protection. Qianlong responded swiftly, ordering a three-pronged attack on Vietnam, with one army marching south from Guangxi under General Sun Shiyi, a second southeast from Yunnam, and a third transported by sea from Guangdong...*). Jonathan D. Spence, *The Search for Modern China*, W.W. Norton & Co., New York, 1990, p. 111.

(4). [...] nhưng Lê Duy-Kỳ đã vượt biên giới chạy sang Trung Hoa và cầu khẩn hoàng đế [nhà Thanh] giúp ông lấy lại vương quốc ([...] *Mais Lê Duy-kì avait pu passer la frontière et s'était rendu en Chine. Il implora l'empereur pour qu'il l'aidât à reconquérir son royaume...*). Charles B. Maybon, *Histoire Moderne du Pays d'Annam (1592-1820)*, Librairie Plon, Paris, 1920, p. 297.

1. Tệ hơn nữa, nhiều nghiên cứu lại dựa trên cuốn tiểu thuyết *Hoàng Lê nhất thống chí* để khẳng định về tội danh này.

Trong tấu thư của Tôn Sĩ Nghị đề ngày 26 tháng Sáu năm Càn Long thứ 53 (Mậu Thân) (tức 29-7-1788) có thuật lại lời khai của Nguyễn Huy Túc [quan nhà Lê hộ tống Thái hậu, Vương phi, Vương tử chạy sang đất Thanh] thì:

Ngày 26 tháng Sáu năm Càn Long thứ 51 (Bính Ngọ) (tức ngày 21-7-1786), *Nguyễn Huệ là em của thổ tù Nguyễn Nhạc đem binh tấn công Lê thành* (tức Thăng Long). *Ngày 29 tháng Bảy* (21-9-1786)[1] *thì Nguyễn Nhạc cũng tới nơi. Thần dân các nơi chạy đến cứu viện, anh em Nguyễn Nhạc ngày mồng 7 tháng Tám* (28-9-1786) *thì ra khỏi nước.*

Quốc vương Lê Duy Đoan (黎維端) (tức vua Hiển Tông) *làm mất quốc ấn, sau lại bệnh mà chết. Vì con trưởng chết sớm, cháu nội là Lê Duy Kỳ theo thứ tự được thừa tập, đã viết văn thư xin được* (nhà Thanh) *cấp cho ấn triện. Sau đó, Tự tôn nhận được hịch dụ của Tổng đốc Lưỡng Quảng cho hay là không hợp thể chế, sắp sửa sai sứ thần dâng biểu cáo ai để xin được sắc phong làm An Nam Quốc vương và cấp cho ấn khác.*

Ngờ đâu ngày mồng 1 tháng Chạp năm đó (tức ngày 19-1-1787), *ngụy tướng của Nguyễn Nhạc là Nguyễn Nhậm* (tức Vũ Văn Nhậm) *đem mấy vạn quân công phá kinh thành, Tự tôn* [tức vua Lê Chiêu Thống nhưng ở đây không dám gọi là vua vì chưa được sắc phong của nhà Thanh nên chỉ gọi là Tự tôn, nghĩa là cháu nội được chỉ định nối ngôi] *phải bỏ chạy. Bọn chúng tôi* (tức bọn Nguyễn Huy Túc) *đưa Vương mẫu* (tức Thái hậu), *Vương tử* (tức Lê Duy Thuyên, con trai của Lê Duy Kỳ) *lánh nạn tại xã Bác Sơn, huyện Võ Nhai. Còn Tự tôn thì ngày 25 tháng Giêng năm nay* (Mậu Thân) (tức ngày 2-3-1788) *đến vùng Sơn Nam để điều binh đánh giặc.*

Ngày mồng 6 tháng Tư (11-5-1788), *Nguyễn Huệ quay trở lại quốc thành* (Thăng Long), *có thổ dân ở Lạng Sơn là Quyển Trâm* (卷簪) *cùng phiên mục Cao Bằng Bế Nguyễn Trù* (閉阮儔) *lẩn vào Lạng Sơn, chiêu tập được một số đông quân giặc định cướp vương quyền làm con tin để ngăn trở nghĩa binh. Chúng tôi liền cùng gia đình đưa lên Cao Bằng. Bọn chúng lại đuổi tới Cao Bằng. Chúng tôi chỉ còn cách lên thuyền chạy cho xa.*

---

1. Năm này tháng Bảy âm lịch nhuận nên ngày Nguyễn Nhạc ra Thăng Long phải là tháng Bảy thứ hai vì sử Việt chép rằng Nguyễn Nhạc chỉ ở lại độ mươi ngày rồi quay về.

Ngày mồng 4 tháng Năm vừa qua (7-6-1788), *tới Bác Niệm, truy binh càng lúc càng gần. Ngày 12 tháng Năm* (15-6-1788) *thì chạy được tới bờ sông. Bọn giặc ước chừng ba, bốn trăm tên đuổi tới nơi, không còn đường nào thoát mới khấu đầu qua phía bờ bên kia để xin thiên triều cứu giúp. Thế nhưng, tặc binh đã tới nơi, đành liều mạng mang Vương mẫu, Vương phi, Thế tử và thân thuộc, vượt sông lên bờ. Những ai không kịp qua sông đều bị giết cả...*[1]

Đây là lời khai của vong thần nhà Lê để Tôn Sĩ Nghị lấy cớ tâu lên vua Càn Long nhấn mạnh vào việc quân Thanh có mặt khi đoàn người tỵ nạn vượt biên giới. Sự việc ít nhiều đã được mớm lời để khai cho phù hợp với ý nguyện của họ Tôn dọn đường cho những toan tính của ông ta sau này và nhất là đẹp lòng vua Cao Tông. Tuy nhiên, thực sự xảy ra có điều khác hẳn. *Theo lời thuật lại của chính Lê Quýnh thì đám tòng vong nhà Lê sau khi qua được con suối thì lên một đỉnh núi, do thổ dân đưa đường sống tạm trong một cái hang phải đi hái rễ cây, ăn quả rừng sống tạm mấy ngày.* Mãi đến khi tin đưa tới quan quân nhà Thanh thì Thông phán Trần Tùng mới tới gặp.

... Khi ấy Quốc mẫu, Cung phi và Nguyên tử thì đều ở tại Thái Nguyên, Nhà vua sai Quýnh lên bảo hộ. Tháng Tư năm đó, đến Thái Nguyên thấy quân ít ỏi, thế cấp bách nên đưa Thái hậu qua ở trấn Mục Mã (牧馬), thuộc Cao Bình (高平).

Sang tháng Năm, binh Tây Sơn bất ngờ ập đến, Đốc đồng Nguyễn Huy Túc (阮煇宿) sai Phiên mục Cao Bình là Hoàng Ích Hiểu (黃益曉) đem thương thuyền đưa Quốc mẫu và mọi người xuôi dòng đến Thủy Khẩu quan (水口關), tạm trú ở thôn Phất Mê (弗迷) bên cạnh cửa ải.

Ngày mồng 9 [tháng Năm], quân Tây Sơn kéo rốc đến, Lê Quýnh và Hoàng Ích Hiểu lui về giữ một cái gò nhỏ giữa sông ở Phất Mê. Quân địch vây ở phía tây nam còn phía đông bắc thì quân giữ ải của nội địa [tức Trung Hoa] trấn giữ, tiến thoái đều không được, chỉ còn nước đánh đến chết.

Đến chiều hôm đó, trời mưa lớn lại có gió mạnh, trời tối đen nên nương theo ánh chớp mà qua sông, tìm được một con đường mòn đi vào

---

1. *Khâm định An Nam kỷ lược*, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 137.

trong núi sâu[1] *ở phía bắc Đẩu Áo* (斗隩) *thuộc về nội địa. Gia đình chỉ còn được 7 người.*[2]

Đến khi trời sáng, tìm thấy Quốc mẫu và những người khác ở trong một cái hang núi. Lương thực hết, tìm được vài bắp ngô dâng lên.[3] *Số 60 người còn lại thì ăn rễ cốt túy bổ* (骨碎補)[4] *tươi cùng các loại quả dại cho khỏi đói...*[5]

Về việc này, Giáo sư Hoàng Xuân Hãn cũng dẫn bài "Tháng Năm hộ Từ-giá qua bến Phất-mê" mà ông dịch ra như sau:

---

1. Trong *"Bắc hành tùng ký" (Việt Nam Hán văn tiểu thuyết tùng san,* quyển VI), tr. 99, viết là Đồ Sơn (涂山).

2. Đoạn này các tài liệu khác có nhiều chi tiết hơn.

"Bắc hành tùng ký" (tài liệu *Viện Nghiên cứu Hán Nôm,* in lại trong *Việt Nam Hán văn Yên hành văn hiến tập thành,* đệ Lục sách, tr. 79): "... Quýnh và Hoàng Ích Hiểu chia binh chống giữ, còn Đốc đồng Cao Bình Nguyễn Huy Túc, Phượng Thái hầu Nguyễn Quốc Đống, Trường Sa hầu Phạm Đình Quyền đưa Quốc mẫu qua sông, đi theo bên cạnh ải Đẩu Áo mà vào nội địa."

"Bắc hành tùng ký" (Việt Nam Hán văn tiểu thuyết tùng san, quyển VI), tr. 99, viết: ... Quýnh và Ích Hiểu chia ra hai đầu chống giữ, Đốc đồng Nguyễn Huy Túc, Phượng Thái hầu Nguyễn Quốc Đống, Trường Thu lệnh Phạm Đình Quyền đưa Thái hậu qua sông, theo Đẩu Áo vào nội địa.

Nói tóm lại, hai tài liệu đều nói rõ thêm gia đình vua Lê đã được hộ tống theo đường mòn qua Trung Hoa trước còn Lê Quýnh và Hoàng Ích Hiểu ở lại chống giặc, đến tối nhờ ánh chớp mà vượt sông nên cũng vào trong núi là khu vực thuộc nhà Thanh.

3. *"Bắc hành lược ký"* (Tạp chí *Nam Phong*) 尋得玉燭米數芭以進. *"Bắc hành tùng ký" (Việt Nam Hán văn tiểu thuyết tùng san)* 尋得玉蜀黍數包以進. *"Bắc hành tùng ký" (Viện Nghiên cứu Hán Nôm)* 尋得玉燭米數包以進.

Theo chúng tôi hiểu, bao không phải là một túi mà là bắp ngô sống chưa lột vỏ ngoài. Trong khung cảnh rừng sâu không người, khó có thể tìm ra vài bao ngô như bản dịch của Giáo sư Hoàng Xuân Hãn.

4. Tức *rhizoma drynariae,* là một loại củ dùng trong thuốc Bắc, vị đắng, tính ôn để chữa bệnh giòn xương.

5. Lê Quýnh, *"Bắc hành lược ký"*, Nguyễn Duy Chính dịch (sắp xuất bản).

Thình lình trong chốc lát cờ giặc đầy núi. Xách gươm theo kiệu ra đến bờ sông. Một bè kết bằng năm cây tre chở quốc quyến. Một dây giăng qua sông giúp các quan lội theo... Mưa lớn suốt đêm, rét thấu xương. Sáng dậy nhìn sông nước chảy như bay.[1]

Những chi tiết đó cũng được nhắc lại để xác định rằng đoàn người tỵ nạn phải chia làm hai, một phần chạy trước để lại bảy người đoạn hậu. Họ sở dĩ không bị quân Tây Sơn tiêu diệt cũng nhờ đêm tối, mưa to gió lớn khiến giòng nước chảy xiết nên mới lội qua sông thoát được sang đất Trung Hoa. Sau đó, họ tìm thấy nhau đang ở trong hang núi [chưa gặp quan quân mà chỉ có một vài thổ dân giúp đỡ]. Trong "Tiêu cung tuẫn tiết hành", một bài thơ dài của Nguyễn Huy Túc thuật về cuộc đời của Hoàng phi Nguyễn Thị Kim cũng miêu tả như sau:

[...] *Năm Đinh Vị Tây Sơn khởi biến,*
Cảnh phong trần chợt đến khôn lường.
Ngoài thành rong ruổi xe hương,
Quân Hầu tan tác, bàng hoàng bên sông.
Vó ngựa lạc văn phong mấy độ,
Theo từ vi đến Võ Nhai sơn.
Quần hồng lận đận núi ngàn,
Liễu bồ phải chịu muôn vàn long đong.
Xa trông đợi tin rồng vắng bặt,
Chốn nhàn đình nước mắt chứa chan.
Bỗng đâu tiếng trống nổi ran,
Tướng Cao Bằng rước xe loan lên đường.
Tới Mục Mã vội vàng nghỉ lại,

1. Hoàng Xuân Hãn, *"Bắc hành tùng ký"*, *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, tập II, Hữu Ngọc - Nguyễn Đức Hiền sưu tập và biên soạn, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr. 876-877.

Thuyền vua giong lên ải Phất Mê.
Địch nghe tin kíp đuổi kề,
Tên bay đạn lạc bốn bề rối ren.
Bè một mảng qua phen kinh hãi,
Bao hiểm nghèo rồi lại bình yên,
Vịn cây dẫm đá trèo lên,
Mưa mù lam chướng đầy trên một trời.
Dân sở tại chào mời đưa dắt,
Gập ghềnh theo lối tắt đường ngang.
Hết đường tới núi vào hang,
Giếng thơm trong suốt, nước đang dạt dào...[1]

Tất cả bọn lưu vong nhà Lê chỉ còn 62 người sống sót, trong đó có mẹ Lê Duy Kỳ [Thái hậu] là Nguyễn (Thị) Ngọc Tố (阮玉素) và vợ [Vương phi] là Nguyễn (Thị) Ngọc Đoan (阮玉端)[2], con trai [Vương tử] là Lê Duy Thuyên (黎維詮)[3]. Nhóm người tỵ nạn đó may sao kiếm được mấy bắp ngô chia cho hai người đàn bà và đứa trẻ, còn đàn ông thì phải tìm các loại rễ cây, quả dại.

---

1. Ngô gia văn phái, *Hoàng Lê nhất thống chí*, Nguyễn Đức Vân và Kiều Thu Hoạch dịch, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2002, tr. 425-426.

2. Tên thật là Nguyễn Thị Kim, Giáo sư Hoàng Xuân Hãn viết là Nguyễn Thị Ngọc Thụy, theo tờ trình của Nguyễn Huy Túc thì là Ngọc Đoan. Hai chữ Thụy (瑞) và Đoan (端) rất giống nhau. Nhà Thanh chép lại theo tờ biểu của nhà Lê nên chắc không sai.

3. Cung trung đáng (宮中檔), hòm số 2727, bao số 218: Theo tờ trình của Tôn Vĩnh Thanh đề ngày 1 tháng Sáu năm Càn Long thứ 53 [1788], số hiệu 54179 và tờ trình của Tôn Sĩ Nghị ngày mồng 4 tháng Sáu năm Càn Long thứ 53, số hiệu 54199, tờ trình của Tôn Vĩnh Thanh ngày 13 tháng Sáu, số hiệu 54285. Trang Cát Phát (莊吉發), *Thanh Cao Tông thập toàn võ công nghiên cứu* (清高宗十全武功研究), Đài Loan Cố Cung tùng san, Giáp Chủng số 26, 1982, tr. 359.

III. NHÀ THANH CỨU VIỆN

3.1. Nhà Lê cầu cứu

Sự việc đến đây cũng chưa phải là hết. Những người trốn qua biên giới đều phải đối diện với một vấn đề luật pháp rất phức tạp. Đó là làm sao để được nhà Thanh chấp thuận cho hưởng quy chế *"tỵ nạn"* mà không bị trả về cho quan quân Tây Sơn. Việc kiểm soát qua lại biên giới của nhà Thanh rất chặt chẽ, muốn ra ngoài buôn bán phải có phép của triều đình. Những ai bỏ nước ra đi, nếu không có lý do chính đáng khi trở về nội địa đều bị trọng hình nên đã đi rồi bắt buộc phải tha hương lập nghiệp.

Khi nhà Thanh mới chiếm được Trung Nguyên, một số đông người Trung Hoa không tuân lệnh gióc tóc đuôi sam [theo kiểu người Mãn] nên bỏ quê hương, trốn xuống vùng Đông Nam Á, tạo thành một tầng lớp Hoa kiều gọi là Minh hương [người gốc nhà Minh]. Họ cũng tập họp thành những tổ chức, bang hội để chống lại nhà Thanh (phản Thanh phục Minh) nên việc người trong nước giao dịch với bên ngoài càng bị giám sát kỹ lưỡng để đề phòng thông đồng nổi loạn.

Tại những quốc gia lân cận, không hiếm những biến động chính trị mà Hoa kiều bị tàn sát nhưng nhà Thanh không những không can thiệp mà còn thống mạ coi như đáng đời cho những kẻ phản quốc. Riêng tại Đại Việt, vào cuối đời Lê, ở những khu vực tiếp giáp với Vân Nam, Quảng Tây của Trung Quốc, nhiều người Hoa trốn sang làm phu mỏ ở vùng Tuyên Quang, Thái Nguyên [sử nhà Thanh gọi là xưởng dân]. Nhân dịp quân Thanh tiến sang, những thợ thuyền này đã tập hợp thành hàng ngũ để theo vào Thăng Long, gây ra lắm cảnh nhũng nhiễu. Sau khi thua trận và bị truy sát, một số phải liều mạng chạy qua các cửa ải và nhờ lời tâu của Tôn Sĩ Nghị nên họ được vua Càn Long ân xá.[1]

---

1. Một số đông dân phu chạy vào các làng mạc bị giết chết nâng cao tổng số thiệt hại về số lượng mà sử Việt Nam đương thời ghi nhận nhưng lại không được báo cáo trong các tổn thất chính thức của Trung Hoa.

Người đi ra đã vậy, người nước ngoài vượt biên vào Trung Hoa còn gay go hơn và đây chính là một vấn đề sinh tử của thân quyến và tòng vong nhà Lê. Để tránh bị xử theo luật nhập cư bất hợp pháp, các quan nhà Lê cố chứng minh về hoàn cảnh của mình để xin được hưởng một đặc ân. Sau đây là tờ trình của Nguyễn Huy Túc còn lưu giữ trong văn khố nhà Thanh:

Nguyên văn:

安南國高平府督同阮輝宿，長派侯黎囧，迪郡公黃益曉等奉本國王嗣孫母阮氏玉素命謹薰沐頓肅叅於天朝廣西龍州分府陳，龍憑營都閫府陳，上堂會照。

由於上年十二月初二日，本國適有廣南西山土酋阮岳，一名文平，僞泰德十一年，這係別阮姓，非輔政阮姓者，彼弟阮惠，僞稱上公，差僞節制阮任領兵數萬，直犯京城，本國王嗣孫領各道兵馬會勦，敵眾數敗。

本年三月，阮惠畢眾赴援，國王避於山南下路。職等奉王母，王子，王妃避居高平之那侶。

五月初九日，蠻兵突來刦寨，追剎甚迫，無處奔逃，奉王嗣孫母命，走依貴轄。竊思本國黎王累世臣事天朝，仰蒙聖天子柔懷涵育。今遭此變，故越壤投生，統祈列台上堂垂顧，轉呈上憲，以事題奏，仰惟天覆地載，非所不容，軫及南服，國王臣黎維祁一門母子，均在矜恤，庶得穿喫有依，偷生歲月，待國王憑仗天朝威德，幸克旋京，仍修禮祈請奉迎還國，恢恢蕩蕩難名天皇帝至仁盛德，亦由列台厚鄰憫窮之賜也，今肅叅。

乾隆五十三年五月十二日，這來只用白單，因督鎮印章被追兵搶掠，無憑蓋印，督同阮輝宿肅上，武神衛長派侯黎囧肅上，勇一號正首號迪郡公黃益曉肅上。[1]

Phiên âm:

An Nam quốc, Cao Bình phủ Đốc đồng Nguyễn Huy Túc, Trường Phái hầu Lê Quýnh, Địch quận công Hoàng Ích Hiểu đẳng phụng bản quốc vương tự tôn mẫu Nguyễn Thị Ngọc Tố mệnh, cẩn huân mộc

---

1. Quân cơ xứ, "Nguyệt triệp bao", hòm số 2778, bao 163, số hiệu 39031, bản sao tờ trình của di mục nước An Nam đề ngày 12 tháng Năm năm Càn Long thứ 53 [1788]. Trang Cát Phát, *Thanh Cao Tông thập toàn võ công nghiên cứu*, sđd, tr. 345-346.

đốn túc giản ư thiên triều Quảng Tây Long Châu phân phủ Trần, Long Bằng doanh Đô Khổn phủ Trần, thượng đường hội chiếu.

Do ư thượng niên thập nhị nguyệt sơ nhị nhật, bản quốc thích hữu Quảng Nam Tây Sơn thổ tù Nguyễn Nhạc, nhất danh Văn Bình, ngụy Thái Đức thập nhất niên, giá hệ biệt Nguyễn tính, phi phụ chính Nguyễn tính giả, bỉ đệ Nguyễn Huệ, ngụy xưng thượng công, sai ngụy tiết chế Nguyễn Nhậm lãnh binh sổ vạn, trực xâm kinh thành, bản quốc vương tự tôn lãnh các đạo binh mã hội tiễu, địch chúng sổ bại.

Bản niên tam nguyệt, Nguyễn Huệ tất chúng phó viện, quốc vương tự ư Sơn Nam hạ lộ. Chức đẳng phụng vương mẫu, vương tử, vương phi tự cư Cao Bằng chi Na Lữ.

Ngũ nguyệt sơ cửu nhật, man binh đột lai kiếp trại, truy sát thậm bách, vô xứ bôn đào, phụng vương tự tôn mẫu mệnh, tẩu y quý hạt. Thiết tư bản quốc Lê vương lũy thế thần sự thiên triều, ngưỡng mông thánh thiên tử nhu hoài hàm dục. Kim tao thử biến, cố việt nhưỡng đầu sinh, thống kỳ liệt đài thượng đường thúy cố, chuyển trình thượng hiến, dĩ sự đề tấu, ngưỡng duy thiên phúc địa tải, phi sở bất dung, chẩn cập nam phục, quốc vương thần Lê Duy Kỳ nhất môn mẫu tử, quân tại căng đát, thứ đắc xuyên khiết hữu y, thâu sinh tuế nguyệt, đãi quốc vương bằng trượng thiên triều uy đức, hạnh khắc toàn kinh, nhưng tu lễ kỳ thỉnh phụng nghinh hoàn quốc, khôi khôi đãng đãng nan danh thiên hoàng đế chí nhân thịnh đức, diệc do liệt đài hậu lân mẫn cùng chi tứ dã, kim túc giản.

Càn Long ngũ thập tam niên ngũ nguyệt thập nhị nhật.

Giá lai chỉ dụng bạch đơn, nhân đốc trấn ấn chương bị truy binh sang lược, vô bằng cái ấn.

Đốc đồng Nguyễn Huy Túc túc thượng,

Võ thần vệ Trường Phái hầu Lê Quýnh túc thượng,

Dũng nhất hiệu chính thủ hiệu Địch quận công Hoàng Ích Hiểu túc thượng.

Dịch nghĩa:

Đốc đồng phủ Cao Bằng nước An Nam là Nguyễn Huy Túc, cùng với Trường Phái hầu Lê Quýnh, Địch quận công Hoàng Ích Hiểu phụng mệnh

thân mẫu của Quốc vương là Nguyễn Thị Ngọc Tố kính cẩn trình lên phân phủ họ Trần đất Long Châu, đô khổn phủ họ Trần đất Long Bằng, Quảng Tây, cùng xem xét:

Nguyên ngày mồng hai tháng Chạp năm ngoái, thổ tù đất Quảng Nam Nguyễn Nhạc là bên ngoại (nguyên văn thích là người liên quan vì hôn nhân chứ không phải do máu huyết) của nước chúng tôi, còn có tên là Văn Bình (ở đây nhầm Nguyễn Huệ và Nguyễn Nhạc), năm ngụy Thái Đức thứ 11, bọn chúng vốn không phải họ Nguyễn, cũng không phải họ Nguyễn phụ chính (tức chúa Nguyễn trong Nam), em của y là Nguyễn Huệ, ngụy xưng là Thượng Công, sai ngụy tiết chế là Nguyễn Nhậm (tức Vũ Văn Nhậm) đem mấy vạn quân thẳng đến kinh thành, Quốc vương nước tôi lãnh binh các đạo chống giữ đánh thắng được địch mấy lần.

Tháng Ba năm nay, Nguyễn Huệ đem quân đến tiếp viện, Quốc vương phải lánh nạn ở hạ lộ Sơn Nam. Bọn chúng tôi đưa Vương mẫu, Vương tử, Vương phi đến trốn tránh ở Na Lữ, đất Cao Bằng.

Ngày mồng chín tháng Năm, man binh bất ngờ đến cướp trại, truy sát rất gấp, không nơi chạy trốn, bọn chúng tôi phụng mệnh mẹ của Tự tôn (tức Lê Duy Kỳ) *chạy đến quý hạt. Trộm nghĩ, vua Lê nước tôi nhiều đời phụng sự thiên triều, vẫn mong được thánh thiên tử chăm lo dạy dỗ. Nay gặp phải biến cố này nên cố bỏ đất mà chạy đến đây, mong được quý đài chiếu cố, trình lên thượng hiến, tâu lên mọi việc, cũng mong trời che đất chở không gì là không dung chứa, đoái hoài đến cả kẻ ở phương Nam là mẹ con của Quốc vương chúng tôi Lê Duy Kỳ đều được thương xót, có nơi nương tựa, sống nốt tháng ngày, đợi khi Quốc vương nhờ uy đức thiên triều lại trở về được kinh đô, khi đó đón trở về nước, dương danh chí nhân thịnh đức của Thiên hoàng đế thì cũng là do quý liệt đài thương xót mà ban cho, nay trình lên.*

Càn Long năm thứ 53, ngày 12 tháng Năm.

Ở đây chỉ viết đơn không vì ấn chương đốc trấn đã bị truy binh cướp mất, không thể đóng dấu được.

Đốc đồng Nguyễn Huy Túc cúi lạy,

Võ thần vệ Trường Phái hầu Lê Quýnh cúi lạy,

Chính thủ hiệu Địch quận công Hoàng Ích Hiểu cúi lạy.

Tờ biểu này cho chúng ta biết thêm một số chi tiết: đoàn người bị lạc và tạm trú trong hang động khoảng 3 ngày (mồng 9 đến 12) thì gặp quan quân nhà Thanh. Đây cũng chỉ là một tờ trình cho quan lại địa phương (Thông phán Trần Tùng) cấp bậc tương đối thấp [phủ huyện], với mục đích xin tỵ nạn tạm một thời gian. Đối chiếu với lời tâu của Tôn Sĩ Nghị ở trên, rõ ràng họ Tôn đã giấu đi chuyện nhóm nhà Lê sang Trung Hoa từ mồng 9 đến 12 (khi quan nhà Thanh hay biết) mà nói rằng ngày 12 mới bị đuổi tới bờ sông, có quân Thanh đến cứu.

Những văn quan nhà Lê cũng hiểu rằng tuy nói thế nhưng thực tế không đơn giản, việc sống chết chưa biết ra sao nói gì đến việc lấy lại nước. Tình hình trong hai năm qua cho thấy những nhóm thổ hào Bắc Hà sau khi chúa Trịnh đổ, không ai có thể là đối thủ của Tây Sơn, về lực lượng cũng như về tài trí. Các viên chức địa phương của nhà Thanh cũng không biết nội vụ thực hư thế nào nên chỉ tạm thời cho 62 người "*tỵ nạn An Nam*" một chỗ ăn ở và lập tức báo cáo lên Tuần phủ Quảng Tây Tôn Vĩnh Thanh để ở đây lại báo lên Tổng đốc Lưỡng Quảng Tôn Sĩ Nghị.

Chỉ đến khi việc tạm trú được chấp thuận rồi và cũng đã hoàn hồn, một kế hoạch mới nảy sinh: đó là xin được can thiệp để có một mảnh đất dung thân tương tự như trước đây nhà Minh ép nhà Lê cắt đất Cao Bằng cho họ Mạc. Giáo sư Hoàng Xuân Hãn khi dịch "*Bắc hành tùng ký*" cũng có phụ chú như sau:

Nguyễn Huy-Túc, chủ động trong các việc đón đưa Thái-hậu có để lại một số thơ làm ta biết thêm một vài điều. Quê xã Kim-lũ, huyện Thanh-trì, Huy-Túc là con Tiến sĩ Công Án. Năm Đinh-mùi (1787) được cử làm Đốc-đồng Cao-bằng. Mấy tháng sau, Đốc-trấn Nguyễn Đình-Tố mất. Huy-Túc nối chức. Tháng Chạp được tin Lạng-sơn báo việc Tây-sơn chiếm Thăng-long và Chiêu-thống chạy lên Bắc. Huy-Túc định đón vua Lê lên giữ Cao-bằng làm căn cứ để phục hưng. Tháng Giêng năm sau (1788) đem quân tới Thái-nguyên tìm vua, và định tựa vào Thanh mà giữ vùng Bắc. Tháng Tư, mới rõ chỉ có cung quyến chạy lên Thái-nguyên và còn trú ở Vũ-nhai, tại Vung-mõ. Huy-Túc tới đem cung-quyến lên Cao-bằng. Trong tập thơ ký sự, có ba bài nói rõ những ý ấy: Nghe tin vua bỏ Kinh mà sợ, Xin theo người xưa giữ đất Bắc. Bốn châu liền nhau đều đất hiểm. Ai bảo rằng từ xưa nay không thể dấy nền vua ở đó. Trung quốc đồng lòng với ta thì ắt ta còn. Đánh từ phía bắc đó là bổn-phận

tôi để báo ơn vua một phần nào... Trộm nghĩ rằng Vũ-nhai gần nơi khói lửa. Chẳng bằng trấn Cao-bằng địa-hình xa sâu...[1]

Bốn châu liền nhau có lẽ để chỉ bốn châu ở Cao Bằng xưa kia nhà Thanh ép nhà Lê giao cho Mạc Kính Vũ.

Thế nhưng ý này có lẽ cũng không phải là nguyên ủy của sự việc. Như chúng tôi đã nhấn mạnh, khi chạy sang Trung Hoa, đoàn người chỉ nhằm mục tiêu trước mắt là sao cho khỏi chết. Đêm dài lắm mộng, thơ văn thời xưa thường thi vị hóa một số sự kiện và sử dụng những sáo ngữ như xe loan, xe hương, quốc mẫu... khiến người đọc khó hình dung ra được sự thực như thế nào? Tuy nhiên, chúng ta có thể đoán chừng ước vọng *"nhất khoảnh giang sơn"* chỉ có về sau khi được quan lại nhà Thanh vừa mớm lời, vừa hứa hẹn còn thực tế lúc đó chỉ là một đoàn người lôi thôi lếch thếch, hồn bất phụ thể, vừa đói vừa rét xin được dung thân, nhất là đừng bị giao trả qua biên giới.

3.2. Thanh triều đáp ứng

Một điều di thần nhà Lê không ngờ được là tình hình Đại Việt đều được Tuần phủ Quảng Tây Tôn Vĩnh Thanh và Lưỡng Quảng Tổng đốc Tôn Sĩ Nghị dò xét tương đối đầy đủ và họ cũng có dự trù một kế hoạch để hợp thức hóa việc can thiệp vào Đại Việt. Chính vì thế, khi được báo cáo là một nhóm hoàng tộc nhà Lê chạy sang Long Bằng, Tôn Sĩ Nghị lập tức tâu lên vua Càn Long với nhiều chi tiết thuận theo chiều hướng ông ta đang theo đuổi:

Thần tra xét quốc chính nước An Nam lâu nay vẫn do hai họ Nguyễn, Trịnh nắm quyền, mấy chục năm qua, vua Lê chỉ giữ nước mà không phải làm gì cả, một mực cung thuận thiên triều. Hai họ Trịnh, Nguyễn có điều e ngại nên không dám làm chuyện soán đoạt. Nay Nguyễn Nhạc chiếm luôn quyền của họ Trịnh, đoạt lấy quốc đô, tàn sát quyến thuộc họ Lê, lại dụ dỗ những

---

1. Hoàng Xuân Hãn, *"Bắc hành tùng ký"*, *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, tập II, sđd, tr. 876.

vùng phụ cận như Cao Bình, Lạng Sơn theo giặc, phòng bị thiên triều hưng binh vấn tội, tình hình đã rõ ràng. Thành ra nếu như nội địa chúng ta ở bên cạnh chỉ lặng thinh không động tĩnh gì, thì họ sẽ nghĩ rằng thiên triều không lý gì đến chuyện của ngoại di càng thêm càn rỡ giết hại Tự tôn để cho quần chúng không còn tưởng vọng gì nữa mà các trấn mục vốn có lòng với họ Lê, thấy Tự tôn bị diệt rồi, không còn chỗ nào quay về.

Ngoài ra, con cháu họ Lê những ai chưa nổi dậy thì thế cũng không phấn chấn lên được, ắt cũng không hết sức mà cam tâm theo giặc. Khi đó, đảng tập đã vững chắc, thế giặc lên cao, có muốn làm gì cũng khó. Vậy lúc này, nhân thuộc quốc có loạn, nội địa nên hao phí binh mã tiền lương ngay, nhưng thần, hiểu biết nông cạn, không dám đảm trách biện lý chuyện này.

Tra xét phủ Thái Bình tỉnh Quảng Tây và phủ Liêm Châu tỉnh Quảng Đông, hai phủ Khai Hóa, Lâm An tỉnh Vân Nam đều tiếp giáp với đất An Nam, vậy có nên trước lên tiếng sau làm thực [tiên thanh hậu thực (先聲後宴), *xin thỉnh hoàng thượng ban sắc chỉ ra lệnh cho Tả Giang trấn, Cao Liêm trấn cùng Khai Hóa, Lâm An hai trấn nơi nơi chuẩn bị binh mã thuyền bè, thao luyện dương oai, đánh tiếng sắp sửa chia ra tiến đánh. Lại cho các nơi truyền hịch dụ cho trấn mục đến đầu thuận, hiệp lực giết giặc, hộ tống Tự tôn trở về, lại ra lệnh cho trói Nguyễn Nhạc lại giải giao cho thiên triều, như thế thanh uy rất lớn làm cho thế giặc suy giảm.*

Nếu tính theo toàn lực đất An Nam mà luận, thật không thể nào đương cự nổi bốn lộ quân của ba tỉnh chúng ta, thần ngu si cho rằng những tin tức như vậy truyền đến An Nam, những kẻ chưa theo giặc kiên định tâm chí ắt sẽ ra sức đi trước, còn kẻ đã theo giặc rồi nghe tiếng chấn động ắt sẽ trở giáo mà theo về.

Nếu Lê Duy Kỳ hiện nay vẫn còn sống, thần nghĩ rằng nghịch phỉ chắc không dám làm hại để chọc giận thiên triều. Tự tôn nếu còn ắt lòng người đi theo, phục quốc thật dễ dàng. Xin khẩn cầu hoàng thượng đặc biệt phái đại thần, thống lãnh quan binh, hộ tống quyến thuộc nước kia xuất quan, ra lệnh cho Tự tôn đích thân đến biên giới đón mẹ về.[1]

---

1. *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển II, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 144-145-146.

3.2.1. Chiêu bài Hưng diệt kế tuyệt, Tự tiểu tồn vong (興滅繼絕, 字小存亡)

Các bộ sử Trung Hoa khi đề cập đến chiến dịch Thanh-Việt đều nhấn mạnh vào nguyên nhân chính đáng của việc Tôn Sĩ Nghị đem quân sang Đại Việt. Đó là mục tiêu *"Hưng diệt kế tuyệt, Tự tiểu tồn vong"*[1] đối với họ Lê, một nghĩa vụ thiên triều nước lớn bắt buộc phải làm cho một nước nhỏ vốn là phiên thuộc của họ.

Thời quân chủ, trong bất cứ một can thiệp quân sự nào liên quan đến bên ngoài, nhất là khi tấn công một quốc gia hay dân tộc gần bên, sử Trung Hoa đều nêu lên một lý do chính đáng mà không bao giờ thú nhận những âm mưu đen tối của họ. Hệ thống tư tưởng nhân trị, phân biệt chiến tranh công chính với không công chính đã khiến họ hết sức nhấn mạnh đến vai trò *"điếu dân phạt tội"*, mặc dù thực chất chỉ là một cuộc xâm lăng, giành dân cướp đất.

3.2.2. Truy tìm vua Lê

Trong nhiều thế kỷ, người dân Đại Việt luôn luôn chỉ coi những việc tranh chấp nội bộ, dù là Trịnh-Nguyễn phân tranh hay những cuộc nổi dậy trên một địa bàn lớn và kéo dài nhiều năm, là việc của riêng mình, mượn tay Thanh triều để lấy lại nước cho mình là điều ngoài sở liệu.

Như trên đã trình bày, ngay cả khi thân quyến và tùy tòng nhà Lê chạy được sang đất Thanh, họ chỉ xin được tỵ nạn một thời gian để chờ Tự tôn khôi phục được nước sẽ sang đón về.[2] Việc nương nhờ

---

1. Nghĩa là: Dấy lên kẻ đã bị diệt, nối lại dòng đã bị đứt, nuôi nấng kẻ nhỏ làm cho mất rồi lại còn.

2. Đây cũng chỉ là chỗ dựa để mong được nhà Thanh cho tá túc chứ thực sự tình hình lúc đó, vua Lê sống chết thế nào cũng không ai biết. Miền Bắc tuy có nhiều khu vực cát cứ, thổ hào và cựu thần Lê-Trịnh còn có lực lượng ở địa phương nhưng sự trung thành với triều đình chỉ là hình thức. Nhiều người sẵn lòng đổi vua chúa lấy một tước vị nên không chỗ nào có thể coi là an toàn. Nếu vua Chiêu Thống lạc vào tay họ, tính mạng chưa chắc đã hơn gì Đoan Nam vương Trịnh Khải.

đó không nằm trong ý định cầu viện mà vì luật pháp của nhà Thanh rất nghiêm nhặt với những ai vượt biên giới vào sống bất hợp pháp ở *"nội địa"* [đất Trung Hoa]. Gay go hơn cả, tất cả 62 người chạy được qua đất Trung Hoa đều không có giấy tờ chứng minh thân phận hay xuất xứ, còn những người tự nhận là quan nhà Lê với tước hầu, tước bá lại không ai có ấn tín làm bằng. Đối với nhóm người này, việc người Thanh dung chứa không trị tội hay đuổi về cũng đã là một đặc ân, nói gì được cung cấp nơi ăn chốn ở và giúp đỡ để lấy lại nước.

Thế nhưng có biết đâu một số quan lại nhà Thanh lại coi đây là cơ hội bằng vàng để lập chiến công ngõ hầu thăng quan tiến tước, lại rửa được cái nhục bại trận ở Miến Điện là vết thương lòng lúc nào cũng ray rứt vua Càn Long. Một lần nữa, chiêu bài *"Hưng diệt kế tuyệt, Tự tiểu tồn vong"* lại được đưa ra để can thiệp vào nước nhỏ.

Để việc đem quân sang Đại Việt có chính danh, Tôn Sĩ Nghị phải có được một lá thư chính thức của Lê Duy Kỳ - người nhà Lê được coi như kế thừa đích thực - lên tiếng cầu viện. Theo kế hoạch *"đập cỏ tìm rắn"*, nhà Thanh trước hết nhân danh thiên triều bảo vệ nước nhỏ gửi sang Đại Việt một bố cáo để đe dọa đối phương, khuyến dụ thổ mục nhưng mục đích chính là để vua Lê tự xuất hiện.

Tờ hịch đó nội dung như sau:

Nguyên văn:

諭知該國，以阮岳，阮惠，退出黎城。仍回伊等故土。是其心不敢干犯天朝法紀。尚可不事苛求。

至爾鎮目人等。理應即日迎還故主。仍就藩封。倘竟彼此觀望遷延。暗爲阮姓守土。不肯迎請嗣王。則是爾國綱紀蕩然。全不知君臣大義。且爾等身係安南職官。轉不如爾國百姓。

倘能依戀黎王舊德。紛紛向關呈請。願効前驅。爾等清夜問心。置身何地。此番出示之後。爾等立即擁戴黎氏。迎請返正。則前此從逆與否。概置不問。

如仍執迷不悟。更無効順之心。即當一面奏聞大皇帝。一面親統大兵。尅期進剿。諒蕞爾一隅。豈能抗我王師。勢將咸就誅夷。爲爾國永垂炯戒等因。愷切曉諭。[1]

Phiên âm:

Dụ tri cai quốc, dĩ Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ thoái xuất Lê thành. Nhưng hồi y đẳng cố thổ. Thị dĩ tâm bất cảm can phạm thiên triều pháp kỷ. Thượng khả bất sự hà cầu.

Chí nhĩ trấn mục nhân đẳng. Lý ứng tức nhật nghinh hoàn cố chủ. Nhưng tựu phiên phong. Thảng cánh bỉ thử quan vọng thiên diên. Ám vi Nguyễn tính thủ thổ. Bất khẳng nghinh thỉnh tự vương. Tắc thị nhĩ quốc cương kỷ đãng nhiên. Toàn bất tri quân thần đại nghĩa. Thả nhĩ đẳng thân hệ An Nam chức quan. Chuyển bất như nhĩ quốc bách tính.

Thảng năng y luyến Lê vương cựu đức. Phân phân hướng quan trình thỉnh. Nguyện hiệu tiền khu. Nhĩ đẳng thanh dạ vấn tâm. Trí thân hà địa. Thử phiên xuất thị chi hậu. Nhĩ đẳng lập tức ủng đái Lê thị. Nghinh thỉnh phản chính. Tắc tiền thử tòng nghịch dữ phủ. Khái trí bất vấn.

Như nhưng chấp mê bất ngộ. Cánh vô hiệu thuận chi tâm. Tức đương nhất diện tấu văn đại hoàng đế. Nhất diện thân thống đại binh. Khắc kỳ tiến tiễu. Lượng tối nhĩ nhất ngung. Khải năng kháng ngã vương sư. Thế tương hàm tựu tru di. Vi nhĩ quốc vĩnh thừa quýnh giới đẳng nhân. Khải thiết hiểu dụ.

Dịch nghĩa:

Dụ cho [người] *nước kia được biết:*

Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ rút khỏi Lê thành trở về đất cũ của chúng, ấy là trong bụng không dám phạm vào pháp kỷ của thiên triều nên chẳng dám quấy nhiễu nữa.

---

1. ***Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển III, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 170.**

Trấn mục các ngươi đáng ra phải lập tức đón chủ cũ về để được phiên phong[1]*. Còn như lần khân người nọ trông người kia, lén giữ đất cho họ Nguyễn, không chịu nghinh tiếp tự vương, vậy là nước các ngươi cương kỷ lỏng lẻo chẳng biết chi là đại nghĩa quân thần. Quan chức An Nam như các ngươi hóa ra lại không bằng thường dân bách tính.*

Vậy nếu còn nhớ đến đức cũ của vua Lê thì các ngươi phải rầm rộ chạy đến cửa quan tình nguyện ra sức đi đầu, sáng tối tự hỏi nên để thân ở chỗ nào?

Sau khi cáo thị này gửi ra rồi, các ngươi phải lập tức ủng hộ nghinh đón họ Lê, quay đầu về nẻo chính, trước đây lỡ theo giặc, phạm sai lầm cũng bỏ qua không hỏi đến.

Còn như vẫn còn chấp mê không tỉnh, ấy là không biết hướng về chỗ thuận thì ta sẽ vừa tâu lên đại hoàng đế, vừa đích thân thống lãnh đại binh, định ngày tiến tiễu, dẻo đất cỏn con của các ngươi có thể chống với vương sư hay sẽ bị giết sạch?

Vì chưng muốn nước các ngươi được thiên triều soi chiếu mãi mãi nên ta thiết tha hiểu dụ.

Những tờ hịch đó được người còn hoài Lê bí mật đem đến cho vua Chiêu Thống đang lẩn trốn ở Hải Dương và ông lập tức viết một lá thư cầu cứu. Lá thư đầu tiên của Lê Duy Kỳ gửi Tôn Sĩ Nghị còn tàng trữ trong văn khố Trung Hoa[2] dịch ra như sau:

Tự tôn An Nam Quốc vương là Lê Duy Kỳ cùng các quan văn võ cung kính dâng thư lên Thiên triều Thái tử Thái bảo Binh bộ Thượng thư kiêm Đô sát viện Hữu Đô ngự sử Tổng đốc Quảng Đông Quảng Tây các địa phương quân vụ thế tập nhất đẳng khinh xa Đô úy (họ) *Tôn,* (cùng) *Binh bộ Thị lang kiêm Đô sát viện Hữu phó Đô ngự sử Tuần vũ Quảng Tây Đề đốc quân vụ các xứ kiêm trông coi lương hướng Tôn Đường Viện hai vị đại nhân:*

Kỳ tôi vốn còn trẻ tuổi, gặp lúc nhà nhiều tai nạn. Tháng Sáu năm Bính Ngọ [1786]*, giặc Quảng Nam trong nước là Nguyễn Văn Nhạc lấy danh*

---

1. Phong làm phiên thuộc.

2. Cung trung đáng, hòm 2778, bao 163, số hiệu 39024, Lê Duy Kỳ giản văn đề ngày 24 tháng Tám năm Càn Long thứ 53. Trang Cát Phát, *Thanh Cao Tông thập toàn võ công nghiên cứu*, sđd, tr. 356-357.

nghĩa đánh họ Trịnh, sai em là Nguyễn Văn Bình xua quân nhập khẩu, nhân vì ông của thần đang bệnh nặng nên việc phòng ngự lỏng lẻo, (thành ra) *phủ thành không giữ được, ông của Kỳ chẳng may lìa đời, y mới hiếp chế, may nhờ lòng người chưa quên, khắp nơi nổi dậy tấn công, y đành phải vơ vét đồ dùng khí dụng, luôn cả quốc ấn đem đi.*

Người dân để cho Kỳ tôi nắm quyền chủ nước cho đến tháng Chạp năm Đinh Mùi [1787] *thì Nguyễn Văn Bình phản lại anh, chiếm lấy thành Thuận Hóa, rồi quay lại cướp bóc. Khi đó nước mới kiến tạo, tài lực hai đàng đều cạn kiệt, không thể bảo vệ cương vực, khiến y tiến thẳng đến kinh thành, rồi xưng thiên hoàng đế, kỷ nguyên Thái Đức, sưu cao thuế nặng, thật là lầm than. Dân chúng vì sợ uy lệnh nên đành phải miễn cưỡng tuân theo, Kỳ tôi phải chạy ra ngoài, cùng thần dân tính chuyện khôi phục, nhưng đại thế đã mất, ít không chống được với đông người, đỡ đông chạy tây rồi cũng phải tan.*

Đến tháng Tư năm nay [1788], *thân mẫu của Kỳ tôi cùng quyến thuộc đem thân qua quý hạt, mong được đề tấu, may được hai vị đại nhân dung nạp, xem xét rõ sự tình, yết dụ cáo tri đại nghĩa, bản hịch tới tay, Kỳ tôi cùng văn võ quan viên đọc đi đọc lại, thực cảm kích không đâu cho hết, thâm kiến hai vị đại nhân trên thì tỏ lòng nhân đức trời cao, dưới biểu lộ chỗ tình cận kề, thương cho lòng thành của kẻ thế cô bị cướp mất cơ nghiệp, nên tỏ ra thành lời.*

Người dân trong nước nghe được cũng bi phẫn đứng lên, ai nấy tự sắm sửa giáp binh, công phá thành ấp, ngày ngày mong đợi vương sư kéo đến, riêng Kỳ tôi nay chỉ còn chút hơi tàn, không tự mình nổi lên được, lòng chỉ muốn đem thây gửi nơi nội địa (chỉ Trung Quốc), *dựa vào oai linh của thiên triều, nhưng vì đường sá gian nan trở ngại, mỗi cử động đều bị dòm ngó, quốc ấn lại luân lạc mất rồi, nên không dám mạo muội ra mặt, e thất lễ của kẻ bầy tôi, nghĩ lại tổ tông của Kỳ này, đời đời ở cõi Nam, luôn giữ phận triều cống, nay không giữ được nước để đến nỗi lang thang hèn hạ, trên thì mất chức phiên phong, dưới thì đắc tội với dân chúng, làm phiền nhiễu cả uy phong khiến cho vương sư mất công từ xa kéo đến, Kỳ tôi thực hết sức hoảng hốt, nay không còn đất để dung thân, chỉ mong thánh đức thể niệm cho nội ngoại ai chẳng là kẻ vương thần, cúi mong hai vị đại nhân nghĩ tình ngày trước mà đề đạt lên cho thiên tử, thương xót cho kẻ cô nguy nơi hoang viễn, sinh linh đồ thán, cứu kẻ đang ở nơi nước lửa, trải rộng đức chí nhân.*

Cứ trộm nghĩ theo hình thế bán quốc, phía đông, phía nam là biển cả, phương tây phương bắc tiếp giáp nội địa (Trung Quốc), *bọn giặc thắng thế quen mùi trở*

nên kiêu ngạo, phòng thủ lơ là, trong thành cùng ngoài các đạo cựu binh chưa đầy 6 vạn, quá nửa là quốc dân bị bức bách, không có lòng chiến đấu. Nay truyền cho nghe rằng quân thiên triều đã tới nơi, nếu như không biết hối tội, thì thế ắt sẽ mỗi người dân đều là một người lính, mọi nhà đều là chỗ cung cấp lương ăn, đem tính mạng ra chiến đấu, để thử xem mũi nhọn thế nào, chỉ trong sớm tối hai bề thủy lục cùng tiến, bốn mặt giáp công. Thế bên kia chia rẽ, sức yếu, không cứu ứng được nhau, thần dân bản quốc tình nguyện ứng nghĩa mà xông lên trước, tặc đồ không đánh cũng tan.

Kỳ tôi trốn ở nơi xa xôi hẻo lánh, thực trông mong hết sức, cảm ơn tái tạo của Thiên hoàng đế, lại do hai vị đại nhân hết sức giúp đỡ, cũng may nhờ vào ân đức tổ tiên, không uổng công bôn tẩu nên được bề trên chấp thuận, Kỳ tôi cùng các bầy tôi văn võ, nguyện ghi khắc trong lòng, nên hôm nay cung kính dâng thư này.

Ngày 24 tháng Tám, Càn Long năm thứ 53 [1788].

3.2.3. Quân Thanh đáp lời cầu viện

Trước đó, Tôn Sĩ Nghị đã cho thám tử đi dò xét, đặt nhiều trạm tin tức nhưng chỉ thu lượm được những tin tức không rõ rệt về Lê Duy Kỳ. Vì thế, nhà Thanh phải đưa hai "*phái đoàn*", một đoàn theo đường thủy Quảng Đông [Lê Quýnh], một đoàn theo đường Vân Nam [Nguyễn Quốc Đống, Nguyễn Đình Mai] về kiếm vua Lê; đồng thời phát hịch hăm dọa và kêu gọi các thổ mục, quan lại dọc theo biên giới nổi lên chống lại Tây Sơn để giúp Lê Duy Kỳ lấy lại nước.

Tháng Tám năm Mậu Thân [1788], khi Lê Duy Đản[1] còn đang ẩn trốn thì nhận được chỉ của vua Lê sai Lan Trì bá Vũ Trinh[2] cho vời gặp, đồng thời ban cho 4 chữ ngự bút 節氣可嘉 (*Tiết khí khả gia*)[3]. Ông lên gặp vua Lê, đường sá lầy lội vì mưa dầm, đi theo chỉ có một người

1. Sinh năm 1743, người làng Hương La, huyện An Phong, tỉnh Bắc Ninh, đỗ Tiến sĩ khoa Ất Mùi [Cảnh Hưng thứ 36, 1775].

2. Tự Duy Chu, hiệu Lai Sơn biệt hiệu Lan Trì Ngư Giả, người Lang Tài, Bắc Ninh. Trần Văn Giáp, *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*, tập II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990, tr. 149.

3. Tiết khí đáng khen.

đầy tớ, thật là gian khổ. Cũng thời gian đó, phái đoàn Lê Quýnh đi từ Khâm Châu ngày mồng 4 tháng Tám, theo đường thủy đến được Tứ Kỳ (Hải Dương) ngày mồng 8 tháng Chín gặp vua Lê đang trốn tránh ở thôn Ngọc Lâu (玉樓), Cẩm Giang (錦江).

Để cho xứng với một sứ bộ triều đình, vua Chiêu Thống phong cho Lê Duy Đản lên tước bá [Hương Phái bá - (香派伯), cầm quốc thư sang Trung Hoa. Phái đoàn gồm hai người, Hương Phái bá Lê Duy Đản làm chánh sứ, Định Nhạc bá Trần Danh Án[1] làm phó sứ. Người thứ ba đi cùng là Lê Quýnh không đóng vai trò sứ thần mà làm hướng đạo và liên lạc viên.

Sắp xếp lại theo thời gian, khoảng tháng Bảy thì nhà Thanh phát hịch, đầu tháng Tám vua Lê biết tin nên một mặt cho người đi kiếm Lê Duy Đản một mặt viết thư [ngày 24 tháng Tám] cho người đem sang Trung Hoa. Cùng lúc đó, Tôn Sĩ Nghị sai Lê Quýnh [theo đường biển Quảng Đông] và Nguyễn Quốc Đống [theo đường bộ Vân Nam] về kiếm vua Lê. Đến mồng 8 tháng Chín, Lê Quýnh về gặp vua Lê trình bày mọi việc, thấy rằng một lá thư tay gửi Tôn Sĩ Nghị chưa đủ lễ nghi mà phải cử một phái bộ chính thức mang quốc thư sang cầu viện, nhất là không có quốc ấn [tức ấn *An Nam Quốc vương* mà nhà Thanh ban cho họ Lê đã bị thất lạc] nên càng cần những người có vai vế đem đi. Vua Lê cử ngay Trần Danh Án, thêm ông chú họ là Lê Duy Đản, đều là Tiến sĩ xuất thân. Trần Danh Án vốn là cận thần ở cùng với vua Lê lâu nay, còn Lê Duy Đản là đồng tộc nên việc đi sứ cũng đồng thời đem tin nhà vì biết rằng nhà Thanh sẽ cho gặp Thái hậu, Vương phi để nhận diện hầu bảo đảm rằng đúng là người của vua Lê gửi sang thật.

Ngày 15 tháng Chín năm đó, Lê Quýnh đưa Lê Duy Đản và Trần Danh Án lên đường sang Trung Hoa. Lá thư chính thức cầu viện do sứ thần mang theo như sau:[2]

---

1. Người xã Bảo Triện, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đỗ Nhị giáp Tiến sĩ khoa Đinh Mùi (Chiêu Thống thứ 2, 1787).

2. Quân cơ xứ, "Nguyệt triệp bao", hòm 2778, bao 163, số 39026. Tờ trình của Lê Duy Kỳ đề ngày 15 tháng Chín năm Càn Long thứ 53 [1788]. Trang Cát Phát, *Thanh Cao Tông thập toàn võ công nghiên cứu*, sđd, tr. 352.

Nguyên văn:

安南國王嗣孫黎維祁謹申

天朝太子太保兵部尚書兼都察院右都御史世襲一等輕車都尉總督廣東廣西等處地方軍務兼理糧餉部堂大人行台前。

伏見大皇帝

丕圖蕩蕩，冠皇王帝宿之成攻。

仁道肫肫，以天地父母而爲量。

威加有截，德溥無邊。

祁家祖宗

茅土久輯共球，逮祁撫馭乖方。

致淪黎社，微軀躲避於窮簷，骨肉投生於天界錦稻。

六十餘口老小，均霑筅簞，夏秋及冬懈幪彌至。

曠前編而未有沐天渥以忘亡。

雖祁哀未達於微忱，而卹愚先恢於宸斷。

立啟旌鉞，調五省數十萬之貔貅，並集艘艫，運幾路億萬千之銀米。

點齊王旅，正使天時。

更念祁身處憂危，令探行止。

優錫陪臣歸訪之賮，荷天貺而銘心，鄭重母氏回國之憑，仰聖廑而墜淚。

撫上德哀矜不置，知下郊恢復有期。

蠢爾阮渠，未知悔罪。

括本國二百年之積，植基洞海富春。

握夷落五六萬之兵，詫威國城列鎮。

到處伏弈，列象陣於江邊敢抗顏行。

效蚩張於霧裏，螳螂何能當轍。

燕雀空自處堂行見天網四張，豺狼不漏。

聖人一怒，玉石俱焚。

伸大義於普天，扶綱[常]於屬國。

祁幸得苟延殘喘，竄伏草間。

惟皇聖德如下。

立予存亡繼絕，傾聽王師入境，親携簞食壺漿。

祁雖糜身粉骨，不足以仰報天朝大造之恩。

第國印淪逸，不敢上干天聽，恭祈代爲轉奏，叩謝皇恩，祁不勝激切危慄之至。

謹申。

乾隆五十三年九月十五日。

Phiên âm:

An Nam Quốc vương tự tôn Lê Duy Kỳ cẩn thân

Thiên triều Thái tử Thái bảo Binh bộ Thượng thư kiêm Đô sát viện Hữu Đô ngự sử thế tập nhất đẳng khinh xa Đô úy Tổng đốc Quảng Đông Quảng Tây đẳng xứ địa phương quân vụ kiêm lý lương hướng bộ đường đại nhân hành đài tiền:

Phục kiến Đại hoàng đế

Phi đồ đãng đãng, quán hoàng vương đế túc chi thành công,

Nhân đạo truân truân, dĩ thiên địa phụ mẫu nhi vi lượng.

Uy gia hữu tiệt, Đức phổ vô biên.

Kỳ gia tổ tông

Mao thổ cửu tập cộng cầu, Đãi kỳ phủ ngự quai phương.

Trí luân lê xã, vi khu đóa tỵ vu cùng diêm, Cốt nhục đầu sinh, vu thiên giới cẩm đạo.

Lục thập dư khẩu lão tiểu, Quân triêm quản điệm, Hạ thu cập đông. Bình mông di chí

Khoáng tiền biên nhi vị hữu, Mộc thiên ác dĩ vong vong,

Tuy Kỳ ai vị đạt vu vi thầm, Nhi tuất ngu tiên khôi vu thần đoạn.

Lập khải tinh việt, điều ngũ tinh sổ thập vạn chi tì hưu, Tịnh tập sưu lô, vận kỷ lộ ức vạn thiên chi ngân mễ.

Điểm tề vương lữ, Chánh sử thiên thời.

Cánh niệm Kỳ thân xử ưu nguy, lệnh thám hành chỉ.

Ưu tích bồi thần quy phỏng chi tẫn, hà thiên huống nhi minh tâm, Trịnh trọng mẫu thị hồi quốc chi bằng, ngưỡng thánh cần nhi trụy lệ.

Phủ thượng đức ai căng bất trí, Tri hạ giao khôi phục hữu kỳ.

Xuẩn nhĩ Nguyễn cừ, Vị tri hối tội.

Quát bổn quốc nhị bách niên chi tích, thực cơ Động Hải Phú Xuân.

Ác di lạc ngũ lục vạn chi binh, sá uy quốc thành liệt trấn.

Đáo xứ phục dịch, liệt tượng trận vu giang biên cảm kháng nhan hành. Hiệu xi trương vu vụ lý, đường lang hà năng đương triệt, yến tước không tự xử đường hành kiến.

Thiên võng tứ trương, Sài lang bất lậu.

Thánh nhân nhất nộ, Ngọc thạch câu phần.

Thân đại nghĩa vu phổ thiên, Phù cương [thường] vu chúc quốc.

Kỳ hạnh đắc cẩu duyên tàn suyễn, thoán phục thảo gian.

Duy hoàng thánh đức như hạ, lập dư tồn vong kế tuyệt,

Khuynh thính vương sư nhập cảnh, thân huề đan thực hồ tương.

Kỳ tuy mi thân phấn cốt, bất túc dĩ ngưỡng báo thiên triều đại tạo chi ân.

Đệ quốc ấn luân dật, bất cảm thượng kiển thiên thính, Cung kỳ đại vi chuyển tấu.

Khấu tạ hoàng ân, Kỳ bất thắng kích thiết nguy lật chi chí.

Cẩn thân.

Càn Long ngũ thập tam niên cửu nguyệt thập ngũ nhật.

Dịch nghĩa:

Tự tôn nước An Nam là Lê Duy Kỳ kính cẩn trình lên trước đài của bộ đường đại nhân thiên triều Thái tử Thái bảo Binh bộ Thượng thư kiêm Đô sát viện Hữu Đô ngự sử thế tập nhất đẳng khinh xa Đô úy Tổng đốc Quảng Đông, Quảng Tây kiêm lo việc lương hướng, phục vụ Đại hoàng đế đường bay rong ruổi, thành công đắc lực của bậc đế vương, lòng nhân rộng rãi, lượng rộng như trời đất cha mẹ, uy quyền thêm đầy đủ, đức không bến bờ:

Nhà Kỳ tôi tổ tông lâu đời làm chủ đất nước, vỗ về chăn dắt nhân dân, chẳng may mất nghiệp, bản thân mình phải trốn lánh nơi sơn cùng thủy tận, người thân phải tìm đường sống nơi đất thiên triều, hơn sáu mươi người già trẻ được giúp cho nơi ăn chốn ở.

Đại hoàng đế trước nay thương xót đến cả những kẻ xa xôi, cả những kẻ chưa từng thần phục, nay giương cao tinh việt, điều động mấy chục vạn quân tinh nhuệ, tụ tập chiến thuyền, chuyển vận vài lộ ức vạn thiên tiền gạo, điểm binh lữ, vừa thuận thiên thời, lại lo đến Kỳ tôi đang lúc nguy cơ nên sai bồi thần về kiếm tung tích, ơn bao la ấy phải ghi khắc trong tim, lại mang theo bằng chứng của mẫu thân về nước, nghĩ đến sự lo toan của thánh thượng mà rơi lệ, thấy bề trên không gì không nghĩ tới, biết rằng ngày giờ khôi phục đã đến nơi.

Bọn Nguyễn tặc ngu xuẩn kia chưa biết hối tội, đem hai trăm năm của bản quốc, vỏn vẹn cơ nghiệp Động Hải, Phú Xuân, dăm sáu vạn quân man mọi, khoe vài cái thành con, mỗi nơi mai phục vài tên thảo mãng, dàn trận voi ở bờ sông, ngây ngô học đòi kháng cự binh thiên triều.

Thế nhưng bọ ngựa làm sao chống nổi xe, chim sẻ biết đâu lưới đã giăng tứ phía, chồn cáo không qua, bậc thánh nhân một khi nổi giận, ngọc đá đều tan, trải đại nghĩa khắp thiên hạ, giữ mối giềng cho thuộc quốc. Kỳ may mắn còn chút hơi tàn, ẩn nơi lều cỏ, mong thánh đức ban xuống để cho mất rồi lại còn, đứt rồi lại nối, đợi khi binh thiên triều nhập cảnh, nguyện đích thân bầu nước giỏ cơm, dù có tan thây nát thịt cũng không đủ báo đáp cái ơn tái tạo của thiên triều.

Vì quốc ấn đã bị thất lạc, không dám trình lên thiên tử, cung kính mong đại nhân thay mặt chuyển tấu, khấu tạ hoàng ân, Kỳ không khỏi xúc động, run lẩy bẩy, kính cẩn trình lên.

Ngày 15 tháng Chín, năm Càn Long thứ 53.

Chuyến đi này được miêu tả mỗi nơi một khác nhưng truy ra đều không sát với sự thật. Đối chiếu tài liệu của chính người trong cuộc với lời tâu của quan nhà Thanh, chúng ta có được những chi tiết khá rõ ràng, khác hẳn với lối tường thuật của sách vở cũ.

Chính Lê Quýnh miêu tả tương đối ngắn gọn về chuyến đi này:

Tháng Tám, Lê Quýnh và Nguyễn Quốc Đống [anh của Hoàng phi Nguyễn Thị Kim] *đi theo đường biển từ Quảng Đông về nước. Tháng Chín*

gặp Tự tôn ở Tứ Kỳ [四岐] xứ Hải Dương. Lê Quýnh phụng mệnh cùng với Hàn lâm Thị độc Hương Phái bá Lê Đản, Hàn lâm Hiệu lý Định Nhạc bá Trần Danh Án đi theo đường mòn sang nội địa để báo tin và tạ ơn.[1]

Một chi tiết chắc chắn, Lê Duy Kỳ gửi thư cầu viện sau khi ông nghe tin quân Thanh chuẩn bị động binh chứ không phải chính ông toan tính việc này từ trước như một số tài liệu Việt Nam miêu tả.

Thế nhưng có một uẩn tình cần nêu lên như một giả thiết về những bất tương hợp của vua Lê và bầy tôi. Như trên đã nói, thân quyến vua Lê và những người chạy được sang Trung Hoa lúc đầu chỉ xin nhà Thanh cho tạm trú để chờ khi vua Chiêu Thống khôi phục lại nước sẽ cho người sang đón về. Khi nhà Thanh đưa ra ý kiến động binh giúp đỡ, thần tử nhà Lê cũng chỉ xin *"áp cảnh thanh viện"* [đem binh đến biên giới gây sức ép] để Tây Sơn trả lại đất cho nhà Lê nếu không được toàn cõi thì cũng ít nhiều một mảnh đất ở vùng biên giới làm chỗ dung thân như ngày xưa nhà Lê cho nhà Mạc được tự trị.

Nói chung, theo quan điểm của họ thì vua Lê và hào kiệt miền Bắc vẫn đảm trách vai trò chính để đánh đuổi Tây Sơn mặc dù vẫn phải tựa lưng vào nhà Thanh để có được một khu vực hậu phương làm căn cứ. Những tính toán đó xem ra khá thực tế vì miền Bắc có rất đông các sắc dân thiểu số sống rải rác ở thượng du và núi rừng còn lưu luyến nhà Lê. Trong cả những lời khai, thư trát còn lưu lại hay hồi ký của những người tham dự, chúng ta *chưa thấy một chứng cớ nào nói rằng Thái hậu hay cựu thần đã thúc đẩy hay cầu khẩn việc quân Thanh sang Đại Việt.*

Về phía nhà Thanh, Tôn Sĩ Nghị rất chủ quan và cho rằng Nguyễn Huệ vừa nghe tin hăm dọa thì đã vội vàng *"trốn về Quảng Nam"* chỉ để lại một tỳ tướng giữ miền Bắc. Nếu quân Thanh tiến sang, các trấn

---

1. Nguyên văn:

八月。黎圌與阮國棟從廣東海路回國。九月見王嗣孫于海陽處之四岐。黎圌奉命與翰林侍讀香派伯黎亶。翰林校理定岳伯陳名案。從徑路往內地報信并謝恩。. *"Bắc hành lược ký"*, *Nam Phong tạp chí*, số 125, 1928, phần Hán văn, tr.

2. Đoạn này có một chỗ sai hoặc thiếu vì Lê Quýnh và Nguyễn Quốc Đống đi hai đường khác nhau, không cùng theo lối Quảng Đông.

mục sẽ nổi lên thu phục đất đai và thành công rất dễ dàng. Đây là một cơ hội rất tốt để họ Tôn lập công với vua Càn Long làm bàn đạp tiến xa hơn trên đường hoạn lộ. Biết tính vua Càn Long thích phô trương, Tôn Sĩ Nghị ra quân rầm rộ và định dùng chiến công này làm món quà sinh nhật 80 để ông rửa mặt về thất bại ở Miến Điện, góp thêm một chiến thắng vào 10 võ công dự tính để hoàn thành danh hiệu "Thập toàn lão nhân".

Vua Chiêu Thống xem ra cũng biểu đồng tình với kế hoạch này nên triệt để tán thành việc động binh, lại nghĩ rằng nếu hai mặt thủy lục của họ hợp với các cuộc nổi dậy từ bên trong thì giặc không đánh cũng tan như lá thư đã dẫn.

Ngược lại, các bầy tôi chỉ xin *đem quân áp cảnh làm thế thanh viện* - nghĩa là đóng binh ở gần địa giới hai nước rồi lên tiếng dọa nạt. Quan điểm đó đã được đề cập đến trong lá thư của Nguyễn Huy Túc gửi Tôn Sĩ Nghị và cũng được nhắc lại trong chính những văn thư của nhà Thanh rằng người Đại Việt không có ý muốn nhờ họ đem quân sang mà chỉ cần lên tiếng yêu cầu Nguyễn Huệ phải giao lại toàn phần hay một phần lãnh thổ cho họ Lê làm chỗ dung thân, thờ phụng tông miếu.

Việc Lê Duy Kỳ công khai yêu cầu quân Thanh sang Đại Việt trong hai lá thư nêu trên - tuy thực chất chỉ là hợp thức hóa việc Tôn Sĩ Nghị đã và sắp làm [và rất có thể theo yêu cầu của Tôn Sĩ Nghị như nhiều trường hợp khác nhà Thanh muốn Đại Việt tự ý thỉnh cầu để họ dựa vào đó mà tiến hành cuộc viễn chinh cho danh chính ngôn thuận] - trở thành một bản án khó gỡ, và có lẽ cũng là mối ray rứt của ông sau này về việc đã quá tin vào quân Thanh.

Tuy nhiên, trong số người ủng hộ nhà Lê không phải không có những cảnh giác về mối họa Bắc xâm. Chúng ta thấy có một tiếng nói khá quyết liệt từ người sau này nổi tiếng với câu nói "*Đầu có thể chặt nhưng tóc không thể cắt, da có thể lột nhưng áo không thể đổi*". Đó là Trường Phái hầu Lê Quýnh.

Theo tài liệu còn lưu lại trong văn khố nhà Thanh, Lê Quýnh đã *gửi kèm theo bức thư "trần tình" của vua Lê* một lá thư do *chính tay ông viết* như sau:

Nguyên văn:

安南有國以來，惟黎氏得國爲正，其恩惠足以維兆庶之心，其禮義足以結士夫之志。故中間莫氏僭位，六十餘年，而戴舊之心未改。迨中興二百年餘載，有鄭氏輔正，權在世臣，吾王雖爲下國之主，而南則阮輔政，專其地，北則鄭輔政，攬其兵權，迄於今。鄭與阮俱爲阮岳所逐，當時人心，以其國爲去疾，遂不之拒。自夫阮賊心跡以露，猖狂滋甚。初則見於私下紀年，阮賊自號國曰泰德。今復見於竊國犯上，於是耰鋤棘矜起於兵，咸稱黎氏恩澤在人，不謀同辭，固知仁則民歸之義，阮賊雖强，亦不能强使順從。如蒙天朝垂字小之仁，施恤窮之德，偏師壓境，卽可以爲下國之聲援，而國人聞得消息，便能內攻，必不煩天朝兵力之加，而阮岳，阮惠之頭可立致矣。[1]

Phiên âm:

An Nam hữu quốc dĩ lai, duy Lê thị đắc quốc vi chính, kỳ ân huệ túc dĩ duy triệu thứ chi tâm, kỳ lễ nghĩa túc dĩ kết sĩ phu chi chí.

Cố trung gian Mạc thị tiếm vị, lục thập dư niên, nhi đái cựu chi tâm vị cải. Đãi trung hưng nhị bách niên dư tải, hữu Trịnh thị phụ chính, quyền tại thế thần. Ngô vương tuy vi hạ quốc chi chủ, nhi nam tắc Nguyễn phụ chính, chuyên kỳ địa, bắc tắc Trịnh phụ chính, lãm kỳ binh quyền, ngật ư kim.

Trịnh dữ Nguyễn câu vi Nguyễn Nhạc sở trục, đương thời nhân tâm, dĩ kỳ quốc vi khứ tật, toại bất chi cự. Tự phù Nguyễn tặc tâm tích dĩ lộ, xương cuồng tư thậm. Sơ tắc kiến ư tư hạ kỷ niên, Nguyễn tặc tự hiệu quốc viết Thái Đức. Kim phục kiến ư thiết quốc phạm thượng, ư thị ưu sừ cức căng khởi ư binh, hàm xưng Lê thị ân trạch tại nhân, bất mưu đồng từ, cố tri nhân tắc dân quy chi nghĩa, Nguyễn tặc tuy cường, diệc bất năng cưỡng sử thuận tòng.

Như mông thiên triều thùy tự tiểu chi nhân, thi tuất cùng chi đức, *thiên sư áp cảnh, tức khả dĩ vi hạ quốc chi thanh viện,* nhi quốc nhân văn đắc tiêu tức, tiện năng nội công, *tất bất phiền thiên triều binh lực chi gia,* nhi Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ chi đầu khả lập chí hĩ.

---

1. Trang Cát Phát, *Thanh Cao Tông thập toàn võ công nghiên cứu*, sđd, tr. 353.

Dịch nghĩa:

Từ khi An Nam lập quốc đến nay thì chỉ có họ Lê được nước một cách chính đáng, ân huệ đủ để lòng người hướng về, lễ nghĩa đủ cho sĩ phu đi theo.

Tuy ở giữa thời có họ Mạc tiếm vị hơn sáu mươi năm nhưng lòng người vẫn mến cũ không đổi. Sau đó lại trung hưng hơn hai trăm năm qua, có họ Trịnh phụ chính, là bầy tôi nắm quyền đời nọ sang đời kia. Vua nước tôi tuy làm chủ một nước nhưng phương nam thì có họ Nguyễn phụ chính trông coi đất đai, còn phương bắc thì họ Trịnh phụ chính, nắm giữ binh quyền cho đến tận ngày nay.

Cả họ Trịnh lẫn họ Nguyễn đều bị Nguyễn Nhạc đánh đuổi, khi đó lòng người nghĩ rằng y muốn trừ nạn cho nước nên không ai chống lại. Đến khi tâm tích của giặc Nguyễn lộ ra, hết sức hung bạo. Đầu tiên là cách đây một kỷ, Nguyễn tặc tự đặt niên hiệu là Thái Đức. Nay y định chiếm nước phạm thượng thì cày bừa cũng thành gươm giáo, vì chưng họ Lê ân thấm đến người, ấy là vì nhân nên đạo nghĩa dân quay về, giặc Nguyễn tuy mạnh nhưng không thể cưỡng bức người ta theo được.

Nếu được thiên triều vì lòng nuôi kẻ nhỏ mà ngó xuống, giúp kẻ khốn cùng, đem binh đến sát với biên cảnh thì có thể thanh viện cho hạ quốc, dân trong nước nghe tin này ắt sẽ nổi lên chống lại, chẳng phải phiền binh lực thiên triều trợ giúp mà lập tức đầu Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ sẽ đến ngay.

Tuy không được liệt vào một nhân vật chính thức trong phái đoàn sứ thần của vua Lê, Lê Quýnh đã khẳng định quan điểm của mình khác với Lê Duy Kỳ, và có thể vì thế, sau này ông đã không vừa ý khi thấy Tôn Sĩ Nghị lấn lướt, vua Lê cũng lệ thuộc quá nhiều vào quân Thanh, không giao cho ông nhiệm vụ xây dựng một lực lượng tự cường để hành xử một cách độc lập.

Có lẽ, đó cũng là lý do Lê Quýnh chép rất sơ sài về việc sang Trung Hoa lần thứ hai đi cùng sứ bộ cầu viện, rồi cả những chi tiết ở Thăng Long khi cùng với quân Thanh trở về như để gián tiếp minh xác rằng ông chỉ đóng vai bàng quan không trực tiếp liên quan đến những diễn biến này. Chính những bỏ sót cố ý làm cho nhiều việc bị đứt quãng khiến Giáo sư Hoàng Xuân Hãn khi dịch *"Bắc hành tùng ký"* phải thắc mắc và đưa ra nhiều phỏng đoán.

3.3. Sứ bộ áo rách nón mê

萬古應傳奇絕事
敝衫殘笠使臣裝
Vạn cổ ưng truyền kỳ tuyệt sự
Tệ sam tàn lạp sứ thần trang
(Trần Danh Án)
Xưa nay chuyện lạ chưa từng có,
Sứ thần áo rách nón mê sang.

Trở lại với phái đoàn mang thư của vua Lê sang Trung Hoa gồm có ba người đi theo đường mòn qua núi để lên Cao Bằng rồi sang Trung Hoa. Theo di văn, chúng ta biết được vua Chiêu Thống có làm một bài thơ tiễn biệt Trần Danh Án, trích dịch ra sau đây:[1]

Lê Duy Kỳ

Nguyên văn:

海天一別思悠然，鳳隱龍潛各一天。
社稷有懷常鬱結，江湖抱苦歷流連。
思賢似我聲容近，戀室何人枕席牽。
在此與君相咫尺，莫妨一見話前緣。

Phiên âm:

Hải thiên nhất biệt tứ du nhiên,
Phượng ẩn long tiềm các nhất thiên.
Xã tắc hữu hoài thường uất kết,
Giang hồ bão khổ lịch lưu liên.
Tư hiền tự ngã thanh dung cận,

1. *Việt Nam Hán văn tiểu thuyết tùng san*, quyển VI: *Nam thiên trung nghĩa thực lục*, 1986, tr. 69.

Luyến thất hà nhân chẩm tịch khiên.
Tại thử dữ quân tương chỉ xích,
Mạc phương nhất kiến thoại tiền duyên.

Dịch thơ:

Bể trời xa cách luống bùi ngùi,
Rồng chìm phượng ẩn đã bao ngày.
Lòng sầu non nước càng u uất,
Lưu lạc sông hồ đã bấy nay.
Mong hiền nhưng có người bên cạnh,
Thương nhà khắc khoải ở đâu đây.
Bên nhau nay được kề gang tấc,
Há chẳng duyên trời gặp vận may.

Trần Danh Án (họa lại)

Nguyên văn:

莊誦宸翰淚潸然，孤臣心事付蒼天。
苟生縱負文丞相，潔死無慚魯仲連。
報國未酬臣子責，無家敢爲女兒牽。
尋常自不關隆替，結證今生邂逅緣。

Phiên âm:

Trang tụng thần hàn lệ sán nhiên,
Cô thần tâm sự phó thương thiên.
Cẩu sinh túng phụ Văn Thừa tướng,[1]
Khiết tử vô tàm Lỗ Trọng Liên.[2]
Báo quốc vị thù thần tử trách,

1. Văn Thiên Tường đời Tống bị quân Nguyên bắt, trước khi chết có làm bài *Chính khí ca*.

2. Danh sĩ nước Tề thời Chiến quốc, thà ở ẩn không chịu làm quan.

Vô gia cảm vị nữ nhi khiên.
Tầm thường tự bất quan long thế,
Kết chứng kim sinh giải cấu duyên.

Dịch thơ:

Cầm lên nâng đọc lệ tuôn rơi,
Tâm sự cô thần phó mặc trời.
Dù Văn Thừa tướng không theo kịp,
Đành Lỗ Trọng Liên há thẹn thôi.
Làm tôi chưa kịp đền non nước,
Đâu để chuyện nhà lại kéo lôi.
Lên xuống chẳng qua thời vận thế,
Duyên nay gặp gỡ đã may rồi.

Chuyến đi không dễ dàng. Để tránh tai mắt và những trạm kiểm soát của Tây Sơn, họ phải lẩn theo đường rừng, trèo non vượt biển, giả dạng làm khách thương qua các thôn xóm người thiểu số. Chuyến đi lịch sử này được ghi lại qua một số thơ văn còn lưu truyền của Trần Danh Án và Lê Duy Đản.

Trần Danh Án

過古拋城

古拋城上莫城荒，回首微茫是故鄉。
處世可無奇舉動，謀家何必重思量。
但言宇宙皆吾分，不許江山屬彼強。
萬古應傳奇絕事，敝衫殘笠使臣裝。

Phiên âm:

QUÁ CỔ PHAO THÀNH

Cổ Phao thành thượng Mạc thành hoang,
Hồi thủ vi mang thị cố hương.
Xử thế khả vô kỳ cử động,
Mưu gia hà tất trọng tư lương.

Đãn ngôn vũ trụ giai ngô phận,
Bất hứa giang sơn thuộc bỉ cường.
Vạn cổ ưng truyền kỳ tuyệt sự,
Tệ sam tàn lạp sứ thần trang.

Dịch thơ:

Cổ Phao họ Mạc một thành hoang,
Nhìn lại quê hương dạ xốn xang.
Xử thế vốn không mưu chuyện lạ,
Lo nhà hà tất bận tư lương.
Phận trai không thể không lo việc,
Dẫu mạnh đâu đành cướp nước ngang.
Xưa nay chuyện lạ chưa từng có,
Sứ thần áo rách nón mê sang.

諒山道中二首

LẠNG SƠN ĐẠO TRUNG [nhị thủ]

Bài 1:

別時天語記叮嚀，社稷存亡係此行。
花草對人如話怨，江山似客不知名。
三千征路嵐烟老，一片孤忠日月明。
跋涉勤勞臣子分，國家恩重故身輕。

Phiên âm:

Biệt thời thiên ngữ ký đinh ninh,
Xã tắc tồn vong hệ thử hành.
Hoa thảo đối nhân như thoại oán,
Giang sơn tự khách bất tri danh.
Tam thiên chinh lộ lam yên lão,
Nhất phiến cô trung nhật nguyệt minh.

Bạt thiệp cần lao thần tử phận,
Quốc gia ân trọng cố thân khinh.

Dịch nghĩa:

TRÊN ĐƯỜNG LẠNG SƠN (hai bài)

Khi từ biệt nhà vua đã dặn đi dặn lại,
Việc mất còn của xã tắc cũng ở chuyến này.
Hoa cỏ dường như cũng muốn cho người biết rằng chúng oán giận,
Giang sơn của mình mà tưởng như là khách vì chẳng biết tên gọi là gì.
Ba nghìn con đường thấy khói lam cũng đã già,
Một tấm lòng trung đơn lẻ sáng như nhật nguyệt.
Làm bầy tôi thì phải khó nhọc lặn lội đường xa,
Ơn quốc gia nặng nề nên thân mình thành ra nhẹ.

Dịch thơ:

Dặn đi dặn lại lúc chia tay,
Xã tắc tồn vong một chuyến này.
Hoa cỏ ngậm hờn còn tỏ lộ,
Giang sơn một giải lạ lùng thay.
Khói lam tỏa kín ba nghìn dặm,
Trăng sao soi sáng một lòng ngay.
Phận tôi dâu dám nề gian khổ,
Vì nước ơn dầy dẫu bỏ thây.

Bài 2:

瑟瑟寒風送晚秋，漢頭纔過又山頭。
人心可恃猶思漢，天命應知未絕周。
暝草自含興廢恨，流泉如咽別離愁。
江山信美無佳句，行客何堪寫勝遊。

Phiên âm:

Sắt sắt hàn phong tống vãn thu,
Khê đầu tài quá hựu sơn đầu.
Nhân tâm khả thị do tư Hán,
Thiên mệnh ưng tri vị tuyệt Chu.
Minh thảo tự hàm hưng phế hận,
Lưu tuyền như yết biệt ly sầu.
Giang sơn tín mỹ vô giai cú,
Hành khách hà kham tả thắng du.

Dịch nghĩa:

Gió lạnh vi vút đưa thu muộn đi rồi,
Vừa qua khe nước thì đã đến đầu núi.
Lòng người vẫn còn tựa vào vì nhớ đến nhà Hán,
Mệnh trời mới biết rằng chưa nỡ dứt nhà Chu.
Cỏ âm u dường như cũng ngậm nỗi hận hưng phế.
Suối róc rách như than cho sầu ly biệt.
Không có được câu thơ hay để nhẫn nhủ với giang sơn,
Khách đi đường làm thế nào có thể xem chuyến đi là thắng lợi.

Dịch thơ:

Hàn phong hắt hiu báo tàn thu,
Trèo núi vượt khe vẫn mịt mù.
Lòng người còn tựa nên phò Hán,
Mệnh trời chưa nỡ tuyệt dòng Chu.
Cỏ úa cũng sầu đời hưng phế,
Suối than kẻ ở khóc người đi.
Thơ hay chẳng có trao sông núi,
Liệu việc chuyến này có được ru?

IV. TRỞ LẠI THĂNG LONG

4.1. Trở về

Việc quân Thanh kéo sang Đại Việt xảy ra thật ngoài dự liệu nên hầu hết các cánh quân *"cần vương"* không nổi lên hưởng ứng như Tôn Sĩ Nghị trông đợi. Chính vua Lê đang tại đào cũng không dám vọng động vì không biết tình hình thực ra sao - và ở nơi hẻo lánh, ông cũng khó có điều kiện để thu lượm tin tức và e ngại những lực lượng địa phương bắt nạp cho Tây Sơn như trường hợp của chúa Trịnh ngày trước.

Theo lời tường thuật của người đem tin qua Trung Hoa, vua Lê, khi đó chỉ có vài ba người tùy tòng, lang thang từ làng này sang làng khác, mỗi nơi ở vài ngày để tránh sự nhòm ngó nên nếu sơ xảy thì chỉ cần vài tuần đinh cũng có thể bắt giữ dễ dàng. Nếu đúng như thế, sau khi Trần Danh Án đi khỏi, vua Lê xem ra không còn ai ở bên cạnh, nên khi Lê Quýnh trở lại kiếm thì chỉ có hai người ra gặp Tôn Sĩ Nghị ở bờ bắc sông Nhĩ Hà. Sự việc đó cũng phủ nhận những miêu tả hư cấu viết về một *"triều đình lưu vong"* đem trâu bò, rượu thịt ra đón quân Thanh mà người ta vẽ ra trong *Hoàng Lê nhất thống chí* hay *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*.

Về việc Tôn Sĩ Nghị chiếm kinh đô, sách sử Việt Nam đương thời đồng nhất là Ngô Văn Sở đã rút đi từ trước, quân Thanh không gặp kháng cự nào cả nhưng để cho ra vẻ ác liệt, Tổng đốc Lưỡng Quảng đã tưởng tượng và báo cáo rất hùng tráng như sau:

Sáng sớm ngày 19 tháng Một (11 AL) *đến sông Phú Lương thấy bên kia sông quân giặc đông như kiến, thuyền bè lớn bé, hoặc ở giữa sông hoặc ở bờ sông, quan binh thế khó mà vượt qua được. Quân giặc ở trên sông bắn đại pháo liên miên bất tuyệt, quân ta ở bờ sông bên này náu dưới các bức tường khiến cho pháo của địch không hiệu quả.*

Xem chừng, quân địch tuy đông nhưng thế rất lộn xộn, biết rằng không có bụng dạ nào mà chiến đấu. Thần vội cho tìm vài chiếc thuyền nhỏ của nhà nông, vài chiếc bè tre chở được chừng hơn trăm quan binh, tiễu trừ quân giặc ở trên sông trước.

Quân giặc thấy binh của ta tập trung tiến lên nên súng lớn súng nhỏ bắn ra, quân ta gắng sức xông tới, đoạt được của giặc một chiếc thuyền, một con dấu [㥦翻 (trạc phiên)]. *Đám giặc còn lại liền lùi về, một số ít lại xông lên, hôm đó đánh nhau ở trên sông đến 5, 6 lần, giết giặc một trăm mấy chục đứa, bắt sống 17 tên, lập tức chém ngay. Bọn giặc mất vía không dám xông lên nữa. Quân ta vì thuyền bè không có nhiều nên không tiện đuổi sang tận bờ bên kia e có thể bị thất thế.*

Xem tình hình giặc tựa hồ hoảng loạn, nếu như quân ta lấy được thuyền thì có thể thừa cơ tiễu sát nhưng đi tìm khắp nơi không thấy, còn tre nứa trên bờ sông thì đã bị giặc chặt hết rồi không thể nào làm nhiều bè được.

Thần ruột như lửa đốt, nghĩ rằng tình hình giặc đã loạn, trời tối không thể biết được chúng đông hay ít, đem gom hết thuyền bè lại cũng chỉ đưa được chừng hơn hai trăm người sang sông. Đề đốc Hứa Thế Hanh, Tổng binh Trương Triều Long, Thượng Duy Thăng, phó tướng Khánh Thành, tham tướng Dương Hưng Long, du kích Trương Thuần đốc suất quan binh hơn hai trăm người lúc canh năm ngày 20 tiến thẳng sang bờ bên kia.

Quân giặc lúc đầu bắn pháo chống giữ nhưng khi quân ta sang được bờ rồi thì đâm ra quẫn bách không biết phải làm gì, kẻ thì xuống thuyền chạy trốn, kẻ thì bỏ chạy. Quân ta chém giết thỏa thuê, bắt sống 46 đứa, lấy được hơn ba chục thuyền nhỏ đưa trở về đưa được hơn 2.000 quân qua sông.

Đến khi trời sáng, chia binh truy sát, quân giặc bị thương và chết không biết bao nhiêu, lại bắt sống thêm 187 tên, lại thấy hơn một chục thuyền giặc chở khoảng 300, 400 tên xuôi giòng chạy trốn, du kích Trương Thuần liền dẫn hơn ba mươi thuyền nhỏ, sắp đặt súng ống nhanh chóng ra chặn. Quân giặc tự thị thuyền to, quay lại nghinh địch, quân ta thương pháo mãnh liệt, lại ném hỏa cầu, vây thuyền giặc lại đánh chìm xuống sông.

Thần và Hứa Thế Hanh đứng nhìn thấy vài trăm tên giặc không đứa nào thoát, trong đó có hai chiếc chưa chìm nên kéo vào bờ thấy trong thuyền quân giặc đều đã bị trúng đạn chết. Thu được hộp ấn trong đó có chứa các con dấu bằng đồng, bằng ngà, bằng gỗ các loại. Xem kỹ các triện văn, một chiếc của trấn Hưng Hóa, một chiếc của Long Phổ hầu (龍普侯), *một chiếc của chỉ huy*

Cao Thái [高寀] *đều là để giặc dùng tại Lê thành. Trong số hơn 10 chiếc thuyền giặc thấy số có chức vụ khá đông.*[1]

4.1.1. Vua Lê xuất hiện

Sử Việt Nam còn ghi chép nhiều về việc vua Lê ra đón quân Thanh khi đến Kinh Bắc.

Khâm định Việt sử thông giám cương mục viết:

[...] *Bấy giờ nhà vua từ Phượng Nhãn đi Gia Lâm, sắm đủ trâu bò và rượu để khao quân Thanh. Ngày hôm sau, nhà vua vào kinh đô.*

Đại Nam chính biên liệt truyện (Ngụy Tây) quyển 30, trang 31b thì:

[...] *Tôn Sĩ Nghị đã đến Kinh-bắc. Vua Chiêu-thống ra đón tiếp quân Thanh rồi cùng một đường khởi hành đến thẳng bến sông Nhị-hà.*

Quân của Tôn Sĩ Nghị, trong những đồi cát bờ phía nam làm cầu nổi để thông việc qua lại.

Hôm sau Tôn Sĩ Nghị tuyên phong cho vua Chiêu-thống làm An-nam Quốc vương. Lúc ấy là ngày 21 tháng Một năm Mậu-thân (1788).[2]

Hoàng Lê nhất thống chí miêu tả chi tiết hơn:

[...] *Rồi đó, vua sai Lê Duy Đản đem thư lên ải để yết kiến Tôn Sĩ Nghị, bẩm rõ tình hình trong nước với Nghị và nói rằng:*

- Tự quân vừa bị cảm hàn, không thể đi đường, xin chờ đón ở trấn thành Lạng Sơn.

Đến khi nghe tin quân Tây Sơn rút lui, vua mới truyền cho các đạo quân cần vương đến nơi hành tại; rồi kén lấy hạng khỏe mạnh một ngàn người sung làm quân túc vệ ở doanh vua, còn bao nhiêu thì giao cho các tướng lập thành đội ngũ, ai đem bộ thuộc của người nấy chia giữ các trấn. Trần Quang Châu

---

1. Tấu thư của Tôn Sĩ Nghị ngày Bính Thân, mồng 9 tháng Chạp năm Mậu Thân. *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển IX, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 262.

2. *Đại Nam chính biên liệt truyện*, quyển XXX, Tạ Quang Phát dịch, Phủ Quốc Vụ khanh đặc trách văn hóa, Sài Gòn, 1970, tr. 129-131.

lĩnh trấn Kinh Bắc, Nguyễn Đạo lĩnh trấn Hải Dương, Hoàng Tố Nghĩa lĩnh trấn Sơn Nam, Hoàng Phùng Tứ lĩnh trấn Sơn Tây. Mọi người đều vâng mệnh đi tới ly sở. Riêng Trần Quang Châu thì ở lại thành doanh bảo vệ xa giá.

Châu xin dời xe vua về trấn Kinh Bắc, sửa sang thành lũy, xây dựng nhà cửa để chờ quân Thanh. Vua nghe lời.

Đoạn nhà vua lại sai bọn Bình chương Phạm Đình Dữ, Tham tri Vũ Trinh đem thiếp thỉnh an lên đất Hòa Lạc gặp Tôn Sĩ Nghị, nói rõ:

- Hiện đã phái quân chia đi kinh lược bốn trấn ở ngoài đô thành, lùng bắt bọn giặc lẻn trốn ở các nơi. Xin đưa một số thổ sản nhỏ mọn là mười con trâu, một trăm vò rượu, làm lễ khao quân, ngước trông thu nhận cho.

Vua lại truyền phải sức cho các kỳ lão và các xã dân mấy huyện ven đường sửa soạn đón rước quân Thanh.

Đại quân của Sĩ Nghị đi sang phương Nam, dọc đường đều thuận lợi thông suốt... Mới thấy Vũ Trinh, y liền nói:

- Lúc đại binh qua cửa ải, trước hết đã có đưa hịch sang bá cáo, quân giặc sợ hãi đã ôm đầu chạy trốn. Nghĩ rằng thần dân bên ấy, ai lại không phấn chấn nổi dậy? Dựa vào oai trời mà lo giết giặc nước, chẳng mấy chốc sẽ có thể thành công, sao cứ một mực nhu nhược để chúng được chạy trốn một cách rảnh rang?

[...] Lúc Nghị tới trấn Kinh Bắc, vua Lê tự đem các quan đến chào. Nghị yên ủi rằng:

- Quý tự mắc phải nạn lớn đã nhiều năm, nhờ đức Đại Hoàng đế thương xót, sai bản chức đem quân hộ tống mẹ và vợ ngài về trước. Chuyến này sang đây, giúp việc kinh lý, trước hết cần bắt cho hết đảng giặc, rồi sau chỉnh đốn quy mô, làm kế lâu dài. Bao người mọi việc đều muôn ngàn lần ổn thỏa rồi, bấy giờ mới rút quân, xin chớ lo gì về việc nước nữa.

Vua Lê nói:

- Đội ơn Đại Hoàng đế đức cả như trời, không sao hình dung được cho hết. Lại nhờ cụ lớn hạ mình tới đây, khiến cho nước chúng tôi được thấy ánh sáng của áo cừu, đai ngọc, được thỏa lòng ngửa trông sao Bắc Đẩu, núi Thái Sơn. Mối tình vui mừng, kính mến, không sao kể xiết!

Rồi nhà vua mời Nghị vào dinh nghỉ tạm. Nghị nói:

- Đây cách quốc thành không xa, cần đi ngay, không nên dùng dằng.

Nghị liền sai bắn chín phát súng và nghiêm chỉnh đội ngũ mà đi.

Chập tối, đến bờ bắc sông Nhĩ Hà, vua Lê xin qua sông vào Kinh thành trước, rồi sai sắm sửa giường màn ở điện Kính Thiên, mời Nghị vào ở. Nghị không ưng nói:

- Chỗ ấy không phải là hoành danh (doanh?) *của Đại tướng, đối với việc quân có nhều* (nhiều?) *điều bất tiện.*

Đoạn Nghị truyền lệnh chia quân đóng ở nơi quang đãng trong hai bãi cát phía bờ nam và bờ bắc sông Nhĩ Hà, lại sai bắc cầu phao trên mặt sông để tiện đi lại. Hôm ấy nhằm ngày 11 tháng Chạp năm Mậu Thân [1788].

Hôm sau, vua thân hành đến chờ đón ở doanh của Nghị.

Nghị sai người bày biện nghi trượng rất long trọng ở điện Kính Thiên, rồi truyền cho trăm quan tới hầu. Vua Lê đội mũ miện, mặc áo cổn quỳ ở giữa sân. Nghị dẫn bọn liêu thuộc đến, rồi tuyên đọc tờ sắc của Hoàng đế nhà Thanh phong cho vua Lê làm An Nam Quốc vương. Trong tờ chế phong vương, đại lược nói rằng:

"Chia ra cõi bờ mười ba đạo, không phải tham gì đất đai này; đã lo chức cống ba trăm năm, há chẳng nghĩ đến tổ tông trước?"...

Xong lễ thụ phong, vua bèn theo lệ thảo tờ biểu tạ ơn, xa trông cửa khuyết mà lạy tạ, rồi nhờ Nghị cho đệ tờ biểu đi. Nghị nhận lời.

Tuy vua Lê đã được phong vương, nhưng giấy tờ đưa đi các nơi, đều dùng niên hiệu Càn Long. Vì có Nghị ở đây nên không dám dùng niên hiệu Chiêu Thống. Ngày ngày sau các buổi chầu, vua lại tới chờ ở doanh của Nghị để nghe truyền việc quân, việc nước. Vua cưỡi ngựa đi trước, Lê Quýnh cưỡi ngựa đi sau, quân lính hộ vệ chỉ vài chục người. Người trong Kinh có kẻ không biết là vua, hoặc có người biết thì họ nói riêng với nhau rằng:

- Nước Nam ta từ khi có đế, có vương tới nay, chưa thấy bao giờ có ông vua luồn cúi đê hèn như thế. Tiếng là làm vua nhưng niên hiệu thì viết là Càn Long, việc gì cũng do viên Tổng đốc, có khác gì phụ thuộc vào Trung Quốc?[1]

---

1. **Ngô gia văn phái,** *Hoàng Lê nhất thống chí*, **sđd, tr. 356-360.**

Đối chiếu chi tiết theo sử triều Nguyễn và *Hoàng Lê nhất thống chí*, chúng ta thấy dường như nếu không chép của nhau thì hai bên cũng ảnh hưởng qua lại rất nhiều. *Điều đáng nói là những chi tiết đó lại không chính xác và là đầu mối mà các sử gia dựa vào để phê phán thái độ của Lê Duy Kỳ*. Cứ như những đoạn sử vừa nêu, người ta có cảm tưởng rằng vua Lê khi ấy đã có sẵn một triều đình với đầy đủ nghi vệ chuẩn bị sẵn sàng trâu bò, rượu thịt ra thết đãi tiếp đón đoàn quân viễn chinh rồi ung dung vào "*tiếp thu*" kinh đô. Sự việc xảy ra không đúng như vậy, nếu không nói rằng hoàn toàn khác hẳn.

4.1.2. Thực tế theo các nhân chứng

Khi quân Thanh tiến sang Đại Việt, các cánh quân của Tây Sơn trấn đóng dọc từ Lạng Sơn xuống Thăng Long chỉ kháng cự rất yếu, một phần lực lượng đồn trú tại những vị trí nút chặn không đông, phần vì Ngô Văn Sở không muốn dốc toàn lực quân của miền Bắc lên nghinh địch, e ngại sẽ bị tấn công từ phía nam, cắt đứt đường về rất nguy hiểm. Chính vì thế, các tướng Tây Sơn chủ trương rút lui bảo tồn lực lượng để chờ quyết định của Nguyễn Huệ. Việc rút lui đó rất êm thấm như thói quen của họ, bỏ lại kinh đô Thăng Long và triều đình ọp ẹp do Lê Duy Cận "*giám quốc*". Triều đình này chỉ bao gồm một số quan văn cựu trào và các tông thất, chẳng có quân đội kho đụn nên khi quân Thanh đến, ngoảnh lại thì quân Tây Sơn đã bỏ đi, họ chỉ còn nước mở cửa thành "*ra hàng*" gánh chịu sự xỉ mạ và trừng phạt.

Còn vua Chiêu Thống, cho đến khi Tôn Sĩ Nghị đã sắp sửa vào đến Thăng Long, cũng chưa ai biết ông đang ở đâu. Khi khởi đầu âm mưu can thiệp vào Đại Việt, Tôn Sĩ Nghị đã mập mờ tâu lên vua Càn Long về công tác chính yếu của việc xuất quân là đánh đuổi một đám cường khấu từ Quảng Nam ra chiếm An Nam để đưa Lê Duy Kỳ phục vị. Với tình thế đáng lạc quan [phần lớn đất đai còn chưa theo giặc, các lộ cần vương đang ở khắp nơi, đầu mục Tây Sơn đang có tranh chấp chỉ để lại miền Bắc một lực lượng nhỏ...], vua Cao Tông cũng tin rằng kế hoạch có thể thực hiện dễ dàng; và một khi quân Thanh qua khỏi Nam Quan thì vua Lê sẽ xuất hiện để cùng về Thăng Long.

Chỉ đến khi thực tế không đáng phấn khởi như dự tính, vua Lê vẫn thất tung, thì Tôn Sĩ Nghị mới chột dạ, sai các cựu thần đi tìm để việc

lấy lại kinh đô danh chính ngôn thuận. Chính vì không có vua Lê trong đoàn quân viễn chinh nên các nơi đều án binh bất động, không một lực lượng người Việt nào lên tiếng ủng hộ, ngoài một số thôn xã dân tộc thiểu số dọc theo đường đi và những nơi hẻo lánh gần biên giới.

Cũng may là quân Tây Sơn không luyến chiến nên chỉ phòng thủ cầm chừng, vừa đánh vừa rút để cho đại quân ở Thăng Long có thì giờ chuẩn bị. Do đó, quân Thanh tiến đến đâu thắng lợi tới đó, mỗi ngày trung bình đi được hơn 30 dặm, có thể nói là không gặp kháng cự nào và những miêu tả, báo cáo về những trận Tam Dị, Trụ Hữu... chỉ là ngoa ngôn, phóng đại. Chỉ có trận Thị Cầu tương đối ác liệt một chút nhưng cũng không đáng kể.

4.1.2.1. Tôn Sĩ Nghị

Các chi tiết của chính Tổng đốc Tôn Sĩ Nghị báo cáo về Thanh triều phải được xem là chính xác mặc dù, có thể, ông ta thay đổi một số chi tiết để cho hợp ý vua Càn Long. Điều quan trọng nhất, khi đến Thăng Long, trong tay họ Tôn đã cầm sẵn sắc thư và quả ấn An Nam Quốc vương nên rất nóng ruột khi Lê Quýnh đi tìm vua Lê mà chưa thấy quay về.

Ngày 20 tháng Một [17-12-1788], Tôn Sĩ Nghị báo cáo lên vua Thanh về chiến công chiếm được Thăng Long và vào thành tiếp thu các dinh thự, truyền hịch cho dân chúng như sau:[1]

Nguyên văn:

爾等久爲賊匪毒害。今大兵進剿。除臨陣誅戮外。逃匿必多。若令官兵分赴各鄉搜捕。不免藉端滋擾。不如各村寨自行挨查縛獻。既洩爾等忿恨。且可免諱匿包庇之罪。

Phiên âm:

Nhĩ đẳng cửu vi tặc phỉ độc hại. Kim đại binh tiến tiễu. Trừ lâm trận tru lục ngoại. Đào nặc tất đa. Nhược lệnh quan binh phân phó các hương sưu bộ. Bất miễn tịch đoan tư nhiễu. Bất như các thôn trại tự hành ai tra phược hiến. Ký tiết nhĩ đẳng phẫn hận. Thả khả miễn húy nặc bao tý chi tội.

---

1. *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển IX, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 264.

Dịch nghĩa:

Các ngươi bị tặc phỉ làm hại đã lâu, nay đại binh tiến tiễu, ngoài số bị giết khi lâm trận, chạy trốn chắc là đông. Nếu ta ra lệnh cho quan binh đến các làng xóm tìm bắt, không khỏi gây chuyện phiền nhiễu. Chi bằng các thôn trại tự tra xét trói chúng đem trình ra, vừa để các ngươi hả lòng phẫn hận, vừa được miễn tội bao che, giấu giếm.

Vì tình hình chưa biết thế nào, họ Tôn ngại việc đóng quân trong thành có thể bị tập kích hay bao vây nên sau khi thám sát, y ra lệnh cho quân Thanh đóng ở bờ sông và cồn cát bên ngoài. Đến tối hôm đó, lúc canh hai, Lê Quýnh và Lê Duy Kỳ mới đến được quân doanh vào yết kiến Tôn Sĩ Nghị.[1]

Theo tấu thư ngày 26 tháng Chạp cùng năm, Tôn Sĩ Nghị tường thuật việc gặp gỡ Lê Duy Kỳ lần đầu tiên như sau:

Ngày 20 tháng Một năm Càn Long 53 thống lãnh quan binh khắc phục Lê thành. Canh hai hôm đó, tự tôn nước An Nam là Lê Duy Kỳ đến quân doanh cùng thần gặp mặt, hướng về phương bắc khấu tạ ơn lớn tái tạo của Hoàng thượng, bộc bạch rằng quốc gia đã bị nghiêng đổ, không ngờ lại được ân điển của Đại hoàng đế rồi phục xuống đất khóc lóc không nói nên lời.

Thần liền đem chuyện từ hồi tháng Năm khi quyến thuộc của y chạy sang nội địa đến nay, được đại hoàng đế mọi việc thi ân liên tiếp, điều động quan binh các tỉnh dự bị dẹp loạn, hao phí rất nhiều tiền bạc, binh mã để khôi phục Lê thành, cũng không tham một tấc đất của ngươi, thực là việc xưa nay chưa từng có. Vậy Quốc vương hãy từ nay cố gắng phấn phát tự cường ra sức giữ gìn để đáp lại tấm lòng từ bi kéo dài quốc tộ của Thánh thượng. Còn như yếu mềm quá đoán không phấn chấn lên được khiến cho chỉ vì một dẻo đất phiên thuộc mà thiên triều năm này tháng nọ khổ nhọc đại binh thì còn thể thống gì nữa?

Viên quốc vương kia cùng bồi thần [đây là Lê Quýnh] đều nguyện sẽ gấp rút lo liệu, nói với thần xin gửi hịch văn cho trấn mục các nơi nếu như ai không theo thì thần lập tức chia binh đến tru diệt, Lê Duy Kỳ lại chọn ngày 22 tháng Một sẽ thụ phong. [2]

---

1. *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển IX, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 265.

2. *Thanh Quý Nội các đáng án toàn tập* (清季內閣檔案全輯), Học Uyển xbx, Bắc Kinh 1999 tr. 4183

4.1.2.2. Lê Duy Đản

Theo *Sứ diêu hành trạng*, tập thơ Lê Duy Đản ghi lại chuyến đi sứ sang Trung Hoa cầu viện,[1] thì khi quân Thanh đến bờ phía bắc sông Phú Lương[2], quân Tây Sơn đã bỏ đi nên Tôn Sĩ Nghị và Hứa Thế Hanh vào thu phục kinh thành. Kế đó, [Lê Duy Đản] *theo hầu nhà vua đến điện Vạn Thọ làm lễ sách phong*".[3] Ông không nói rõ vua Lê đến lúc nào nhưng ngay trước đó khi quân Thanh qua sông Thị Cầu thì chưa nói tới Tự hoàng nên chúng ta có thể biết được vua Lê gặp Tôn Sĩ Nghị khi quân Thanh đã lấy được Thăng Long đúng như lời kể của Lê Quýnh.

4.1.2.3. Lê Quýnh

"*Bắc hành lược ký*", tài liệu do chính Lê Quýnh kể lại về cuộc đời lưu lạc của mình, chép:

... Khi đại quân đến núi Tam Tằng (三層), Lê Đản đưa kế đó lên, Tôn đại nhân nghe theo, ngày 20 tiến quân phá được doanh Thị Cầu, đuổi theo đến tận phía bắc sông Phú Lương (富梁)[4], quân Tây Sơn bỏ thành mà chạy.

Ngày 21, Vương tự tôn yết kiến Tôn đại nhân ở bờ sông phía bắc. Ngày 22, lấy lại được Lê thành. Nghe tin báo thắng trận, tháng Chạp, Thanh triều ban xuống sắc ấn phong Tự tôn làm An Nam Quốc vương, ban cho Lê Quýnh chỏm mũ chức Tổng binh.[5] *Tháng đó, Lê vương ra lệnh cho Lê Quýnh lo việc binh hướng để đến hạn kỳ thì đuổi theo tiễu giặc. Thế nhưng,*

---

1. Hai sứ thần Trần Danh Án và Lê Duy Đản phải ăn mặc rách rưới để len lỏi núi rừng sang Trung Hoa.

2. Trong bản sách chép tay viết nhầm là Phú Thần, hai chữ Thần 辰 và Lương 良 hơi giống nhau.

3. Nguyên văn 天兵下寨富辰江北賊渠悉眾宵遁進復京城奉駕御萬壽殿行册封禮 (thiên binh hạ trại Phú Thần giang bắc, tặc cừ tất chúng tiêu độn, tiến phục kinh thành, phụng giá ngự Vạn Thọ điện hành sách phong lễ). Lê Duy Đản, "*Sứ diêu hành trạng*", *Việt Nam Hán văn Yên hành văn hiến tập thành*, quyển VI, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Nghiên cứu Hán Nôm - Đại học Phúc Đán, Thượng Hải, 2010, tr. 180.

4. Tức Nhĩ Hà.

5. "*Bắc hành tùng ký*" trong *Việt Nam Hán văn Yên hành văn hiến tập thành*, quyển VI có thêm một câu "Phan Khải Đức được ban chỏm mũ chức đô ty".

Tôn đại nhân [Tôn Sĩ Nghị] *ngả theo lời bàn kêu gọi địch trở về*[1] *ép Quốc vương đuổi theo thu lại kiếm ấn và đổi thành chức Bình chương sự.*

Vừa khi đó, Lê Quýnh bị sốt rét nặng (瘧疾) nên xin nghỉ về nhà chữa bệnh...[2]

Tuy không nhiều chi tiết nhưng những miêu tả của Lê Quýnh tương đối ăn khớp với những báo cáo của Tôn Sĩ Nghị về diễn tiến của chiến dịch. *Lê Quýnh đã xác nhận là Lê Duy Kỳ chỉ ra gặp Tôn Sĩ Nghị khi quân Thanh đã tới Thăng Long*. Tuy có một chút chênh lệch về thời gian nhưng chúng ta tin rằng ngày tháng trên các tờ biểu của Tôn Sĩ Nghị chắc phải chính xác vì được viết ra ngay khi mặt trận còn đang tiếp diễn, không có lý do gì để phải điều chỉnh, còn những điều Lê Quýnh viết là hồi ức sau khi ông đã lui về sống ẩn dật lúc cuối cuộc đời. *Đối chiếu hai loại tài liệu thì việc* Hoàng Lê nhất thống chí *miêu tả việc triều đình Lê Chiêu Thống đón rước, phục vụ và lệ thuộc vào Tôn Sĩ Nghị khi viên tổng đốc Lưỡng Quảng từ Kinh Bắc tới Thăng Long là hoàn toàn tưởng tượng*. Chính vì thế, chúng ta có thể loại trừ tất cả những chi tiết về phân bố lực lượng, bài trí nghi vệ, khao thưởng quân Thanh... như cuốn tiểu thuyết lịch sử này đã miêu tả.

Một cách sơ lược, khi quân Thanh tới bờ phía bắc sông Nhĩ Hà thì quân Tây Sơn đã bỏ đi để lại một thành trống với triều đình Lê Duy Cẩn. Sáng ngày 20 tháng Một, Tôn Sĩ Nghị tiếp thu kinh thành, rồi cho đóng quân ở hai bên bờ sông. Canh hai tối 20 tháng Một, Lê Duy Kỳ và Lê Quýnh đến gặp Tôn Sĩ Nghị tại quân doanh.[3]

---

1. Chi tiết này trùng với lời kết án của Lê Duy Đản là Tôn Sĩ Nghị nghe lời Phan Khải Đức kêu gọi địch về hàng. Thực ra, việc Tôn Sĩ Nghị dùng dằng vì quân Thanh bị khó khăn về đài trạm và nhân công và vua Càn Long ra lệnh rút về.

2. Lê Quýnh, "*Bắc hành lược ký*", Nguyễn Duy Chính dịch (sắp xuất bản).

3. Ngày 20 tháng Một, thần thống lĩnh quan binh khắc phục Lê thành. Canh hai đêm hôm đó, An Nam Tự tôn Lê Duy Kỳ đến quân doanh cùng thần gặp mặt, vọng về hướng bắc khấu đầu tạ ơn Hoàng thượng tái tạo. *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển IX, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 267.

4.2. Triều đình nhà Lê tại Thăng Long

4.2.1. Tái lập triều Lê

4.2.2.1. Phong vương

Ngày hôm sau, 21 tháng Một, vua Lê vào nhận lại kinh thành rồi cả ngày hôm đó triều đình bận rộn việc sắp xếp lễ nghi, chuẩn bị điện Vạn Thọ là cung cũ của vua Hiển Tông để hôm sau, ngày 22 tháng Một năm Mậu Thân (1788), Tôn Sĩ Nghị vào làm lễ phong vương, tuyên đọc tờ sắc sau đây:

Nguyên văn:

奉天承運皇帝制曰:

朕惟撫馭中外,綏靖遐邇,義莫大于治亂持危,道莫隆於興滅繼絕,其有夙共朝命,久列世封,遘家國之多難,屬臣民之不靖,則必去其蟊賊,拯厥顛際,俾還鍾簴之觀,以肅屏藩之制。

爾安南國嗣孫黎維祁,化沐炎陬,序承家嗣,當爾祖奄逝之日,正阮逆搆亂之時,肇釁蕭牆,失守符印,孑身播越,闔室遷移,棄彼故都,依於上國。

溯百五十年之職貢,能不念其祖宗,披一十六道之輿圖,原非利其土地,且柔遠人所以大無外,討亂賊所以儆不虔,是用輯爾室家,克完居處,勵爾臣庶,共復仇讐。

特敕大吏以濯征,爰董王師而迅剿,先聲所讋,巨憝奚逃,內難斯寧,群情更附,釋其瑣尾流離之困,加以生死骨肉之恩,舊服式循,新綸允貢,玆封爾爲安南國王,錫之新印。

王其慎修綱紀,祗奉威靈,戢和民人,保守彊土,勿怠荒而廢事,勿懷安以敗名。

庶荷天朝再造之仁,益迓國祚重延之福。

欽哉!

毋替朕命。[1]

---

1. *Thượng dụ đáng*, "phương bản", Càn Long năm thứ 53, Đông quý đáng, tr. 259. Ở *Minh Thanh sử liệu* (明清史料) Canh biên, bản 2, tr. 103 đã ghi nhầm là Lê Duy Kỳ được sách phong ngày 20 tháng Một. Sắc phong này cũng được chép trong *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển VI, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 214-215.

Phiên âm:

Phụng thiên thừa vận hoàng đế chế viết:

Trẫm duy phủ ngự trung ngoại, tuy tĩnh hà nhĩ, nghĩa mạc đại vu trị loạn trì nguy, đạo mạc long ư hưng diệt kế tuyệt, kỳ hữu túc cộng triều mệnh, cửu liệt thế phong, cẩu gia quốc chi đa nạn, thuộc thần dân chi bất tĩnh, tắc tất khứ kỳ mâu tặc, chứng quyết điên tế, tỉ hoàn chung cự chi quan, dĩ túc bình phiên chi chế.

Nhĩ An Nam quốc tự tôn Lê Duy Kỳ, hóa mộc viêm tưu, tự thừa gia tự, đương nhĩ tổ yêm thệ chi nhật, chính Nguyễn nghịch cẩu loạn chi thời, triệu hấn tiêu tường, thất thủ phù ấn, kiết thân bá việt, hạp thất thiên di, khí bỉ cố đô, y ư thượng quốc.

Tố bách ngũ thập niên chi chức cống, năng bất niệm kỳ tổ tông, phi nhất thập lục đạo chi dư đồ, nguyên phi lợi kỳ thổ địa,[1] thả nhu viễn nhân sở dĩ đại vô ngoại, thảo loạn tặc sở dĩ cảnh bất kiền, thị dụng tập nhĩ thất gia, khắc hoàn cư xứ, lệ nhĩ thần thứ, cộng phục cừu thù.

Đặc sắc đại lại dĩ trạc chinh, viên đổng vương sư nhi tấn tiễu, tiên thanh sở triếp, cự đỗi hề đào, nội nan tư ninh, quần tình cánh phụ. Thích kỳ tỏa vĩ lưu ly chi khốn, gia dĩ sinh tử cốt nhục chi ân, cựu phục thức tuần, tân luân doãn bí, tư phong nhĩ vi An Nam Quốc vương, tích chi tân ấn.

Vương kỳ thận tu cương kỷ, chi phụng uy linh, tập hòa dân nhân, bảo thủ cương thổ, vật đãi hoang nhi phế sự, vật hoài an dĩ bại danh.

Thứ hà thiên triều tái tạo chi nhân, ích nhạ quốc tộ trùng diên chi phúc.

---

1. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển XLVII, tr. 36, tập II, sđd, tr. 841 chép:

Phi thập hữu nhất đạo chi đề phong, nguyên phi lợi phù thổ địa.

Tố bách ngũ thập niên chi chức cống, năng bất niệm kỳ tổ tông.

Nghĩa là "đối với sự mở mang bờ cõi gồm mười một đạo, vốn không phải vì ta có lợi tâm muốn chiếm lấy đất đai; suốt từ một trăm năm mươi năm lại đây (nhà Lê) lúc nào cũng giữ chức phận, làm lễ tuế cống, thì sao lại không nghĩ đến tổ tông của tự tôn được". Nhà vua cảm động và tin tưởng một cách sâu sắc vào những lời đó. Hai câu này có vài chữ sai với nguyên văn, có lẽ vì tam sao thất bản.

Khâm tai!

Vô thế trẫm mệnh.

Dịch nghĩa:

Phụng mệnh trời, tuân theo vận nước, hoàng đế xuống chế rằng:

Trẫm chỉ vỗ về để dẫn dắt trong ngoài, khiến cho nơi xa xôi cũng phục, dùng nghĩa lớn để trị việc loạn giúp kẻ nguy, đạo được lớn để hưng diệt kế tuyệt. Những người trước nay theo phò, đời đời phong tước, một khi quốc gia gặp nạn, thần dân không yên, phải làm sao đuổi được giặc, cứu vớt kẻ lao đao, đem lại mối rường cho nước, tỏ lộ cái lòng che chở cho phiên thuộc.

Ngươi tự tôn nước An Nam Lê Duy Kỳ, ở nơi phương nam nóng nực, kế thừa dòng dõi. Gặp lúc ông ngươi vừa mất, nhân thời giặc Nguyễn dấy loạn, trong triều gặp chuyện rối ren, mất cả ấn tín, gia đình tan tác phải bỏ kinh đô mà chạy tứ phương, nương tựa vào thượng quốc.

Trong một trăm rưỡi năm qua không quên triều cống, nên [trẫm] *phải nghĩ đến tổ tông, còn đối với dư đồ mười sáu đạo kia,* [trẫm] *không màng đến việc lấy đất, đạo nhu viễn không ngoài như thế. Trừ loạn tặc sở dĩ cũng là để răn đe, cốt lấy lại cho gia tộc ngươi trở về nơi cũ, khuyến khích cho dân chúng bầy tôi, cùng trả được mối thù.*

Nay ta đặc biệt sai kẻ đại lại cất binh chinh phạt, đem vương sư chinh tiễu, trước lên tiếng dọa cho chúng sợ tội mà chạy đi, để đem các ngươi về cho mối giềng trở lại, người ly tán nay đoàn viên ấy là cái ơn chết đi sống lại, cốt nhục nối liền. Y phục cũ nay trở lại, giây thao mới nay rực rỡ, phong cho ngươi làm An Nam Quốc vương, ban cho ấn mới.

Hãy cố gắng mà tu sửa kỷ cương, vâng mệnh uy linh, hòa thuận với nhân dân, giữ gìn cương thổ, chớ có bê trễ mà bỏ phế việc, đừng cầu an mà mang tiếng. Hãy nhớ đến cái đức nhân tái tạo của thiên triều, hãy nghĩ đến cái phúc vận nước được nối dài trở lại.

Kính thay!

Chớ bỏ qua lệnh của trẫm.

4.2.1.2 Đưa gia đình vua Lê về nước

Sau khi phong vương cho vua Lê, Tôn Sĩ Nghị lập tức ra lệnh cho quan lại nhà Thanh ở Quảng Tây sắp xếp để đưa mẹ, vợ con và những người chạy sang Trung Hoa trở về nước. Việc tổ chức đưa đón được Tôn

Vĩnh Thanh, Tuần phủ Quảng Tây tâu lên đầy đủ và rõ ràng và còn lại bản sao tại Bắc Kinh.[1]

... Chiếu theo An Nam quốc vương Lê Duy Kỳ được nhiều thánh ân phục quốc, tập phong nên đã sai bồi thần là Nguyễn Quốc Đống (阮國棟), Trần Danh Án (陳名案) tiến quan nghinh đón mẹ y về nước, việc đó đã tâu lên.

Theo người đi theo quân doanh để lo việc là Tri phủ Cố Quỳ (顧葵) kê tra lương trạm đến cửa quan theo lệnh của Tổng đốc Tôn Sĩ Nghị gửi thư ủy cho ra lệnh trên đường đi hộ tống. Thần lại sai thêm Thí dụng thông phán là Lã Sĩ Trân (呂士鉁) đi theo chiếu liệu. Theo như viên tri phủ đó bẩm xưng thì mẹ của Quốc vương là Nguyễn Ngọc Tố (阮王素) nghe thấy con nghinh đón về nước lập tức quỳ xuống nói rằng họ Lê gặp cơn quốc nạn, tông xã san phẳng, cốt nhục ly tán.

Tháng Năm năm nay chạy được sang nội địa, được ơn lớn của Đại hoàng đế như trời đất sinh thành gia ân an tháp, ngày cấp lương ăn đầy đủ, lại nhiều lần ban cho tiền bạc, vải vóc áo dày áo mỏng. Nửa năm qua, quần áo thực phẩm đều đầy đủ thoải mái, đến như ở trong nước cũng không bằng. Lần này nhờ được binh lực thiên triều đánh đuổi được kẻ nghịch, con y lại thụ phong tập tước, nay được quay về quê hương, toàn gia đoàn tụ thật là ơn lớn xưa nay chưa từng có, không biết lấy gì báo đáp trong muôn một, chỉ thề nguyền đời này sang đời khác nương tựa vào thiên triều, con con cháu cháu mãi mãi đội ơn cao dày mà thôi.

Nói xong cùng cháu là Lê Duy Thuyên (黎維詮) và các bồi thần đàn ông đàn bà hơn 70 người cung kính bày hương án vọng về cung khuyết, khấu đầu 9 lần để tạ thiên ân, ai nấy nghẹn ngào không nhịn được.

Ngày 16 tháng Chạp [Mậu Thân] từ phủ Nam Ninh khởi trình theo đường thủy đến cửa sông Tuyên Hóa, lên bộ đi tới biên cương. Thần đã dự bị sức cho các quan trên đường đi cung cấp thuyền, kiệu, phu, ngựa, ăn uống đầy đủ.

Ngày 23 tháng Chạp, hộ tống xuất quan giao cho bồi thần Nguyễn Quốc Đống, Trần Danh Án nghinh tiếp đưa về nước...

Quan lại nhà Thanh cũng thấy thân quyến vua Lê tài sản, đồ đạc không có gì ngoài mớ quần áo đã được cấp cho, tiền bạc cũng thiếu thốn nên đem "*36 tấm cẩm đoạn, trù lăng, thanh lam bố 60 tấm, 4 bộ chăn mền nhung*

---

1. ***Thanh Quý Nội các đáng án toàn tập*** (清季內閣檔案全輯), Học Uyển Xuất bản xã, Bắc Kinh, 1999, tr. 4188-4189.

cừu, 400 lượng bạc" rồi sai Tri phủ Cố Quỳ, Thông phán Lã Sĩ Trân nhân danh Hoàng đế nhà Thanh ban thưởng cho họ.

"*... Thân mẫu của Quốc vương hướng về phương bắc khấu đầu nhận lãnh sai bồi thần Phạm Đình Hoan (范廷懽), Trần Danh Án bẩm lên rằng được hưởng ân lớn của thiên triều nên mới còn sống, nay về nước nhưng eo hẹp khó mà đáp đền. Nay Đại hoàng đế thể tuất nên thưởng thêm thật không kể xiết. Nói rồi quỳ xuống nhận lãnh cảm kích không biết thế nào.*"[1]

Đoàn người lưu vong trở về đến Thăng Long vào đêm trừ tịch năm Mậu Thân và vua Lê ra đón thân quyến ở bờ sông Nhĩ Hà. Gia đình vua Lê chỉ ở trong cung đúng ba ngày thì lại một lần nữa lếch thếch chạy trốn khi Nguyễn Huệ đưa quân đánh vào Kinh đô vào ngày Tết năm Kỷ Dậu (1789). Những chi tiết cụ thể này cho chúng ta thấy những gì *Hoàng Lê nhất thống chí* miêu tả về Thái hậu ở Thăng Long hoàn toàn sai sự thực.

4.2.2. Tổ chức và cai trị

4.2.2.1. Xử sự của Lê Duy Kỳ

Khi quân Tây Sơn ra chiếm Thăng Long, vì chưa đủ điều kiện để phế bỏ triều đình vua Lê, họ vẫn giữ trên hình thức một tổ chức hành chính rập theo khuôn khổ của miền Bắc. Một số chức vụ được điền khuyết, có lẽ chỉ để làm việc như một công chức [nếu không nói quá một chút là một người chạy việc], thực sự quyền hành, tiền bạc, kho lẫm... vẫn nằm trong tay của các tướng lãnh - Tây Sơn cũng có mà thổ hào cũng có. Những danh vị khá kêu như công, hầu, thượng thư... thực chất chỉ là những danh hàm, không có thực quyền - và có thể cũng chẳng có lương bổng. Triều đình hữu danh vô thực này đã run sợ ra hàng ngay khi quân Thanh kéo đến, tạo ảo tưởng cho Tôn Sĩ Nghị và quân Thanh về sức mạnh của họ.

Sau đó, tùy theo tội danh "*cộng tác với địch*", những người giữ chức vụ trong hệ thống hành chính "*ảo*" này phải chịu sự xử phạt của Lê Duy Kỳ khi ông trở về. Việc ra oai không khỏi gây hoang mang nhất là nhiều kẻ mượn gió bẻ măng, lợi dụng thời cơ để đền ơn trả oán.

---

1. *Thanh Quý Nội các đáng án toàn tập* (清季內閣檔案全輯), Học Uyển xbx, Bắc Kinh 1999 tr. 4188-4189.

[...] *Nhà vua đã khôi phục được nước, bèn hạ lệnh thăng chức cho bầy tôi đi hộ giá:*

- Phạm Đình Dữ lên Bình chương sự, Thượng thư bộ Lại.

- Lê Duy Đản và Vũ Trinh lên Tham tri chính sự.

- Nguyễn Đình Giản lên Thượng thư bộ Binh, tri Xu mật viện sự.

- Trần Danh Án, lên Phó đô ngự sử.

- Lê Quýnh lên Trung quân đô đốc, tước Trường Phái hầu.

Ngoài ra đều được thăng chức có cao thấp khác nhau.

Liền đó, nhà vua sai trị tội những người hàng giặc:

- Ngô (Thì) Nhậm và Phan Huy Ích đều truất về làm dân.

- Nguyễn Hoãn bị bãi mất tước Quận công.

- Phan Lê Phiên bị giáng xuống Đông Các học sĩ.

- Mai Thế Uông bị giáng xuống Tư huấn.[1]

Xét những hình thức trừng phạt này [ngoại trừ việc bắt và giết những kẻ đã trực tiếp nhúng tay vào việc truy sát hoàng đệ Lê Duy Lứu và đuổi bắt vua Lê là Phạm Như Tụy và Dương Bành] thật không có gì tàn nhẫn. Còn việc ba hoàng thân nhà Lê bị giết bỏ xuống giếng thì là một biến cố xảy ra khi có sự tranh giành quyền bính thời Nguyễn Hữu Chỉnh [giữa năm Đinh Mùi, 1787], không ai biết rõ như thế nào.

Ba nhà khoa bảng cựu triều bị phạt nặng hơn cả là Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích và Nguyễn Hoãn thì có lẽ vì đã cùng đứng tên với 72 người khác [trong danh sách 75 người] ký tên suy tôn Nguyễn Huệ [Quang Bình] lên làm vua mà Lê Duy Đản khi sang sứ đã đọc và sao lại.[2] Ngô Thì Nhậm và Phan Huy Ích bị truất về làm dân đồng nghĩa với việc bị tước danh tiến sĩ, còn Nguyễn Hoãn [có lẽ vì làm quan lâu năm, mang danh quốc lão] chỉ bị cách chức mà thôi.

---

1. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển XLVII, tr. 35-36, tập II, sđd, tr. 839-840.

2. *Lê Duy Đản thi tập*, A.2821 (BEFEO).

Riêng Lê Duy Cẩn bị quản thúc và Tôn Sĩ Nghị có ý định đày biệt xứ về Trung Hoa nhưng vua Chiêu Thống cố xin cho ở lại, lấy cớ ông ta là người đần độn chẳng có gì đáng ngại.

4.2.2.2. Vai trò của Lê Quýnh

Vai trò của Lê Quýnh trong suốt giai đoạn từ khi theo chân quân Thanh trở về cho đến khi vua Lê phải chạy sang Trung Hoa nương náu chính là chìa khóa để gỡ tất cả mọi oan khiên cho ông vua cuối cùng của nhà Lê. Một điều đáng nói, những gì Lê Quýnh kể lại hoàn toàn khác với miêu tả trong *Hoàng Lê nhất thống chí*. Vì ông không có mặt trong những biến cố ấy thành thử những sự việc *Hoàng Lê nhất thống chí* viết về Lê Quýnh chỉ là bịa đặt, có thể mới được thêm vào sau này để câu chuyện thêm mặn mòi. Từ chuyện nọ suy sang chuyện kia, chúng ta cũng thấy rằng những việc khác cũng chẳng có cơ sở nào cả.

Khi thấy rằng thực lực của vua Lê chỉ là một con số không - chẳng phải vì Lê Duy Kỳ bất tài nhưng vì tình thế tạo nên - Tôn Sĩ Nghị phải mập mờ phô trương bằng cách giao cho Hoàng đệ Lê Duy Chỉ chỉ huy những thổ binh ở biên giới đi theo quân Thanh. Ông ta cũng đem một số khí giới thu được của Tây Sơn trang bị cho họ nhưng triều đình vua Lê phải đảm trách việc nuôi đoàn quân này. Việc nuôi ăn và bố trí hàng nghìn người ở một thành phố hoang tàn không phải dễ, đưa đến việc dân chúng ta thán về việc thu góp lương thực để cho giặc, nhất là khi miền Bắc mấy năm trước bị hạn hán mùa màng thất bát, đói khổ.[1] Thực ra, quân Thanh có hệ thống tiếp vận riêng, không đến nỗi phải trông vào vua Lê như chúng ta thường nghĩ, và nếu có những thúc ép để cung ứng thóc gạo thì để cho chính triều đình nhà Lê. Ghi nhận của một số giáo sĩ Tây phương có mặt tại Bắc Hà thời đó cũng minh xác điểm này.

Ở bên ngoài, các cánh quân địa phương vẫn hoạt động hoàn toàn độc lập, tiếng là quận công, hầu bá nhưng chỉ là danh hàm, vua Lê

---

1. Theo báo cáo của Tôn Sĩ Nghị, vì vua Lê không có ngân khoản nên ông ta phải xuất tiền cho triều đình để mua gạo nuôi quân. Việc sử dụng loại tiền *"Càn Long thông bảo"* [mặt kia có hai chữ An Nam] hẳn sẽ đem lại những thắc mắc và nghi ngại của dân chúng, nhất là quân đội mà Lê Duy Chỉ chỉ huy lại là các thổ binh vùng biên giới, không phải người Việt.

không có thực quyền điều động, ra lệnh cũng chẳng ai nghe. Khi cần một số nhân sự, tài vật dùng vào những công tác trước mắt, vua Chiêu Thống đành bó tay. Ông không có người để đóng chiến thuyền hay có tiền để mua các loại vật liệu, trang bị theo đòi hỏi của Tôn Sĩ Nghị.

Một chi tiết cũng đáng chú ý là sự bất đồng giữa các lực lượng thân nhà Lê và Tôn Sĩ Nghị được ghi lại trong nhiều tài liệu. Trong khi nhóm cần vương muốn thừa thế tiến lên khôi phục những vùng đất cũ thì họ Tôn lại thờ ơ [lấy cớ là sắp Tết cần cho binh sĩ nghỉ ngơi], tạo cơ hội cho Nguyễn Huệ kéo quân ra tấn công trong dịp đầu năm.

Thực ra, vua tôi Lê Duy Kỳ đã không biết một biến chuyển quan trọng. Sau khi nghe báo cáo về những khó khăn thực tế và tính toán chi phí cho việc chuyển quân từ Thăng Long đến Phú Xuân, vua Càn Long thấy rằng kế hoạch đánh vào Thuận Hóa để bắt sống Nguyễn Huệ sẽ rất tốn kém và dễ dàng bị sa lầy như đã điều binh tiến sâu vào Miến Điện trước đây. Chính vì thế, vua Thanh đã toan tính một đường rút quân lấy cớ là mục tiêu đưa Lê Duy Kỳ trở lại ngai vàng đã hoàn tất.

Trong khi đó, Tôn Sĩ Nghị đóng quân ở Thăng Long nhưng không dám đưa ra một kế hoạch tiếp theo nên chỉ chờ một quyết định chính thức từ triều đình. Trong thời gian chờ đợi đó, lấy cớ là sắp ăn Tết, Tôn Sĩ Nghị chỉ hàng ngày thao dượt phô trương. Họ Tôn cũng biết rằng Lê Duy Kỳ và triều đình nhà Lê không có thực lực, nếu rút quân về sẽ lại để trống miền Bắc cho đối phương và công lao của ông ta trong mấy tháng qua trở thành vô ích. Họ Tôn cũng truyền hịch đe dọa ra Giêng sẽ đánh vào Thuận Hóa *"đáo huyệt cầm cừ"* [đánh vào sào huyệt để bắt đầu sỏ] mong Nguyễn Huệ run sợ mà dâng biểu xin hàng. Trong khi chờ đợi kết quả, Tôn Sĩ Nghị tìm cách kiềm chế các lực lượng cần vương đưa đến việc yêu cầu vua Lê thu hồi chiếc ấn của Lê Quýnh, không còn lo việc binh lương mà làm Bình chương sự lo việc bộ Hộ, bộ Binh.[1]

---

1. Hoàng Xuân Hãn, *"Bắc hành tùng ký"*, *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, tập II, sđd, tr. 880.

Cũng vì quá khinh địch, khi Nguyễn Huệ gửi mấy tờ biểu giả vờ hàng phục để ngụy trang cho việc kéo quân ra Bắc, Tôn Sĩ Nghị tưởng là Huệ sợ mình thật nên đã ậm ọe trả lời bảo *"Huệ phải rút quân về Thuận Hóa để chờ nghe xét xử, không được liều lĩnh làm càn mà chuốc lấy tội"*.[1] Sự thay đổi trong kế hoạch của nhà Thanh khiến Lê Quýnh nghĩ rằng nhà vua không còn tin dùng ông nữa còn người ngoài thì tưởng rằng Lê Duy Kỳ chỉ lo *"đền ơn báo oán"*, không lo đến chuyện đại sự.

Theo lời tâu của Tôn Sĩ Nghị ngày mồng 3 tháng Giêng năm Càn Long thứ 55 [1790] [lúc này ông ta đã đổi sang làm Tổng đốc Tứ Xuyên] thì:

"Xét năm trước Lê Quýnh theo mẹ và vợ Lê Duy Kỳ nhập quan cầu khẩn, thần đã đến biên ải Việt Tây [Quảng Tây], xem xét cựu thần họ Lê, chỉ có Lê Quýnh ngôn ngữ cử động tương đối khí khái, là kẻ nổi bật trong đám thường thường kia. Y lại thỉnh cầu theo đường Quảng Đông về nước trước để tìm chủ".

Thần đã tâu lên thánh thượng cấp cho Lê Quýnh lộ phí ra lệnh cho y đi trước, nếu gặp được Lê Duy Kỳ thì tiến quan báo tin ngay. Thần cũng cho y theo khi xuất quan để dẫn đường. Trên đường đi không gặp Lê Duy Kỳ nên lại sai y đi trước tìm kiếm, mãi đến khi thần tiến binh một mạch qua sông khắc phục Lê thành rồi, sau đó Lê Quýnh mới cùng với Lê Duy Kỳ đến được quân doanh. Nói rằng bọn họ nghe ngóng thấy các sông Thọ Xương, Thị Cầu, Phú Lương, thế giặc rất mạnh, nghĩ rằng quan binh không thể thắng được cho nên không dám tiến ra. Thần biết ngay là khi trước Lê Quýnh tiến quan, huênh hoang nước này nghĩa binh đồn tụ, đại binh khi ra khỏi cửa ải, lập tức hội hợp trợ lực tiễu giặc, đều không thực chút nào.

Thần đóng quân ở bờ sông Lê thành, lúc đầu Lê Quýnh còn đi theo Lê Duy Kỳ yết kiến vài lần, về sau không còn thấy đâu nữa. Thần mới hỏi lại Lê Duy Kỳ thì y khai rằng Lê Quýnh bị bệnh sốt rét rất nặng, hiện đang nằm một chỗ. Thần nghĩ Lê thành mới khôi phục, quân địch chưa trừ hết, đâu phải là lúc nằm im dưỡng bệnh cho được. Lập tức truyền cho y đến bờ sông, trách rằng các ngươi khi còn ở nội địa, bẩm

1. Ngô Cao Lãng, *Lịch triều tạp ký*, sđd, tr. 586.

xưng khi đại binh xuất quan, người trong nước sẽ ùn ùn hưởng ứng. Vậy mà mấy lần cùng với quân giặc huyết chiến, chẳng thấy các ông tụ tập nghĩa dũng để trợ thanh uy. Nay ông lại ngoạ bệnh không ra, đủ biết các ngươi không có chút thiên lương nào, phụ ơn tự tiểu tồn vong của Đại hoàng đế. Sau đó mắng cho một trận.

Lê Quýnh phục xuống đất vâng vâng dạ dạ. Nhưng một mực kêu là bị bệnh thật. Thần tra hỏi thêm nữa, việc Lê Quýnh quả thực bị bệnh, nhưng cũng vì sau khi Lê Duy Kỳ lấy lại nước rồi, không hết lòng uỷ nhiệm nên ngươi mới thoái thác. Thần theo việc mà đoán tính tình, y không biết đại thể, là người bạc bẽo. Lại nghe Lê Duy Kỳ ở kinh thành, tru lục mấy kẻ phản bội, cũng đều do những kẻ xuất bôn tuỳ tòng như Lê Quýnh ở ngoài xúc xiểm. Thần liền cấm chỉ Lê Duy Kỳ, lại tự tay viết vài trăm chữ dụ rằng đang lúc này nên rộng lượng, thu thập nhân tâm để yên lòng kẻ phản trắc, không thể nào ngày ngày lo chuyện báo thù khiến cho dân chúng thì chống lại, người thân thì ly tán. Lê Duy Kỳ vâng mệnh, cầm dụ điều do thần đích thân viết cất vào bọc ra đi".[1]

Những lời trên đây của Tôn Sĩ Nghị được viết ra hơn một năm sau, tuy có thể phần nào sự thực nhưng vào lúc Tôn Sĩ Nghị và Phúc Khang An đang xúc xiểm hạ uy tín của Lê Quýnh. Ở thời điểm đó, Lê Quýnh là người cương quyết không chịu khuất phục, gióc tóc thay áo theo ý vua quan nhà Thanh, Nguyễn Huệ [Quang Bình] lại đang trên đường tới kinh đô triều cận nên hai người tìm cách xúi giục vua Càn Long ghét bỏ mà đem Lê Quýnh đi an trí thật xa.[2]

---

1. *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển XXVI, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 514-515.

2. Trước đây, vua Càn Long đã ra lệnh cho Phúc Khang An đưa Lê Quýnh lên cho ông gặp nên khi Lê Quýnh không chịu cắt tóc, nhất định đòi về nước, họ Phúc sợ rằng Lê Quýnh nếu được diện kiến vua Càn Long sẽ nói những điều mà Phúc Khang An muốn giấu [chẳng hạn việc y cho người về gọi nhóm Lê Quýnh sang Quảng Tây mà vua Càn Long vẫn tưởng rằng do Lê Quýnh tự ý chạy sang]. Phúc Khang An đã tâu lên xin đày Lê Quýnh đi Tân Cương. Việc này ắt có sự thông đồng của Tôn Sĩ Nghị nên y đã tâu lên như trên.

Một điều chắc chắn là khi vua Lê ở Thăng Long, Lê Quýnh bị sốt rét chữa mãi không khỏi nên về quê dưỡng bệnh. Khi kinh đô thất thủ, Tôn Sĩ Nghị chạy về Trung Hoa, vua Lê và một số tùy tòng chạy theo thì không có mặt Lê Quýnh. Về việc này, Giáo sư Hoàng Xuân Hãn đã nhận xét như sau:

[...] Hoàng Lê nhất thống chí *lại chép rằng sau khi Sĩ-Nghị chạy, "Vua Chiêu-thống đương ở trong điện, tiếp được tin báo, ngài kíp cùng bọn Lê Quýnh, Trịnh Hiến rước Thái-hậu chạy. Trưa ngày mồng 6, vua Chiêu-thống đến núi Tam-tầng... Vua và Thái-hậu cùng đi, đến đồn Hòa-lạc, vừa gặp một người thổ hào... Người ấy bèn đi giết gà làm cơm thết đãi. Vua mời Thái-hậu và bảo bọn Quýnh cùng ăn... Vừa tối thì đến ải. Sĩ-Nghị cũng đã đóng quân ở đó... Vua cũng để bọn Quýnh ở lại, bảo họ lẻn về trong nước chiêu dụ những người trung nghĩa..." Theo lời chép ấy, thì Quýnh cùng chạy với vua và Thái-hậu; từ cung ở Thăng-long cho đến Nam-quan khi nào cũng không rời. Nếu thật thì không lẽ gì Quýnh lại không chép sự ấy, nhất là chuyện vua bảo trở lại mang trọng trách chiêu dụ hào kiệt. Trái lại sau đây ta sẽ thấy Quýnh chép rằng khi Thăng-long mất, Quýnh nằm bệnh ở quê nhà cho nên không biết chuyện ấy liền. Ai chép đúng sự thật? Điểm nầy theo lý thì chắc rằng Quýnh, vì đang thời nhiều người còn biết chuyện mình rõ ràng, không lẽ Quýnh nhớ sai hoặc cố ý chép sai một việc quan trọng như vậy, nhất là cái việc ấy không làm tổn danh giá mình.*[1]

4.2.3. Xuất bôn sang Trung Hoa

Trong ngày Tết năm Kỷ Dậu [1789], vua Quang Trung tiến quân ra Bắc đánh tan đoàn quân ngoại nhập, Tôn Sĩ Nghị phải vượt sông chạy về Quảng Tây. Các tướng Hứa Thế Hanh, Thượng Duy Thăng, Trương Triều Long... đều tử trận. [Xem chi tiết trong Nguyễn Duy Chính, *Thanh - Việt nghị hòa*, Nxb. Văn hóa văn nghệ, 2016].

Theo tấu thư của Tôn Sĩ Nghị, ngày mồng 9 tháng Giêng, ông ta chạy được đến Nam Quan nhưng chưa thấy Lê Duy Kỳ đâu cả, chứng

---

1. Hoàng Xuân Hãn, *"Bắc hành tùng ký"*, *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, tập II, sđd, tr. 881-882.

tỏ vua Lê thấy Tôn Sĩ Nghị bỏ chạy nên cũng vội vã thu xếp chạy theo nhưng không đi cùng với họ Tôn. *Lịch triều tạp kỷ* chép:

[...] *Trước đó, quân của Sĩ Nghị thua trận, vội vã tháo chạy, vua Chiêu Thống cũng cưỡi ngựa vượt sông và chạy về Bắc với Sĩ Nghị. Bề tôi của vua chỉ có Nguyễn Viết Triệu*[1] *cầm cương theo hầu. Còn thì đều ở lại bờ sông. Vua Chiêu Thống ngầm sai bề tôi tin cậy là Hoàng Ích Hiểu cấp tốc quay về trong điện, cùng với Hoàng đệ Lê Duy Chi* [Chỉ] *đưa mẹ, con và phi tần của vua ra sông Nhị Hà, vội vàng vượt sông, tìm đường đi gấp để đuổi kịp vua. Nhưng cầu phao bắc qua sông Nhị Hà đã bị đứt, không ai qua được sông. Chi liền trốn lên miền Tây.*[2]

Theo báo cáo của Tuần phủ Quảng Tây Tôn Vĩnh Thanh:

Ngày mồng bảy tháng Giêng, lúc giờ Thân, Đồng tri Minh Giang, có nhiệm vụ giữ Nam Quan là Phan Chung Liêm khai rằng: Bên ngoài cửa quan có An Nam Quốc vương Lê Duy Kỳ gõ cửa xin được thâu nạp. Thần liền ra lệnh cho mở cửa quan để tiếp kiến. Cứ như lời dịch của thông sự, Lê Duy Kỳ được hưởng thiên ân, lấy lại nước, được kế thừa ngôi vua và phong hiệu, thật chẳng khác gì tái tạo. Thế nhưng, Nguyễn Huệ ôm hận rất sâu, ắt là sẽ giết để báo thù, tuy quan binh hiện đang hết sức tiễu trừ, bọn chúng chưa thể tiến vào kinh thành được nhưng trong bụng hết sức sợ hãi, nên đã dắt mẹ, vợ con chạy trước, trên đường bôn tẩu, lại lạc mất mẹ và vợ, nay xin được thu nhập vào quan ải.[3]

Về thời điểm, tài liệu của Thanh triều không ăn khớp với nhau. Sau khi qua khỏi Nam Quan trở về Quảng Tây ngày mồng 9 tháng Giêng, Tôn Sĩ Nghị báo cáo là cho người đi kiếm Lê Duy Kỳ:

Còn như Lê Duy Kỳ thật là vô năng, có mất cũng không có gì đáng tiếc. Có điều y đã được hưởng ân huệ của Hoàng thượng, không nên để cho Nguyễn Huệ bắt cho thỏa dạ. Thần đã sai người đến các vùng Lạng Sơn, Nam Quan, tìm hỏi xem mẹ con Lê Duy Kỳ hiện như thế nào, tạm thời đưa về Trung Hoa cho khỏi chết.[4]

---

1. Người xã Thanh Thủy [tên cũ Thanh Tuyền], Nộn Liễu, Nam Đường, tỉnh Nghệ An làm chức Phó đề lĩnh.

2. Ngô Cao Lãng, *Lịch triều tạp kỷ*, sđd, tr. 588-589.

3. *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển XIII, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 330.

4. *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển XIII, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 328.

Như vậy, ít ra đến ngày mồng 9 tháng Giêng, Tôn Sĩ Nghị vẫn chưa biết Lê Duy Kỳ có chạy được hay không?

Mấy hôm sau, Tôn Vĩnh Thanh [Tuần phủ Quảng Tây] lại báo cáo là Lê Duy Kỳ đã nhập quan ngày mồng 7 tháng Giêng, rõ ràng có điều man trá sau khi đã hội ý với Tôn Sĩ Nghị, cố tình ngụy tạo chi tiết để nói dối vua Thanh. Tôn Vĩnh Thanh là thuộc cấp của Tôn Sĩ Nghị, lẽ nào việc Lê Duy Kỳ đã chạy sang Trung Hoa lại không báo cáo lên cho thượng cấp? Vả lại nếu như Lê Duy Kỳ chạy sang từ mồng 7 thì quân giữ ải biết ông là ai mà cho ông qua?

Xem lại, chính Tôn Sĩ Nghị và Tôn Vĩnh Thanh đã đồng mưu để vu cáo rằng Lê Duy Kỳ sợ bị Nguyễn Huệ giết, nên bỏ chạy trước làm loạn lòng quân khiến cho thất trận ngõ hầu làm nhẹ tội cho mình. Các chi tiết này, cho đến nay, vẫn được các sách vở Trung Hoa lặp lại một cách máy móc còn quan nhà Thanh thì mập mờ nói rằng vua Lê chạy từ ngày mồng 4 tháng Giêng[1] [nghĩa là trước khi quân Tây Sơn kéo đến] cho phù hợp với những chi tiết khác mà họ ngụy tạo ra.

Sử Việt Nam đương thời chép rằng khi vua Lê gặp Tôn Sĩ Nghị, ông nói:

Tôi làm mất xã tắc, nhục nhã nhờ Tôn đại nhân sang cứu; xiết bao cảm khích. Nay ngài bỏ đi, không dám nài xin nữa. Cúi xin trở về triều được mọi điều may mắn. Tôi xin trở lại đất nước tôi, thu thập dân, lính để lo một phen nữa. Nếu may mà thành công được thì đó là do quan thượng hiến giúp cho, nếu chẳng thành công, thì lại theo xe thượng hiến để chờ xin che chở.[2]

Lê quý dật sử chép:

Vua Chiêu Thống tới trấn Nam Quan, bề tôi mới lục tục kéo đến. Vua từ tạ Sĩ Nghị rằng: Xã tắc bị mất, được ngài thương yêu, vâng lệnh đến cứu viện, thật là cảm kích vô hạn. Nay ngài lại bỏ đi, chưa dám nghĩ bao giờ lại được gặp. Cúi mong ngài về triều được hai chữ "vạn phúc". Cô nguyện trở lại đất nước, thu thập dân binh để mưu tính việc khôi phục. Mong mỏi được dựa vào uy thanh, may ra nên việc thì cũng là do ngài ban cho. Nếu việc không thành, sẽ lại đến nơi ngài cầu xin.

---

1. *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển XIII, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 330.
2. Ngô Cao Lãng, *Lịch triều tạp kỷ*, sđd, tr. 589.

Nghị lấy ngón tay viết vào ván rằng: "Không giết được Quang Bình thì không thôi"(Quang Bình là tên giả của Tây Sơn). Nghị lại nói: "Đã dâng biểu tâu về xin thêm quân, không đầy một tháng thì viện binh sẽ đến. Chốn này gần kề bọn giặc, không tiện cho việc đóng quân, tích lương thảo, nên tạm về Nam Ninh nghỉ ngơi để đợi chiếu chỉ của triều đình. Vua bèn cùng Sĩ Nghị về Nam Ninh.[1]

Những chi tiết trên cũng không chắc đã xảy ra, nhất là việc Tôn Sĩ Nghị lấy tay viết vào ván để cho Lê Duy Kỳ đọc, vì hai người không cùng chạy một đường và nếu có gặp nhau thì cũng mãi về sau chứ không phải ở Nam Quan. Theo báo cáo của Tôn Sĩ Nghị thì:

Hôm trước, thần ở bờ phía bắc sông Phú Lương [tức sông Nhĩ Hà], *thấy thế giặc ở bờ bên kia quá dũng mãnh, mà các tướng đề trấn, chưa thấy về đến bờ sông, hay là đã thất bại rồi nên không triệt hồi được. Vì thế mới tự tay viết một mảnh giấy, sai di nhân* [tức người Việt] *đem đến bên sông giao lại cho đầu mục của giặc như sau:*

Lần này, bản bộ đường phụng mệnh Đại hoàng đế, thống lĩnh binh sĩ xuất quan, nguyên chỉ có ý khôi phục kinh đô, để phong vương cho Lê Duy Kỳ. Hiện nay Lê Duy Kỳ đã sợ giặc mà trốn mất rồi. *Người đó ủy mị, không có chí khí, không thể tiếp tục giúp đỡ nữa, nên đã triệt binh trở về quan ải. Nếu như Nguyễn Huệ dám giết một quan binh nào chưa kịp xuất quan, thử nghĩ thiên triều có để cho ngươi phạm tội lần nữa mà bỏ qua hay không? Đại hoàng đế sẽ phái đại thần, thống lãnh vài chục vạn quan binh, bốn đường tiến binh tiễu trừ, không diệt được ngươi thì không thôi. Còn như ngươi Nguyễn Huệ đem quan binh đưa trở ra, rồi tự trần tình hối tội các duyên cớ, ấy là biết lẽ thuận nghịch, may ra xin được khoan dung. Họa hay phúc cũng là do ngươi tự chọn lấy. Việc đang lúc cấp bách, ta chỉ có mấy lời thôi.*[2]

Như nội dung lá thư này [do Tôn Sĩ Nghị bịa đặt ra vì ông ta sợ truy binh chạy trốn rất gấp rút không thể có thì giờ viết thư gửi cho Nguyễn Huệ nên có nhiều điều vô lý], Tôn Sĩ Nghị đã đoán được vua Càn Long không muốn tái động binh nên cũng đã nhắc khéo về việc

1. *Lê quý dật sử*, sđd, tr. 88.
2. *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển XIII, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 329.

chấp thuận cầu hòa với Nguyễn Huệ như một chủ trương để dò ý về một đường lối tiếp theo.

Xét theo tình hình, vua Lê và tòng thần chạy qua Trung Hoa thì lý do cụ thể và gần gũi nhất là để được toàn mạng - theo một phản ứng rất bình thường là chạy ngược với phía quân địch tiến - chứ khi đó cũng chưa biết rồi sau này sẽ ra sao? Không phải họ không ý thức được việc người Trung Hoa có những tính toán bất thiện nên trước đây chỉ nhờ nhà Thanh "*đem binh áp cảnh, lên tiếng thanh viện*" nghĩa là động binh ở sát biên giới dọa cho Nguyễn Huệ rút đi trả lại nước cho vua Lê. Những chi tiết này về sau bị lược bỏ không thấy nhắc đến.[1] Trong nhiều trường hợp, nhà Thanh tìm cách gài đối phương đưa ra những khẩn cầu hợp với ý của họ rồi điều chỉnh bằng văn thư để cho danh chính ngôn thuận. Trong bang giao với Tây Sơn, họ cũng áp dụng những biện pháp tương tự và nếu không đối chiếu nhiều tài liệu khác nhau, chúng ta khó có thể biết được sự thực ẩn phía sau.

Cũng theo tài liệu của Việt Nam, Tôn Sĩ Nghị liền giữ vua Lê lại nói cứng là đang trình lên để xuất quân lần thứ hai. Những lời nói đó nếu có thực thì cũng chỉ là việc xoa dịu mặt ngoài cho qua chuyện, vì khi Tôn Sĩ Nghị thua chạy về, trong vai trò Tổng đốc Lưỡng Quảng cũng như tiết chế binh mã, ông ta còn phải đối phó với rất nhiều vấn đề cấp bách như di chuyển số quân lính sống sót, chuyên chở quân trang, khí giới về nước, kiểm điểm thiệt hại, bố trí phòng ngự... và nhất là e ngại cơn thịnh nộ của vua Càn Long đổ lên đầu một nguyên soái thất trận. Trong nhiều tháng liền, Tôn Sĩ Nghị, Phúc Khang An và các cấp phủ, bộ đều phải lo việc hậu chiến, còn vua tôi Lê Duy Kỳ thì được cung cấp một nơi sinh sống [từ ngữ nhà Thanh gọi là an tháp] chứ không hề được gặp quan lại nhà Thanh. Những điều người trong nước tường thuật về diễn biến cuộc đời lưu vong chỉ dựa theo suy đoán, tin đồn và tưởng tượng.

---

1. Rất nhiều chi tiết ghi trong sử Việt được chép lại từ sử nhà Thanh, có lẽ vì Quốc sử quán triều Nguyễn đã tham khảo một số sách vở của Trung Hoa, vốn dĩ đã bị san định theo chủ trương của họ.

Về phía nhà Thanh, những gì địa phương báo cáo lên triều đình hoàn toàn có tính cách nội bộ, người ngoài không ai được biết. Chính vì thế, chỗ nào đúng, chỗ nào sai cũng đều chỉ trong phạm vi riêng một phía. Chỉ có khi nào mà chúng ta có chứng cớ rõ ràng hơn mới có thể đối chiếu để vạch ra những điều thiếu chính xác nhưng việc đó không phải dễ dàng gì.

V. BANG GIAO THANH-VIỆT HẬU CHIẾN

5.1. Trước khi Thanh triều công nhận Tây Sơn

Trong khoảng hai tháng sau khi thua trận tại Thăng Long, Thanh triều tập trung giải quyết những vấn đề liên quan đến chiến dịch, đối ngoại chủ yếu là bảo vệ biên giới, đề phòng quân Tây Sơn đánh sang Trung Hoa, đối nội đặt trọng tâm vào việc tổng kết thiệt hại trong chiến dịch để báo cáo lên triều đình và cũng chưa đưa ra được một chủ trương cụ thể phải đối phó với triều đình Quang Trung như thế nào? Lý do dễ hiểu là vì tin báo về triều phải hạ tuần tháng Giêng mới tới tay vua Càn Long và thư trả lời cũng cần một thời gian nữa mới tới Quảng Tây. Quyết định đầu tiên của vua Thanh là điều động Phúc Khang An, khi đó đang là Tổng đốc Mân - Triết sang làm Tổng đốc Lưỡng Quảng thay Tôn Sĩ Nghị để lấy lại quân uy và chủ trì cách thức giải quyết.

Phúc Khang An rất khôn ngoan, biết rằng vua Càn Long có ý chủ hòa nên đưa ra một tiêu chí sáu chữ "*dưỡng quân uy, tồn quốc thể*" làm then chốt trong việc đàm phán để giúp vua Cao Tông có thể trút bỏ biện pháp quyết liệt vốn dĩ ông không mấy thiết tha, tuy vẫn nói cứng rằng "*quốc gia đang hồi toàn thịnh, trong ngân khố có đến 60 triệu lượng bạc, dù phải tiêu 30 triệu lượng để đánh An Nam thì cũng không ngại*".[1]

Trong thời điểm còn nhiều công tác quy mô và quan trọng hơn, đối với nhà Thanh, nhóm vua Lê và bầy tôi chỉ là một chuyện phụ thuộc không đáng lưu tâm. Họ được cung cấp nơi ăn chốn ở nhưng chưa hẳn đã vì ưu đãi mà chỉ theo chính sách chung của Thanh triều và dự phòng dùng họ như một thứ con tin để điều đình với Tây Sơn

1. *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển XV, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 370.

hơn là vào mục tiêu tiến quân lần thứ hai như Lê Duy Kỳ mong đợi. Những tài liệu của nhà Thanh cho thấy vua Lê và người theo ông đã bị gạt ra ngoài ngay khi chiến tranh vừa chấm dứt.

5.1.1. Đối với Tây Sơn

5.1.1.1. Đàm phán sơ khởi

Về tiến trình bang giao Thanh-Việt sau chiến tranh, sử triều Nguyễn chép:

[...] *Kịp khi Tôn Sĩ Nghị nương nhau chạy về bắc, những sắc thư mang theo rơi bỏ ở dọc đường. Vua Quang-trung Nguyễn Huệ thu được, nói với Ngô Nhậm rằng: "Ta xem sắc thư của vua Thanh, chẳng qua hắn xem mạnh yếu mà binh bên này bên kia vậy. Việc bảo tồn nhà Lê không phải do bản tâm, hắn chuyên mượn đó làm danh nghĩa mà sự thật là mưu đồ tư lợi mà thôi. Nay sau một trận bại binh hắn ắt lấy đó làm nhục hẳn là không chịu thôi nghỉ. Nhưng hai nước giao binh cũng không phải là cái phúc của nhân dân. Nay chỉ có khéo léo ở lời thù tiếp ngoại giao mới có thể dứt được mối binh đao. Việc đó phải được khanh chủ trương."*

[...] *Vừa lúc ấy quan Tả-giang binh bị đạo Thanh (Thang) Hùng Nghiệp gửi thơ đến, đại lược nói: "Lê Duy Kỳ bỏ nước mà trốn, Thiên triều quyết không đem nước An-nam cho y nữa. Hãy thừa lúc trước khi chưa vâng dụ chỉ, ủy thác người gõ cửa quan kêu xin ngõ hầu có thể ngưỡng cầu ân điển."*

Vua Quang-trung Nguyễn Huệ được thơ, biết người nhà Thanh (Tàu) muốn giảng hòa thì lòng đã khinh để họ, bèn sai tướng Hô-hổ Hầu dâng biểu xin làm An-nam Quốc-vương.[1]

---

1. Nguyên văn *Đại Nam liệt truyện*, quyển XXX như sau:

[...] 及毅狼狽北走，所帶敕書遺棄于道。惠得之語吳壬曰： 我看清帝敕書不過視强弱爲左右耳。存黎之舉非出本心，特假此爲名而寔圖自利而已。今一敗之後必以爲恥斷不干休，但兩國交兵亦非生民之福。今惟有善於辭令方能弭得兵端。此事須卿主之。

[...] 適左江兵備道湯雄業移書略言黎維祁棄國而逃，天朝斷不復以安南畀之可趣此未奉諭旨之前委人叩關籲求庶可仰邀恩典。惠得書知清人欲講和，心易之乃使其將嘴虎侯遞表求爲安南國王。

Có thể nói, việc Nguyễn Huệ được phong làm An Nam Quốc vương như vậy thật dễ dàng, tưởng như một trò đùa bỡn. Thực tế, trong lịch sử Việt Nam, việc được triều đình Trung Hoa công nhận thường trải qua nhiều thủ tục rắc rối, thử thách nhiêu khê nên có khi mất hai ba năm trước khi được họ ban cho một danh hiệu và một quả ấn.

5.1.1.2. Quan điểm phía nhà Thanh

Khi từ bỏ nhà Lê để công nhận Nguyễn Huệ, chính vua Càn Long cũng biết rằng nếu như họ cố gắng bằng mọi giá để tái lập vua Chiêu Thống thì bước đầu cũng có thể thành công nhưng việc duy trì một triều đình ở An Nam thì lại là chuyện khác. Dù không có một Nguyễn Huệ ngày hôm nay thì trong tương lai cũng sẽ lại có một hay nhiều Nguyễn Huệ nổi lên và sớm muộn nhà Lê cũng mất. Còn nếu như thừa cơ đánh chiếm Đại Việt làm quận huyện, thì việc duy trì một đạo quân viễn chinh thường trực và một bộ máy hành chính cai trị cũng phức tạp không kém, hao tiền tốn của mà rồi cũng sẽ bị đánh đuổi khiến thiệt hại về tài lực, vật lực sẽ còn cao hơn gấp bội.

Ngay từ đầu, Thanh triều biết rằng trước sau gì cũng phải công nhận một người làm chủ nước Nam nên họ tính toán thế nào để cho

---

([...] Cập Nghị lang bái bắc tẩu, sở đái sắc thư di khí vu đạo. Huệ đắc chi ngữ Ngô Nhâm viết:

Ngã khán Thanh đế sắc thư bất quá thị cường nhược vi tả hữu nhĩ. Tồn Lê chi cử phi xuất bản tâm, đặc giả thử vi danh nhi thực đồ tự lợi nhi dĩ. Kim nhất bại chi hậu tất dĩ vi sỉ, đoạn bất can hưu, đãn lưỡng quốc giao binh diệc phi sinh dân chi phúc. Kim duy hữu thiện ư từ lệnh phương năng nhĩ đắc binh đoan. Thử sự tu khanh chủ chi.

[...] Thích Tả giang binh bị đạo Thang Hùng Nghiệp di thư lược ngôn: "Lê Duy Kỳ khí quốc nhi đào, thiên triều đoán bất phục dĩ An Nam tỷ chi khả sấn thử vị phụng dụ chỉ chi tiền ủy nhân khẩu quan dụ cầu thứ khả ngưỡng yêu ân điển." Huệ đắc thư tri Thanh nhân dục giảng hòa, tâm dị chi, nãi sử kỳ tướng Hô Hổ Hầu đệ biểu cầu vi An Nam Quốc vương.) *Nhà Tây Sơn (Đại Nam chính biên liệt truyện: Ngụy Tây)*, Tạ Quang Phát dịch, Phủ Quốc vụ khanh Đặc trách Văn hóa, Sài Gòn, 1970, tr. 145-147.

có lợi nhất. Kinh nghiệm Miến Điện cho thấy nếu đối phương tỏ thái độ bất cần, ngang ngược thì việc động binh cũng chẳng đi đến đâu. Ở An Nam, nhà Thanh có lợi thế hơn vì nước ta thần phục Trung Hoa trong nhiều triều đại, nhiều thế kỷ, lại chịu ảnh hưởng sâu rộng văn hóa và học thuật của người Trung Hoa nên vốn sẵn có tập quán nội phụ vào phương Bắc.

Bỏ đi những hình thức bề ngoài, đứng trước chọn lựa giữa hai đối tượng - Nguyễn Huệ và Lê Duy Kỳ - chúng ta thấy việc nhà Thanh chọn Nguyễn Huệ không phải là việc khó suy nghĩ. Điều quan trọng chính là làm sao để Nguyễn Huệ cũng đi đúng như con đường Thanh triều muốn Lê Duy Kỳ tuân thủ.

Ngay từ cuối tháng Giêng năm Kỷ Dậu [1789] - vua Càn Long đã mật dụ cho Phúc Khang An [người được bổ nhiệm làm Tổng đốc Lưỡng Quảng thay Tôn Sĩ Nghị nhưng chưa tới nhiệm sở mới] trong đó có đoạn như sau:

Lúc này, bọn Nguyễn Huệ tự biết rằng làm tổn thương đến quan binh là đã gây nên tội cực lớn, [hẳn là] *sợ thiên triều cử đại binh tiễu trừ, ắt sẽ sai người đến cửa quan chịu tội xin hàng. Phúc Khang An và Tôn Sĩ Nghị đều là phong cương đại thần* [đại thần trấn nhậm nơi biên giới], *vậy phải nên nghiêm khắc. Nếu* [Nguyễn Huệ] *nhiều lần sai người đến gõ cửa cầu khẩn với vẻ cung thuận thì đợi tới lúc đó hãy tâu lên, trẫm sẽ tùy cơ mà hành sự.*

Huống hồ hiện nay quốc gia đang toàn thịnh, Nguyễn Huệ chỉ là một thổ mục đất An Nam, nếu đem binh hội tiễu, đánh vào sào huyệt bắt lấy thủ lãnh thật không khó gì. Thế nhưng xứ này vốn nhiều chướng lệ, nếu thu nhập bản đồ [sáp nhập vào lãnh thổ của họ] *như đã làm ở Tân Cương* [tức là chiếm Đại Việt], *thì phải phân phối rất đông viên chức trấn thủ, mà tiền thuế thu được ở xứ này chẳng đủ kinh phí.*

Huống chi An Nam dân tình phán phúc, trước đây những nước thắng được họ [tức là các triều đại Hán, Minh...] *lấy làm quận huyện, chẳng bao lâu cũng sinh biến cố, trong lịch sử đã có gương xe đổ rồi* [nên bây giờ chẳng nên đi theo vết cũ].

Trẫm suy đi tính lại, không nên làm lớn chuyện mà nên mở cho họ một đường thoát, nếu như thành khẩn sợ tội thì không phải hao binh lực,

việc xong mà mọi sự đều thành. Phúc Khang An không thể không biết ý đó của trẫm.[1]

Trong mấy tháng đầu tiên, Thanh triều đưa ra hai chủ trương, bề ngoài chỉ thị cho Tôn Sĩ Nghị tiếp tục cứng rắn để dò xét phản ứng của đối phương, bên trong chỉ thị cho Phúc Khang An chuẩn bị một biện pháp uy hiếp để chiếm lấy ưu thế trong thương lượng. Trong một thời gian ngắn, tại Quảng Tây có mặt cả Phúc Khang An lẫn Tôn Sĩ Nghị, thay phiên tung hứng để làm áp lực với triều đình Quang Trung. Vua Càn Long cũng ra lệnh cho các tỉnh dọc theo biên giới phía nam tăng cường canh phòng vừa để đối phó với một cuộc chiến vượt biên giới nhưng cũng bắn tiếng rằng việc họ chuẩn bị động binh là có thực.

Để xem thái độ Đại Việt, nhà Thanh làm như tức giận bác khước mọi đề nghị của nước ta bằng một thái độ trịch thượng, hống hách. Lần thứ nhất, ngày 20 tháng Giêng, họ ném trả tờ biểu cầu hòa. Lần thứ hai, ngày mồng 9 tháng Hai, họ hoạnh họe sao chưa trả tù binh, lại hăm dọa đang chuẩn bị đem quân sang lần nữa. Sau khi xem biểu văn, Thang Hùng Nghiệp đưa ra điều kiện họ chỉ chuyển lên vua Càn Long khi số tù binh được trả về. Lần thứ ba, ngày 21 tháng Hai, vua Quang Trung cho người mang biểu văn và ngày 22 tháng Hai đưa lên Nam Quan 500 tù binh, bao gồm 300 binh lính và 200 phu dịch.[2] Trong suốt thời kỳ đàm phán sơ khởi này, hai sứ thần Đại Việt là Nguyễn Hữu Trù và Vũ Huy Phác [Tấn] đã phải chạy đi, chạy lại từ Thăng Long đến Lạng Sơn bảy lần mới đạt được kết quả.

Tuy bên ngoài như thế, một trong những tiêu điểm của trao đổi là ép vua Quang Trung bằng lòng sang tham dự lễ bát tuần khánh thọ của vua Càn Long vào năm sau. Hàng năm nhà Thanh vẫn thường tiếp đón những phái đoàn phiên thuộc và các vương công, thai cát như Mông Cổ, Tân Cương, Tây Tạng... nhưng trong kỳ đại lễ vô tiền khoáng hậu này, vua Thanh khao khát muốn có một quốc vương ngoại phiên tham dự. Trước đây, khi lập Lê Duy Kỳ lên làm An Nam Quốc vương, vua Lê đã tự nguyện sang triều cận nhưng nay không còn là Lê

1. *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển XIV, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 343, Thượng dụ ngày 27 tháng Giêng năm Kỷ Dậu.

2. *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển XVI, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 381.

Duy Kỳ nữa nên quan lại nhà Thanh phải tìm đủ cách để vua Quang Trung sẽ thay thế vị trí của vua Chiêu Thống.

5.1.1.3. Phản ứng phía Đại Việt

Có thể nói, vua Quang Trung đã chủ trương cầu hòa với nhà Thanh rất sớm, sớm hơn mọi dự liệu mà dân Bắc Hà có thể tưởng tượng được. Ngày 20 tháng Giêng năm Kỷ Dậu [14-2-1789], triều đình Tây Sơn sai người đến Nam Quan dò ý nhà Thanh về việc tình nguyện nạp cống và thông báo cho đối phương biết về tình hình những quan binh của họ bị bắt hiện đang giam giữ tại Thăng Long.[1]

Việc xúc tiến giảng hòa một cách gấp rút và đơn phương có nhiều nguyên nhân phức tạp. Vua Quang Trung cần có một vị thế trong mô hình chính trị thiên triều - phiên thuộc mà người Việt đã tuân thủ hàng nghìn năm qua. Bất cứ một ông vua nào của Việt Nam thời quân chủ cũng cần sự công nhận của triều đình Trung Hoa để được coi như một dòng chính thống. Đối với những vị vua sáng nghiệp, mở nước, việc cầu phong lại càng quan trọng, nhất là sau khi có chiến tranh để lấy lại nước [từ chính Trung Hoa] như nhà Lê, nhà Tây Sơn. Chính vì thế, tuy là phía chiến bại, Thanh triều vẫn có lợi điểm *"nước lớn"* để khai thác trong việc đàm phán. Vả lại, vua Quang Trung cũng có những khó khăn phải giải quyết nên việc cầu hòa là thông lộ quan yếu nhất để hóa giải những mấu chốt phải vượt qua.

Thứ hai, tuy đánh bại quân Thanh trong một cuộc chiến ngắn ngủi, vua Quang Trung cũng nhận ra rằng ngoài những kẻ thù đã có sẵn - kể cả anh ông là Nguyễn Nhạc - nay ông lại phải đối diện với một cường địch rất lớn về vật chất cũng như tinh thần. Có thể nói, Nguyễn Huệ rơi vào thế tứ bề thọ địch trong khi ông không có một đồng minh nào, ngoài một vương quốc Bắc Hà tan hoang còn nhiều vấn đề thực tế phải giải quyết.

Để tìm kiếm hòa bình, Nguyễn Huệ đã kịp thời tận dụng được thành phần sĩ phu Bắc Hà, vốn có sở trường về văn mặc, hiện lẩn trốn và còn đang hoang mang vì không biết số phận mình sẽ ra sao.

---

1. *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển XIV, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 349.

Ngay trong tháng Giêng năm Kỷ Dậu, Nguyễn Huệ đã tập trung, mời gọi - theo lối trọng đãi nhân tài cũng có mà ngầm cưỡng bách cũng có - rất nhiều danh sĩ. Những nhà nho đó nếu không được Nguyễn Huệ biết tới thì tên tuổi cũng mai một như hàng trăm tiến sĩ, cử nhân khác trong lịch sử. Theo *Lịch triều tạp kỷ*, những người đầu tiên được triệu dụng là Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích, Nguyễn Thế Lịch, Vũ Huy Tấn, Đoàn Nguyễn Tuấn, Đào Xuân Lãng...[1]

Chỉ nửa tháng sau khi trận đánh kết thúc, phái đoàn giảng hòa đã có mặt ở trấn Nam Quan với ba sứ thần Nguyễn Hữu Trù, Vũ Huy Phác [Tấn], Nguyễn Ninh Trực, trong một thái độ hết sức mềm dẻo[2]. Chính vì được sử dụng đúng sở trường của họ, những danh nho miền Bắc đã có dịp chứng tỏ khả năng *"lấy ngọc lụa thay cho gươm giáo"* và làm nổi bật niềm tự hào mà sau này chính vua Càn Long đã phải khen ngợi Đại Việt là *"văn hiến chi bang"*. Hiện nay, trong văn khố nhà Thanh và rải rác các sử liệu, chúng ta còn tìm thấy nhiều văn kiện đặc sắc trong khuôn mẫu ngoại giao thời Tây Sơn.

Nguyễn Huệ biết rằng muốn làm nguội nồi nước ở trên bếp, việc đầu tiên là phải rút bớt củi ra. Do đó, ông đã đề ra một chính sách đối xử rất nhân đạo đối với những thương binh, tù binh. Ông chủ động trả những người bị bắt trước khi nhà Thanh có những yêu sách và vô hình trung, những tù binh đó lại trở thành những sứ giả hòa bình khi họ ca tụng lòng nhân đạo và thái độ rộng rãi của nước Nam, khác hẳn với lối tàn sát lương dân vô cớ của Tôn Sĩ Nghị. Tuy phía Thanh triều luôn luôn đề cao sự thần phục của Đại Việt là do tự nguyện nhưng trong các văn thư bán chính thức, nhiều vấn đề gai góc từ phía Đại Việt không khỏi khiến cho quan lại nhà Thanh hoảng hốt.

Vua Quang Trung cũng chấp thuận những đề nghị mang tính *"rửa mặt"* cho nhà Thanh, vừa nêu cao tính độ lượng, vừa xoa dịu tự ái để đánh đổi lấy những đặc quyền to lớn hơn. Hai trong số công tác đó là lập trai đàn để tế các tướng sĩ trận vong mà các bài văn tế (chữ Hán và

---

1. Ngô Cao Lãng, *Lịch triều tạp kỷ*, sđd, tr. 591.

2. Nếu có mặt ở Nam Quan vào hạ tuần tháng Giêng, việc chuẩn bị về đường lối ngoại giao chắc phải được xúc tiến rất sớm, trước hay ngay sau trận đánh ở Thăng Long.

chữ Nôm) nay còn lưu giữ được. Ông cũng cho xây một đền thờ các tướng nhà Thanh tử trận trong đó bao gồm Đề đốc Hứa Thế Hanh, hai Tổng binh Thượng Duy Thăng và Trương Triều Long.[1]

5.1.1.4. Bước ngoặt trong chính sách Thanh triều

Khi Phúc Khang An đáo nhậm Tổng đốc Lưỡng Quảng thay Tôn Sĩ Nghị [giữa tháng Ba năm Kỷ Dậu], ông ta đã nắm vững chủ trương của vua Càn Long nên tiếp tục đường lối dọa nạt của Tôn Sĩ Nghị. Ngoài ra, Phúc Khang An còn đi xa hơn trong việc kiềm chế cả phe Lê Duy Kỳ lẫn phe đối địch là vua Quang Trung. Tuy bề trong chủ hòa, bên ngoài Phúc Khang An vẫn gióng tiếng rằng sẽ điều bốn lộ binh sang đánh Đại Việt. Trong công tác chiến tranh tâm lý đó, vua Lê và những người chạy theo vẫn tưởng rằng họ còn một vai trò khi nhà Thanh đi bước kế tiếp.

Đọc lại một số thơ văn của những người theo vua Lê sang Trung Hoa thời đó, ta thấy họ vẫn lạc quan, tin rằng nếu Thanh triều không thương một dòng họ thần phục lâu năm thì cũng sẽ hưng binh vấn tội, rửa nhục bại binh.

Tháng Năm năm Kỷ Dậu, Phúc Khang An sai một người anh họ [biểu huynh] của Lê Quýnh là Lê Trình[2] bí mật về nước tìm Lê Quýnh dụ họ sang Trung Hoa, nói rằng họ Phúc muốn gặp để *"bàn quốc sự"*. Trong tình hình đang mong chờ Thanh triều cứu viện lần thứ hai, Lê Quýnh cho rằng *"bàn quốc sự"* đồng nghĩa với tính toán việc quân cơ nên đã cùng 28 đồng chí phấn khởi lên đường. Khi nhóm người này vượt biên giới sang đất Thanh, họ được cho tạm trú, sống biệt lập nhưng không có cơ hội nào để gặp Phúc Khang An như dự tính. Việc câu lưu được nhóm Lê Quýnh khiến cho lực lượng phù Lê ở trong nước tạm thời nằm im đãi biến, lại cũng là một uy hiếp ngầm triều đình Tây Sơn rằng một lực lượng lưu vong mưu tính phục quốc đang ở nội địa là có thực.

---

1. Việc này có thực vì chính sứ thần sang phong vương cho vua Quang Trung là Thành Lâm đã đến đây chủ tế trước khi về nước, có Đại Tư mã Ngô Văn Sở và một số quan viên tham dự.

2. *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển XXV, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 507, viết là Lê Huy Giản (黎輝琅).

Cầu phong

Những diễn tiến thuận lợi đó không những làm dịu đi tình hình căng thẳng và xóa dần hiểm họa chiến tranh mà lại đóng góp tích cực vào việc ổn định chính trị của Bắc Hà. Nhà Thanh không những công khai khẳng định việc từ bỏ ủng hộ nhà Lê mà trong một số trường hợp còn giúp cho Nguyễn Huệ loại trừ được những nguy cơ bạo loạn mà không phải đổ máu. Việc đối xử với vua Chiêu Thống theo từng bước khác nhau tùy thuộc vào những biến chuyển trong chính sách ngoại giao nhưng vì không biết được điều đó nên người ngoài vẫn coi là một việc *"đánh lừa"* hay ngẫu nhiên xảy đến.

Đối với Thanh triều, vấn đề An Nam không phải chỉ là chuyện tùy tiện làm theo cảm hứng nhất thời. Điều cốt lõi là xây dựng một tương quan của chính sách thiên triều - phiên thuộc nên họ Lê hay họ Nguyễn làm chủ nước ta chỉ là bề mặt. Công nhận vua Quang Trung giúp Thanh triều không phải tái động binh trong một cuộc chiến tốn phí mà vẫn có một phên giậu ổn định.

Trong thời điểm ấy, việc quan trọng nhất không phải là những đòi hỏi bề ngoài như trao trả tù binh, lập miếu thờ tướng nhà Thanh tử trận hay khấu đầu xưng thần mà làm sao ép được vua Quang Trung đi theo bước chân vua Chiêu Thống: *đích thân sang Bắc Kinh dự lễ bát tuần khánh thọ năm Canh Tuất*. Để đạt được mục tiêu đó, vua Càn Long ra lệnh cho Phúc Khang An thi hành đúng theo chính sách "ki mi" [lỏng dây cương], vừa cương vừa nhu, nằm trong sáu chữ *"dưỡng quân uy, tồn quốc thể"*.

Việc thương lượng đó qua lại khá lâu tuy không hẳn đã xuôi chèo mát mái như nhà Thanh miêu tả là Nguyễn Huệ vui vẻ nhận lời ngay từ đầu[1]. Dưới áp lực ngoại giao, hai bên đã ngầm đồng ý là phải có một phái đoàn mang tính cách dò đường trước nên Nguyễn Huệ đã sai cháu là Nguyễn Quang Hiển - trong vai trò một sứ giả đem biểu cầu phong lên kinh đô.

---

1. Xem thêm *Đại Việt quốc thư*, Nguyễn Duy Chính dịch, Nxb. Văn hóa văn nghệ, TP. Hồ Chí Minh, 2016.

Phái bộ Nguyễn Quang Hiển

Việc đưa một phái bộ sang cầu phong và nhận sắc ấn là một trường hợp đặc biệt trong lịch sử bang giao Trung Hoa - Việt Nam. Phái bộ Nguyễn Quang Hiển được tiếp đón bằng một nghi thức khác thường. Ông không phải chỉ là một sứ thần mà là một đại diện chính thức của vua Quang Trung - nói theo ngôn ngữ ngoại giao của nhà Thanh là *"tuy đại do thân"* (雖代猶親) (tuy thay mặt nhưng cũng như chính mình vậy). Theo như lời khai, Nguyễn Quang Hiển là đích trưởng điệt [cháu lớn nhất dòng chính], con của anh cả vua Quang Trung là Nguyễn Quang Hoa đã mất sớm nên cũng không khác gì con trưởng của Nguyễn Huệ.

Nhà Thanh cũng sắp xếp nghi lễ để khi Nguyễn Quang Hiển sang Nam Quan *"thay mặt vua Quang Trung đến dâng biểu cầu hàng"* rồi sau đó sẽ *"đích thân lên kinh đô để chứng tỏ sự thành tâm quy phục"*. Chính việc này cũng khiến cho vua Thanh tự hào là việc các triều đại trước phải *"đưa người vàng thay mặt"* [đại thân kim nhân] thật đáng khinh bỉ [vì chỉ là hình thức giả dối] không phải như Nguyễn Huệ quy phục một cách thành tâm. Theo *Khâm định An Nam kỷ lược*:

Đến giờ Dần ngày hôm đó [19 tháng Tư năm Kỷ Dậu], *bọn thần ra lệnh cho tướng sĩ ở cửa quan bày thành đội ngũ, cắm cờ xí, lại cung thiết hương án ở Chiêu Đức Đài, chuẩn bị hành lễ. Khi đó Nguyễn Quang Hiển dẫn tùy tòng vài trăm người đã chờ sẵn ở quan ngoại. Bọn thần Phúc Khang An ra lệnh cho Thang Hùng Nghiệp truyền lệnh cho Nguyễn Quang Hiển đem theo 6 người di quan, một người thông sự và 60 tùy tòng tiến quan. Những người còn lại đều phải chờ ở ngoài quan.*

Đến giờ Thìn, Thang Hùng Nghiệp đưa Nguyễn Quang Hiển tiến vào, di quan bưng tờ biểu đi trước. Khi đến Chiêu Đức Đài, Nguyễn Quang Hiển dẫn các di quan hướng về phương bắc hành tam quỵ cửu khấu lễ. Bọn thần ở đằng sau Chiêu Đức Đài tiếp nhận biểu văn, bọn Nguyễn Quang Hiển vào trong đình hành nhất quỵ tam khấu lễ, rồi khom lưng đứng sang một bên...

Nguyễn Quang Hiển nghe thế quỳ mọp xuống, nói rằng tôi là đích trưởng điệt [cháu lớn nhất thuộc dòng chính], *Nguyễn Huệ nuôi dạy như con. Cha tôi là Nguyễn Quang Hoa* (阮光華) *mất sớm, chú thứ hai là Quang Nhạc* (光岳), *hiện ở Quảng Nam, chú thứ ba là Quang Bình* (光平)*tức Nguyễn*

Huệ, chú thứ tư là Quang Thái (光泰) cũng sống ở Quảng Nam, trên núi Tây Sơn.

Chú tôi Quang Bình vốn có liên hệ hôn nhân với họ Lê chứ thực không có phận vua tôi. Chỉ vì Lê Duy Kỳ vô đạo đến nỗi làm nhọc đến thiên binh. Chú tôi gặp lúc rủi ro, gặp chuyện như thế đành phải kháng cự quan binh, chuyện rành rành có nói mấy cũng không xong nên từ tháng Giêng năm nay ở Lê thành, ăn ngủ không yên, tấc lòng không thể nào chỉ tâu lên mà biện bạch được...

Khi ra đi, chú tôi bảo tôi thay mặt bẩm lên, dặn đi dặn lại với tôi rằng. Người nước nhỏ chúng ta ai ai cũng biết kính trời, mà Đại hoàng đế tức là trời vậy. Nếu ai đắc tội với trời thì họa sẽ đến thân, lây đến cả nước. Khi ngươi gặp Đốc phủ hãy lập tức xin được tiến kinh chiêm cận thiên nhan Đại hoàng đế. Những vàng bạc phương vật đem tiến mang theo không phải là cống phẩm mà chỉ để tiêu biểu mà thôi.

Nếu như lần này tấm lòng thành thực hối tội được Đại hoàng đế chấp thuận cho đầu hàng thì ơn chẳng khác gì tái tạo, sẽ kính cẩn giữ lệ chức cống, được dự vào cuối bảng phiên phong. Đợi đến khi nào trong nước mọi việc đã tạm yên sẽ hối hả lên kinh khuyết, rập đầu trước Đại hoàng đế xin tha cho cái tội vô cùng, ban cho cái phúc vô cương để đời đời con cháu mãi mãi được dự vào vương hội thì thật không gì vinh hạnh bằng.[1]

Sau khi đem biểu sang, Phúc Khang An liền cho dịch trạm hỏa tốc đưa lên kinh để vua Càn Long chính thức chấp nhận cầu phong của Nguyễn Huệ đồng thời cho phép Nguyễn Quang Hiển lên kinh đô nhận sắc và ấn đem về.

5.1.2. Đối với nhà Lê

5.1.2.1. Thu nhận những người chạy qua

Chỉ sau khi việc bang giao với Đại Việt được định hình, Thanh triều mới bắt đầu đề cập đến những người nhà Lê chạy được sang Trung Hoa. Trước đó, họ chỉ được cung cấp một chỗ ăn ở nhưng không

1. *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển XIX, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 427.

có những chi tiết cụ thể - hay đúng hơn - chính sách đối với họ còn bỏ ngỏ. Nói chung, hầu như trong những tháng đầu, những ai chạy sang Trung Hoa đều được tạm thu nhận, sau đó mới phân loại và xử trí tùy theo thành phần, tùy theo trường hợp. Binh lính và phu phen nhà Thanh, dĩ nhiên, được ưu tiên, nhưng ngoài ra, cũng có cả dân chúng, xưởng dân [người Thanh trốn sang làm nghề khai mỏ ở Đại Việt] và một số thổ hào. Những người chạy theo vua Lê hay từng giúp đỡ cho quân Thanh sợ bị trả thù cũng đều được cho vào để tránh sự truy sát của Tây Sơn.

Một số đông trong thành phần này về sau thấy sống ở Trung Hoa không thoải mái, nhất là những người bị đưa đi khá xa nơi những vùng hoang vu, lạnh lẽo đều xin trở về nước khi nhà Thanh thỏa hiệp với vua Quang Trung cho phép họ trở về mà không bị bắt tội. Việc "vượt biên" sang Trung Hoa còn kéo dài đến tận đời vua Cảnh Thịnh, tuy rằng càng về sau càng thưa thớt dần và mỗi người lại có những lý do riêng. Những người không trở về trong thời Tây Sơn thì khi vua Gia Long lên ngôi cũng được thỏa hiệp giữa hai triều đình để xin hồi hương.

Theo tổng kết sơ khởi, nhóm nhà Lê đầu tiên chạy được sang Trung Hoa vào khoảng hơn 20 người[1] [nhưng chưa có mẹ và con vua Lê].

Cuối tháng Giêng, số người sang được Quảng Tây bao gồm:

- Mẹ và con vua Chiêu Thống (Nguyễn Thị Ngọc Tố và Lê Duy Thuyên);

- Hoàng Ích Hiểu, phiên mục Cao Bằng, tước Địch quận công;

- Nguyễn Quốc Đống, người xã Tỳ Bà, huyện Lang Tài [anh của Vương phi Nguyễn Thị Kim];

- Phạm Như Tùng, người Thư Trì, đề lĩnh;

- Lê Hân, người xã Nộn Liễu, huyện Nam Đường;

- Phạm Đình Thiện, người xã Bác Trạch, huyện Chân Định;

---

1. *Khâm định An Nam ký lược*, quyển XIII, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 331.

- Lê Văn Trương, người xã Nghĩa Đồng, huyện Nam Đường;

- Lê Quý Thích, người xã Đồng Bằng, huyện Yên Định[1].

Đến tháng Ba, báo cáo nhà Thanh ghi nhận thêm những tên sau đây:

- Phan Khải Đức;

- Nguyễn Đình Bái;

- Hoàng Đình Cầu;

- Nguyễn Đình Liễn;

- Nguyễn Hiền.

Đến tháng Tư, Phúc Khang An lại tâu lên có thêm những người sau đây:

- Lê Duy Án (con út vua Hiển Tông, chú của Lê Duy Kỳ), tước Trung quận công;

- Lê Duy Trợ (thân tộc nhà Lê);

- Lê Duy Doanh (thân tộc nhà Lê);

- Trần Đắc Bồi;

- Nguyễn Đình Hoa;

- Đặng Kim Huân;

- Nguyễn Đình Dung;

- Vũ Xuân Bỉnh;

- Phan Khải Tích;

- Phan Mạnh Hiền...

Theo báo cáo của Phúc Khang An và Tôn Vĩnh Thanh thì số người qua tỵ nạn được tạm trú ở Quế Lâm là 376 người.[2]

---

1. Ngô Cao Lãng, *Lịch triều tạp kỷ*, sđd, tr. 589.

2. *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển XXV, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 506.

5.1.2.2. Bố trí sinh sống

Những người sang được Trung Hoa được chia ra nhiều địa phương mỗi nơi một ít. Tuy nhiên, những người có họ hàng, thân thiết thì được ở gần nhau. Một số người thoạt tiên theo vua Lê lên Bắc Kinh nhưng về sau đồng mưu xin được can thiệp để Nguyễn Huệ nhường cho một mảnh đất ở biên giới làm chỗ dung thân nên bị Thanh triều trừng phạt, vua Lê bị tước hết chức vụ, lương bổng, bọn Hoàng Ích Hiểu bị đày đi xa.

Riêng nhóm Lê Quýnh vì không chịu cắt tóc thay áo nên bị giam trong ngục của bộ Hình, đến khi vua Gia Khánh chính thức cầm quyền mới được thả ra.

5.1.2.3. Thế phát cải phục

Trong thời gian chờ đợi đó, nhà Thanh công khai cho nhóm nhà Lê biết họ không còn vai trò gì nữa. Nếu họ sống ở Trung Hoa thì phải áp dụng quy tắc *"làm dân thiên triều thì phải theo luật thiên triều"* nghĩa là cắt tóc thay áo như người Thanh. Việc áp đặt triệt để và gấp rút đó đã khiến cho vua tôi Chiêu Thống rất uất ức, nhất là lại được đưa ra *"trình diện"* phái đoàn Tây Sơn khi họ đi ngang qua Quế Lâm.

Trước đây, chi tiết về việc hai bên gặp nhau hầu như không ai nói đến, có lẽ những người theo vua Lê khi trở về cũng không muốn đề cập làm gì cho khỏi làm mất phẩm giá một ông vua vong quốc, nên câu chuyện người Thanh đánh lừa được thay vào cho qua.

Theo tài liệu của nhà Thanh, việc công nhận Tây Sơn không giữ bí mật và họ cũng chẳng cần giấu nhóm nhà Lê. Có điều, lúc đầu, có lẽ việc ép buộc chưa gắt gao lắm cho đến khi vua Càn Long ra lệnh cho Phúc Khang An đưa phái đoàn Nguyễn Quang Hiển đến gặp Lê Duy Kỳ để xác định họ đã thành dân nhà Thanh thì không người nào còn có thể cưỡng lại. Những người nhà Lê chỉ bị bắt buộc thay đổi y phục từ tháng Năm năm Kỷ Dậu, tính ra 4 tháng đầu tiên họ chưa được coi như dân thiên triều, phù hợp với tiến trình bang giao và khi nhà Tây Sơn được công nhận là triều đại chính thống thì mọi việc ngã ngũ, không còn hồ nghi gì nữa.

Riêng trường hợp Lê Quýnh, nhóm người này sang Trung Hoa không phải vì lý do *"tỵ nạn"* mà do Phúc Khang An triệu sang nên họ

không bằng lòng nhập cư mà xin về nước. Đòi hỏi này nếu được chấp thuận sẽ trở thành một chướng ngại cho bang giao Thanh-Tây Sơn, dễ gây ngộ nhận là Thanh triều ám trợ việc nổi dậy và vua Quang Trung sẽ không chịu sang dự lễ Bát Tuần Khánh Thọ. Chính vì thế, sau những lần thúc ép, Phúc Khang An đã tâu với vua Thanh đày bọn Lê Quýnh sang Y Lê nhưng không thành công.

Cắt tóc đổi áo là gì?

Khi người Mãn Châu chiếm được trung nguyên, họ tiến hành một chính sách cải biến văn hóa [cultural assimilation] một cách triệt để với chủ đích là trấn áp người Hán và tiêu diệt những ai chống lại họ. Dưới thời Thuận Trị, một đạo dụ ra lệnh cho mọi người Nam trên đất Trung Hoa phải cạo đầu phần trán và tết tóc thành một cái đuôi ở sau lưng. Trong vòng 10 ngày, những ai không tuân theo sẽ bị chặt đầu[1]. Henry McAleavy đã viết như sau:

Việc đầu tiên mà người Mãn Châu làm [trong việc đồng hóa] *là thay đổi diện mạo quốc gia bằng cách bắt buộc tất cả đàn ông phải cạo bỏ phần tóc ở phía trước và tết tóc thành đuôi sam. Y phục chính thức không còn theo kiểu Trung Hoa nữa, vốn lụng thụng như áo kimono của người Nhật và vạt áo gập ở đằng trước thành kiểu áo dài Tartar* [tức người Mông Cổ] *có cổ cao, gài khuy bên hông và mũ chỏm* [skullcap].

Trong một hai năm đầu vừa thống trị, nhất là tại trung điểm của văn hóa truyền thống Trung Hoa, lưu vực sông Dương Tử, việc chống đối chính sách này rất mãnh liệt và hàng ngàn người ở mọi thành phần thà chết hơn là phải chấp nhận biểu trưng phục tòng này. Một nam nhân có thể tránh bằng cách tham gia vào hàng tăng lữ, vào chùa tu cạo đầu hoàn toàn không để đuôi sam hay thành một đạo sĩ, tết tóc thành một búi ở trên đỉnh đầu kiểu Tàu.[2]

---

1. … every Chinese male in the land had to shave his forehead and wear a queue (pigtail). Those who did not do so within ten days would be beheaded. Adeline Yen Mah, *China: Land of Dragons and Emperors*, Allen & Unwin, Sidney, Australia, 2008 [reprinted by Delacorte Press, New York, 2009].

2. Mcaleavy Henry, *The Modern History of China*, Frederick A. Praeger, Inc., New York, 1967, p. 23.

Thế nhưng cũng lạ đời, chỉ vài chục năm sau, người ta lại coi cái đuôi sam như một biểu tượng của văn minh Trung Hoa và đến cuối thế kỷ XIX, khi có những phong trào cắt tóc ngắn, chuyển sang Âu phục thì cũng không ít người chống đối. Một số các bang hội khởi thủy dưới mục tiêu phản Thanh phục Minh thì sau này lại chạy theo triều đình trong những công tác bài Tây phương.

Ngày Tân Dậu mồng 5 tháng Năm (29-5-1789), vua Càn Long giáng chỉ dụ cho Phúc Khang An như sau:

Lê Duy Kỳ vì không có khả năng nên mất nước, bỏ ấn chạy trốn. Nay khoan hồng cho tội thất thủ phiên phong an tháp ở tỉnh thành Quế Lâm, chước cấp để cho sinh sống như mọi người dân thường.

Có nghe rằng, nhiều kẻ còn giữ tóc theo tục cũ, y phục dùng theo y quan nước họ, khác với nhân dân nội địa, như thế không hợp với thể chế.

Vậy truyền dụ cho các đốc phủ lập tức ra lệnh cho Lê Duy Kỳ cùng tất cả các tùy tòng đều phải cắt tóc [theo tục Mãn Thanh], *đổi sang phục sức thiên triều. Trong tương lai khi Nguyễn Quang Hiển đi qua Quế Lâm gặp mặt Lê Duy Kỳ, thấy họ đã cạo đầu, đổi cách ăn mặc, sẽ thấy rằng họ không thể về nước được nữa.*

Cũng ra lệnh cho Nguyễn Quang Hiển sai người về nước, báo tin cho Nguyễn Huệ để cho y hết nghi kỵ, sợ hãi.[1]

Ngày 11 tháng Năm [nhuận] (3-7-1789), Phúc Khang An và Tôn Vĩnh Thanh gọi nhóm vua Lê tất cả 54 người đến phủ đường truyền lệnh phải đổi sang y phục Trung Hoa.

Ở đây, chúng tôi xin mở ngoặc để nhìn lại sử sách Việt Nam đương thời viết về đời sống những người nhà Lê chạy sang Trung Hoa tưởng như lúc nào họ cũng kề cận bên vua quan nhà Thanh sẵn sàng bàn thảo, trao đổi ý kiến. Hãy xem một đoạn "*dật sử*" của người Việt:

Tháng 5 [năm Kỷ Dậu], *Phúc Long An* [đúng ra là Phúc Khang An] *nhà Thanh trở về Quế Lâm, bãi hết binh mã các tỉnh, mở yến tiệc, ca nhạc linh đình. Chiêu Thống ngạc nhiên hỏi, Long An nói: "Mùa hạ nóng nực, đi đánh*

1. *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển XX, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 438.

phương Nam không lợi, đợi đến mùa thu mát mẻ mới điều động quân đi". Long An lại mời vua Chiêu Thống yến tiệc say sưa, thong thả nói rằng: "Thời kỳ ra quân không còn xa nữa, Vương nên đích thân dẫn các liêu thuộc đi trước dẫn đường. Nhưng lối trang phục của An Nam vốn bị Tây Sơn coi khinh. Ngày trước, Tôn Tổng đốc bị bại trận, cái hại chính là chỗ ấy. Nếu cạo đầu tết tóc, thay đổi quần áo như Trung Quốc, khiến quân giặc trông thấy không thể phân biệt được chỉ thấy màu quần áo của thiên triều thì hồn bay phách lạc, như vậy công việc lớn mới hoàn thành được. Đợi khi đã khôi phục đất nước, sẽ lại theo phong tục nước mình, việc quân phải dùng những kế quỷ quyệt, Vương sao chẳng nghĩ tới. Vua tin là thật, đáp rằng: "Để mất nước, mất nhà nhờ được thiên triều cứu viện thì dù bắt cả nước ăn mặc theo lối phương Bắc cũng tuân mệnh. Việc đó có hề gì". Do đấy, vua tôi cạo đầu tết tóc thay đổi cách ăn mặc, hăm hở mong trở về Nam. Long An mừng vì đạt được mưu kế, biếu tặng tiền bạc rất hậu, tiếp đãi tử tế và mật tâu với [vua] *Thanh rằng: "Vua Lê tự nguyện yên tâm ở đất Trung Quốc, không có ý cầu viện nữa nên đã cạo đầu tết tóc, thay đổi cách ăn mặc".*[1]

Miêu tả trên hoàn toàn sai lạc, nhưng trước đây vì không có các thông tin khác nên vẫn thường được coi như thực tế lịch sử và cho rằng việc vua Chiêu Thống thay đổi y phục là vì bị đánh lừa một cách dễ dãi. Việc này cũng mâu thuẫn với sự cương quyết không từ bỏ y phục bản quốc của nhóm Lê Quýnh nhưng không ai đặt thành vấn đề.

Thực tế, họ đều được an tháp ở những nơi tương đối hẻo lánh, có thể thỉnh thoảng gặp nhau, văn thơ xướng họa cho khuây khỏa nhưng hoàn toàn biệt lập sống tách rời khỏi sinh hoạt chính trị của Trung Hoa. Những điều ở trên tác giả chỉ dựa trên suy đoán, nghe ngóng và tưởng tượng.

5.1.2.4. Nguyễn Quang Hiển gặp vua Chiêu Thống

Ngày 18 tháng đó [10-7-1789], khi Thang Hùng Nghiệp đưa phái bộ Nguyễn Quang Hiển đến tỉnh, Phúc Khang An tâu lên như sau:

Đến ngày 18, bọn Tả Giang đạo Thang Hùng Nghiệp hộ tống Nguyễn Quang Hiển đến tỉnh. Bọn thần ra lệnh cho họ đến quán xá để nghỉ tạm, một

1. *Lê quý dật sử*, sđd, tr. 91-92.

mặt truyền gọi Lê Duy Kỳ cùng những cựu thần có tên tuổi như bọn Hoàng Ích Hiểu vài ba người, đến công quán của thần Phúc Khang An chờ sẵn, sau đó ra lệnh cho Thang Hùng Nghiệp đưa bọn Nguyễn Quang Hiển đến gặp. Bọn họ vọng về cung khuyết hành lễ tạ ân tam quỵ cửu khấu xong, lại quay sang thần hành lễ nhất quỵ tam khấu.

Thần ra lệnh cho họ ngồi một bên rồi cho họ biết rằng chú của ngươi Nguyễn Quang Bình trước đây đã tiến biểu văn, mong được Thánh chúa trông xuống xét cho việc chú ngươi và họ Lê vốn không có phận quân thần, khi đại binh tiến thảo, vốn không dám có bụng kháng cự.

Nay đã được Hoàng thượng ân chuẩn cho đầu thành, lại thương mến ban cho sắc thư, thưởng cho vòng trân châu. Cái ơn trời cao đất dày kia, chú của ngươi Quang Bình có nằm mơ cũng không dám nghĩ đến. Còn Lê Duy Kỳ hiện nay đã được thu lưu ở nội địa, Đại hoàng đế đã ra lệnh cho họ thế phát cải phục, xếp vào hạng dân thường, không thể nào còn trở về An Nam được nữa nên đặc biệt ra lệnh cho các ngươi được gặp nhau.

Nguyễn Quang Hiển nghe thần nói như thế bèn rời chỗ ngồi khấu đầu, vẻ mặt vui sướng nói rằng chú tôi là Quang Bình vốn là kẻ áo vải đất Tây Sơn, chưa từng giao thông với Trung Quốc, nhân vì việc tranh chấp với họ Lê mà phải nhọc đến đại binh để đến nỗi còn lưu lại vết tích kháng cự nên trong lòng áy náy, ngày đêm không yên. Chú tôi đã hiểu dụ mọi người trong nước, phàm gặp quan binh lạc đường rơi lại phía sau đều phải cấp cho họ quần áo giày dép lộ phí cơm ăn, hộ tống tiến quan. Tháng Giêng năm nay ở bờ sông nơi các vị đại nhân trận vong đã lập đàn cúng tế, quả là lòng thành hối tội úy thiên từ gan ruột.[1] *Nay được Đại hoàng đế khoan ân vượt mức, thật còn hơn trời bể.*

---

1. Hiện nay, trong các tài liệu của Việt Nam, chúng tôi còn tìm được hai bản văn tế tướng sĩ trận vong, một bản chữ Hán nhan đề "Phụng soạn tôn tế Bắc lai trận vong chư tướng văn" (奉撰尊祭北來陣亡諸將文) do Vũ Huy Tấn soạn. Xem nguyên tác trong *Hoa Nguyên tùy bộ tập* (華原隨步集), *Việt Nam Hán văn Yên hành văn hiến tập thành*, tập VI, sđd, tr. 337-339 và một bản chữ Nôm nhan đề "Thiên triều văn" do Nguyễn Thị Lâm (Viện Nghiên cứu Hán Nôm) sưu tầm và phiên dịch từ sách *Cúng văn tạp lục*. "Một bài văn tế tướng sĩ nhà Thanh tử trận", *Thông báo Hán Nôm học năm 2005*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2006, tr. 373-378.

Chú tôi Quang Bình khi nhận được sắc thư và đồ quý, ắt rất là vui sướng hân hoan gửi tạ biểu ngay.

Bọn thần nghĩ Nguyễn Huệ lúc này mới vừa lập quốc, nếu như không được phong tước của thiên triều thì không thể nào là hùng trưởng được, thành thử sẽ phái gấp gáp cầu phong, ân cần bức thiết xuất tự chí thành.

Bọn thần sau đó lại tuân chỉ gọi Lê Duy Kỳ, ra lệnh cho gặp Nguyễn Quang Hiển. Y nói rằng tôi nay đã là dân thiên triều rồi, không còn điều gì phải nói với y nữa, còn bọn cựu thần Hoàng Ích Hiểu tuy có vẻ căm hận nhưng vì đông người đàn áp nên cũng không dám tỏ thái độ gì. Còn bọn Nguyễn Quang Hiển vừa thấy Lê Duy Kỳ thì vẻ mặt hân hoan, dường như bao nhiêu nghi ngại đều nhẹ nhõm.[1]

5.1.2.5. Tiếp đón Nguyễn Quang Hiển

Việc phái bộ Nguyễn Quang Hiển gặp Lê Duy Kỳ không ngoài mục tiêu để phái đoàn báo lại về hiện trạng của vua tôi nhà Lê ở Trung Hoa, khiến vua Quang Trung biết chắc rằng nhà Thanh đã hoàn toàn chấm dứt việc ủng hộ cựu triều mà vui vẻ sang chúc thọ vua Cao Tông.

Hơn nữa, tuy trên danh nghĩa Nguyễn Quang Hiển chỉ là người trung gian mang thư nhưng nhà Thanh đã tiếp đãi như một *"phó vương"* với nhiều ưu đãi.[2] Theo *Khâm định An Nam kỷ lược* quyển XXIV thì:

[...] *Bọn Nguyễn Quang Hiển đi thuyền được đón trên đường đi xin yết kiến, thần liền truyền cho vào gặp, hỏi thăm các ngươi lần này tiến kinh, chiêm ngưỡng thiên nhan, được rất nhiều ân điển của Đại hoàng đế, trong dạ có vui thích không?*

Họ nói rằng chúng tôi vào tháng Bảy đến Nhiệt Hà liền được vào quỳ gặp Hoàng đế, trong lòng lúc đầu quả là sợ lắm. Đến khi Đại hoàng đế hỏi xuống

---

1. *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển XXI, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 456-457.

2. Theo một chỉ dụ của vua Càn Long thì phái đoàn Nguyễn Quang Hiển được cung ứng *gấp đôi* phái đoàn sứ thần bình thường. Nguyễn Quang Hiển được giải thích như người thay mặt cho Nguyễn Quang Bình sang nhận sắc ấn An Nam Quốc vương. *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển XXIII, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 485.

thật là trìu mến, dần dần định tâm. Trong hai tuần, mấy lần được gần gũi ân quang, đôi phen ban thưởng.

Đến tháng Tám nhằm lúc vạn thọ thánh đản của Đại hoàng đế nên đứng vào hàng cuối của các vương công thai cát [tức là một dạng vương tước hạng cuối cùng, trên các đại thần nhà Thanh] *cùng được tứ yến, thưởng khán hý kịch, lại được thấy Đại hoàng đế cưỡi tuấn mã, lễ Phật, và ra lệnh cho đại thần dẫn chúng tôi đi chiêm ngưỡng các nơi đền đài miếu mạo, thật là trang nghiêm tráng lệ, khó mà hình dung.*

Chúng tôi lại được ân thưởng thịt nai tươi do chính tay Hoàng đế dùng súng điểu thương săn được, là món chưa từng nếm, chưa từng thấy bao giờ. Nhân dịp đó, Đại hoàng đế lại ban cho Quốc vương đồ quý, chúng tôi cũng mỗi người được ân thưởng, tự hỏi có phúc chừng nào mới được vinh dự như vậy.

Sau tiết Trung thu, chúng tôi quỳ tiễn Đại hoàng đế khải loan [về trở lại kinh thành] *tiến tiêu*[1] *được Nhà vua dừng lại hỏi han phủ dụ, lại ra lệnh khi về nước gửi lời thăm Quốc vương.*

Sau đó, chúng tôi gói ghém hành trang để về kinh sư, được xem cung khuyết nguy nga, hoàng đô tráng lệ rồi lãnh sắc ấn ở điện Thái Hòa, quả là chí hạnh chí vinh, nằm mơ cũng không nghĩ đến.

Khi chúng tôi ở Nhiệt Hà được các ngự tiền đại nhân ban thưởng cho nhiều món đồ quý lại được dự nhiều buổi lễ. Còn đường đi từ Quảng Tây đến kinh sư thì nơi nào cũng được dự tiệc ăn uống đủ thấy ân lễ của bồi thần thiên triều thật là chan hòa, thấm nhuần tận xương tủy, không biết nói sao cho hết.

Sự hoan hỷ cảm kích của họ thật không lời nào có thể hình dung. Bọn thần nói rằng ngươi chỉ là cháu của Quốc vương, phen này nhập cận thiên nhan đã được Đại hoàng đế gia ân như vậy. Sang năm, chú ngươi đích thân tiến kinh, ban ân còn ưu hậu gấp bội...[2]

---

1. 進哨:進入獵場。清吳振棫《養吉齋叢錄》卷十四:"曩時,歲行秋獮,中秋後一日始,由山莊啟蹕進哨。"清吳振棫《養吉齋叢錄》卷十六:"進哨行圍,大駕親御弓矢,殪猛獸。"

Tiến vào vùng săn bắn là thời gian nhà vua đi săn [sau tiết Trung thu một ngày].

2. Tấu thư của Phúc Khang An và Tôn Vĩnh Thanh ngày Ất Mão, mồng

5.1.2.6. Câu lưu Lê Quýnh

Không chỉ hậu đãi các sứ bộ Tây Sơn, nhà Thanh còn tích cực yểm trợ triều đình Quang Trung tái lập an ninh, loại trừ những thành phần chưa hàng phục. Cùng với việc quản thúc và giám sát triều đình lưu vong của vua Lê ở Trung Hoa, họ cũng muốn vô hiệu hóa cả những thành phần "*cần vương*" còn ở trong nước để dọn sạch những chướng ngại cho một "*tiểu bang tân tạo*". Tháng Năm năm Kỷ Dậu, Phúc Khang An sai người về mời Lê Quýnh sang Trung Hoa "bàn quốc sự" nhưng khi đó ông đang bệnh chưa khỏi nên đến tháng Bảy mới lên Nam Quan.

Tháng Tám năm Kỷ Dậu [1789], Lê Quýnh cùng bọn Đoàn Vượng cả thảy 29 người theo ngả Ải Điểm, châu Ninh Minh để vào nội địa, tuy không nói ra nhưng họ rất lạc quan. Việc đi chung một nhóm gần 30 người cho thấy Lê Quýnh có ý đưa cả bộ tham mưu của mình để biểu dương uy thế, mong rằng thành phần này sẽ đóng vai trò mạc tân [người khách ngồi trong màn góp ý] trong lần động binh thứ hai sang đánh Tây Sơn.

Lúc đầu, cả bọn Lê Quýnh bị giữ tại Ninh Minh, một khu vực gần biên giới, nửa tạm trú, nửa giam lỏng. Ngày 15 tháng Tám, bọn Lê Quýnh nghe được vua Lê đang ở Quế Lâm và có lẽ khi đó đã cảm thấy có điều không được như dự kiến.

Tháng Chín năm đó, Tả Giang Đạo Tống Văn Hình đến yêu cầu cả bọn cắt tóc đổi y phục, tạm thời sinh sống ở Trung Hoa. Lê Quýnh biện bạch là họ qua đây không phải xin ở lại mà chỉ để đợi lệnh của Phúc Khang An. Đến khi Phúc Khang An cho bọn Lê Quýnh gặp, họ biết rằng không còn trông mong vào nhà Thanh được nữa nên xin về nước và nhất định không chịu đổi sang y phục Trung Hoa. Câu nói nổi tiếng còn truyền lại của ông là:

Đầu tôi có thể chặt nhưng tóc không thể cắt, da tôi có thể lột nhưng áo không thể đổi.

Sau nhiều lần dọa nạt và hạch hỏi, Lê Quýnh và đồng bọn vẫn khăng khăng đòi về tính chuyện khôi phục nên đã bị Phúc Khang

---

4 tháng Chạp năm Kỷ Dậu. *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển XXIX, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 560-561.

An tâu lên vua Càn Long xin đày họ đi Tân Cương.[1] Tuy nhiên, vua Càn Long nhận thấy có điều không minh bạch trong tấu thư của Phúc Khang An nên đã hạ chỉ đưa nhóm Lê Quýnh lên kinh đô. Chính nhờ vậy, nhóm Lê Quýnh không bị phát vãng đi xa và tuy còn trong cảnh giam cầm nhưng cũng có dịp ở gần vua Lê và những người khác.

Theo dụ của vua Thanh ngày Bính Tuất mồng 6 tháng Ba năm Canh Tuất [19-4-1790] thì vua Càn Long cho giải bọn Lê Quýnh đến hành tại, truyền cho quân cơ đại thần tra hỏi, nếu họ chịu cắt tóc thay áo sẽ được đưa lên Yên Kinh sống chung với nhóm nhà Lê [khi ấy đang trên đường đi lên kinh đô] cho thỏa nguyện. Thế nhưng, bọn Lê Quýnh khăng khăng nói rằng họ tính chuyện phục quốc chứ không phải sang đây sống nhờ, chỉ mong được về nước có chết cũng cam.[2] Vua Càn Long thấy họ trung nghĩa, không nỡ giao lại cho Nguyễn Quang Bình [tức vua Quang Trung] nên sai giam ở bộ Hình, mãi hơn 10 năm sau, đến khi có những biến chuyển ở Trung Hoa cũng như ở An Nam mới được thả. Việc này Lê Quýnh cũng có thuật trong *"Bắc hành tùng ký"* đúng như ghi chép trong *Khâm định An Nam kỷ lược*.[3]

5.2. Phái bộ Thành Lâm sang phong vương

Trong khi phái đoàn Nguyễn Quang Hiển lên kinh đô đưa biểu cầu phong và làm lễ nhận sắc ấn thì vua Càn Long đã chỉ thị cho Phúc Khang An cử Lễ bộ Viên ngoại Thành Lâm (成林) sang Thăng Long phong vương cho Nguyễn Quang Bình. Thủ tục nhanh chóng và bất

---

1. Theo luật nhà Thanh, việc phát vãng đi Tân Cương chỉ đứng sau tử hình và thường là có liên quan đến chính trị (political offense). Tân Cương ở cực tây Trung Hoa, cách Bắc Kinh hơn 3.000 dặm, ngăn cách bởi sa mạc Gobi và người bị đày thường không có ngày về. Xin xem Joanna Waley-Cohen, *Exile in Mid-Qing China: Banishment to Xinjiang 1758-1820*, Yale University Press, New Haven & London, 1991.

2. *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển XXVII, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 535.

3. Hoàng Xuân Hãn, *"Bắc hành tùng ký"*, *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, tập II, sđd, tr. 889.

thường đó là một sự kiện chưa từng xảy ra trong lịch sử bang giao giữa Trung Hoa và Đại Việt.

Ngày 12 tháng Chín, vua Quang Trung sai Đề đốc Lê Xuân Tài (黎春材) đem 1.000 phu dịch và 100 con ngựa cùng 500 vệ sĩ lên Trấn Nam Quan nghinh đón sắc dụ và ngự thi của vua nhà Thanh.

Theo tờ bẩm của Thành Lâm thì "*dân nước đó xa gần đều đến trước công quán để xem long đình, rất nhiều người lạy lục hò reo. Lại có hai viên mục tên là Đinh Phụ Tể, Cấn Danh Văn, tuổi đã ngoài 80, khi nghe tin sắc mệnh đến nơi, cũng không quản đường xa mấy trăm dặm đi tới, khấu đầu chúc mừng. Còn trấn mục Ngô Văn Sở, tức Ngô Sơ, và Ngô Thời Nhâm* [Nhậm] *thì sớm tối đều đến thăm, hết sức ân cần*".[1]

Tuy có một số trở ngại ban đầu khiến việc cử hành đại lễ bị hoãn lại, sau cùng đêm 14 tháng Mười, Nguyễn Quang Bình đến Thăng Long, ngày hôm sau Thành Lâm tuyên chỉ phong làm An Nam Quốc vương.[2]

Việc Nguyễn Quang Bình hứa hẹn sẽ đích thân sang chúc thọ vua Càn Long cũng là một điều kiện cốt lõi để tái lập việc thông hiếu và công tác đàm phán trở nên thuận lợi hơn bao giờ hết. Nhân dịp này vua Quang Trung gửi thư lên Thanh triều yêu cầu bãi bỏ những lệnh cấm đoán, để việc buôn bán qua lại giữa hai bên được dễ dàng. Vua

---

1. Nguyên văn:

該國遠近夷民，至公廨前，遙望龍亭，歡呼叩頭者凡數起。又有員目丁輔宰，艮名閘二人，年俱八十餘歲，欣聞敕命臨境，於數百里外跋涉前來，恭詣龍亭前，叩頭稱慶。其鎮目吳文楚即吳初及吳時壬等早晚謁見，甚爲浹洽(cai quốc viễn cận di dân, chí công giải tiền, dao vọng long đình, hoan hô khấu đầu giả phàm số khởi. Hựu hữu viên mục Đinh Phụ Tể, Cấn Danh Văn nhị nhân, niên câu bát thập dư tuế, hân văn sách mệnh lâm cảnh, ư sổ bách lý ngoại bạt thiệp tiền lai, cung nghệ long đình tiền, khấu đầu xưng khánh. Kỳ trấn mục Ngô Văn Sở tức Ngô Sơ cập Ngô Thời Nhâm [Nhậm] đẳng tảo văn yết kiến, thậm vi tiếp hợp). *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển XXIII, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 480-481.

2. Chi tiết này ghi trong tấu văn của Tôn Vĩnh Thanh, đề ngày 24 tháng Mười năm Càn Long thứ 54, hiện còn tàng trữ trong *Cung trung đáng*, hòm số 2727, quyển 234, số hiệu 58601, Trang Cát Phát, sđd, tr. 395.

Càn Long bèn giáng chỉ cho các quan nhà Thanh bình thường hóa mọi sinh hoạt giữa hai nước.

5.3. Phái bộ Quang Trung

Ngày 29 tháng Ba năm Canh Tuất [1790], vua Quang Trung mang theo con thứ là Nguyễn Quang Thùy (阮光垂), cùng các bầy tôi là Ngô Văn Sở (吳文楚), Đặng Văn Chân (鄧文真), cả thảy 150 người[1], từ Nghệ An lên đường sang Bắc Kinh, tiếng là chúc thọ nhưng thực ra là một phái bộ quốc gia, được tiếp đãi long trọng nhất trong suốt triều đại nhà Thanh.

Ngày 11 tháng Bảy, vua Quang Trung cùng các bồi thần gặp bọn Tuyên úy ty Mộc Bình (Kim Xuyên) là Giáp Lặc Tham Nạp (甲勒參納) hơn 30 người, em của Hàng Hòa Trác (杭和卓) là Trác Lặc Tề (卓勒齊) một bọn 5 người tất cả ba phái đoàn cùng nhập cận (vào triều kiến vua, tiếng khiêm cung đời xưa).

Riêng vua Quang Trung được vua Cao Tông hành đại lễ *"bão kiến thỉnh an"* là tục lệ vốn dĩ là của người Mông Cổ khi Đại Hãn đón các đại tướng thắng trận trở về được cải biến để thành một trọng lễ dành riêng cho khách quý trong trường hợp đặc biệt.[2]

Chính vua Cao Tông, trong bài dụ gửi vua Quang Trung khi Nhà vua đến tỉnh Hồ Bắc, cũng đã nói là *"Đại hoàng đế mấy lần thi ân phong phú như thế là ưu đãi hết mực, thực là ngoại phiên từ nghìn xưa đến nay khó ai gặp được, ấy là gia ân cho quốc vương mà trông đến cả con cái nữa"*.[3] Chuyến đi lịch sử này cũng tạo nên những xúc động tâm lý rất lớn cho Lê Duy Kỳ và những người theo ông đang ở Bắc Kinh.

---

1. Theo sử Việt Nam đương thời thì đoàn sứ bộ có Ngô Văn Sở, Đặng Văn Chân, Phan Huy Ích, Vũ Huy Tấn, Vũ Danh Tiêu, Nguyễn Tiến Lộc, Đỗ Văn Công... và cả một đoàn nhạc công.

2. Hiện nay một số lãnh tụ gặp nhau cũng ôm hôn tương tự như kiểu này, có lẽ cũng bắt nguồn từ dân du mục miền Tây Bá Lợi Á.

3. *Đại Việt quốc thư*, quyển VI, Thượng dụ ngày mồng 2 tháng Sáu năm Càn Long 55, Nguyễn Duy Chính dịch,Nxb Văn hóa - Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh, 2016, tr. 249.

5.4. An tháp

5.4.1. Quảng Tây (đầu năm Kỷ Dậu [1789] *đến đầu năm Canh Tuất* [1790]*)*

Trước đây, khi còn định sử dụng họ Lê như một lá bài chính trị, nhà Thanh cho họ ở ngay Quảng Tây cho gần gũi, tiện lợi liên lạc di chuyển. Đến khi thấy việc đó không còn cần thiết nữa, vua Cao Tông đã ra lệnh đưa mấy trăm người chạy sang Trung Hoa định cư [an tháp] ở các tỉnh khác xa hơn và cho nhập tịch *"làm dân thiên triều"*, gióc tóc đuôi sam và mặc quần áo theo kiểu nhà Thanh.

Để giúp họ hội nhập với đời sống mới, vua tôi nhà Lê được phối trí vào những kỳ binh tại địa phương - một hình thức công ăn việc làm được trả lương vì binh lính nhà Thanh không chỉ thuần túy lo việc quân sự mà là công sai, có một số đất đai để canh tác. Việc phân chia ra mỗi nơi một ít vừa dễ dàng cho địa phương giải quyết, vừa để họ không tập trung tại một nơi có thể gây khó khăn cho Thanh triều. Những người liên hệ trực tiếp đến hoàng tộc nhà Lê sẽ được đưa lên kinh đô, một hình thức ưu đãi nhưng cũng tiện việc giám sát.[1] Số còn lại chia ra các tỉnh Giang Nam, Chiết Giang, Tứ Xuyên an tháp.[2]

Theo tài liệu nhà Thanh, số đưa lên kinh đô là 165 người, trong đó gia đình và thân quyến vua Lê là 61 người, 104 người khác là những bầy tôi thân tín, được chia thành 4 nhóm. Nhóm thứ nhất gồm vua Lê và 61 người khác đi từ Quế Lâm ngày 2 tháng Hai [17-3-1790]. Nhóm thứ hai là gia đình Đinh Nhạ Hành 27 người lên đường ngày 6 tháng

---

1. Phúc Khang An tâu rằng Lê Duy Chỉ đã bị quân Tây Sơn đánh bại hiện đang chạy trốn, không biết ở đâu. Vua Càn Long ra lệnh nếu Lê Duy Chỉ chạy sang Trung Hoa thì cũng sẽ đưa đi an tháp cùng một chỗ với Lê Duy Kỳ. Về sau thấy vua Chiêu Thống ở Quế Lâm gần biên giới sợ rằng sẽ có người trong nước qua lại liên lạc nên vua Càn Long ra lệnh đưa vua Lê và gia quyến lên Bắc Kinh. *Càn Long triều, Thượng dụ đáng*, quyển XV, tr. 297-299 [Thượng dụ ngày 8-Một, 10-Một].

2. Dụ của vua Càn Long ngày 9 tháng Giêng năm Canh Tuất, *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển XXVI, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 521.

Hai [21-3-1790]. Nhóm thứ ba gia đình Phan Khải Đức 24 người lên đường ngày 10 tháng Hai [25-3-1790]. Nhóm thứ tư gia đình Nguyễn Đình Bái 56 người lên đường ngày 15 tháng Hai [30-3-1790].

Các gia đình khác gồm có Bế Nguyễn Cung 71 người đi Giang Nam, Hoàng Đức Đặng 68 người đi Chiết Giang, Bế Nguyễn Cửu, Đoàn Vượng 63 người đi Tứ Xuyên.[1] Những người trên đây chấp nhận lưu vong để thành người Trung Hoa. Ngoài ra còn một nhóm khác cứng đầu không chịu cắt tóc, đổi y phục là 4 người Lê Quýnh, Lý Bỉnh Đạo, Trịnh Hiến, Lê Trị thì bị tù như đã nói ở trên.

Hậu nhân khi đọc về những người lưu vong thường ít khi cảm xúc nhưng những ai đã từng phải đứng giữa nhiều lựa chọn, việc cương quyết giữ cho mình một thái độ chuyên nhất không phải dễ dàng, nhất là đối diện với sự hành hạ, đói khổ, chết chóc.

5.4.2. Yên Kinh (năm Canh Tuất [1790] *đến năm Quý Sửu* [1792]*)*

Cũng giống như hàng nghìn người Việt sang định cư ở Trung Hoa khi nhà Minh diệt nhà Hồ (1400-1406), những người lưu vong cuối đời Lê không được sử sách đề cập đến ngoài một số chi tiết liên quan đến việc an tháp họ.[2] Trong cuộc dâu bể, đến đây họ đã thành ngoài lề và những gì hậu nhân biết được phần nhiều do thơ văn và lời tường thuật sau khi xin về nước. Những sinh hoạt đó không còn liên quan gì đến vận mệnh chính trị nhưng cũng nên biết đến.

Theo một số tài liệu, gia đình Lê Duy Kỳ đến Yên Kinh vào ngày mồng 5 tháng Năm năm Canh Tuất, chỉ hai tháng trước khi phái bộ Quang Trung đến tham dự lễ thượng thọ vua Cao Tông. Họ được an

---

1. Lời tâu của Tôn Vĩnh Thanh ngày 15 tháng Hai năm Canh Tuất [1790], *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển XXVII, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 531-532.

2. Vua Chiêu Thống và bầy tôi còn được nhiều tài liệu nhắc đến vì triều đại Tây Sơn rất ngắn và sau này một số những người qua Trung Hoa đã trở về. Đời Tự Đức, triều Nguyễn đã lập một đền thờ tên là Lê Mạt Tiết Nghĩa từ ở Hà Nội nên cũng có những điều tra tương đối đầy đủ về sinh hoạt của họ khi còn ở Bắc Kinh.

trí ở Chính Dương môn, còn gọi là An Nam doanh. Gia đình vua Lê sống trong một con đường nhỏ [hồ đồng] ở Quốc tử giám, Tây Định môn hay Tây An Nam doanh. Một năm trước, Lê Duy Kỳ và Nguyễn Quang Bình còn ở thế lưỡng vương tranh nhất quốc, ngày nay một người là quốc khách của Thanh triều, một người chỉ là một võ quan cấp thấp, sống nghèo khổ ở một xóm nhỏ tại kinh đô.

Thoạt đầu, vua Lê và tòng thần chỉ được coi như dân thường - nghĩa là bạch đinh - nhưng về sau, vua Càn Long thương tình trước đã từng thụ phong vương tước nên lập một tá lãnh, cho vua Lê đứng đầu, dưới quyền giám sát và chỉ huy trực tiếp của Đô thống Kim Giản.

Ngay khi vừa đến kinh đô, vua Thanh thấy Lê Duy Kỳ nếu chỉ sống bằng bổng lộc chức Tá lãnh có phần thiếu thốn nên đặc dụ cho thêm 200 lượng bạc để chi dụng, đồng thời nâng lên hàm tam phẩm.[1]

Năm 1924, trên tạp chí *Nam Phong* [khởi đầu từ số 84], Sở Cuồng (楚狂) Lê Dư có đăng một du ký [nguyên tác chữ Hán] của ông nhan đề *Vạn lý viễn chinh ký* (萬里遠征記), trong đó có một số đoạn ông truy tìm di tích của nhóm lưu vong của vua Lê ở Viên Minh viên:

[...] *Nhân dịp đi qua Viên Minh viên, tôi nhớ lại việc cũ về người dắt ngựa Nguyễn Văn Quyên nên định rằng sau khi du ngoạn Di Hòa viên xong rồi sẽ đi tìm di chỉ nơi ở cũ của vua tôi xuất đế nhà Lê ở trong và ngoài thành để tỏ mối cảm hoài.*

Sau ngày đi thăm vườn xong, tôi liền đi tìm các dấu vết nên hỏi một ông già rành rẽ đường sá để tìm đến Quốc tử giám hồ đồng. Ngõ hẻm này trước đây vốn là nơi ở của vua Lê và Thái hậu, người đời thường gọi là Tây An Nam doanh. Nơi đây, các phòng ốc đều kiến trúc theo lối cổ, tường xiêu mái lở, quá nửa là rêu xanh, cột mục rèm nát trông thật cũ kỹ. Quốc tử giám nay cũng hoang phế, chỉ có ánh tà dương lấp lánh và tiếng chim tử quy [tức chim đỗ quyên] *kêu buổi chiều, tưởng như Lê đế thấy có người từ nước cũ đến nên hiện về than thở, để tỏ nỗi bất bình năm nao.*

---

1. Theo cấp bậc, chức Tá lãnh là tứ phẩm nhưng vì khi đó Phan Khải Đức được ban chức Đô ty cũng tứ phẩm nên Lê Duy Kỳ được thăng lên một bậc cho ra phận trên dưới.

Ký giả [tức tác giả Sở Cuồng] *tìm những người già cả hỏi thăm về gốc gác cựu doanh nhưng chẳng một ai biết cả. Chỉ nói rằng An Nam doanh là nơi ở của vua nước An Nam hồi trước. Ký giả lại qua bên con hẻm nuôi dê ở Đông Trực môn để tìm Đông An Nam doanh là nơi các bầy tôi tòng vong ở thì cũng chẳng thấy đâu.*

Than ôi! Vật đổi sao dời, phong cảnh còn đâu. Gió thảm mưa sầu, nói chẳng nên lời. Lòng tôi bồi hồi không muốn dời chân...[1]

Thực ra, vua Lê và tòng vong được an tháp ở kinh đô chứ không phải ở Viên Minh viên [ngoại ô tây bắc kinh thành] nên Sở Cuồng tiên sinh không tìm ra được. Sai lầm đó có lẽ vì tác giả dựa vào những chi tiết trong *Hoàng Lê nhất thống chí*. An Nam doanh mà tác giả đến có lẽ là nơi vua tôi Hồ Quý Ly được nhà Minh an trí khi bị bắt về Yên Kinh hơn 400 năm trước, không phải nơi ở của vua Lê đầu thế kỷ XIX gần đây.

Một cách tổng quát, sau khi đã gióc tóc, đổi y phục, đời sống của Lê Duy Kỳ và những người theo ông đã trở thành "*người dân nội địa*", với mọi quyền lợi và nhiệm vụ bình thường, có khác chăng là họ được ban cho một số chức vụ - tuy nhỏ - nhưng có lương bổng để sinh sống, ngoại trừ nhóm Lê Quýnh bị giam trong ngục Bắc sở. Những người ở ngoài đi lại không bị giới hạn gì cả.

5.5. Ảnh hưởng của việc sứ bộ Quang Trung đi Yên Kinh

Việc vua Quang Trung đưa một phái đoàn sang Trung Hoa đã làm thay đổi hoàn toàn vai trò và đường lối ngoại giao của Đại Việt trong quan hệ phiên thuộc - thiên triều. Chuyến công du đó, dĩ nhiên, cũng tạo nên chua chát đắng cay cho những người thất thế. Phản ứng của họ nặng phần uất ức và thất vọng nên biến đổi tùy trường hợp.

5.5.1. Phản ứng của nhóm nhà Lê

Việc Nguyễn Quang Bình được công nhận có thể là xúc động tâm lý lớn nhất đối với họ, phần vì kỳ vọng rằng nhà Thanh sẽ đem binh sang

---

1. Sở Cuồng, "Vạn lý viễn chinh ký", *Nam Phong tạp chí*, phần Hán văn, năm thứ 9, số 91 (1925), Nguyễn Duy Chính dịch, tr. 13-14.

đánh hoàn toàn tiêu tan, phần khác đời sống lưu vong tẻ nhạt trở thành một nỗi sợ triền miên, không bao giờ có cơ hội trở về cố quốc. Tin tức loan truyền về việc vua Quang Trung đích thân đưa một phái đoàn sang chúc thọ càng làm cho họ thêm hoang mang. Chính nhà Thanh muốn phô trương việc một phiên vương sang chầu nên không riêng gì ở Bắc Kinh nhộn nhịp tổ chức đại lễ mà ở các tỉnh cũng ăn mừng.

Khi biết chắc đó là tin thật thì phản ứng của họ càng thêm phức tạp. Phái bộ Quang Trung được đón tiếp rất long trọng khiến ảo tưởng của vua tôi nhà Lê cũng tan biến khi không thấy thái độ gì chứng tỏ nhà Thanh giao thiệp với Tây Sơn chỉ là bề ngoài.

Ở kinh đô, triều đình nhà Thanh ra lệnh cho Kim Giản [khi đó đang làm Tổng quản Nội vụ phủ] đặc biệt bảo vệ những người trong phái đoàn Quang Trung phải ở lại Bắc Kinh [vì không đủ chỗ ở nên một số đông của phái đoàn An Nam không được theo Nguyễn Quang Bình đến Nhiệt Hà], đừng để hai bên gặp nhau gây rắc rối.[1] Theo ghi nhận của phái đoàn Triều Tiên có mặt ở đây trong thời gian đó thì nhóm của nhà Lê cũng đi tìm và buông lời thóa mạ những người trong phái đoàn Tây Sơn.[2]

Việc nghe và thấy phái bộ Quang Trung sang Bắc Kinh đã đưa đến nhiều phản ứng khác nhau:

- Một số tòng thần nhà Lê suy đoán rằng việc nhà Thanh *"mời"* vua Quang Trung sang Trung Hoa là kế *"điệu hổ ly sơn"* nhằm mục đích bắt giữ để trị tội ông đã dám đánh bại Tôn Sĩ Nghị. Những tin tức [đúng hơn là giả thuyết] về chuyến đi này đã đưa đến một số nghi án còn tồn tại đến tận hôm nay.

- Phản ứng tiêu cực hơn là gây sự với người trong phái đoàn Tây Sơn và tìm cách nói xấu họ. Những chi tiết đó được phái đoàn Triều Tiên ghi nhận vì phù hợp với mặc cảm chính họ cũng bị lép vế trong đại lễ này.

---

1. *Khâm định An Nam ký lược*, quyển XXIX, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 563.

2. Xem thêm: Nguyễn Duy Chính, "Cuộc gặp gỡ giữa phái đoàn Triều Tiên và Đại Việt ở triều đình nhà Thanh năm Canh Tuất (1790)", *Núi xanh nay vẫn đó*, Nxb. Văn hóa Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh, 2016, tr. 355-388.

- Một số người khác - nhất là những người bị đưa đi tới những nơi hẻo lánh - khi được hỏi ý đã nhân cơ hội xin hồi cư về An Nam. Việc nhà Thanh công nhận tân vương là một minh chứng rằng triều đại mới đã được chính thống hóa và vì thế họ xin được về sống ở quê nhà nếu không bị quấy rầy hay làm hại.

Những phản ứng đó hầu như bình thường trong mọi hoàn cảnh tương tự, xưa cũng như nay. Và đây là một điểm quan trọng trong chính sách của triều đình Quang Trung - không phải chỉ đối với người đã bỏ nước ra đi rồi quay lại mà ngay cả những người còn ở trong nước nhưng không cộng tác, hoặc chống đối tiêu cực, cũng không bị bách hại.[1]

Nó cũng cho chúng ta thấy tâm lý thụ động của người dân lúc đó, tuy vẫn hoài vọng nhà Lê nhưng một khi tân triều đã được Trung Hoa công nhận thì họ cũng tin rằng mệnh trời đã đổi và bằng lòng với chúa mới, ai còn sĩ khí thì không cộng tác, sống ẩn dật, chỉ một số ít là toan tính việc lấy lại nước mà thôi.

Tháng 9 năm Canh Tuất [1790], vua Càn Long thương tình Lê Duy Kỳ sống cô độc ở kinh đô (khi ấy đã đến Bắc Kinh, nhận chức Tá lãnh trong Hán kỳ nhà Thanh) thê thiếp còn lưu lạc ở quê nhà nên có cho phép ông tìm trong số những đàn bà đi theo lấy một, hai người làm vợ kế nhưng ông tâu lên là những người đi theo ông cũng bị thất lạc thân nhân, trong cảnh hoạn nạn, không nỡ nào vui sướng một mình.[2]

---

1. Việc này được minh chứng trong lời khai của Lê Duy Trị khi chạy sang Trung Hoa năm Giáp Dần [1794]. Xem thêm *An Nam đáng*, Nguyễn Duy Chính dịch. *Đàng Trong thời chúa Nguyễn*, Nxb Hội Nhà Văn, TP. Hồ Chí Minh, 2016) tr. 114

2. Nguyên văn:

[...] 前因黎維祁失國內投，念其祖宗世守藩封職貢百有餘年不忍致今廢絕。是以降旨加恩，令其來京編入漢軍世襲佐領。今黎維祁到京供職後頗屬謹慎守法，因念伊妻未曾隨同進關，令於隨從女子中挑擇一二人以爲側室而黎維祁以跟隨屬下人等妻孥俱已散失，伊不忍一人獨有家室...

Tiền nhân Lê Duy Kỳ thất quốc nội đầu, niệm kỳ tổ tông thế thủ, phiên phong chức cống bách hữu dư niên bất nhẫn chí kim phế tuyệt. Thị dĩ giáng chỉ gia ân, lệnh kỳ lai kinh biên nhập Hán quân thế tập Tá lãnh. Kim Lê Duy Kỳ đáo kinh cung chức hậu phả thuộc cẩn thận thủ pháp, nhân niệm y thê

Quyết tâm này chỉ thay đổi sau khi Vương tử Lê Duy Thuyên bị bệnh mất.

5.5.2. Chính sách hồi hương và đoàn tụ

Ngay khi phái bộ vua Quang Trung đang trên đường về nước thì các tỉnh có người An Nam an tháp nhất loạt thực hiện những xét hỏi xem ai muốn về, ai muốn ở. Chính sách *"hồi hương"* và chương trình *"đoàn tụ thân nhân"* của người lưu vong muốn sống ở Trung Hoa lại càng khiến cho những người ra đi thêm phần tuyệt vọng. Theo *Lê quý dật sử*:

[...] *Tháng 8, vua nhà Thanh về Yên Kinh, Kim Giản vâng lệnh vua Thanh đến thăm hỏi* [vua Chiêu Thống].

Cho Phan Khải Đức làm Kiêu kỵ hiệu úy, Đinh Nhạ Hành, Phạm Trần Thiện làm Lãnh thôi. Ngoài ra còn cấp cho mỗi người khẩu phần lương thực bằng ba người, mỗi tháng 3 lạng bạc. Sau Khải Đức vô lễ, bị tội với vua, sai Đinh Nhạ Hành làm Kiêu kỵ hiệu úy thay Đức.

Theo thượng dụ đề ngày 19 tháng Mười năm Càn Long thứ 55 [Canh Tuất][1] đính kèm danh sách những người nhóm vua Lê xin được đoàn tụ do Kim Giản tra hỏi, thì khi vua Càn Long ngỏ ý muốn vua

---

vị tằng tùy đồng tiến quan, lệnh ư tùy đồng nữ tử trung khiêu trạch nhất nhị nhân dĩ vi trác thất. Nhi Lê Duy Kỳ dĩ ngân tùy thuộc hạ nhân đẳng thê nô [noa] câu dĩ tán thất, y bất nhẫn nhất nhân độc hữu gia thất...

... Trước đây, Lê Duy Kỳ mất nước, chạy sang nội địa, nghĩ đến tổ tông y nhiều đời được phong làm phiên thuộc triều cống hơn 100 năm, trẫm không nỡ để cho đến nay bị diệt nên đã giáng chỉ gia ơn ra lệnh cho đến kinh đô nhập vào Hán quân chức Tá lãnh thế tập. Nay, Lê Duy Kỳ đã đến kinh nhận chức, cẩn thận giữ phép nước, cũng nghĩ đến vợ y không đi theo tiến quan được nên ra lệnh cho chọn lấy một hai người đàn bà trong số đi theo lấy làm vợ kế. Thế nhưng, Lê Duy Kỳ trình rằng thuộc hạ đi theo cũng đều vợ con thất lạc, y không nỡ một mình lại có gia đình...

Thượng dụ ngày Quý Mùi, tháng Chín, năm Càn Long thứ 55, *Đại Thanh thực lục*, quyển 1362, tr. 263.

1. Trung Quốc đệ nhất lịch sử Đáng Án quán, *Càn Long triều, Thượng dụ đáng* (乾隆朝上諭檔), quyển XVI, Đáng Án xuất bản xã, Bắc Kinh, 1991, tr. 4.

Quang Trung tìm thân quyến của Lê Duy Kỳ đưa sang đoàn tụ với vua Lê, Nguyễn Quang Bình cũng đề nghị cho tìm luôn cả thân nhân những người đi theo đưa sang luôn thể. Ngược lại, những người đã sang Trung Hoa nếu muốn trở về nước thì cũng được chấp thuận. Chính vì thế, Kim Giản đã đến gặp vua Lê và tòng vong để xác định chính sách và thông báo cho họ về chương trình đang được xúc tiến ở khắp nơi. Theo danh sách của Kim Giản những người vua Lê yêu cầu nhà Tây Sơn tìm để đưa sang gồm có:

Quyến thuộc của Lê Duy Kỳ:

- Em trai: Lê Duy Chỉ
- Em gái: 3 người [chỉ đề Lê thị, không đề tên]
- Vợ: Nguyễn thị [Kim]
- Thiếp: 2 người, Lê thị và Nguyễn thị [không có tên]
- Tớ gái: 3 người, Phan thị, Trần thị và Trương thị [không có tên]
- Tớ trai: 2 người, Nguyễn Võ và Nguyễn Văn [không có tên].

Quyến thuộc của người đi theo vua Lê:

Lê Hân:

- Vợ: Nguyễn thị [không có tên]
- Con trai: 1 người, Lê Thận
- Con gái: 2 người, Lê thị [không có tên].

Phạm Trần Thiện:

- Mẹ vợ: Nguyễn thị [không có tên]
- Vợ: Trịnh thị [không có tên]
- Con trai: Phạm Đình Tụ, Phạm Đình Trị, Phạm Đình Khản
- Thiếp: Dương thị [không có tên]
- Điệt: 3 người, Phạm Đình Thể, Phạm Đình Truyền, Phạm Đình Đệ
- Em gái: Phạm thị [không có tên]
- Điệt nữ: Phạm thị [không có tên]
- Nhũ mẫu: Trần thị [không có tên].

Nguyễn Viết Triệu:

- Vợ: Nguyễn thị [không có tên]
- Con gái: 2 người, Nguyễn thị [không có tên]
- Con nuôi: Nguyễn Hữu Thanh
- Điệt: Nguyễn Viết Thịnh
- Nhũ mẫu: Nguyễn thị [không có tên].

Lê Văn Trương:

- Vợ: Nguyễn thị [không có tên]
- Con trai: 2 người, Lê Văn Sưu, Lê Văn Siêu
- Con gái: Lê thị [không có tên]
- Thiếp: Nguyễn thị [không có tên]
- Điệt: 2 người, Lê Văn Đắc, Lê Văn Liên
- Điệt nữ: 2 người, Lê thị [không có tên].

Lê Quý Thích:

- Vợ: Nguyễn thị [không có tên]
- Em trai: 2 người, Lê Quý Thì, Lê Quý Nghi
- Em gái: Lê thị [không có tên].

Nguyễn Hữu Vọng:

- Vợ: Nguyễn thị [không có tên].

Lê Thức:

- Vợ: Lê thị, Trần thị [không có tên]
- Con trai: Lê Văn.

Lê Quang Duệ:

- Vợ: Nguyễn thị [không có tên]
- Em gái: Lê thị [không có tên].

Nguyễn Văn Lương:

- Vợ: Phan thị [không có tên]
- Em gái: Nguyễn thị [không có tên]

- Điệt: Nguyễn Khả Gia.

Nguyễn Văn Quyên:

- Vợ: Phạm thị [không có tên]

- Em trai: 2 người, Nguyễn Hữu Trí, Nguyễn Hữu Tín.

Trần Văn Đối:

- Vợ: Đào thị [không có tên]

- Em trai: Trần Văn Đức.

Đào Trọng Quang:

- Thiếp: Nguyễn thị [không có tên]

- Điệt: Đào Văn Toản.

Nguyễn Thế Đăng:

- Vợ: Nguyễn thị [không có tên][1].

Về những người tự nguyện xin về, chúng ta có thể ghi nhận như sau:

- Ở Tứ Xuyên, nhóm Cao Xuân Vượng cùng xin về, ngoại trừ một người con trai nhỏ của Lê Quýnh là Lê Doãn Toàn [Thuyên] mới 12 tuổi và 6 gia nhân được đưa lên Bắc Kinh sống chung với gia đình Lê Duy Kỳ để được ở gần cha [đang bị giam].

- Ở Bắc Kinh, nhóm Nguyễn Đình Bái và thân quyến tổng cộng 81 người nhờ Kim Giản tâu lên để cho về nước.

- Ở Chiết Giang, nhóm Nguyễn Đình Liễn 59 người xin về nước.

- Ở Tô Châu, nhóm Lương Đình Hiệu và thuộc hạ xin về nước.

- Ở An Huy, gia đình Nguyễn Hiền 4 người xin về nước.

Những tin tức đó được Thanh triều báo cho vua Quang Trung [khi đó còn đang trên đường trở về] và vua Quang Trung đã gửi thư cho các quan tiến hành việc tìm kiếm.

Khi về nước, vua Quang Trung viết thư cho Phúc Khang An ngay và đề nghị họ Phúc viết vài trăm tờ hịch có đóng dấu nhà Thanh để truyền bá trong dân chúng ngõ hầu tông tộc và cựu thần nhà Lê yên

1. *Càn Long triều, Thượng dụ đáng*, quyển XVI, sđd, tr. 4-5.

tâm ra đầu thú. Tờ thư gửi Phúc Khang An nội dung còn lưu lại trong *Dụ Am văn tập* [quyển III] như sau:

... Tiểu phiên từ khi từ biệt Hoàng đế lên đường về nước đến nay, trong lòng lúc nào cũng canh cánh, lưu luyến vô cùng. Đại hoàng đế nghĩ xuống đường sá xa xôi rong ruổi, trước đây theo dịch trạm gửi ban cho một hộp bánh sữa (妳餅), *một hộp mứt trái cây khô và* một cuộn tranh vẽ dung nhan quê mùa *của kẻ hèn này* (陋容小照一軸).

Ơn thiên tử lớp lớp như thế khiến cho tôi tự thấy xấu hổ, không biết tu như thế nào mà được vậy. Lại nhận được dụ chỉ bảo đưa em trai em gái Lê Duy Kỳ và quyến thuộc hộ tống đến cửa quan.

Tôi được đội ơn rộng rãi của Hoàng thượng, đối đãi chẳng khác gì cha con trong nhà nên ngài đã tính toán sâu xa, trước là để cho vẹn tình nghĩa với họ Lê, sau là để tuyệt hậu họa cho bản quốc. Lòng thể niệm chu đáo như thế thật quả là không chỗ nhỏ nhoi nào không tính đến.

Tiểu phiên bưng lên đọc mấy lần, hết sức cảm kích. Từ khi tôi được giao cho trị nước thay họ Lê đến nay mọi điều khu xử, nhất nhất sự tình không gì không thấu đáo, truyền chỉ đến nơi đến chốn, từ đầu đến cuối khiến cho ai ai cũng ngưỡng phục.

Tiểu phiên nhận được ân phong truyền đời giữ đất phương Nam, không nỡ để cho tông miếu họ Lê một sớm suy sụp nên đã chọn con vua Lê cũ là Lê Duy Cẩn ban cho tước Thượng công, đời đời cúng tế. Những tông tộc còn lại cũng đều cấp cho lộc ăn, người người đều yên ổn.

Đến như cựu thần nhà Lê thì cũng tùy theo tài năng mà thu dùng, ai không ra làm quan thì cho về quê sinh sống, người nào cũng an định cả. Chỉ có em trai Duy Kỳ là Duy Chỉ thì từ khi Duy Kỳ chạy rồi vẫn còn nghi ngại sợ hãi nên trốn ở Bảo Lạc[1] *thuộc về Tuyên Quang, tụ tập những bọn bất sinh, thỉnh thoảng lẻn ra. Tôi nghĩ y chỉ là một đứa trẻ con, sống thừa nơi rừng núi nên chẳng nỡ dùng binh tiêu diệt. Còn như ba cô em của y thì lưu lạc ở trong dân chúng, không biết tung tích ở đâu mà tôi cũng chưa có lúc nào rảnh rỗi để tuân theo ân chỉ truy tầm, cho người lùng sục tìm kiếm để dẫn họ đến cửa quan đưa lên kinh đô trên làm sáng cái đức nhân trời biển, che chở sinh thành của Thánh thiên tử, dưới là để tỏ lộ cái nghĩa từ ấu tuất cô của bản quốc thì thật là hay.*

---

1. Trong nguyên tác viết nhầm là Dư Lạc (餘樂).

Thế nhưng, có lẽ bọn họ chạy trốn mong giữ chút hơi tàn, thấy cây cong cũng sợ nên lại càng cố ẩn náu cho sâu, không chịu xuất đầu, tiểu phiên không thể ứng mệnh được nhưng cũng không thể biện bạch.

Tôi trộm nghĩ bọn họ đã nghi ngại rồi thì cần phải có gì làm tin, thực tình khai dụ mới khiến không còn ngờ vực. Vậy mong Đại hoàng đế xét cho lời khẩn cầu của Duy Kỳ, nếu muốn cho một nhà đoàn tụ thì ra lệnh cho Công trung đường [tức Phúc Khang An] *khâm chỉ gửi dụ xuống truyền cho bản quốc một hiểu văn đến tiểu phiên để tuyên bố khắp nơi. Bọn họ một khi nghe được quả thực là lòng nhân chí nghĩa tận của Đại hoàng đế, đúng là tiểu phiên tuân phụng thánh chỉ chứ không có bụng dạ nào khác mới mong hết nghi ngờ mà tự đến xin được đưa sang.*

Khi đó, tôi sẽ cung cấp quần áo, lương thực, sai người hộ tống xuất quan, giao cho phủ đài Quảng Tây, chuyển đưa lên kinh sinh sống.

Còn quyến thuộc của thủ hạ Duy Kỳ còn ở bản quốc nếu muốn đi cùng luôn thể thì tôi cũng sẽ tùy theo tình hình mà trình báo, hết sức đưa lên, không dám che giấu. Những việc trình bày ở trên cũng đều do lòng trung thành mong ngài thể lượng soi xét cho mà thay mặt tâu lên.

Tiểu phiên một lòng cung cẩn thành thực, mong được ơn cao dày chiếu xuống, ấy là đại nguyện vậy.

Một thời gian sau, khi thấy công việc chưa được trình báo, vua Càn Long lại gửi dụ tra hỏi, khi đó triều đình Tây Sơn trả lời Phúc Khang An có đoạn như sau:

Ngay khi về đến Hồ Nam, tôi đã sức cho các viên mục bản quốc lưu thủ ở Thăng Long hãy hiểu dụ trước để cho thân quyến Lê Duy Kỳ các nơi đều kịp biết. Đến tháng Chạp, tôi vừa về đến quốc thành, lập tức dụ ra khắp nơi để thần dân mọi nhà mọi người đều biết rằng Thánh thiên tử có lòng tài bồi cho đạo tồn vong, kèm theo danh sách em trai, em gái, thê thiếp đầy tớ của Lê Duy Kỳ cùng quyến thuộc bọn tòng nhân Lê Hân. Tôi cũng đem một trăm tờ cáo thị trong đó nói rõ tấm lòng truân thiết của Thánh thượng, có đóng dấu của Phủ bộ viện [tức Tuần phủ tỉnh Quảng Tây], *kèm theo danh sách tra tìm đem treo khắp những nơi rừng sâu xa vắng, không nơi nào không đến.*

Cứ theo lời của em gái thứ Lê Duy Kỳ là Lê Thị Ngọc Diệp[1] đến trình thì y và chị thứ hai đều đã lấy chồng nên không muốn đưa sang, nay đã đưa giấy viết tay để chuyển sang cho Duy Kỳ biết. Còn người nhà của bọn Lê Hân cũng liên tiếp đến nơi, người thì nói là mình đang bị bệnh, người thì bảo rằng đã an cư, ai ai cũng viết thư để chuyển đi.

Xem như thế thì Lê Duy Kỳ mất nước chạy sang nội địa, quyến thuộc của y và những người đi theo lênh đênh lưu lạc (瑣尾流離) phiền đến Thánh thượng phải thương xót. Thế nhưng, những ai có chút kiến văn cũng phải nghĩ rằng không phải chỉ mình y ở trong hoàn cảnh thất tán, dẫu xưa kia nước Sở mất con vượn[2], tình thế cũng không thay đổi được. Trừ những người đã chết rồi thì không tìm thấy, những người còn sống đều vui bề gia thất, sống nghiệp canh cửi.

Bản quốc thể theo đức nhân của Hoàng đế nên vỗ về để cho mọi người tùy ý, ai nấy đều đã yên ổn. Chung quy ai cũng sợ đường xa, tuy với Lê Duy Kỳ vạn dặm chia lìa, nhưng trong khoảng trời che đất chở không vật gì không có chỗ dung, nay họ gửi thư trần tình rõ ràng nên chúng tôi cũng không có thể bắt ép họ phải ra đi được.

Chúng tôi còn đang sợ hãi không biết xử trí vụ án này thế nào thì nhận được ân luân của Thánh thượng giáo huấn đến cả những điều nhỏ nhặt còn dụ của Thượng hiến nói rằng để vỗ yên những người lưu vong nhưng sao đến nay chưa thấy một ai đưa sang, quả thực xấu hổ, bàng hoàng còn dám nói hay sao được.

Nay xin gửi sang năm lá thư của bọn Lê Thị Ngọc Diệp để làm bằng xin chuyển giao cho Lê Duy Kỳ tiếp nhận. Ngoài ra, xin soi xét cho mọi việc nguyên do uẩn khúc để xin tâu lên rằng bản quốc đã khâm tuân, mong xét để miễn việc phải đưa họ qua.[3]

---

1. Ngô Thì Nhậm, *Bang giao háo thoại* chép là Lê Thị Ngọc Nhụy (黎氏玉蕊) [Tạ tứ dụ chỉ tịnh ban thưởng các hạng cung khất tiết ân biểu(謝賜諭旨並倣賞各項恭乞節恩表)].

2. 北齊·杜弼《爲東魏檄蜀文》:"但恐楚國亡猿,禍延林木;城門失火,殃及池魚。

Nước Sở mất con vượn, họa lây đến cả cánh rừng, trong thành lửa cháy, tai ương đến cả cá trong ao [tát nước chữa cháy nên cá không còn nước để sống].

3. *Dụ Am văn tập*, quyển IV [A.604/2], Nguyễn Duy Chính dịch (chưa xuất bản).

Xem như thế trong ba cô em gái của vua Lê thì hai cô đã lấy chồng xin ở lại, còn một cô không biết có qua với anh không? Tới lúc này, tình hình tương đối đã ổn định và miền Bắc cũng không còn bao nhiêu người mưu toan việc khôi phục như toan tính hay mơ tưởng của nhóm cựu thần.

5.5.3. Nỗ lực phục quốc

5.5.3.1. Đời sống lưu vong

Khi phái bộ Quang Trung qua Bắc Kinh trở về rồi, vua Lê và tùy tòng biết rằng việc xin nhà Thanh giúp đỡ không còn hy vọng gì nữa nên họ đành tính một kế hoạch nhỏ hơn. *Lê quý dật sử* viết:

Tháng 10 [năm Canh Tuất, 1790], *biết không thể trông cậy vào người nhà Thanh, vua Chiêu Thống cùng bề tôi đồng tâm quyết chí mưu tính kế khác, lựa chọn 10 người bề tôi: Phạm Như Tùng, Hoàng Ích Hiểu, Lê Hân, Nguyễn Quốc Đống, Nguyễn Viết Triệu, Lê Văn Trương, Lê Quý Thích và Nguyễn Đình Cẩm (người Từ Liêm), Lê Tùng (người Tây Đàm), Lê Thức (người Hoằng Hóa) cùng uống máu ăn thề, thảo tờ biểu...*[1]

Tuy không nói rõ là tờ biểu xin điều gì nhưng theo tài liệu nhà Thanh thì họ xin với vua Càn Long can thiệp để Nguyễn Quang Bình cắt cho nhà Lê một trong bốn tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hưng Hóa để phụng thờ tông miếu.

[...] *Mùa đông năm ngoái* [tức năm Canh Tuất, 1790] *bỗng bẩm với Đô thống cai quản Kim Giản khẩn khoản xin trở về An Nam, lại xin cấp cho một trong bốn xứ Cao Bình, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hưng Hóa để ở, ngu xuẩn hão huyền đến thế. Cứ theo Đô thống Kim Giản tâu lên Lê Duy Kỳ tầm thường vô năng, nghe lời bọn Hoàng Ích Hiểu, Phạm Như Tùng, Nguyễn Quốc Đống, Lê Hân xúi biểu nên vọng thỉnh chuyện đó. Còn bọn Lê Quang Duệ 20 người thì cũng không chịu lãnh lương cùng xin theo về, đều là bọn gây chuyện nên đã xin phát vãng bốn tên đó* [tức Hoàng Ích Hiểu, Phạm Như Tùng, Nguyễn Quốc Đống, Lê Hân] *ra Ỷ Lê làm lính ăn lương, còn bọn Lê Quang Duệ thì đưa đi Giang Ninh an tháp.*[2]

---

1. *Lê quý dật sử*, sđd, tr. 99-100.

2. *Cao Tông thực lục*, quyển 1377, Thượng dụ ngày Giáp Tý [20] tháng Tư

Nói đúng ra, việc xin một khu vực để dung thân không phải là chưa từng có trong lịch sử Việt Nam thời quân chủ. Trước đây, khi con cháu nhà Mạc bị đánh bại chạy sang đầu hàng nhà Thanh, năm Khang Hy thứ 8 [Kỷ Dậu, 1669], vua Khang Hy cũng đã sai sứ sang bắt vua Lê Huyền Tông đem bốn châu thuộc Cao Bằng cho Mạc Kính Vũ (tức Mạc Nguyên Thanh theo sử nhà Thanh). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển XXXIII, trang 25-26 viết:

Tháng Giêng, năm ấy [tức năm Kỷ Dậu, 1669], *sứ nhà Thanh đến Thăng Long, triều đình nhà Lê dùng lý lẽ biện bác bắt bẻ, kéo dài đến hơn 10 ngày mới tuyên bố sắc văn, rồi lại bàn cho họ Mạc được giữ một châu Thạch Lâm, nhưng Lý Tiên Căn cũng cố giữ lẽ, không nghe, thành ra giằng co đến hơn 40 ngày. Sau Tạc* [chúa Trịnh Tạc] *lấy cớ rằng "thờ nước lớn cần phải cung kính theo mệnh lệnh", mới tâu với vua gượng gạo theo lời. Triều đình bèn bỏ đất bốn châu thuộc Cao Bằng cho Kính Vũ...*[1]

Nay việc vua Chiêu Thống và tòng thần xin một mảnh đất dung thân cũng không có gì trái lệ. Tuy nhiên, Thanh triều khi ấy đang có những liên hệ tốt với vua Quang Trung, không muốn làm điều gì bất lợi cho sự ổn định của An Nam nên không chấp thuận yêu cầu đó. Không những thế, những người chủ trương còn bị trừng phạt, Hoàng Đình Cầu, Bế Nguyễn Cung 49 người bị an trí tại Giang Ninh, cấp đất cho làm ruộng sinh sống, bọn Hoàng Ích Hiểu bị phát vãng sang tận Y Lê (Tân Cương)[2], bọn Phạm Như Tùng thì bị đày lên Hắc Long Giang, Nguyễn Quốc Đống bị đưa qua Cát Lâm, Lê Hân (黎忻) bị đày đi Phụng Thiên, Lê Quang Duệ (黎光睿) cả bọn 20 người bị đày đi

---

năm Càn Long thứ 56 [1791]; Vương Tiên Khiêm, [Càn Long triều] *Đông Hoa tục lục*, quyển 45, Thượng dụ gửi Nguyễn Quang Bình ngày 20 tháng Tư, Càn Long thứ 56; *Càn Long triều, Thượng dụ đáng*, quyển XVI, 1991, sđd, tr. 248, Thượng dụ gửi Nguyễn Quang Bình ngày 20 tháng Tư; *Thanh cung nhiệt hà đáng án*, quyển VII, Trung Quốc đệ nhất lịch sử đáng án quán, 2003, tr. 5.

1. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập II, sđd, tr. 321.

2. Theo tài liệu nhà Thanh, Hoàng Ích Hiểu khi đến Tân Cương có vợ một con trai, sau có thêm một con gái. Con trai ông ta sau lấy vợ có một con gái.

Nhiệt Hà, giao cho quan lại địa phương quản thúc để không còn có thể liên lạc với nhau.[1]

Cũng theo tờ dụ ngày Giáp Tý [20] tháng Tư năm Càn Long thứ 56 [1791], bọn Hoàng Ích Hiểu dù đã bị đi đày làm lính thú cũng chỉ được hưởng một nửa lương. Các nơi (Thịnh Kinh, Cát Lâm, Hắc Long Giang, Y Lê, Trực Lệ, Sơn Tây, Thiểm Tây, Cam Túc, Trú Hạp Mật, Ô Lỗ Mộc Tề) cũng nhận được lệnh giám sát chặt chẽ những người được giải giao:

... giải bọn Lê Quang Duệ 20 người đến Nhiệt Hà, chỉ cho họ 1/2 tiền lương, quản thúc nghiêm ngặt, nếu tỏ ra chống đối, không chịu cạo đầu, bỏ trốn thì bắt được ở đâu, lập tức chính pháp (chém đầu)...[2]

Tấu thư của Kim Giản cùng với châu phê của vua Càn Long được gửi cho Nguyễn Quang Bình xem, vua Càn Long ra lệnh thân quyến người nào tìm được thì đưa sang, nếu chưa tìm được thì đình lại.

Vì việc này, bọn Lê Quýnh đang bị giam trong ngục cũng bị cô lập, không còn liên lạc được với vua Lê nữa. Vua Càn Long cũng ra lệnh cho Kim Giản quản thúc riêng một nơi [nguyên văn cấm cố] một số người [bao gồm thủ hạ của Đinh Nhạ Hành, Phan Khải Đức, Lê Quýnh] không được tiếp xúc với bên ngoài.[3] Vua Chiêu Thống cũng bị cắt hết bổng lộc, chức tước nên đời sống càng thêm cơ cực.

5.5.3.2. Vụ án phục quốc

Nhân vật quan trọng nhất có thể gây khó khăn cho triều đình Tây Sơn là Hoàng đệ Lê Duy Chỉ vẫn còn được một số dân thiểu số khu

---

1. Theo báo cáo của bộ Binh trong *Minh Thanh sử liệu* (canh biên) in lại trong *Thanh quý nội các đáng án toàn tập* (12), Học Uyển, Bắc Kinh, 1999, tr. 184-185.

2. "Ký dụ Thịnh Kinh đẳng xứ tướng quân đại thần cáo cựu An Nam quốc chi Lê Quang Duệ đẳng khiển địa an tháp vô lệnh thoát đào". Nguyên dụ tiếng Mãn Châu, bản dịch chữ Hán. *Càn Long triều Mãn văn ký tín đáng dịch biên*, quyển 22 (3952), tr. 611.

3. Mai Quốc Liên (chủ biên), *Ngô Thì Nhậm tác phẩm*, tập I, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2001, tr. 449.

vực thượng du ủng hộ. Cuối năm Tân Hợi [1791], Nguyễn Quang Bình tiến hành hai chiến dịch, một mặt đích thân đem quân tiễu trừ các nhóm người Lào ở tây nam giáp với Nghệ An, một mặt sai quân lên đánh Lê Duy Chỉ, khi đó đang dựa vào bọn thổ tù là Nùng Phúc Tấn, Hoàng Văn Đồng hoạt động ở khu vực Tuyên Quang, Thái Nguyên.[1]

Tuy hai chiến dịch ở hai xa hàng nghìn dặm, triều đình Tây Sơn khi gửi thư báo tiệp cho vua Càn Long lại tâu rằng những người trở về đã bí mật liên lạc với Lê Duy Chỉ, nhân danh vua Chiêu Thống để kêu gọi cần vương, liên kết với Tiêm La, Vạn Tượng toan đánh úp kinh đô Nghệ An. Chúng ta có thể ngờ rằng khi làm việc này, Nguyễn Quang Bình chỉ nhằm mượn tay nhà Thanh tiêu diệt luôn cả những người đang ở bên ngoài cho hết hậu hoạn.

Ngoài việc tâu với vua Thanh là Lê Duy Kỳ mạo chỉ bảo Lê Duy Chỉ tụ tập cất quân đón vua Chiêu Thống về nước, Nguyễn Quang Bình lại tạ ơn vua Thanh về việc giúp đỡ để trừ Lê Duy Chỉ [ông Hoàng Ba], có lẽ muốn nhắc đến việc nhà Thanh cho mượn đường Vân Nam để bắt được Lê Duy Chỉ đem về Thăng Long giết đi.[2] Việc giả mạo chiếu chỉ

---

1. Thực ra, chiến dịch Vạn Tượng còn có những lý do khác, liên quan đến việc một số tiểu quốc muốn thoát ra khỏi sự kiềm chế của Xiêm La và sự bành trướng thế lực của Tây Sơn để kiểm soát khu vực trung-nam Lào ngăn chặn việc chúa Nguyễn cấu kết với Xiêm La tạo thành một gọng kìm ở phía tây vương quốc An Nam. Cũng nên thêm rằng tuy vua Quang Trung đích thân cầm quân nhưng một trận dịch về đường ruột - như các tài liệu bên ngoài ghi nhận - đã khiến quân Tây Sơn phải rút về và kế hoạch không thể tiến hành đến rốt ráo. Chính bản thân Nguyễn Huệ cũng bị nhiễm bệnh và việc ông thân chinh trong chiến dịch này với cái chết hết sức đột ngột vào mùa thu năm đó có thể có liên quan. Xem thêm "Chiến dịch sau cùng của vua Quang Trung" [dựa vào tài liệu trong Kennon Breazeale, *The Lao-Tayson Alliance, 1792-1793*, Nguyễn Duy Chính dịch].

2. Trong tờ biểu Nguyễn Huệ gửi vua Càn Long có câu:

臣仰見聖天子明見萬里，不是於形迹間見之，寔是察他心術，聖主爲臣志善者。

Thần ngưỡng kiến thánh thiên tử minh kiến vạn lý, bất thị ư hình tích gian kiến chi, thực thị sát tha tâm thuật, thánh chúa vi thần chí thiện giả (*Thần*

vua Thanh sau này không thấy các bầy tôi nhà Lê nhắc đến nên chúng ta ngờ rằng cũng chỉ là một việc bịa đặt để vu cáo vua Chiêu Thống.

Tuy nhiên, vua Càn Long không phải vì thế mà tin ngay nên Thanh triều đã cho điều tra khá kỹ lưỡng để tìm hiểu sự việc đưa đến một số hậu quả bất lợi khiến hảo cảm của nhà Thanh với vua Quang Trung bị suy giảm khá nhiều.

Theo lời tâu của Quân cơ đại thần điều tra cáo giác của triều đình Quang Trung về việc Lê Duy Kỳ ám thông với Lê Duy Chỉ để nổi loạn thì:

Ngày mồng 2 tháng Năm năm Càn Long thứ 57 [1792]

Cứ như tờ biểu khai rằng những quyến thuộc của Lê Duy Kỳ ở nội địa được trả về [An Nam] *an tháp gồm hơn 80 người trong đó có thủ hạ của Đinh Nhạ Hành, Lê Quýnh, Phan Khải Đức được Lê Duy Kỳ bí mật dặn dò thông tin cho Lê Duy Chỉ trước đây ở biên giới thuộc Bảo Lạc,*[1] *dụ dỗ hào mục các xứ để khởi binh, lấy danh nghĩa đưa Lê Duy Kỳ về nước. Hai tù trưởng nước Vạn Tượng là Thủy và Hỏa cũng là đồng đảng của y, nổi lên ở Hoan Diễn làm thế ỷ giốc. Các xứ Trấn Ninh, Trịnh Cao, Quy Hợp và Tiêm La cũng đồng thời nổi lên định đánh lấy kinh đô Nghệ An. Vậy nay xin thánh thượng nhủ lòng trông xuống ra lệnh cho các ty phân xử minh bạch tội trạng của bọn Lê Duy Kỳ, Đinh Nhạ Hành, Lê Quýnh, Phan Khải Đức.*

Bọn thần lập tức tra xét Lê Duy Kỳ:

Làm cách nào có thể ám thông tin tức với những người được đưa về An Nam? Viết thư thế nào? Giao phó cho ai? Dặn Lê Duy Chỉ cấu kết ra làm sao? Lôi kéo tụ tập ở đâu?

Những việc đó tra hỏi thật là gắt gao.

---

ngẩng lên thấy thanh thiên tử nhìn xa vạn dặm, không chỉ thấy hình tích bên ngoài mà còn biết rõ cả tâm thuật của y nữa nên Thánh chúa đã vì thần mà làm cho chí của thần được thành tựu). Mai Quốc Liên (chủ biên), *Ngô Thì Nhậm tác phẩm*, tập I, sđd, tr. 826.

1. Bảo Lạc dưới thời Lê là một châu thuộc đạo Tuyên Quang, nay thuộc Cao Bằng. Xem thêm Đỗ Tuân, "Tuyên Quang, tên gọi một vùng đất", *Xưa & Nay*, số 339 (9-2009), tr. 30-31.

Lê Duy Kỳ khai rằng:

Duy Kỳ từ khi đến kinh đô, được ơn trời của Đại hoàng đế, cho gia nhập vào kỳ binh, cho chức vụ bổng lộc. Duy Kỳ vì nhầm lẫn nghe lời Hoàng Ích Hiểu xin được an tháp ở Cao Bằng, Lạng Sơn các nơi đó đến nỗi bị cách cả chỏm mũ [tức chức tước của nhà Thanh, phân biệt theo chỏm mũ và màu đai] *cùng bổng lộc, bị cấm cố không cho đi đâu, do Đô thống của chúng tôi* [Lê Duy Kỳ bị nhập vào kỳ binh dưới quyền của Đô thống] *là Kim đại nhân* [Kim Giản] *quản thúc cực kỳ nghiêm mật.*

Những người được trả về An Nam đều khởi hành cách biệt, Duy Kỳ chưa từng được gặp họ bao giờ, cũng chẳng được biết việc họ được trở về An Nam thì làm thế nào mà lén lút dặn dò họ đưa tin về.

Đến như năm trước, Duy Kỳ vì một lúc hồ đồ nên nghe lời Hoàng Ích Hiểu mạo muội trình xin, tới nay hối hận không kịp thì đâu còn dám vọng tưởng gì nữa. Việc Duy Kỳ ám thông tin tức hoàn toàn không có thật, chỉ mong minh sát cho.

Bọn thần sau đó lại cho gọi bọn đang bị gông xích trong ngục là Đinh Nhạ Hành, Lê Quýnh, Phan Khải Đức chia ra từng người tra hỏi.

Đinh Nhạ Hành khai rằng:

Những người dưới quyền quản lãnh của Nhạ Hành đều là phụ nữ, trẻ con. Trong số hơn 80 người đưa trở về An Nam không có ai là thủ hạ của Nhạ Hành mà khi họ được đưa về cũng không được gặp lần nào nên không thể dặn dò gì cả. Còn gia quyến thân thuộc của Nhạ Hành đều ở kinh thành, chỉ sợ phạm tội liên hệ đến người thân nên không thể có chuyện thông tin, mà cũng chẳng có bụng thông tin nữa. Chỉ mong xét rõ sự tình cho.

Phan Khải Đức khai rằng:

Trong số hơn 80 người về nước có 24 thủ hạ của Phan Khải Đức, trước đây tuy có gặp nhưng nhưng lúc đó chưa có tin gì là sẽ về An Nam. Vậy thì Khải Đức làm sao đoán trước được rằng họ sẽ trở về để mà dặn dò.

Kể từ năm ngoái bắt giam Khải Đức đến nay, Kim đại nhân cai quản rất nghiêm ngặt, không cho gặp họ bao giờ thì làm sao dặn dò thế nào được. Quả thực không có chuyện nhắn nhủ gì cả.

Lê Quýnh khai rằng:

Trước đây, Quýnh gõ cửa quan xin binh cứu viện thì lập tức được Phúc công gia gọi vào. Sự tình gấp rút, không kịp dặn dò một người nào. Về sau khi giải lên kinh đô, Quýnh vì không chịu cắt tóc, đổi y phục nên bị giam tại đề lao hạng nặng ở bộ Hình. Nơi đây giám sát, quản thúc gắt gao, đến như Lê Duy Kỳ cũng chưa từng được gặp lần nào. Những người An Nam đến kinh cũng chưa gặp một ai cả. Họ ở kinh thành hay họ về An Nam, Quýnh đều không hề biết gì hết, thành ra không thể thông tin cho ai. Đó là tình thực.

Bọn thần lại đem các can phạm này hỏi qua hỏi lại nhưng đều khăng khăng một lời như vậy không thay đổi. Tra năm trước nhóm Nguyễn Đình Bái hơn tám mươi người thì Đô thống Kim Giản vừa nhận được dụ chỉ lập tức áp tống lên đường ngay, sự việc trong khoảnh khắc, lời khai của bọn Lê Duy Kỳ nói rằng không biết tin và không hề gặp nhau có thể tin được, nên không thể xin gia tăng tội lên.

Nay theo biểu văn của Quốc vương Nguyễn Quang Bình nói rằng có chứng cứ bọn thủ hạ của Đinh Nhạ Hành, Lê Quýnh, Phan Khải Đức được Lê Duy Kỳ lén lút dặn dò thông tin với Lê Duy Chỉ để cấu kết hẹn ước khởi binh [châu phê: Người này có thực]. *Vì thế, không thể theo lời khai một bên của Lê Duy Kỳ để mà bỏ qua không tính đến. Vậy xin Hoàng thượng hạ sắc cho Quốc vương Nguyễn Quang Bình tra xét rõ ràng xem số hơn 80 người đưa trở về nước thì người đưa thư thuộc nhóm nào, lá thư ấy hiện nay ở đâu, người đưa thư tên là gì cần phải tìm ra cho xác thực.*

Sau đó, Quốc vương sẽ đem lá thư và người đưa thư đó sai quan đưa đến trấn Nam Quan giao cho tuần phủ Quảng Tây Trần Dụng Phu cử người xích lại áp giải lên kinh. Khi đó, bọn thần sẽ đưa các phạm nhân ra đối chất tận mặt, bọn Lê Duy Kỳ sẽ không còn nói quanh co được nữa.

Nếu như quả thật có lén lút dặn dò người về thông tin, bằng cớ rõ ràng thì bọn thần sẽ lập tức xin định nghị lại bọn Lê Duy Kỳ, tội danh xin bệ hạ giáng chỉ biện lý cho xứng đáng với hiến điển để làm gương cho mọi người.

Bọn thần đem duyên do thẩm vấn kính cẩn cung triệp tâu lên, sai đúng thế nào xin đợi Hoàng thượng ra lệnh xuống cho bọn thần theo đó mà làm, còn Tuần phủ Quảng Tây chuyển cho Quốc vương khâm tuân biện lý.[1]

---

1. *Văn hiến tùng biên*, "An Nam đáng", Quốc Phong, Đài Bắc 1964, tr. 412-413. Nguyễn Duy Chính dịch, *Đàng Trong thời chúa Nguyễn*, sđd. tr. 82-85.

5.5.3.3. Vua Lê qua đời

Kể từ sau vụ án *"ám thông tin tức"*, sự tuyệt vọng cũng đưa đến những hành động làm liều - đa phần vì uất ức hơn là chống đối. Một hôm, vua Chiêu Thống đến phủ đệ của Kim Giản để giãi bày bị quân gác cửa lôi kéo nên người dắt ngựa cho ông là Nguyễn Văn Quyên[1] lên tiếng chửi bới, bị chúng xúm vào đánh trọng thương, về ốm chết. Vua Thanh ban cho hai chữ Mã Đồng [người hầu ngựa] và hai hàng chữ *"Lâm Nạn Bất Cẩu, Tuẫn Tiết Cô Trung"* (臨難不苟，殉節孤忠) nghĩa là khi gặp nạn không cầu an, cô trung nên tuẫn tiết. Khi di hài Nguyễn Văn Quyên đưa về nước, Nguyễn Huy Túc có làm một bài ca ngợi tên là *"Mã đồng hãn quân lụy"*, đặt tên cho Quyên là *"Trung Tráng Công"* và một bài thơ để phúng điếu.[2]

Vua Lê càng buồn rầu vì tình thế nhất là cũng vào khoảng thời gian đó, ngày 20 tháng Năm năm Nhâm Tý [1792], con trai [duy nhất] là Lê Duy Thuyên lên đậu qua đời. Có lẽ, việc đứa con độc nhất mất sớm khiến Lê Duy Kỳ sợ tuyệt tự, nên ông sau này đã nạp 2 người thiếp, một người họ Nguyễn, 1 người họ Đinh và có được một cô con gái nhưng không biết sinh ra trước hay sau khi ông qua đời.[3]

Đến tháng Chín năm Quý Sửu [1793], vua Lê bị bệnh nặng, các bầy tôi ở các tỉnh biết tin đều viết thư thăm hỏi. Gia đồng của Phạm Như Tùng là Lê Huy Vượng ở cạnh vua hầu hạ thuốc thang, vua cho đổi tên là Duy Khang, nhận làm con nuôi để sau này cúng tế và hầu Thái hậu.

Tháng Mười năm ấy, bệnh vua Lê nặng thêm nên gọi các bầy tôi lại di mệnh rằng:

Gặp khi vận nhà suy kém, không thể liều chết để giữ xã tắc, phải chạy sang đất người để mưu đồ khôi phục. Không ngờ lại bị người lừa dối, để đến nỗi như thế này, không còn biết làm sao được. Ngày sau các người trở về nước

---

1. Người hương Bố Vệ, tỉnh Thanh Hoa thời Lê, nay thuộc phương Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa.

2. Phan Thúc Trực, *Quốc sử di biên*, tập Thượng, Hồng Liên Lê Xuân Giáo dịch, Phủ Quốc vụ khanh Đặc trách Văn hóa, Sài Gòn, 1973, tr. 162-169.

3. Xem danh sách những người về nước bên dưới.

nhà được, nhất thiết phải mang nắm xương tàn của ta về chôn ở nước nhà để làm cho chí của ta được tỏ.[1]

Vua Chiêu Thống mất ngày 16 tháng Mười năm Quý Sửu [1793], thọ 27 tuổi (1866-1793), được mai táng theo nghi thức tước Công tại ngoài cửa Đông Trực [東直], phía bắc Tân Trang, con nuôi Lê Duy Khang thế tập. Nguyễn Viết Triệu bị đày ở Nhiệt Hà nghe tin cũng thiết lập bài vị chịu tang rồi cũng chết theo vua Lê.[2]

Bảy năm sau, Gia Khánh thứ 5 [1800],[3] Thanh triều mới phóng thích bọn Lê Quýnh, cho an tháp ở xưởng Lam Điện (藍靛), bên ngoài Hỏa Khí doanh. Họ được cấp lương thực, đầu tóc, y phục được tự do [không bị bắt buộc phải theo tục nhà Thanh] và họ được đi lại như những người khác, mặc dù vẫn bị giám sát. Theo bài "*Cảm tác*" của Lê Quýnh thì cứ bốn ngày ông lại đi thăm mộ vua Lê một lần, lần nào cũng có binh mã của Hỏa Khí doanh đi theo.

5.6. Tình hình trong nước

Giữa năm Nhâm Tý [1792], sau khi thắng trận ở Nam Lào, [tuy chưa hoàn toàn thành công] vua Quang Trung rút quân về Nghệ An. Việc ông triệt binh khá đột ngột khiến chúng ta liên kết với việc quân Tây Sơn bị nạn dịch trong khi hành quân [như Kennon Breazeale ghi nhận]. Chính bản thân ông cũng bị bệnh - có thể thuộc loại thương hàn ngã nước là căn bệnh tối nguy hiểm ở khu vực rừng núi tây Trường Sơn - đưa đến cái chết khá đột ngột vào mùa thu năm đó [Nhâm Tý, 1792].

Vì việc rút quân không tiên liệu, nhiều *mường chậu* [tù trưởng thiểu số] vẫn tiếp tục đưa người sang liên lạc để phối hợp hành quân, có lẽ vẫn nghĩ rằng sở dĩ Tây Sơn chưa động binh vì thời khắc không

---

1. *Lê quý dật sử*, sđd, tr. 110-111.

1. Tô Nam, "Trái tim bất tử Lê-Chiêu-Thống", Tập san *Sử Địa*, số 13, Sài Gòn, 1969, tr. 88.

2. Sau khi vua Càn Long là Thái thượng hoàng qua đời.

thuận lợi. Cuối năm đó, sau khi vua Quang Trung qua đời, vua Cảnh Thịnh nối ngôi, triều đình Tây Sơn tiếp tục gửi một vài sứ bộ sang để điều tra tình hình nhưng có lẽ chỉ nhằm đánh lạc hướng sự dò thám của đối thủ hơn là thực sự còn muốn đi nốt chiến dịch này.

Việc Nguyễn Quang Bình bị bệnh cũng có thể được triều đình Tây Sơn giữ kín một thời gian như một vài giả thuyết của một số nhà nghiên cứu gần đây.[1] Sau khi Nguyễn Quang Bình mất, dư đảng nhà Lê lại nhân cơ hội nổi lên. Sử triều Nguyễn chép:

[...] *Trước là ở Bắc Hà nghe tin giặc Tây Sơn Nguyễn Văn Huệ chết, nơi nơi đều nổi dậy, cùng suy tôn Lê Duy Vạn (con Lê Hiển Tông) lên làm minh chủ. Duy Vạn bèn sai thuộc hạ là bọn Cai cơ Chấn bảy người đưa thư hẹn ta cử binh để trong ngoài ứng nhau. Chấn mượn đường thượng đạo đi sang Xiêm, người Xiêm đưa sang ta, giữa đường bị giặc biển Chà Và bắt đem bán ở Hạ Châu (Singapore).*[2]

Theo tình hình mà xét, những người từ Trung Hoa về nước mang theo tin vua Chiêu Thống và một số bầy tôi đang ở Bắc Kinh đưa đến một số phỏng đoán khiến nhóm hoài Lê toan tính hành động ở nhiều nơi nhưng chỉ mượn danh nghĩa Lê Duy Kỳ chứ chưa hẳn hai bên đã có những liên lạc cụ thể. Nhóm Nguyễn Huy Túc và Hoàng phi Nguyễn Thị Kim cũng tính đường sang Trung Hoa tìm vua Lê nhưng không thực hiện được.

Tuy nhiên, ảnh hưởng quan trọng nhất có lẽ về tinh thần hơn là vật chất. Tin vua Lê còn sống đưa đến những tin tưởng lạc quan, những hy vọng về một triều đình ở bên ngoài. Niềm tin hão huyền cũng có thể chính là đầu mối những chuyện được dựng lên về sự trá ngụy của Nguyễn Huệ, của Nguyễn Quang Toản và những mâu thuẫn [tưởng tượng] giữa hai triều đình Thanh-Việt. Đến khi việc cầu viện

---

1. Xem Hoàng Xuân Hãn, *La Sơn phu tử*, Nxb. Minh Tân, Paris, 1952, tr. 156-160, phần Phụ lục "Ngày giờ Quang Trung mất", trích từ báo *Dư-luận*, Hà Nội, 1946, số 28, tr. 5.

2. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, đệ Nhất kỷ, quyển VI, tập Một, Viện Sử học dịch, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2002, tr. 292.

nhà Thanh đã nguội lạnh, sĩ phu Bắc Hà lại trông ngóng chúa Nguyễn từ trong Nam ra. Không có thực lực thường dễ đi đến việc mong đợi một cơ duyên ở bên ngoài nên thời đó nhiều người đã chạy trốn sự thật bằng những buổi cầu tiên [đồng thiếp] hay sấm vĩ huyền hoặc.

Trong suốt thời kỳ Nguyễn Ánh và nhà Tây Sơn còn đang tranh chấp, các di thần nhà Lê vẫn tin tưởng rằng một khi chúa Nguyễn đánh bại triều đình Cảnh Thịnh, khu vực miền Bắc sẽ được giao trả cho con cháu nhà Lê. Cuối năm Tân Dậu (1801), Lê Huy Dao còn tự đặt ra một bài hịch nhan đề *"Dụ Bắc thành trung nghĩa hào kiệt"*, thác danh chúa Nguyễn kêu gọi những nhóm phù Lê miền Bắc nổi lên chống lại nhà Tây Sơn.[1] Chỉ đến khi vua Gia Long lên ngôi và cho người sang Trung Hoa cầu phong, những mong đợi của họ mới hoàn toàn nguội lạnh.

5.7. Sau khi nhà Tây Sơn bị diệt

5.7.1. Chính sách của tân triều

Khi chúa Nguyễn Ánh kéo quân ra Bắc, các phần tử nhà Lê cũ khắp nơi hưởng ứng. Ngày mồng một tháng Hai năm Nhâm Tuất [1802], Nguyễn Quang Toản sai Nguyễn Đăng Sở sang nhà Thanh cầu viện. Sứ thần Tây Sơn đi đến Thông Nguyên thì vua Thanh nhận được tấu văn của Tri phủ Thái Bình:

"Nguyễn Quang Toản nước Nam đã gây cuộc binh đao với quốc trưởng Nông Nại, thành Thăng Long sắp sửa thất thủ đến nơi".

Vua Gia Khánh bèn ra lệnh cho sứ Tây Sơn trở lại Quảng Tây, về Nam Quan đừng lên Bắc Kinh nữa. Nguyễn Đăng Sở ngậm ngùi quay về. Trong tình thế nguy cấp đó, hào kiệt nổi lên. Ngày 25 tháng Hai, Trương Chí và đồng bọn đốt hơn một nghìn nóc nhà, đập phá dinh Tư mã Dũng. Trương Chí bị bắt và bị giết, gia sản bị tịch thâu.

Ngày mồng 7 tháng Ba, Nguyễn Trọng Tống dấy binh đánh Phao Sơn bị thua. Tháng Năm năm Nhâm Tuất [1802], chúa Nguyễn lên

---

1. Hoàng Xuân Hãn, "Phe chống đảng Tây Sơn ở Bắc với tập *Lữ trung ngâm*", Tập san *Sử Địa*, số 21, Sài Gòn, 1-3/1971, tr. 15.

ngôi Hoàng đế, đổi niên hiệu Gia Long, rồi đem quân đánh Nghệ An, Nguyễn Trọng Tống tới xin nhận chịu quyền tiết chế của triều đình.

Tháng Sáu, vua Gia Long tiến đánh Thanh Hoa, con cháu nhà Lê là Lê Duy Đạt nổi binh, được giao cho giữ Trấn Ninh. Nguyễn Quang Toản chạy đi Lạng Giang [Kinh Bắc, giáp giới Lạng Sơn] nhưng đến Thọ Xương thì cầu đã bị dân phá nên phải cưỡi voi qua sông. Nguyễn Quang Thùy chạy đến Trụ Hữu (Bảo Lộc) thì tự tử. Dân chúng bắt được Nguyễn Quang Toản và em là Nguyễn Quang Thiệu đưa về Thăng Long.

Tháng Chín năm Nhâm Tuất [1802], Gia Long nguyên niên, vua Thế Tổ nhà Nguyễn (Nguyễn Ánh) cho tìm dòng dõi nhà Lê. Phiên thần Thái Nguyên Ma Thế Cố tâu là Lê Duy Hoán [con trai của Duy Chỉ, cháu gọi vua Chiêu Thống bằng bác ruột] còn ẩn nấp ở đấy. Vua Gia Long phong cho Lê Duy Hoán làm Diên Tự công, thế tập tước vị và 10.000 mẫu tư điền để thờ cúng lăng miếu.[1]

5.7.2. Xin đưa hài cốt về quê quán

Sang đời Gia Khánh, nhất là từ khi Thái thượng hoàng Cao Tông qua đời, vấn đề nước An Nam không còn được quan tâm như trước. Ác cảm với nhà Tây Sơn khiến cho Thanh triều tỏ thái độ lạnh nhạt, trong nhiều trường hợp còn vu hãm cho triều đình An Nam những việc không có thật, đổ tội cho Nguyễn Quang Toản dung chứa giặc bể mà thực ra là quan lại nhà Thanh bất tài.

Những người theo vua Lê sang Trung Hoa tuy không còn bị quản thúc nhưng việc nước non cũng tạm lắng xuống. Theo *Quốc sử di biên* thì:

[...] *Nguyên trước kia, vua tôi nhà Lê cư ngụ ở bên nhà Thanh* [từ năm Tân Hợi, 1791] *lên đênh lưu lạc, chỉ còn sống sót được vài chục người. Phần nhiều những người theo hầu hạ nhà vua ngày trước đã lấy vợ người Tàu và sanh con. Các ông Doãn-Hữu* [tức Lê Quýnh] *bị cầm chân ở đất Tàu quá lâu ngày, chỉ còn một cái mão rách mang theo đã hơn 10 năm.*

Năm Canh-thân (1800), *vua Gia-khánh nhà Thanh được sách lập lên*

---

1. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, đệ Nhất kỷ, quyển XVIII, tập Một, sđd, tr. 524-525.

nối ngôi.[1] *Các ông Doãn Hữu may được vua Thanh cho tại ngoại, mới nghe nói tang lễ vua Lê đã thành phục...*[2]

Khi nghe tin nhà Tây Sơn bị diệt vong, nhóm Lê Quýnh tìm cách xin đem hài cốt vua Chiêu Thống, Thái hậu và Nguyên tử về nước nhưng Thanh đình không trả lời vì chưa có sự thỏa hiệp với triều đình An Nam.

Đến khi sứ thần nhà Nguyễn sang cầu phong, trong phái bộ có con của Lê Quýnh là Doãn Trác (允倬). Theo tài liệu của nhà Thanh, Lê Quýnh khi đi thăm mộ vua Lê có gặp một người Mông Cổ họ A cho hay sứ bộ An Nam đang trên đường đến kinh đô nên ông có xin nghỉ ba ngày để đi Trác Châu (涿州) mong gặp phái đoàn hỏi tin tức và đã gặp được con là Lê Doãn Trác là hành nhân đi cùng. Ông nhờ phái bộ khi về nước xin đưa di hài vua Lê về an táng. Vua Gia Long bằng lòng nên nhà Thanh cũng phóng thích tất cả những tòng vong nhà Lê, ai muốn trở về đều được chấp thuận.

5.7.3. Hồi quy cố quốc

Năm Giáp Tý [1804], hài cốt vua Chiêu Thống được đem về nước. Sau 15 năm lưu lạc, một số lớn đã xin hồi hương khi phái đoàn Quang Trung sang Trung Hoa dự lễ khánh thọ của vua Cao Tông, số người theo linh cữu vua Lê theo danh sách của nhà Thanh tất cả 136 người gồm có 97 người sống tại kinh đô, 32 người ở Nhiệt Hà và 7 người khác trước đây bị đày đi Phụng Thiên, Hắc Long Giang, Y Lê và Trương Gia Khẩu[3] chi tiết như sau:

Kinh đô:

- Tá lãnh Lê Duy An, 1 vợ và 2 con trai nhỏ

---

1. Thực ra, vua Gia Khánh lên ngôi từ năm Bính Thìn [1796] nhưng vì còn Thái thượng hoàng nên không tự quyết được nhiều điều, đến năm Kỷ Mùi [1799] vua cha Càn Long mất, mới thực sự thâu tóm quyền hành.

2. Phan Thúc Trực, *Quốc sử di biên*, tập Thượng, Hồng Liên Lê Xuân Giáo dịch, sđd, tr. 138.

3. *Gia Khánh triều, Thượng dụ đáng*, quyển IX, tr. 45, bổ túc thêm Nguyễn Thế Đăng, tr. 46-47.

- Kiêu kỵ hiệu Phạm Trần Hy
- Lãnh thôi Lê Duy Phổ
- Đinh Lệnh Ấn
- Đinh Võ Đường
- Đinh Võ Điều
- Lê Doãn Toàn
- Mã giáp (馬甲)[1] Nguyễn Nghiêm (20 người)
- Đinh Võ Đô (2 người)
- Dưỡng dục binh Lê Duy Kham (10 người)
- Thiếp của Lê Duy Kỳ [tức vua Chiêu Thống] (2 người), 1 người họ Nguyễn, 1 người họ Đinh và 1 đứa con gái họ Lê (con nhỏ của vua Lê), nội giám Nguyễn Xuân Hải (3 người)
- 28 người đàn bà
- 15 đứa con gái còn nhỏ
- Đầy tớ 2 người
- Mã giáp Lê Quýnh, Trịnh Hiến, Lê Trị, Lý Bỉnh Đạo (4 người)

Tất cả 97 người thuộc Hỏa Khí doanh.

Nhiệt Hà:

- Lê Quang Duệ (20 người)
- Vợ con (12 người)

Nơi khác:

- Phụng Thiên: Lê Hân (1 người)
- Hắc Long Giang: Phạm Như Tùng, Nguyễn Thế Đăng (2 người)
- Trương Gia Khẩu: Nguyễn Quốc Đống (1 người)
- Y Lê: Hoàng Ích Hiểu (3 người)

---

1. Binh sĩ, tên gọi đời Thanh.

Những người trở về được vua Gia Khánh cấp cho tá lãnh (10 lượng bạc), kiêu kỵ hiệu (8 lượng). Từ lãnh thôi trở xuống, dù nam hay nữ thì người lớn được 5 lượng bạc, nhỏ thì được 3 lượng bạc. Cứ theo *Quốc sử di biên* thì trong số trở về có tất cả 18 cỗ quan tài.[1]

Khởi hành từ phủ Thuận Thiên ngày 29 tháng Hai nhóm thứ nhất 26 người, 2 ngày sau đó nhóm thứ hai 31 người, nhóm thứ ba 39 người lại sau 2 ngày đều có người hộ tống từ tỉnh này đến giao giới tỉnh khác qua các nơi Hà Nam, Hồ Bắc, Hồ Nam, Quảng Tây.[2]

Nhóm thứ tư là những người trước đây ở Trương Gia Khẩu, Nhiệt Hà, tất cả là 33 người, mang theo hài cốt 8 người, từ kinh đô lên đường về nước ngày mồng 9 tháng Ba.[3]

Cũng theo tài liệu nhà Thanh năm Gia Khánh nguyên niên khi Lê Duy An và gia quyến sang Trung Hoa tới Khâm Châu (Quảng Đông) thì mẹ của Đinh Lệnh Ấn bị bệnh qua đời chôn ở Đồng Du. Nay vua Gia Khánh sức cho quan địa phương cho bốc mộ để gia đình đem linh cữu về nước.[4] Theo Tô Nam Nguyễn Đình Diệm thì:

… *Ngày 25* [tháng Ba năm Giáp Tý, 1804] *bắt đầu khơi mộ vua Chiêu-Thống, quan tài bằng gỗ thông dầy 2 tấc, khi mở nắp ra thấy phần da thịt đã tiêu rã hết, riêng có trái tim vẫn còn nguyên vẹn, máu tươi vẫn thấy trào ra, và còn thoi thóp như tim người sống? Ai cũng dợn* [rợn] *người cho là sự lạ!*

Ngày 26 khơi mộ Thái-Hậu, nguyên tử và các vong thần, di hài của Viết-Triệu và Mã-Đồng-Quyên được đặt bên linh cữu vua cũ, rồi tiếp tục lên đường, bắt đầu vào cuối tháng 2 khi tới Nam-Quan vào ngày 13 tháng 8, đúng 5 tháng trời. Kế đó được di chuyển sang trấn Lạng-Sơn; trấn đã dựng sẵn cung quán ở ngoài thành, quan-hiệp-trấn là Nguyễn-duy-Thản (ông Nghè

---

1. Nhóm thứ nhất gồm vợ con, gia đình các vong thần, nhóm thứ hai gồm những người phụ trách việc đưa di hài về nước, nhóm thứ ba bao gồm những người còn lại. Phan Thúc Trực, *Quốc sử di biên*, tập Thượng, Hồng Liên Lê Xuân Giáo dịch, sđd, tr. 141.

2. Trung Quốc đệ nhất lịch sử Đáng Án quán, *Gia Khánh triều, Thượng dụ đáng* (嘉慶朝上諭檔), Quảng Tây Sư phạm đại học xuất bản xã, Quảng Tây, 2000, tr. 54-55.

3. *Gia Khánh triều, Thượng dụ đáng*, quyển IX, sđd, tr. 81.

4. *Gia Khánh triều, Thượng dụ đáng*, quyển IX, sđd, tr. 57-58.

ở huyện Hương-La cùng các cựu thần nhà Lê làm lễ tế điện, các tù trưởng lân cận cũng tới phúng điếu.

Ngày 26, Lê Quýnh về Thăng-Long, trước để vào yết kiến Tổng-trấn tiền quân Nguyễn-văn-Thành, khi vào Quýnh quỳ gối chứ không bái, mà thưa rằng: Vì chưa được bái vua, nên không dám bái tôn-công, rồi cất mũ để tạ lỗi...

Ngày 6 tháng 8, Quýnh từ Thăng-Long về thăm cố hương tức làng Đại-Mão huyện Siêu-Loại, lễ yết tổ-đường và chịu tang Thím tức Bà Nghè Thân, rồi ngày 12 lại ra Thăng-Long bẩm với Quận-Thành nhờ tâu vua Gia-Long cho phép đem di hài vua cũ về táng tại Thanh-Hóa.

Ngày 24 tháng 9, Quận-Thành tiếp chỉ dụ cho phép, bèn phái binh sĩ Bắc-Thành lên Lạng-Sơn đón tang Lê-Hoàng về Thăng-Long, đặt bàn thờ tế điện tại nhà Diên-Tự-Công Lê-Duy-Hoán là viên thủ-tự được vua Gia-Long phong chức để coi việc thờ phụng nhà Lê. Hôm ấy các bề tôi sót của Lê-Triều và bá-quan văn võ đều mặc đồ trắng tới phúng điếu. Còn các di hài từ Đinh-Nha-Hành trở xuống thì cho gia nhân nhận phiếu rồi đưa về các quê hương để mai táng...

Ngày 28 tháng 10, Quận-Thành phái quân hộ tống linh cữu vua Chiêu Thống, Hoàng-Thái-Hậu, Hoàng-Tử và Tỳ-Bà-Hậu về Thanh-Hóa, an táng tại lăng Bàn-Thạch thuộc xã Bố-Vệ. Viết Triệu và Văn-Quyên cũng được phụ táng một bên...[1]

Có lẽ, những di thần nhà Lê cũng nghĩ rằng vua Gia Long là hậu duệ của chúa Nguyễn ắt vẫn còn tình nghĩa với cựu triều và sẽ cho hưởng một số ân huệ nhưng mọi đòi hỏi đều không được chấp thuận và ưu đãi. Những ai mưu tính chuyện lớn hơn hay không yên phận đều bị trừng trị. Chính vì thế, ngay từ đầu, triều đình nhà Nguyễn cũng đã dứt khoát không để việc đi xa hơn. *Đại Nam thực lục* chép lời của triều thần bàn về việc tang lễ vua Lê:

- Hoàng thượng ra ơn với triều trước, kẻ còn người mất đều được nhờ, rất là nhân vậy. Nay quan tài vua Lê đã đưa về, nhờ lượng thánh đoái thương, nhưng nên cấp cho tiền gạo để tỏ hậu đạo, chứ nếu lấy lễ khách mà đãi, sai quan đến viếng thì về nghĩa e chưa được ổn. Lại nếu họ Lê có xin đặt thụy, bọn thần thấy đã không đúng nghĩa thì không nói được, vậy không nên cho hiệu là phải.

---

1. "Trái tim bất tử Lê-Chiêu-Thống", Tập san *Sử Địa*, số 13, Sài Gòn, 1969, tr. 92-95.

Vua Gia Long cho 700 quan tiền, 500 phương gạo và dùng binh thuyền hộ tống về táng ở Thanh Hoa.

Cũng theo dã sử, linh cữu vua Lê trên đường đi có lá cờ vàng có thêu bốn chữ 萬里金霜 (*Vạn lý Kim Sương*): vì lúc ấy đương mùa thu, cảnh vật đìu hiu. Có người làm bài thơ viếng sau đây:

Vạn lý kim sương tứ tự kỳ,
Thâm sơn cùng cốc ám nhiên bi.
Đỉnh hồ cung kiếm kim hà tại,
Kinh quốc sơn hà bán dĩ phi.
Nhất lộ hãn phùng trung nghĩa quỷ,
Cửu nguyên nan mịch khấu thù thi.
Khả liên nguyệt lạc ô đề dạ,
Trường đoạn cô sương nhất liệt phi.

Dịch thơ:

Bốn chữ cờ vàng vạn dặm thâu,
Âm thầm ngõ hẻm tới hang sâu.
Hồn xưa cung kiếm nay còn tá?
Đô cũ giang sơn nửa khác mầu.
Bên lộ hồn trung thưa đón rước,
Dưới âm xác địch dễ tìm đâu?
Trăng tà chiếc quạ kêu sương thảm,
Tiết phụ riêng ai dứt mạch sầu.

(Tô Nam)

Trên tạp chí *Nam Phong*, số 107, Juillet, 1926, còn một bài văn do các quan cũ nhà Lê tế vua Chiêu Thống trước khi đưa linh cữu xuống thuyền như sau:[1]

1. Trích trong Sở Cuồng, "Lê quý thảm sử" [đoạn sử bi thảm cuối đời Lê], *Nam Phong*, số 107, Juillet, 1926.

舊黎朝文武百官祭黎昭統靈櫬下船文

嗚呼。

三百餘年鐘旺氣埋藏寶劍之靈光。

八千里外返香魂失却國中之例制。

已焉天寔爲之。不然事何至此。

早識中朝無信義。

晉(潛?)龍淹入國之期。

何如故社共存亡。

漢苗決背城之志。

蓋行止非人所能。而興廢寔天所使。

西賊僞徒。無幾一統開亠木之基。

南天曆數。有歸再世拓扶輿之地。

平陂盡付桑滄。生化都拋雲水。

堪恨者鼎湖龍去。

關山音信之難通。

可痛哉。

華表鶴歸。

城郭人民之頓異慘怛增臣庶之悲。

悽愴洒英雄之淚茲因祖道發行。

江干駐祭。

潢水潤毛可薦莫非今朝厚賻之恩。

民心天意不忘庶表故國常尊之誼。

Phiên âm:

Cựu Lê triều văn võ bách quan tế Lê Chiêu Thống linh sấn hạ thuyền văn

Ô hô!

Tam bách dư niên chung vượng khí mai tàng bảo kiếm chi linh quang.

Bát thiên lý ngoại phản hương hồn thất khước quốc trung chi lệ chế.

Dĩ yên thiên thực vi chi. Bất nhiên sự hà chí thử.

Tảo thức Trung triều vô tín nghĩa, tấn[1] long yêm nhập quốc chi kỳ.

Hà như cố xã cộng tồn vong, Hán miêu quyết bối thành chi chí.

Cái hành chỉ phi nhân sở năng.

Nhi hưng phế thực thiên sở sử.

Tây tặc ngụy đồ, vô kỷ nhất thống khai miên mộc chi cơ.

Nam thiên lịch số, hữu quy tái thế thác phù dư chi địa.

Bình pha tận phó tang thương.

Sinh hóa đô phao vân thủy.

Kham hận giả đỉnh hồ long khứ.

Quan san âm tín chi nan thông.

Khả thống tai!

Hoa biểu hạc quy.

Thành quách nhân dân chi đốn dị thảm đát tăng thần thứ chi bi.

Thê sảng thương sái anh hùng chi lệ tư nhân tổ đạo phát hành.

Giang can trú tế,

Hoàng thủy nhuận mao hà tiến mạc phi kim triêu hậu phụ chi ân.

Dân tâm thiên ý bất vong thứ biểu cố quốc thường tôn chi nghị.

Dịch nghĩa:

Văn võ bách quan triều Lê cũ tế vua Lê Chiêu Thống khi đưa quan tài xuống thuyền

Ô hô!

Vượng khí hơn ba trăm năm nay đã chôn vùi ánh linh quang của gươm báu.

---

1. Có lẽ là chữ "tiềm", in nhầm.

Từ xa tám nghìn dặm hương hồn nay quay về trong nước theo lệ chế.
Trời làm như thế đâu ngờ ra nông nỗi này.
Nếu sớm biết triều đình Trung Hoa không giữ tín nghĩa.
Con rồng ở ẩn chờ ngày về nước, để mong sống chết với đất cũ.
Mạ Hán[1] quyết chí dựa lưng vào thành.
Làm hay dừng không do sức người mà được.
Hưng hay phế do trời (cũng là thiên triều) làm.
Nên ngụy Tây Sơn nhất thống khai cơ nghiệp.
Lịch số trời Nam nay quay về nên lại có chỗ để mà vịn vào kiệu.
Bằng hay lệch cũng đều thay đổi,
Sinh hay hóa cũng thành mây nước.
Kẻ nén hận thì nay nhà vua đã đi rồi,
Quan san tin tức khó mà qua lại.
Đau đớn thay!
Hoa biểu hạc về, thành quách nhân dân nay thay đổi,
Thảm thương tăng thêm nỗi buồn của kẻ bầy tôi.
Thê lương làm anh hùng cũng phải nhỏ lệ.
Nay lúc theo đường của tổ tiên đưa về,
Bến sông ngừng lại tế.
Nước sông lễ bạc dâng lên, chẳng phải là đồ phúng điếu hôm nay.
Lòng người, ý trời không quên tình nghĩa của nơi nước cũ.
Cũng còn truyền lại một bài thơ Nôm của cựu thần khóc vua Chiêu Thống:
Nằm gai nếm mật mấy năm thừa,
Nắm cỏ đưa về tấc đất xưa.
Bể bắc chín lần, rồng lẩn bóng,

---

1. Mạ của nhà Hán có chín loại.

Non nam một đỉnh, hạc về trưa.
Tưởng câu năm nọ như ngày nọ,
Nghĩ đến bao giờ khóc bấy giờ.
Thua được cuộc cờ thôi để đó,
Gội ơn cây cỏ vẫn còn thưa.[1]

5.7.4. Lê mạt tiết nghĩa từ (黎末節義祠)

Đến đời Tự Đức, theo lời tâu của đình thần, vua Dực Tông cho sưu tầm lại tên tuổi, công nghiệp và tính cách của những người tiết nghĩa cuối đời Lê để xây đền thờ gọi là *Lê mạt tiết nghĩa từ* (黎末節義祠) ở Hà Nội.

Theo lời tâu của bộ Công và bộ Lễ thì ngôi đền này thờ chính giữa là Lê Quýnh, bên trái 11 người, bên phải 11 người, thêm hai điện nhỏ đông tây mỗi bên 5 người, tất cả 33 người. Trong số này, một số theo vua Lê chạy sang Trung Hoa, một số khác đã chết khi chống với nhà Tây Sơn. Những người đã theo vua Lê nhưng sau lại xin về thì không được đề cập đến.

Việc lập từ này thực ra không nhằm mục đích tôn vinh triều Lê mà muốn nêu gương trung nghĩa cho người sau, khuyến khích dân chúng cũng trung thành với triều Nguyễn như vậy.

VI. NHÂN CÁCH VÀ TÀI NĂNG

Hầu hết người ta khi nhắc đến Lê Chiêu Thống thường kèm theo những lời trách cứ, nhẹ nhất cũng kết án ông là phường bán nước. Tội danh đó tùy theo sự nhận định của mỗi người nhưng hầu hết chỉ làm công việc lặp lại một định kiến có sẵn. Cũng nên thêm, việc kết án này chỉ mới xuất hiện gần đây, trong những tài liệu vào

1. Nguyễn Tường Phượng - Phan Văn Sách - Bùi Hữu Sung, *Việt văn diễn giảng tiền bán thế kỷ thứ XIX*, Tài liệu Giáo - khoa, Hà Nội, 1953, tr. 9.

đầu thế kỷ XX, trước đó, các sử gia đề cập đến vua Lê thường tỏ ra thương cảm hơn là kết án.

Trong phần này, chúng tôi thử đánh giá lại ông qua những gì chúng ta còn có được.

6.1. Tội danh

6.1.1. Vụ án sát thúc, dâm muội

Trong những tội danh mà nhà Tây Sơn gán cho ông, có bốn chữ "*sát thúc, dâm muội*". Những tội ác này được nhắc đến nhưng không thấy đưa ra một chứng cớ rõ rệt. Về việc dâm muội thì chúng ta biết ông có một vợ [họ Nguyễn] và hai người thiếp [họ Lê, họ Nguyễn].[1] Có lẽ, vợ ông là Nguyễn Thị Kim, người làng Tỳ Bà, [em của Nguyễn Quốc Đống] cũng là bản quán của Thái hậu (mẹ ông) nên có thể có liên hệ họ hàng. Hai người có một người con là Lê Duy Thuyên, cũng mất sớm. Nguyễn Thị Kim thủ tiết rồi tự tử khi di thể của chồng được đưa về. Ngoài vợ cả là Vương phi họ Nguyễn xuất hiện khi quan tài vua Lê về nước rồi tự tử chết theo, hai người vợ lẽ họ Lê và họ Nguyễn, không biết về sau ra sao. Theo danh sách những người trở về, vua Lê lúc cuối đời có hai người thiếp khi ở Bắc Kinh, có lẽ được nạp khi Vương tử Lê Duy Thuyên qua đời, để có người nối dõi. Tuy nhiên, chính Lê Duy Kỳ cũng mất sau đó không lâu nên hậu duệ của ông chỉ có một cô con gái.

Còn chuyện sát thúc thì được nhắc lại trong sử triều Nguyễn cho rằng hành vi trả thù này xảy ra khi ông đang ở Thăng Long dưới sự bảo hộ của quân Thanh. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* chép như sau:

[...] *Nhà vua có tính hẹp hòi, khắc nghiệt. Trong họ tôn thất có người phụ nữ lấy tướng giặc, đang có mang cũng bị Nhà vua sai mổ bụng chết. Lại sai chặt chân ba người hoàng thúc, quăng ra chợ cung (chợ ở trong cung). Lòng người dần dần ngờ vực, không nhất trí.*[2]

---

1. "Trung Quốc đệ nhất lịch sử đáng án quán", *Càn Long triều, Thượng dụ đáng*, tập XVI (Canh Tuất, 1790), Đáng Án, Bắc Kinh, 1991, tr. 4-5.

1. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển XLVII, tập II, sđd, tr. 844.

Những chi tiết về tội ác đó cũng được lặp lại trong *Hoàng Lê nhất thống chí*:

[...] *Ngoài ra, có ba người chú vua liên lạc với Tây Sơn, lại gả con gái cho họ, đều bị Vua ngầm sai người bắt đem chặt chân, rồi vứt xuống cái giếng ở trong cung.*[1]

Thực ra, như trong lá thư của Lê Duy Cẩn gửi Tôn Sĩ Nghị từ trước khi quân Thanh tiến binh đã nhắc đến vụ án này xảy ra khi Nguyễn Hữu Chỉnh cầm quyền mà chúng ta còn biết được tên ba người này là Lê Duy Lữ, Lê Duy Lân, Lê Duy Hội. Như vậy, sự việc xảy ra không biết chính xác lúc nào và cũng không rõ nguyên ủy, do tranh chấp quyền hành hay vì ở trong một âm mưu của họ Lê chống lại Cống Chỉnh. Phía Tây Sơn cũng còn nhắc đến những việc "sát hại công thần", chẳng hạn vụ Dương Trọng Tế [tức Khiêm] nhưng theo nhiều tài liệu cùng thời, họ Dương tuy có học [đỗ tiến sĩ khoa Giáp Tuất, 1754] nhưng tâm địa phản trắc, một trong những thành phần muốn đưa họ Trịnh trở lại nắm quyền nên khi thua trận bị dân bắt giải đến kinh đô.[2]

Việc vua Lê mổ bụng đàn bà có mang vì đã có thai với tướng Tây Sơn cũng không có chứng cớ gì. Đáng để ý nhất là khi Tôn Sĩ Nghị muốn đưa Lê Duy Cẩn về Trung Hoa để đày biệt xứ, chính Lê Duy Kỳ đã không chịu và xin cho ông này ở lại nước cho thấy ông không phải là người tàn ác.

Tội lỗi của vua Chiêu Thống còn được kẻ thù ghét dùng ngay mẹ ông để tô điểm và nhấn mạnh:

[...] *Kịp khi ấy, Thái hậu ở Cao Bằng*[3] *về, vừa tới Kinh, thấy Vua chỉ thích làm những việc báo ân báo oán trái với phép thường như vậy, bèn nổi giận nói:*

- Ta phải trèo đèo lội suối khó nhọc vất vả mới xin được quân sang đây... Phỏng chừng nhà nước chịu được mấy phen ơn, thù phá hoại như thế? Nếu

---

2. Ngô gia văn phái, *Hoàng Lê nhất thống chí*, sđd, tr. 365.

3. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển XLVII, tập II, sđd, tr. 812.

3. Đúng ra là ở Nam Ninh về nước theo đường Lạng Sơn, qua cửa Nam Quan.

cứ cách ấy mà làm thì trị sao được thiên hạ? Gái già này lại đến làm đứa lưu vong mất thôi!

Rồi Thái hậu gào khóc, không chịu vào cung.[1]

Thực ra, mãi đến đêm Trừ Tịch (30 tháng Chạp) Tết năm Kỷ Dậu [1789], Thái hậu và những người tòng vong mới về đến bờ sông Nhị Hà, vào đến nơi là Tết Nguyên đán. Hôm sau, mồng Hai, đã nghe tin quân Tây Sơn đánh ở phía nam, anh em vua Lê lo việc đốc thúc quân Cần Vương lập phòng tuyến trấn thủ. Những việc kể lại trong *Hoàng Lê nhất thống chí* về việc quân Thanh và vua Lê ở Thăng Long phần nhiều là bịa đặt mặc dù có thể có một số bầy tôi lợi dụng thời cơ để đền ơn trả oán.

Chính những chi tiết lấp lửng với dụng ý cho rằng vua Lê cậy thế quân Thanh để làm những điều bất nghĩa đã khiến cho hậu nhân tin chắc Lê Duy Kỳ là một hôn quân, tàn nhẫn.

6.1.2. Cầu viện nhà Thanh

Việc cầu viện nhà Thanh, trước đây, sử Việt Nam đương thời vẫn đổ riệt cho mẹ con vua Chiêu Thống, thực ra còn nhiều uẩn khúc, bề ngoài lấy tiếng là cứu giúp một triều đại đã thần phục hơn trăm năm nhưng bề trong do Thanh triều, cả chính sách chung lẫn tham vọng riêng. Những gì có tính hình thức chỉ để hợp thức hóa tham vọng của họ.

Chính vì thế, khi thấy đối tượng không còn phù hợp với nhu cầu nữa, nhà Thanh lập tức thay đổi kế hoạch để quay sang công nhận Nguyễn Quang Bình, mặc dù dư âm cuộc chiến khốc liệt còn vang vọng. Trong thế cuộc "*đuổi hươu tranh đỉnh*", dù triều đình quân chủ nào của Việt Nam thì cũng phải thần phục triều đình quân chủ Trung Hoa, tư thế còn tùy theo từng lúc, từng khi nhưng tương quan giữa hai nước không suy chuyển.

Một điều ít ai nhắc đến là chính Nguyễn Quang Bình đã tự ý xin được đổi hạn kỳ triều cống từ ba năm lên hai năm một lần và việc này

---

1. Ngô gia văn phái, *Hoàng Lê nhất thống chí*, sđd, tr. 365.

đã trở thành thông lệ cho tới khi người Pháp chiếm Đông Dương, Việt Nam không còn là thuộc quốc của Trung Hoa.

Khi chê bai việc cầu viện Trung Hoa, chúng ta cũng đừng quên Nguyễn Quang Toản và các em ông khi thất thế cũng cho người sang Trung Hoa cầu cứu [nhưng bị cự tuyệt], và khi người Pháp đánh Bắc Kỳ thì vua Tự Đức cũng xin nhà Thanh trợ giúp. Tuy Thanh triều chỉ điều động một số thổ phỉ ở thượng du, hậu quả cũng đưa đến việc chúng ta bị mất một số đất dọc theo biên giới [cho Trung Hoa] theo thỏa ước mà người Pháp ký với Thanh triều.

6.2. Cai trị và nhân cách

6.2.1. Văn chương

Theo *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, vua Chiêu Thống rất yêu chuộng văn học, sáu ngày một lần cho giảng sách ở tòa Kinh Diên, ngày một lần giảng sách ở viện Nội Hàn. Nhà vua cũng thường vời cung phụng Bùi Dương Lịch vào bàn luận văn chương.[1]

Có lẽ, ông cũng làm nhiều thơ văn nhưng hầu hết thất truyền. Trong nỗ lực của chúng tôi đến nay chỉ tìm được hai lá thư gửi Tôn Sĩ Nghị để xin cứu viện đã dẫn ở trên cùng với bài tư tiễn Trần Danh Án lúc lên đường. Những tờ biểu đó có thể được hợp soạn cùng với tòng thần đang ở chung với ông, cũng có thể người khác làm thay theo thói bình thường nên không lấy gì làm chắc chắn ông là tác giả. Ngoài ra, ông cũng còn để lại một vài bài thơ trong những trường hợp riêng lẻ.

Tháng Ba năm Tân Hợi [1791], khi nghe tin nhóm Lê Quýnh vì không chịu cắt tóc nên bị bắt giải lên kinh và giam ở ngục phía bắc bộ Hình, vua Lê đã sai Nguyễn Quốc Đống mang trà và bạc tới ủy lạo họ. Cai ngục không cho nhận quà nhưng có chuyển lá thư ông gửi, trong đó có ba bài thơ. Rất tiếc, chúng tôi chỉ tìm thấy hai bài nguyên thi của vua Lê, thất lạc một bài và còn được ba bài họa của từng người

---

1. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển XLVII, tập II, sđd, tr. 808.

trong nhóm Lê Quýnh, Trịnh Hiến, Lê Trị và Lý Bình Đạo nên bài thơ thứ ba của vua Lê chỉ biết được những vần ông gieo chứ không thể đi xa hơn.[1]

Tuy văn thơ không nói được nhiều nhưng chúng ta cũng hiểu được đôi phần tâm sự của họ, trong hoàn cảnh khó khăn vẫn giữ vững tinh thần để mơ một ngày phục quốc. Lời văn tuy bi phẫn nhưng không có ý oán trách, chỉ nâng đỡ tinh thần nhau mà thôi.

LÊ DUY KỲ NGUYÊN TÁC

Bài 1:

故鄉迢遞信音杳，一賦旄丘百感招。
霜雪那堪非故國，風波誰與共今朝。
不須對泣增惆悵，且識登樓慰寂寥。
早識翻雲多不測，可將踪跡混漁樵。

Dịch âm:

Cố hương thiều đệ tín âm yêu,
Nhất phú Mao Khưu[2] bách cảm chiêu.
Sương tuyết na kham phi cố quốc,
Phong ba thùy dữ cộng kim triêu.
Bất tu đối khấp[3] tăng trù trướng,

1. Những tài liệu này đăng trong trong *Nam Phong tạp chí* và tập *Nam thiên trung nghĩa thực lục.*

2. Mao Khưu trong *Kinh Thi* [Bội Phong] nguyên là bài thơ của nước Lê thỉnh cầu nước Vệ đem binh cứu viện nhưng không được việc gì.

3. Tích Vương Chương [Tây Hán] khi còn hàn vi bệnh tật phải nằm ổ rơm mà khóc bị vợ trách rằng: "Trong triều hiện nay đâu có ai hơn anh, hà tất phải chán nản". Sau có câu thành ngữ "*ngưu y đối khấp*" (牛衣對泣).

Thả chí đăng lâu[1] ủy tịch liêu.
Tảo thức phiên vân đa bất trắc,
Khả tương tung tích hỗn ngư tiều.

Dịch nghĩa:

Tin tức từ quê nhà thật là mù mịt,
Một bài phú Mao Khưu dâng lên trăm nỗi buồn.
Sương tuyết này đâu có phải là nước cũ,
Sóng gió hôm nay liệu có ai chia sẻ cùng.
Than thở với nhau chỉ càng thêm nỗi buồn,
Mới hay lên lầu cũng chẳng hết vắng vẻ.
Nếu biết qua đây nhiều điều không lường được,
Thì đã ẩn tránh làm kẻ đi câu, hái củi rồi.

Dịch thơ:

Quê cũ tin đâu luống mịt mù,
Day dứt Mao Khưu nỗi hận xưa.
Sương tuyết ấy nào đâu nước cũ,
Phong ba ai kẻ xẻ chia ư?
Than thở chỉ thêm lòng áo não,
Lên lầu nào đã bớt ưu tư.
Nếu biết một đi thêm cám cảnh,
Đi câu, hái củi sớm ngao du.

---

1. *Đăng lâu* là bài thơ của Đỗ Phủ, đại ý nói lên lầu thưởng hoa nhưng không lòng dạ nào vì nghĩ đến rợ Hung Nô xâm lấn. Bài thơ có hai câu: 北極朝廷終不改，西山寇盜莫相侵。(Bắc cực triều đình chung bất cải, Tây sơn khấu đạo mạc tương xâm) rất ý nghĩa vì vừa nói lên chỗ vô tình của triều đình nhà Thanh vừa nói lên được sự khao khát được giúp đỡ để đánh Tây Sơn. *Đối khấp, đăng lâu* là hai từ bình thường nhưng vua Chiêu Thống đã lồng vào hai điển cố rất hay.

Bài 2:

一腔心事有誰知，鬱氣空懷渙斗箕。
身世嘆如潮蕩漾，行藏笑似柳離披。
勸君且酒新亭淚，待我還吟中露詩。
此去好憑三尺劍，肯教他氏獨鞭屍。

Phiên âm:

Nhất xoang tâm sự hữu thùy tri,
Uất khí không hoài hoán đẩu ky.
Thân thế thán như triều đãng dạng,
Hành tàng tiếu tự liễu ly phi.
Khuyến quân thả tửu Tân Đình lệ,
Đãi ngã hoàn ngâm trung lộ thi.
Thử khứ hảo bằng tam xích kiếm,
Khẳng giao tha thị độc tiên thi.

Dịch nghĩa:

Một mảnh tâm sự ai là người biết được?
Uất khí ở trong lòng bốc lên tan cả sao Đẩu, sao Cơ.
Thân thế thật lênh đênh như sóng biển,
Vận mệnh thì chia lìa như cành liễu.
Khuyên các ông hãy uống chén rượu nhỏ nước mắt ở Tân Đình,[1]

---

1. Khi nhà Đông Tấn sắp mất phải chạy xuống miền Nam, các cựu thần họp nhau uống rượu ở Tân Đình. Chu Khải nói: "Phong cảnh vẫn thế, non sông không còn như xưa". Vương Đạo nói: "*Chúng ta phải hết sức phò tá Nhà vua lấy lại nước, việc gì phải bắt chước người tù nước Sở, nhìn nhau mà khóc phỏng có ích gì?*". Về sau có câu ngạn ngữ "*Tân Đình đối khấp*". Tân đình còn có nghĩa là nơi ở mới ám chỉ nhà ngục mà nhóm Lê Quýnh mới bị giam hay nơi ở của Lê Duy Kỳ ở Yên Kinh.

Đợi tôi ngâm xong bài thơ Trung Lộ.

Nếu như lần này có thể dùng ba thước gươm,

Thì cũng mong được dùng roi đánh vào cái xác của kẻ kia.

Dịch thơ:

Một mảnh lòng con tỏ với ai,

U uất xông lên khí ngập trời.

Thân thế nhấp nhô theo sóng cả,

Hành tàng tan tác lá cây rơi.

Uống đi một chén cho vơi lệ,

Ngâm một vần thơ tỏ chí thôi.

Bao giờ gươm giáo thay nghiên bút,

Quật xác quân thù một chiếc roi.

Bài 3[1]*:*

霧鎖塵遮又暑侵，居諸傳驛送愁吟。

風雲不測仍嘗腑，雷雨當亨且誓心。

謀脫虎關雞唱早，虔裝劍課石痕深。

一成可發重興迹，直到時來潤我襟。

Phiên âm:

Vụ tỏa trần già hựu thử xâm,

Cư chư truyền dịch tống sầu ngâm.

---

1. Bài thơ này cũng nguyên tác của vua Lê, chúng tôi sao lục thành bài thứ ba trong di văn của Lê Duy Kỳ nhưng theo sách vở thì là lần thứ hai, vào khoảng tháng Tư cùng năm, vua Lê lại gửi thư an ủi những người trong ngục, nay còn bài họa lại của Lê Quýnh. Cả hai bài được chép dưới nhan đề "Tứ nguyệt hựu phụng ngự thi ủy vấn cung họa" (四月又奉御詩慰問恭和) Trần Khánh Hạo và Vương Tam Khánh (chủ biên), *Việt Nam Hán văn tiểu thuyết tùng san*, quyển VI, Paris-Taipei: École Française d'Extrême-Orient & Editions Universitaires de Taipei, 1986, tr. 79-80.

Phong vân bất trắc nhưng thường phủ,[1]
Lôi vũ đương hanh thả thệ tâm.
Mưu thoát hổ quan kê xướng tảo,
Kiền trang kiếm khóa thạch ngân thâm.[2]
Nhất thành khả phát trùng hưng tích,
Trực đáo thời lai khoát ngã khâm.

Dịch nghĩa:

Tuy mây mù che phủ khắp nơi nhưng rồi cũng có lúc trời nắng
Cho nên gửi thư để cho bớt nỗi sầu.
Tuy gió mây không lường được nhưng vẫn nếm mật
Sấm sét chỉ trui rèn thêm tấm lòng son sắt.
Toan tính chuyện ra khỏi hang hùm nên chờ tiếng gà gáy sớm
Giữ cho bền chặt để chém xuống đá vết sâu thêm.
Một khi việc xong thì có thể khôi phục được cơ nghiệp cũ
Khi đó chúng ta lại được mặc áo rộng rồi[3].

---

1. Chữ này theo chúng tôi phải là *thường đảm* [嘗膽] (nếm mật) nhưng có lẽ vua Lê muốn tránh đi để quân canh khỏi để ý và ngăn chặn. Theo nội dung hai bài thơ, có lẽ, bài này gửi riêng cho Lê Quýnh để khen ngợi tiết tháo, nên trong bài thơ họa lại, Lê Quýnh cũng khiêm tốn không dám nhận. Cũng có thể, bài thơ được sao lại sau này nên kỵ húy sửa đi (Đảm là tên húy vua Minh Mạng).

2. Theo lời chú trong *"Nam thiên trung nghĩa thực lục"* (*Việt Nam Hán văn tiểu thuyết tùng san*, quyển VI), tr. 79 thì nói về tích Lưu Bị khi gặp Tôn Quyền, rút kiếm chém lên tảng đá, trước khi chém có nguyện rằng nếu chặt một nhát vỡ đôi tảng đá thì việc lấy Kinh Châu sẽ thành. Đây vua Lê nói về chí nguyện kiên quyết phục quốc của mình.

3. Tay áo của Mãn Thanh hẹp để tiện cho việc cưỡi ngựa, bắn cung khác với lối áo rộng thùng thình của quan lại Đại Việt. Ý nói được trở lại phong tục và y phục trong nước.

Dịch thơ:

U ám qua rồi nắng sẽ lên,
Thư qua xua đuổi mối sầu chen.
Gió mây khó đoán càng nung chí,
Sấm sét trui rèn vượt lúc đen.
Ra khỏi hang hùm gà sắp báo,
Cho bền vết chém để sâu thêm.
Một mai cơ nghiệp đà khôi phục,
Áo rộng ta rồi xúng xính lên.

LÊ QUÝNH HỌA LẠI

風塵颸起滿空侵，觸影撩愁枉浪吟。
恨破詩囚衝黑地，怨穿節窖涌丹心。
驥程早趁情彌篤，龜玉重昌望轉深。
向日顧身慚對影，屢蒙過獎敢披襟。

Phiên âm:

Phong trần biểu khởi mãn không xâm,
Xúc ảnh liêu sầu uổng lãng ngâm.
Hận phá thi tù xung hắc địa,
Oán xuyên tiết kháo dũng đan tâm.
Ký trình tảo sấn tình di đốc,
Quy ngọc trùng xương vọng chuyển thâm.
Hướng nhật cố thân tàm đối ảnh,
Lũ mông quá tưởng cảm phi khâm.

Dịch nghĩa:

Một cơn gió bụi nổi lên thì sẽ lan ra khắp trời
Gặp nhau ngâm thơ xuông chỉ thêm sầu.
Hận rằng không thể làm thơ để thoát ra khỏi nhà tù

Oán xuyên qua tiết tháo để lòng son lộ ra.
Vó ngựa chạy theo đã tỏ được tấm lòng chuyên nhất rồi
Ngọc rùa càng sáng thêm không bao giờ thay đổi.
Mặt trời soi xuống quay lại thêm thẹn với bóng của mình
Mấy lần khen ngợi như vậy đâu dám mong mặc áo nữa.

Dịch thơ:

Gió bụi lan ra khắp bốn phương,
Thơ xuông vơi được nỗi sầu vương.
Thi từ khó nỗi ra tù ngục,
Lòng son bày tỏ oán càng nương.
Vó ngựa theo qua lòng một tiết,
Ngọc rùa sáng mãi chẳng mờ gương.
Bóng dương chiếu xuống lòng thêm thẹn,
Lẽ đâu còn áo rộng xênh xang.

6.2.2. Đối xử

Về nhân cách của Lê Duy Kỳ, phần lớn các sử gia phán đoán theo những chi tiết mà *Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Đại Nam liệt truyện* hay *Hoàng Lê nhất thống chí* miêu tả.

Thực ra, khi lên ngôi, vua Chiêu Thống cũng hết sức làm những gì mình có thể làm nhưng ngoài một số văn quan trói gà không chặt, một số lính hầu trong cung, các thế lực ở bên ngoài không ở trong tầm tay. Những người có binh lực, dù không đáng kể cũng bắt ép đủ điều, từ Trịnh Lệ, Trịnh Bồng đến Đinh Tích Nhưỡng, Nguyễn Cảnh Thước, Hoàng Phùng Cơ... đều nay về mai phản. Đó là chưa kể Tây Sơn ở phía nam luôn luôn đe dọa và phá tan những gì vừa mới hình thành.

Khác với miêu tả trong *Hoàng Lê nhất thống chí*, theo *Lê quý kỷ sự*, khi Thiêm đô ngự sử Nguyễn Đình Lượng dâng biểu đàn hặc những người chạy theo giặc, Nhà vua nói:

Nào ai có thích theo giặc đâu, chẳng qua người vì tình nhà, kẻ vì bố mẹ nên mới không tránh khỏi mối liên quan đến giặc thôi. Vả lại, ta không giữ nổi nước nhà, thì sao nên còn nghiêm trách tôi con nữa?[1]

Chi tiết này ngược lại hẳn với những tin đồn về việc ông đền ơn trả oán.

Tình nghĩa với người đi theo cũng đáng ghi nhận. Nhiều lần ông cho người đem quà và gửi thư cho những người bị giam trong ngục ở Bắc Kinh. Trong văn chương để lại, chúng ta thấy những tòng thần vẫn trung thành và kính trọng đến khi ông qua đời, không hề thấy điều gì tỏ ra coi thường chúa cũ. Lê Quýnh khi ra khỏi ngục luôn luôn đến viếng mộ ông và sau này tìm đủ mọi cách để thực hiện di mệnh đưa nắm xương tàn của ông về quê cũ. Cũng nên nhấn mạnh rằng khi lên làm vua, ông mới 19 tuổi và khi chạy sang Trung Hoa ông cũng chỉ mới 23. Khí độ như thế, chúng ta thấy tư chất ông không tầm thường mặc dù theo sử sách thì việc học của ông cũng rất hạn hẹp, không phải vì lười biếng mà vì thời thế tạo nên.

Nhìn lại những tài liệu của nhiều phía, chúng ta thấy có sự đồng tình của cả Thanh triều lẫn Tây Sơn muốn dựng ông trên cùng một mẫu số, bất tài, nhút nhát, không có chí tiến thủ... và được lặp lại dưới ngòi bút của sử thần triều Nguyễn. Nếu bỏ đi những thêm bớt mà thiên hạ thêu dệt theo mô hình ngụy tạo này, ông vua cuối trào kia quả là đáng thương hơn đáng ghét.

*

* *

Trong hầu hết sách sử Việt Nam thời quân chủ, việc nhà Thanh bãi binh không đánh An Nam lần thứ hai vẫn được ghi nhận là do Ngô Thì Nhậm làm trung gian đút lót để Phúc Khang An hết sức khuyên Thanh đế từ bỏ việc xâm lăng. Như đã trình bày, chính sách của triều đình Trung Hoa được thực hiện trên một quy mô lớn, mỗi quyết định đều được thảo luận và nghiên cứu kỹ càng, xét theo đủ mọi tình huống không phải là chuyện đơn giản và *trẻ con* như thế.

---

1. Nguyễn Thu, *Lê quý kỷ sự*, sđd, tr. 119.

Việc công thủ của họ đều có những lý do bao gồm những tính toán lợi hại, về điều động quân đội, vận chuyển lương thực đến thời tiết, lực lượng, nói theo kiểu Trung Hoa là thiên thời, địa lợi, nhân hòa. Trong chiến tranh với Đại Việt, nhà Thanh không thấy có hy vọng chiến thắng và duy trì ưu thế nên không tiếp tục động binh. Xét cho cùng, mục tiêu tối hậu của họ là có một nước phiên thuộc tiếp tục thần phục và triều cống thì dù Lê Duy Kỳ, Nguyễn Huệ hay Nguyễn Ánh làm chủ nước Nam cũng không khác gì. Việc cứu giúp chỉ là cái tiếng ở bên ngoài và nếu thành công thì họ có thể can thiệp sâu hơn vào nội tình Đại Việt mà thôi.

Điều khúc mắc trong việc công nhận triều đình Tây Sơn là làm sao thi hành một giao ước trước đây Tôn Sĩ Nghị đã đạt được: Quốc vương An Nam đích thân sang triều cận trong lễ bát tuần vạn thọ của vua Cao Tông năm Canh Tuất. Khi tái lập Lê Duy Kỳ làm An Nam Quốc vương, trong hoàn cảnh chết đi sống lại, nên vua Lê đã sốt sắng tình nguyện làm việc này. Nay việc đưa Lê Duy Kỳ trở lại ngai vàng là một việc khó khăn và tốn kém, việc công nhận một vua mới dễ dàng hơn nhưng làm sao để tân vương cũng chấp nhận điều kiện đó lại là một việc không đơn giản.

Chính vì thế, công tác chính yếu của Phúc Khang An khi được điều sang làm Tổng đốc Lưỡng Quảng không phải là việc giảng hòa [vì chính vua Quang Trung đã gửi thư lên Thanh đình để cầu phong rất sớm và vua Càn Long cũng thuận theo]. Vua Càn Long đã mật dụ cho Phúc Khang An ngay từ trước khi ông này đáo nhiệm sở là *"không cần phải làm lớn chuyện"* với hậu ý là dùng việc phong vương như một điều kiện trao đổi để Nguyễn Quang Bình phải chính thức tình nguyện sang Bắc Kinh vào năm sau.

Phúc Khang An cũng rất khôn khéo, tâu vua Càn Long rằng mình sẽ làm hết sức để *"dưỡng quân uy, tồn quốc thể"*. Chính sáu chữ này là xương sống của cả chính sách của Thanh triều bao gồm hai mục tiêu chính: 1/ Dưỡng quân uy: nhắm vào việc bãi binh mà không mang tiếng là khiếp nhược, 2/ Tồn quốc thể là làm sao để An Nam Quốc vương bằng lòng sang dự lễ ở Bắc Kinh để phô trương sự thịnh trị với xung quanh. Trong tiến trình nghị hòa, để đạt được những thỏa hiệp

theo ý họ, Thanh triều đã dùng nhiều phương tiện, khi dọa nạt, khi vỗ về, lúc buông lúc nắm, rất có bài bản.

Khi chép về một giai đoạn lịch sử đã trở thành *"hồng hoang"* như thời đại Tây Sơn, không những chúng ta phải xét lại nhiều vấn đề, nhiều nhân vật mà chúng ta cũng cần tìm hiểu những âm mưu đã ngụy tạo tài liệu để hướng dẫn quần chúng.

Sử thần nhà Nguyễn tuy không tuyệt đối nâng cao sự chính thống của triều đại một cách lộ liễu nhưng việc hạ thấp các thế lực khác là một điều bắt buộc. Đối với kẻ thù, dĩ nhiên, việc bôi bác có chiều triệt để hơn nhưng ngay cả với những thế lực *"bạn"* như Xiêm La, Pháp cũng bị phủ nhận một cách khéo léo nhằm chứng minh cho quốc dân biết rằng công lao chính yếu trong việc khôi phục giang sơn vẫn là của chúa Nguyễn, sự giúp đỡ nếu có chỉ rất nhỏ nhoi.

Nhà Lê tuy không phải là một thế lực tranh bá đồ vương với họ Nguyễn nhưng vẫn còn nhiều ảnh hưởng với quần chúng Bắc Hà, người dân vẫn ghi nhớ công lao của vua Thái Tổ đuổi quân Minh và những thời kỳ thịnh trị kế tiếp. Vương triều họ Lê cũng đã một thời chúa Nguyễn ở trong Nam phải thần phục không phải một đời mà kéo dài đến hơn 200 năm. Chính vì thế, vị vua cuối cùng của nhà Lê và những người theo ông đã bị nhấn mạnh trong nỗ lực *"rước voi về dầy mồ"* cũng không ngoài mục đích truất đi cái thiên mệnh của họ, xóa nốt những dư hưởng của một triều đại chính thống. Cho đến những ngày cuối cùng, khi chúa Nguyễn sắp sửa hoàn thành công cuộc thống nhất đất nước và tiêu diệt toàn bộ đối phương, ông vẫn khôn khéo nhân danh nhà Lê, và sử dụng chiêu bài tôn Lê như miếng mồi nhử sĩ phu Bắc Hà để họ tích cực trong việc ủng hộ ông, hay ít nhất giữ thái độ chống đối nhà Tây Sơn dù chỉ tiêu cực:

[...] *Cho tới bấy giờ* [1802, NDC] *chúa Nguyễn vẫn công nhận họ Lê là dòng chính thống, hễ có làm việc gì cũng là nhân danh Lê triều và chỉ xưng là Tổng trấn, chiến đấu nhân danh vua Lê và cố gắng phục hưng vương tộc đã bị giặc Tây Sơn cướp hết quyền. Chỉ theo quan điểm ấy thì khắp nơi dân chúng*

mới sốt sắng giúp dập chúa và tất cả nhân dân Đàng Ngoài ngã (sic) *về phe chúa. Tóm lại, ngay khi chắc chắn hoàn thành cuộc chinh phục giang sơn, vị chúa ấy đòi hỏi việc suy tôn vương hiệu và đối với các hậu duệ họ Lê chỉ tỏ lòng trắc ẩn và coi như không xứng đáng với đế vị...*[1]

Chính vì có nhiệm vụ nêu cao sự chính thống của nhà Nguyễn và nhấn mạnh vào sự *"đánh mất thiên mệnh"* của nhà Lê nên cuộc đời của Lê Duy Kỳ bị xuyên tạc ở nhiều điểm, thêu dệt thêm cũng có mà bóp méo với ác ý cũng có. Các sử thần nhà Nguyễn cố tình miêu tả triều đại cuối cùng của nhà Lê như một nhóm người hèn yếu chủ trương nhờ cậy người ngoài, mất hết chủ quyền và hoàn toàn lệ thuộc vào quân địch. Trong khi đó, Thanh triều lại nhấn mạnh vào cái thế chính nghĩa của họ và đổ cho Lê Duy Kỳ vô tài *"bị trời ghét bỏ"* nên phải chấm dứt sự yểm trợ và chuyển sang việc công nhận một họ khác.

Một cách thẳng thắn, không phải con người của Lê Duy Kỳ không có những điểm đáng ghi nhận. Tuy suốt thời kỳ thơ ấu ông bị giam trong ngục, chỉ được sống vài năm gọi là thoải mái khi vua Hiển Tông còn sống nhưng qua thơ văn, hành trạng, chúng ta thấy ông không phải là một hôn quân. Những nỗ lực cải cách để nắm thực quyền của ông không có cơ hội thực hiện, phần vì triều đình đơn bạc, phần vì các sứ quân cát cứ không khuông phò, những người có đôi chút thực lực thì lại chỉ muốn lợi dụng thời cơ để thay quyền chúa Trịnh mà không đoái tưởng đến việc phù Lê.

Lê Duy Kỳ bị vướng mắc trong một hoàn cảnh rất khó giải quyết, những thế lực muốn lôi kéo ông đều không ngoài mục tiêu lợi dụng cái thế chính thống của một triều đại trị vì gần 400 năm. Việc quân Thanh kéo sang Đại Việt là một biến cố bất ngờ ông không dám nghĩ đến, cũng không phải do chủ ý ông muốn cầu ngoại bang đến giúp. Khi quân Thanh đại bại, mẹ con ông cùng một số di thần chạy được

---

1. "Những ngày tàn của Tây Sơn dưới mắt các giáo sĩ Tây phương" [tài liệu Hội Truyền giáo nước ngoài tại Paris], Nguyễn Ngọc Cư dịch, Tập san *Sử Địa*, số 21, 1-3/1971, tr. 151-152 [thư của Giáo sĩ Ph. Sérard gửi cho Giáo sĩ Blandin].

sang Trung Hoa chỉ để cho khỏi chết chứ không phải muốn làm dân *"nội địa"*. Đến khi không có thể trở về được nữa, ông và những người đi theo đành chấp nhận đời sống lưu vong như người dân mất quê hương ở mọi thời đại, đông cũng như tây, kim cũng như cổ.

Dầu sao chăng nữa, nhóm người nhỏ bé đó cũng nêu cao được khí tiết, không làm điều gì gọi là nhục cho nước Nam. Một Lê Quýnh với câu nói: *"Đầu có thể đứt, tóc không thể cắt"*[1] đáng được ghi vào thanh sử. Trong hoàn cảnh khắc nghiệt, vua tôi nhà Lê tuy chỉ có thể có những phản kháng tiêu cực và lẻ tẻ, nhưng dầu sao chăng nữa, tình cảnh của một ông vua thất thế cũng nói lên sự chua chát của cuộc đời:

Năm Giáp Tý [1804], *niên hiệu Gia Long thứ 3* (Thanh năm Gia Khánh thứ 9), *vua Thanh cho phép đưa linh cữu vua Lê, Thái hậu và Nguyên tử về nước. Tháng Hai, mở quan ván ra, thì thấy: vua Lê, da thịt đều tiêu cả, chỉ riêng có quả tim vẫn không nát, hãy còn rớm máu tươi đỏ như lúc sống. Ai trông thấy cũng phải xót xa, kinh ngạc...*[2]

Sự kiện này tuy có chỗ còn đáng ngờ, có thể do bịa đặt để làm cho hoàn cảnh vua Lê thêm bi phẫn nhưng cũng đáng cho chúng ta phải nhìn lại vấn đề một cách nhân bản hơn.[3]

---

1. 吾輩頭可斷，髮不可斷。Ngô bối đầu khả đoạn, phát bất khả đoạn. Trong *Khiếu Đình tạp lục* (嘯亭雜錄) [Chiêu Liên] (昭槤) đời Thanh có khen ngợi bốn người nhóm Lê Quýnh là *"tuấn kiệt chi sĩ"*.

2. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển XLVII, tập II, sđd, tr. 854.

3. Giáo sư Hoàng Xuân Hãn đoán rằng có thể là *"tâm miêu"* (artère aorte) mà ông dịch là *"cuống tim"*. Xem Hoàng Xuân Hãn, *"Bắc hành tùng ký"*, *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, tập II, sđd, tr. 928. Theo chúng tôi, *"tâm miêu"* ở đây chính là quả tim theo nghĩa rộng thời đó. Nếu chỉ là một cuống tim chắc không mấy ai để ý. La Trúc Phong trong *Hán Ngữ Đại Từ điển*, Thượng Hải từ thư xuất bản xã, 1986, quyển VII, tr. 376 định nghĩa *"tâm miêu"* với nhiều thí dụ: 1/ tâm, nội tâm, 2/ tâm ý, tâm tư. Trong bài viết "Trái tim bất tử Lê-Chiêu-Thống", Tô Nam Nguyễn Đình Diệm đã chứng minh rằng tin đồn về việc trái tim vua Lê còn đỏ thời đó được lưu truyền rộng rãi. Vua Tự Đức đã phê trên tờ biểu khi đình thần xin đặt tên thụy cho vua Chiêu Thống rằng:

Lúc đầu, vua Gia Long có hậu đãi con cháu nhà Lê nhưng chủ yếu là để trấn an dân tình miền Bắc. Tuy nhiên, khi có cơ hội, ông vẫn không tha dù âm mưu bội phản rất mơ hồ. Tháng Một năm Bính Tý [1816], Gia Long thứ 15, Diên Tự công Lê Duy Hoán mưu phản nên bị bắt, toàn gia bị xử tử. *Quốc sử di biên* chép rằng:

Diên Tự công Lê Duy Hoán có tội, bị giết.

Năm Quý Dậu trước, Hoán có tội bị tước bổng, thường uất ức không vui, ngầm nuôi sư Hà Liễu, làm ấn đồng giả. Việc phát giác, Hoán cùng vợ con bị giải vào Kinh, phải tội lăng trì, thây ném xuống Băng Hồ; gia đồng 13 người đều bị xử tử. Con nhỏ là Duy Lương trốn vào núi. Chiếu rằng: "Đã phong tước thượng công, lại hậu cấp lương bổng, xét vào lý, thì lấy oán báo đức; trách vào lòng, thì là lấy tôi thờ vua. Trẫm vẫn không muốn trị tội, nhưng đình thần bàn khép vào pháp luật..."[1]

Đến đời Minh Mạng, một số người Lào cũng bị nghi là hậu duệ nhà Lê nên bị bắt và bị xử tử.[2]

Việc tìm lại chân diện mục của vua Lê trở nên khó khăn hơn khi ông là nạn nhân của cả ba thế lực nổi bật thời đó - Thanh triều là thế lực lúc đầu ủng hộ, về sau ruồng rẫy ông, Tây Sơn là kẻ thù trong những giai đoạn khó khăn nhất cố tình đuổi tận giết tuyệt, và triều Nguyễn là đao phủ sau cùng để chặt nốt những di sản mà họ e ngại rằng còn rơi rớt trong tâm tư người dân đất Bắc.

Thế nhưng, cá nhân ông không đến nỗi tệ hại dù rằng bất cứ một vị vua sau cùng của một triều đại đều bị quy trách tội lỗi làm mất nước. Người ta không tìm thấy chứng cớ ông đam mê tửu sắc, tin dùng nịnh thần nên cũng bịa ra một số tội trạng mơ hồ như *"sát thúc, dâm muội"*,

---

帝爲人所賺，異地羈縻憂憤抱痛以沒。身雖死而心不死良亦可哀宜追謚爲愍帝 ([Đế vi nhân sở trám, dị địa ki mi, ưu phẫn bão thống dĩ một, thân tuy tử nhi tâm bất tử, lương diệc khả ai nghi truy thụy vi Mẫn Đế] *Vua bị người lừa dối, giam lóng nơi đất lạ, ưu buồn tức tối ôm mối đau đớn mà qua đời, thân tuy chết nhưng tim không chết, thật là đáng thương nên truy tên thụy là Mẫn Đế*).

1. Phan Thúc Trực, *Quốc sử di biên*, Đỗ Mộng Khương dịch, sđd, tr. 145.

2. M.L. Manich Jumsai, *History of Laos* (2nd Ed.), Chalermnit 1-2 Erawan Arcade, Bangkok, 1971, tr. 121.

chỉ lo trả oán như mổ bụng đàn bà chửa, chặt chân chú vứt xuống giếng... mặc dù không có chứng cớ cụ thể nào, xem ra chỉ là những vu cáo có ác ý. Sử quan cũng gán cho mẹ ông chủ mưu sang Long Châu vào sân Tổng đốc *"gào khóc xin cứu viện"*, lại can thiệp vào triều chính, theo mẫu hình Từ Hy, Võ Hậu còn cận thần là Lê Quýnh thì *"chỉ lo đền ơn trả oán và công nhiên ăn của đút lót"*. Biến chuyển trong 28 năm cuộc đời Lê Duy Kỳ là những mốc quan trọng nếu chúng ta lần theo đó để nhìn lại toàn bộ tương quan chằng chịt làm nền tảng cho chính sách ngoại giao của Trung Hoa với phiên thuộc.

Vua Lê, nếu chỉ xét trong một giai đoạn ngắn như sử sách thường nhấn mạnh - từ lúc thân quyến nhà Lê chạy qua Long Châu đến khi quân Thanh kéo sang để rồi bị đánh cho tan tác khiến cho vua tôi lại lếch thếch chạy sang Trung Hoa nương nhờ đến cuối đời - là một mẫu người nếu không đáng trách thì cũng chẳng có gì đáng khen. Thế nhưng, khi một số chi tiết khả tín khác được bạch hóa, chúng ta mới thấy rằng sự thật chưa hẳn đã hoàn toàn như những gì chúng ta từng biết.

PHẦN II

LIỆT PHI NGUYỄN THỊ KIM (1765-1804): NGƯỜI ĐÀN BÀ BẤT HẠNH

Đọc lịch sử thời đại Tây Sơn chúng ta thấy có ba mối tình khá nổi bật. Cuộc hôn nhân được nhiều người chú ý nhất và cũng nhiều người khai thác nhất là Nguyễn Huệ và Ngọc Hân. Mối tình trai tài gái sắc này đã trở thành một đề tài để ca tụng và thêu dệt theo mẫu anh hùng sánh với thuyền quyên, mặc dù sự kết hợp của hai người có thể bao gồm nhiều ẩn ý chính trị hay đổi chác. Mối tình thứ hai thơ mộng hơn; đó là mối tình của một tiểu thư khuê các với một văn nhân mang chí lớn: Phạm Thái và Trương Quỳnh Như, được nhiều người biết đến vì đã xuất hiện trong một tiểu thuyết thời tiền chiến[1]: *Tiêu Sơn tráng sĩ* của Khái Hưng. Vì bị ép duyên, Trương Quỳnh Như đã tự tử chết khi tuổi còn rất trẻ. Mối tình Phạm Thái và Quỳnh Như được Sở Cuồng Lê Dư viết kỹ trong *Phổ Chiêu thiền-sư thi-văn tập* (Nam Ký, Hà Nội, 1932, tr. 1-5).

Trong bài này, chúng tôi nói đến một mối tình thứ ba, ít người để ý hơn. Đó là cuộc hôn nhân bất hạnh của một ông vua cuối trào và một vương phi khốn khổ: Lê Duy Kỳ [tên thụy Mẫn Đế, niên hiệu Chiêu Thống] và Nguyễn Thị Kim.

Đại Nam chính biên liệt truyện quyển XXIX [trang 9 và 10] chép như sau:

阮氏金北寧良才人，黎召統之宮人也。己酉初，黎主援清兵復國爲西賊所敗，黎主奔清。氏弗及從，潛匿村邑，人莫之知。嘉隆三年，黎主槪自清還至北城，氏赴喪慟哭語家人曰：吾事畢矣。隧仰藥死。總鎮阮文誠給之錢錦

1. Tức trước cuộc kháng chiến chống Pháp (1946-1954).

殮塋。具事以聞請旌。表下禮部議。請賜扁額。乃命北城臣建石碑于其鄉鐫曰。安貞殉節阮氏金之門。給墓夫二人。祀田二十畝，令黎族監其祀。

Nguyễn Thị Kim, người Lương Tài, Bắc Ninh, là cung nhân của Lê Chiêu Thống. Đầu năm Kỷ Dậu, Lê chúa cầu viện quân Thanh lấy lại nước, bị Tây Sơn đánh bại. Lê chúa chạy sang Thanh, thị không theo kịp nên trốn ở trong thôn xã, không ai hay biết. Năm Gia Long thứ ba [1804], *đưa quan tài Lê chúa từ Thanh trở về đến Bắc thành, thị đến để tang, khóc nói với người nhà rằng "Việc tôi đến đây là xong". Sau đó uống thuốc độc tự tử. Tổng trấn Nguyễn Văn Thành cấp cho tiền bạc, vải vóc khâm liệm mai táng rồi tâu lên. Vua cho bộ Lễ bàn định,* [bộ Lễ] *xin ban cho biển ngạch. Vua sai quan ở Bắc thành dựng bia đá ở làng trên viết "An trinh tuẫn tiết Nguyễn Thị Kim".*[1] *Lại cấp cho hai người coi mộ và 20 mẫu tự điền, bắt người họ Lê trông coi thờ cúng.*

Tổng cộng bao gồm 9 dòng 140 chữ.

Trong phạm vi hạn chế của *Đại Nam liệt truyện*, những chi tiết đó chỉ cho chúng ta một hình ảnh tương đối mờ nhạt, tuy đã là hậu hĩ đối với những người của tiền triều. Điểm lại những sách vở khác, chúng ta có thể biết được nhiều hơn về vị vương phi này.

I. TIỂU SỬ

Tuy *Đại Nam liệt truyện* chỉ chép Nguyễn Thị Kim là một cung nhân [黎召(昭)統之宮人也] nhưng thực ra bà là chính thất của vua Chiêu Thống, chỉ biết rằng Lê Duy Kỳ lấy Nguyễn Thị Kim khi còn là tự tôn [cháu nội nhưng sẽ được truyền ngôi], đến khi lên làm vua thì thăng lên Vương phi rồi lại định lập bà làm Chính hậu.

II. TUỔI TRẺ

Nguyễn Thị Kim (hậu nhân gọi là liệt phi) người làng Tỳ Bà, huyện Lương Tài trấn Kinh Bắc. Theo bài thơ *"Tỳ Bà phu nhân tuẫn tiết hành"* của

1. Trong *Ngự chế tổng vịnh* chép là An Trinh Tuẫn Nghĩa (安貞殉義).

Nguyễn Huy Túc, bà sinh năm Ất Dậu [1765], tính ra lớn hơn chồng là Lê Duy Kỳ [1766-1793] một tuổi.

Tuy không tài liệu nào nói rõ nhưng bà là em của Phượng Thái hầu Nguyễn Quốc Đống và dường như là cháu của Thái hậu[1] (mẹ vua Chiêu Thống). Cả ba người cùng gốc quê ở Tỳ Bà nên những người đối nghịch đã đem việc anh em họ lấy nhau này để dè bỉu Lê Duy Kỳ (Chiêu Thống) là *"sát thúc dâm muội"* (giết chú lấy em). Thực ra, việc ba hoàng thúc nhà Lê bị giết là do tranh chấp quyền hành từ trước chứ không phải khi vua Lê được quân Thanh đưa về Thăng Long mới dựa thế người ngoài *"ân đền oán trả"* như *Hoàng Lê nhất thống chí* đã *bịa đặt*. Dù sao chăng nữa, việc hôn nhân của hai người [có thể là con cô con cậu hay cháu cô cháu cậu] cũng không đến nỗi loạn luân như chế độ nội hôn thời Trần. Việc vu cáo về thông dâm, về bất hiếu để hại người khác là những tội danh rất thường được sử dụng ở đời Lê và đầu đời Nguyễn.

III. NHẬP CUNG

Cũng theo bài thơ của Nguyễn Huy Túc, bà nhập cung năm 17 tuổi, tính ra là năm Tân Sửu [1781]. Tuy nhiên, theo sử sách, từ năm Tân Mão [1771] khi Thái tử Lê Duy Vĩ [con trai vua Hiển Tông, cha của vua Chiêu Thống] bị Trịnh Sâm giết hại, vợ và ba con [anh em Lê Duy Kỳ, Lê Duy Lứu,[2] Lê Duy Chỉ] đều bị giam vào ngục, đến năm Quý Mão [1783] mới được tha. Cho nên sớm lắm cũng phải năm này hai người mới sánh duyên. Tính ra khi đó Lê Duy Kỳ đã 18 tuổi, Nguyễn Thị Kim 19 tuổi.

---

1. Theo lời khai khi sang đất Thanh thì mẹ vua Chiêu Thống tên là Nguyễn Thị Ngọc Tố, còn Vương phi tên là Nguyễn Thị Ngọc Thụy [*Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển I, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 142]. Đây là những tên chữ, có thể đặt cho hay còn sử Việt Nam đương thời đều gọi là Nguyễn Thị Kim.

2. Chữ này bộ Kỳ (礻) + do (由), theo Giáo sư Hoàng Xuân Hãn phải đọc là Lứu. Nhiều sách chép nhầm bộ y (衣) + do (由) nên đọc thành Tụ (袖). Theo chúng tôi, bộ Kỳ chỉ để phân biệt người trong hoàng tộc với người ngoài nên có thể tên là Do.

Năm Bính Ngọ [1786], vua Hiển Tông mất, Lê Duy Kỳ lên nối ngôi [tức vua Chiêu Thống], thì Vương phi cũng có thai sinh ra con trai đầu là Lê Duy Thuyên.

Theo lời truyền, người ta gọi bà là Hậu Tỳ Bà (Hoàng hậu người làng Tỳ Bà). Khi ở trong cung, bà được mệnh danh là Đức Cô (德姑) nghĩa là người có đức hạnh. Bà là người được vua Chiêu Thống yêu quý nhất ở trong cung (寵冠後庭 sủng quán hậu đình), lại sinh ra Nguyên tử (con trai đầu lòng của nhà vua nhưng chưa được phong Thái tử), vua Lê đã định lập bà làm Hoàng hậu nhưng chưa kịp thì đã phải bỏ chạy khỏi kinh thành.[1]

IV. BÔN TẨU

Cuối năm Đinh Mùi [1787], tướng Tây Sơn Vũ Văn Nhậm [Chưởng Nhậm] đem quân ra Bắc giết cha con Nguyễn Hữu Chỉnh. Vua Chiêu Thống bỏ kinh đô lưu vong, các em ông cũng mỗi người một ngả, một số quốc thích thì hộ tống mẹ, vợ và con nhỏ chạy lên phía bắc, trong khi đang bị quân Tây Sơn truy kích.

Theo lời khai của nhóm người này với quan quân nhà Thanh, tháng Chạp năm ấy, họ đến được đến xã Bác Sơn, huyện Võ Nhai [thuộc Thái Nguyên] ẩn trốn ở đó. Cũng thời gian này, vua Lê chạy lên Lạng Giang, được Lê Quýnh (黎圌) đem gia nhân và hương binh hộ vệ, tiếng là điều binh khôi phục nhưng thực ra bôn tẩu mỗi lúc một nơi, khi thì ở Chí Linh (Hải Dương), khi thì ở Vị Hoàng (Nam Định). Khi biết tin gia đình, vua Chiêu Thống bèn sai Lê Quýnh [tước Trường Phái hầu] đi cùng với Nguyễn Quốc Đống [tước Phượng Thái hầu, anh Vương phi] lên Võ Nhai để bảo vệ mẹ, vợ và con.

---

1. Vũ Huy Tấn (武輝瑨), *Hoa Nguyên tùy bộ tập* (華原隨步集), *Việt Nam Hán văn Yên hành văn hiến tập thành*, đệ Lục sách, tr. 340.

Tháng Tư năm Mậu Thân, bọn Lê Quýnh lên đến Võ Nhai bị một số thổ mục định bắt giữ gia quyến vua Lê lập công cho Tây Sơn. Đốc trấn Cao Bằng là Nguyễn Huy Túc (阮煇宿) nghe biết đón chạy lên Mục Mã [Cao Bằng] nhưng bị quân Tây Sơn đuổi theo sát hại gần hết. Ngày mồng 4 tháng Năm [7-6-1788], truy binh tiếp tục, phiên mục Hoàng Ích Hiểu lấy thuyền đưa gia quyến vua Lê xuôi dòng đến cửa Thủy Khẩu giáp với Long Châu của nhà Thanh [là một trong ba cửa thông sang Trung Hoa].

Ngày 12 (*Bắc hành tùng ký* viết là mồng 9) [15-6-1788], binh Tây Sơn đuổi đến, họ chia ra hai mặt chống giữ trong khi một số khác đưa gia quyến vua Lê sang một cồn cát ở giữa sông Phất Mê. Tối hôm ấy, quân Tây Sơn vây lại, nhưng may là mưa to gió lớn nên đoàn người nương theo ánh chớp mà lội được qua sông sang đất nhà Thanh.

Hôm sau, họ tìm được nhau, tạm trú trong một cái hang, ăn rễ cây rừng và xin được mấy cái bắp ngô của thổ dân, nhưng mãi mấy hôm sau quan nhà Thanh mới nghe báo nên sai người đến tra hỏi rồi đưa tất cả về Long Châu.

Tóm lại, việc gia quyến vua Lê chạy sang đất Thanh là một phiêu lưu sinh tử khi bị quân Tây Sơn đuổi giết. Từ một đoàn người hơn 200 [chưa kể số binh lính của Nguyễn Huy Túc đưa đến bảo vệ], số người sống sót còn được 62, tính ra 4 người chết 3, gian nan hơn bất cứ một cuộc đào tẩu nào mà chúng ta có thể hình dung được.

Cũng nên thêm rằng sử Việt Nam đương thời hầu như không thấy nhắc đến việc Vương phi, Vương tử cùng chạy sang Trung Hoa mà chỉ nhấn mạnh vào việc Thái hậu [mẹ vua Chiêu Thống] "*gào khóc xin cứu viện*".

V. CẦU VIỆN

Khi biết được việc thân quyến nhà Lê chạy sang tỵ nạn, Tổng đốc Lưỡng Quảng Tôn Sĩ Nghị đã tâu lên vua Càn Long để tình nguyện đem quân sang cứu viện. Vua Thanh lấy chiêu bài "*tự tiểu tồn vong,*

hưng diệt kế tuyệt" [nuôi kẻ nhỏ cho khỏi mất, dựng dậy kẻ đã bị diệt, nối dòng đã đứt] sai Tổng đốc Tôn Sĩ Nghị, Đề đốc Hứa Thế Hanh và Đề đốc Ô Đại Kinh đưa hai đạo quân Lưỡng Quảng, Vân-Quý sang đánh Tây Sơn.

Chỉ chưa đầy một tháng, quân Thanh từ Lạng Sơn tiến xuống lấy lại Thăng Long. Ngày 22 tháng Một năm Mậu Thân [19-12-1788], Tôn Sĩ Nghị vào thành tuyên đọc sắc phong Lê Duy Kỳ làm An Nam Quốc vương. Vua Chiêu Thống cho anh vợ là Nguyễn Quốc Đống sang Trung Hoa để đón gia quyến, thân nhân.

Theo *Khâm định An Nam kỷ lược*, Thái hậu, Vương phi, Nguyên tử... về đến Thăng Long đúng vào tối 30 Tết năm đó [25-1-1789]:

Lê Duy Kỳ, sau khi tập phong, lập tức sai bồi thần tiến quan, đón mẹ và quyến thuộc về nước, được Tuần phủ Tôn Vĩnh Thanh sai Tri phủ Nam Ninh Cố Quỳ trên đường lo liệu mọi việc. Ngày trừ tịch tháng Chạp đến Lê thành, nghe nói mẹ con y tại bờ sông gặp nhau, cảm kích thiên ân của Hoàng thượng, tình hình vừa buồn vừa vui, những người chứng kiến, ai cũng cảm động.[1]

Tuy nhiên, ngay trong ngày Tết Nguyên đán, vua Quang Trung kéo quân ra đánh tan quân Thanh trong một chiến thắng vang dội, Tôn Sĩ Nghị phải chạy về Quảng Tây, các tướng lĩnh dưới quyền đều tử trận. Theo *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Chính biên, quyển XLVII (1998) thì:

Bấy giờ, đương ở nơi màn tướng, thình lình được tin quân giặc (quân Tây Sơn) *đã tiến sát Thăng Long, Sĩ Nghị không biết xoay trở ra sao, bèn nhổ đồn lũy, vượt qua sông chạy. Cầu gãy người chết vô số kể.*

Bấy giờ, nhà vua (tức Lê Chiêu Thống) *đang hội kiến với Tôn Sĩ Nghị ở nơi màn tướng, có tám người theo hầu là Hoàng Ích Hiểu* (黃益曉), *Nguyễn Quốc Đống* (阮國棟), *Lê Hân* (黎昕), *Phạm Như Tùng* (范如松), *Nguyễn Viết Triệu* (阮曰肇), *Phạm Đình Thiện* (范廷僐), *Lê Văn Trương* (黎文張) *và Lê Quý Thích* (黎貴適) *thì chợt được tin bại trận đưa đến. Sĩ Nghị rút chạy.*

---

1. *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển XII, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 322.

Nhà vua cũng cưỡi ngựa cùng đi với Sĩ Nghị lên phía bắc. Riêng Viết Triệu cầm cương ngựa đi theo Nhà vua. Nhà vua sai bọn Hoàng Ích Hiếu gấp về nội điện, hộ vệ Thái hậu và Nguyên tử vượt qua sông. Hoàng đệ Duy Chỉ[1] (維祇) *hộ vệ bọn hoàng phi và cung tần đến bến sông thì cầu gãy, không qua sông được, phải hướng về phía tây mà chạy trốn.*[2]

VI. LƯU VONG

Về phần vua Chiêu Thống, ông và một số người thân chạy được qua Trung Hoa, trong đó có cả Thái hậu và Nguyên tử nhưng Vương phi bị lạc, không theo kịp. Khi nhà Thanh chấp nhận phong vương cho Nguyễn Huệ, vua tôi nhà Lê bắt buộc phải nhập tịch làm con dân Trung Hoa, thắt đuôi sam, mặc y phục nội địa và bị chia ra an tháp ở nhiều nơi.

Theo sử nhà Thanh, lúc đầu Lê Duy Kỳ, mẹ và con tổng cộng 54 người cùng đồng tộc là Lê Duy Án 10 người đưa sang Quế Lâm, Phan Khải Tích 5 người đi Tầm Châu, Bế Nguyễn Cung 53 người đi Uất Lâm, Bế Nguyễn Doãn 36 người đi Tầm Châu, Đinh Nhã Hành 24 người đi Toàn Châu, những người khác đi Bình Lạc, Liễu Châu mỗi nơi một ít.[3]

Đến tháng Chạp năm Kỷ Dậu [1789], vua Càn Long nghe tin Lê Duy Chỉ [em vua Chiêu Thống] vẫn còn khởi binh tại Cao Bằng, Na Lữ, Bảo Lạc nên sợ nếu để nhóm Lê Duy Kỳ ở Quế Lâm gần biên giới, hai bên có thể liên lạc đồng mưu nên truyền cho Phúc Khang An đưa vua Chiêu Thống và các nhóm Đinh Nhạ Hành, Phan Khải Đức, Nguyễn Đình Bái lên kinh đô, cho vào kỳ binh người Hán thành một tá lãnh do vua Lê đứng đầu, hàm tam phẩm thế tập.[4]

---

1. Đúng ra phải đọc là Chỉ.

2. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển XLVII, tập II, sđd, tr. 847-848.

3. Trang Cát Phát, *Thanh Cao Tông thập toàn võ công nghiên cứu*, sđd, tr. 390.

4. Trang Cát Phát, *Thanh Cao Tông thập toàn võ công nghiên cứu*, sđd, tr. 396.

Chỉ có nhóm Lê Quýnh [mà Phúc Khang An dụ qua sau nhằm triệt tiêu những chống đối ở trong nước để cho vua Quang Trung an tâm sang dự lễ Bát Tuần Vạn Thọ] nhất định không chịu cắt tóc nên đều bị tống giam hơn 10 năm sau mới được thả.

Vua Lê và những người đi theo cũng nhiều lần vận động để nhà Thanh nếu không ép Tây Sơn cắt cho một mảnh đất ở Thái Nguyên, Cao Bằng làm chỗ dung thân thì cũng cho họ về Đồng Nai sống trong vùng đất của chúa Nguyễn [Nguyễn Ánh]. Tuy nhiên, Thanh triều không muốn gây thêm những rắc rối mới trong chính sách ngoại giao với phiên thuộc nên đều bỏ qua không lý đến. Theo *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, đến tháng Năm năm Nhâm Tý [1792], Nguyên tử bị bệnh mất. Năm sau, vua Lê u uất qua đời (16 tháng Mười năm Quý Sửu) [1793]. Năm Kỷ Mùi [1799], Thái hậu cũng từ trần.[1]

VII. AN TRINH THỦ TIẾT

Khi đoàn người chạy loạn Tết năm đó đến Lương Tài thì người đưa đường bị lạc nên bà không theo kịp, phải ẩn trốn nơi thôn xóm sống nhờ thân thích, làm nghề dệt vải kiếm ăn, không dám ra nơi thành thị. Theo lời chú thích của Nguyễn Huy Túc trong "*Tỳ Bà phu nhân tuẩn tiết hành*" thì Nguyễn Thị ở ẩn tại xã Võng La (網羅) trong tỉnh Sơn Tây. Một số tài liệu lại viết rằng bà đi tu tại một ngôi chùa ở quê nhà. Tô Nam Nguyễn Đình Diệm trong bài viết "Trái tim bất tử Lê-Chiêu-Thống", tập san *Sử Địa*, số 13, Sài Gòn, 1969, tr. 94 viết:

Nói về Tỳ-Bà Nguyễn-Thị-Kim là thứ phi của Lê-Hoàng, quán làng Tỳ-Bà huyện Từ-Sơn tỉnh Bắc-Ninh, khi vua Chiêu-Thống chạy sang Tàu thì bà được một vị cựu thần đem đi ở ẩn ở ngôi chùa trong rừng rậm, nhân tiện coi một kho vàng để đợi nhà vua trở về làm vốn phục quốc, nhưng về sau kho ấy cũng lọt vào nhà Tây Sơn…

---

1. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập II, sđd, tr. 853.

Bà sống lẩn lút như thế từ năm Kỷ Dậu [1789] đến năm Nhâm Tuất [1802] là năm nhà Tây Sơn bị diệt, tính ra gần 14 năm trời. Khi nghe tin vua Chiêu Thống và nguyên tử qua đời ở Bắc Kinh, bà nhiều lần cho người lên Nam Quan dò xét hư thực, lại tính đường đích thân đi qua Trung Hoa để dò tìm tung tích vua Lê. Khi được tin đích xác Lê hoàng đã băng hà, bà nhiều lần toan lấy cái chết để xuống suối vàng gặp chồng nhưng có người khuyên là nên chờ mọi việc sắp xếp xong hãy tính lại cũng chưa muộn.

Năm Nhâm Tuất [1802], khi nhà Tây Sơn bị diệt, các di thần nhà Lê xin vua Gia Long cho đem di thể vua Lê, Thái hậu, Nguyên tử và những người đã chết ở Trung Hoa về nước.

Ngày 24 tháng Ba năm nầy [tức năm Giáp Tý, 1804], *Doãn Hữu* [tức Lê Quýnh] *lấy áo mão của mình* [triều phục nhà mà Lê Lê Quýnh mang theo khi sang Trung Hoa, nay đã rách bươm] *liễm di cốt Quốc mẫu và Nguyên tử vua Lê, cùng các người nhạ vệ theo vua Lê lưu vong lớn nhỏ cộng 18 cỗ quan tài.*

... Tháng 7, Doãn Hữu cùng các toán người kể trên về đến cửa Nam-quan, rồi vào trấn Lạng-sơn. Doãn Hữu đặt Hương án cúng lễ vua Lê ở ngoài thành. Quan Hiệp trấn Lạng-sơn là Nguyễn-duy-Thản (người làng Hương-la, đỗ Tiến-sĩ) cùng các cựu thần nhà Lê và các Phiên tù đều tới khóc trước linh-cữu vua Lê.[1]

Khi nghe tin quan tài vua Lê được đưa về, bà lên tận Nam Quan đón rồi từ đó tuyệt thực, ngày ngày chỉ uống vài chén nước cơm cầm hơi, kể cận bên linh cữu. Bà đòi tự tận chết theo vua nhưng người trong tông thất nhà Lê khuyên rằng đợi tới Thăng Long hãy tính, nếu chết dọc đường thiên hạ sẽ cho rằng vì chướng lệ mà từ trần không tỏ được lòng kiên trinh tiết liệt.

Ngày 23 tháng Chín năm Giáp Tý [1804] về đến Thăng Long, đưa vào nhà của Diên Tự công (延嗣公) Lê Duy Hoán [là con của Lê Duy Chỉ] để tế. Từ hôm đó, mỗi ngày, Hoàng phi chỉ nhai vài lóng mía. Ngoại sử kể rằng ngày 20 tháng Mười, khi đổi áo quan cho vua Lê thì

1. Phan Thúc Trực, *Quốc sử di biên*, Hồng Liên Lê Xuân Giáo dịch, sđd, tr. 140-141.

thấy trái tim [nguyên văn tâm miêu (心苗) vẫn còn tươi như khi ở Bắc Kinh.[1] Hoàng phi Nguyễn Thị Kim ôm quan tài kêu khóc rồi vào hậu đường uống thuốc độc tự tử.[2] Sau khi Liệt phi qua đời, các bầy tôi cũ của nhà Lê - kể cả những người đã từng cộng tác với Tây Sơn - đã để lại nhiều văn thơ ca tụng.

Theo *"Hoa Nguyên tùy bộ tập"*[3], Vũ Huy Tấn đến viếng, hỏi rõ đầu đuôi có làm đôi câu đối và hai bài thơ ca tụng Liệt phi sau đây:

萬古綱常昭宇宙，
一腔義烈答君王。
Vạn cổ cương thường chiêu vũ trụ,
Nhất xoang nghĩa liệt đáp quân vương.
(*Cương thường chiếu sáng vũ trụ đến muôn đời,*
Một tấm lòng nghĩa liệt đền đáp lại quân vương).

Bài thơ số 1:

古來貞烈迥凡間，
就義從容却又難。
未妥三生完月約，
誓將一死對天顏。
踪芳幾載翹音信，
節見今朝露膽肝。
凜凜英聲南以北，
聞之到處是心寒。

---

1. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển XLVII. Ngô gia văn phái, *Hoàng Lê nhất thống chí*, hồi 17.

2. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, đệ Nhất kỷ, quyển XXVII; Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển XLVII. Vũ Huy Tấn, *"Hoa Nguyên tùy bộ tập"*, *Việt Nam Hán văn Yên hành văn hiến tập thành*, đệ Lục sách.

3. *"Hoa Nguyên tùy bộ tập"*, *Việt Nam Hán văn Yên hành văn hiến tập thành*, đệ Lục sách, tr. 342.

Phiên âm:

Cổ lai trung liệt huýnh phàm gian,
Tựu nghĩa thung dung khước hựu nan.
Vị thỏa tam sinh hoàn nguyệt ước,
Thệ tương nhất tử đối thiên nhan.
Tung phương kỷ tải kiều âm tín,
Tiết kiến kim triêu lộ đảm can.
Lẫm lẫm anh thanh nam dĩ bắc,
Văn chi đáo xứ thị tâm hàn.

Dịch thơ:

Trung liệt nghìn xưa dễ mấy đương,
Thung dung tựu nghĩa hiếm vô vàn.
Ước nguyền chẳng thỏa cùng ba cõi,
Thôi đành một chết báo quân vương.
Bao năm trông ngóng chờ tin nhạn,
Lúc gặp nhau rồi tỏ tấc gan.
Tiếng tăm lẫm liệt nam ra bắc,
Ai nghe cũng thấy dạ se hàn.

Bài thơ số 2:

欽却良才隱晦間，
琵琶曲曲爲誰彈。
鸞輿北狩眉頻促，
玉骨南回淚莫乾。
塵劫一朝輕似羽，
香名千古重於山。
逋臣曾忝黎臣烈，
私史區區寓筆端。

Phiên âm:

Liễm khước Lang Tài ẩn hối gian,
Tỳ Bà khúc khúc vị thùy đàn.
Loan dư bắc thú mi tần xúc,
Ngọc cốt nam hồi lệ mạc can.
Trần kiếp nhất triêu khinh tự vũ,
Hương danh thiên cổ trọng ư san.
Bô thần tằng thiểm Lê thần liệt,
Tư sử khu khu ngụ bút đoan.

Dịch thơ:

Một cõi Lang Tài náu tấm thân,
Tỳ Bà một khúc vắng tri âm.
Xe vua sang Bắc mày cau lại,
Xương trắng về Nam nước mắt đầm.
Cõi sống một thân coi đã nhẹ,
Nghĩa nặng muôn đời để tiếng thơm.
Trung liệt tôi con còn mấy kẻ,
Rồi đây đầu bút lẽ đâu quên.

Các quan ở Bắc Thành có viếng đôi câu đối:

五八旬祝地損身，千古倫常照宇宙
十六載移夫没子，一腔義烈答君王

Ngũ bát tuần[1] chúc địa tổn thân, thiên cổ luân thường chiếu vũ trụ
Thập lục tải di phu một tử, nhất xoang nghĩa liệt đáp quân vương.
(*Bốn mươi tuổi* [5x8] *bỏ thân về đất, mãi mãi luân thường soi vũ trụ.*

1. Không phải 58 mà là năm tuần, mỗi tuần tám năm (5 x 8 = 40).

Mười sáu năm chồng xa con chết, một lòng nghĩa liệt báo quân vương).

Về cuộc đời của bà, Nguyễn Huy Túc có soạn một bài văn nhan đề "Tiêu Cung tuẫn tiết hành" (椒宮殉節行), nguyên văn như sau[1]:

順安良才來天德。古人命邑號琵琶。
琵琶古曲知何意。大堤軋彼貌如花。
英華悉嚩萃簪纓。景興乙酉佳時節。
望門誕育女中豪。言行工容無玷闕。
越從十七入青宮。纔登丙午夢呈熊。
日高影照天恩重。海潤星輝福氣濃。
丁未猖獗西山賊。卷地風塵驚不測。
羽葆隨鑾出鳳城。御林星散長安北。
落慌匹馬文峯還。別跟慈幔武崖山。
湘裙羅襪悲踰險。櫛質蒲姿苦耐寒。
遠徼望龍音寂寞。閒庭泣虺淚闌干。
忽然何處淵淵鼓。高平閫將拜迎鑾。
駕回牧馬暫休歇。御舟隨進弗迷關。
賊兵聞信來追躡。箭落火飛鋒刃接。
數株天竹過危灘。蕩覆顛傾還利涉。
緣崖攀木上高巔。雨沱瘴重色迷天。
土人踴躍前途送。山觜崎嶇小徑穿。
路盡有山山有洞。洞中香井水清漣。

---

1. Về nguyên văn bài này, chúng tôi sưu tầm được ba bản, bản thứ nhất nhan đề "Tỳ Bà phu nhân tuẫn tiết hành" (琵琶夫人殉節行), trích trong *Nam thiên trung nghĩa thực lục* (南天忠義實錄), phần về thơ văn và tiểu sử Nguyễn Huy Túc. Bản thứ hai nhan đề "Tiêu Cung tuẫn tiết hành" trong *Quốc sử di biên* của Phan Thúc Trực, Hương Cảng Trung Văn đại học, 1965, sđd, tr. 43-44. Bản thứ ba phụ theo *Hoàng Lê nhất thống chí* ở cuối hồi 70 (bản của École Française d'Extrême-Orient, do Chan Hing-ho [Trần Khánh Hạo] biên tập, Paris-Taipei, 1986). Ba bản có một số khác biệt.

想來此洞何年鑿。早知今日有神仙。
泉水山芝將度日。烏啼花落撩愁鬱。
信通內地判上司。詳門根由聲詰屈。
上司火速撥輿輦。送到龍州權駐蹕。
供需品物既豐盈。守護兵丁尤慎密。
撫臺旋派進南寧。內外莊嚴廠旅亭。
南北辛酸經幾度。不曾造次錯儀型。
維承慈訓嚴規範。自是椒宮禮度明。
越從上國允來援。萬里凱歌聞捷信。
翠花仙仗指南還。上苑春融故宮殿。
友琴樂鼓奏新聲。擁翠看花酬風願。
無端虐焰更焚穹。憂喜喜憂翻手變。
萬媲急擁六龍歸。少海慈宮著緊隨。
提携轉眼成相錯。隆謫交迷可奮飛。
覓條西上綱羅貫。幽獨一方腸欲斷。
媚珠虞草豈無時。何苦流離空匿怨。
誰云夏鼎久微煙。旅成再造在遺編。
上國同袍修戟日。君王嘗腑臥薪年。
假使雄才憂復社。能無遺恨一嬋娟。
迨夫癸丑能鼻絕。底事疑信聞傳說。
豈其民望舊君深。此謀恐墜西山謫。
漢皇興運命更新。封使來時語亦云。
若把連城先碎了。未必香魂伴紫雲。
一十六年會鄭重。肯輕孫妹漢江身。
會使一二袍兄弟。直來北塞叩原因。
內投誓到三陵所。便將性命委羅巾。
從古營生勞且苦。誰知謀死更艱辛。
詎意天機相巧湊。宰臣扈蹕先題奏。
大清皇帝準南還。序逢甲子中秋候。

初聞皇遽便親迎。常餐頓減花容瘦。
迢迢舟楫渡瀘江。轎傘笙鏞入祀堂。
士庶凝愁瞻鹵簿。臣僚拭淚獻瓊觴。
閨中況味描難盡。薄將禮物漸香湯。
啟櫬一覩冠袍樣。欽衽凝眸拜上床。
帳裡回身辭女主。甘將鴆毒沃肝腸。
說閙黃髽皆駭異。唁聞省署亦姿傷。
紅錦青蚨榮賵賻。艷辭綺句送稱揚。
妙哉一死求而得。死得聲名萬古香。
繄彼春閨如玉好。暮雨朝雲無足道。
黃金橫帶爲何人。諂媚平生恣奸狡。
一朝世變鍾簴移。拜虜獻諛如故套。
醉中一唱覺寒心。冷處加鞭應靦貌。
幾會粉黛弼刑。怪得琚璜裨契教。
上比葩詩樛逮葛。旁稽湘嶺竹生班。
既有古人行所易。詎無今日得其難。

Dịch âm:

Thuận An Lương Tài lai Thiên Đức. Cổ nhân mệnh ấp hiệu Tỳ Bà.

Tỳ Bà cổ khúc tri hà ý. Đại đê yết bỉ mạo như hoa.

Anh hoa tất tất tụy trâm anh. Cảnh Hưng Ất Dậu giai thì tiết.

Vọng môn đản dục nữ trung hào. Ngôn hành công dung vô điếm khuyết.

Việt tòng thập thất nhập thanh cung. Tài đăng Bính Ngọ mộng trình hùng.

Nhật cao ảnh chiếu thiên ân trọng. Hải nhuận tinh huy phúc khí nùng.

Đinh Vị xương quyết Tây Sơn tặc. Quyển địa phong trần kinh bất trắc.

Vũ bảo tùy loan xuất phượng thành. Ngự lâm tinh tán Trường An bắc.

Lạc hoảng thất mã văn phong hoàn. Biệt cân từ mạn Vũ Nhai san.

Tương quần la miệt bi du hiểm. Quách chất bồ tư khổ nại hàn.

Viễn kiếu vọng long âm tịch mịch. Nhàn đình khấp hủy lệ lan can.

Hốt nhiên hà xử uyên uyên cổ. Cao Bằng khổn tương bái nghênh loan.

Giá hồi Mục Mã tạm hưu yết. Ngự chu tùy tiến Phất Mê quan.

Tặc binh văn tín lai truy niếp. Tiễn lạc hỏa phi phong nhận tiếp.

Sổ chu yêu trúc quá nguy than. Đăng phúc điên khuynh hoàn lợi thiệp.

Duyên nhai phàn mộc thượng cao điên. Vũ đà chướng trọng sắc mê thiên.

Thổ nhân dũng dược tiền đồ tống. Sơn chủy kỳ khu tiểu kính xuyên.

Lộ tận hữu sơn, sơn hữu động. Động trung hương tinh thủy thanh liên.

Tưởng lai thử động hà niên tạc. Tảo tri kim nhật hữu thần tiên.

Tuyền thủy sơn chi tương độ nhật. Ô đề hoa lạc liêu sầu uất.

Tín thông nội địa phán thượng ty. Tường môn căn do thanh cật khuất.

Thượng ty hỏa tốc bát dư thai. Tống đáo Long Châu quyền trú tất.

Cung nhu phẩm vật ký phong doanh. Thủ hộ binh đinh vưu thận mật.

Phủ đài toàn phái tiến Nam Ninh. Nội ngoại trang nghiêm xưởng lữ đình.

Nam bắc tân toan kinh kỷ độ. Bất tằng tạo thứ thác nghi hình.

Duy thừa từ huấn nghiêm quy phạm. Tự thị tiêu cung lễ độ minh.

Việt tòng thượng quốc duẫn lai viện. Vạn lý khải ca văn tiệp tín.

Thúy hoa tiên trượng chỉ nam hoàn. Thượng uyển xuân dung cố cung điện.

Hữu cầm nhạc cổ tấu tân thanh. Ủng thúy khán hoa thù phong nguyện.

Vô đoan ngược diễm canh phần khung. Ưu hỷ hỷ ưu phiên thủ biến.

Vạn bễ cấp ủng lục long quy. Thiểu hải từ cung trứ khẩn tùy.

Đề huề chuyển nhãn thành tương thác. Long trích giao mê khả phấn phi.

Mịch điều tây thượng cương la quán. U độc nhất phương tràng dục đoạn.

Mỵ Châu ngu thảo khởi vô thì. Hà khổ lưu ly không nặc oán.

Thùy vân hạ đỉnh cửu vi yên. Lữ thành tái tạo tại di biên.

Thượng quốc đồng bào tu kích nhật. Quân vương thường phủ ngọa tân niên.

Giả sử hùng tài ưu phục xã. Năng vô di hận nhất thuyền quyên.

Đãi phu Quý Sửu năng nhiêm tuyệt. Để sự nghi tín văn truyền thuyết.

Khởi kỳ dân vọng cựu quân thâm. Thử mưu khủng trụy Tây Sơn trích.

Hán hoàng hưng vận mệnh canh tân. Phong sử lai thì ngữ diệc vân.

Nhược bả liên thành tiên toái liễu. Vị tất hương hồn bạn tử vân.

Nhất thập lục niên hội trịnh trọng. Khẳng khinh Tôn muội Hán giang thân.

Hội sử nhất nhị bào huynh đệ. Trực lai bắc tắc khấu nguyên nhân.

Nội đầu thệ đáo tam lăng sở. Tiện tương tính mệnh ủy la cân.

Tòng cổ doanh sanh lao thả khổ. Thùy tri mưu tử canh gian tân.

Cự ý thiên ky tương xảo thấu. Tể thần hỗ tất tiên đề tấu.

Đại Thanh hoàng đế chuẩn nam hoàn. Tự phùng Giáp Tý Trung Thu hậu.

Sơ văn hoàng cự tiện thân nghênh. Thường san đốn giảm hoa dung sấu.

Điều điều chu tiếp độ Lô giang. Kiệu tán sanh dong nhập tự đường.

Sĩ thứ ngưng sầu chiêm lỗ bộ. Thần liêu thức lệ hiến quỳnh thương.

Khuê trung huống vị miêu nan tận. Bạc tương lễ vật cán hương thang.

Khải hân nhất đổ quan bào dạng. Liễm nhẫm ngưng mâu bái thượng sàng.

Trướng lý hồi thân từ nữ chủ. Cam tương chậm độc ốc can tràng.

Thuyết náo hoàng thiều giai hãi dị. Nghiễn văn tỉnh thự diệc tư thương.

Hồng cẩm thanh phù vinh phúng phụ. Diễm từ khởi cú tống xưng dương.

Diệu tai nhất tử cầu nhi đắc. Tử đắc thanh danh vạn cổ hương.

Ế bỉ xuân khuê như ngọc hảo. Mộ vũ triêu vân vô túc đạo.

Hoàng kim hoành đái vi hà nhân. Siểm mị bình sanh tứ gian giảo.

Nhất triêu thế biến chung cự di. Bái lỗ hiến du như cố sáo.

Túy trung nhất xướng giác hàn tâm. Lãnh xử gia tiên ứng điến mạo.

Cơ hội phấn đại bật cao hình. Quái đắc cư hoàng bì khế giáo.

Thượng bỉ ba thi Cù đãi Cát. Bàng kê Tương lĩnh trúc sanh ban.

Ký hữu cổ nhân hành sở dịch. Cự vô kim nhật đắc kỳ nan.

Dịch nghĩa:

Thuận An, Lương Tài từ sông Thiên Đức[1] *mà ra,*
Người xưa gọi làng ấy là làng Tỳ Bà.
Có biết chăng Tỳ Bà là tên một khúc nhạc cổ.[2]
Khúc nhạc Đại đê[3] *mặt như hoa.*
Anh hoa tụ lại ở gia đình trâm anh,
Năm Ất Dậu (1765) đời Cảnh Hưng là thời tiết đẹp.
Cửa danh vọng sinh ra bậc hào kiệt con gái,
Công dung ngôn hạnh không tỳ vết.
Khi được mười bảy tuổi thì được nhập cung,

---

1. Tức sông Đuống.

2. Là tên khúc nhạc của Chiêu Quân (Vương Tường) gẩy khi bị đưa sang cống cho chúa Hung nô đời Hán Nguyên đế.

3. Trương Giản Chi trong khúc *Đại đê* có câu "Nước Nam nhiều người đẹp, không đâu bằng gái Đại đê".

Đến năm Bính Ngọ (1786) thì mơ thấy con gấu.[1]
Mặt trời cao chiếu xuống ơn thật nặng,
Biển thấm nhuần sao soi sáng phúc khí dày.
Năm Đinh Mùi (1787) giặc Tây Sơn hung hăng càn rỡ,
Gió bụi ào tới kinh hãi không lường được.
Phận lông cánh chạy theo xe loan ra khỏi Phượng thành,[2]
Quân ngự lâm tan rã ở bắc Tràng An.[3]
Binh mã thất lạc theo đường núi mà chạy,
Theo xe của thái hậu về hướng núi Võ Nhai.[4]
Quần áo đẹp đẽ nay phải vượt hiểm trở,
Vóc dáng liễu bồ nay phải khổ sở rét mướt.
Trông ngóng nhà vua nhưng không nghe tin tức gì,
Khi nhàn rỗi ở nhà khóc đẫm nước mắt.
Bỗng nhiên ở đâu vọng đến tiếng trống ầm ầm,
Tướng trấn thủ Cao Bình đến nghinh bái xe loan.
Đưa về Mục Mã để tạm nghỉ ngơi,
Thuyền ngự theo dòng đi về hướng cửa Phất Mê.[5]
Quân giặc nghe biết được nên đuổi theo,
Tên bắn lửa bay đao thương giao chiến.
Mấy chiếc bè tre vượt qua ghềnh thác,
Tưởng chừng bị nghiêng đổ nhưng lên đến bờ.
Trèo núi leo cây tới được đỉnh núi,
Mưa tầm tã chướng khí mịt mù cả bầu trời.

---

1. Điềm sinh con trai.
2. Chỉ kinh thành Thăng Long.
3. Cũng chỉ kinh đô.
4. Thuộc Thái Nguyên.
5. Thuộc Cao Bằng, gần biên giới Việt - Hoa.

Thổ dân thoăn thoắt đi trước dẫn đường,
Mỏm núi cheo leo qua những lối mòn.
Hết đường thì đến núi, trong núi có hang,
Trong hang có hồ thơm sạch nước lăn tăn.
Nghĩ xem động này được tạc ra từ bao giờ?
Mà biết được hôm nay có thần tiên đến.
Nước suối rau rừng sống qua ngày,
Chim kêu hoa rụng như khêu lên nỗi buồn.
Tin vào đến nội địa đến tai cấp trên,
Hỏi rõ căn do và các điều ẩn khuất.
Quan trên hỏa tốc đưa kiệu đến,
Đưa về Long Châu để tạm ở đó.
Phẩm vật nhu yếu được cung cấp đầy đủ,
Binh lính canh gác cũng nghiêm mật.
Tuần phủ lại cho đưa về Nam Ninh.
Trong ngoài nơi ở nhà cửa trang nghiêm,
Nam bắc qua lại thương xót mấy lần.
Nhưng chưa bao giờ thiếu lễ nghi khuôn phép.
Theo lời dạy bảo của mẫu hậu giữ quy phạm nghiêm ngặt,
Từ đó phòng tiêu lễ phép rõ ràng.
Sau khi thượng quốc bằng lòng đem binh cứu viện,
Nghe tin báo chiến thắng từ vạn dặm đến nơi.
Cờ trượng rực rỡ trở về phương Nam,
Lại thấy vườn thượng uyển mùa xuân đầy cung điện.
Tiếng đàn tiếng trống tấu lên thanh âm mới,
Theo người đi xem hoa thỏa nguyện mùa xuân.
Tai vạ không biết từ đâu đốt sạch tất cả,
Vui buồn buồn vui chỉ như lật bàn tay.

Nhà vua vội vàng đưa sáu rồng trở về,
Vương tử và mẫu hậu cũng gấp rút đi theo.
Đang dắt díu nhau bỗng chốc thành lầm lẫn,
Quấn quýt lẫn lộn không thoát ra được.
Tìm về hướng tây thì lưới giăng khắp nơi,
Đơn độc một mình ruột như muốn đứt.
Cũng không được như Mỵ Châu, Ngu Cơ,
Khổ nào bằng lưu lạc một mình trốn lánh.
Ai nói rằng đỉnh nhà Hạ cũng chỉ là khói mỏng,
Một lữ nhưng nhặt nhạnh rồi cũng tạo lại được.
Nước lớn có thể giúp y phục khí giới được một ngày,
Quân vương nếm mật nằm gai phải nhiều năm.
Nếu như có kẻ hùng tải lo việc khôi phục xã tắc,
Thì đâu phải để mối hận cho kẻ thiền quyên.
Đợi chồng đến năm Quý Sửu nghe tin râu rồng đã đứt,
Tin đồn nghe như thế không biết có đúng không.
Hay là vì dân chúng trông ngóng chúa cũ sâu xa,
Cho nên Tây Sơn mới tung ra cái mưu này.
Vua Hán hưng vận mệnh trời đổi mới,
Cũng nghe nói rằng có sứ thần sang phong vương.
Nếu như liên thành nay đổ trước rồi,
Vị tất hương hồn đã làm bạn với mây tía.[1]
Mười sáu năm nay đã nhiều lần cân nhắc,
Không thể nhẹ như Tôn phu nhân trầm mình sông Hán.
Đã từng gửi một hai anh em ruột,
Đi sang ải Bắc xem nguyên nhân ra sao.

---

1. Chỉ vua Chiêu Thống.

Vào nội địa đến thẳng nơi ba ngôi mộ,
Thì khi ấy sẽ đem tính mệnh giao cho khăn là.
Từ xưa mưu tính việc sống khổ sở nhọc nhằn,
Ai biết được tính chuyện chết cũng gian tân.
Cơ trời mới hay thấu được ý,
Tể thần theo xe vua đã tâu lên.
Hoàng đế nhà Đại Thanh chuẩn cho về Nam,
Trung thu năm Giáp Tý đã chờ chực.
Nghe tin vội vã đích thân lên đón,
Bữa ăn thường ít đi nên dung mạo gầy gò.
Xa xa thuyền đã qua bến Lô giang,
Kiệu lọng chiêng chuông đưa vào từ đường.
Sĩ thứ ném mối sầu nhìn đoàn người đi,
Thần liêu gạt lệ dâng rượu cúng.
Trong phòng khuê cảnh huống không tả hết được,
Đem lễ vật bày ra và hương thang để rửa.
Mở [quan tài] *ra nhìn mũ áo một lượt,*
Quỳ xuống trừng trừng lạy linh sàng.
Quay vào trong trướng từ biệt nữ chủ,[1]
Nâng ly rượu độc uống vào gan ruột.
Người già trẻ con ai nấy đều sợ hãi,
Nghe tin khắp cả các nơi đều thương xót.
Vải vóc tiền bạc mang đến phúng điếu,
Văn từ lời lẽ đưa đến khen ngợi.
Than ôi mong chết cầu mà được,
Chết nhưng thanh danh để lại đến muôn đời.

1. Nữ chủ chỉ cô con gái nhỏ của vua Chiêu Thống.

Ấy là người ở buồng khuê như ngọc tốt,
Tối mưa sớm mây không nói đến nữa.
Tiền bạc đai áo là những ai,
Nịnh bợ cả đời đều gian xảo.
Một khi cuộc đời đổi chuông khánh thay,
Lạy giặc ton hót như vẫn thường làm.
Trong khi say hát lên thấy lạnh lòng,
Trời lạnh thêm roi mặt mày bẽn lẽn.
Mấy khi phấn son cũng phụ cho hình pháp của ông Cao [Dao],
Lạ thay ngọc cư, ngọc hoàng cũng giúp cho lời dạy của ông Tiết.
Có thể sánh với thơ Cù thơ Cát,[1]
Nêu núi Tương đã để lại cây trúc có vằn hoa.
Nếu ngày xưa có người làm việc dễ,
Thì không phải không có người đời nay làm việc khó.

Vua Tự Đức có thơ trong *Việt sử ngự chế tổng vịnh* như sau:

Nguyên văn:

羈勒匆忙痛莫追。
釵鈿荊布久迷離。
朝朝絕粒朝歸殯。
一盞砒霜更與隨。

Phiên âm:

Ki đích thông mang thống mạc truy,
Thoa điền kinh bố cửu mê ly.

1. Cù mộc, Cát đàm trong *Kinh Thi*, ca ngợi các bà hậu phi nhà Chu.

Triêu triêu tuyệt lạp triêu quy tẫn,
Nhất trản tỳ sương cánh dữ tùy.

Dịch thơ:

Lật đật không theo kịp vó câu,
Ấm nồng tình nghĩa bỗng xa nhau.
Nhịn ăn bỏ uống chờ thân chúa,
Tỳ sương một chén cũng đi sau.

*

* *

Tính ra từ tháng Một năm Đinh Mùi [1787], khi Hoàng phi 21 tuổi cho đến năm Giáp Tý [1804] là năm bà qua đời (39 tuổi), hai vợ chồng Lê Duy Kỳ và Nguyễn Thị Kim chỉ được ở cạnh nhau đúng 4 ngày [30 tháng Chạp năm Mậu Thân đến sáng mồng 5 tháng Giêng năm Kỷ Dậu]. Tuy nhiên, dù hoàn cảnh phải chia lìa, hai người vẫn giữ được trọn tình với nhau.

Tháng 9 năm Canh Tuất [1790], vua Càn Long nghĩ thương tình Lê Duy Kỳ sống cô độc ở kinh đô, vợ còn lưu lạc ở quê nhà nên có cho phép ông tìm trong số những đàn bà đi theo lấy một, hai người làm vợ kế nhưng ông tâu lên là những người đi theo ông cũng bị thất lạc thân nhân, trong cảnh hoạn nạn, không nỡ nào vui sướng một mình.[1]

---

1. *Nguyên văn:*

... 前因黎維祁失國內投，念其祖宗世守，藩封職貢百有餘年不忍致令廢絕。是以降旨加恩，令其來京編入漢軍世襲佐領。今黎維祁到京供職後頗屬謹慎守法，因念伊妻未曾隨同進關，令於隨從女子中挑擇一二人以爲側室而黎維祁以跟隨屬下人等妻孥俱已散失，伊不忍一人獨有家室...

Tiền nhân Lê Duy Kỳ thất quốc nội đầu, niệm kỳ tổ tông thế thủ, phiên phong chức cống bách hữu dư niên bất nhẫn chí lệnh phế tuyệt. Thị dĩ giáng chỉ gia ân, lệnh kỳ lai kinh biên nhập Hán quân thế tập tá lãnh. Kim Lê Duy Kỳ đáo kinh cung chức hậu phả thuộc cẩn thận thủ pháp, nhân niệm y thê vị tằng tùy đồng tiến quan, lệnh ư tùy đồng nữ tử trung khiêu trạch nhất nhị

Vua Quang Trung cũng tuân theo yêu cầu của nhà Thanh cho người đi tìm thân quyến vua Lê nhưng chỉ kiếm được một cô em gái, không đưa được Hoàng phi sang đoàn tụ.

Tuy văn chương nhắc đến đôi uyên ương vương giả ấy đều dùng những từ quyền quý, tưởng như cảnh lầu vàng điện ngọc nhưng thực tế bi đát hơn nhiều. Cuộc đời hai người - nếu không lâm vào cảnh tù đày thì cũng bị săn đuổi - sống lẩn lút long đong vất vả nơi thôn xóm. Điều an ủi sau cùng của vua Lê và Vương phi có lẽ là được mai táng bên cạnh nhau ở tỉnh Thanh Hóa, làng Bố Vệ.

---

nhân dĩ vi trác thất. Nhi Lê Duy Kỳ dĩ ngân tùy thuộc hạ nhân đẳng thê nô [noa] câu dĩ tán thất, y bất nhẫn nhất nhân độc hữu gia thất...

Thượng dụ ngày Quý Mùi, tháng 9 năm Càn Long thứ 55. *Đại Thanh thực lục*, quyển 1362, tr. 263.

Lê Duy Kỳ cũng tâu thêm ngoài vợ ra hiện còn một người em trai là Lê Duy Chỉ và một cô em gái, ba người lưu lạc không biết trong hai năm qua sống chết thế nào. Thái độ của Lê Duy Kỳ đã khiến cho vua Cao Tông yêu cầu Nguyễn Huệ phải tìm gia quyến nhà Lê đưa sang Trung Hoa đoàn tụ. Tuy nhiên, sự thể về sau có khác đi. Khi Nguyên tử Lê Duy Thuyên qua đời, có lẽ để có người kế tự, vua Chiêu Thống đành phải nạp thêm hai người thiếp - 1 người họ Nguyễn, 1 người họ Đinh - sinh được một cô con gái nhưng không biết trước hay sau khi vua Lê qua đời. Cô công chúa nhỏ này, Hoàng phi có gặp và từ biệt trước khi quyên sinh. Tô Nam, "Trái tim bất tử Lê-Chiêu-Thống", Tập san *Sử Địa*, số 13, Sài Gòn, 1969, tr. 94.

PHẦN III

LÊ QUÝNH (1750-1805): TÔI TRUNG THỜI LÊ MẠT

我輩頭可斷，髮不可薙，皮可削，服不可易也。

Ngã bối đầu khả đoạn,

phát bất khả thế, bì khả tước,

phục bất khả dịch dã.[1]

(*Bọn ta đầu có thể chặt,*

[nhưng] *tóc không thể cắt, da có thể lột,*

[nhưng] *y phục không thể đổi*).

我等生爲安南人，死爲安南鬼，薙髮歸旗實所不甘，只求早送出關或送與阮惠聽其戕殺，以快其心以釋其疑亦無不可。

Ngã đẳng sinh vi An Nam nhân, tử vi An Nam quỉ, thế phát qui kỳ thực sở bất cam, chỉ cầu tảo tống xuất quan hoặc tống Nguyễn Huệ thính kỳ tường sát, dĩ khoái kỳ tâm, dĩ thích kỳ nghi diệc vô bất khả.

Bọn ta sống là người nước Nam, chết là ma nước Nam, cắt tóc gia nhập kỳ binh thật không đành lòng, chỉ mong được sớm đưa ra khỏi cửa quan hay giao cho Nguyễn Huệ, xử tội giết hại cho y thỏa dạ, hết còn nghi ngại thì cũng chẳng sao.[2]

---

1. Trần Khánh Hạo (chủ biên), *Việt Nam Hán văn tiểu thuyết tùng san,* Lịch sử tiểu thuyết loại, đệ Ngũ sách: *Hoàng Lê nhất thống chí,* Học Sinh thư cục, Đài Loan, 1987, tr. 241.

2. Lê Quýnh trả lời Phúc Khang An và Tôn Vĩnh Thanh trong tấu thư ngày 24 tháng Một năm Càn Long 54 (Kỷ Dậu, 1789) v/v tra hỏi nhóm Lê Quýnh. *Thanh quí nội các đáng án toàn tập* (tập XI), Học Uyển xbx, Bắc Kinh, 1999 tr. 4262.

Trong số vong thần nhà Lê bị giữ lại trên đất Trung Hoa cuối đời Càn Long, Lê Quýnh là người được nhắc đến nhiều hơn cả. Ông là thủ lĩnh của một nhóm nhỏ nhất định không chịu cạo đầu và thay đổi y phục để nhập tịch thành dân nhà Thanh[1] khiến cho chính giới sĩ phu Trung Hoa cũng hết sức khâm phục.[2] Nhìn hành trạng của nhóm người lưu vong, chúng ta cũng phần nào đồng tình với những

---

1. Đời Thuận Trị, một năm sau khi Thanh binh nhập quan (1645), Nhiếp chính vương Đa Nhĩ Cổn [多爾袞 – Aisin-Gioro Dorgon] ra lệnh trong vòng 10 ngày mọi người nam đến tuổi trưởng thành phải cạo nửa đầu phía trước và để tóc dài tết thành đuôi sam. Ai không tuân theo đều bị xử tử. Đây là cách để biết người nào theo, người nào chống triều đình. Rất đông chạy ra nước ngoài nhất là vùng Đông Nam Á tạo thành những cộng đồng người Hoa còn tồn tại đến ngày nay. Theo nhiều tài liệu, số chống đối bị giết lên đến hàng vạn người và phải 10 năm sau luật này mới hoàn toàn áp dụng trên đất Trung Hoa và chỉ được bãi bỏ từ đầu thế kỷ XX khi nhà Thanh bị lật đổ.

2. Trong *Khiếu đình tạp lục* (嘯亭雜錄) của Chiêu Liên (昭槤) đời Thanh, quyển IX tiểu mục nhan đề "An Nam tứ thần" (安南四臣) có chép như sau:

Năm Kỷ Dậu [1789] đời Càn Long, Phúc Văn Tương [tức Phúc Khang An] nhận cho Nguyễn Quang Bình về hàng nên đưa vua cũ của An Nam là Lê Duy Kỳ lên kinh đô, gia nhập Nhương Hoàng Kỳ Hán quân. Bọn bồi thần Lê Quýnh, tất cả bốn người không chịu thay đổi y phục, Hoàng thượng tức giận bắt giam vào ngục. Đến khi đức kim thượng [tức vua Gia Khánh] lên ngôi mới cho đưa ra sống ở Hỏa Khí doanh, bốn người rất là vui sướng, ngâm vịnh không thôi. Đến năm Quý Hợi [1803] đời Gia Khánh, quốc trưởng Nông Nại [Đồng Nai] Nguyễn Phúc Ánh diệt được con cháu Quang Bình, dâng biểu xưng thần được Hoàng thượng nhận cho hàng phục, phong làm Việt Nam Quốc vương. Nhân thế mới cho bốn người về nước, quả thực là những kẻ sĩ tuấn kiệt đất man di vậy.

người nhất định giữ gìn chút khí tiết còn sót lại - dù người đó là một nho sinh đọc sách hay chỉ là một kẻ mã đồng.

Trong bối cảnh lịch sử dồn dập đầy biến động cuối thế kỷ XVIII, số phận của những người lưu lạc sang Trung Hoa hầu như bị bỏ quên. Các chi tiết viết về vua tôi nhà Lê mà sau này hậu nhân biết được phần lớn dựa theo *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* [quyển XLVII], *Đại Nam chính biên liệt truyện* [quyển XXIX], *Đại Nam nhất thống chí* [quyển XIX, XXIV, XXV...].

Cũng may vài chục năm sau, vua Tự Đức đã ra lệnh cho quan địa phương tìm hiểu để đưa tên họ vào một ngôi đền thờ ở Hà Nội, có tên là *Lê mạt tiết nghĩa từ* (黎末節義祠), nên chúng ta còn một số chi tiết tương đối chính xác. Thơ văn và tiểu sử của một số đông trong nhóm vong thần này còn tồn tại trong một tập hợp nhan đề *Nam thiên trung nghĩa thực lục* (南天忠義實錄).[1]

Hành động tưởng niệm họ thực ra cũng có những động lực chính trị, vừa xoa dịu những người còn đôi chút hoài vọng cựu triều, vừa khuyến khích giới nho gia trung quân, hết lòng phụng sự chủ mới. Những chi tiết đó có làm sáng tỏ hơn một chút về cuộc đời vua Lê và bầy tôi, từ khi đi đến lúc trở về nhưng chưa bao giờ được lượng giá trong bối cảnh tranh quyền đoạt nước thời đó. Cho đến nay, nhiều sử gia chỉ đề cao thành quả chống xâm lăng của Nguyễn Huệ hay nhìn vào sự chính thống của nhà Nguyễn, nên không khỏi nhận định một cách thiếu công bằng đối với tiền triều, cho cả vua Chiêu Thống lẫn những thần tử còn hoài vọng một thời cũ. Do đó, dù nhìn từ góc cạnh nào - đề cao Tây Sơn hay đề cao nhà Nguyễn - thì vua Lê cũng có tội. Nhà Thanh cũng phủ nhận một cách dứt khoát, một mặt họ nêu cao vai trò bảo hộ *"hưng diệt kế tuyệt, tự tiểu tồn vong"* [làm hưng kẻ bị diệt và nối lại triều đã đứt, nuôi kẻ nhỏ để mất rồi lại còn] của thiên triều nhưng khi có những khúc ngoặt quan trọng thì thái độ đối với những người vì tình thế phải nương nhờ vào họ cũng lập tức thay đổi theo.

Khi đã bị đẩy ra ngoài *"cuộc chơi"*, và trên hý đài chỉ còn thuần túy bang giao chính thức của hai triều đình Thanh-Việt, đời sống của những người lưu vong kia hầu như không còn ai biết đến. Một số bị

---

1. Trần Khánh Hạo (chủ biên), *Việt Nam Hán văn tiểu thuyết tùng san*, quyển VI, Học Sinh thư cục, Đài Bắc, Đài Loan, 1986.

đưa vào những đơn vị của bát kỳ binh mà thực tế là một đội công sai thấp kém, đồng lương không đủ sống nên phải bươm chải bằng những nghề tay trái, sống vật vờ đời vong quốc và nếu không có những biến chuyển ở trong nước thì chỉ vài chục năm sau cũng tan biến vào xã hội người Hán giống như hàng vạn quan lại và sĩ phu cuối đời Trần, đầu đời Lê bị bắt về Trung Hoa.[1]

Một số - nếu có thái độ phản kháng - thì bị đày đi xa, mỗi nơi một ít, có chỗ chỉ có một hoặc hai người, ở tận những vùng sa mạc, trời nóng thì cháy da cháy thịt, trời lạnh thì gió buốt thấu xương, đầy đồng tuyết phủ. *Thế nhưng dẫu sao thân phận đi đày còn được nhìn thấy trời xanh mây trắng, hạnh phúc hơn những người mà cả năm giam hãm trong bốn bức tường ngục chỉ vì nhất định không chịu khuất phục, có nghĩa là cắt mái tóc người Việt để cạo chỏm, thắt bím đuôi sam và từ bỏ chiếc áo dài cổ hữu của dân tộc để bận một bộ đồ khách.* Họ cô đơn đến nỗi khi gặp được một người đàn bà Việt bị bắt ngoài biển đưa vào giam ở bộ Hình cũng mừng như *"tha hương ngộ cố tri"* vì có thể trao đổi với nhau dăm câu bằng tiếng mẹ đẻ.

Trong số người lưu lạc nơi đất khách, có những người tuy không tự nguyện lưu vong nhưng ở trong thế không quay trở về được, cũng có những người bị nhà Thanh đánh lừa vời qua rồi cưỡng bách bắt ở lại, tiêu biểu là bọn Lê Quýnh. Nếu như ông cũng đành mặc cho số phận nổi trôi, ở bầu thì tròn, ở ống thì dài, chắc cũng không đến nỗi. Thế nhưng, ông nhất định không bằng lòng chịu làm *"Thanh nhân"* nên bị giữ ở Trung Hoa đến 13 năm [bị biệt giam 10 năm trong ngục và 3 năm quản thúc ở phía tây kinh thành] và chỉ được về nước sau khi nhà Tây Sơn sụp đổ, nhờ duyên thời thế hơn là vì lòng độ lượng của đối phương. Người ta còn nhắc đến ông với câu nói bất hủ:

Bọn ta đầu có thể chặt, nhưng tóc không thể cắt, da có thể lột, nhưng áo không thể đổi!

Ngoài một số văn thơ, Lê Quýnh còn để lại một hồi ký nhan đề *"Bắc hành tùng ký"* (北行叢記) [tập hợp những ghi lại khi sang đất Bắc]

---

1. Trong *Trung Việt quan hệ sử luận văn tập* (中越關係史論文集) [1992] Trương Tú Dân (張秀民) đã tổng kết một danh sách rất dài nhan đề "Minh đại Giao Chỉ nhân di nhập nội địa chức quan biểu" (明代交阯人移入內地職官表), từ trang 88 đến trang 109 là những người Đại Việt cuối thời Trần, đầu thời Lê bị đưa sang Trung Hoa làm việc trong cơ cấu hành chính nhà Minh.

kể lại việc ông chạy sang Trung Hoa lưu vong cho đến khi về nước. Tập bút ký này tuy có nhiều chi tiết về việc đối xử khắc bạc của Thanh triều với vua tôi Lê Duy Kỳ nhưng vẫn bị nhiều hạn chế, về không gian cũng như thời gian. Một lẽ dễ hiểu, hầu hết thời kỳ sống ở Trung Hoa, Lê Quýnh bị biệt giam trong ngục và nhiều điều chỉ nghe qua tin đồn hay truyền miệng nên không chính xác.[1] Với nhan đề *"tập hợp những ghi lại khi sang đất Bắc"*, Lê Quýnh nhấn mạnh vào cuộc đời từ khi sang Quảng Tây lần thứ hai cho đến khi đưa hài cốt vua Lê về nước. Trong

---

1. Hiện nay trong tay chúng tôi có ba bản Hán văn:

(1) Lê Quýnh, *"Bắc hành tùng ký"* trong *Việt Nam Hán văn tiểu thuyết tùng san* [quyển VI] do Trần Khánh Hạo và Vương Tam Khánh chủ biên, Paris-Taipei: École Française d'Extrême-Orient, 1986, tr. 98-117.

(2) *"Bắc hành tùng ký"*, bản chép tay lưu trữ trong *Viện Nghiên cứu Hán Nôm* [Hà Nội] (VHv108) được in lại theo lối chụp ảnh trong *Việt Nam Hán văn Yên hành văn hiến tập thành*, quyển VI, Phục Đán đại học, 2010, tr. 75-150.

(3) *"Bắc hành lược ký"*, đăng trong *Nam Phong tạp chí*, phần Hán văn, số 125-131.

Năm 1969, trong Tập san *Sử Địa*, số 13, 14, 15, 16, Giáo sư Hoàng Xuân Hãn công bố một bản dịch công phu *"hồi ký chính trị"* *"Bắc hành tùng ký"* với chú giải rất rõ ràng về 13 năm trường trong nhiều nhà ngục của Lê Quýnh. Ông được thả ra vì những biến chuyển chính trị tại Trung Hoa (vua Càn Long mất, vua Gia Khánh lên ngôi) và nhất là ngay tại Việt Nam (nhà Tây Sơn bị diệt, nhà Nguyễn thống nhất đất nước) nên có sự đồng tình để cho các tòng vong nhà Lê về nguyên quán.

Khi đối chiếu bản dịch của Giáo sư Hoàng Xuân Hãn với bản Hán văn nhan đề *"Bắc hành lược ký"* trên *Nam Phong* số 125-131, chúng tôi thấy bản của *Nam Phong* phong phú, có những chi tiết rất đáng ghi nhận [mà chúng tôi cho rằng bản Nam Phong gần với bản chính của Lê Quýnh hơn].

Bản của Giáo sư Hoàng Xuân Hãn gần giống như bản Hán văn trong *Nam thiên trung nghĩa thực lục* chủ yếu dựa vào tài liệu lưu trữ tại Viện Viễn Đông Bác Cổ Paris (École Française d'Extrême-Orient). Qua một số tài liệu Việt Nam cũng như Trung Hoa, Triều Tiên, chúng tôi mới sưu tầm được, nhiều phỏng đoán của Giáo sư Hoàng Xuân Hãn cần được điều chỉnh cho gần hơn với sự thực. Trong biên khảo này, những đoạn ghi là *"Bắc hành lược ký"* là bản dịch chúng tôi thực hiện dựa theo tài liệu đăng tải trên *Nam Phong tạp chí*.

vai một tù nhân, ông cũng không có điều kiện để biết được lý do thời cuộc của việc tra hỏi hay cưỡng ép nên cần được bổ sung và đối chiếu với các tài liệu khác để nội vụ thêm minh bạch.

Thực ra, những gì nhóm Lê Quýnh phải gánh chịu không chỉ vì thái độ cứng rắn nhất định không khuất phục của họ mà chính là nỗ lực của Thanh triều để điều chỉnh và giải thích về chính sách của họ đối với nước An Nam.

Cuộc đời của Lê Quýnh gắn liền với mệnh vận cuối đời Lê có thể chia thành 4 giai đoạn:

- *Giai đoạn 1 (1750-1788):* Từ khi còn nhỏ đến lúc đưa gia quyến vua Lê chạy sang Trung Hoa.

Xuất thân từ một thế gia vọng tộc, tuy chỉ là ấm sinh nhưng ông luôn tận trung với triều đình và hết sức để khuông phò chính thống. Năm Mậu Thân [1788], Lê Quýnh đem gia binh vào bảo vệ hoàng gia, được giao cho nhiệm vụ hộ giá Thái hậu, Vương phi và Nguyên tử chạy lên Cao Bằng, bị truy kích phải chạy sang đất Thanh.

- *Giai đoạn 2 (1788-1789):* Theo quân Thanh trở về đến khi Tôn Sĩ Nghị bại trận và ẩn trốn chờ cơ hội khôi phục rồi lại sang Trung Hoa lần thứ hai.

Nhân danh *"hưng diệt kế tuyệt, tự tiểu tồn vong"*, nhà Thanh đem quân sang Đại Việt nhưng bị đánh bại ngay đầu Xuân năm Kỷ Dậu [1789]. Vua Lê và một số bầy tôi chạy được sang Trung Hoa. Lê Quýnh khi đó đang dưỡng bệnh ở quê nhà nên không theo kịp và phải 7 tháng sau mới cùng một số đồng chí theo đường Ải Điểm sang được Quảng Tây.

- *Giai đoạn 3 (1790-1800):* Bị giam ở Bắc Kinh vì không chịu nhập kỳ binh nhà Thanh

Khi Thanh triều công nhận nhà Tây Sơn, vua Lê và những người đi theo bị bắt buộc phải ăn mặc và để tóc theo phong tục Trung Hoa. Riêng nhóm Lê Quýnh phản đối lấy cớ rằng họ không tự ý chạy sang mà do lời yêu cầu của Phúc Khang An dẫn dụ nay xin được về nước.

Để tránh những bất trắc cho việc bang giao, vua Càn Long ra lệnh đưa nhóm Lê Quýnh lên Bắc Kinh giam ở bộ Hình. Dù bị ép buộc và ngược đãi, bốn người nhất định không chịu khuất phục nên chỉ được thả ra sau khi vua Càn Long qua đời và triều Tây Sơn đến hồi cáo chung.

- *Giai đoạn 4 (1800-1805):* Sau khi được thả ở Bắc Kinh và đưa linh cữu vua Lê về nước đến khi qua đời.

Sau khi Thanh triều công nhận triều Nguyễn, năm Giáp Tý [1804] nhóm Lê Quýnh xin đưa hài cốt vua Lê, Thái hậu và Nguyên tử về nước táng ở Thanh Hoa. Việc hoàn thành, Lê Quýnh trở về quê tu ở chùa Đại Đồng. Tháng Chín năm Ất Sửu [1805], ông bị cướp đâm chết. Đến đời Tự Đức, nhà vua cho xây Tiết Nghĩa từ để ghi nhận những trung thần, Lê Quýnh là người đứng đầu trong số thần tử nhà Lê.

Chính vì tận trung với nhà Lê, lại trước sau một lòng son sắt nên Lê Quýnh đã trở thành chứng nhân hùng hồn nhất trong một giai đoạn bang giao. Ông hiên ngang như cây tùng trước bão, trải qua bao nhiêu sương tuyết vẫn sừng sững giơ cái càng bọ ngựa chống lại cỗ xe, giải mã cho chúng ta những đổi thay thế sự. Nếu không có ông, nhóm nhà Lê sẽ chỉ thoáng hiện như một bóng mờ chính trị, theo thời gian sẽ tan biến vào số đông và hậu nhân không ai còn biết đến.

Ở một góc cạnh nào đó, lịch sử không phải chỉ luôn luôn là một vòng nguyệt quế dành cho người chiến thắng. Người thắng cuộc thường chỉ nói tốt cho mình nhưng trong nhiều trường hợp những người thua cuộc lại nói lên được nhiều điều chúng ta cần biết.

I. THÂN THẾ

Sử sách khi được sử dụng như phương tiện phục vụ cho một quan điểm chính trị thì không mấy khi công bằng. Để nêu cao chính thống và cũng có thể vì tư hiềm, một tác giả nào đó[1] trong Ngô gia văn phái

1. Một số nhà nghiên cứu cận đại đã cố gắng nối liền tác giả những chương sách thuộc đời Tây Sơn là Ngô Thì Nhậm. Tuy nhiên, nếu so sánh và

khi chấp bút viết tiếp vào bộ *An Nam nhất thống chí* [tức *Hoàng Lê nhất thống chí*] đã miêu tả Lê Quýnh với những lời lẽ miệt thị:

[...] *Lại nói, Lê Quýnh là người làng Đại Mão, huyện Siêu Loại* [nay là huyện Thuận Thành, Bắc Ninh] *vốn là một tay phong lưu công tử, con trai của Tiến sĩ triều Lê là Lê Doãn Giản. Khi tuổi trẻ, Quýnh chỉ biết uống rượu, đánh bạc, việc văn việc võ đều chưa hề luyện tập qua. Trước kia vì là con nhà quý tộc thân cận, nên được vào làm gia thần nhà vua. Đến khi quân Tây Sơn tới xâm lấn, Kinh thành thất thủ, Quýnh vâng mệnh vua theo hầu Thái hậu lên Cao Bằng, rồi bị quân giặc đuổi bắt, phải chạy sang Trung Quốc. Vì Quýnh hơi biết chữ nghĩa, cho nên khi chuyện trò với người Thanh, thường bịa ra nhiều câu khoác lác. Tôn Sĩ Nghị cũng không biết xét đến chỗ đó, đem lời tâu lên, vua Thanh ưng thuận. Thế rồi may khôi phục lại nước nhà, Quýnh tự cho là công lao của mình. Sau khi về thành Thăng Long, Quýnh chỉ lo đền ơn trả oán và công nhiên ăn của đút lót. Những tay hào kiệt trong nước đều không ưa Quýnh. Vua cho là Quýnh có công, giao cho cầm quân. Nhưng Quýnh mắt còn choáng lộn bóng tinh kỳ, tai chưa nghe quen tiếng chiêng trống, nói gì đến chuyện sắp đặt binh bị? Quýnh bèn mượn cớ không muốn xa rời cạnh vua, xin vua truyền cho viên Trấn thủ Sơn Tây đem quân bản bộ đóng trước ở Gián Khẩu, để chặn đường của quân Tây Sơn. Đó là Quýnh cốt cho mình khỏi phải ra trận; còn việc chinh chiến được hay thua, nước nhà còn hay mất, Quýnh chẳng cần biết đến làm gì.*[1]

đối chiếu với những văn thư do chính Ngô Thì Nhậm viết, chúng ta có thể khẳng định rằng *người viết những chương sách này không thể là người đã sống hay làm quan triều Quang Trung* và chỉ có thể ở thời kỳ cận đại (khoảng cuối thế kỷ XIX). Những chi tiết viết về triều đại Quang Trung trong *Hoàng Lê nhất thống chí* không thể do một cận thần viết vì quá sai lệch với sự thực lịch sử. Trong góc độ tương đối nghiêm chỉnh, chúng ta chỉ có thể sử dụng được *7 chương đầu* do Ngô Thì Chí (吳時侍) biên soạn. 10 chương sau do những người khác chỉ có thể tham khảo rất dè dặt và *chắc chắn không phải của Ngô Thì Nhậm*.

1. Ngô gia văn phái, *Hoàng Lê nhất thống chí*, sđd, tr. 370-371.

Nguyên văn:

且說黎侗超類大卯人，本是風流公子[黎朝進士黎允僩之子]，少年只以飲博爲事，文事武備，非所素講，向因貴近入爲家臣。迨西賊來侵，京城失守，帝

Đọc đoạn văn trên, ta hình dung ra một Lê Quýnh nếu không phải là mẫu người chơi bời đàng điếm của cậu ấm cô chiêu thời trước thì cũng thuộc loại du thủ du thực, phá làng phá xóm. Văn chương lại có giọng dè bỉu mà nếu công tâm một chút, chúng ta có thể nghĩ rằng tác giả muốn thóa mạ đối phương hơn là trình bày sự kiện. Tuy không hẳn là hoàn toàn sai lầm nhưng nhiều chi tiết về cuộc đời ông đã bị xuyên tạc. Việc miêu tả hành trạng của Lê Quýnh ngoài mục tiêu hạ thấp ông còn nhằm bôi bác triều đình Chiêu Thống để làm nổi bật một số trọng điểm nhưng những chi tiết đó đã vô tình làm thay đổi cả một biến chuyển lịch sử.

Chính Giáo sư Hoàng Xuân Hãn cũng phụ chú thêm về những việc này là: "[...] *Phê bình chung về Quính, tác giả họ Ngô các hồi cuối*

令從太后駕之高平，爲敵人追逼，不得不投內地，緣他稍識文字，故與此人答問，弄出許多大言。孫總督亦不爲察，爲之題達，清帝準允，幸得復國，自以爲功。既還昇龍，便私報恩仇，公私貨賄，國中豪傑皆心不喜他。帝以其有功，委之兵柄，目徒眩旌旗之色，耳未聞金鼓之聲，矧能作何注措，因托以不欲遠離左右，請帝勅山西鎮守先將本道兵屯于澗口，以塞西山來路，冀己免於臨戎，而戰之勝敗，國之安危不恤也。

Trần Khánh Hạo (chủ biên), *Việt Nam Hán văn tiểu thuyết tùng san* [quyển 5], *Hoàng Lê nhất thống chí*, hồi 14, Paris-Taipei: École Française d'Étrême-Orient, 1986, sđd, tr. 230-231.

Phiên âm:

Thả thuyết Lê Quýnh Siêu Loại Đại Mão nhân, bổn thị phong lưu công tử [Lê triều tiến sĩ Lê Doãn Giản chi tử], thiếu niên chi dĩ ẩm bác vi sự, văn sự vũ bị, phi sở tố giảng, hướng nhân quý cận nhập vi gia thần. Đãi Tây tặc lai xâm, kinh thành thất thủ, đế lệnh tòng thái hậu giá chi Cao Bằng, vi địch nhân truy bức, bất đắc bất đầu nội địa, duyên tha sảo thức văn tự, cố dữ thử nhân đáp vấn, lộng xuất hứa đa đại ngôn. Tôn tổng đốc diệc bất vi sát, vi chi đề đạt, Thanh đế chuẩn duẫn, hạnh đắc phục quốc, tự dĩ vi công. Ký hoàn Thăng Long, tiện tư báo ân cừu, công tư hóa hối, quốc trung hào kiệt giai tâm bất hỷ tha. Đế dĩ kỳ hữu công, ủy chi binh bính, mục đồ huyễn tinh kỳ chi sắc, nhĩ vị văn kim cổ chi thanh, thẩn năng tác hà chú thố, nhân thác dĩ bất dục viễn ly tả hữu, thỉnh đế sắc Sơn Tây trấn thủ tiên tương bốn đạo binh truân vu Giản Khẩu, dĩ tắc Tây Sơn lai lộ, ký kỷ miễn ư lâm nhung, nhi chiến chi thắng bại, quốc chi an nguy bất tuất dã.

Hoàng Lê nhất thống chí *chê Quýnh một cách thậm tệ* [...] *Những nghị luận trên đây cũng có thể đúng một phần nào, nhưng ta chớ quên rằng tác giả là con cháu Ngô Thì Chí (tác giả bảy hồi đầu* Hoàng Lê nhất thống chí*) là người cũng được Chiêu-thống phái lên Cao-bằng tìm Thái-hậu, nhưng bị bệnh mất dọc đường, cũng là con cháu Ngô Thì-Nhậm là đối địch với Quýnh* [...]".

Để nhìn lại con người Lê Quýnh nói riêng và toàn bộ thế cục Bắc Hà nói chung, chúng ta không thể dùng những chi tiết trong *Hoàng Lê nhất thống chí* làm tiêu chuẩn xét đoán. Việc nối kết những chi tiết từ nhiều nguồn khách quan hơn sẽ giúp chúng ta nhìn được vấn đề tương đối minh bạch.

Theo "*Bắc hành tùng ký*" và tiểu sử ghi trong *Nam thiên trung nghĩa thực lục* (南天忠義實錄) thì Lê Quýnh [còn có tên là Lê Doãn Hựu] người làng Đại Mão, huyện Siêu Loại, phủ Thuận An, tỉnh Bắc Ninh. Ông là con của Tiến sĩ Lê Doãn Giản triều Lê, nho sinh xuất thân trông coi vệ binh tả hữu, tước hiển cung đại phu cho đến năm 25 tuổi [1774] thì vì có tang cha nên về nhà nuôi mẹ. Năm Bính Ngọ [1786], khi Nguyễn Huệ ra Bắc, vua Chiêu Thống lên ngôi, ông được đưa lên Giang Bắc xếp đặt công việc, ít lâu sau thì trở về triều.

II. SANG TRUNG HOA LẦN THỨ NHẤT

2.1. Phục quốc

Xét tình hình miền Bắc Việt Nam cuối thế kỷ XVIII, việc quân Tây Sơn kéo ra lấy danh nghĩa "*Phù Lê diệt Trịnh*" rồi sau đó thấy triều đình suy yếu nên chiếm đóng, xóa bỏ vai trò của phủ Chúa, tiến hành công việc "*truất phế*" vua Lê là những biến chuyển sấm sét, đem lại hoang mang, thảng thốt cho sĩ phu Đàng Ngoài.

Một nước - quan niệm của thời trước đồng hóa một triều đại với một quốc gia - đã có truyền thống hơn 400 năm nay trong chốc lát bị xóa sạch mà những người cai trị mới lại từ một "*nước Quảng Nam*" mọi rợ, xa xăm. Ngoài sức mạnh quân sự, người dân Bắc Hà không tìm

thấy những giá trị văn hóa gì nổi bật để cho họ tâm phục nên việc đồng loạt nổi lên chống lại là chuyện không có gì khó hiểu.

Như bất cứ biến động chính trị nào, nhiều xu hướng khác nhau cùng xuất hiện. Tuyệt đại quần chúng thường chịu đựng một cách thụ động nhưng cũng có một thiểu số nhanh chân ra cộng tác với tân triều.

Tự lực chống Tây Sơn

Khi vai trò của họ Trịnh bị tan rã, hệ thống quyền lực của Đàng Ngoài hầu như hoàn toàn sụp đổ. Trong nhiều năm, tranh chấp của hai phe Trịnh Cán, Trịnh Tông đã khiến cho triều đình Bắc Hà chỉ còn lại một cái khung.

Sau khi dứt họ Trịnh, anh em Nguyễn Huệ lại tịch biên kho tàng đem về Nam khiến cho triều đình Thăng Long không còn phương tiện nào để điều hành bộ máy quân sự và hành chính nên bất cứ một thế lực địa phương nào cũng có thể đem quân về chiếm kinh đô, uy hiếp nhà vua để mưu đồ quyền bính. Tình trạng hữu lệnh vô quyền đó khiến cho vua Chiêu Thống phải bí mật vời Nguyễn Hữu Chỉnh (khi đó đang ở Nghệ An) về dẹp loạn.

Tuy Nguyễn Hữu Chỉnh có thành công một phần nào nhưng tình hình không hoàn toàn dưới quyền kiểm soát của trung ương mà chỉ tạm yên bề ngoài. Sự chia rẽ của miền Bắc khiến cho quân Tây Sơn mỗi lần kéo ra là một lần tan tác chẳng khác gì những lần Chế Bồng Nga ra đánh Đại Việt 400 năm trước.

Vì Nguyễn Huệ còn bận giao tranh với Nguyễn Nhạc rồi củng cố thế lực ở Đàng Trong, ông giao lại việc cai trị Bắc Hà cho một tỳ tướng, trước là Vũ Văn Nhậm, sau là Ngô Văn Sở. Theo nhiều tài liệu, lực lượng của Tây Sơn đồn trú ở miền Bắc không đông lắm nhưng vẫn chu toàn vai trò trị an. Chỉ trong khoảng một năm, vùng trung châu miền Bắc hoàn toàn dưới quyền kiểm soát của Tây Sơn, chỉ một số tỉnh thượng du gần biên giới còn đứng ngoài.

Dẫu thế, lực lượng còn trung thành với cựu triều không bao nhiêu, đa số chống Tây Sơn vì có ý tự lập hơn là vì vua Chiêu Thống, bản thân vua Lê cũng phải lẩn trốn trong các thôn ấp, di động luôn luôn để

tránh tai mắt của địch. Riêng thân quyến của Lê Duy Kỳ, bao gồm cả Thái hậu (mẹ ông) và Hoàng phi (vợ ông) cùng đứa con nhỏ phải chạy lên Cao Bằng nương nhờ một cựu thần còn trung thành là Đốc đồng Nguyễn Huy Túc.

2.2. Nguyên nhân chạy sang Long Châu (Quảng Tây)

Năm Đinh Mùi [Chiêu Thống nguyên niên, 1787], khi quân Tây Sơn [do Vũ Văn Nhậm làm tiết chế] ra Bắc lần nữa, vua Lê chạy lên Lạng Giang. Lê Quýnh đem hơn 300 gia nhân hộ giá và tổ chức các đội nghĩa quân cần vương - theo như tường thuật của chính ông thì lên đến hơn 40.000 người và 500 chiến thuyền nhưng có lẽ chỉ tổng kết con số của các nơi lên tiếng hưởng ứng chứ không phải thực sự dưới tay ông. Vì công lao này, ông được phong chức Trường Phái hầu (長派侯)[1]. Khi đó, Thái hậu [mẹ vua Chiêu Thống], Nguyên phi [vợ cả của vua Chiêu Thống] Nguyễn Thị Kim và con đầu lòng là Lê Duy Thuyên [sơ sinh] đang ở Thái Nguyên nên nhà vua sai Lê Quýnh và Nguyễn Quốc Đống [anh của Hoàng phi] sang làm tả hữu hộ vệ sứ để bảo vệ gia quyến.

Quân Tây Sơn chưa buông tha nên tiếp tục đuổi theo. Tháng Năm năm Mậu Thân [1788], đoàn người bị săn đuổi vượt sông chạy được sang Trung Hoa. Sau mấy ngày sống trong hang động, uống nước suối, ăn rau rừng, quân tuần phòng nhà Thanh bắt gặp nên đưa họ đến Long Châu và thông báo cho quan sở tại.[2]

---

1. Trên mộ bia do Nguyễn Đăng Sở soạn thì lại là *Trường Hà hầu* (長河侯) mà theo Giáo sư Hoàng Xuân Hãn thì có thể vì viết thảo nên người sao viết nhầm. Vì không có bản rập tấm bia này nên xin ghi lại để tồn nghi.

2. Lê Quýnh thuật lại trong "*Bắc hành lược ký*":

Ngày mồng 9 [tháng Năm], *quân Tây Sơn kéo rốc đến, Lê Quýnh và Hoàng Ích Hiểu lui về giữ một cái gò nhỏ giữa sông ở Phất Mê. Quân địch vây ở phía tây nam còn phía đông bắc thì quân giữ ải của nội địa [tức Trung Hoa] trấn giữ, tiến thoái đều không được, chỉ còn nước đánh đến chết.*

Việc thân quyến của một triều đình phiên thuộc chạy sang nội địa xin nương náu là một tin *"động trời"*. Tôn Sĩ Nghị, Tổng đốc Lưỡng Quảng, vội vàng tới điều tra và sau khi biết rõ tình hình, lập tức tâu lên vua Càn Long để xin chỉ thị.

Đây là một khúc quanh lịch sử biến chuyển từ những tranh chấp nội bộ sang một quy mô lớn hơn có sự tham dự và can thiệp của bên ngoài - một đại quốc vẫn đóng vai thiên triều tự cho mình bổn phận và nhiệm vụ phải can thiệp khi phiên thuộc bị đe dọa.

Chuyến đi của nhóm lưu vong nhà Lê đã bị đánh giá một cách hời hợt là nhằm mục tiêu cầu viện *"cõng rắn cắn gà nhà"*. Tới gần đây, khi tìm thấy một số thư từ của nhóm Nguyễn Huy Túc gửi Tôn Sĩ Nghị trong văn khố Trung Hoa, đối chiếu với di văn của những người trong cuộc, chúng ta mới nhận ra nhiều góc cạnh mới.

2.3. Xuất bôn sang Quảng Tây

2.3.1. Ý đồ của Tôn Sĩ Nghị

Về nội tình Trung Hoa, một năm trước, công tác dẹp loạn và trấn áp của triều đình khiến một số dân tộc thiểu số nổi lên chống đối. Dưới danh nghĩa *"Phản Thanh phục Minh"*, một *"hội kín"* có tên là Thiên Địa hội do Lâm Sảng Văn cầm đầu đã chiếm đảo Đài Loan

---

Đến chiều hôm đó, trời mưa lớn lại có gió mạnh, trời tối đen nên nương theo ánh chớp mà qua sông, tìm được một con đường mòn đi vào trong núi sâu ở phía bắc Đầu Áo (斗隩) thuộc về nội địa. Gia đình chỉ còn được 7 người.

Đến khi trời sáng, tìm thấy Quốc mẫu và những người khác ở trong một cái hang núi. Lương thực hết, tìm được vài bắp ngô dâng lên. Số 60 người còn lại thì ăn rễ cốt túy bổ (骨碎補) tươi cùng các loại quả dại cho khỏi đói. Người nhà họ Nguyễn bị bệnh chướng, lưỡi ban nói mê sảng, ăn cốt túy bổ thì đỡ ngay.

Sống như thế mấy ngày thì người giữ ải của nội địa là Hoàng Thành Phượng (黃成鳳) báo tin lên quan thông phán Long Châu họ Trần [tên Tùng] *xuống Đầu Áo để tra xét tên tuổi, nguyên do đưa về Long Châu rồi trình lên đại lão gia tri phủ Thái Bình họ Lục* [tên Hữu Nhân] *để trình lên cho đạo, trấn, niết, phiên, phủ, đốc. Tháng Sáu thì đưa đến ở tại phủ Nam Ninh.* (Nguyễn Duy Chính dịch).

ngoài khơi Phúc Kiến. Tổng đốc Mân Triết Phúc Khang An - con của danh tướng Phó Hằng - được giao cho nhiệm vụ phối hợp quân thủy bộ ra bình định.

Chỉ huy một lực lượng hùng hậu, Phúc Khang An nhanh chóng đánh tan lực lượng cố thủ và biến cuộc tiễu trừ *"giặc cỏ"* thành một chiến công lừng lẫy mà vua Càn Long rất đắc ý. Một trong những người muốn nhân cuộc chiến này để xây dựng công danh là Tổng đốc Lưỡng Quảng Tôn Sĩ Nghị (1720-1796). Thế nhưng vì là người Hán nên ông chỉ được lo việc hậu cần và tuy hoàn thành rất chu đáo nhưng lại không được cất nhắc khiến họ Tôn nóng lòng tìm một dịp khác, nhất là khi đó tuổi ông cũng đã cao (gần 70 tuổi), chậm nữa sẽ không còn cơ hội.

Việc thân quyến vua Lê sang *"tỵ nạn"* đã được Tôn Sĩ Nghị khai thác triệt để ngõ hầu có dịp cầm quân, mà theo miêu tả của quan lại nhà Lê thì còn thuận lợi hơn Phúc Khang An nhiều: Nguyễn Huệ chiếm cứ Bắc Hà chỉ bằng sức mạnh nên bị chống đối khắp nơi, một khi quân Thanh *"thanh viện"* [lên tiếng yểm trợ] thì lập tức toàn quốc sẽ nổi lên đánh đuổi quân Tây Sơn về xứ Quảng Nam.

Nguyện vọng nguyên thủy của thần tử nhà Lê chỉ là xin Thanh triều can thiệp để Tây Sơn chia cho họ đất Cao Bằng [quản hạt cũ của Nguyễn Huy Túc] làm chỗ dung thân [như một khu vực tự trị dành cho con cháu nhà Mạc][1] nay đã bị Tôn Sĩ Nghị hướng sang một đường lối khác, biến thành một vận động quân sự. Trong đường lối thi hành ở Đại Việt, quan lại nhà Thanh thường mớm lời theo ý của họ, rồi làm như chính người Việt đã nêu ý kiến để đặt mọi sự vào việc đã rồi, khi việc không thành lại kết án ngay người trước đó từng được xúi bẩy.

Với đầy đủ lý do chính đáng, viên tổng đốc Lưỡng Quảng tâu lên nhân danh *"tự tiểu tồn vong, hưng diệt kế tuyệt"* vốn dĩ vẫn là chiêu bài sử dụng để can thiệp vào nước khác.[2] Vua Càn Long, với bản chất hiếu

---

1. Theo bài thơ của Nguyễn Huy Túc trong *"Bắc hành tùng ký"*, *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, tập II, sđd, tr. 876.

2. Việc xúi bẩy hay giả mạo một số người nhân danh con cháu cựu triều xin cứu viện rồi đem quân can thiệp để xâm lăng các quốc gia nhỏ đã từng

võ, lại thấy vấn đề tương đối dễ dàng nên không ngần ngại cử ngay Tôn Sĩ Nghị làm tổng chỉ huy, tiết chế bốn tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam, Quý Châu sang lấy lại nước cho Lê Duy Kỳ.[1]

Để danh chính ngôn thuận và kế hoạch tiến binh sang An Nam được dễ dàng, Tôn Sĩ Nghị sai một số bầy tôi nhà Lê trở về nước tìm cho bằng được Lê Duy Kỳ, yêu cầu ông viết thư xin nhà Thanh đem quân sang đánh Nguyễn Huệ. Căn cứ vào một số văn thư qua lại của vua Lê và các quan lại theo ông, chúng ta có thể tin rằng không phải mọi người đều có chung một quan điểm xin viện binh mà một số chủ trương chỉ yêu cầu họ lên tiếng làm áp lực để Nguyễn Huệ giao trả lại Bắc Hà cho nhà Lê.

Một tờ trình của Lê Quýnh [đi kèm theo lời kêu gọi chính thức của Lê Duy Kỳ] có nội dung như sau:

Nước An Nam từ khi lập quốc đến nay chỉ có họ Lê là được nước một cách chính đáng, ân huệ ban bố đến lòng dân, lễ nghĩa cũng kết nối được chí sĩ phu. Giữa đường họ Mạc tiếm vị mất hơn 60 năm, vậy mà lòng người hướng về triều đại cũ vẫn không đổi. Rồi trung hưng hơn hai trăm năm, có họ Trịnh phụ chính, đời đời nắm quyền, vua nước tôi tuy là chủ của hạ quốc nhưng phương Nam có họ Nguyễn phụ chính, riêng một cõi, Bắc có Trịnh phụ chính, giữ binh quyền cho tới ngày nay.

Cả Trịnh lẫn Nguyễn đều bị Nguyễn Nhạc đánh đuổi, khi đó lòng người ai cũng coi họ [hai họ Trịnh, Nguyễn] *là cái bệnh của nước nên không kháng cự. Đến khi lòng dạ Nguyễn Nhạc lộ ra, càng lúc càng thêm càn rỡ. Chỉ trước đây mấy năm, Nguyễn tặc tự đặt niên hiệu Thái Đức. Nay lại thêm tội cướp nước phạm thượng, dân chúng khắp nơi nổi lên chống lại, đủ biết họ Lê ân*

---

nhiều lần xảy ra trong lịch sử Trung Hoa và cũng đã áp dụng với Đại Việt thời Trần, thời Mạc.

1. Tôn Sĩ Nghị mập mờ tâu lên khiến vua Càn Long vẫn tưởng Lê Duy Kỳ có mặt trong số những người chạy sang Trung Hoa lúc đó nên khi việc bại lộ, ông đã xin cho Lê Duy Chỉ "*quyền An Nam Quốc vương*" nhưng vua Càn Long e rằng như vậy một mai khi xong việc, hai anh em sẽ có tranh chấp nên quyết định nếu như Lê Duy Kỳ đã chết thì sẽ cho con trai [nguyên tử] Lê Duy Thuyên [đang cùng ở với mẹ và bà nội tại Nam Ninh] lên kế vị.

trạch thấm nhuần, không gọi mà đồng lòng, biết điều nhân thì dân hướng về, Nguyễn tặc tuy mạnh, cũng không thể ép người ta phải theo.

Chỉ mong thiên triều thương nước nhỏ, ban bố cái đức cho kẻ khốn khó, đem binh trời đến sát biên cảnh, làm thế thanh viện cho hạ quốc, *dân trong nước nghe tin, lập tức từ trong đánh ra, không cần phải nhọc đến binh thiên triều, cái đầu Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ ắt sẽ đến ngay.*[1]

Trong khi Lê Duy Kỳ vẽ ra kế hoạch chia quân thủy bộ đánh vào Thăng Long và Thuận Hóa thì Lê Quýnh lại chỉ xin *"thiên sư áp cảnh, vi hạ quốc chi thanh viện"* (đem quân đóng ở biên giới để lấy tiếng cứu viện hạ quốc), rõ ràng Lê Quýnh không muốn họ đem quân sang Đại Việt.

2.3.2. Mục đích của Thanh triều

Về nhóm tông tộc nhà Lê chạy được sang Long Châu mong muốn to lớn nhất của họ lúc đó chỉ là làm sao sống còn, được phép ở lại Trung Hoa mà không bị giải giao về nước cho quan chức sở tại. Đời Thanh, dân chúng qua lại vùng biên giới đều bị cấm ngặt, có đi thường không có về, dù từ Trung Hoa ra khỏi nước hay từ bên ngoài vào nội địa Trung Hoa đều bị nghiêm trị.

Chính vì thế, thân quyến và di thần nhà Lê vội vàng kể rõ tình cảnh bị cường địch truy sát [chứ không phải dân biên giới trốn sang ở phi pháp] hy vọng rằng quan nhà Thanh sẽ vị tình mà không trả về nước. Khó khăn nhất của đám người lếch thếch này là không có một giấy tờ hay vật dụng khả dĩ chứng minh thân thế nên chỉ dựa vào khẩu cung để trình bày hoàn cảnh của mình.

Khi biết chuyện, các cấp tiểu lại địa phương không dám tự chuyên, vội vàng báo lên Tuần phủ Quảng Tây Tôn Vĩnh Thanh và Tổng đốc Lưỡng Quảng Tôn Sĩ Nghị. Tôn Sĩ Nghị liền chạy xuống không phải vì quan tâm đến sinh mệnh chính trị của tiểu quốc ở phía nam mà vì đây là một cơ hội tốt cho hoạn lộ của mình nếu biết khai thác.

---

1. Văn khố Đài Bắc hòm số 2778, bao số 163, số hiệu 39039 trong "Nguyệt triệp bao", *Quân cơ xứ* đề ngày 15 tháng Chín năm Càn Long thứ 53 [1788].

Nguyên vua Càn Long vẫn ao ước sẽ có cơ hội để tự xưng là "Thập Toàn Lão Nhân" trước khi ông thoái vị. Danh hiệu *"thập toàn"* mang nhiều ý nghĩa nhưng trong đó cũng ẩn náu một mơ ước là ông sẽ thực hiện được mười võ công oanh liệt nên tìm đủ cách tạo những chiến thắng để chứng tỏ tài thao lược của mình.

Mọi việc xảy ra đúng như Tôn Sĩ Nghị tính toán. Vua Càn Long rất phấn khởi khi nghe báo cáo và ra lệnh điều động quân bốn tỉnh Vân Nam - Quý Châu và Quảng Đông - Quảng Tây chia thành hai ngả tiến sang Đại Việt.

2.3.3. Quân Thanh vượt qua Nam Quan

Ngày 28 tháng Mười, giờ Mão [25-11-1788], quân Thanh tế cờ mở cửa ải tiến qua Nam Quan. Lê Quýnh và Lê Duy Đản được giữ ở trung quân để cố vấn cho Tôn Sĩ Nghị. Tới Lạng Sơn, Tôn Sĩ Nghị dừng lại hai ngày chờ các cánh quân khác đi sang kịp.

Nghe tin này, quân Tây Sơn rút về giữ Tiên Lệ (先麗), Cần Dịch (芹驛), Ha Hộ (訶詁), Trụ Hữu(柱右), dựa vào thế đất hiểm trở để ngăn giặc. Khi phái đoàn Lê Duy Đản, Trần Danh Án, Lê Quýnh sang Quảng Tây mang theo tờ bẩm của Lê Duy Kỳ, họ đã xác quyết rằng một khi quân Thanh tiến qua khỏi cửa ải thì vua Lê sẽ tới ngay để cùng với Tôn Sĩ Nghị tiến xuống Thăng Long. Thế nhưng, quân Thanh ra khỏi Nam Quan đã gần nửa tháng vẫn chưa thấy bóng dáng Lê Duy Kỳ đâu nên ngày 11 tháng Một năm Mậu Thân [8-12-1788], Tôn Sĩ Nghị sai Lê Quýnh đi tìm vua Chiêu Thống. Lê Quýnh thuật lại trong *"Bắc hành lược ký"*[1] như sau:

Tôn đại nhân cật vấn Lê Quýnh rằng:

- Sao bản bộ đường ra khỏi cửa ải đã hơn tám trăm dặm sao chưa thấy vương tự tôn động tĩnh gì?

---

1. Theo các tài liệu tồn trữ, hồi ký của Lê Quýnh có tên là *"Bắc hành tùng ký"* [ghi lại việc đi theo vua sang đất Bắc]. Riêng trong *Nam Phong tạp chí*, hồi ký này lại ghi là *"Bắc hành lược ký"*. Trong biên khảo này, khi nào ghi là *"Bắc hành lược ký"* thì trích từ bản dịch [của tác giả Nguyễn Duy Chính] cuốn hồi ký của Lê Quýnh theo bản tạp chí *Nam Phong*.

Lê Quýnh trả lời có lẽ vì đường sá bị trở ngại nên nhân đó xin một mình cưỡi ngựa đi tìm chủ. Tổng đốc Tôn Sĩ Nghị bằng lòng.

Nghe tin quân Nam thua ở sông Thương, nội hầu Tây Sơn Phan Văn Lân (潘文璘) đem binh lên giữ Thị Cầu, đóng trên các sườn núi và chỗ hiểm yếu ở bờ sông phía nam, lại thiết lập nhiều đồn lũy bằng tre, gỗ dọc theo bờ sông phòng ngự. Trương Triều Long dẫn quân qua sườn núi tập hậu đánh bất ngờ vào đại doanh của Phan Văn Lân. Phan Văn Lân rút quân về bảo vệ Thăng Long.[1]

Quân Thanh tiếp tục tiến đến bờ phía bắc sông Nhĩ Hà. Đại Tư mã Ngô Văn Sở cho rút toàn bộ lực lượng về núi Tam Điệp rồi cáo cấp với vua Quang Trung.

Ngày 21, Lê Quýnh đưa vua Lê Chiêu Thống đến gặp Tôn Sĩ Nghị ở bờ sông phía bắc Nhĩ Hà. Ngày 22, vua Lê cùng quân Thanh vào chiếm lại Thăng Long.

III. TRỞ LẠI THĂNG LONG

3.1. Triều đình Chiêu Thống

Sau khi tái lập triều đình, vua Lê và cận thần chủ trương thừa thắng tập trung quân tiến lên lấy lại vùng đất cũ của Bắc Hà nên giao cho Lê Quýnh lo liệu mọi việc quân đội, lương hướng. Tuy nhiên, Thanh triều lại không muốn giúp cho vua Lê hoàn toàn thắng thế mà

---

1. *"Bắc hành lược ký"* chép:

Trước khi lên đường, Lê Quýnh bàn mưu với Lê Đản:

- Hiện nay, quân địch bị thua luôn mấy trận, thế nào cũng tập trung quân ở núi Thị Cầu (市球), dựa vào sông để chống lại. Cái thế dùng binh của họ chỉ biết ngăn địch phía trước, thường là không nhìn lại phía sau. Vậy nên dùng kỳ binh tập kích ắt phá được, một khi doanh Thị Cầu bị bại rồi thì cất tay là lấy được Lê thành.

Khi đại quân đến núi Tam Tằng (三層), Lê Đản đưa kế đó lên, Tôn đại nhân nghe theo, ngày 20 tiến quân phá được doanh Thị Cầu, đuổi theo đến tận phía bắc sông Phú Lương (富梁), quân Tây Sơn bỏ thành mà chạy.

muốn chia quyền hành, đất đai để họ dễ dàng khống chế cả hai. Việc Tôn Sĩ Nghị đưa ra kế hoạch "dụ hàng" Nguyễn Huệ khiến cho vua tôi nhà Lê không khỏi bất mãn nhất là sau khi họ Tôn bắt ép vua Chiêu Thống phải thu hồi binh quyền và chỉ giao cho Lê Quýnh nhiệm vụ *"bình chương sự* (平章事) *việc hộ, việc binh"* lo việc hành chính.

"Bắc hành lược ký", trong *Nam Phong tạp chí*, số 125, chép như sau:

[...] *tháng Chạp, theo sắc của thiên triều ban xuống phong cho tự tôn làm An Nam Quốc vương.* [Vua Lê] *ban cho Lê Quýnh chức vụ Tổng binh. Cũng tháng đó, Lê vương sai Lê Quýnh lo việc binh lương, định ngày đánh đuổi giặc* [quân Tây Sơn]. *Thế nhưng, Tôn đại nhân lại tính chuyện chiêu hàng nên ép Quốc vương đuổi theo lấy lại kiếm ấn, đổi lại thành Bình chương sự* (chức vụ lo việc giấy tờ). *Vừa lúc đó, Lê Quýnh nổi cơn sốt rét nặng nên xin về nhà* [quê làng Đại Mão] *nghỉ ngơi uống thuốc* [...][1]

Việc ông đột nhiên về quê đã đưa đến nhiều nghi vấn, người thì cho rằng ông bất mãn với Lê Duy Kỳ nên bỏ đi, người thì cho rằng ông bị Tôn Sĩ Nghị mắng nhiếc nên bẽ mặt. Theo *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển XXVI (tr. 1-3), Tôn Sĩ Nghị [lúc này ông ta đã đổi sang làm Tổng đốc Tứ Xuyên sau khi thua trận bị cách chức Tổng đốc Lưỡng Quảng], ngày mồng 3 tháng Giêng năm Càn Long thứ 55 [1790], tâu lên:

Năm trước, Lê Quýnh đưa mẹ và vợ Lê Duy Kỳ đến gõ cửa quan cầu cứu. Thần [Tôn Sĩ Nghị tự xưng] *đến biên ải Việt Tây* [tức biên giới tỉnh Quảng Tây] *xem xét cựu thần nhà Lê, chỉ thấy Lê Quýnh ngôn từ, cử động có vẻ khí khái, xem ra nhanh nhẹn tháo vát nên đã sai đi theo đường Quảng Đông về nước tìm chủ.*

Thần cũng tuân theo thánh ân cấp cho Lê Quýnh tiền bạc phí tổn nên khi gặp Lê Duy Kỳ rồi trở qua báo tin liền cho y theo làm hướng đạo. Về sau không thấy Lê Duy Kỳ đâu nên thần đã sai y đi tìm, mãi đến khi thần tiễu sát qua sông, khắc phục Lê thành [tức thành Thăng Long] *rồi, Lê Quýnh lúc bấy giờ mới cùng Lê Duy Kỳ đến quân doanh.*

---

1. [...] 命黎侗總督兵餉，克期進勦。奈孫大人主招徠之議。促國王追取劍印改授平章事。時黎侗瘧疾大作。遂告假回家服藥。*"Bắc hành lược ký"*, *Nam Phong*, số 125, tr. 3.

Nguyên do là vì bọn họ dò thám thấy quân địch đóng ở các sông Thọ Xương, Thị Cầu, Phú Lương thế mạnh, nghĩ rằng quan binh không thể thắng nổi nên không dám ra. Thần biết ngay bọn Lê Quýnh trước đây qua cửa ải, nói khoác rằng ở xứ này nghĩa sĩ tụ tập, một khi đại binh đến nơi sẽ đứng lên tiếp tay đánh giặc là điều không thực.

Thần đóng binh ở bờ sông Lê thành, Lê Quýnh lúc đầu có đi theo Lê Duy Kỳ đến yết kiến mấy lần, sau đó mất tăm không thấy nữa. Thần mới hỏi Lê Duy Kỳ thì nghe nói Lê Quýnh bị sốt rét nặng, hiện đang ngọa bệnh. *Thần nghĩ lúc này Lê thành mới khôi phục, quân giặc chưa trừ xong, đâu phải là lúc lặng thinh chữa trị, nên mới truyền cho y đến bờ sông, trách mắng các ngươi khi còn ở nội địa* [tức ở Trung Hoa] *từng bẩm là một khi đại binh xuất quan, người trong nước sẽ vân tập hưởng ứng, thế mà mấy lần cùng giặc huyết chiến, nào có thấy các ngươi tụ tập nghĩa dũng, để trợ thanh uy đâu?*

Đến bây giờ lại cáo ốm không ra, đủ biết các ngươi không chút thiên lương, phụ lòng Đại hoàng đế giúp cho sự mất còn của kẻ yếu. Thần nặng lời mắng mỏ, Lê Quýnh phục xuống đất dạ dạ, khăng khăng nói là quả thực bị bệnh. Thần lại gặng hỏi kỹ càng, Lê Quýnh [ngươi] *tuy có ốm thật nhưng* [có phải] *vì khi Lê Duy Kỳ được nước rồi, lại không hết lòng ủy nhiệm nên mới thoái thác?*

Thần xem y tính khí không biết đại thể, lòng dạ bạc bẽo. Lại nghe Lê Duy Kỳ ở kinh thành, tru lục mấy kẻ bạn thần là do mấy kẻ tùy tòng như bọn Lê Quýnh ở bên cạnh xúi biểu nên lập tức ngăn Lê Duy Kỳ không cho làm nữa. Lại viết một bài dụ mấy trăm câu, chỉ cho y biết lúc này cần phải đối xử khoan dung, thu phục nhân tâm để an lòng kẻ phản trắc, tuyệt đối không được toan tính chuyện trả thù khiến cho lòng dân phản bạn, thân thích chia lìa.

Lê Duy Kỳ vâng lời, cầm tờ dụ của thần viết đi ra.[1]

---

1. *Nguyên văn:*

查上年黎侗隨黎維祁母妻。籲救入關。臣到粵西邊隘。察看黎氏舊臣。惟黎侗言辭舉動。略具氣概。尚屬庸中佼佼。嗣伊請從廣東一路。前赴該國尋訪伊主。

Theo sử Việt Nam đường thời, khi nghe tin Nguyễn Huệ kéo quân

---

經臣奏蒙聖恩。賞給黎侗盤費。令其前往。旋即遇見黎維祁。進關通信。臣即帶伊出關。作爲嚮導。因途次未見黎維祁。復遣伊前往尋覓。直至臣一路勦殺渡江克復黎城之後。黎侗方隨同黎維祁來至軍營。

蓋緣伊等探知壽昌市球富良等江。賊氛甚惡。深慮官兵不能取勝。是以不敢前來。臣即知黎侗等前此進關。盛稱該國義師屯聚。大兵一出關門。自必會合助勦之言。毫無實際。

臣駐兵黎城江岸時。黎侗初尚隨同黎維祁謁見數次。繼竟寂然不至。臣即面詢黎維祁。據稱黎侗患瘧甚重。現在卧病。臣以黎城初復。敵寇未殲。豈是藉口養病之時。當即傳至江岸。斥以爾等前此在內地。稟稱大兵出關。爾國雲集響應。昨與賊兵連次血戰。並未見爾等糾集義勇。稍助聲威。

今又卧病不出。可見爾等全無天良。辜負我大皇帝字小存亡之意。嚴加呵斥。黎侗伏地唯唯。惟以實在患病爲辭。臣細加採訪。黎侗患病雖真。其意亦因黎維祁得國後。不能專心委任。固爾藉詞推托。臣以其任氣使性。不知大體。深薄其人。

且聞黎維祁在城內。誅戮叛臣數人。大概係隨從出奔之黎侗等。在旁慫恿。臣即向黎維祁禁阻。並面寫數百言。諭以此時務須寬大。收拾人心。以安反側。萬不可日圖報復。致令眾叛親離。

黎維祁應允。將臣手寫諭條。懷之而去。

Phiên âm:

Tra thượng niên Lê Quýnh tùy Lê Duy Kỳ mẫu thê. Dụ cứu nhập quan. Thần đáo Việt Tây biên ải. Sát khán Lê thị cựu thần. Duy Lê Quýnh ngôn từ cử động. Lược cụ khí khái. Thượng thuộc dung trung giảo giảo. Tự y thỉnh tòng Quảng Đông nhất lộ. Tiền phó cai quốc tẩm phỏng y chú.

Kinh thần tấu mông thánh ân. Thưởng cấp Lê Quýnh bàn phí. Lệnh kỳ tiền vãng. Toàn tức ngộ kiến Lê Duy Kỳ. Tiến quan thông tín. Thần tức đái y xuất quan. Tác vi hướng đạo. Nhân đồ thứ vị kiến Lê Duy Kỳ. Phục khiển y tiền vãng tầm mịch. Trực chí thần nhất lộ tiễu sát độ giang khắc phục Lê thành chi hậu. Lê Quýnh phương tùy đồng Lê Duy Kỳ lai chí quân doanh.

Cái lục y đẳng thám tri Thọ Xương, Thị Cầu, Phú Lương đẳng giang. Tặc phân thậm ác. Thâm lự quan binh bất năng thủ thắng. Thị dĩ bất cảm tiến lai. Thần tức tri Lê Quýnh đẳng tiền thử tiến quan. Thỉnh xưng cai quốc nghĩa sư truân tụ. Đại binh nhất xuất quan môn. Tự tất hội trợ tiễu chi ngôn. Hào vô thực tế.

ra và các cánh quân giữ nhiệm vụ chặn địch thất bại, Tôn Sĩ Nghị vội vàng vượt sông Nhĩ Hà, chặt cầu phao rồi chạy trốn về Trung Hoa. Theo báo cáo của chính họ Tôn thì ông ta đến Nam Quan ngày 11 tháng Giêng.

3.2. Khi quân Thanh thất bại

3.2.1. Chạy về Quảng Tây

Thất bại nhanh chóng của quân Thanh khiến cho Lê Duy Kỳ và một số cận thần vội vàng chạy theo Tôn Sĩ Nghị về hướng Nam Quan. Tuần phủ Quảng Tây Tôn Vĩnh Thanh đã báo cáo rằng vua Lê nhập quan cùng với khoảng 20 tùy tòng [nhưng không có Thái hậu và Nguyên tử] vào giờ Thân (buổi chiều khoảng 4, 5 giờ) ngày mồng 7 (tháng Giêng năm Kỷ Dậu) nên lập tức đưa đến Nam Ninh tạm trú.

Thần trú binh Lê thành giang ngạn thời. Lê Quýnh sơ thượng tùy đồng Lê Duy Kỳ yết kiến sổ thứ. Kế cánh tịch nhiên bất chí. Thần tức diện tuân Lê Duy Kỳ. Cứ xưng Lê Quýnh hoạn ngược thậm trọng. Hiện tại ngọa bệnh. Thần dĩ Lê thành sơ phục. Địch khấu vị tiêm. Khởi thị tịch khẩu dưỡng bệnh chi thời. Đương tức truyền chí giang ngạn. Xích dĩ nhĩ đẳng tiền thử tại nội địa. Bẩm xưng đại binh xuất quan. Nhĩ quốc vân tập hưởng ứng. Tạc dữ tặc binh liên thứ huyết chiến. Tịnh vị kiến nhĩ đẳng củ tập nghĩa dũng. Sảo trợ thanh uy.

Kim hựu ngọa bệnh bất xuất. Khả kiến nhĩ đẳng toàn vô thiên lương. Cô phụ ngã đại hoàng đế tự tiểu tồn vong chi ý. Nghiêm gia kha xích. Lê Quýnh phục địa duy duy. Duy dĩ thực tại hoạn bệnh vi từ. Thần tế gia thái phỏng. Lê Quýnh hoạn bệnh tuy chân. Kỳ ý diệc nhân Lê Duy Kỳ đắc quốc hậu. Bất năng chuyên tâm ủy nhiệm. Cố nhĩ tịch từ suy thác. Thần dĩ kỳ nhậm khí sử tính. Bất tri đại thể. Thâm bạc kỳ nhân.

Thả văn Lê Duy Kỳ tại thành nội. Tru lục bạn thần số nhân. Đại khái hệ tùy tòng xuất bôn chi Lê Quýnh đẳng. Tại bàng túng dũng. Thần tức hướng Lê Duy Kỳ cấm trở. Tịnh diện tả sổ bách ngôn. Dụ dĩ thử thời vụ tu khoan đại. Thu thập nhân tâm. Dĩ an phản trắc. Vạn bất khả nhật đồ báo phục. Chí lệnh chúng phản thân ly.

Lê Duy Kỳ ứng duẫn. Tương thần thủ tả dụ điều. Hoài chi nhi khứ... *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển XXVI, Nguyễn Duy Chính, sđd, tr. 514-515.

Trong khi đó, những khu vực phía bắc kinh thành Thăng Long vẫn còn nhiều vùng chưa hoàn toàn dưới quyền kiểm soát của Tây Sơn nên mau chóng tập trung thành một số tụ điểm trong đó đáng kể nhất là:

1. Lê Quýnh và Lê Doãn Trị,[1] Trịnh Hiến[2], Lý Bình Đạo... ở lại vùng Kinh Bắc chiêu mộ binh sĩ, tổ chức lực lượng để đợi thời cơ,

2. Lạn quận công Lê Duy Chỉ cùng một số tôn thất chạy lên vùng Tây Bắc liên kết với một số thổ hào xây dựng căn cứ,

3. Con cháu nhà Lê là Lê Duy Đoàn [sau đổi tên Lê Duy Trị] nổi lên ở vùng Thanh Hóa (sau chạy sang Trung Hoa) ...

Theo báo cáo của quan nhà Thanh, một số quân lính, dân phu của họ cũng tự động chạy theo các đường núi trở về, nhiều người lạc sang phía Vân Nam nhưng phần đông tàn quân chạy về Lạng Sơn qua cửa Nam Quan.

3.2.2. Vua Chiêu Thống và tòng thần

Một điều chắc chắn, vua Lê không chạy cùng với Tôn Sĩ Nghị [như sử Việt Nam đương thời vẫn chép] và chỉ gặp lại Tôn Sĩ Nghị sau khi đã sang Trung Hoa. Theo một tờ biểu của họ Tôn tường trình lên vua Càn Long về việc thất trận thì khi vừa chạy đến Nam Quan, ông đã tâu lên là đang cho người tìm kiếm Lê Duy Kỳ để tránh cho một ông vua được phong vương chính thức của Thanh triều bị giặc bắt.[3]

---

1. Theo tấm bia bằng đá đặt tại làng Đại Mão thì Lê Doãn Trị [1758-1811] là con thứ năm của Tiến sĩ Tú Xuyên hầu Lê Doãn Thân, được phong tước Siêu Lĩnh bá. Nguyễn Duy Hợp và Nguyễn Xuân Sáu, "Tại sao mộ Lê Quýnh có hai bài văn bia?", Tạp chí *Nghiên cứu Hán Nôm*, số 4 (77) 2006, tr. 78-83.

2. Tước Ái Sơn hầu.

3. Một điều khó hiểu là theo lời tâu của Tôn Vĩnh Thanh thì y gặp Tống Văn Hình nên biết rằng quân Thanh đã đại bại nên chực sẵn ở Nam Quan để tiếp đón quân Thanh chạy về nhưng lại không báo cáo với Tôn Sĩ Nghị việc Lê Duy Kỳ đã chạy sang Trung Hoa, điều này liệu có bất thường chăng? Theo sự suy đoán của chúng tôi, Tôn Sĩ Nghị chạy về Nam Quan trước, sau đó Lê Duy

Trên danh nghĩa, Tôn Sĩ Nghị đem quân sang Đại Việt là để *"hưng diệt kế tuyệt"*, lập lại dòng chính thống cho nhà Lê nên việc viên tổng đốc Lưỡng Quảng chạy thoát thân một mình không ngó ngàng gì đến ông vua An Nam mới được phong vương nếu truy ra sẽ thành đại tội ngộ thất quân cơ.[1]

Lịch triều tạp kỷ có chép một chi tiết khi vua Chiêu Thống gặp Tôn Sĩ Nghị tại biên giới:

[...] *Vua Chiêu Thống cáo từ Tôn Sĩ Nghị rằng:*

"Tôi làm mất xã tắc, nhục nhã nhờ Tôn đại nhân sang cứu; xiết bao cảm khích. Nay ngài bỏ đi, không dám nài xin nữa. Cúi xin [ngài] *trở về triều được mọi điều may mắn. Tôi xin trở lại đất nước tôi, thu thập dân, lính để lo một phen nữa. Nếu may mà thành công được thì đó là do quan thượng hiến giúp cho, nếu chẳng thành công, thì lại theo xe thượng hiến để chờ xin che chở".*

Kỳ mới đến nơi nhưng vì muốn đổ cho vua Chiêu Thống tội *"hèn yếu thiếu khả năng"* và *"làm loạn lòng quân"* nên quan nhà Thanh đã báo cáo là ông bỏ chạy trước khi quân Thanh thua trận. Trong tất cả các tài liệu Việt Nam thì Lê Chiêu Thống chỉ chạy theo khi nghe tin Tôn Sĩ Nghị đã vượt sông về Bắc. Ngay cả mẹ và con, ông cũng không đón kịp.

Theo Ngô Cao Lãng thì "... Vua Chiêu Thống cũng cưỡi ngựa cùng vượt sông và chạy về Bắc với Sĩ Nghị. Bề tôi của vua chỉ có Nguyễn Viết Triệu cầm cương theo hầu. Còn thì đều ở lại bờ sông. Vua Chiêu Thống ngầm sai bề tôi tin cậy là Hoàng Ích Hiểu cấp tốc quay về trong điện, cùng với hoàng đệ Lê Duy Chỉ đưa mẹ con và phi tần của vua ra sông Nhị Hà, vội vàng vượt sông, tìm đường đi gấp để đuổi kịp vua [...]", *Lịch triều tạp kỷ*, quyển VI, sđd, tr. 588.

1. 至黎維祁無能至此。原不足惜。但既經承受皇上施恩。未便一任阮惠擒擊快心。臣現在令人趕赴諒山南關一帶。訪查黎維祁母子。暫令進關存活。

Còn như Lê Duy Kỳ thật là vô năng, [có mất thì cũng] *không có gì đáng tiếc. Có điều* [y] *đã được hưởng ân huệ của hoàng thượng, không nên để cho Nguyễn Huệ bắt cho thỏa dạ.* [Vì thế] *thần đã sai người đến các vùng Lạng Sơn, Nam Quan, tìm hỏi xem mẹ con Lê Duy Kỳ hiện như thế nào, tạm thời đưa về* [Trung Hoa] *cho khỏi chết.* Tấu thư của Tôn Sĩ Nghị ngày 25 tháng Một năm Kỷ Dậu [1789], *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển XIII, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 328.

Nghị nghe đến đây, lấy tay viết vào tấm gỗ rằng:

"Nguyễn Quang Bình (tức Nguyễn Văn Huệ) không bị diệt thì quyết không thôi. Tôi đã viết biểu tâu xin thêm quân, một ngày kia đại quân sẽ tới. Đất Lạng Sơn gần kề quân giặc, lương ít, khí độc, không tiện ở lại, hãy tạm vào yên nghỉ ở đất Nam Ninh, để chờ chiếu chỉ của thiên triều".[1]

Nếu đúng như thế, Lê Duy Kỳ cũng biết rằng người Thanh giúp mình cũng chỉ được một lần, việc khôi phục vẫn phải do mình là chính. Tôn Sĩ Nghị yêu cầu ông ở lại có thể do nhiều nguyên nhân khác nhau nhất là để minh chứng với triều đình là ông vẫn hết lòng bảo vệ một quốc vương chính thống. Vả lại, Tôn Sĩ Nghị vốn dĩ đã có ý sử dụng chính trường nước Nam để mong đẹp lòng vua Càn Long. Ngay ngày Tết Nguyên đán, tại Trùng Hoa Cung, vua Cao Tông và 28 văn quan [nhị thập bát tú] đã làm một bài thơ liên hoàn đầy đắc ý về chiến công này.[2]

Khi quân Thanh thua chạy, Tôn Sĩ Nghị vội vàng dò ý vua Càn Long để tìm cách biện bạch cho đúng ý. Trước hết, Tôn Sĩ Nghị thông đồng với Tôn Vĩnh Thanh [Tuần phủ Quảng Tây] đổ tội cho Lê Duy Kỳ trốn đi làm hoảng loạn lòng quân trong khi theo các nguồn tài liệu của Việt Nam thì vua Lê chỉ chạy theo khi thấy viên tổng đốc nhà Thanh đào tẩu.

Đến khi thấy tình hình có cơ chuyển hướng, Tôn Sĩ Nghị lại tính việc dùng vua Lê làm điều kiện trao đổi với triều đình Tây Sơn. Kế hoạch này được Phúc Khang An tiếp tục để tiến hành đàm phán, đưa đến thỏa hiệp mà cả hai triều đình Càn Long lẫn Quang Trung cùng mong đợi. Trong khi đang ngấm ngầm trao đổi, vua Lê và dân chúng Bắc Hà có lẽ cũng không ngờ rằng hai kẻ đại thù đã sẵn sàng bắt tay nhau và gạt ra ngoài một đồng minh cũ không thương tiếc.

---

1. Ngô Cao Lãng, *Lịch triều tạp kỷ*, sđd, tr. 589-590. Việc viết lên tấm bảng có lẽ là để bút đàm vì trong khi gấp gáp không có người thông ngôn.

2. Xem thêm "Thiên Chương nhất: Thơ ngự chế" trong *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển đầu, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd. tr. 59-92.

Để chuẩn bị cho công tác hậu chiến, vua Quang Trung cũng bỏ ngỏ con đường từ Thăng Long lên Lạng Sơn nhằm mở ra một cánh cửa bang giao. Nhiều dấu hiệu cho thấy nếu Tây Sơn muốn đuổi tận giết tuyệt, số lượng quân Thanh đông đảo vượt qua sông Nhĩ Hà về biên giới khó lòng có thể chạy thoát mà không bị tấn công. Cũng nhờ đó, tuy trận chiến Việt-Thanh có khốc liệt nhưng quan lại triều Lê hầu như không tổn thất vì không ghi nhận một nhân vật nào của Bắc Hà bị tử thương.

Sau khi vua Lê đã bình yên, nhóm bầy tôi đầu tiên chạy được sang Trung Hoa vào khoảng hơn 20 người[1]. Cuối tháng Giêng, số người sang được Quảng Tây bao gồm:

- Mẹ và con vua Chiêu Thống (Nguyễn Thị Ngọc Tố và Lê Duy Thuyên)

- Hoàng Ích Hiểu, phiên mục Cao Bằng, tước Địch quận công

- Nguyễn Quốc Đống, người xã Tỳ Bà, huyện Lang Tài [anh của Vương phi Nguyễn Thị Kim]

- Phạm Như Tùng, người Thư Trì, đề lĩnh

- Lê Hân, người xã Nộn Liễu, huyện Nam Đường

- Phạm Đình Thiện, người xã Bác Trạch, huyện Chân Định

- Lê Văn Trương, người xã Nghĩa Đồng, huyện Nam Đường

- Lê Quý Thích, người xã Đồng Bằng, huyện Yên Định[2].

Đến tháng Ba, báo cáo nhà Thanh ghi nhận thêm những tên sau đây:

- Phan Khải Đức

- Nguyễn Đình Bái

- Hoàng Đình Cầu

- Nguyễn Đình Liễn

---

1. *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển XIII, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 331.
2. Ngô Cao Lãng, *Lịch triều tạp kỷ*, sđd, tr. 589.

- Nguyễn Hiền

Đến tháng Tư, Phúc Khang An lại tâu lên có thêm những người sau đây:

- Lê Duy Án (con út vua Hiển Tông, chú của Lê Duy Kỳ) tước Trung quận công

- Lê Duy Trợ (thân tộc nhà Lê)

- Lê Duy Doanh (thân tộc nhà Lê)

- Trần Đắc Bồi

- Nguyễn Đình Hoa

- Đặng Kim Huân

- Nguyễn Đình Dung

- Vũ Xuân Bỉnh

- Phan Khải Tích

- Phan Mạnh Hiền...

Theo báo cáo của Phúc Khang An và Tôn Vĩnh Thanh thì số người qua tỵ nạn được tạm trú ở Quế Lâm là 376 người.[1]

IV. VẬN ĐỘNG CỨU VIỆN

4.1. Bang giao hậu chiến

Cứ như lời thuật của chính Lê Quýnh thì tin tức về việc bại trận cũng phải mất hàng tháng ông mới nghe biết khi đang dưỡng bệnh tại Kinh Bắc nhưng không rõ bằng cách nào. Một chi tiết có thể soi sáng cho tình hình những người hoài Lê là Hoàng phi Nguyễn Thị Kim cũng chạy về Kinh Bắc để ẩn trốn nên khu vực này có thể coi như tâm điểm của nỗ lực "*phục quốc*". Ngoài Hoàng phi còn có các thân quyến họ ngoại [mẹ và vợ của vua Lê] che chở và ủng hộ nhóm chống Tây Sơn.

---

1. *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển XXV, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 506.

Một chi tiết cũng rất đáng chú ý là theo một số tấu triệp của Tôn Sĩ Nghị và Phúc Khang An trong *Khâm định An Nam kỷ lược* thì sau này khi Lê Quýnh sang Trung Hoa, ông có đưa ra một số mẫu in con dấu An Nam Quốc vương nhà Thanh ban cho vua Chiêu Thống, vừa để chứng minh thân thế, vừa để cho người Thanh biết rằng nhóm của ông có một vai trò đặc biệt quan trọng. Có lẽ, Lê Duy Kỳ trong khi cấp bách đã giao bảo ấn cho Hoàng phi cất giữ làm tín vật khi chia tay.[1] Cuộc đời đưa đẩy khiến vua Chiêu Thống lưu lạc sang Trung Hoa còn Vương phi thì về lánh nạn tại quê cũ là làng Tỳ Bà và được nhóm bầy tôi còn ở lại trong nước hỗ trợ.

Sự có mặt của Hoàng phi và con dấu quốc vương đã tạo cho nhóm của Lê Quýnh một tư thế chính danh và nhờ thế đã quy tụ được những thành phần tương đối quan trọng, trong đó có cả con cháu chúa Trịnh, vẫn còn trung thành với tiền triều. Lê Quýnh cũng tiếp tục công tác chiêu mộ binh sĩ, tích thảo đồn lương - và theo lời ông kể trong "*Bắc hành lược ký*" thì còn tìm cách khuyến dụ một số tướng lãnh Tây Sơn trở giáo.

Tuy nhiên, cũng như mọi thời đại, những nhóm chống đối thường đặt nặng công tác xây dựng và củng cố lực lượng mà nhẹ việc tìm hiểu thời thế nên hầu như không biết gì về những biến chuyển thượng tầng. Trong tình hình còn đang nóng bỏng, không một ai lại tin rằng chỉ sau mấy tháng nhà Thanh đã từ bỏ thế đối đầu để công nhận triều đình Tây Sơn.

4.1.1. Hòa đàm sơ khởi

Khác hẳn với ghi chép trong thông sử chú trọng vào thắng lợi chiến tranh mà không quan tâm nhiều đến bang giao hậu chiến, ngày

---

1. Theo một liên lạc viên tên là Trần Chính Trung chạy được sang Trung Hoa thì Lê Quýnh hiện đang giữ chiếc ấn An Nam Quốc vương và tìm cách sang Quảng Tây nhưng bị truy đuổi ở Phao Sơn (抛山) thuộc xứ Bắc nên hiện còn lẩn trốn ở trong núi. *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển XVII, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 389.

20 tháng Giêng năm Kỷ Dậu - tức là vừa tròn nửa tháng sau trận đánh ở Thăng Long - phái đoàn cầu hòa của Đại Việt đã có mặt tại Nam Quan. Tin tức đó được báo ngay về Bắc Kinh và ngày mồng 9 tháng Hai[1], vua Càn Long đã chỉ thị cho Tôn Sĩ Nghị và Tôn Vĩnh Thanh phương thức đối phó, trong đó hăm dọa sẽ động binh lần thứ hai nếu phía An Nam không lập tức đáp ứng hai đòi hỏi:

- Trao trả tất cả các quan binh nhà Thanh bị bắt,

- Xử tội những người đã giết hại các tướng lãnh thiên triều.

Vua Càn Long cũng ra lệnh tăng gia phòng thủ biên giới, điều binh đến những nơi hiểm yếu để phô trương thanh thế. Tuy nhiên, dù chưa nói ra, những điều kiện của Thanh triều cũng mang một ý hướng mở ra một lối giải quyết để chờ đối phương đáp ứng. Trong hai điều kiện, việc trao trả tù binh, một việc mang tính rửa mặt cho vua Càn Long, là mấu chốt các đòi hỏi để chấp nhận các tiến hành khác xa hơn, cũng là việc Đại Việt sẵn sàng đồng ý.

Trong thời gian chừng một tháng [20 tháng Giêng đến 21 tháng Hai], triều đình Tây Sơn ba lần gửi sứ giả đến Nam Quan để chứng tỏ thiện chí hòa bình và quan nhà Thanh cũng tổng kết các chi tiết về chiến dịch để tâu lên.[2] Đại Việt đáp ứng việc trao trả tù binh và đợt đầu ngày mồng 9 tháng Ba gồm 500 người đã đến Quảng Tây. Ngày 16 tháng Ba, triều đình Tây Sơn trả về thêm 39 người nữa. Đến đầu tháng Tư, khi Phúc Khang An đáo nhậm Tổng đốc Lưỡng Quảng thì số tù binh về nước lên đến tổng cộng 585 người.

Cùng thời gian đó, nhóm vua Lê và tòng thần tổng cộng 54 người được an tháp ở tỉnh lỵ Quảng Tây nhưng ngoài chuyện ăn ở họ không được tham gia những việc cơ mật, nhất là tình hình giao thiệp giữa Thanh triều với chính quyền Tây Sơn. Tuy nhiên, tin vua Lê đang ở Trung Hoa cũng lọt về trong nước.

---

1. Tuy cách biệt gần 20 ngày nhưng đây là thời gian dịch trạm chuyển tin từ Quảng Tây đến kinh đô.

2. Nhà Thanh vẫn nhấn mạnh về "*tam độ khất hàng*" [ba lần xin hàng] này nhưng thực ra đây là những gặp gỡ để trao đổi tin tức về chiến sự và tình hình tù binh.

4.1.2. Công nhận Nguyễn Quang Bình làm An Nam Quốc vương

Sau khi tù binh của nhà Thanh được trả về Quảng Tây và một số thủ tục mang tính nghi lễ được thực hiện thì mọi việc coi như an bài, vua Càn Long ra lệnh cho giải tỏa các đội quân được điều động để tăng cường biên giới và hợp thức hóa vua Quang Trung trong danh hiệu An Nam Quốc vương. Hai động thái quan trọng nhất đánh dấu việc chuyển biến là nhà Thanh khẳng định Nguyễn Quang Bình và nhà Lê không có danh phận quân thần [mà chỉ là ràng buộc hôn nhân] nên chấp thuận cho một người cháu của vua Quang Trung thay mặt ông sang Bắc Kinh triều kiến vua Càn Long để công khai xin phong hiệu.

Vì tính chất đặc biệt quan trọng của việc này mà nhà Thanh bãi bỏ lệ *"đại thân kim nhân"* [dùng người bằng vàng thay mình] và một trong sáu bức tranh "Bình định An Nam chiến đồ" vẽ phái đoàn Tây Sơn nhận sắc ấn ở Thanh Âm Các có nhan đề "Nguyễn Huệ khiển điệt Nguyễn Quang Hiển nhập cận tứ yến chi đồ" (阮惠遣姪阮光顯入覲賜宴之圖).

Để khẳng định thiện chí của mình, vua Càn Long đã ban thưởng cho vua Quang Trung một số quà cáp, ra lệnh cho quan lại dọc đường đi đón tiếp phái bộ Nguyễn Quang Hiển một cách trịnh trọng và ép nhóm vua Lê hiện đang ở Trung Hoa phải cắt tóc, mặc áo như người Thanh lấy lý do là *"làm dân thiên triều thì phải theo tục của thiên triều"*. Đây là thái độ công khai để cho nhóm Lê Duy Kỳ biết rằng họ không còn được yểm trợ nữa.

Trong khi Nguyễn Quang Hiển đang ở Trung Hoa, vua Càn Long cũng cho người sang Thăng Long làm lễ phong vương cho Nguyễn Quang Bình.[1] Trong 6 tháng sau của năm Kỷ Dậu [1789], trọng điểm

---

1. Việc Nguyễn Quang Bình đã được công nhận như người chủ mới của đất An Nam không phải là một ân huệ được ban phát như các triều đại trước mà là trao đổi để hai bên đều có lợi. Về phía nhà Thanh, vua Càn Long muốn có một lễ khánh thọ thật viên mãn mà cao điểm là một thủ lãnh ngoại phiên sang tham dự. Ngược lại, về phía An Nam, để được công nhận, trước đây, thường phải bỏ rất nhiều tiền của để đúc một hay hai người vàng sang thay mặt quốc vương, nay chỉ cần đưa một người thân đại diện cho mình sang Yên Kinh triều kiến theo thủ tục mà thôi. *Sự minh xác này rất quan trọng vì*

của bang giao Thanh-Việt là việc nhà Thanh yêu cầu vua Quang Trung khẳng định việc ông sẽ cầm đầu một phái đoàn sang Bắc Kinh vào năm Canh Tuất [1790] để dự lễ khánh thọ 80 tuổi của vua Càn Long bằng một văn kiện chính thức, ngược lại triều đình Tây Sơn muốn những bảo đảm rằng chuyến đi không phải nhân khi ông vắng nhà ngầm ám trợ dư đảng nhà Lê nổi dậy.[1]

4.2. Lê Quýnh sang Trung Hoa lần thứ hai

Cuối năm Kỷ Dậu [1789], Lê Quýnh và nhóm tham mưu của ông sang Trung Hoa lần thứ hai. Theo *"Bắc hành lược ký"* thì:

Tháng Giêng năm Kỷ Dậu [Càn Long thứ 54], *vua Lê chạy lên phương Bắc.*

Tháng Hai, bệnh Lê Quýnh hơi đỡ, khi ấy mới biết Tôn đại nhân đã ban sư, Quốc vương cũng theo sang Trung Hoa. Ngước mắt thấy sơn hà tan nát, giận không ôm được cả mối hận trời cao đất dày dù hết sức quy tụ những tướng sĩ còn trốn lánh nhưng thế khó mà gỡ được cảnh đất lở ngói tan, tự nhủ rằng: "Thế nước đã thế này làm sao khôi phục được. Thế nhưng, đạo bầy tôi là phải giúp vua, thôi cũng đành làm hết sức được đến đâu thì đến". Bèn tụ tập người cùng chí hướng để đợi quân nhà vua trở về.

---

nhiều sử gia đã nhận lầm rằng việc vua Quang Trung sang Trung Hoa là thủ tục để đổi lấy danh vị "An Nam Quốc vương" và không ít người đã lẫn lộn giữa chuyến đi của Nguyễn Quang Hiển và phái đoàn chúc thọ nên vẫn cho rằng vua Quang Trung phải gửi một người thân để "giả" làm mình nên mỗi chỗ suy đoán một cách, khi thì là cháu gọi bằng chú, lúc thì cháu gọi bằng cậu, còn ngoại sử Trung Hoa thì lại nói là một người em sang thay anh.

1. Quyết định của vua Quang Trung cầm đầu một phái đoàn ngoại giao sang Trung Hoa chỉ được khẳng định sau khi Nguyễn Quang Hiển về tới Thăng Long [khoảng tháng Chạp năm Kỷ Dậu, 1789] và triều đình Tây Sơn được tường trình đầy đủ về cách thức tiếp đãi tại kinh đô, thái độ ân cần của Thanh đình, nhất là việc vua Chiêu Thống và bộ tham mưu của ông đang ở Trung Hoa, là hoàn toàn đúng sự thật. Xem thêm Nguyễn Duy Chính "Phái đoàn Đại Việt và lễ Bát tuần Khánh thọ của Thanh Cao Tông"Nxb Văn hóa Văn nghệ, TP. Hồ Chí Minh, 2016 và "Giả vương nhập cận: Có thực người sang Trung Hoa là vua Quang Trung giả hay không?" Nxb Văn hóa Văn nghệ, TP. Hồ Chí Minh, 2016 .

Tháng Năm, biểu huynh là Lê Huy Trình (黎輝理) được lệnh Tổng đốc Lưỡng Quảng họ Phúc [tên Khang An] *trở về đốc thúc Lê Quýnh lên cửa ải để hỏi việc. Khi đó, những việc mưu tính chưa xong, bệnh cũng chưa khỏi nên đến tháng Bảy mới theo lệnh lên đường tới Nam Quan.*[1]

Đoạn hồi ký của Lê Quýnh rất phù hợp với tâm lý, nguyện vọng và diễn tiến của những cô thần. Những tháng đầu tiên họ bi quan vì quân Thanh thất bại nhanh chóng nhưng lại hy vọng vào một cuộc động binh lần thứ hai. Đến khi Lê Trình từ Quảng Tây lẻn về đưa thư từ và tín vật nhắn Lê Quýnh và đồng chí sang *"bàn quốc sự"*, họ chắc mẩm sẽ được dùng như một hạng cố vấn quân sự chứ không ngờ rằng chỉ là kế *"điệu hổ ly sơn"* nhằm triệt hạ những chướng ngại cho vấn đề bang giao giữa nhà Thanh và Tây Sơn đang đến hồi kết thúc. Tuy nhiên, Phúc Khang An mập mờ tâu rằng việc Lê Quýnh sang Trung Hoa là do họ có bụng muốn sang kiếm Lê Duy Kỳ nên vua Càn Long đã ra lệnh đưa họ lên kinh đô sống chung với nhau.

Sau đây là lời tâu của Phúc Khang An về việc nhóm Lê Quýnh chạy sang:

Xét Lê Quýnh là cựu thần của họ Lê nước An Nam. Năm ngoái [tức Mậu Thân, 1788] *đã từng theo mẹ và vợ của Lê Duy Kỳ cùng tiến quan, sau đó lại trở về nước để tìm Lê Duy Kỳ. Lưu lạc khắp chốn, không nề gian hiểm. Đến khi Lê Duy Kỳ bỏ nước bôn đào thì y không cùng theo tiến quan được, từng sai Nguyễn Doãn Tuấn, Trần Chính Trung nhập quan bẩm xưng là đã giấu được ấn tín quốc vương trong mình, muốn đến trình xem nhưng vì đang bị bệnh ở xứ Bắc, lẩn trốn trong rừng núi nên sai người sang trước để đưa tin.*

Để có thể tâu lên Thánh thượng, thần lập tức sai Lê Huy Giản (黎輝琅) xuất quan đi tìm. Trông lên Hoàng thượng nghĩ tình Lê Quýnh phụng sự tàn Lê, không vì thịnh suy mà đổi tiết, thực là khó được nên giáng chỉ ra lệnh cho y tiến quan rồi sẽ đưa lên kinh, xét để gia ân nêu cao khí tiết của kẻ bầy tôi.

---

1. Lời tự thuật của Lê Quýnh cũng trùng hợp với *Lê sử bổ biên* (黎史補編) và *Đại Nam nhất thống chí* (大南一統志) nói rằng bọn Quýnh sang Trung Hoa là vì có thư của Phúc Khang An mời qua bàn chuyện quốc sự.

Trong mấy tháng nay, mấy lần sức cho biền viên trấn thủ quan ải, phàm ai tiến quan dù binh hay phu, cùng các thông sự ở duyên hải đều phải hỏi kỹ nhưng không một ai biết được tung tích của Lê Quýnh.

Theo như tri châu Ninh Minh là Lý Tảo Vinh bẩm xưng thì châu này thuộc bên ngoài ải Ải Điểm, có di nhân tự xưng là Lê Quýnh, dẫn theo hơn ba mươi [30] *người, đến ải xin vào* [nội địa].

Bọn thần nghĩ rằng Lê Quýnh khốn khổ gian nan, sống nơi bờ bụi, ắt hẳn bị họ Nguyễn đem quân truy sát, không có nơi trốn tránh đành phải đến biên ải xin nhập quan, nên cho bọn họ vào, lo nơi ăn chốn ở, khỏi phải lênh đênh. Lập tức sức cho người năm trước xuất quan đã từng biết mặt Lê Quýnh là Hữu giang đạo Tống Văn Hình cấp tốc đến Ải Điểm để chứng thực cho rõ ràng rồi thu nhận để an tháp.

Cứ theo đạo này [tức hữu giang đạo] *bẩm xưng, khi y đến để nghiệm minh quả là Lê Quýnh nên được cho tiến ải. Thế nhưng y không mang ấn tín theo trong người. Bọn cùng đi là Đoàn Doãn Vượng tổng cộng hai mươi chín* [29] *người liền cắt tóc, đổi y phục, đưa đến huyện Nghi Sơn, phủ Khánh Viễn, chọn đất cho ở. Lê Quýnh, Lý Bỉnh Đạo, Trịnh Hiến, Lê Trị*[1] *bốn người còn chưa cắt tóc, nói rằng muốn gặp Tổng đốc đại nhân của thiên triều, có việc cần báo.*

Vừa khi thần Phúc Khang An vâng chỉ đến Việt Tây lo liệu việc Nguyễn Quang Hiển xuất quan, nên liền gửi hịch sức cho đạo ấy đưa bọn Lê Quýnh đến Ngô [Châu] *Tầm* [Châu] *để đích thân tra hỏi.*[2]

4.2.1. Qua Ải Điểm

Tháng Tám năm Kỷ Dậu [1789], Lê Quýnh cùng bọn Đoàn Vượng cả thảy 29 người đi theo ngả Ải Điểm, châu Ninh Minh để vào nội địa. Tuy không nói ra, nhưng cho tới lúc này họ rất lạc quan. Việc đi chung

---

1. 黎侗, 李秉道, 鄭憲, 黎值.

2. Lời tâu của Phúc Khang An và Tôn Vĩnh Thanh ngày 21 tháng Mười Hai năm Kỷ Dậu. *Khâm định An Nam ký lược*, quyển XXV, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 506-507.

một nhóm gần 30 người cho thấy Lê Quýnh có ý đưa cả bộ tham mưu của mình để biểu dương uy thế, mong rằng thành phần này sẽ đóng một vai trò trong lần động binh thứ hai sang đánh Tây Sơn.

Khi qua Công Mẫu Sơn[1], Lê Quýnh có làm bài thơ như sau:

過公母山

雙峯峻峙宛分茅，別厥乾坤最邃嶠。

蓊鬱椿萱欣並茂，嶙峋岵屺仰彌高。

迎風花舞斑爛色，瀑布泉篩旨美膠。

使遠遊人瞻望處，解將竹石感劬勞。

Phiên âm:

QUÁ CÔNG MẪU SƠN

Song phong tuấn trĩ uyển phân mao,[2]

Biệt xưởng càn khôn tối thúy kiêu.

Ông uất xuân huyên hân tịnh mậu,

Lân tuân hỗ dĩ ngưỡng di cao.

Ngưỡng phong hoa vũ ban lan sắc,

Bộc bố tuyền si chỉ mỹ giao.

Sứ viễn du nhân chiêm vọng xứ,

Giải tương trúc thạch cảm cù lao.

Dịch nghĩa:

ĐI QUA NÚI CÔNG MẪU

Hai ngọn núi cao vút rõ ràng chia ra hai bên,

Đất trời ở nơi này thật là thâm sâu huyền diệu.

Có huyên, cây xuân vẫn um tùm tươi tốt,

---

1. Công Mẫu nguyên nghĩa là cha và mẹ nên bài thơ nhắc đến công lao bú mớm.

2. Tương truyền, biên giới Đại Việt và Trung Hoa thì bên nước nào có mọc rạp về bên ấy nên gọi là phân mao.

Thăm thẳm núi Hổ núi Dĩ còn cao vòi vọi.

Gặp gió hoa lay động thành sắc loang lổ,

Thác nước chảy xuống từng sợi nhỏ kết lại với nhau.

Người đi sứ đường xa ngẩng lên nhìn,

Đá và trúc cũng biết được công lao cha mẹ.

Sau đó, nhóm Lê Quýnh nhờ chuyển đạt lên rằng họ đã đến nơi rồi trở về Ải Điếm để chờ và cảm tác làm bài thơ sau đây:

復出駐隘店候命

客年過此不留行，今已經旬未起程。

三宿遲遲非出晝，獨行踽踽爲存荊。

權衡大義千金重，萍梗微軀一葉輕。

大厦幾時撐得住，角巾私第遂平生。

Phiên âm:

PHỤC XUẤT TRÚ ẢI ĐIẾM HẦU MỆNH

Khách niên quá thử bất lưu hành,

Kim dĩ kinh tuần vị khởi trình.

Tam túc trì trì phi xuất hoạch,

Độc hành củ củ vị tồn kinh.

Quyền hành đại nghĩa thiên kim trọng,

Bình ngạnh vi khu nhất diệp khinh.

Đại hạ kỷ thời xanh đắc trụ,

Giác cân tư đệ toại bình sinh.

Dịch nghĩa:

QUAY TRỞ LẠI Ở ẢI ĐIẾM CHỜ LỆNH

Năm trước qua đây đã không ở lại,

Năm nay qua một tuần mà chưa lên đường.

Ba tháng chậm trễ cũng không ra ngoài kế hoạch,

Đi một mình lủi thủi chưa phải là gai góc.

Cân nhắc việc đại nghĩa nặng như nghìn vàng,
Tấm thân bọt bèo nhẹ như chiếc lá.
Cái nhà lớn biết bao giờ mới chống đỡ được,
Một góc khăn ở riêng đủ thỏa nguyện rồi.

Thời gian ở đây không biết bao lâu nhưng ít nhất cũng mười ngày như trong bài thơ đã viết. Đọc hai bài thơ ta thấy Lê Quýnh và nhóm của ông vẫn hy vọng rằng chuyến đi này sẽ hoàn thành sứ mạng mong đợi mà không biết rằng đang bước vào cái bẫy của Phúc Khang An giăng ra.

4.2.2. Đến Ninh Minh

Lúc đầu, cả bọn Lê Quýnh bị đưa tới Ninh Minh, một khu vực gần biên giới, nửa tạm trú, nửa giam lỏng. Theo chính lời ông thì "*nghe đồn rằng đã định kỳ hạn xuất sư, lại cũng nghe rằng Nguyễn Huệ đã cho người sang xin hàng và đã được chấp thuận.*"[1]

Hai nguồn tin trái ngược nhau làm Lê Quýnh và đồng bọn không biết thực hư thế nào nhưng lại suy đoán một cách chủ quan rằng vì bị áp lực về việc nhà Thanh đem quân phục thù nên Nguyễn Huệ xin rút trở về Nam, giao miền Bắc lại cho vua Lê theo đường lối "*thắng mà không cần dụng binh*" của nhà Thanh ghi lại trong bài thơ sau đây:

從隘店到寧明州
不勞兵力誕敷文，張弛神機妙處分。
肯屑戎車勞萬里，且將干羽舞三旬。
么麼小醜爲何物。蠻貊遐陬亦我民。
時雨王師如再舉，願殫駑鈍効從軍。

Phiên âm:

TÒNG ẢI ĐIẾM ĐÁO NINH MINH CHÂU
Bất lao binh lực đản phù văn,
Trương thỉ thần cơ diệu xử phân.

1. Lê Quýnh, "*Bắc hành lược ký*", Nguyễn Duy Chính dịch, tlđd. (sắp xuất bản)

Khẳng tiết nhung xa lao vạn lý,

Thả tương can vũ vũ tam tuần.

Yêu ma tiểu xú vi hà vật.

Man mạch hà tưu diệc ngã dân.

Thời vũ vương sư như tái cử,

Nguyện đàn nô độn hiệu tòng quân.

Dịch nghĩa:

TỪ ẢI ĐIỂM ĐẾN CHÂU NINH MINH

Không cần phải mệt đến binh lực mà vẫn trải rộng được văn hiến,

Việc giương cung dọa nạt để phân xử thật là kỳ diệu.

Chuyện nhỏ mọn hà tất phải đem quân đi vạn dặm,

Chỉ cần giơ vũ lên múa là đủ.

Yêu ma tiểu xú thì có đáng gì,

Dù là man mọi ở nơi xa xôi nhưng cũng là dân ta thôi.

Đến khi vương sư lại cử binh lần nữa,

Thì dù nhút nhát ngu si ta cũng xin được theo quân về.

Ngày 15 tháng Tám, bọn Lê Quýnh nghe tin vua Lê đang ở Quế Lâm và có lẽ cũng cảm thấy có điều bất ổn không như dự kiến. Nhóm nhà Lê có lẽ chưa ai biết rằng việc hòa đàm Thanh-Tây Sơn nay đã xong xuôi.

Một cách vắn tắt tháng Hai năm Kỷ Dậu [1789], vua Quang Trung đã gửi biểu và lễ vật cầu phong sang nhà Thanh và hai bên đã chuẩn bị một đại lễ tiếp nhận vào ngày 18 tháng Ba.[1] Tháng Năm, phái bộ Nguyễn Quang Hiển sang Trung Hoa để lên kinh đô nhận sắc ấn và cùng lúc đó vua Càn Long sai Thành Lâm sang Thăng Long phong vương cho Nguyễn Huệ.

---

1. Đại diện triều đình nhà Thanh là Phúc Khang An, còn phía Đại Việt là Nguyễn Quang Hiển, cháu gọi Nguyễn Huệ bằng chú.

Về phía nhóm nhà Lê, nếu Lê Trình về gặp Lê Quýnh vào tháng Năm thì khi Phúc Khang An sai ông ta về nước [tháng Tư] chính là thời kỳ mà công việc bang giao vừa hình thành nên viên tổng đốc Lưỡng Quảng muốn đưa ban tham mưu cần vương ra khỏi nước để vô hiệu hóa nhóm nhà Lê đang ở trong nước và cô lập những người đã ra ngoài đồng thời gia tăng sức ép lên triều đình Tây Sơn.

Sau khi Lê Quýnh và một số đồng chí cốt cán của ông được gọi sang Trung Hoa để bàn "*quốc sự*", những nhóm chống đối ở Bắc Hà tin rằng việc "*vương sư*" sang phục hận không còn xa nên ngồi yên chờ thời cơ khởi sự. Trong khi đó, việc tiếp đãi hậu hĩ của vua Càn Long dành cho phái bộ Nguyễn Quang Hiển, nhất là việc cho họ gặp nhóm vua tôi Lê Duy Kỳ nay đã cắt tóc, đổi y phục ngay tại Quế Lâm khiến triều đình Quang Trung tin rằng không còn điều gì bất minh trong việc phong vương nhanh chóng ngoài sở cầu này nữa.

Sau khi hoàn toàn làm chủ đại cuộc, nhà Thanh không còn úp mở mà công khai phủ nhận vai trò của nhóm cựu thần nhà Lê. Đối với những ai chịu khuất phục thì Phúc Khang An còn giữ cho đôi chút còn những người cứng đầu cứng cổ thì y đối phó thẳng tay.

Ý thức được thân phận đó, Lê Quýnh có làm một bài thơ nhan đề "Trung thu tại Ninh Minh Châu"[1] (中秋在寧明州), nguyên văn như sau:

去年今日在東洋，慘雨愁雲滿水鄉。
遮斷歸程雲萬軸，望回去路水千洸。
今年此日明江甫，月朗風清千萬户。
嘈[2]雜新衙勸賞秋，紛忙國事難成趣。
風前月下枉傷悲，酷似新亭對泣兒。
拭我終宵雙盡淚，思君一日十多時。
想來在昔天香閣，君宰肅壅和且樂。
君念民艱最可憐，臣言兵事難遙度。

1. *Nam thiên trung nghĩa thực lục*, sđd, tr. 78.
2. 嘈.

而今君在桂林城，蹤跡浮沉風打萍。
駕卒蒙塵非獲已，夢回復物亦難醒。
伊誰苟作眼前計，不爲綱常還爲己。
鐘鼎冠裳莫念酬，鬼神天地那知畏。
君臣大義重千金，何乃滔滔狗彘心。
頭裹紅巾冠已毀，頭懸白刃劍將臨。
君不見，
嚴頭嵇血常山舌，前前張旌蘇武節。
在昔轟轟做好場，至今嘖嘖稱英烈。
又不見，
出師之表日星懸，擊揖中流壯志堅。
莫測在天成素局，當爲自我著先鞭。
昭昭往昔芳千古，仔細思量胡不悟。
却爲身家徇利名，不圖社稷思君父。
我君今日且如何，使我秋風興轉賒。
漠漠單頭塵翳起，朦朦轉瞬日星斜。
折膠弓矢茲堪用，甚日桓桓熊虎眾。
笞彼貔貅掃彼氛，復我江山存我統。
儂雖駑鈍且從軍，鬱鬱行將夙志伸。
再造乾坤欣復午，三宣庭院慶長春。

Phiên âm:

Khứ niên kim nhật tại đông dương
Thảm vũ sầu vân mãn thủy hương
Già đoạn quy trình vân vạn trục
Vọng hồi khứ lộ thủy thiên tẩy
Kim niên thử nhật Minh giang phố
Nguyệt lãng phong thanh thiên vạn hộ
Tào tạp tân nha khuyến thưởng thu

Phân mang quốc sự nan thành thú
Phong tiền nguyệt hạ uổng thương bi
Khốc tự Tân Đình đối khấp nhi
Thức ngã chung tiêu song tận lệ
Tư quân nhất nhật thập đa thời
Tưởng lai tại tích thiên hương các
Quân tể túc ủng hòa thả nhạc
Quân niệm dân gian tối khả liên
Thần ngôn binh sự nan dao độ
Nhi kim quân tại Quế Lâm thành
Tung tích phù trầm phong đả bình
Giá tốt mông trần phi hoạch dĩ
Mộng hồi phục vật diệc nan tỉnh
Y thùy cẩu tác nhãn tiền kế
Bất vi cương thường hoàn vi kỷ
Chung đỉnh quan thường mạc niệm thù
Quỷ thần thiên địa na tri úy
Quân thần đại nghĩa trọng thiên kim
Hà nãi thao thao cẩu trệ tâm
Đầu lý hồng cân quan dĩ hủy
Đầu huyền bạch nhận kiếm tương lâm
Quân bất kiến
Nghiêm đầu Kê huyết Thường Sơn thiệt,
Kinh kinh Trương tinh Tô Vũ tiết.
Tại tích oanh oanh tố hảo trường
Chí kim sách sách xưng anh liệt.
Hựu bất kiến, xuất sư chi biểu nhật tinh huyền
Kích ấp trung lưu tráng chí kiên.

Mạc trắc tại thiên thành tố cục
Đương vi tự ngã trứ tiên tiên
Chiêu chiêu vãng tích phương thiên cổ
Tử tế tư lượng hồ bất ngộ
Khước vi thân gia tuẫn lợi danh
Bất đồ xã tắc tư quân phụ.
Ngã quân kim nhật thả như hà
Sử ngã thu phong hưng chuyển xa
Mạc mạc tráo đầu trần ế khởi
Mông mông chuyển thuấn nhật tinh tà
Chiết giao cung thỉ tư kham dụng
Thậm nhật hoàn hoàn hùng hổ chúng
Si bỉ tỳ hưu tảo bỉ phân
Phục ngã giang san tồn ngã thống
Nông tuy nô độn thả tòng quân
Uất uất hành tương túc chí thân
Tái tạo can khôn hân phục ngọ
Tam tuyên đình viện khánh trường xuân.

Dịch thơ:

Năm ngoái cũng ngày này đang ở biển đông,[1]
Quê hương mưa thảm mây sầu đầy những nước.
Che lấp đường trở về mây hàng vạn lớp,
Nhìn đường trở về thấy nước mênh mông.

---

1. Nói về việc tháng Tám năm Mậu Thân, Lê Quýnh theo đường biển về kiếm vua Chiêu Thống. Dịch giả Hoàng Văn Lâu có chú thích Đông Dương là tên xã thuộc huyện Hiệp Hòa, phủ Bắc Hà, nay thuộc Hà Bắc, nhưng theo thiển ý ở đây Lê Quýnh chỉ muốn nói đến một năm trước, ông đang lênh đênh trên đường về nước. Đông Dương nghĩa giản dị chỉ là biển đông.

Năm nay cũng ngày ấy thì ta ở phố Minh Giang,
Trăng sáng gió trong nghìn vạn căn nhà.
Nha lại ồn ào mời thưởng ngoạn (trung) thu,
Lòng ngổn ngang về việc nước nên không thấy hứng thú gì.
Trước gió dưới trăng uống đau lòng,
Khóc ở Tân Đình[1] như kẻ ca nhi.
Lau nước mắt suốt đêm hai hàng lệ không còn nữa,
Nhớ vua một ngày hơn mười khắc.
Nghĩ lại khi xưa ở gác Thiên Hương,
Vua và bầy tôi đầy đủ nghiêm trang vui vẻ.
Vua nghĩ đến dân thật đáng thương,
Bầy tôi nói rằng chiến tranh chưa biết đến thế nào.
Ngày nay vua ở tại thành Quế Lâm,
Dấu vết như cánh bèo nổi trôi theo gió,
Xe lính bụi trần chưa rũ hết.
Giấc mộng khôi phục lại vẫn còn chưa qua,
Ai là kẻ cẩu thả hiến cái kế trước mắt?
Chẳng vì cương thường mà chỉ vì mình.
Chuông đỉnh áo xiêm chẳng nghĩ tới báo đáp,
Quỷ thần, trời đất nào có sợ.
Đại nghĩa vua tôi nặng như nghìn vàng,
Lòng dạ thật giống như loài cẩu trệ.
Trên đầu chiếc khăn đỏ, mũ đã hủy rồi,
Đầu treo gươm sắc kiếm sắp tới,

---

1. Khi nhà Đông Tấn sắp mất phải chạy xuống miền Nam, các cựu thần họp nhau uống rượu ở Tân Đình. Chu Khải nói: "*Phong cảnh vẫn thế, non sông không còn như xưa*". Vương Đạo nói: "*Chúng ta phải hết sức phò tá nhà vua lấy lại nước, việc gì phải bắt chước người tù nước Sở, nhìn nhau mà khóc phỏng có ích gì?*". Về sau có câu ngạn ngữ "*Tân Đình đối khấp*".

Ai có thấy
Đầu Nghiêm [Nhan][1], *răng Trương* [Thư Dương],
lưỡi [Nhan] *Thường Sơn,*[2]
Dao Kinh [Kha], *chùy Trương* [Lương][3], *[cờ] tiết Tô Vũ.*[4]
Ngày xưa đã một thời vang dậy,
Đến nay vẫn tấm tắc khen là anh liệt.
Lại chẳng thấy
Hai tờ biểu xuất sư treo cao trên mặt trời ngôi sao
Giữa dòng ra sức bền tráng chí.
Không tính toán được đành để thành cục ở tại trời,
Đành để tự mình ra roi trước,
Dấu xưa vằng vặc thơm tho đến nghìn năm.
Suy nghĩ đắn đo kỹ lưỡng cho khỏi sai,
Chẳng vì thân gia chết theo lợi danh,
Không lo xã tắc nhớ vua cha.
Vua ta hôm nay ra thế nào?
Gió thu khiến ta tưởng nhớ đã lâu,
Mờ mịt bao trùm bụi che phủ.
Chớp mắt mênh mang trăng sao đã xế,
Cung nỏ gãy vẫn mong còn có chỗ dùng,
Ngày ấy binh hổ gấu quay về,
Ra roi tỳ hưu quét sạch địch.

---

1. Trương Phi đánh Ba Thục, bắt được Nghiêm Nhan. Nhan không chịu đầu hàng, nói rằng: ở xứ Thục có tướng quân đứt đầu chứ không có tướng quân đầu hàng.

2. Nhan Kiểu Khanh bị giặc bắt, mắng chửi luôn miệng, bị giặc cắt đứt lưỡi, nhưng vẫn cứ chửi mãi không thôi.

3. Trương Lương muốn báo thù cho vua nước Hàn, một mình mang dùi lén đánh vua Thủy Hoàng nhà Tần.

4. Tô Vũ nhà Hán đi sứ Hung Nô, không chịu đầu hàng, bị giam 19 năm.

Lấy lại sơn hà giữ gìn truyền thống,
Ta tuy dốt nát ngu si nhưng cũng theo quân,
Bao nhiêu uất ức được trải dài theo tướng,
Tạo lại càn khôn vui vẻ trở về,
Để ba lớp đình viện vui với mùa xuân dài.

4.3. Thái độ của quan nhà Thanh

Từ trước đến nay, khi viết về cuộc đời những người chạy theo vua Chiêu Thống sang Trung Hoa, sử triều Nguyễn cũng như các nhà nghiên cứu phần nhiều tập trung vào diễn tiến sự việc, coi thái độ cá nhân là đầu mối hay hậu quả của việc kia. Thực tế, những biến chuyển trong cách giải thích chính sách của nhà Thanh mới chính là nguyên nhân khiến nhóm nhà Lê bị tống giam hay đày đi Tân Cương, Nhiệt Hà. Bám víu sau cùng của họ là gặp vua Lê để cùng nhau mưu đồ khôi phục thì cũng tan ra mây khói khi hay tin chính chủ cũ cũng đã phải gióc tóc, thay áo rồi.[1]

---

1. Hoàn cảnh trớ trêu đã khiến họ tưởng tượng ra những việc lắt léo để biện minh chẳng hạn như việc Phúc Khang An đánh lừa vua Chiêu Thống. Việc bắt ép vua Lê gióc tóc đuôi sam chép trong Việt sử như sau:

[...] Tháng 4 [năm Kỷ Dậu, 1789]: Khang An về đến Quế Lâm, nói thác ra rằng trời hè đang nắng nóng, hãy tạm nghỉ việc quân, đợi sang mùa thu, sẽ lại điều khiển. Khang An lại lừa gạt nhà vua rằng: "Thời kỳ xuất quân không xa đâu. Tự vương sẽ phải chính mình thống suất các thuộc tướng đi trước dẫn đường. Có điều là đồ mặc của An Nam vốn bị Tây Sơn coi khinh. Việc hành binh cốt phải trí trá. Chi bằng Tự vương hãy tạm gióc tóc, thay đổi đồ mặc để đánh lạc tai mắt quân giặc trong khi hành binh. Đợi khi đã khôi phục được nước rồi, bấy giờ sẽ lại giữ theo lề thói bản quốc như cũ". Nhà vua không dè bị gạt, cũng gắng gượng làm theo. Phàm người Đại Việt trước hay sau đã sang bên Thanh bấy giờ đều bị Khang An bắt gióc tóc và thay đổi đồ mặc. Rồi Khang An liền mật tâu với vua Thanh rằng Lê Tự vương tình nguyện ở yên bên Trung Quốc, không có ý muốn xin quân cứu viện nữa. Vậy xin tiếp nhận sứ giả Tây Sơn. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Chính biên, tập II,

4.3.1. Quan lại địa phương

Ngày 21 tháng Tám, tri phủ Thái Bình là Lâm Hổ Bảng đến gặp cả bọn để hỏi chuyện. Lê Quýnh trình rằng:

Năm ngoái, Lê Quýnh từ phủ Nam Ninh theo cung bảo Tôn đại nhân [tức Tôn Sĩ Nghị] *trở về nước. Sau khi lấy lại được Lê thành, Lê Quýnh bị bệnh nặng nên trở về nhà chữa thuốc. Sau đó Nguyễn Huệ quay lại, Lê Quýnh vì bệnh chưa khỏi nên chúa cũ đi không thể chạy theo, nước mất cũng không dám chết.*

Tháng Hai năm nay, bệnh đã bớt tự nhủ rằng cái tình con ong cái kiến tuy cũng có thể chạy sang bên Bắc theo vua nhưng xã tắc là trọng nên việc phục thù, giết giặc ấy là việc phải hết sức làm. Việc trước mắt là thiên triều ắt sẽ vươn đại nghĩa cho thiên hạ, phù cương thường cho thuộc quốc, tuy Tôn đại nhân bất ngờ ban sư nhưng quân điếu phạt rồi sẽ quay lại, nên cũng có cái bụng trông mong nhớ cũ Hề Tô (傒蘇),[1] dân trong một nước đều có thể dùng. Thành thử tập hợp đồng chí, chiêu mộ dân binh, ngầm dụ tướngcủa địch để đợi vương sư, lấy man di đánh với man di[2] dùng tướng địch, quân địch may ra có thể báo được thù, chuộc được tội. Chính vì thế mà nấn ná ở trong nước, ngày đêm cùng các bạn chung chí hướng tính toán việc cơ nghi.

Đến tháng Năm có người cùng nước là Lê Huy Trình phụng lệnh của Phúc công gia về hối thúc Lê Quýnh sang để hỏi chuyện. Lúc đó việc sắp đặt chưa xong, bệnh cũng chưa đỡ nhiều nên phải đến tháng Bảy khi đã đâu vào đấy thì mới đến gõ cửa quan, vậy nhờ chuyển đạt lên, nay xin được quay trở lại Ái Điểm để chờ.

Bốn người là Lê Quýnh, Lý Bỉnh Đạo (李秉道), Trịnh Hiến (鄭獻), Lê Trị (黎值),[3] xin được diện kiến Tổng đốc [Phúc Khang An] vì

---

quyển XLVII [43-44], sđd, tr. 849-850.

1. Tô Vũ đời nhà Hán đi sứ bên Hung Nô, không chịu đầu hàng, bị giam 19 năm, ý nói vẫn trung thành với nước cũ. Bá Lý Hề là tướng quốc nước Tần thời Xuân Thu, cả hai đều lưu lạc xa quê hương.

2. Người Bắc Hà coi quân Tây Sơn là man mọi nên Lê Quýnh muốn chiêu dụ để họ đánh lẫn nhau.

3. Anh em con chú con bác với Lê Quýnh.

có chuyện muốn nói riêng [như họ đã tính toán] nhưng không được chấp thuận.

Tháng Chín, Giang đạo Quảng Đông là Tống Văn Hình đến dụ dỗ cạo tóc, đổi y phục để được an tháp. Lê Quýnh lại trình bày:

Lần này sang đây chỉ cốt đợi lệnh của Phúc công gia, không phải là qua để xin tỵ nạn, tuy rất kính ngưỡng lòng nhân bao la của thượng ty dung nạp nhưng đó không phải là bản tâm muốn vậy nên không dám tuân theo.

Nếu như hiện nay việc nước không còn làm được gì nữa rồi thì bọn Quýnh xin được trở về bơi mái chèo giữa giòng nước, xua thân dê ra bắt hổ [ý nói hết sức làm một việc ít hy vọng], *nếu không làm được thì sẽ như Kinh Kha cầm dao ngắn, Trương Lương vác chùy đồng,*[1] *nếu không được thì cũng đành làm đầu Nghiêm tướng quân, lưỡi Thường Sơn vậy*[2].

Tống Văn Hình mấy lần thúc ép, chia số 34 người đồng liêu cùng với Lê Quýnh mỗi người một nơi, bắt phải cắt tóc cải trang, riêng Lê Quýnh và Hiệp trấn Nguyễn Mậu Nễ (阮茂儞), Tri phủ Nguyễn Điều (阮嗮), Trịnh Hiến (鄭憲), Siêu Lãnh bá Lê Trị (超嶺伯黎值), Hàn lâm cung phụng sứ Lý Bỉnh Đạo (李秉道), quyết chống lại có chết cũng cam. Quýnh giận dữ nói:

- Nhận được trát mời sang để gặp nói về việc nước, nay lại chẳng nói gì về chuyện ấy, chỉ toàn là việc bắt ép cắt tóc, thay áo, thế thì còn đạo lý gì nữa? Bọn ta đầu có thể đứt nhưng tóc không thể cắt.[3]

(承札面談國事，今無所談，獨令薙髮易服，是何道理？吾輩頭可斷，髮不可薙。)

Ngày 21 tháng Chín, Nguyễn Điều bị bệnh qua đời ở châu Ninh Minh.

Tháng Mười, năm người bọn Lê Quýnh bị đưa đi Liễu Châu (柳州) tạm trú hẹn ngày sẽ đưa đi gặp Phúc Khang An ở Ngô Châu.

Ngày 22 tháng Mười, Nguyễn Mậu Nễ ốm chết ở thành Liễu Châu.

---

1. Tích cũ hai người toan ám sát Tần Thủy Hoàng. Kinh Kha giấu chủy thủ trong tấm địa đồ, Trương Lương thuê người dùng chùy đập long xa.

2. Lê Quýnh, "*Bắc hành lược ký*", Nguyễn Duy Chính dịch, tlđd. (sắp xuất bản)

3. Lê Quýnh, "*Bắc hành lược ký*", Nguyễn Duy Chính dịch, tlđd. (sắp xuất bản)

Nhân đó, Lê Quýnh có làm bài thơ "Liễu Châu tạm trú nhân tác" (柳州暫住因作: Làm khi tạm trú ngụ ở Liễu Châu)[1]:

關山萬里自馳驅，莫怪時移事亦殊。
騏驥難爲長繫柳，鳳凰會見早棲梧。
寸誠果得蒙均照，千慮終能展一愚。
直到時來機每半，也知天有侯於吾。

Phiên âm:

Quan san vạn lý tự trì khu,
Mạc quái thời di sự diệc thù.
Kỳ ký nan vi trường hệ liễu,
Phượng hoàng hội kiến tảo thê ngô.
Thốn thành quả đắc mông quân chiếu,
Thiên lự chung năng triển nhất ngu.
Trực đáo thời lai cơ mỗi bán,
Dã tri thiên hữu hậu ư ngô.

Dịch nghĩa:

Từ khi rong ruổi quan san vạn dặm,
Cũng chẳng là gì thời đổi thì việc cũng khác trước.
Ngựa kỳ, ngựa ký không lẽ cứ buộc ở gốc liễu mãi hay sao?
Chim phượng, chim hoàng rồi sẽ sớm làm tổ nơi cây ngô đồng.
Tấc lòng thành mong được ngài ngó xuống,
Muôn nghìn mưu tính mong rồi sẽ được phô ra chút ngu si.
Nay thời cơ đến cũng còn được một nửa,
Mới hay trời cũng còn chờ người.[2]

---

1. *Nam thiên trung nghĩa thực lục*, sđd, tr. 79.

2. Bài thơ có ý chơi chữ liễu là cây liễu mà cũng là Liễu Châu, ngô là cây ngô đồng mà cũng là Ngô Châu. Chữ quân (mông quân chiếu) đồng âm với

4.3.2. Tranh luận với Phúc Khang An

Tháng Một năm Kỷ Dậu [1789], nhân chuyến đi Quảng Tây để lo liệu việc đưa đón phái đoàn Nguyễn Quang Hiển, Phúc Khang An cho đòi bọn Lê Quýnh đến gặp. Cứ theo tình hình thì mục đích của họ Phúc là thuyết phục Lê Quýnh và đồng bọn chấp nhận làm dân thiên triều [nghĩa là ở lại làm dân Trung Hoa và từ bỏ ý định trở về nước chống Tây Sơn] còn nhóm Lê Quýnh thì lại tin tưởng rằng họ có thể đem đạo lý và cương thường ra để thúc đẩy Phúc Khang An tiến hành việc động binh cứu viện lần thứ hai.

Cũng may, chúng ta còn được tài liệu trao đổi thư từ và lý lẽ của hai bên, một bên là tấu thư của Phúc Khang An, một bên là lời tự thuật của chính Lê Quýnh trong *"Bắc hành lược ký"*. Cuộc tranh luận của nhóm Lê Quýnh và Phúc Khang An được tường thuật trong *Khâm định An Nam kỷ lược* như sau:

[...] *Bọn thần vừa gặp Lê Quýnh liền cho y hay rằng ngươi là cựu thần của họ Lê, không phụ chủ cũ, Đại hoàng đế khen ngươi trung trinh, mấy lần giáng dụ chỉ khen ngợi, đợi ngươi vào nội địa sẽ đưa lên kinh xem xét rồi thưởng cho quan chức. Hiện nay, họ Lê đã mất, từ Lê Duy Kỳ trở xuống đều đã cắt tóc, thay đổi y phục, an hưởng cơm ăn, áo mặc của thiên triều. Còn như bọn Phan Khải Đức cũng đã được quan chức, không còn tính chuyện xả thân nữa.*

Trước đây theo như bọn Trần Chính Trung khai rằng ngươi có giữ ấn trong người, đủ biết ngươi một lòng vì chủ. Nay đã đem thân vào nội địa, vậy cũng phải cắt tóc như mọi người khác, để cùng hưởng ân trạch của Đại hoàng đế. Nếu như ngươi quả có dấu được ấn tín, thì mau đưa ra để cho tiện việc ban thưởng, làm rạng khí tiết.

Cứ theo lời khai của Lê Quýnh thì ấn tín quốc vương tôi không mang theo trong người. Tôi là người An Nam sống chết cũng ở nước Nam, chẳng phải

---

quân là anh, ở đây trỏ Phúc Khang An cũng tỏ ra Lê Quýnh cho rằng mình bằng vai, sẽ được họ Phúc dùng như một *"chiến lược gia"* trong lần Nam chinh thứ hai này chăng? Câu sáu *"thiên lự chung năng triển nhất ngu"* (sau cùng rồi cũng có lúc được trình bày nghìn điều suy tính ngu si này) cho thấy Lê Quýnh nói riêng và tòng vong nhà Lê nói chung cũng đã trù liệu mọi việc, tính kế cho quân Thanh một khi họ tiến sang Đại Việt.

như người khác chỉ mong được thụ dụng mong cơm áo. Tôi trong bụng cũng đã có tính toán rồi, lần này sang đây không định ở lại nội địa. Hiện nay, cựu thần, nghĩa sĩ còn tưởng nhớ đến họ Lê ở An Nam, nguyện ra sức đến chết, đuổi họ Nguyễn để báo thù, Lạng Sơn, Giang Bắc, Thái Nguyên, Sơn Tây, Hải Dương, Thanh Hoa các nơi đến bảy, tám chỗ, tổng cộng binh số lên đến trên ba vạn người. Em của chủ cũ là Lê Duy Chỉ, cũng có quân hơn vạn, chia ra đồn trú. Tôi hiện giờ chỉ muốn nghe ngóng tin tức cố chủ, rồi xuất quan ngay, về lo chuyện khởi nghĩa.[1]

Có lẽ, đây cũng chính là những lời mà quan nhà Thanh cũng như các nho sĩ Bắc Hà vẫn mỉa mai là *"hơi biết chữ nghĩa, cho nên khi chuyện trò với người Thanh, thường bịa ra nhiều câu khoác lác"*, Phúc Khang An nghe cũng bực nên tìm cách bắt giam ông. Thực tế, có lẽ Lê Quýnh căm tức thái độ trở mặt của Thanh triều nên càng khiến ông dứt khoát với việc nhờ cậy họ để về nước tìm cách khôi phục. Cũng theo trong bản tâu thì Phúc Khang An hỏi vặn lại rằng:

- Theo lời Trần Chính Trung thì ngươi có giấu ấn tín trong người, nay lại nói không mang theo, vậy ý của ngươi ra sao? Ngươi cứ khăng khăng nói rằng mình một lòng trung nghĩa, ta cũng chẳng căn vặn làm gì, nhưng cái ấn nay ở đâu?

[Lê Quýnh đáp:]

- Ấn ấy do phù bảo lang [quan giữ ấn] *Nguyễn Ban giữ, tôi không mang theo.*

Phúc Khang An cho rằng lời nói không thể tin được và nói thẳng cho đám cựu thần nhà Lê là lòng trời đã chán ghét họ rồi: *"Đại hoàng đế thuận theo ý trời mà làm, đã giữ cố chủ của người ở lại nội địa, lại vì thần dân An Nam, không thể một ngày không có chúa, xét thấy Nguyễn Quang Bình trước đây vốn không có bụng kháng cự thiên triều, mấy phen thành khẩn biện bạch, hiện nay tâm địa, thế lực đã rõ ràng, khí tượng hành vi có thể đứng vững lập nghiệp, không giống như chủ cũ của ngươi. Vì vậy* [Đại hoàng đế] *đã*

1. Lời tâu của Phúc Khang An và Tôn Vĩnh Thanh ngày 21 tháng Mười Hai năm Kỷ Dậu. *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển XXV, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 507.

phong y làm An Nam Quốc vương, hết sức bồi đắp cho nhân tài, ngươi cũng nên theo thiên mệnh, thức thời hiểu sự."[1]

Cũng vì thái độ ương ngạnh và tỏ ra khinh bỉ sự lật lọng của nhà Thanh, Phúc Khang An đã bẻ quặt lời khai và đề nghị đày nhóm Lê Quýnh sang Tân Cương - một hình phạt chỉ kém tử hình một mức:

[...] *Lê Quýnh nói qua nói lại, một mực rằng tôi không mong được sống nơi nội địa vì miếng cơm manh áo, bây giờ cũng không còn muốn gặp lại Lê chủ nữa, chỉ cầu được thả ra khỏi cửa quan, không tận trung được thì trong nhà cũng còn cha mẹ vợ con, mong được đoàn tụ.*

Bọn thần nhận xét Lê Quýnh, lúc trước thì khoe là quan ngoại binh lính đồn tụ đông đảo, tính chuyện đánh Nguyễn phục thù, vừa mới tra vấn, lập tức cứng họng. Trông y bề ngoài thì ra vẻ trung nghĩa, khăng khăng nhất định xuất quan, bọn Lý Bỉnh Đạo ba người lựa lời phụ họa, đối với việc Lê Duy Kỳ cắt tóc đều to mồm dè bỉu, thật không biết tiến thoái thuận nghịch, chẳng cấm kỵ trên dưới vua tôi gì nữa. Sau đó lại nói trong nhà còn cha mẹ vợ con, chỉ mong đoàn tụ, hóa ra tấm lòng trung với vua lại nhẹ hơn cái lẽ nhớ nhà, xem cũng đủ biết.

Bọn thần nhân đó mới hỏi bọn Tống Văn Hình, Nghiêm Thủ Điền trước đây từng theo Tôn Sĩ Nghị xuất quan biện sự là nghe nói năm ngoái ở Lê thành, Lê Quýnh chỉ ngày ngày lo chuyện giết chóc, báo thù những chuyện riêng tư nhỏ nhen, không một chút gì gọi là ra sức giúp đỡ Lê Duy Kỳ. Đến khi Tôn Sĩ Nghị trách mắng, bấy giờ liền cáo bệnh không ra, khiến cho lòng người ly tán, họ Lê suy sụp không sao phấn chấn lại được. Đến nay xem xét lời nói, cử chỉ, y chẳng trung gì với Lê triều hay phục vụ gì chủ, bụng dạ cực kỳ đáng ghét. Vì vậy, lúc này chẳng nên đưa y lên kinh, xin bệ hạ giáng chỉ cứ theo lệ cũ đối với bọn Hoàng Công Toản, phát vãng đày ra Tân Cương để ngày sau khỏi chuyện lôi thôi.[2]

---

1. Lời tâu của Phúc Khang An và Tôn Vĩnh Thanh ngày 21 tháng Mười Hai năm Kỷ Dậu. *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển XXV, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 508.

2. Lời tâu của Phúc Khang An và Tôn Vĩnh Thanh ngày 21 tháng Mười Hai năm Kỷ Dậu. *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển XXV, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 13-14.

Có lẽ, Phúc Khang An cũng ngại rằng nếu vua Càn Long gặp bọn Lê Quýnh [trước đây vua Càn Long đã có dụ rằng nếu Lê Quýnh qua Trung Hoa thì đưa lên kinh cho ông gặp] thì họ có thể lộ ra nhiều chi tiết bất lợi. Đến đây chúng ta có thể đoán chắc rằng việc cho tìm và gọi Lê Quýnh sang Trung Hoa là hành động riêng của Phúc Khang An nhằm loại trừ một số lực lượng chống đối trong ý định thuyết phục Nguyễn Huệ đích thân sang Bắc Kinh.[1]

Thế nhưng, vua Càn Long cũng nghi ngờ việc Phúc Khang An tâu rằng bọn Lê Quýnh trốn sang tìm chủ mà lại không chịu *"định cư"* ở Trung Hoa [nên không chịu cắt tóc, thay áo] là điều không ổn, huống chi theo lời khai của chính họ thì trong nước đang nổi lên khắp nơi, quân số đông đến mấy vạn người. Lê Quýnh là một trong các thủ lãnh, lẽ nào lại bỏ đi, phải chăng muốn sang tìm Lê Duy Kỳ để đưa về nước lãnh đạo nên trước khi có quyết định dứt khoát [về những tội danh của nhóm Lê Quýnh], hãy đưa cả bọn lên Bắc Kinh để đích thân ông tra hỏi xem sự việc ra sao?

Trong khi tài liệu của phía nhà Thanh nhấn mạnh vào việc khoác lác của Lê Quýnh, vu cho ông một số hành vi bất thiện khi ở Thăng Long - mà chúng ta ngờ rằng sau này một số tác giả đã căn cứ vào đó để thêu dệt - thì bản thân Trường Phái hầu lại tường thuật có khác.

Theo *"Bắc hành lược ký"* thì:

---

1. Theo chính lời của Lê Quýnh, ông sang Trung Hoa từ tháng Tám nhưng theo lời tâu [tháng Mười Hai] của Phúc Khang An thì *"vẫn tìm hỏi mà không nghe tin tức gì"* [vì vua Càn Long nghe tiếng Lê Quýnh trung nghĩa nên dặn rằng nếu ông ta có chạy sang "tỵ nạn" thì đưa lên kinh để ban thưởng], nay nghe Tri châu Ninh Minh Lý Tảo Vinh bẩm rằng bên ngoài Ải Điểm có *"di nhân tự xưng là Lê Quýnh dẫn theo hơn ba chục người xin được vào ải"* (tấu thư của Phúc Khang An, tr. 9). Điểm này cho chúng ta thấy một mặt Phúc Khang An đàm phán với Nguyễn Huệ để xúc tiến thủ tục cầu phong nhưng đồng thời ông ta cũng bố trí nhiều mặt khác, phân tán lực lượng hoài Lê ở trong nước và vô hiệu hóa cả những người chạy được ra ngoài. Chính vì thế, họ Phúc không cho Lê Quýnh gặp Lê Duy Kỳ ở Quế Lâm, và vu cáo rằng Lê Quýnh vốn là *"cường đạo xuất thân"* và suốt 4 tháng liền, nhóm Lê Quýnh bị quan địa phương nhà Thanh giam lỏng.

Tháng Một. Yết kiến Phúc công gia ở Ngô Châu, lại cũng đem mọi sự trình bày như trước rồi trả lại chỏm mũ [chức tổng binh được ban cho trước đây], *lại bẩm thẳng rằng:*

Nguyễn Huệ là bầy tôi soán nghịch của bản quốc, đối với thiên triều thì chẳng qua cũng chỉ là một đứa dân bướng bỉnh mà thôi. Bậc thánh nhân xử với man di thì cũng có khi không theo mực thường nên đã nhận cho y đầu hàng cũng là vì nghĩ đến sinh linh vậy thôi.

Thế nhưng trộm nghĩ Nguyễn Huệ là "di hoạn chi hổ" của nước tôi, vậy mà dám làm con bọ ngựa giơ càng chống xe. Y tuy đã thần phục nhưng e rằng chưa hẳn đã thực lòng vì chưng có việc ở phía nam nên đành phải dùng kế hoãn binh vậy.

Huống chi từ khi y chiếm được nước đến giờ, vét sạch ruộng vườn làm lương, bắt hết dân chúng làm lính, giết người như sợ rằng không thắng, bắt phục dịch như sợ không đủ, để lại chất độc cho hạ quốc, không nói sao cho xiết được. Sinh linh một cõi Nam như lửa càng lúc càng nóng, cá mè đuôi đã đỏ rồi, đang trông chờ như chờ mẹ cho bú mà chim cắt thì đang đuổi theo chim sẻ, con rái đang rượt theo con cá, như bụi rậm, như vực sâu[1] *thì đâu phải là đạo chăn dắt vạn bang.*

Đang ở chốn hang sâu lạnh lẽo, tối tăm nếu như sớm được thấy ánh thái dương chiếu xuống ấy là cứu được người trong lửa đỏ, kẻ đang chết đuối đâu có thể trì hoãn được. Còn như việc thụ hàng, ấy cũng là cái kế "cô dữ chi" (姑與之)[2]*. Bậc thánh nhân phân biệt đất nhưng không phân biệt dân, trị thì có hạn mà lòng thì vô cùng, dẫu cho một người cũng không nỡ để rơi xuống*

---

1. 爲淵毆魚、爲叢毆爵.

Mạnh Tử, Ly Lâu thượng: Vi uyên ẩu ngư, vi tùng ẩu tước (đuổi đánh con cá dưới vực, đuổi đánh con chim sẻ trong bụi cây).

2. 周書曰:將欲敗之,必姑輔之;將欲取之,必姑與之。

Chu thư viết: Tương dục bại chi, tất cô phụ chi. Tương dục thu chi, tất cô dữ chi.

(*Chu thư:* Muốn đánh bại ai thì làm như phụ giúp, muốn lấy của ai thì làm như phục tòng).

rãnh (一夫不獲，如己納溝)[1] ấy là chí của trời đối với người vậy. Mấy vạn sinh linh cũng đều là con đỏ[2], ấy là lòng nhân của vua Tống vậy. Nay vui được Đại hoàng đế thiên triều muốn làm cho đến nơi đến chốn không đâu là không thấu đến, hơn tám vạn dặm của Hồi bộ cũng không phải vì tham lợi đất đai mà vì dân chúng. Trước mắt An Nam đồ thán còn hơn Hồi bộ nhiều, đâu phải chỉ một người rơi xuống vực, bị cuốn trôi không phải chỉ vài vạn mà là cả đất Giao Châu để không thể vén quần lội xuống cứu (而不蹇裳濡足以救之乎)[3] hay sao?

Còn như lấy di trị di thì trong hiến điển tiên vương đã có, Hồi bộ không phải là di hay sao? Dân chúng Giao Châu tội gì mà không được sánh ngang với người Hồi? Thế nhưng trời đất vốn vô cùng, quỷ thần cũng không lường được, bậc thánh nhân xử sự quả thật khó mà đo. Nay thấy Nguyễn Huệ tuy là kẻ xảo quyệt nhưng trong nhà anh em đang rời xa, bên ngoài thì kẻ địch họ Nguyễn

---

1. 王陽明,傳習錄, 答聶文蔚

古之人所以能見善不啻若己出,見惡不啻若己人,視民之饑猶己之饑溺,而一夫不獲若己推而納諸溝中者,非故爲是而以蕲天下之信己也,務致其良知求自慊而已矣。

Vương Dương Minh, *Truyền tập lục*, Đáp nhiếp văn úy.

Cổ chi nhân sở dĩ năng kiến thiện nhi bất thí nhược kỷ xuất, kiến ác bất thí nhược kỷ nhân, thị dân chi cơ do kỷ chi cơ nịch, nhi nhất phu hoạch nhược kỷ thôi nhi nạp chư cấu trung giả, phi cố vi thị nhi dĩ kỳ thiên hạ chi tín kỷ dã, vụ chí kỳ lương tri cầu tự hiềm nhi dĩ hĩ.

(Người đời xưa thấy điều thiện thì vui như chính mình làm, thấy điều ác thì buồn như chính mình đã phạm, thấy dân đói khổ thì như chính mình đang đói khổ, thấy một người khổ mà không cứu thì không khác gì mình bị đẩy vào giòng nước, nếu không được vậy thì dù cả thiên hạ có tin tưởng nhưng lương tâm mình cũng thấy hổ thẹn vậy).

2. 數萬生靈,皆吾赤子: Số vạn sinh linh, giai ngô xích tử (Mấy vạn sinh linh, đều là con đỏ cả).

3.(楚辭·九章·思美人):"因芙蓉而爲媒兮,憚蹇裳而濡足。"[Sở từ. Cửu chương, Tư mỹ nhân: Nhân phù dung nhi vi môi hề, đạn kiển thường nhi nhu túc (*Sở từ, Chương 9, Nhớ người đẹp: Muốn hái hoa phù dung* [hoa sen] *để làm môi giới lẽ nào còn sợ vén quần ướt chân*)].

đang mạnh mẽ, tướng sĩ thì nản lòng, dân chúng thì oán giận, kẻ gần gũi cũng mỗi người một ý. Phạm vào năm cái bại này ấy là ngày trời làm mất vậy.

Vậy nếu nhân cơ hội, thừa thời thế thì đúng là diệt Hậu Nghệ (后羿), tru Lộc Sơn (禄山), ấy đúng là dịp may vậy. Thế nhưng vì chưa được thiên triều phân xử nên chưa dám vọng động nay sang đây để thỉnh mệnh chứ không phải là kế mong được an thân một mình…

Lại cho người[1] cật vấn, Lê Quýnh đáp tóm tắt như sau:

Hiện nay, họ Lê yếu đuối đơn bạc nhưng tội soán đoạt của Nguyễn Huệ thì không thể tha. Thánh đức bao hàm mà cái tội kháng cự của Nguyễn Huệ cũng không có thể che giấu được. Nếu như nay cái tội bội nghịch mà không bị thiên triều tru diệt thì ân sủng đó lấy gì để kế tục cương thường cho một nước, để cho muôn phương kính sợ mà trông vào?

Trước đây, ba nhà chia nước Tấn, nhà Chu nhân đó mà phong cho, bộ khúc toại tiết độ, Đường nhân đó mà được. Cổ nhân bao phủ mực thường để khỏi sinh ra rắc rối nên trở thành vô sự chi cục.

Nay thiên triều uy đức vươn ra bốn bể từ trước đến nay không có bậc đế vương nào sánh kịp, trộm nghĩ việc phong cho họ Nguyễn kia không thể coi là chân chính được…

Người kia lại vặn hỏi rằng:

Nguyễn Huệ đã thành thực quy phục, Phúc trung đường [tức Phúc Khang An] *trông lo việc thụ hàng ấy là phụng mệnh Đại hoàng đế, các ngươi vin vào hai chữ cương thường, toan bề xảo trá lay động nhân tâm định thay đổi cục thế của thiên triều chăng?*

Lê Quýnh đáp:

Bậc thánh nhân dùng lễ để phòng phạm lòng người nhưng lễ không thể lớn bằng phận mà phận cũng không thể lớn bằng danh. Vì Nguyễn Huệ mạnh nên đương nhiên được phận, lại được phong tước để định phận, chính danh, vậy thì còn ai dám can vào danh để phạm vào phận nữa.

Thế nhưng, một nước khi hưng khi phế thì từ xưa cũng đã có rồi, còn như cương thường thì dù cổ hay kim lúc nào cũng thế không đổi được. Lê Quýnh thờ

---

1. Theo những tài liệu khác thì người được giao công việc cưỡng ép nhóm Lê Quýnh là Tả Giang đạo Tống Văn Hình.

họ Lê, chẳng may nước bị phá, vua phải chạy đành phải hết sức của kẻ tay chân, tận cái tiết trung trinh. Còn việc chức phận của nội địa thì Trương Lương phò Hán thất, Bao Tư khóc ở sân Tần, cổ nhân cũng đã từng tận tâm mà làm rồi, Lê Quýnh vì cương thường mà mưu tính âu cũng là gốc của tính người thôi.

Việc dặn thuộc quốc phù cương thường thì chiếu thư từng ghi khắc, trước đây định cục của thiên triều [tức việc nhà Thanh sang giúp vua Lê] *cũng không ra khỏi cương thường nên bọn Lê Quýnh đã tuân theo rồi đấy, nhưng định cục không phải do bọn Lê Quýnh có khả năng biến đổi mà cục thế tự biến đấy thôi.*

Đến nay, việc thụ hàng lại trở thành định cục, lòng người trong một nước dao động như thế nào, liệu có phải là vì bọn Lê Quýnh giảo trá hay sao? Bọn Lê Quýnh sang đây tuyệt nhiên không có chút gì xảo trá, không đợi gọi mà tự đến xin soi xét xuống cho để không chỗ nhỏ nhoi nào không thấu đến.

[Phúc Khang An] lại dụ rằng:

Các ngươi đã đến đây thì không có lý nào lại xuất quan được, phải ở lại đây đợi ta tâu lên để bổ dụng các ngươi cũng chẳng khác gì Phan Khải Đức, vậy có thuận hay chăng?

Lê Quýnh đáp:

Phan Khải Đức vốn là người theo họ Nguyễn [tức Tây Sơn], *vốn không có ơn nước để phải báo đền, một khi đầu thuận sẽ được che chở ban ơn rộng rãi nên đã ở lại ra sức phục vụ lập công. Còn bọn Lê Quýnh vốn là bầy tôi họ Lê không thể so sánh với Khải Đức được, việc lưu cư nội địa không phải sở nguyện.*

Đã ở lại đây thì việc nước không còn nhớ gì nữa, ấy là kẻ bất trung, gia đình tổ tiên cũng bỏ đi không ngó ngàng tới, ấy là kẻ bất hiếu, phụ bạc những người đồng tâm tuẫn quốc, ấy là kẻ bất nghĩa, không cứu người đang ở trong lửa đỏ, dưới nước sâu ấy là kẻ bất nhân, đang vì nước nay thành bán nước ấy là kẻ bất trí, đang đứng ra làm nay trốn lánh ấy là kẻ bất dũng, đã có sáu điều ấy thì đâu còn là người. Trung Quốc tuy rộng nhưng cũng không có đất để dung cho hạng cẩu trệ, Lê Quýnh lẽ nào muối mặt sống như thế?

Vả lại, Lê Quýnh qua đây vốn chỉ theo lệnh, đâu phải vượt ải lẻn vào trong cửa quan, nay nói rằng đã vào thì không được ra chẳng hóa ra là cái bẫy đánh lừa người ta hay sao? Đã đến thế thì Lê Quýnh này sống chết cũng tùy theo số mệnh mà thôi.

Nói chung, nay đã là thân cái trứng trong tổ bị phá, còn có cái nào lành lặn. Họ Lê không khôi phục được thì Lê Quýnh cũng không mong được tồn tại, chỉ mong được chết ở đất cũ nhà Lê để tỏ lòng trung chứ nếu như chết uổng ở nội địa thật không đúng chỗ khiến cho hỏng cả đức nhân của thượng ty, vậy xin đại nhân tha thứ cho.[1]

4.4. Trên đường áp tải

Tháng Chạp năm đó [Kỷ Dậu, 1789], bọn Lê Quýnh bị giải đến Quế Lâm rồi cuối tháng lại giải đến tỉnh thành Quảng Đông [tức Quảng Châu]. Thời gian này, Thanh đình đang chuẩn bị đón tiếp phái đoàn Quang Trung sang chúc thọ nên vua Càn Long cũng muốn đưa hết vua tôi Lê Duy Kỳ lên kinh đô dưới danh nghĩa phủ tuất cho họ thành một tá lãnh trong kỳ binh nhưng thực tế là để họ không còn ở gần biên giới Hoa-Việt, ngõ hầu cắt đứt mọi liên lạc với trong nước.

Tháng Giêng năm Càn Long thứ 55 [1790], nhóm Lê Quýnh bị đưa lên Bắc Kinh. Vì trước đây Lê Quýnh bị vu là cường đạo xuất thân nên vua Càn Long đã ra lệnh cho hai người lo nhiệm vụ hộ tống là Đồng tri Diệp Nhữ Lan và Thiên tổng Tiết Đắc Nguyên trên đường đi giám quản kỹ lưỡng.[2] Tháng Ba năm đó, họ đi đến Duyện Châu, biết tin xa giá vua Càn Long đông tuần nên được đưa đến Thái An để xét hỏi. Trong dịp này, Lê Quýnh viết một tờ bẩm đại lược như sau:

Bọn Lê Quýnh không giúp được chủ để giữ nước, Đại hoàng đế thương tình yếu đuối đơn bạc nên không nề binh sĩ mệt nhọc, hao tốn tiền tài, sai tướng sang cứu viện. Vậy mà chúng tôi không biết nhân cơ hội theo thời thế để củng cố tồn tại để đến nỗi phải thảm bại cũng là do mình cả, còn nói gì được nữa.

Nguyễn Huệ đã có sức để chinh phục người lại có thế không thể lấn át được, thánh nhân vì thế mà ban cho cũng là vì sinh linh, việc coi như xong rồi Lê Quýnh chỉ biết nói là mọi việc đều gần với lý lẽ cả.

---

1. Lê Quýnh, "*Bắc hành lược ký*", Nguyễn Duy Chính dịch, *Nam Phong tạp chí*, số 126, tr. 21-23.

2. *Càn Long triều, Thượng dụ đáng*, quyển XV, sđd, tr. 429.

Nghĩ đến họ Lê thần phục thượng quốc đã ba trăm năm, nay không còn giữ được âu cũng là số trời đã an bài, Lê Quýnh không dám vọng tưởng. Thế nhưng, Nguyễn Huệ là kẻ tội lớn như thế mà không bị trời tru diệt thì lòng Lê Quýnh vẫn còn canh cánh.

Còn như bảo An Nam là đất đai nhỏ, dân chúng đất đai không đáng lấy nên không nỡ để dân binh vào nơi yên chướng khổ sở. Nếu thánh nhân coi bốn bể như một nhà, không phận biệt trong ngoài, dù đất nhỏ hay lớn cũng đều lấy sinh linh làm trọng, Hồi bộ, Tân Cương không phải vì tham đất đai, vậy thì An Nam có tội gì mà không được với Hồi bộ cùng trong một cuộc thế?

Họ Lê cung thuận, Nguyễn Huệ bạo nghịch xét xuống đen trắng rõ ràng, nay đem dư đồ mười sáu đạo ban cho Nguyễn Huệ ấy chẳng qua cũng chỉ là quyền nghi bất đắc dĩ nhất thời mà thôi. Đấy là sự khắc khoải của Lê Quýnh, mong được bề trên thương xuống mà đem ý nghĩ đệ đạt lên.[1]

Ngày mồng 4 tháng Ba, bọn Lê Quýnh được đưa vào triều kiến vua Càn Long, nhà vua dụ rằng:

Các ngươi không vì thịnh suy mà thay đổi, lòng thành trung nghĩa thật đáng khen, trẫm không nỡ trách phạt.

Sau đó, Hoàng đế sai quân cơ đại thần tận mật dụ rằng các ngươi tiến thì không được như Bao Tư mà lui thì ắt bị Nguyễn Huệ làm hại, thật là đáng thương, vậy hãy tiến kinh đợi khi nhà vua hồi loan rồi sẽ giải quyết.[2]

Thế nhưng, nhóm Lê Quýnh nhất định không chịu lên Yên Kinh mà khăng khăng nói rằng họ chỉ một lòng muốn cứ sự khôi phục chứ không hề có ý định chạy sang nội địa để tỵ nạn. Trong hoàn cảnh hiện tại, họ xin được trở về nước để đem thân tuẫn quốc.

Theo mật nghị của nhà Thanh thì họ ngại rằng một khi ông và các đồng chí về nước sẽ tung ra những tin tức bất lợi cho triều đình Tây

---

1. Lê Quýnh, "*Bắc hành lược ký*", Nguyễn Duy Chính dịch, *Nam Phong tạp chí*, số 126, tr. 24.

1. Ngày mồng 6 tháng Ba, vua Càn Long gửi cho Phúc Khang An một chỉ dụ tương đối chi tiết về việc quân cơ đại thần tra hỏi nhóm Lê Quýnh ở hành tại. Xem thêm *Càn Long triều, Thượng dụ đáng*, quyển XV, sđd, tr. 512-513.

Sơn và toan tính việc khởi sự. Còn như nếu giao bọn Lê Quýnh cho Nguyễn Huệ thì chắc chắn họ sẽ bị giết không tha. Vua Càn Long bèn sai giao họ cho bộ Hình để khi đến kinh đô sẽ ra lệnh cho họ cắt tóc đổi y phục sống chung với nhóm vua Lê đang bị an tháp ở đó. Bản cung từ của Lê Quýnh do quân cơ đại thần tra hỏi còn lưu lại trong hồ sơ nhà Thanh dịch ra như sau:

... Đại hoàng đế thương các ngươi có bụng quyến luyến chủ cũ, không vì thịnh suy mà đổi lòng cho nên rất khen ngợi. Thế nhưng trong tờ bẩm của các ngươi có khai là thần dân nước An Nam chưa quên nhà Lê nên nay đang tụ tập những người cùng chí hướng, chiêu mộ nghĩa binh để đợi thời cơ cử sự. Nếu như quả thực lòng người còn luyến cũ mọi người cùng ra sức để mưu đồ khôi phục thì khi đại binh tiến vào là lúc thừa cơ hưởng ứng để trợ thanh uy cho quân ta mà rửa mối thù.

Thế nhưng, Tôn Tổng đốc đóng binh ở Nam Quan ngươi đã khoe khoang là có đến mấy vạn quân ở quan ngoại đang đợi để cùng hợp lực tiến thảo, vậy mà khi đại binh xuất quan chẳng thấy một lữ nào đến trợ lực cả. Khi khắc phục Lê thành xong, ngươi cũng trốn mất tăm, chỉ toàn nói khoác cả, còn việc nước cũng không giúp được gì.

Thiên triều nuôi nấng các nước, trong ngoài cũng đều che chở. Trước đây quyến thuộc Lê Duy Kỳ chạy sang nội địa, long đong khốn khổ, Đại hoàng đế nghĩ đến nước ngươi đã chăm chỉ giữ phận tiến cống nên không nỡ không lý đến nên đặc biệt sai đại binh thu phục Lê thành, đưa Lê Duy Kỳ về nước, ban cho tước vị, ổn định gia thất, cái nghĩa "hưng diệt kế tuyệt" từ xưa đến nay thực chưa từng có.

Thế nhưng, Lê Duy Kỳ không tự mình chấn hưng lên được nên lại bỏ nước bôn đào cứ như tổng đốc, tuần phủ nội địa là viên chức lớn bỏ ấn chạy trốn ấy là phạm tội không thể dung tha. Còn các ngươi chưa được xếp vào hàng tòng vong, lại không có mưu lược ngự địch, chỉ nghĩ đến việc khẩn khoản xin binh lực thiên triều để lo việc khôi phục lần nữa.

Ví như thiên triều vì nước ngươi mà xuất binh phiền nhiễu động sư thêm nữa lấy lại cương thổ nhưng Lê Duy Kỳ là kẻ hèn yếu vô năng biết đâu lại chẳng có bầy tôi có bụng dòm ngó hay bọn ngươi tự hợm mình có công lấy lại nước cho họ Lê rồi lại chuyên quyền giống như phụ chính họ Trịnh trước đây thì chuyện cũng chẳng ra thế nào.

Ngươi Trịnh Hiến vốn là hậu duệ [họ Trịnh] *há chẳng biết An Nam sở dĩ bại vong cũng vì chúa yếu tôi mạnh nên lâu ngày mới ra nông nỗi. Hiện nay, bọn ngươi chạy sang đây, Đại hoàng đế xét lòng dạ các ngươi không nỡ bắt tội nhưng nếu đem bọn ngươi trả về bản quốc, Nguyễn Quang Bình ắt sẽ giết hại nên lòng Thánh thượng không nỡ.*

Lê Duy Kỳ hiện nay đã đưa quyến thuộc lên kinh đô, gia nhập kỳ binh nhận quan tước bổng lộc để mãi mãi được hưởng ân quyến, các ngươi cũng nên đồng loạt lên kinh để vua tôi đoàn tụ không đánh mất tấm lòng trung với họ Lê thuở đầu, ấy là Đại hoàng đế nhân chí nghĩa tận hết lòng vì các ngươi rồi, các ngươi còn gì nữa mà từ khước?

Theo như bọn Lê Quýnh, Trịnh Hiến, Lê Trị, Lý Bỉnh Đạo cung xưng thì bọn Quýnh thờ họ Lê chẳng may gặp cơn quốc biến. Năm trước, Quýnh theo lệnh quốc chủ [tức Lê Duy Kỳ] *bảo vệ gia quyến chạy qua nội địa nhờ Đại hoàng đế trời che đất chở xuất binh cứu giúp nên Quýnh theo Tôn đại nhân về nước, chuyện xảy ra quá gấp gáp nên chưa kịp thi thố, những bầy tôi còn có lòng nhớ cũ không phải ai cũng coi là việc dĩ nhiên, bọn Quýnh cũng không dám níu kéo.*

Khi quốc chủ chạy sang nội địa, bọn Quýnh không đi theo được tội thật đáng chết nên trở về quê cũ kính cẩn chờ vũ sư (雨師)[1] *may làm được chút gì để chuộc tội cũ.*

Năm ngoái được lệnh của Phúc công gia cho người gọi nên đến đợi mệnh chứ chẳng phải chúng tôi đường đột xin viện binh. Khi đến cửa ải có nghe trộm rằng Thiên triều đã phong vương cho họ Nguyễn, chưa biết có thật hay không nên mới đem tất cả tâm tình trình lên nếu được chinh thảo để toại chí phục thù thì cũng nguyện làm dân đen của thánh nhân chứ quả không dám vọng cầu xin lấy nước mà ban cho chủ cũ, cũng chẳng vì có mưu đồ phú quý đâu. Còn Trịnh Hiến tuy là con cháu phụ chính họ Trịnh trước đây nhưng một tấm lòng son báo ơn cố chủ cũng không khác gì Quýnh cả.

Nay được thánh đức rộng lòng dung chứa để bọn Quýnh được đoàn tụ với quốc chủ, khỏi bị kẻ thù giết hại thì đối với bọn Quýnh này nếu nói riêng cái kế cho bản thân thì thật là may mắn. Thế nhưng nghĩ lại bọn Quýnh đến đây vốn chẳng phải vì tỵ nạn mà chạy qua nên mong được trở về đất cũ của

1. Quân Thanh sang cứu viện.

họ Lê đem thân tuẫn tiết, còn như trơ mắt sống thừa ở nội địa thì tuy được ơn thiên triều nuôi nấng nhưng cũng phụ tấm lòng thương xót của thánh nhân. Ấy là lòng ngu muội thành thực sâu kiến của bọn Quýnh mong được xem xét cho tâm tình mà tâu lên.

Ngày mồng 7 tháng Ba [năm Canh Tuất, 1790][1].

4.4.1. Tuyệt thực

Theo báo cáo của Viên ngoại lang Ngũ Đức (五德) (là viên quan của bộ Hình có nhiệm vụ áp giải bọn Lê Quýnh) ngày mồng 9 tháng Ba từ Tề Hà (齊河) đệ lên trong đó trình rằng bọn Lê Quýnh ăn uống xem ra ít hơn trước. Tuy nói thế nhưng khi đọc tiếp một số báo cáo khác thì sự việc không đơn giản mà chính là một vụ *"tuyệt thực"* nhằm phản đối việc đưa họ lên giam ở bộ Hình.

Ngày 16 tháng Ba, trong một báo cáo khá dài của Quân cơ xứ trình bày nội vụ và tâu lên vua Càn Long về nhóm Lê Quýnh 4 người và việc thuyết phục, giải thích để họ chấm dứt lối phản kháng tiêu cực đó.

Theo lời của quan nhà Thanh thì họ sẽ trình bày với nhóm Lê Quýnh rằng:

"[...] vì chưng Lê Duy Kỳ không thể tự mình vươn lên, bỏ nước chạy trốn, nếu như trong trường hợp tổng đốc, tuần phủ, đề đốc đại thần nội địa mà "khí ấn tư đào" [bỏ ấn chạy trốn] *như thế thì tội ắt không tha. Nay Đại hoàng đế niệm tình họ Lê giữ phận chức cống lâu năm rất là cung thuận nên mới phát binh đưa Lê Duy Kỳ về lại Lê thành, ấy là cái nghĩa "hưng diệt kế tuyệt" vậy, xưa nay chưa từng có bao giờ.*

Vậy mà chủ ngươi hèn yếu vô năng lại bỏ nước bôn đào, Đại hoàng đế không nỡ bắt tội nên cho Lê Duy Kỳ đưa quyến thuộc lên kinh đô, đưa vào kỳ tịch làm chức tá lãnh mang hàm tứ phẩm. Ấy là Đại hoàng đế khoan dung bao la hết sức rồi, thực là nhân chí nghĩa tận.

Nay bọn các ngươi đã chạy sang đây ắt phải cảm kích về thiên ân đó, nghĩ cho sâu xa để cắt tóc thay đổi y phục đợi khi bọn Lê Duy Kỳ đến kinh đô chúa

---

1. *Càn Long triều, Thượng dụ đáng*, quyển XV, sđd, tr. 512-514.

tôi đoàn tụ mà giao cho đô thống đại nhân cùng quản hạt trong một kỳ binh, cấp cho các người nơi ăn chốn ở, cho lương bổng để sống, lại ban cho chức quan ngũ, lục phẩm có phải là danh cũng như nghĩa đều thỏa hay không?

Còn như các ngươi không chịu "thế phát cải trang" thì Đại hoàng đế cai trị vạn bang dạy trung dạy hiếu để trị người, các ngươi [dựa vào điều] *trung với chủ cũ nên mới được khen ngợi mà không trách phạt nhưng y quan thiên triều đã có chế độ, ở kinh thành không có ai ăn mặc như lối của các ngươi, nhỡ khi đi lại trên đường phố, người người trông vào không khỏi lấy làm lạ lùng, nên mới đem quản thúc ở bộ Hình.*

Phép nước là như thế, không ai có thể dung thứ được, các ngươi rồi cũng sẽ chết già trong tù ngục không ai nghe đến, không gặp lại chủ (chẳng ai nghe tên) mà cũng chẳng ích gì cho mình. Nặng nhẹ là thế các ngươi hãy suy nghĩ lại đi."[1]

Trong bản chụp lại văn thư có hai đoạn châu bút mà chúng tôi để giữa hai ngoặc khung [] chính là lời của vua Càn Long thêm vào cho câu văn thêm mạnh mẽ. Điều đó chứng tỏ thái độ bất khuất của bốn người An Nam không phải là một việc nhỏ mà đã phê phán chính sách và niềm tự hào giả dối của thiên triều đến nỗi chính vua Thanh đang trên đường tuần du cũng phải quan tâm.

Có lẽ, Lê Quýnh cũng không biết rằng việc bỏ ăn để chống lại quyết định đưa 4 người lên Yên Kinh đã làm rung động từ vua chí quan nên ông đã không đề cập đến trong *"Bắc hành lược ký"*.

4.4.2. Tới Bắc Kinh

Ngày 23 tháng Tư, nhóm Lê Quýnh lên đến Bắc Kinh bị giữ ở bộ Hình chờ vua Chiêu Thống đang trên đường đến kinh đô. Vua Lê và gia quyến đến nơi vào ngày mồng 5 tháng Năm, tức là khoảng hơn 10 ngày sau.

Theo tài liệu nhà Thanh, vua Chiêu Thống và những bầy tôi thân tín được chia thành 4 nhóm tuần tự đi từ Quảng Tây lên Bắc Kinh như sau:

---

1. *Càn Long triều, Thượng dụ đáng*, quyển XV, sđd, tr. 534-535.

- Nhóm thứ nhất gồm vua Lê và 61 người khác đi từ Quế Lâm ngày 2 tháng Hai [17-3-1790].

- Nhóm thứ hai là gia đình Đinh Nhạ Hành 27 người lên đường ngày 6 tháng Hai [21-3-1790].

- Nhóm thứ ba gia đình Phan Khải Đức 24 người lên đường ngày 10 tháng Hai [25-3-1790].

- Nhóm thứ tư gia đình Nguyễn Đình Bái 56 người lên đường ngày 15 tháng Hai [30-3-1790].[1]

Lúc đầu, quan nhà Thanh cũng nghĩ rằng một khi vua Chiêu Thống đích thân khuyên nhủ thì mọi việc sẽ ổn thỏa. Tháng Năm năm Canh Tuất [1790], nhà Thanh sắp xếp một cuộc đề thẩm [tra hỏi lần cuối trước khi tống giam] ở miếu Lôi Thần.

Cứ theo trình tự ghi trong những biên bản này cũng như lời tường thuật của Lê Quýnh thì người Thanh đưa vua Lê đến gặp để khuyên nhủ họ cạo đầu thay áo. Tuy nhiên, bọn Lê Quýnh không theo vì biết rằng *"miệng vua nói thế nhưng lòng không muốn thế"* và chỉ theo *"tâm mệnh"* thôi.

Lần tra hỏi này chắc chắn đã đưa đến những xúc động lớn cho cả 4 người, nhất là được gặp lại chúa cũ trong một hoàn cảnh mà cả hai bên đều chua xót.

4.5. Thái độ dứt khoát của Lê Quýnh

Theo *"Bắc hành lược ký"* thì việc tranh biện đó như sau:

... Chủ ngươi đã được quan tam phẩm, vậy cho các ngươi chức quan ngũ, lục phẩm, các ngươi có chịu không?

Lê Quýnh đáp:

Tuy vua và cha mẹ nói là không giống nhau, thực ra trung hiếu không khác gì. Nếu như phải lúc không thể cả đôi thì nên bỏ hiếu mà giữ trung. Cái

---

1. Lời tâu của Tôn Vĩnh Thanh ngày 15 tháng Hai năm Canh Tuất [1790], *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển XXVII, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 530-531.

chí khẳng khái phò Côn Lôn nếu không thể được thì đành thay trung mà giữ hiếu. Băn khoăn trèo lên núi Hổ núi Dĩ mà ngóng về[1], *tiến không thể toàn được lòng trung, thôi đành thoái để lo việc hiếu. Bọn Lê Quýnh ai cũng còn mẹ già, Trịnh Hiến, Lê Trị thì chưa có con cái, Lý Bỉnh Đạo, Lê Quýnh đều không có anh em, nay được thiên triều lấy trung hiếu trị thiên hạ, nếu như thương xót thả về để nuôi dưỡng mẹ, dẫu Nguyễn Huệ không dung thì cầu nhân được nhân đâu dám oán trách gì.*

Còn như bọn Lê Quýnh chỉ vì lợi cho mình mà ở lại đây thì trung hiếu đều không được điều nào cả, lòng dạ có khác gì chó má, thiên triều bổ dụng quan chức mà làm gì?

Vả lại làm quan phải chọn người hiền, chức vụ phải chọn kẻ có khả năng, ban cho tước thì phải có công, ban cho lộc để khuyến khích lòng trung. Lê Quýnh không lo được cho chủ lúc khó khăn, chẳng những không hiền, không khả năng mà lại không có công lao gì, không giữ được điều trung thì đâu dám mong gì tước vị, ấy không phải là sở nguyện.

Lại dụ rằng:

Chủ ngươi đang ở đây, ngươi cũng không chịu theo, sao gọi là trung được?

Đáp rằng:

Hãy xem con chim sẻ mép còn vàng kia cũng biết dè dặt rồi mới theo. Nếu như theo vua Cao Tông [Tống] *là trung thì theo vua Huy Tông, Khâm Tông là bất trung nên không thể nói là hễ chủ cũ làm gì là phải theo như thế để bảo rằng là đạo thờ vua. Con chim non còn biết ngừng lại ở ngoài gò*[2] *bầy tôi cũng phải biết dừng ở chỗ trung nào, con cái biết dừng ở chỗ hiếu nào, không phải đến chỗ vua ở mới dừng lại mà riêng tư lo lợi cho mình thì chữ trung ấy chính là bất trung vậy, không dám cưỡng biện, chỉ mong được soi xét cho.*

Vừa khi đó trông thấy vua cũ đến. Các quan lớn mới bảo cố chủ khuyên Lê Quýnh cạo đầu, bèn khóc lạy mà rằng:

---

1. Ý nói thương nhớ cha mẹ ở xa [rút từ *Kinh Thi*, 陟彼岵兮瞻望父兮，陟彼屺兮瞻望母兮].

2. 丘隅之鳥.

《詩·小雅·緜蠻》:緜蠻黃鳥，止於丘隅。Kinh Thi, Tiểu Nhã, Miên man: Miên man hoàng điểu, chỉ ư khưu ngung.

Bọn Lê Quýnh sống làm bầy tôi họ Lê, chết thì làm ma họ Lê, còn chuyện khác không phải là điều mong muốn vậy.

Lại được các đại nhân dụ rằng:

Đến như lệnh của chủ ngươi, ngươi cũng không theo, vậy đạo làm tôi như thế hay sao?

Lê Quýnh đáp:

Cứ đúng như kẻ bầy tôi thì phải thờ vua, vua ra lệnh thì phải theo. Thế nhưng cũng có khi không theo mà là theo, miễn không làm nhục mệnh chúa ấy là theo vậy. Nay lệnh vua bảo cạo đầu, tuy mồm nói thế nhưng lòng không muốn thế nên bọn Lê Quýnh nay theo cái tâm mệnh của chúa vì đây chỉ vì hoàn cảnh mà bất đắc dĩ phải làm đấy thôi.[1]

Vụ hỏi cung này tài liệu nhà Thanh[2] cũng có chép, lẽ dĩ nhiên theo dạng văn thư trình lên nên không hoàn toàn phù hợp với những điều chính Lê Quýnh kể lại, chúng tôi cũng xin sao lục để có thêm một góc cạnh khác. Đặc biệt nhất trong văn thư nhà Thanh có ngày tháng thời gian nên chúng ta có thể theo dõi được toàn bộ nội vụ.

Ngày mồng 8 tháng Năm

Bản thẩm vấn Lê Quýnh

Bản số 1:

Trước đây vì việc của Lê Duy Kỳ mà thiên triều phải ra quân khiến cho một số võ chức phải bỏ mạng ở chiến trường, Đại hoàng đế đã toan điều tập đại binh hỏi tội thảo phạt quyết không tha.

Bọn chúng đã biết hối tội lập đền miếu thờ các trấn biện, gõ cửa thành thực đầu phục nên Đại hoàng đế thể theo đức hiếu sinh của trời cao, dù trung thổ hay bên ngoài cũng đều là con dân nên thấy Nguyễn Quang Bình có thể vỗ về trăm họ xứ đó, lại biết hối tội đầu thành nên xá tội cho y đổi mới.

Hiện nay, Nguyễn Quang Bình nhân kỳ Bát tuần Vạn Thọ của Đại hoàng đế xin được đến kinh đô chúc hỗ, đã định vào ngày 15 tháng Tư tiến quan, làm

---

1. Lê Quýnh, *"Bắc hành lược ký"*, Nguyễn Duy Chính dịch, tlđd.
2. *Càn Long triều, Thượng dụ đáng*, quyển XV, sđd, tr. 661-664.

sao có thể phế bỏ y mà lập Lê Duy Kỳ lên trở lại. Huống chi bọn ngươi là bầy tôi cũ của Lê Duy Kỳ mà không biết giúp cho chủ giữ được đất đai, hai lần chạy trốn, để mất cả ấn cũ ấn mới của thiên triều ban cho.

Nếu chiếu theo luật nội địa, quan viên giữ đất mà bỏ ấn trốn đi thì phải lập tức đem ra xử tử. Đại hoàng đế nghĩ tình họ Lê là thuộc quốc đã lâu nên không nỡ để cho tuyệt dòng tế tự, lại lấy lòng trời mà xét thì biết rằng thượng thiên đã chán ghét họ Lê rồi nên dẫu có lấy lại nước cho họ Lê thì e rằng Lê Duy Kỳ cũng chẳng cai trị trăm họ được lâu dài để đời sau nối nghiệp nên đã gia ân cho chức quan tứ phẩm, ra lệnh cho an cư ở nội địa, con cháu đời đời thế tập.

Cựu thần nhà Lê đi theo đến kinh đô mà cũng thế phát dịch phục đều được ân trạch, thưởng cho quan chức, trong các ngươi nếu như ai còn thiên lương thì đều cảm kích đội ơn. Vậy đừng có nên cố chấp như trước mà ra ngoài phận sinh thành.

Bản số 2:

Hỏi bọn Lê Quýnh rằng khi bọn ngươi tiến quan, vốn là vì lưu luyến cố chủ muốn được gặp lại Lê Duy Kỳ nên khi chưa gặp thì không chịu cắt tóc đổi quần áo. Nay Lê Duy Kỳ đã lên kinh đô có thể gặp các ngươi được rồi.

Hiện nay, chủ cũ các ngươi đã tuân theo chế độ thiên triều, nếu như bọn ngươi muốn gặp chủ cũ thì y đã ở kinh đô muốn gặp thì được gặp ngay nhưng lối ăn mặc thì phải giống nhau, vậy hãy thay đổi quần áo rồi sẽ đưa đi.

Chủ cũ các ngươi nhận ân điển của Đại hoàng đế sẽ được quan chức tứ phẩm, các ngươi cũng sẽ được quan chức lục hay thất phẩm. Ấy là các ngươi vốn là bồi thần thuộc quốc mà được liệt vào hàng quan lại thiên triều, chẳng càng thêm vinh dự mà từ nay sớm tối được gặp chủ cũ toại lòng luyến chúa khi tiến quan.

Còn như vẫn cố chấp như trước thì không những đã chống lại thiên triều mà còn phản bội cố chủ, còn mặt mũi nào mà nói rằng mình trung thành nữa. Đại hoàng đế thương tình các ngươi có lòng trung nghĩa nên không bắt tội thêm chứ nếu như ra lệnh đưa trở về An Nam thì ắt sẽ bị Nguyễn Quang Bình làm hại, Đại hoàng đế vì lòng hiếu sinh mà không làm còn như giữ các ngươi ở kinh thành thì phải cùng với bọn Lê Duy Kỳ cắt tóc đổi y phục để người ta không thấy kẻ ăn mặc tiếng nói lạ lùng đi lại trong đường phố, còn như bị giam cấm tù ngục mãn đời cho đến khi chết già thì có ích gì cho các ngươi đâu? Mà với chủ các ngươi thì cũng có ích gì đâu?

Nếu như các ngươi không tin rằng Lê Duy Kỳ đã thế phát cải phục thì nay Lê Duy Kỳ đã đến đây rồi, trong chốc lát sẽ gặp mặt, các ngươi còn gì để nói nữa.

Bản số 3:

"Lời cung của bọn Lê Quýnh"

Cố chủ của bọn Quýnh được hưởng ân đức cao như trời, dày như đất của Đại hoàng đế, mất mà làm cho còn, đứt mà làm cho nối, vậy mà vẫn không giữ được nước. Đại hoàng đế lại thi ân không trị tội bỏ ấn tín cho được sống còn lại thưởng cho quan chức, còn bọn Quýnh là phận vong quốc chi thần cũng không tru lục, lại cũng cho đi theo chủ mà hưởng quan chức, bọn Quýnh đều là người có lòng há không cảm kích hồng ân tái tạo hay sao?

Thế nhưng, bọn Quýnh là bầy tôi họ Lê, nước đã mất rồi, chết cũng chưa đủ cho nên chỉ mong được mặc sắc phục nước cũ, được gặp chúa cũ một lần. Còn như tham đồ phú quý thì đó không phải là sở nguyện. Tấc lòng ấy không phải là cố chấp, kháng lại không tuân, xin minh xét cho.

Bản số 4:

"Lời cung của Lê Quýnh"

Cố chủ thay đổi phục trang làm quan ở Trung Quốc ấy là vì nước đã mất mong họ Lê không mất đồ huyết thực [có người để cúng tế tổ tiên] *cho khỏi vô dụng.*

Còn như Lê Quýnh được chủ cũ ủy thác việc nặng. Hai năm trước đây, cố chủ ủy cho Lê Quýnh lo cho mẹ, vợ và con. Nay mẹ và con đã vào nội địa, còn vợ cố chủ vẫn còn ở tại quê của Quýnh. Nếu như Quýnh đổi y phục ở lại đây thì là phụ lòng chủ cũ đã ký thê thác tử, nên nay xin được chết mà thôi. Như thế trung hay không trung toàn do quý vị định đoạt.

Việc kết thúc bằng bốn tờ cung minh xác xin được chết chứ không chịu cắt tóc thay áo dịch ra như sau:

Bản số 5:

"Lời cung của Lê Quýnh"

Quốc phá không được chết, vua chạy không được theo. Phận của Quýnh đáng chết, nay đã gặp được chủ rồi, chí của Quýnh đã thỏa. Quýnh không muốn sống trộm, giả vờ đi tìm chúa để được an thân, không phải là khí tiết của kẻ bầy tôi.

Nếu như Quýnh chết đi mà bộc bạch được điều nghĩa thì xin được chết để toại lòng mong. Còn như Quýnh phải sống ấy cũng là do lệnh của chủ chứ không phải ý nguyện Quýnh là như thế.

Bản số 6:

"Lời cung của Trịnh Hiến"

Hiến sang bên này cũng chỉ mong báo đền ơn nước. Nay việc nước không xong cũng do ở trời. Bọn Hiến đã được gặp chủ cũ rồi, xin sớm được ban cho cái chết cho toàn khí tiết.

Bản số 7:

"Lời cung của Lê Trị"

Trị này coi xã tắc là trọng chứ không phải theo vua là trọng. Nếu bây giờ chịu cạo đầu để được sống thì có khác chi người tù nước Sở nhìn nhau mà khóc, buồn bã thật có ích gì. Trị thật không muốn như thế.

Bản số 8:

"Lời cung của Lý Bỉnh Đạo"

Đạo hôm nay đến đây thật đã được thiên triều thương xót rất nhiều rồi. Vua tôi của Đạo đúng là xương nay mọc thịt, chết đi sống lại, quả là đức lớn trời che đất chở. Làm bầy tôi thờ vua không xong chi bằng được chết cho xã tắc, tệ chủ được thiên triều bảo bọc để mong còn người hương khói còn Đạo này xin được một chết để báo ơn chúa.

Bản số 9:

Đây là lời khải của quan viên bộ Hình trình lên quân cơ đại thần nhưng rất quan trọng vì nội dung có trích lại gần như toàn văn lời dụ của vua Càn Long đưa ra những biện pháp để tìm cách khuyến dụ nhóm 4 người này nhất là việc sợ người ta cho rằng vì ông muốn chiêu dụ Nguyễn Quang Bình mà tìm cách hãm hại nhóm nhà Lê. Chính quan tâm đó cũng nêu ra được nỗi băn khoăn của Thanh triều trong chính sách đối xử với những người bỏ nước chạy sang Trung Hoa.

Hôm nay chúng tôi được chính hoàng đế tận mặt dụ rằng:[1]

---

1. Nguyên văn: 本日面奉諭旨 (bản nhật diện phụng dụ chỉ).

Trong cung từ của bọn Lê Quýnh bốn người nói rằng họ là bầy tôi họ Lê, nay họ Lê mất nước có chết cũng không oán trách gì, chỉ mong được mặc y phục cố quốc. Còn như đổi phục trang theo chủ thì lại không gánh vác được trọng trách cố chủ ủy thác nên chỉ xin được chết cho được toàn danh tiết kẻ bầy tôi.

Trước sau họ đều chấp mê bất ngộ một lời như thế, vậy cứ để họ sống rồi sẽ tìm cách mở đường sao cho thích đáng, bọn Lê Quýnh đổi ý hối cải thì sẽ ổn thỏa.

Hoàng thượng truyền dụ cho đường quan bộ Hình đem chia riêng bọn Lê Quýnh bốn người ra hỏi cung không để cho người khác cùng có mặt ở đó. Hãy hỏi rằng bọn các ngươi đều là cựu thần họ Lê, vậy mà không biết giúp chủ giữ được quốc thổ, khi nhập quan chạy theo chủ cũ, vốn có bụng quyến luyến quân thần để toàn bụng dạ trung nghĩa.

Đến nay chủ các ngươi đã thế phát dịch phục, nhận được ân điển vượt mức của đại hoàng đế là thế chức tứ phẩm,[1] nếu như các ngươi quả thực có lòng nhớ chúa, sao không cùng đứng vào hàng quan lại thiên triều, sớm tối bên nhau để toại ước nguyện nhập quan tìm chủ ban đầu.

Ngày xưa Tấn Huệ Công(晉惠公)bị giữ ở đất Tần, quần thần bỏ nhà chạy theo, sử vẫn coi là trung nghĩa. Nay chủ các ngươi đã là bầy tôi thiên triều, các ngươi vẫn cố chấp không theo, cái lòng luyến chúa lúc trước nay thành bội chúa, tâm sao an, nghĩa sao thuận, mặt mũi nào mà nói rằng mình trung tẫn được? Các ngươi mai sau bất quá chết già trong ngục không ai biết đến, có ích gì cho chủ đâu, cũng không ai nhắc đến tên các ngươi.

Cứ như thế mà ngon ngọt dụ dỗ, bọn Lê Quýnh đều là những người còn có thiên lương chưa đến nỗi mê muội không tỉnh, vả lại bốn người chưa hẳn đã cùng một lòng, cùng nhau chịu chết đói cả.

Vậy hãy đem chia bọn họ ra khuyên nhủ, người nọ không được gặp người kia, nếu có được một người bằng lòng cạo đầu đổi áo theo Lê Duy Kỳ sống ở kinh đô thì dần dà những người kia có thể cũng chuyển hóa nhưng tuyệt đối không được lộ vẻ cưỡng bức, ép buộc. Ví như bọn họ nhịn ăn tới chết thì chẳng khác nào thiên triều vì Nguyễn Quang Bình mà bức tử cựu thần họ Lê thì thật chẳng còn ra thể thống gì nữa.

---

1. Quan tứ phẩm đời trước truyền xuống đời sau.

Còn như bọn Lê Quýnh khăng khăng không chịu ăn uống thì thôi cũng đừng khuyên nhủ gì nữa, cứ xem như không có gì quan trọng.

Khâm thử.

Nay xin trình lên để quý quan biết và tuân theo biện lý sự việc rồi xem bọn họ trả lời thế nào mà báo để tiện tâu lên cho hai bên khỏi bất nhất.

Ngày mồng 10 tháng Năm [năm Canh Tuất, Càn Long thứ 55].

Sắp xếp lại các chi tiết chúng ta biết được nhóm Lê Quýnh lên kinh đô ngày 23 tháng Tư, vua Lê và gia đình đến ngày mồng 5 tháng Năm và lần hỏi cung Lê Quýnh để đưa Lê Duy Kỳ đến gặp là ngày mồng 8 tháng Năm. Khi được biết họ không được thả về mà sẽ bị giam ở bộ Hình nên 4 người đã cùng nhau nhịn ăn để phản đối. Đến hôm mồng 10 thì bốn người đã nhịn ăn cả thảy 3 ngày [8, 9, 10] và vì thế họ phải trình lên vua Càn Long nên có chỉ dụ miệng nêu trên.

Theo các bản tâu, chúng ta biết thêm nhóm Lê Quýnh bốn người không phải chỉ nhịn ăn một lần mà dường như mỗi khi bị ép buộc hay thúc bách, dù trước hay sau khi được gặp vua Chiêu Thống ở kinh đô, họ đều tuyệt thực để phản kháng. Tuy đây chỉ là một hành vi chống đối tiêu cực nhưng đã có ảnh hưởng rất nhiều, ít nhất cũng khiến cho vua Càn Long và Thanh triều phải quan tâm vì trong cùng thời điểm này, vua Quang Trung và phái đoàn đang trên đường từ Quảng Tây lên Bắc Kinh.

V. BỊ GIAM Ở BẮC KINH

5.1. Trong ngục

Sau lần đề thẩm, bốn người bị chính thức tống giam với bản án *"bất tuân thượng lệnh"* mà theo lời thuật của Lê Quýnh thì họ bị quản thúc ở nhà ngục phía bắc bộ Hình [Bắc Sở], hai người một nơi và cũng không được liên lạc với nhau.

Ngày 14 tháng Năm quân cơ đại thần lại tâu lên vua Càn Long như sau:

Ngày mồng 10 tháng này bọn thần tuân chỉ gửi cho đường quan bộ Hình khai đường mở lối cho bọn Lê Quýnh một lần nữa, chia ra vặn hỏi từng người.

Theo như lời trình lại thì bọn Lê Quýnh từ ngày mồng 8 sang ngày mồng 9 hai ngày không chịu ăn uống gì cả. Ty viên đó mới hỏi duyên cớ vì sao không chịu ăn, theo lời Lê Quýnh viết ra [nguyên văn tả xưng (寫稱) nghĩa là khai bằng cách viết ra giấy vì hai bên không hiểu tiếng nói của nhau] *thì y bị chướng muộn trong bụng, xem ra không thể ép được. Bọn họ tính tình ngang bướng vì thế nên nhân viên đề lao theo bình thường cung cấp đồ ăn uống cho họ tự tiện.*

Cứ theo lời bẩm của người thừa biện, bọn Lê Quýnh sau lần tra hỏi ngày mồng 8 đã từng viết giấy hỏi rằng liệu họ có được thả ra hay không? Ty viên đó trả lời là khi nào các ngươi chịu cạo đầu thay áo thì sẽ thả ra ngay. Bọn Lê Quýnh viết lại rằng sau khi họ được gặp cố chủ rồi nay chỉ còn cái chết mà thôi.

Bọn họ biết hoàng thượng không nỡ gia hình nên nhất định đòi chết là việc không thể được để mong được thả ra cho về nước chứ không dám nhịn đến chết đói đâu. Thế nhưng vào giờ phút này nếu khuyến dụ thêm nữa thì bọn họ sẽ càng được thể kiên quyết xin được chết.

Xem trong bốn người thì chỉ có Lê Quýnh và Trịnh Hiến tính tình cang cường còn Lê Trị và Lý Bỉnh Đạo có vẻ dễ tỉnh ngộ hơn cho nên nay đã chia bọn Lê Quýnh ra giam riêng biệt không cho gặp nhau, đợi thêm vài ngày nữa xem xét tình hình rồi tuân theo thánh dụ đưa Lê Trị và Lý Bỉnh Đạo ra khai đường mở lối trước.

Nếu hai người này tự biết cải hối mà tình nguyện thế phát dịch phục thì Lê Quýnh và Trịnh Hiến cũng sẽ từ từ cải hóa, lúc ấy sẽ có đầu mối để biện lý và trình lên sau.

Xin tâu lên[1]

Từ đó cho tới cuối năm, vua Càn Long và các đại thần bận rộn chuyện tổ chức lễ Bát Tuần Khánh Thọ nên không thấy đề cập gì hơn. Những người bị giam chắc chắn không biết gì về bên ngoài và ngay cả nhóm vua Lê đang ở Bắc Kinh cũng chỉ là những bóng mờ chính trị, tin tức biết được đều do lời người khác thuật lại hay tin đồn. Các viên

1. Tấu thư ngày 14 tháng Năm, năm Càn Long thứ 55, *Càn Long triều, Thượng dụ đáng*, quyển XV, sđd, tr. 671.

cai ngục thì theo chỉ thị của vua Càn Long thỉnh thoảng tìm cách dụ dỗ bọn Lê Quýnh đổi ý nhưng không đi đến đâu.

Theo lời thuật của Lê Quýnh thì tháng Sáu, quan coi ngục lại đưa những bầy tôi đi theo vua Lê là Đinh Nhạ Hành (丁迓衡), Phạm Như Tùng (范如松), Nguyễn Quốc Đống (阮國棟) vào trong ngục thăm hỏi.

Những người này cho hay họ được lệnh của Kim Giản [tức Đô thống Kim Giản, người đảm trách việc quản thúc và lo liệu cho nhóm nhà Lê] sai đến khuyên bảo *"các ông* [nhóm Lê Quýnh] *hãy cạo đầu"* nhưng họ biết không thể được nên chỉ tương kế để có dịp đến thăm nhau mà thôi.

Những lời họ trao đổi và an ủi lẫn nhau còn được ghi lại trong *"Bắc hành lược ký"*.

Tháng Một năm đó, quan nhà Thanh đưa con trai Lê Quýnh là Lê Doãn Toàn (黎允全) (mới được đưa lên ở với vua Chiêu Thống) đến nói Lê Quýnh cạo đầu thì vua tôi cha con sẽ được đoàn tụ. Lê Quýnh đáp rằng thơ Văn Sơn (文山)[1] có viết rằng: *"Ta lo việc cương thường, Có nhà nhưng không dám nghĩ đến"*[2] không thể vì chuyện riêng tư thân mình, nhà mình mà quên nghĩa công.

Tháng Chạp, Thượng thư bộ Hình là Hồ Quý Đường đến tận nơi khuyên rằng nếu như các ngươi không chịu cạo đầu thì sẽ chết già trong ngục, xác bỏ nơi đề lao, hối hận cũng không kịp nữa.

Lê Quýnh đáp rằng nếu quan lớn bảo Lê Quýnh tình nguyện thì vạn lần không dám còn như việc chết già chôn thây thì Lê Quýnh cũng không dám, chỉ có ba chữ *"dĩ mạc tu"* (以莫須) để trông mong ở đại nhân vậy.[3]

---

1. Tức Văn Thiên Tường (1236-1273), Thừa tướng nhà Tống, bị quân Nguyên bắt không chịu hàng, đem vợ con ra uy hiếp, ông hiên ngang chịu chết.

2. 我爲綱常謀，有家不得顧。.

3. Tích Nhạc Phi bị xử oan không cần bằng chứng, ý nói muốn làm tội gì thì cũng chịu không thể phản kháng được.

Thấy việc chia họ ra để dụ dỗ không đi đến đâu nên nhà Thanh lại sai giam ở ngục phía bắc, bốn người ở chung một nơi. Xét theo tình hình, thời điểm này lễ Bát Tuần Khánh Thọ đã hoàn tất, phái đoàn Quang Trung đã rời khỏi kinh đô và một số người trong nhóm tòng vong tình nguyện trở về cũng đã được toại nguyện theo thỏa hiệp của nhà Thanh và triều đình Tây Sơn. Nhà Thanh cũng yêu cầu vua Quang Trung đi tìm thân nhân những người đang ở Trung Hoa đưa sang đoàn tụ.

Trong những năm tháng kế tiếp, cuộc đời tù ngục thực không có gì đáng nói ngoài một số sự kiện nho nhỏ. Khi vua Lê còn sống, thỉnh thoảng nhóm Lê Quýnh có nhận được một số thư từ thăm hỏi, vài lạng trà, mươi lạng bạc. Tin tức qua lại không nhiều và chúng ta chỉ còn biết đến một số thơ văn xướng họa.

5.1.1. Vụ án xin về nước của vua Lê

Như đã tường thuật, sau khi công nhận Tây Sơn, những đòi hỏi không ăn khớp với chủ trương của nhà Thanh đều bị nghiêm trị.

Lê quý dật sử viết:

[...] *Tháng 10* [năm Canh Tuất, 1790], *biết không thể trông cậy vào người nhà Thanh, vua Chiêu Thống cùng bề tôi đồng tâm quyết chí mưu tính kế khác, lựa chọn 10 người bề tôi: Phạm Như Tùng, Hoàng Ích Hiểu, Lê Hân, Nguyễn Quốc Đống, Nguyễn Viết Triệu, Lê Văn Trương, Lê Quý Thích và Nguyễn Đình Cẩm (người Từ Liêm), Lê Tùng (người Tây Đàm), Lê Thức (người Hoằng Hóa) cùng uống máu ăn thề, thảo tờ biểu...*[1]

Tuy không nói rõ là tờ biểu xin điều gì nhưng theo tài liệu nhà Thanh thì họ xin với vua Càn Long can thiệp để Nguyễn Quang Bình đem một trong bốn tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hưng Hóa cắt cho con cháu nhà Lê để phụng thờ tông miếu.

[...] *Mùa đông năm ngoái* [tức năm Canh Tuất, 1790] *bổng bẩm với Đô thống cai quản Kim Giản khẩn khoản xin trở về An Nam, lại xin cấp cho*

1. *Lê quý dật sử*, sđd, tr. 99-100.

một trong bốn xứ Cao Bình, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hưng Hóa để ở, ngu xuẩn hão huyền đến thế. Cứ theo Đô thống Kim Giản tâu lên Lê Duy Kỳ tầm thường vô năng, nghe lời bọn Hoàng Ích Hiểu, Phạm Như Tùng, Nguyễn Quốc Đống, Lê Hân xúi biểu nên vọng thỉnh chuyện đó. Còn bọn Lê Quang Duệ 20 người thì cũng không chịu lãnh lương cùng xin theo về đều là bọn gây chuyện nên đã xin phát vãng bốn tên đó [tức Hoàng Ích Hiểu, Phạm Như Tùng, Nguyễn Quốc Đống, Lê Hân] *ra Y Lê làm lính ăn lương, còn bọn Lê Quang Duệ thì đưa đi Giang Ninh an tháp.*[1]

Nói đúng ra, việc xin một khu vực để dung thân không phải là chưa từng có trong lịch sử Đại Việt. Trước đây, khi con cháu nhà Mạc bị đánh bại chạy sang đầu hàng nhà Thanh, năm Khang Hy thứ 8 [Kỷ Dậu, 1669], vua Khang Hy cũng đã sai sứ sang bắt vua Lê Huyền Tông đem bốn châu thuộc Cao Bằng cho Mạc Kính Vũ (tức Mạc Nguyên Thanh theo sử nhà Thanh). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển XXXIII, trang 25-26 viết:

Tháng Giêng, năm ấy [tức năm Kỷ Dậu, 1669] *sứ nhà Thanh đến Thăng Long, triều đình nhà Lê dùng lý lẽ biện bác bắt bẻ, kéo dài đến hơn 10 ngày mới tuyên bố sắc văn, rồi lại bàn cho họ Mạc được giữ một châu Thạch Lâm, nhưng Lý Tiên Căn cũng cố giữ lẽ, không nghe, thành ra giằng co đến hơn 40 ngày. Sau Tạc* [chúa Trịnh Tạc] *lấy cớ rằng "thờ nước lớn cần phải cung kính theo mệnh lệnh", mới tâu với vua gượng gạo theo lời. Triều đình bèn bỏ đất bốn châu thuộc Cao Bằng cho Kính Vũ...*[2]

Nay vua Chiêu Thống và tòng thần xin một mảnh đất dung thân cũng không có gì trái lệ. Tuy nhiên, Thanh triều khi ấy đang có những liên hệ tốt với vua Quang Trung, không muốn làm điều gì bất lợi cho sự ổn định của An Nam nên không chấp thuận yêu cầu đó. Không những thế, những người chủ trương còn bị trừng phạt, Hoàng Đình Cầu, Bế Nguyễn Cung 49 người bị an trí tại Giang Ninh, cấp đất cho

---

1. *Cao Tông thực lục*, quyển 1377, Thượng dụ ngày Giáp Tý [20] tháng Tư năm Càn Long thứ 56 [1791], Vương Tiên Khiêm, [Càn Long triều] *Đông Hoa tục lục*, quyển 45, Thượng dụ gửi Nguyễn Quang Bình ngày 20 tháng Tư, Càn Long thứ 56, *Càn Long triều, Thượng dụ đáng*, quyển XVI, sđd, tr. 248.

2. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập II, sđd, tr. 321.

làm ruộng sinh sống, bọn Hoàng Ích Hiểu bị phát vãng sang tận Y Lê (Tân Cương)[1], bọn Phạm Như Tụng thì bị đày lên Hắc Long Giang, Nguyễn Quốc Đống bị đưa qua Cát Lâm, Lê Hân (黎忻) bị đày đi Phụng Thiên, Lê Quang Duệ (黎光睿) cả bọn 20 người bị đày đi Nhiệt Hà, giao cho quan lại địa phương quản thúc để không còn có thể liên lạc với nhau.[2]

Cũng theo tờ dụ ngày 20 tháng Tư năm Càn Long thứ 56 [1791], bọn Hoàng Ích Hiểu dù đã bị đi đày làm lính thú cũng chỉ được hưởng một nửa lương. Tấu thư của Kim Giản cùng với châu phê của vua Càn Long được gửi cho Nguyễn Quang Bình xem, vua Càn Long ra lệnh thân quyến người nào tìm được thì đưa sang, nếu chưa tìm được thì đình lại.

Vì việc này, bọn Lê Quýnh đang bị giam trong ngục cũng bị cô lập, không còn liên lạc được với vua Lê nữa. Vua Càn Long cũng ra lệnh cho Kim Giản quản thúc riêng một nơi [nguyên văn cấm cố] một số người [bao gồm thủ hạ của Đinh Nhạ Hành, Phan Khải Đức, Lê Quýnh] không được tiếp xúc với bên ngoài.[3] Vua Chiêu Thống cũng bị cắt hết bổng lộc, chức tước nên đời sống càng thêm cơ cực.

Tháng Sáu năm Càn Long thứ 56 [Tân Hợi, 1791], Lê Quýnh có nói với quan coi ngục nhà Thanh là quần áo ông rách nát, xin may cho một bộ mới theo kiểu nước Nam. Việc này quan đề lao không dám tự chuyên nên đã trình lên vua Càn Long, nay trong Thượng dụ đáng còn khẩu dụ của hoàng đế nguyên văn như sau:[4]

---

1. Theo tài liệu nhà Thanh, Hoàng Ích Hiểu khi đến Tân Cương có vợ và một con trai, sau có thêm một con gái. Con trai ông ta sau lấy vợ có một con gái.

2. Theo báo cáo của bộ Binh và *Minh Thanh sử liệu*.

3. Mai Quốc Liên (chủ biên), *Ngô Thì Nhậm tác phẩm*, tập I, sđd, tr. 449.

4. 黎圆等因舊服垢敝懇求給衣更換應諭。以爾等求給衣服自當用中華服式方可准。爾所請若爾本國式樣，中華無此製造，不能另製給予，自此晓諭。倘伊等仍不願改服祇可任其破敝。又燕起係回人不食猪肉，在監內亦只可照舊給以牢食，不必因其不食猪肉另行給予食物也。將此諭令阿桂知之。欽此。

Lê Quýnh đẳng nhân cựu phục cấu tệ khẩn cầu cấp y cánh hoán ứng dụ. Dĩ nhĩ đẳng cầu cấp y phục tự đương dụng Trung Hoa phục thức phương khả

Bọn Lê Quýnh vì quần áo đã cũ rách nên xin may cho áo mới để thay nên dụ rằng:

Bọn các ngươi muốn được cấp quần áo thì chỉ chuẩn cho dùng y phục kiểu Trung Hoa. Nếu như xin đòi may theo dạng thức nước mình thì Trung Hoa không may theo kiểu này nên không có mà cho được. Còn như không chịu thay đổi y phục thì chỉ đành phải mặc áo rách thôi.

Kể cho họ biết rằng người Hồi không ăn thịt heo, khi bị giam cũng cứ theo lệ cấp cho ăn uống chứ không phải vì không ăn thịt heo mà cho thức ăn khác. Đem lệnh dụ này báo cho A Quế biết để thi hành. Khâm thử.

Có lẽ vì thế mà đến hơn 10 năm sau, nhóm Lê Quýnh vẫn chỉ mặc bộ quần áo rách rưới mang từ trong nước sang như sử Việt Nam đương thời tường thuật.

5.1.2. Vụ án Ám thông cố quốc

Năm Nhâm Tý [1792] lại xảy ra vụ án "*Ám thông cố quốc*". Nguyên trước đây khi vua Quang Trung sang Bắc Kinh, vua Càn Long có yêu cầu cho một số người đi theo vua Lê được về nước đồng thời yêu cầu tìm những thân nhân của người muốn ở lại Trung Hoa được sang đoàn tụ.

Ngay khi về đến Thăng Long, vua Quang Trung đã xúc tiến việc này nhưng việc nội trị còn nhiều chuyện quan trọng hơn nên cũng không sốt sắng cho lắm. Năm sau, nhân vụ đánh dẹp dư đảng nhà Lê, Nguyễn Quang Bình đã trình lên rằng một số người trở về đã nhận được lệnh của vua Chiêu Thống liên lạc với ông hoàng Ba Lê Duy Chỉ để âm mưu nổi dậy. Những người bị tra hỏi

---

chuẩn. Nhĩ sở thỉnh nhược nhĩ bản quốc thức dạng, Trung Hoa vô thử chế tạo, bất năng lánh chế cấp dư, tự thử hiểu dụ. Thảng y đẳng nhưng bất nguyện cải phục kỳ khả nhiệm kỳ phá tệ. Hựu yên khởi hệ Hồi nhân bất thực trư nhục, tại giam nội diệc chỉ khả chiếu cựu cấp dĩ lao thực, bất tất nhân kỳ bất thực trư nhục lánh hành cấp dư thực vật dã. Tương thử dụ lệnh A Quế tri chi. Khâm thử. *Càn Long triều, Thượng dụ đáng*, quyển XVI, sđd, tr. 328.

có cả nhóm Lê Quýnh đang còn ở trong ngục gây ra một số nghi vấn và suy đoán.[1]

Lê Quýnh thuật lại như sau trong *"Bắc hành lược ký"*:

Năm Nhâm Tý [Càn Long thứ 57]

Tháng Năm. Được quân cơ đại nhân cho gọi Lê Quýnh lên Nội Vụ phủ, hỏi rằng trước đây ngươi có ý khôi phục, đến nay số cùng chung chí hướng còn được bao nhiêu người? Người em của chủ ngươi là Lê Duy Chỉ có nên theo giúp không?

Quýnh trả lời rằng:

Họ Lê có được nước hơn bốn trăm năm, ân trạch đối với dân chúng rất sâu xa. Nay bị mất nước nên lòng người thương xót, sau đó được thiên triều lấy danh nghĩa phù Lê, khi đó mọi người trong nước đều theo họ Lê, không ai mưu tính mà cùng một lòng đủ thấy người người đều cùng chí hướng.

Từ khi cố chủ sang phương Bắc, Lê Quýnh ở nhà nhận lệnh Vương phi sai đi tụ tập cựu thần và các thế tộc, phiên mục, thổ hào được hơn hai trăm người, thủ hạ kẻ thì hơn nghìn, người vài ba trăm nói chung không phải là ít.

Thế nhưng đến nay cũng đã ngoài ba năm, Nguyễn Huệ được phong vương, thiên mệnh đã định rồi, xem mệnh trời thì biết được lòng người. Ngày hôm nay thời cũng khác mà thế cũng khác, người vẫn một lòng một dạ không biết còn được bao nhiêu.

Nếu như em trai của tệ chủ Lê Duy Chỉ sau khi tệ chủ xuất bôn cũng có thể tụ tập được ba bốn chục người giữ được một mảnh đất chống lại Nguyễn Huệ. Có điều y tuổi còn trẻ lại không có chỗ dựa nên e cũng đã bị Nguyễn Huệ làm hại, nếu như còn sống thì không chắc gì tranh đoạt được mệnh trời.[2]

Nhiều năm sau, bốn người bị giam hầu như biệt lập với bên ngoài không còn biết đến những gì đang xảy ra, kể cả việc vua Chiêu Thống và nguyên tử qua đời [Quý Sửu, 1793]. Lê Quýnh chỉ ghi lại được một số tâm sự qua văn thơ ông làm về một vài biến cố nhỏ. Một đôi khi,

---

1. Xem Văn liệu 3, *An Nam đáng lỉ*, Nguyễn Duy Chính dịch. *Đàng Trong thời chúa Nguyễn*, , Nxb Hội Nhà Văn, Hà Nội, 2016, tr. 82-85.

2. Lê Quýnh, *"Bắc hành lược ký"*, Nguyễn Duy Chính dịch, tlđd. (sắp xuất bản)

nhóm Lê Quýnh lại được gọi lên dụ dỗ cắt tóc nhưng cũng chỉ cho có chuyện.

5.1.3. Vụ án hải phỉ người nước Nam

Năm Kỷ Dậu [1789], Giám mục Pigneau de Béhaine từ Pháp trở về đem theo một số chiến thuyền và sĩ quan người Pháp góp phần vào việc cải cách ở Đàng Trong, thế lực chúa Nguyễn ngày càng mạnh lên. Năm Nhâm Tý [1792], quân Nguyễn đánh bại thủy quân của Nguyễn Nhạc ở Quy Nhơn, năm sau đã vào đến Nha Trang.

Sau khi vua Quang Trung qua đời năm Nhâm Tý [1792], tình hình Đàng Ngoài lâm vào cảnh rối ren. Năm Ất Mão [1795], Ngô Văn Sở bị Vũ Văn Dũng vu cho là làm phản giết đi. Một số đầu mục thủy quân vốn là bộ hạ của Ngô Văn Sở không còn phục tùng triều đình nên quay ra biển làm hải khấu. Cũng có tài liệu cho rằng vì tình hình khó khăn, triều đình Tây Sơn phải uy hiếp các thuyền buôn để có thêm ngân khoản trang bị cho quân đội đối phó với chúa Nguyễn.

Theo báo cáo của nhà Thanh, một số thuyền buôn đi Quảng Châu bị chặn lại và một số thuyền của cướp biển bị bắt gần bờ biển Mân Triết, Quảng Đông đã có thủy thủ ăn mặc theo lối An Nam mang giấy tờ đóng dấu quan chức An Nam.[1] Sau đây là lời thuật của Lê Quýnh trong *"Bắc hành lược ký"*:

Năm Đinh Tỵ [Gia Khánh thứ 2] [1797]

Gặp được người đàn bà họ Phan, quê ở Nghệ An nước ta vốn là gia quyến của cướp biển, bị bắt giam ở trại tù nữ giới ngục bắc. Bèn hỏi thăm mới biết phía đông thành Phú Xuân thuộc Nguyễn vương [tên Quang Toản], *hiệu Cảnh Thịnh, Quảng Nam thuộc Nguyễn vương* [tên Nhạc], *hiệu Thái Đức, Đồng Nai thuộc cháu của chúa Nguyễn tên Chủng, tức Nguyễn Ánh, nhưng vẫn đề niên hiệu Cảnh Hưng. Ba người thế chân vạc. Năm ngoái, quân của Cảnh Thịnh và quân Đồng Nai giao chiến trên mặt biển, không phân thắng bại, nay đang đóng thuyền đúc súng, tuyển quân, tích lương để tính chuyện đánh với Đồng Nai lần nữa.*

---

1. Phùng Minh Châu chủ biên, *An Nam đáng III*, Cố cung bác vật viện, Đài Bắc, Nguyễn Duy Chính dịch. (chưa xuất bản)

Mấy năm qua mất mùa, dân chúng không sống nổi, quả đúng là:

山河破碎水漂絮，

身世浮沈風打萍。

Sơn hà phá toái thủy phiêu nhứ,

Thân thế phù trầm phong đả bình.

(*Núi sông tan vỡ nước chảy lênh láng,*

Thân thế nổi trôi như gió dập cánh bèo).

Người đàn bà họ Phan bị giải lên Bắc Kinh có lẽ là vợ một tướng lĩnh Tây Sơn vì bà ta biết khá rõ và chính xác tình hình trong nước mà người thường không thể am tường. Hơn nữa, nếu họ Lê đã làm thơ tặng, hẳn bà ta cũng có chút chữ nghĩa.

Hai bài thơ Lê Quýnh làm tặng người đàn bà nước Nam lưu lạc còn ghi lại trong *Nam thiên trung nghĩa thực lục* như sau:

贈義安人潘氏

棘垣闕寂戀檢枌，說起形骸駭聽聞。

乾淨山河無一寸，鼎成南北已三分。

燕巢林上空迷徑，龍鬬洋中浪接雲。

梭織光陰纔七載，桑田滄浪遽云云。

毋論孤臣固字經，裾釵何至欲仃伶。

一條梟娜迎風柳，萬里沉浮逐浪萍。

皺損春山懷傘嶺，望穿秋水顧瀘汀。

朔風吹醒昭君夢，懶調琵瑟[琶?]倦倚屏。[1]

1. Trần Khánh Hạo (chủ biên), *Việt Nam Hán văn tiểu thuyết tùng san*, quyển VI, sđd, tr. 85.

Phiên âm:

TẶNG NGHĨA (NGHỆ) AN NHÂN PHAN THỊ
Cức viên khuê tịch luyến du phần,
Thuyết khởi hình hài hãi thính văn.
Can tịnh sơn hà vô nhất thốn,
Đỉnh thành nam bắc dĩ tam phân.
Yến sào lâm thượng không mê kính,
Long đấu dương trung lãng tiếp vân.
Thoa chức quang âm tài thất tải,
Tang điền thương lãng cự vân vân.

Vô luận cô thần cố tự kinh,
Cư thoa hà chí dục đinh linh.
Nhất điều kiêu nã nghinh phong liễu,
Vạn lý trầm phù trục lãng bình.
Trứu tổn xuân sơn hoài Tản lĩnh,
Vọng xuyên thu thủy cố Lô đình.
Sóc phong xuy tỉnh Chiêu Quân mộng,
Lãn điệu tỳ sắt [bà?] quyện ỷ bình.

Dịch nghĩa:

Tặng bà họ Phan người Nghệ An
Thời loạn lạc lúc cô đơn nhớ đến quê hương,
Nói đến hình hài thật sợ không muốn nghe.
Núi sông mất sạch không còn được một tấc,
Thế chia ba chân vạc nam bắc đã thành rồi.
Con chim én làm tổ trên rừng biết bay đi đâu,
Rồng đánh nhau trên biển cả sóng liền với mây.

Thấm thoát quang âm nay đã bảy năm,
Ruộng dâu sóng xanh thật không sao kể xiết.

Chẳng phải chỉ người cô thần mới chịu phép nước,
Đến kẻ cài thoa sao cũng bị trôi giạt.
Người đàn bà mềm yếu cũng như cây liễu trước gió,
Vạn dặm nổi trôi như sóng cả vùi dập cánh bèo.
Lông mày cau lại chắc là vì nhớ đến Tản Viên,
Mắt nhìn đăm đăm hẳn là vọng về sông Lô sông Đinh.
Gió bấc thổi đến tan đi giấc mộng Chiêu Quân,
Mệt mỏi nên điệu tỳ bà uể oải tựa vào song cửa.

5.1.4. Bất khuất trong ngục

Tháng Chạp năm Đinh Tỵ [1797], một người cai ngục họ Tống tỏ vẻ khinh lờn, Lê Quýnh viết lá thư sau đây trình lên quan:

Lê Quýnh là cô thần từ xa vạn dặm, bị giam nay đã tám năm, từng được liệt vị nhiều lần trông xuống nên mọi sự đều dung tha, để cho loài kiến bọ được theo cái tính của mình, quả thật cảm kích không đâu cho hết. Vì thế nên mới giãi bày mong được chiếu cố.

Lê Quýnh là quan vong quốc nên vốn không mong được sống, còn như bọn Lý Bỉnh Đạo vì việc nước việc nhà còn có điều chưa thỏa nguyện nên mới chịu nạn chung với Quýnh này, lòng vẫn chưa an. Nay trong điều ăn tiếng nói, nếu như có chỗ chưa hết lời thì xin cứ tra hỏi một mình Quýnh đây là đủ, lễ thế cũng đủ mà pháp thế cũng vừa chứ còn ngoài ra không có gì khác nữa.

Bọn Lê Quýnh tuy ở bên ngoài vương hóa nhưng cũng sợ thiên hạ vạn đời sau chửi mắng nên mới cam tâm ở nơi đây, vốn chẳng phải tham sống mà bại hoại điều nghĩa, cũng không dám chết uổng để thương tổn điều nhân, trước nay chỉ sao cho son sắt, cốt sao không thẹn với lòng mình chứ có coi mấy chuyện vặt vãnh trong xã hội vào đâu. Cho nên vo tròn bóp bẹp sao cũng được, có gọi là trâu ngựa cũng chẳng sao. Còn lên mặt để ra uy thì cũng phải đến kỳ tước mộc [xóa cái cũ làm cái mới, ý nói thay đổi luật lệ cũ], *không phải quát nạt mà chúng tôi chịu nghe đâu.*

Những ngày tháng kế tiếp ở trong ngục thực không có nhiều điều đáng nói ngoài một số văn thơ nhưng trong hoàn cảnh nào, bốn người nhóm Lê Quýnh cũng nhất định không chịu khuất phục.

Bắc sở tự tình

Rằm tháng Giêng năm Kỷ Mùi [Gia Khánh thứ 4] [1799], Thượng hoàng Cao Tông [tức vua Càn Long] mới qua đời nên triều đình không cho thắp đèn, Lê Quýnh pha trà viết một bài phú nhan đề "Bắc sở tự tình" [北所叙情] (thở than nơi nhà ngục phía bắc), lời rất lâm ly não nuột.

北所叙情

世事浮雲，飽見狗衣變態。

利腸熱火，空教蟻悃成灰。

値此黎氏弛綱，彼西渠搆難。

乍聽烏州鼓動，踴躍驅撙虎之羣羊。

條聞龍肚鐘移，間關跟渡江之匹馬。

蚊欲奮，負山之勢，

狐擬揚，托虎之威。

存孤初學晉程嬰，轉作包胥復楚佐。

漢後希韓孺子，翻成信國囚燕。

遇機之變靡常。

行事之情何暇。

萬里曾經冬雪。沐頭未剃而自髡。

十年無奈北風。吹冠不毀而盡裂。

心彷彿吐泥之蚓。

身依稀投燭之蛾。

沮洳場狗塒鷄栖，樂安有地。

幽囚境鼠肝蟲臂，賦予隨天。

方寸中惟愼于從。

職分內曷能無愧。
北海未生，馬角絲縈桂嶺九迴腸。
鼎湖莫逮，龍髯球滴冰天雙串淚。
公義已非敢望私情夫復何言。
白雲鎖樹指檢枌，空囑繫書之雁。
紅日含山瞻屺岵[1]，偏慚反哺之烏。
致使忠孝字之兩虧。爲欠逋播臣之一死。
嗟自古誰能無死。欲了分恐或傷仁。
且爲人孰不悅生。欲從權恐尤害義。
明白但循天理。雌黃奚管人言。
牛馬任其呼。無羞心卽無愧色。
龍蛇安所遇。不怨天亦不尤人。
嗚呼。
獸有首邱之狐，禽有南枝之鳥。
宋珍裴伯[耆]在昔。拱北見丹衷。
惟僚黎光賁何人。指南完素願。
而今餘生猶未泯。皓首竟何歸。
悠悠彼天。曷其有極。

Phiên âm:

BẮC SỞ TỰ TÌNH

Thế sự phù vân, bão kiến cẩu y biến thái.
Lợi trường nhiệt hỏa, không giáo nghĩ khổn thành hôi.

1.《詩·魏風·陟岵》:"陟彼岵兮，瞻望父兮……陟彼屺兮，瞻望母兮。"《詩·序》謂爲行役者思念父母之作。後因以"屺岵"代指父母。唐顏惟貞《蕭思亮墓志》:"未及庭闈之養，遂纏屺岵之悲。" 元揭傒斯《陟亭記》:"朝暉夕景，長雲廣霧，明滅變化不可殫紀，宜乎孝子慈孫于此興屺岵之悲而無窮也。"《花月痕》第五回:"天寒歲暮，游子鄉關之感，風人屺岵之思，麕至沓來。"

Trị thử Lê thị trì cương, bỉ Tây cừ cấu nạn.
Sạ thính Ô châu cổ động, dũng dược khu đoàn hổ chi quần dương.
Điều văn long đỗ chung di, gian quan cân độ giang chi thất mã.
Văn dục phấn, phụ sơn chi thế,
Hồ nghĩ dương, thác hổ chi uy.
Tồn cô sơ học Tấn Trình Anh[1], chuyển tác Bao Tư phục Sở tá.
Hán hậu hy hàn nhụ tử, phiên thành Tín Quốc tù yên.
Ngộ cơ chi biến mi thường.
Hành sự chi tình hà hạ.
Vạn lý tằng kinh đông tuyết, mộc đầu vị thế nhi tự khôn.
Thập niên vô nại bắc phong, xuy quan bất hủy nhi tận liệt.
Tâm phảng phất thổ nê chi dẫn.
Thân y hy đầu chúc chi nga.
Trở nhự trường cẩu ô kê tê, lạc an hữu địa.
U tù cảnh thử can trùng tý, tặc dư tùy thiên.
Phương thốn trung duy thận vu tòng.
Chức phận nội hạt năng vô quý.
Bắc hải vị sinh, mã giác ty oanh quế lĩnh cửu hồi trường.
Đỉnh hồ mạc đãi, long nhiêm cầu tích băng thiên song quán lệ.
Công nghĩa dĩ phi cảm vọng, tư tình phu phục hà ngôn.
Bạch vân tỏa thụ chỉ du phần, không chúc hệ thư chi nhạn.
Hồng nhật hàm sơn chiêm kỷ hộ, thiên tàm phản bô chi ô.
Chí sử trung hiếu tự chi lưỡng khuy.
Vi khiếm bô bá thần chi nhất tử.
Ta tự cổ thùy năng vô tử, dục liễu phận khổng hoặc thương nhân.
Thả vi nhân thục bất duyệt sinh, dục tòng quyền khủng vưu hại nghĩa.

---

1. Nghĩa sĩ đời Tấn.

Minh bạch đãn tuần thiên lý. Thư hoàng hề quản nhân ngôn.
Ngưu mã nhậm kỳ hô, vô tu tâm tức vô quý.
Sắc long xà an sở ngộ, bất oán thiên diệc bất vưu nhân.
Ô hô!
Thú hựu thủ khâu chi hồ.
Cầm hựu nam chi chi điểu.
Tống Trân Bùi Bá [Kỳ] tại tích. Củng bắc kiến đan trung.
Duy Liêu Lê Quang Bí hà nhân. Chỉ nam hoàn tố nguyện.
Nhi kim dư sinh do vị mẫn. Hạo thủ cánh hà quy.
Du du bỉ thiên. Hạt kỳ hữu cực.

Dịch nghĩa:
Việc đời như mây nổi, thấy thay đổi áo trắng chó xanh cũng đã chán rồi
Ruột gan như lửa đốt, thân kiến nhỏ bỗng chợt hóa thành tro
Họ Lê nay mất cả mối giềng, cũng bởi giặc Tây kia gây nạn
Bỗng nghe châu Ô rầm rập, hung hăng xua đàn hổ xé bầy dê
Lại thấy Long đỗ chuông kêu, vượt ải thúc ngựa bầy cùng theo gót
Sức muỗi muốn vùng lên nhưng thế đà vác núi
Thân cáo định phô trương mượn dáng hổ dương oai
Tướng học Trình Anh nước Tấn cứu con côi,
Lại thành Bao Tư mong khôi phục nước Sở[1]
Sau Hán mong làm đứa trẻ đất Hàn, lại ra Tín Quốc tù ở bên Yên
Gặp cơ phải biến theo vua, hành sự có dâu rành rỗi
Vạn dặm qua đông tuyết giá, gội đầu chưa cắt tóc đã thưa
Mười năm không sợ Bắc phong, thổi mũ không hư mà tự hỏng
Lòng mơ hồ như giun ở đất sâu

1. Thân Bao Tư cầu viện binh khóc bảy ngày đêm ở sân vua Tần.

Thân chẳng khác bướm đêm vào đuốc
Lầy lội như cũi chó chuồng gà, an nhàn đất ấy
Ngục đen cảnh gan chuột tay trùng, tử sinh trời vậy
Tấc lòng nay dè dặt mà theo, chức phận thấy cốt sao không thẹn
Bể bắc chưa sinh sừng ngựa, ruột gan vấn vít nhớ mẹ cha
Đỉnh hồ nào níu râu rồng, dòng lệ chan hòa khi giá buốt
Vì công nghĩa nên phải bỏ tư tình, nói gì được nữa
Mây trắng che phủ cảnh du phần, nhạn nào mang thư cho được
Mặt trời hồng ngậm núi xem Dĩ Hỗ[1], *càng thẹn với quạ đen bú mớm*
Xem ra trung hiếu hai đàng đều thiếu,
Lại không dám chết kém cả kẻ bô thần
Than ôi! Đời xưa nay có ai là không chết,
Muốn kết liễu lại sợ tổn đến đức nhân.
Phận làm người ai cũng đều ham sống
Muốn tòng quyền thì e hại điều nghĩa
Sáng tỏ để theo thiên lý,
Mặc ai nói chuyện thư hoàng
Dẫu gọi mình là trâu là ngựa lòng không thẹn thì mặt không hổ
Dẫu rồng rắn gặp cảnh nhi an không oán trời mà cũng chẳng trách người
Ô hô!
Thú có cáo biết quay đầu về núi
Cầm có chim biết đậu ở cành nam
Tống Trân, Bùi Bá Kỳ[2] *đời trước, quay về bắc để thấy đan trung*

---

1. Kinh Thi, Ngụy Phong có câu: Trắc bỉ hỗ hề, chiêm vọng phụ hề (陟彼岵兮瞻望父兮) nghĩa là *"trèo lên núi Hỗ hề, nhìn ngóng cha hề"*. Trắc bỉ dĩ hề, chiêm vọng mẫu hề (陟彼屺兮瞻望母兮) nghĩa là *"trèo lên núi Dĩ hề, nhìn ngóng mẹ hề. Dĩ Hỗ chỉ việc thương nhớ cha mẹ"*.

2. Bùi Bá Kỳ người Hồng Châu (Hải Dương), chạy sang Trung Hoa tố cáo

Duy Liêu, Lê Quang Bí[1] *là ai, chỉ về nam mong thành tâm nguyện*
Nay kiếp sống thừa còn chưa hết, tóc bạc biết lúc nào về
Trời xanh kia thăm thẳm, bao giờ mới hết.

5.1.5. Ân xá

Cuối tháng đó, vua Gia Khánh thân chính[2] nên ban ân điển cho các tù nhân, Lang trung bộ Hình họ Kim đến hỏi Lê Quýnh xem ông có cầu xin điều gì thì cho biết, nên ông viết biểu tâu lên về tình tiết tại sao lại bị giam cấm:

Nguyên năm Càn Long thứ 54 [Kỷ Dậu, 1789], *Phúc công gia có lệnh chúng tôi đường xa đến gặp, vốn mong được nhờ uy của thiên triều may mà có thể lấy lại nước, hưng vong cũng do mệnh trời nhào nặn dẫu có hết sức cũng không quản ngại. Đến lúc đó ngẩng trông đại đức của thiên triều ra ơn vượt mức ra lệnh cho cạo đầu đổi y phục, cho gia nhập kỳ binh thật là cảm kích vô bờ bến, không đức nào bằng.*

Thế nhưng nghĩ đến việc pháp luật kỷ độ mù mờ không biết cho đến nơi đến chốn (懵懂侏儒), cha đã qua đời còn lại mẹ già cách xa vạn dặm quan san không ai coi sóc, nhung nhớ vô chừng nên đã mấy bận khẩn thiết cầu xin chỉ mong sao làm tròn đạo hiếu.

Hạ ngu bị giam ở đây nhưng cái ý nghĩ đó vẫn còn, nay đã mười năm cũng chưa biết mình tội gì. Nay Đại hoàng đế sáng láng như vầng nhật mới

---

với nhà Minh về việc cha con Hồ Quý Ly cướp ngôi, xin nhà Minh đem quân khôi phục họ Trần. Họ Bùi đi theo Trương Phụ nhưng không tham gia bàn tính công việc nên bị đưa trở lại Kim Lăng.

1. Lê Quang Bí là người làng Mộ Trạch, Hải Dương đỗ Hoàng giáp năm 33 tuổi. Năm 1527, Lê Quang Bí đi sứ sang Trung Quốc bị bắt giam ở bên đó, phải ở lại, văn tài lừng lẫy khắp kinh đô. Đến năm 1545, ông được thả về, tính ra đã 17 năm.

2. Tuy vua Gia Khánh lên ngôi từ năm Bính Thìn [1796] nhưng mọi việc vẫn do Thượng hoàng Cao Tông quyết đoán, kể cả việc tế lễ và tiếp đón sứ thần. Chỉ đến khi vua Càn Long từ trần [Kỷ Mùi, 1799], vua Gia Khánh mới thực sự cầm quyền nên gọi là thân chính.

lên[1] *soi sáng mọi tăm tối, thể lòng hiếu sinh nhân đức của trời cho đến khắp mọi nơi trên mặt đất. Nay vạn vọng liệt vị đại nhân, trông vào đại ân của thánh thượng mà cúi xuống soi xét nguyên tình để tha cho trở về, bọn Lê Quýnh không đến nỗi bị mất cả ngũ luân (五倫)*[2]*, cho sống cái đời còn lại của sâu kiến thì ân trạch thật là lớn lao, toàn gia lớn bé ai ai cũng được hưởng.*[3]

Có lẽ chính vì lời tâu này nên ngày 14 tháng Hai năm đó, Lê Quýnh lại được đưa lên hỏi cung, ông xin cho về sống gần bên biên giới nước Nam để có dịp qua lại thăm nom mẹ:

Nguyễn Huệ đã được phong [vương] *đến nay tròn mười năm, thiên mệnh đã định, lòng người cũng an, thế cũng khác mà thời cũng khác, không còn cách gì có thể xoay chuyển được nữa rồi. Thế nhưng, lòng nhớ mẹ càng tha thiết nên đem cái tình mọn ấy mà cầu xin, nếu được lòng chí nhân mậu đức của Đại hoàng đế xét tình thực mà tha cho để có một đường sống đem thân về, thoát khỏi cảnh tăm tối thì cái ơn thành toàn ấy thật bao la, bọn Lê Quýnh xin nguyện cạo đầu để tạ ơn tái sinh đó.*

Cúi trông trời che đất chở, độ lượng vô cùng, bọn Lê Quýnh sẽ làm người dân thường sống ở nơi ranh giới Lưỡng Việt, qua lại bán buôn không bị theo lệ an tháp, kẻ hèn này có thể qua lại thăm mẹ cho đến khi qua đời thì không còn gì ân hận. Còn nếu như có thể đưa gia quyến sang nội địa thì cũng tùy theo hoàn cảnh mà làm.[4]

Tuy nhiên, nhà Thanh vẫn ngại việc thả ông ra sẽ gây rắc rối trên phương diện ngoại giao nên không thuận và chỉ bằng lòng cho sống ở An Nam doanh [với gia quyến vua Lê] với điều kiện phải cạo đầu theo kiểu Trung Hoa, nếu không sẽ an tháp ở Nhiệt Hà nhưng nhóm Lê Quýnh nhất định không chịu. Khi hỏi về tâm sự muốn gì, Lê Quýnh chỉ trình lên hai bài thơ sau đây:

---

1. Đây là dịp đại xá nhân khi Thái thượng hoàng Cao Tông [Càn Long] vừa mất, vua Nhân Tông [Gia Khánh] chính thức kế nhiệm.

2. Ngũ Luân là vua tôi, cha con, anh em, vợ chồng, bạn bè 5 mối liên hệ trong xã hội. Lê Quýnh xin được tha về để cho tròn đạo hiếu.

3. Lê Quýnh, *"Bắc hành lược ký"*, Nguyễn Duy Chính dịch, tlđd. (sắp xuất bản)

4. Lê Quýnh, *"Bắc hành lược ký"*, Nguyễn Duy Chính dịch, tlđd. (sắp xuất bản)

Bài 1:

浮沈萍世遇時窮，且載南冠任北風。
身困十年懷素節，命隨一髮表丹衷。
倘能合義無慚愧，只爲求仁肯怨恫。
五十年來成一夢，幾多辛苦總還空。

Phiên âm:

Phù trầm bình thế ngộ thời cùng,
Thả tải nam quan nhiệm bắc phong.
Thân khốn thập niên hoài tố tiết,
Mệnh tùy nhất phát biểu đan trung.
Thảng năng hợp nghĩa vô tàm quý,
Chỉ vị cầu nhân khẳng oán đồng,
Ngũ thập niên lai thành nhất mộng,
Kỷ đa tân khổ tổng hoàn không.

Dịch nghĩa:

Chìm nổi như cánh bèo vì gặp phải lúc cùng
Đội mũ phương nam để chống lại gió bắc
Thân phải tù đày mười năm vì giữ khí tiết trắng
Số mệnh theo mái tóc để tỏ tấm lòng son
Miễn sao hợp với điều nghĩa nên không có gì phải thẹn
Chỉ vì điều nhân mới phải giận kẻ hung hăng kia
Năm mươi năm qua như một giấc mộng
Chịu bao nhiêu cay đắng mà rồi cũng như không.

Bài 2:

知幾爲達士，殉髮豈人情。
大誼千金重，微軀一葉輕。
丹心如盡死，皓首豈虛生。
今我春秋義，餧他月旦評。

Phiên âm:

Tri cơ vi đạt sĩ,
Tuẫn phát khởi nhân tình.
Đại nghị thiên kim trọng,
Vi khu nhất diệp khinh.
Đan tâm như tận tử,
Hạo thủ khởi hư sinh.
Kim ngã xuân thu nghĩa,
Nhiêu tha nguyệt đán bình.

Dịch nghĩa:

Biết thời cơ ấy mới là đạt sĩ
Cắt tóc thì đâu còn gì là tình người
Nghĩa lớn nặng như nghìn vàng
Thân hèn thật nhẹ như chiếc lá
Lòng son nếu như đã mất cả
Dẫu tóc bạc thì cũng sống thừa thôi
Nay ta theo nghĩa kinh Xuân Thu
Để sau này người đời sẽ bình phẩm.

Tháng Sáu năm Kỷ Mùi [1799], con trai Lê Quýnh là Lê Doãn Toàn được đưa đến thăm cha. Hai cha con đã xa cách mười năm nay gặp lại nên ông thật bàng hoàng, nhất là biết con ông hiện đang sống với gia đình vua Lê ở ngoại ô. Quan nhà Thanh lại dụ rằng nếu ông chịu cắt tóc thì cha con sẽ được đoàn tụ. Ông lại trình lên:

Cung tạ ơn này, xin tỏ thực nỗi lòng. Trộm nghĩ, bọn Lê Quýnh bồng bềnh vạn dặm, tù tội mười năm cũng vì cái tâm ngu si không thay đổi nên phải chịu khổ không biết là chừng nào. Vì vua tôi, cha con chia cách không được thấy nhau, quả là cái mà tình người không kham nổi vậy nên triều đình đã thi ân ngoài mức. Trong mấy tháng qua, cha con đã được gặp nhau, ấy cũng là nhờ hồng từ quảng đại nên chúng tôi hết sức cảm kích.

Có điều, thiên triều giáo hóa cõi Nam đã một trăm rưỡi năm [ý nói Đại Việt thần phục nhà Thanh], *vừa sâu vừa dài, bọn Lê Quýnh được thấm nhuần trong nơi đạo đức nên không dám lấy tình riêng để làm lệch nghĩa công.*

Đến nay đã là một kỷ rồi, thời cũng khác và việc cũng khác, dẫu có muốn phục thù cũng chưa chắc còn thù mà phục, đến như theo chủ thì chủ cũ cũng còn đâu mà theo.[1] *Công nghĩa đã không làm được, nhưng cũng vì cực chẳng đã mà phải làm mà thôi. Nay không dám lấy chút tình riêng cha con mà phản lại trung hiếu là điều đã được khuyên, chỉ còn một việc xin được giữ tóc để tỏ lòng ngay (衷旗) chứ không dám quay lại đỡ cho nó được. Nay đưa đứa con ngu tới thăm ấy cũng là ơn lớn như núi cao bể cả của đại nhân, nếu muốn cha con đoàn tụ, đưa ra một ý thành mà cầu thì cũng có con đường sống.*

Trộm nghĩ ơn không thể dễ mà đòi, thời khó mà có thêm lần nữa nếu như chọn cơ hội này thì chim được sổ lồng, trâu được liếm nghé, chút đời còn lại cũng thảnh thơi. Thế nhưng há có thể đổi tấm lòng trong sáng để lấy kiếp sống hay sao nên chỉ mong chiếu cho nguyên tình mà tha tội[2]*, ra khỏi phép nước mà thi ân thì kiếp sống thừa của Lê Quýnh cũng do cái đức của đại nhân thành toàn.*[3]

Tháng Tám năm đó, quan nhà Thanh lại đưa Lê Doãn Toàn và một số gia nhân cũ của ông là Nguyễn Nghiêm và Đỗ Suất cùng vào để mong ông siêu lòng. Ông lại bẩm lên:

Trộm tưởng bọn Lê Quýnh là cô thần ở nơi xa xôi, mười năm giam cấm, mong đại nhân lượng rộng bao dung, nhân sâu ngó đến nên nới lỏng việc giam cấm, lại thương đến cái cảnh trâu với nghé mà soi xuống trò cho một đường sống để có thể thoát được đời giam hãm.

Ngày đông, gió xuân, bọn Quýnh ngẩng đầu nghĩ ngợi không khỏi cảm kích nên làm bài bẩm này.

Nguyên năm Càn Long thứ 54 [Kỷ Dậu, 1789], *bọn Quýnh tiến quan, vốn mong nhờ vào uy vọng thiên triều để mưu đồ chuyện phục quốc. Vừa khi*

---

1. Vua Chiêu Thống đã qua đời từ năm Quý Sửu [1793].
2. Tức là không phải ông sang Trung Hoa để xin tỵ nạn.
3. Lê Quýnh, *"Bắc hành lược ký"*, Nguyễn Duy Chính dịch, tlđd.

đó, Phúc công gia chủ trương thụ hàng[1] *nên mới giữ lại đưa lên kinh. May được Đại hoàng đế xét thấu cho cái tình nhỏ nên không khiển trách thêm.*

Nay liệt vị đại nhân khuyên nên cắt tóc cải trang, thật quả từ xưa đến nay chưa từng có, bọn Quýnh chỉ xin được mặc quần áo An Nam mãi mãi không đổi, quả thật phụ ân lớn của Hoàng đế nên phải lâm vào vòng lao lý cho đến ngày nay.

Tháng Hai năm nay lại được các đại nhân bộ đường tận miệng dụ nếu như cạo đầu thì sẽ cho ở An Nam doanh, còn nếu giữ tóc thì sẽ an tháp ở Nhiệt Hà. Bọn Quýnh trộm nghĩ mình vốn là kẻ bầy tôi lưu lạc, dưới khắp gầm trời ở đâu cũng thế nên dù ở Nam doanh hay ở Bắc sở, hay ở núi lạnh nơi Nhiệt Hà thì cũng không mong sống sót, nếu được cho miếng ăn, sống đời thừa thì cũng là nhờ đức dung chứa của thiên triều cả.

Thế nhưng, trong nhà còn mẹ già không ai chăm sóc nên còn một chút nghĩa mà lòng không yên, thành ra cầu được mở lòng nhân. Còn như bị giam hãm nơi đây thì trung cũng không toàn mà hiếu thì đánh mất, đành phải ôm mối hận chung thân. Trông vào Đại hoàng đế lấy tấm lòng hiếu làm gương trị thiên hạ nên Quýnh này thống thiết mong mỏi được về đất cũ đấy thôi chứ không có ý gì khác.

Nếu ví như được thả về mà Lê Quýnh tôi không gây ra chuyện rắc rối, nhưng họ Nguyễn vẫn tàn ác làm hại thì còn thể thống gì nên nhất định không có chuyện đó. Nghĩ rằng, họ Nguyễn nay đã truyền được một đời rồi, mệnh trời đã định, lòng người đã yên, thế cũng khác mà sự cũng khác, thời đã dời mà tục cũng đổi, Sở Bình[2] [vương] *đã chết nên cũng không còn kẻ thù nữa, tuy có thây đấy để mà đánh nhưng cũng phải có cái tài của họ Ngũ thì mới nhân nước Ngô có kẻ hở mà làm chứ không thì cũng vô vọng. Còn như không ai giúp đỡ thì dù có tài trí như Lưu hầu cũng vị tất quạt được lửa Hán mà hưng lên.*

Nay tôi tính toán thời thế, dẫu có trí tuệ quyết tâm nhưng làm sao cử sự được, huống chi chỉ có những người ngu muội dưới tay thì khác nào thiêu

---

1. Tức nhận cho Nguyễn Quang Bình làm An Nam Quốc vương, trên danh nghĩa nhà Thanh gọi là "*thụ hàng*" [chấp nhận đầu hàng].

1. Câu này lấy tích Ngũ Tử Tư quật mồ Sở Bình vương, lấy roi đánh vào xác kẻ thù mà cũng muốn dùng chữ Bình là tên vua Quang Trung.

thân bay vào lửa nên không những bọn Lê Quýnh không dám làm càn mà cũng không có khả năng để làm nữa.

Từ khi Nguyễn Huệ được nước đến nay, bầy tôi dân chúng nhà Lê trừ những người chết trận hay kẻ cứng đầu bị giết ra còn cả những người được Trung Quốc thả về cũng không bị gia hại, huống chi Lê Quýnh một thân một mình ở tuổi tàn niên, chịu sống yên thì không chỉ là họ không nỡ giết, không thèm giết mà còn kính sợ thiên triều nên cũng không dám giết. Nếu như thả cho về mà ngại rằng giao cho họ Nguyễn e không dung thì còn ra sự thể gì nữa.

Theo lệ cống sứ cũng như can phạm chạy trốn qua biên giới thì không nói làm gì[1]*, còn như thuyền buôn, thuyền đánh cá bị gió thổi thì cũng đưa trả về, chưa từng nghe phải giao lại cho ai. Tôi không phải là người chạy trốn vượt qua ải, có thả về thì cũng chỉ như xua một con muỗi mà thôi. Nếu như sau khi xuất quan, chẳng may bị kẻ họ Nguyễn làm hại thì cũng là chết nơi đất cũ của họ Lê thì cũng thỏa tấm lòng mong muốn mà không thẹn, còn may mà họ Nguyễn không giết thì được sống làm dân đen họ Lê, cũng toại chí con quạ quay về tổ không còn mong gì hơn nữa.*

Ấy là điều may và không may của Quýnh này chứ không liên quan gì sự thể nặng hay nhẹ, cũng là lấy người di cai trị người di theo quy tắc của tiên vương, phương Nam hoang địa vốn là không trị để trị, người tỵ nạn chạy sang thì thương xót mà an tháp ấy là chí nhân mà mà thả về cũng là chí tình, vì tội nghiệp mà làm như thế, vì chí đức mà bỏ công uốn nặn như thế, tùy theo vật mà tạo hình do cái tâm dung chứa vậy.

Muôn vàn mong đợi xét cái lý ở trong tình để làm ơn ra ngoài khuôn phép thì tuổi già của Quýnh này từ nay về sau cũng đều do đức tái sinh của Đại hoàng đế ban cho, kính mong đại nhân thương xót đến lòng thành của kẻ cô thần, thương đứa con côi phải đi theo mà tha cho để theo về phụng dưỡng, ấy là lòng khoan dung trong năm điều của người giúp vua khiến cho gió của bốn phương đều thổi.[2]

Đến tháng Mười, Lê Doãn Toàn lại vào thăm cha đem theo thư của những người tòng vong khác. Lê Quýnh trả lời:

---

2. Tức là thành phần có luật lệ quy định hẳn hoi.

2. Lê Quýnh, *"Bắc hành lược ký"*, Nguyễn Duy Chính dịch, tlđd. (sắp xuất bản)

Tù đày quạnh quẽ, thấm thoát mười năm.

Chim nhạn lẻ loi, không được một chữ.

Nay được dịp thuận tiện, nhân lúc cao hứng mong liệt vị quý đài có duyên khuê ngộ nên được dẫn dắt việc nghĩa theo đuổi việc đức, cầm cương ngựa mà theo sau, qua ải lặn lội, trèo non vượt biển thật là gian nan khiến cho chính khí vằng vặc, tinh trung sáng như vầng nhật, dù như Trình Ứng Năng (程應能), Viên Bân[1](袁彬)cũng không khác gì, tuy chưa được thành tên tuổi như Yển Suy(偃衰), Phạm Lãi (范蠡), âu cũng là do trời vậy.

Theo ngu ý thì nhận lệnh lúc lưu lạc lênh đênh không thể nào không nặng nhưng hết sức làm cũng chỉ được như con muỗi mà thôi, con ong có theo thì dẫu bảy ngày khóc chảy máu mắt ở sân Tần, ba tấc lưỡi cũng không lay được màn Hán mà bụi trần thấm thoát ôm mối tịch liêu, không được kề cận gần bên khiến đành đắc tội với chúa cũ.

Cho nên cắt tóc không thể tính được mà cũng là việc cực chẳng đã đấy thôi, đem sợi tóc tỏ tấc lòng thật có ích gì cho nước đâu? Tuy chín chết không đổi dạ thực cũng nhẹ như lông hồng mà thôi. Đến như lông hồng cũng chẳng được rồi cũng đem mối sầu xuống đất. Râu rồng không nắm được, nước mắt chảy như mưa. Trên không sánh được với lòng trung của Lý Nhược Thủy[2] [李若水], dưới lại ngượng với liệt vị quý đài. Thẹn cùng trời đất, hổ với xưa nay, không đủ sánh với bằng hữu mà lòng luyến chúa thì so với chó ngựa cũng thua xa.

Hôm nay, nhân được quý liệt vị vì tình mà hỏi xuống thật là ném viên ngọc khiến cho cỏ bồng, sợi tóc cũng rạng ngời, được mắt xanh nhìn đến khiến cho chiếc khăn nước Nam nổi sắc, thân già này cảm kích xiết bao.

Mong các ngài tự trân trọng, nhẫn nại để cho đến khi xong việc, tùy gặp gỡ mà làm theo, ngày vui chắc không lâu nữa.

Đã từng thấy ơn trời lồng lộng, mưa móc thấm nhuần, tuy ở nơi tăm tối cũng được tắm tưới đến.[3]

---

1. Viên Bân (1401-1488): Một người bầy tôi theo chăm sóc vua Minh Anh Tông khi vua Minh bị quân Nguyên bắt.

2. Lý Nhược Thủy (1093-1127): Một trung thần đi theo vua Tống Khâm Tông khi bị bắt sang nước Kim.

3. Lê Quýnh, *"Bắc hành lược ký"*, Nguyễn Duy Chính dịch, tlđd. (sắp xuất bản)

Ngoài ra, ông cũng viết thư gửi cho Đinh Nhạ Hành, Phạm Trần Hi, Phan Khải Đức, Lê Duy Án nên chúng ta cũng đoán được rằng đây là những người đã gửi thư riêng cho ông. Có lẽ trong những lần thăm viếng trao đổi, ông cũng biết được tin vua mới sắp xét lại vụ án *"thế phát dịch phục"* của bốn người nên giọng văn có chiều phấn khởi hơn trước, nhất là tin tưởng rằng *"ngày vui chắc không lâu"*.

Tháng Một năm đó, ông nghe tin Thái hậu - mẹ vua Chiêu Thống - qua đời nên viết thư cho Lê Duy Án khi ấy thế tập tước Tá lãnh của vua Lê.

Nhìn lại suốt 10 năm bị giam hầu như họ hoàn toàn bị xa cách với thế giới bên ngoài và mọi việc chỉ biến chuyển tương đối dồn dập sau khi vua Càn Long qua đời. Dưới triều Gia Khánh, chính sách ngoại giao của Thanh triều với Tây Sơn không còn như trước nữa nên nhóm vua Lê ở bên ngoài cũng được thoải mái hơn.

5.2. Ra khỏi ngục

Theo lá thư của Lê Quýnh gửi cho Phụ Thành hầu Lê Duy Phổ thì bọn Lê Quýnh được ân xá từ tháng Hai năm Canh Thân, Gia Khánh thứ 5 [1800] nhưng đến ngày mồng 4 tháng Tư [tức mồng 4 tháng Ba nhuận theo lịch Việt Nam], bốn người bọn Lê Quýnh mới được thả ra khỏi ngục. Họ được cho sinh sống ở 12 dặm phía tây kinh thành bên ngoài xưởng nhuộm của Hỏa Khí doanh. Điều an ủi nhất là họ được tùy tiện để tóc và ăn mặc theo lối nước Nam.

Nguyên từ đời Minh Vĩnh Lạc, vì nơi đây đất trũng có suối hồ nên triều đình cho trồng cây chàm [Indigo Naturalis] để nhuộm quân phục cho binh lính. Sau nhiều giai đoạn biến chế, thuốc nhuộm này cho ra vải màu đen ánh sắc xanh(暗青黑色)có tên là lam điện(藍靛)[1]. Kỹ nghệ này thuộc Chức Nhiễm cục (織染局)[2] gồm ba phần điện viên [vườn trồng], đả điện [khu xay và tiến hành bào chế], lam điện [nhuộm vải].

Hỏa Khí doanh - cơ quan lo liệu việc chế tạo các loại súng ống lớn [pháo] nhỏ [thương] - xung quanh có tường dày, có đến 1.700 phòng

1. Indigo, indigotin.
2. Tức cơ quan dệt và nhuộm quân phục.

ốc cho hơn một vạn người bao gồm binh lính bát kỳ và quyến thuộc. Ra vào doanh có hai cửa đông nam, tây bắc nên có thể coi là một pháo đài quan trọng bảo vệ hoàng thành. Nói chung, đây là một khu gia binh khổng lồ sống bằng lương của triều đình tương đối sung túc, hấp dẫn nhiều thương nhân đến mua bán, qua lại, biến khu vực xung quanh thành những nơi sầm uất.

Bên ngoài xung quanh xưởng nhuộm có 5 tòa miếu thờ sơn thần còn gọi là Bích Hà Nguyên Quân Miếu chia thành đông, tây, nam, bắc và trung đính. Hiện nay, bốn tòa miếu không còn nữa nhưng tây đính miếu vẫn còn, chính là nơi mà nhóm Lê Quýnh bị an tháp.[1]

Theo tường thuật trong "*Bắc hành lược ký*", bốn người ở dưới quyền giám sát và quản thúc của Định Cung Thân vương Miên Ân [cháu nội vua Càn Long] - khi ấy trông coi Hỏa Khí doanh. Khi Lê Quýnh biết tin cố chủ đã qua đời cảm tác bài thơ sau đây:

南冠而縶十餘年，優渥鴻霑降自然。
擢髮難酬新雨露，回頭恐負舊山川。
忠魂他日餘恩補，苦節如今宿志全。
紅日方升高燭照，肯教冀北有啼鵑。

Phiên âm:

Nam quan nhi chấp thập dư niên,
Ưu ác hồng triêm giáng tự nhiên.
Trạc phát nan thù tân vũ lộ,
Hồi đầu khủng phụ cựu sơn xuyên.
Trung hồn tha nhật dư ân bổ,
Khổ tiết như kim xúc chí tuyền.
Hồng nhật phương thăng cao chúc chiếu,
Khẳng giao ký bắc hữu đề quyên.

---

1. "*Bắc hành lược ký*" chép là西頂藍靛殿廠之外火器營 (tây đính lam đính điện xưởng chi ngoại Hỏa Khí doanh).

Dịch nghĩa:

Mũ phương nam nên bị giam mười năm,
Tự nhiên được ơn từ trên giáng xuống.
Xõa tóc không báo được ơn mưa móc mới,
Nhìn lại sợ rằng mình đã phụ núi sông xưa.
Hồn trung ngày khác sẽ đền bù ân thêm nữa,
Khổ tiết nên hôm nay chí mới được toàn vẹn.
Mặt trời lên cao chiếu sáng xuống,
Ai ngờ ở đất bắc mà cũng có tiếng chim quyên kêu.

Việc đầu tiên sau khi được tự do là chuẩn bị để đi viếng mộ vua Chiêu Thống ở phía đông Bắc Kinh[1], trong dịp này con ông cũng đi theo. Lê Quýnh có làm bài thơ sau đây:

展拜故主墓回感作

黑暗重犴似九幽，移郊仍是築燕囚。
身西頂火愁雲罩，目北津冰淚雨流。
此日綱常黃絹底，何年骸骨大刀頭。
烏牙黑髮堂堂去，惟有丹心爲我留。[2]

Phiên âm:

TRIỂN BÁI CỐ CHỦ MỘ HỒI CẢM TÁC
Hắc ám trùng han tự cửu u,
Di Giao nhưng thị trúc Yên tù.
Thân tây đính hỏa sầu vân tráo,
Mục bắc tân băng lệ vũ lưu.

1. Theo lời chú của Lê Quýnh thì mộ vua Lê ở một bãi tha ma phía đông kinh thành, phía bắc Tân Trang. Theo lời của chính ông thì cứ bốn ngày ông lại đi viếng mộ vua Lê một lần, lần nào đi Hỏa Khí doanh cũng cho người đi theo canh giữ.

2. Trần Khánh Hạo (chủ biên), *Việt Nam Hán văn tiểu thuyết tùng san*, quyển VI, sđd, tr. 82.

Thử nhật cương thường hoàng quyên để,
Hà niên hài cốt đại đao đầu.
Ô nha hắc phát đường đường khứ,
Duy hữu đan tâm vị ngã lưu.

Dịch nghĩa:

CẢM TÁC SAU KHI ĐI VIẾNG MỘ CHỦ CŨ [VUA LÊ] *TRỞ VỀ*

Trời u ám tiếng sói kêu tưởng như ở nơi địa ngục
Tuy dời qua ngoại ô nhưng có khác gì người tù đất Yên
Thân ở phương tây gần Hỏa Khí doanh nhưng mây sầu canh cánh
Mắt từ đất bắc nước băng chảy ra như suối
Ngày nay cương thường để bên dưới tấm lụa vàng
Biết bao giờ mới được cầm dao chém đầu hài cốt
Răng nhuộm, tóc đen cứ thế mà trôi đi
Chỉ còn tấm lòng son còn ở với ta thôi.

Tuy không biết gì nhiều về cuộc đời sống đơn độc ở xưởng nhuộm nhưng qua văn chương ta thấy Lê Quýnh vẫn canh cánh mong đợi có ngày được về cố quốc. Một đêm trăng, ông đi chùa thấy một cỗ quan tài đã mục nát và cáo văn không biết là ai nên tức cảnh mà thương cho phận mình rồi mai đây cũng thế nên làm một bài văn tế dài rất lâm ly.[1]

Tháng Sáu năm đó, trời mưa dầm lại hết đồ ăn, nhận được thượng dụ không cho vào trong thành nên làm bài thơ sau:[2]

纔抵藍橋早作霖，沮洳場裏度光陰。
近郊匪洞幽還邃，旅舍如僧寂又岑。
仙不擎漿難潤喙，佛非懷餅易空心。
玉京何必崎嶇上，但望南車指有針。

---

1. *"Bắc hành lược ký"*, "Nguyệt dạ du Phật tự kiến bĩ thượng hủ quan" (月夜遊佛寺見圮上朽棺).

2. *"Bắc hành lược ký"*, "Lục nguyệt lâm vũ lương tuyệt. Hựu kiến thượng dụ bất hứa tiến thành ngẫu tác" (六月霖雨粮絕糈。又見上諭不許進城偶作).

Phiên âm:

Tài để lam kiều tảo tác lâm,
Tự như trường lý độ quang âm.
Cận giao phỉ động u hoàn thúy,
Lữ xá như tăng tịch hựu sầm.
Tiên bất kình tương nan nhuận uế,
Phật phi hoài bính dị không tâm.
Ngọc kinh hà tất kỳ khu thượng,
Đãn vọng nam xa chỉ hữu châm.

Dịch nghĩa:

Vừa đến Lam Kiều thì trời đổ mưa
Vì lầy lội nên phải ở lại trong nhà cho qua thì giờ.
Gần bên không có động ẩn bậc cao thâm
Nơi ở trọ thì như nhà sư vừa vắng lặng vừa cao cả.
Tiên như không có rượu cũng khó mà trơn miệng
Phật bụng không có bánh thì dễ trống lòng.
Đường về kinh đô sao mà gian nan thế
Chỉ mong xe có kim chỉ về hướng nam.

Tuy bài thơ nói về kinh đô nhà Thanh nhưng ông ám chỉ kinh thành Thăng Long, nhất là lại nhắc đến "*chỉ nam xa*" là xe có nam châm chỉ đường về hướng nam.

Tháng Chín, nhân ngày giỗ vua Lê, ông đi thăm mộ làm bài thơ sau đây:

十月恭值故主忌日，往拜園寢感作

一髮千鈞力不隨，敢稱南子亦顰眉。
綱常風捲鴻毛去，羈旅霜催白髮垂。
雲擁龍髯無見處，雪封馬鬣有開時。
首邱若謂絲毫補，擢髮餘辜可委誰。

Phiên âm:

THẬP NGUYỆT CUNG TRỊ CỐ CHỦ KỲ NHẬT, VÃNG BÁI VIÊN TẨM[1] CẢM TÁC

Nhất phát thiên quân lực bất tùy,
Cảm xưng nam tử diệc tu mi.
Cương thường phong quyển hồng mao khứ,
Ky lữ sương thôi bạch phát thùy.
Vân ủng long nhiêm vô mịch xứ,
Tuyết phong mã liệp hựu khai thì.
Thủ khâu nhược vị ty hào bổ,
Trạc phát dư cô khả ủy thùy.

Dịch nghĩa:

Tháng Mười làm giỗ cố chủ xong đến thăm mộ cảm tác
Một sợi tóc kéo nghìn cân nhưng sức không theo được
Đâu có dám bảo mình là tu mi nam tử
Gió cuốn cương thường thì chiếc lông hồng cũng bay đi mất
Mái tóc của người lữ khách nhuốm sương thì cũng bạc rồi
Mây che râu rồng không biết ở nơi nao
Tuyết đóng bờm ngựa cũng có lúc tan thôi
Nếu như búi tóc đã cắt thì làm sao chữa lại được
Muốn gội đầu thì tội đó giao lại cho ai đây.

VI. TRỞ VỀ NƯỚC

6.1. Vận động trở về nước

Đến năm Giáp Tý [Gia Long thứ 3, 1804], khi nhà Tây Sơn đã diệt vong, được sự đồng ý của nhà Nguyễn, Thanh triều mới cho các vong

1. Viên tẩm vua Lê ở tại phía đông kinh thành.

thần mang quan tài vua Lê, Thái hậu và Nguyên tử (con trai vua Lê chết ở Trung Quốc) trở về nước. *Quốc sử di biên* chép rằng:

... Tháng Tám [năm Giáp Tý], *Trường Phái hầu của nhà Lê cũ Doãn Hựu* (黎允佑)[1] *đem hài cốt vua Lê từ nước Thanh trở về. Khi trước, vua tôi họ Lê ở bên nước Thanh từ năm Tân Hợi* [1791] *thì đã thất tán chỉ còn vài chục người. Người đi theo phần nhiều lấy vợ phương Bắc sinh con cái, riêng Hựu bị giam lâu ngày ở Bắc sở, chỉ còn được một chiếc mũ rách nát đội đã trên mười năm. Năm Canh Thân vua Gia Khánh mới lên thân chính nên được thả ra cho sống ở bên ngoài. Khi đó, Hựu mới biết vua Lê đã qua đời bèn chịu tang. Năm Nhâm Tuất, nghe tin ngụy Tây* [tức Tây Sơn] *mất nước, nhiều lần khẩn thiết xin đưa hài cốt vua Lê về nước nhưng không được trả lời.*

Đến khi quốc sứ[2] *sang cầu phong, con Hựu là Trắc* (允側)*xin làm hành nhân*[3] *sang để thăm dò vua và cha. Vua Thế Tổ* [tức vua Gia Long] *vốn đã nghe tiếng Hựu từ trước nên đồng ý cho đi theo lời tâu. Khi Trắc đi đến Trác Châu*(涿州)*gặp được Hựu đợi sứ đoàn ở đó, cha con gặp nhau mừng quá nên có thơ rằng:*

纔聞每謂人欺我，
及見驚呼汝是誰。
Tài văn mỗi vị nhân khi ngã,
Cập kiến kinh hô nhữ thị thùy.
(Thoạt nghe cứ tưởng đâu đùa cợt,
Gặp mới kêu lên ai thế này?)

Nhân thế Hựu cùng đi với phái đoàn đến Yên Kinh cùng với khâm sứ bái yết vua Thanh. Thanh đế khen ngợi bảo cha là tôi trung, con là con hiếu nên ban thưởng rất hậu. Khi sứ thần về nước, Hựu dặn con làm biểu tâu lên vua Thế Tổ, xin cho được về nước và đem hài cốt vua Lê về táng ở nơi tĩnh địa. Vua

---

1. Tên khác của Lê Quýnh.

2. Đây là phái đoàn do Lê Quang Định làm chánh sứ, Lê Chính Lộ và Nguyễn Gia Cát làm phó sứ. Xem Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, đệ Nhất kỷ, quyển XIX, tập Một, sđd.

3. Người đi trong phái đoàn nhưng chỉ đảm trách những việc không quan trọng.

Thế Tổ thuận cho, khi đó Trắc mới viết thư báo cho Hựu để ông dâng biểu lên vua Thanh xin về. Vua Thanh cũng bằng lòng và cho tất cả những người lưu vong về nước.

Ngày 24 tháng Ba năm nay, Hựu lấy áo mũ quan tài cải thố cho vua Lê, Thái hậu, Nguyên tử và những người đi theo lớn nhỏ 18 cỗ, làm thơ khóc Lê đế, trong đó có câu:

雲暗龍髯無覓處，

雪封馬鬣有開時。

Vân ám long nhiêm vô mịch xứ,

Tuyết phong mã liệp hữu khai thời.

(*Mây phủ râu rồng tìm đâu thấy,*

Tuyết che bờm ngựa có ngày tan).[1]

Vua Thanh sai làm bảng ghi rõ, chia ra thành ba nhóm, đi đến đâu được quan lại châu phủ hộ tống [vợ con người tòng vong đi đợt đầu, kế đến là hài cốt, các tòng thần còn sống đi sau cùng].[2]

Cũng sự kiện này, tài liệu nhà Thanh có nhiều chi tiết hơn. Theo chỉ dụ ngày mồng 9 tháng Tám năm Gia Khánh thứ 9 do Quân cơ đại thần gửi bộ Hình thì:

... Ngày 15 tháng Bảy, Lê Quýnh đến viếng mộ Lê Duy Kỳ, trên đường gặp người Mông Cổ họ A báo cho biết rằng sứ thần Việt Nam hiện đang trên đường đến kinh đô. Vì thế, y đã đến bản doanh [tức bộ Hình] *xin với Tham lãnh Bảo Thiện để nghỉ 3 ngày, theo đường cái đến đón cống sứ thăm hỏi tin tức gia đình nhưng không biết con y cũng tham gia trong phái đoàn này. Viên*

---

1. Theo chú thích của Tô Nam (Nguyễn Đình Diệm) trong "Trái tim bất tử Lê-Chiêu-Thống" [Tập san *Sử Địa*, số 13, Sài Gòn, 1969, tr. 92] thì *long nhiêm* (râu rồng) trích từ *Sử ký* chép vua Hoàng Đế đúc xong chiếc đỉnh thì có con rồng thò râu xuống đón vua lên trời còn các người hầu khi bám vào râu rồng bị đứt rơi xuống. *Mã liệp* là cái hình ngôi mộ xây van vát như cái bờm ngựa. Hai câu này có nghĩa là vua đã thăng hà muốn theo mà không thấy râu rồng ở đâu? Ai ngờ cái mộ kiểu bờm ngựa kia lại có ngày khơi lên để đưa về cố quốc.

2. Phan Thúc Trực, *Quốc sử di biên*, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 39-40.

tham lãnh kia liền bằng lòng, chỉ dặn là không được đi theo đoàn cống sứ vào trong kinh thành.

Cứ theo lời tra hỏi cung của bộ Hình thì Lê Quýnh đã có đến xin phép, như thế không phải là y có tội lẻn trốn đi như trước khi Bảo Thiện bẩm rõ tình tiết này. Đại thần cai quản tâu xin định đoạt về hành vị tự chuyên cho phép nghỉ thật là vượt lẽ nên trẫm đã ra lệnh cho Quân cơ đại thần gọi lên tra hỏi Bảo Thiện ngay nơi hành tại.

Cứ như y cung xưng thì ngày 20 [tháng Bảy] *khi tống giá* [đưa tiễn xa giá nhà vua] *tới Nam Thạch Tào* (南石槽) *thì ngày 21 quay về đến xưởng Lam Đình nên việc Lê Quýnh xin nghỉ, y quả không biết gì so với lời khai của Lê Quýnh thì mỗi người một khác nên cần phải tra hỏi thêm mới biết ai thực ai hư. Vì thế nên hiện nay đã giải nhiệm Bảo Thiện để cho đường quan bộ Hình hỏi rồi cứ thực mà trình lên.*

Còn việc Lê Quýnh biết được tin tức về cống sứ hỏi ra thì do một người Mông Cổ họ A cho biết thì phải tra ra rồi truyền cho y đến trước án đối chất… [1]

Theo sự điều tra và chất vấn của bộ Hình, Bảo Thiện về sau khai rằng y quả có cho Lê Quýnh nghỉ ba ngày đi đón cống sứ nên họ Bảo bị đày đi Ô Lỗ Mộc Tề tòng quân hiệu lực. Bọn Lê Quýnh xét ra không phải lén trốn đi nên được trả về Hỏa Khí doanh để tiếp tục quản thúc nhưng nghiêm ngặt hơn trước.[2]

Sau khi sứ đoàn Việt Nam [tên mới của An Nam] lên đường trở về, các tòng thần nhà Lê nhất loạt xin được quy hồi cố quốc. Ngày mồng 10 tháng Chín, vua Gia Khánh ra lệnh cho Tuần phủ Quảng Tây dặn Tề Bố Sâm (齊布森) là sứ thần nhà Thanh mang sắc ấn sang phong vương cho vua Gia Long thì hỏi quốc vương Việt Nam có bằng lòng nhận những người đó hay không,[3] đồng thời ra lệnh cho các nơi tra hỏi những người chạy sang Trung Hoa xem ai muốn ở lại, ai muốn về. Xét như thế, việc Lê Quýnh được vào gặp vua Thanh như trong *Quốc sử di biên* không có cơ sở và chỉ là một ngoa truyền vì chính Lê Quýnh cũng không đề cập đến trong hồi ký của ông.

---

1. *Gia Khánh triều, Thượng dụ đáng*, quyển VIII, sđd, tr. 292-293.
2. *Gia Khánh triều, Thượng dụ đáng*, quyển VIII, sđd, tr. 302-303.
3. *Gia Khánh triều, Thượng dụ đáng*, quyển VIII, sđd, tr. 336.

6.2. Sau khi về nước

Trong *"Bắc hành tùng ký"*, Lê Quýnh không viết gì nhiều về cuộc đời ông sau khi từ Trung Hoa trở về. Ngay cả những biến cố lớn liên quan đến việc gặp gỡ Tổng trấn Bắc Thành Nguyễn Văn Thành hay vào kinh yết kiến vua Gia Long, ông cũng đề cập đến rất sơ lược, khiến nhiều người phải đặt câu hỏi về tính chính xác của các sự việc xảy ra sau khi ông rời Trung Hoa. Những chi tiết đó dựa vào lời thuật lại của người khác nên chưa chắc đã hoàn toàn là sự thực.

Điều này cũng có thể giải thích được:

- *Thứ nhất*, từ khi ông về nước đến khi ông qua đời chỉ chưa đầy một năm [ông qua đời ngày 15 tháng Chín năm Ất Sửu (1805)] nên có thể ông chưa có dịp đề cập đầy đủ chi tiết những việc mới xảy ra. Ước vọng sau cùng của vua Chiêu Thống là được đưa về táng ở quê nhà, ông đã hoàn thành, coi như làm tròn nhiệm vụ nên không còn gì đáng nói. Vả lại, theo lời kể của chính ông thì ông vào chùa tu và đã đi tu ắt không còn lưu luyến việc bên ngoài.

- *Thứ hai*, Lê Quýnh đặt nặng những biến cố khi ông làm quan cho nhà Lê và vì lòng trung nghĩa của mình mà bị tù đày tại Trung Hoa nên không muốn nhắc đến những việc khác dưới triều Nguyễn. Vả lại, tuy vua Gia Long đã diệt được nhà Tây Sơn, gián tiếp trả thù cho vua Lê nhưng cũng không trả nước cho cựu triều khiến ông bất mãn, oán trách luôn cả những cựu thần nhà Lê làm việc cho Tây Sơn nay lại sang làm bầy tôi nhà Nguyễn.

Cũng may, một nhà nho miền Bắc là Thám hoa Phan Thúc Trực, nhân những chuyến công du ở Bắc Hà để sưu tầm tài liệu, đã chép tương đối chi tiết. Đó cũng là điều đáng nói vì làm việc trực tiếp với triều đình, Thám hoa họ Phan đã ít nhiều nhận ra sự vô tình hay cố ý phủ nhận tiền triều, không muốn ai còn lưu luyến đến những dòng vua cũ. Tâm lý đó cũng bình thường, những người - ở một vùng đất nay có chủ mới - không thể không có những hoài cảm khi nhìn lại cảnh cũ, gặp lại người xưa. Tâm lý đó thể hiện dưới nhiều hình thức, phần lớn chỉ là thơ văn nhưng cũng có những người ghi chép lại qua sử sách để bổ sung cho những gì mà tân triều cố tình không nhắc đến.

Quốc sử di biên (tập Thượng) chép như sau:

... Tháng Bảy năm đó đến Nam Quan vào trấn Lạng Sơn, lập bàn thờ ở ngoài thành, Hiệp trấn Nguyễn Duy Thản xuất thân tiến sĩ, người xã Hương La cùng các tù trưởng các phiên đều đến khóc.

Lê Quýnh đi xuống Thăng Long ngày 26 yết kiến Quận công Nguyễn Văn Thành [khi đó là Tổng trấn Bắc Thành], *quỳ hồi lâu nhưng không lạy nói rằng vì chưa bái yết Vương thượng nên không dám bái tôn công, nay cởi mũ ra xin chịu tội. Nguyễn Văn Thành xua tay:*

- Xin ông đứng lên mời uống trà.

Lê Quýnh tạ ơn nói:

- Nước mất không mưu tính lấy lại, ấy là tội nhân của ngài, nay gặp tôn công, mồ hôi ướt áo. Thế nhưng di hài của cố quân chưa có được một tấc đất để ninh táng, mong tôn công giúp cho.

Thành quận công đáp:

- Ông đừng lo, Vương thượng trông ông như người khát nước, vẫn thường nói rằng khi nào ông về đến nơi thì mau mau đến yết kiến, đãi đằng ít lâu. Còn việc của vua cũ, tôi bảo đảm là sẽ vì ông mà hoàn thành.

Lê Quýnh ở lại ba ngày, các quan văn võ cũ mới đều tới gặp nhưng ông từ tạ rồi ra yết kiến Tán lý Thường [Đặng Trần]. *Thường vừa gặp ông gọi ngay là Khổng Minh*[1], *Hựu không nhận, Thường lại đổi gọi là Tử Phòng.*[2] *Hựu nói:*

- Tướng công gặp được minh quân nên làm được những điều mình muốn, có thể nhận cái danh Tử Phòng, Hựu này không được như vậy.

Nhân đó xin cáo biệt trở về.

Ngày mồng 6 tháng Tám, Hựu từ Thăng Long lên đường về quê, uống rượu với người thân, kể lại nỗi niềm mong nhớ cũ. Ngày mồng 7 đến yết từ đường dòng nhà mình, nhân dịp ăn giỗ bà thím [vợ ông Doãn Trọng]. *Ngày 12 quay trở lại Thăng Long, bẩm với Thành quận công xin được về kinh trình lời tâu lên vua Thế Tổ, được nhà vua thuận cho đem hài cốt vua Lê về chôn ở làng Bố Vệ.*

Ngày 24 tháng Chín, Thành quận công cho binh lính Bắc Thành cùng đinh phu các huyện và trấn Lạng Sơn đưa linh cữu vua Lê về Thăng Long, lập

---

1. Tức Gia Cát Lượng, quân sư của Thục Tiên Chúa Lưu Bị đời Tam quốc.
2. Tức Trương Lương, quân sư của Hán Cao Tổ Lưu Bang.

trai đàn ở nhà Diên Tự công [tức Lê Duy Hoàn, con trai Lê Duy Chi được vua Gia Long cho thừa tự tông miếu nhà Lê]. *Các di thần và quan văn võ đều mặc đồ tang đến phúng điếu. Các quan tài từ Đinh Nhạ Hành trở xuống được thân quyến tiếp nhận theo các bảng tên đem về mai táng.*

Hậu [tức Vương phi Nguyễn Thị Kim] *người Tỳ Bà vào chùa Lã tu từ năm Kỷ Dậu* [1789] *đến khóc với Doãn Hựu, hỏi kế cho mình, Hựu nói:*

- Xuống đất để gặp tiên quân, ấy là thượng kế. Về trông coi hương hỏa ở lăng, ấy là thứ hai.

Hậu nghe lời, uống thuốc độc chết, khi đó 40 tuổi. Tán lý Thường viếng có câu:

節義殘燈下，綱常一酌中。

Tiết nghĩa tàn đăng hạ,

Cương thường nhất chước trung.

(Giữ tiết nghĩa dưới ngọn đèn tàn,

Đạo cương thường ở trong chén thuốc).

Nhà vua hạ chiếu ban cho 4 chữ 守貞徇節 (Thủ trinh tuẫn tiết).

Ngày 28 tháng Mười, Thành quận công phụng mệnh đưa linh cữu vua Lê về táng ở làng Bố Vệ, có Hiệp trấn Thanh Hoa cùng đi lo việc lễ nghi, phụ táng Hậu Tỳ Bà ở bên cạnh, thần chủ của Hậu thờ ở tả vu miếu nhà Lê, lại dựng bia cho bà ở quê quán [làng Tỳ Bà], *cho hai người lính trông coi.*[1]

Sau khi chôn cất vua Lê, Lê Quýnh quay lại Thăng Long bái tạ Thành quận công, rồi từ biệt về quê. Ông nhịn ăn 3 ngày, sau đó đến tu ở chùa xã Đại Đồng. Ông có làm thơ rằng:

佛祖容爲初弟子，

皇王許作舊閒民。

Phật tổ dung vi sơ đệ tử,

Hoàng vương hứa tác cựu nhàn dân.

(Phật tổ rộng lòng cho làm đệ tử mới,

Nhà vua thuận cho làm người dân nhàn cũ).

---

1. Phan Thúc Trực, *Quốc sử di biên*, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 40-41.

Lúc đó, ông vừa tròn 55 tuổi. Ông thường nói với người quen cũ là Nguyễn Huy Phác rằng:

- Quýnh cũng giống như con gái quê mùa, nhan sắc chẳng lấy gì đẹp đẽ, lại cũng không có nghề ngỗng gì, được người ta lấy làm vợ đã là may mắn lắm. Nay chẳng may chồng chết sớm nên sống đời đàn bà góa cho tròn danh tròn tiết, nếu không thì còn ra gì nữa.

Nguyễn Huy Phác cho là khéo ví von. Qua đây, chúng ta cũng biết ông tuy về nước nhưng không phục những ai đã làm quan cho nhà Lê nay lại ra làm quan dưới triều Nguyễn. Mà số này không phải ít, có người làm quan cả ba triều kế tiếp, Lê-Trịnh rồi Tây Sơn, nay lại hàng Gia Long. Có lẽ, đó cũng là một lý do Lê Quýnh không chép gì thêm những việc ông làm sau khi đưa quan tài vua Lê về táng ở Thanh Hóa.

Theo *Quốc sử di biên*, ông bị cướp đâm ngày mồng 1 tháng Chín năm Gia Long thứ 4 (1805) và từ trần gần nửa tháng sau đó.

Mồng 1 tháng Chín, kẻ cướp giết Lê Doãn Hựu và con là Thốt. Hồi đó ở Bình Ngô có tên đầu đảng cướp tên là Bi, tự xưng là Bắc Sứ Soái, thường hay bất ngờ ra cướp bóc. Lần đó, Bi ra cướp và đốt phá ở Ngâm Điền, lấy được rất nhiều tài sản, súc vật. Hựu dẫn người nhà chặn đường đoạt lại. Bi thù hận lắm nên khi đang đêm đem rất đông đồng đảng đến đốt phá nhà Hựu, đâm ông vài mươi nhát. Quan phủ là Nguyễn Đình Tôn lập án sống [nạn nhân còn sống]. *Đến ngày 15* [tháng Chín], *ông chết, lại lập án chết* [nạn nhân đã chết]. *Con của Hựu là Trắc và Thốt có ý báo thù, khi đi đâu thường mang binh khí trong người, Bi lại phục kích giết Thốt ở ngoài đồng. Thành quận công sai quan điếu tặng, lại theo lệnh vua đem tiền gạo đến để chôn cất, Nguyễn Đăng Sở làm điếu văn.*[1]

Trong dịp này, Nguyễn Đăng Sở (阮登璇)[2] làm văn tế như sau:

---

1. Phan Thúc Trực, *Quốc sử di biên*, Nguyễn Duy Chính dịch, sđd, tr. 50.

2. Hiệu Kiên Phủ, người Hương Triện, huyện Gia Định, Kinh Bắc, sinh năm Giáp Tuất [1754], đậu Hoàng giáp năm Chiêu Thống nguyên niên (Đinh Mùi, 1787), làm Hiệu lý Hàn lâm viện, tước Hương Lĩnh bá. Làm quan thời Tây Sơn đến tước Gia Đình hầu, Tả thị lang bộ Lại, Phó sứ trong phái bộ sau cùng triều Tây Sơn.

蕉鹿壑蛇，童牛角馬。

千萬里波濤無恙，忽然旣岸卸虛舟。

二八春霜雪不侵，何者未寒凋老柏。

惟餘義烈於人間，可對君親於地下。

形歸窀穸，烹蒿之精爽如存。

神返斷堂，蓐草之明誠以妥。

Phiên âm:

Tiêu lộc hác xà, đồng ngưu giác mã.

Thiên vạn lý ba đào vô dạng, hốt nhiên ký ngạn tá hư chu.

Nhị bát ky sương tuyết bất xâm, hà giả vị hàn điêu lão bách.

Duy dư nghĩa liệt ư nhân gian, khả đối quân thân ư địa hạ.

Hình quy truân tịch, huân cao chi tinh sảng như tồn.

Thần phản đoạn đường, liêu thảo chi minh thành dĩ thỏa.

Dịch nghĩa:

Hươu nơi tàu chuối, rắn ở trong hang.

Trâu còn non, ngựa mọc sừng.

Nghìn vạn dặm sóng to gió cả chẳng hề chi.

Bỗng nhiên đến bờ thuyền lại đắm.

Mười sáu năm sương tuyết không xâm,

Sao không được thành cây tùng già chịu rét.

Thế nhưng ông để lại nghĩa liệt chốn nhân gian,

Không thẹn với vua, với mẹ cha nơi chín suối.

Hình về dưới huyệt nhưng hương thơm tinh sảng vẫn còn,

Thần trở lại nhà, lều cỏ sáng soi cũng thỏa.

Lại có đôi câu đối:

文丞相孤忠，故鄉更逐黃冠願

蘇中郎大節，勝國難欺白髮心

Văn Thừa tướng cô trung, cố hương cánh toại hoàng quan nguyện

Tô Trung lang đại tiết, thắng quốc nan khi bạch phát tâm.

(*Trung nghĩa không khác gì Văn Thừa tướng, được về nước thỏa nguyện đội mũ vàng*

Tiết lớn giống như Tô Trung lang, nước kia không thể khinh tấm lòng tóc bạc được).

箕在已非商，龜範莫能渝厥志

蘇還猶是漢，麟臺何恥殿諸臣

Cơ tại dĩ phi Thương, quy phạm mạc năng du quyết chí

Tô hoàn do thị Hán, lân đài hà sỉ điện chư thần.

(*Ông Cơ còn nhưng Thương đã mất, quy phạm trong chí vẫn không quên*

Ông Tô về thì nhà Hán còn, đài lân không thẹn với các bầy tôi khác).

Nguyễn Đăng Sở cũng viết bài văn bia ca ngợi khí tiết của hai anh em Lê Quýnh và Lê Trị vào tháng Sáu năm Gia Long thứ 12 [Quý Dậu, 1813].[1]

故黎朝從臣墓碑

侯姓黎，超類縣大卯社人，黎朝景興癸亥科進士，刑部左侍郎岱岩侯之冢子，名囧。侯之堂弟黎值，乃黎朝景興戊辰科進士，諒山總鎮秀川侯之弟五男也。

侯以掌侍衛有功，累封長派[2]侯，黎值奉執羈靮有功，賜爵超嶺侯。

昭統元年十二月朔，西山將兵侵薄昇龍城，御駕北遜于諒江，侯率家丁翊駕，自北而東。二年戊申二月，侯奉跟尋太后與元子于高平，爲西兵所迫，遂奉投內地之南寧府。

事聞大清皇帝，特命侯從廣東路回探國情。旣復，乃命兩廣總督孫士毅提師救援。十一月克復京城，乘輿反正。時用乏兵少，侯以平章事總督兵餉，超嶺侯北使迎太后與元子至自南寧。

---

1. "*Lê triều tiết nghĩa lục*" (黎朝節義錄). Trần Khánh Hạo (chủ biên), *Việt Nam Hán văn tiểu thuyết tùng san*, quyển VI, sđd, tr. 115-116.

2. Trong sách viết nhầm thành chữ hà (河).

三年己酉正月，西山兵潛至，孫總督兵潰退北走，御駕亦從北幸。比至燕京，悉令薙髮受封，無復有再援[1]意。侯居國募兵裹糧，預先措置，日望援兵再來。

涉夏徂冬，竟無聲息，乃與弟黎值及同志鄭憲、李秉道等進關，謀圖恢復。既至，竟不許面君，迫之剃髮改裝。不受，拘禁于獄，凡十三年，脅威利誘，終不能奪。侯嘗有詩云：

身困十年懷素節，

命隨一髮表丹衷。

其見於文墨者非一。黎故君在日，命綠其辭，顏曰：四公詩集。北朝稱爲黎家四義士。

逮嘉隆元年壬戌，西山賊旣平，侯長子允倬奉從使部來探聲息。三年甲子，北朝咨交回國，乃得全髮以歸。再願奉迎黎故君玉棺及太后元子骸骨，返葬于清化。禮畢，卽于本縣大同社寺居住。其詩有云：

佛祖遺來訓弟子，

皇天許作舊閒人。

壯哉！

十七年間，始終不變，黎從義臣有四，而侯之兄弟居其二，成[2]古人所謂罕見也。

夫讀聖賢之書，行聖賢之道，侯之謂乎？

我朝皇帝嘉其志節，屢年恩頒，閒養餘年，侯遂其願。

乙丑九月十六日，侯卒。

超嶺侯遵其遺囑，上京晉謁，再乞回貫安養，日久與親舊娛樂者，嘗粘[謝天清福]四字以見志。

十年辛未三月初八日，以壽終於家。

噫！二侯故家令胄，體國遺臣，進退之間，忠孝無慊，其操守爲何如？

蓋有長派侯爲之兄，所以識超嶺侯之志；有超嶺侯爲之弟，益以白長派侯之忠。

---

1. Trong sách viết nhầm thành chữ thụ (授).
2. Trong sách viết nhầm thành chữ thành (誠).

一間兄弟，忠義攸兼，有以光前史，而揚後來，炳炳燐燐，視列先君子真無忝矣。

爰祀其事，以壽于石云。

皇朝嘉隆十二年癸酉復月穀日，黎昭統丁未正進士阮堅甫撰。

Phiên âm:

CỐ LÊ TRIỀU TÒNG THẦN MỘ BI

Hầu tính Lê, Siêu Loại huyện Đại Mão xã nhân, Lê triều Cảnh Hưng Quý Hợi khoa tiến sĩ, Hình bộ Tả thị lang Đại Nham hầu chi trưởng tử, danh Quýnh. Hầu chi đường đệ Lê Trị, nãi Lê triều Cảnh Hưng Mậu Thìn khoa tiến sĩ, Lạng Sơn Tổng trấn Tú Xuyên hầu chi đệ ngũ nam dã.

Hầu dĩ chưởng thị vệ hữu công, lũy phong Trường Phái hầu, Lê Trị phụng chấp cơ đích hữu công, tứ tước Siêu Lĩnh hầu.

Chiêu Thống nguyên niên thập nhị nguyệt sóc, Tây Sơn tương binh xâm bạc Thăng Long thành, ngự giá bắc tốn vu Lạng Giang, Hầu suất gia đinh dực giá, tự bắc nhi đông. Nhị niên Mậu Thân nhị nguyệt, Hầu phụng cân tầm Thái hậu dữ Nguyên tử vu Cao Bình, vi Tây binh sở bách, toại phụng đầu nội địa chi Nam Ninh phủ.

Sự văn Đại Thanh hoàng đế, đặc mệnh Hầu tòng Quảng Đông lộ hồi thám quốc tình. Ký phục, nãi mệnh Lưỡng Quảng Tổng đốc Tôn Sĩ Nghị đề sư cứu viện. Thập nhất nguyệt khắc phục kinh thành, thừa dư phản chính. Thời dụng phạp binh thiểu, Hầu dĩ Bình chương sự tổng đốc binh hướng, Siêu Lĩnh hầu bắc sứ nghinh Thái hậu dữ Nguyên tử chí tự Nam Ninh.

Tam niên Kỷ Dậu chính nguyệt, Tây Sơn binh tiệm chí, Tôn Tổng đốc binh hội thoái bắc tẩu, ngự giá diệc tùng bắc hạnh. Tỉ chí Yên Kinh, tất lệnh thế phát thụ phong, vô phục hữu tái viện ý. Hầu cư quốc mộ binh khỏa lương, dự tiên thố trí, nhật vọng viện binh tái lai.

Thiệp hạ tổ đông, cánh vô thanh tức, nãi dữ đệ Lê Trị cập đồng chí Trịnh Hiến, Lý Bỉnh Đạo đẳng tiến quan, mưu đồ khôi phục. Ký chí, cánh bất hứa diện quân, bách chi thế phát cải trang. Bất thụ, câu cấm vu ngục, phàm thập tam niên, hiếp uy lợi dụ, chung bất năng đoạt. Hầu thường hữu thi vân:

Thân khốn thập niên hoài tố tiết,

Mệnh tùy nhất phát biểu đan trung.

Kỳ kiến ư văn mặc giả phi nhất. Lê cố quân tại nhật, mệnh lục kỳ từ, nhan viết: *Tứ Công thi tập*. Bắc triều xưng vi Lê Gia Tứ Nghĩa Sĩ.

Đãi Gia Long nguyên niên Nhâm Tuất, Tây Sơn tặc ký bình, hầu trưởng tử Doãn Trác phụng tòng sứ bộ lai thám thanh tức. Tam niên Giáp Tý, Bắc triều tư giao hồi quốc, nãi đắc toàn phát dĩ quy. Tái nguyện phụng nghinh Lê cố quân ngọc quan cập Thái hậu, Nguyên tử hài cốt, phản táng vu Thanh Hóa. Lễ tất, ký vu bản huyện Đại Đồng xã tự cư trú. Kỳ thi hữu vân:

Phật tổ di lai huấn [sơ] đệ tử,

Hoàng thiên hứa tác cựu nhàn nhân.[1]

Tráng tai!

Thập thất niên gian, thủy chung bất biến, Lê tòng nghĩa thần hữu tứ, nhi hầu chi huynh đệ cư kỳ nhị, thành cổ nhân sở vị hãn kiến dã.

Phù độc thánh hiền chi thư, hành thánh hiền chi đạo, hầu chi vị hồ?

Ngã triều hoàng đế gia kỳ chí tiết, lũ niên ân ban, nhàn dưỡng dư niên, hầu toại kỳ nguyện.

Ất Sửu cửu nguyệt thập lục nhật, hầu tốt.

Siêu Lĩnh hầu tuân kỳ di chúc, thướng kinh tấn yết, tái khất hồi quán an dưỡng, nhật cửu dữ thân cựu ngu lạc giả, thường niêm "tạ thiên thanh phúc" tứ tự dĩ kiến chí.

Thập niên Tân Mùi tam nguyệt sơ bát nhật, dĩ thọ chung ư gia.

---

1. Hai câu này có khác đôi chút với hai câu chép trong *Quốc sử di biên*, Trung Văn đại học Tân Á nghiên cứu sở, Hương Cảng, tr. 42 [Phật tổ dung vi sơ đệ tử, Hoàng vương hứa tác cựu nhàn dân] tuy nghĩa tương đồng. Theo tấm bia còn ở Đại Mão thì là "Phật tổ di lai sơ đệ tử..." Thám hoa Nguyễn Đăng Sở đã thay Hoàng vương bằng Hoàng thiên cố để cho triều đình khỏi nghi ngờ vì tuy có thể giải thích "hoàng thiên" là hoàng thiên tử nhưng cũng có thể là trời vàng để tỏ rằng ông được về làm dân là nhờ trời chứ chẳng phải là chịu ơn nhà Nguyễn.

Y! Nhị hầu cố gia lệnh trụ, thể quốc di thần, tiến thoái chi gian, trung hiếu vô hiềm, kỳ thao thủ vi hà như ?

Cái hữu Trường Phái hầu vi chi huynh, sở dĩ chí Siêu Lĩnh hầu chi chí; hữu Siêu Lĩnh hầu vi chi đệ, ích dĩ bạch Trường Phái hầu chi trung.

Nhất gian huynh đệ, trung nghĩa du kiêm, hữu dĩ quang tiền sử, nhi dương hậu lai, bính bính lân lân, thị liệt tiên quân tử chân vô thiểm hĩ.

Viên tự kỳ sự, dĩ thọ vu thạch vân.

Hoàng triều Gia Long thập nhị niên Quý Dậu phục nguyệt cốc nhật, Lê Chiêu Thống Đinh Mùi chính tiến sĩ Nguyễn Kiên Phủ soạn.

Dịch nghĩa:

BIA MỘ TÒNG THẦN TRIỀU LÊ CŨ

Hầu họ Lê tên Quýnh là người huyện Siêu Loại, làng Đại Mão. Hầu là con trưởng của tiến sĩ khoa Quý Hợi đời Cảnh Hưng triều Lê là Hình bộ Tả thị lang Đại Nham hầu [tức Lê Doãn Giản].

Đường đệ [em họ] *Lê Trị là con trai thứ năm của Tú Xuyên hầu, Tổng trấn Lạng Sơn, tiến sĩ khoa Mậu Thìn đời Cảnh Hưng triều Lê. Hầu cai quản thị vệ có công nên được phong Trường Phái*[1] *hầu còn Lê Trị có công đi theo hộ giá nên được ban tước Siêu Lĩnh hầu.*

Ngày sóc tháng Chạp năm Chiêu Thống nguyên niên [Đinh Mùi], *Tây Sơn đem binh xâm phạm kinh thành Thăng Long, nhà vua phải chạy lên phương bắc lánh ở Lạng Giang, Hầu đem gia binh bảo vệ từ đất Bắc chạy sang xứ Đông. Tháng Hai năm Chiêu Thống thứ hai [Mậu Thân], Hầu được lệnh đi tìm Thái hậu và Nguyên tử ở Cao Bình, bị quân Tây Sơn bức bách nên phải chạy vào phủ Nam Ninh thuộc nội địa* [tức đất Trung Hoa].

Nội vụ tâu lên hoàng đế Đại Thanh nên đặc biệt sai Hầu đi theo đường Quảng Đông về thám thính tình hình trong nước. Khi quay trở lại, vua Thanh sai Tổng đốc Lưỡng Quảng Tôn Sĩ Nghị đem binh cứu viện.

Tháng Một lấy lại kinh thành, vua Lê trở về nắm quyền. Lúc đó quân

---

1. Trong *Nam thiên trung nghĩa thực lục* chép là Trường Hà hầu, theo tấm bia đựng tại làng Đại Mão do cháu nội Lê Quýnh là Lê Doãn Tố soạn viết rõ là *Trường Phái hầu*.

dụng thiếu thốn, binh lính ít ỏi nên Hầu được giao cho chức Bình chương sự đốc thúc việc quân nhu, còn Siêu Lĩnh Hầu thì được sai đi sang đất Bắc nghinh đón Thái hậu và Nguyên tử ở Nam Ninh.

Tháng Giêng năm Chiêu Thống thứ 3 [Kỷ Dậu], *quân Tây Sơn lẻn tới, Tổng đốc Tôn Sĩ Nghị bị thua chạy về phương Bắc, nhà vua cũng sang theo. Khi đi gần tới Yên Kinh thì có lệnh phải cắt tóc để được phong chức, không còn có ý giúp đỡ nữa.*

Hầu ở trong nước mộ binh tích lương, sắp đặt mọi việc để chờ viện binh quay lại. Hết hạ sang đông, vẫn không nghe tin tức gì nên cùng em là Lê Trị và các đồng chí Trịnh Hiến, Lý Bỉnh Đạo tiến quan để mưu tính chuyện khôi phục.

Khi sang đến nơi rồi thì bị ép phải cắt tóc, thay đổi y phục nhưng Hầu không chịu nên bị giam vào trong ngục. Trong 13 năm, dù lấy uy mà ép, lấy lợi mà dụ nhưng vẫn không khuất phục được. Hầu thường ngâm thơ rằng:

Thân phải tù đày mười năm vì giữ khí tiết trắng

Số mệnh theo mái tóc để tỏ tấm lòng son.

Những câu như thế trong văn chương không phải chỉ một lần. Khi vua Lê còn sống đã sai người sao lục các câu đó thành một tập nhan đề "Tứ Công thi tập" còn triều đình phương Bắc thì gọi là "Bốn Nghĩa Sĩ họ Lê".

Mãi đến năm Nhâm Tuất, Gia Long nguyên niên, sau khi bình xong giặc Tây Sơn, con trưởng của Hầu là Doãn Trác được sai đi theo sứ bộ để thăm hỏi tin tức. Năm Giáp Tý, Gia Long thứ 3, triều đình phương Bắc thuận cho về nước, Hầu được mang theo mái tóc trở về. Lại xin được mang ngọc quan của vua Lê và hài cốt Thái hậu, Nguyên tử đem về táng tại Thanh Hóa.

Sau khi tang lễ xong, Hầu liền về chùa xã Đại Đồng bản huyện cư ngụ. Có thơ rằng:

Phật tổ để lại dạy đệ tử

Hoàng thiên vẫn cho người cũ được sống nhàn.

Thật là hùng tráng thay!

Trong mười bảy năm, trước sau không dời đổi, nghĩa thần nhà Lê đi theo vua có bốn người thì anh em của Hầu đã chiếm hai, thành một việc xưa nay

ít thấy. Phàm những ai đọc sách Thánh hiền, đi theo đạo Thánh hiền thì phải như Hầu vậy.

Hoàng đế triều ta ngợi khen khí tiết, ban ơn nhiều năm cho hưởng nhàn lúc cuối đời để Hầu được toại nguyện.

Ngày 16 tháng Chín năm Ất Sửu, Hầu qua đời. Siêu Lĩnh hầu tuân theo di chúc, về kinh yết kiến hoàng đế rồi xin về quê an dưỡng, vui vầy với thân thuộc nhiều năm, thường dán bốn chữ "Tạ Thiên Thanh Phúc" để tỏ chí mình.

Ngày mồng 8 tháng Ba năm Tân Mùi, Gia Long thứ 10, ông chết già ở nhà.

Ôi! Cả hai Hầu đều thuộc dòng thế gia, di thần nước lớn, trong điều tiến thoái, trung hiếu không hiềm thì giữ gìn như thế nào? Ấy là vì Trường Phái hầu là anh, biết cái chí của Siêu Lĩnh hầu. Lại nữa Siêu Lĩnh hầu là em, làm sáng tỏ cái trung của Trường Phái hầu.

Hai anh em như thế, trung nghĩa kiêm toàn không những làm rạng vẻ sử đời trước mà còn cho cả đời sau, vẳng vặc bừng bừng, thật không thẹn với các vị quân tử.

Nay ghi lại để khắc lên trên đá.

Cốc nhật phục nguyệt năm Quý Dậu, hoàng triều Gia Long thứ 12, chính tiến sĩ triều Lê Chiêu Thống Nguyễn Kiên Phủ soạn.

Ngoài bài văn bia *Nam thiên trung nghĩa thực lục* cũng còn chép những câu đối [có lẽ do người đồng thời phúng viếng]:[1]

華夏春秋留姓字

泉臺面目見君親

Hoa hạ xuân thu lưu tính tự

Tuyền đài diện mục kiến quân thân.

(Sử sách Trung Hoa để lại tên tuổi

Dưới suối vàng còn mặt mũi thấy nhà vua.)

---

1. *"Lê triều tiết nghĩa lục"* (黎朝節義錄). Trần Khánh Hạo (chủ biên), *Việt Nam Hán văn tiểu thuyết tùng san*, quyển VI, sđd, tr. 116-117.

名節鳴千古
風標作十夫
Danh tiết minh thiên cổ
Phong tiêu tác thập phu
(*Danh tiết vang mãi đến nghìn năm*
Phong cách có thể bằng mười người.)

山河正氣文丞相
拘禁貞心蘇子卿
Sơn hà chính khí Văn Thừa tướng
Cẩu cấm trinh tâm Tô Tử khanh.
(*Chính khí sơn hà như Văn Thừa tướng*
Tấm lòng trinh giữ được như Tô Tử khanh.)

有誓往周鼎,寧甘屈宋轅
君親如可報,生死安足論[?]
名節俱千古,忠賢萃一門
貞砥留姓字,正氣浩如存
Hữu thệ vãng Chu đỉnh
Ninh cam khuất Tống hiên
Quân thân như khả báo
Sinh tử an túc luận
Danh tiết câu thiên cổ
Trung hiền tụy nhất môn
Trinh để lưu tính tự
Chính khí hạo như tồn
(*Đã thề giữ đỉnh nhà Chu*

Nên đành theo vua như đời Tống
Thờ vua nếu báo được
Sống chết đâu có tính đến
Danh tiết còn mãi đến nghìn năm
Một nhà có cả trung lẫn hiền
Kiên trinh giữ mãi để lại tên tuổi
Chính khí mênh mông vẫn còn đó).

*

* *

Trong khoảng mươi năm cuối của thế kỷ XVIII, tình hình Đại Việt biến chuyển đã nhiều mà chính sách của Thanh triều cũng thay đổi lớn. Từ trước đến nay, các sử gia Đại Việt chỉ quan tâm đến đời sống của vua Lê và những người đi theo nhưng quên rằng mọi sinh hoạt của họ đều liên quan đến thực tế chính trị ở bên ngoài. Ảnh hưởng đó hầu như không rõ rệt nhưng chúng ta vẫn thấy có nhân quả:

(1) Thời kỳ nhà Thanh ưu đãi triều đình Quang Trung. Trong giai đoạn đầu khi vua Càn Long đặc biệt sủng ái Nguyễn Quang Bình thì hầu như vua Lê và tòng thần bị khép vào quy luật - là dân thiên triều thì phải theo tục lệ nội địa - tương đối chặt chẽ. Biết ý vua Càn Long không muốn tạo nghi kỵ hay ngờ vực cho vua Quang Trung, những người đối nghịch bị an tháp ở xa biên giới, chia ra thành nhiều nhóm nhỏ và những ai bướng bỉnh đều bị hạ ngục. Đôi khi họ còn bị cưỡng bách nên phải phản ứng một cách quyết liệt bằng cách nhịn ăn.

(2) Thời kỳ bị lãng quên. Sau thời gian "*trăng mật*" giữa hai triều đình, nhất là từ khi vua Quang Trung qua đời, tình hình bang giao Thanh-Việt tương đối lắng đọng. Tổng kết lại những văn thư giao thiệp liên quan đến Đại Việt những năm sau đó giảm hẳn, ngoại trừ năm 1796 có một số thư từ liên quan đến việc tiễu trừ hải phỉ.

(3) Tổng kết văn kiện liên quan đến Đại Việt đời Tây Sơn trong *Thanh thực lục* theo từng năm. (Xem trang 33).

(4) Kể từ năm 1792 trở về sau, triều đình Cảnh Thịnh phải dốc sức đối phó với sự tấn công dồn dập của chúa Nguyễn từ phương

Nam, không còn thong thả để thù tạc với Thanh triều nên việc giao thiệp nặng phần nghi lễ hơn là thân thiết. Sau khi thoái vị lên làm Thái thượng hoàng (1796 - 1799), vua Càn Long càng chú trọng đến các buổi yến tiệc và tiếp đón sứ thần, vốn dĩ rất phiền toái nhưng lại là hình thức mà ông ưa thích nhất. Tuy vua Gia Khánh tại vị nhưng những việc quan trọng vẫn do Thượng hoàng quyết định dưới sự cầm trịch của Hòa Khôn đứng ở hậu trường nên vấn đề liên hệ với An Nam cũng không còn được quan tâm nhiều như trước.

(5) Ngay khi vua Càn Long vừa qua đời, vua Gia Khánh lập tức tước hết mọi chức vụ của Hòa Khôn, Phúc Trường An... và tịch biên gia sản.[1] Những tranh chấp và âm mưu sau bức tường Tử Cấm Thành đã ảnh hưởng đến vua Lê và bầy tôi một cách gián tiếp. Đặc ân cho các tòng thần nhà Lê có thể coi như một khẳng định của vua Gia Khánh không muốn tiếp tục đường lối ngoại giao cũ của Thái thượng hoàng.

Ẩn số chính trị hậu trường

Trong đường lối ứng xử với nhóm vua Lê chạy sang Trung Hoa sao cho thích hợp, vua Càn Long [với sự tiếp tay triệt để của các quan lại trung ương và địa phương] đã tiến hành song song hai vấn đề cùng một lúc:

- Hợp thức hóa việc chấm dứt yểm trợ cho nhà Lê,

- Nỗ lực giải trừ những hậu quả mà vua tôi nhà Lê có thể làm phương hại đến bang giao Thanh-Tây Sơn.

Để chấm dứt yểm trợ cho vua Lê và nhất là có chính nghĩa cho việc không động binh lần thứ hai, vua Càn Long nêu ra những lý do sau đây:

(1) Lê Duy Kỳ hèn yếu vô năng không giữ được nước, nếu có giúp thì sau này cũng mất. Tôn Sĩ Nghị đã báo cáo lên vua Càn Long rằng

---

1. Theo chính sử thì 5 ngày sau khi Thái thượng hoàng qua đời, Hòa Khôn mới bị hạ ngục nhưng theo những người thân cận, thì ngay lập tức vua Gia Khánh đã xuống tay mặc dầu chiếu chỉ viết chậm lại 5 ngày để tỏ lòng hiếu thảo với vua cha.

Lê Duy Kỳ ôm con bỏ chạy trước khi quân của Nguyễn Huệ kéo đến khiến cho dân chúng náo loạn đưa đến việc thất trận.[1]

(2) Nguyễn Quang Bình thành thực đầu thuận và thi hành những đòi hỏi mà vua Càn Long đưa ra trước và sau khi phong vương như trao trả tù binh, lập miếu thờ tướng sĩ nhà Thanh tử trận và nhất là bằng lòng đích thân sang tham dự lễ Bát Tuần Khánh Thọ năm Canh Tuất.

Về việc giải trừ những hậu quả bất lợi có thể làm hỏng kế hoạch mời vua Quang Trung sang dự lễ Bát Tuần Khánh Thọ, nhà Thanh đưa ra hai biện pháp:

(1) An tháp vua tôi nhà Lê ở xa biên giới để họ không thể mưu tính việc liên lạc và gây rối ở trong nước. Để xác định rằng họ hoàn toàn chấm dứt việc yểm trợ cho nhà Lê, vua Càn Long sai Phúc Khang An sắp xếp để phái đoàn Nguyễn Quang Hiển được gặp vua tôi Lê Duy Kỳ đã cạo đầu, thắt đuôi sam và đổi sang y phục Trung Hoa đồng thời đưa người của Tây Sơn về nước tường trình lại.

Vua Lê và tòng thần cũng không còn được ở Quảng Tây mà đưa lên kinh đô, lập thành một tá lãnh thuộc quyền Hán quân kỳ binh dưới sự giám sát của Đô thống Kim Giản. Những người không quan trọng hay ít thân cận với vua Lê thì bị đưa đi các tỉnh, mỗi nơi một ít cho dễ quản thúc.

(2) Bên cạnh việc cấm cố vua Chiêu Thống và những người chạy sang Trung Hoa, nhà Thanh cũng còn tìm cách chiêu dụ những thành phần chống Tây Sơn ở trong nước ra ngoài để tình hình trị an sớm hoàn tất, ngõ hầu Nguyễn Quang Bình yên tâm đi chúc thọ. Việc chiêu dụ đó thành công dễ dàng vì những nhân vật hoài Lê vẫn tưởng rằng nhà Thanh sẽ giúp vua Lê một lần nữa và khi sang nội địa, họ sẽ được sử dụng như một nhóm tham mưu hay hướng đạo.

---

1. Tuy nhiên, đối chiếu nhiều tài liệu khác nhau, nhất là những bản gốc còn lưu trữ, người ta có thể tìm thấy nhiều chi tiết được thêm vào, bớt đi và một số tấu triệp đã bị xóa bỏ những phần bất lợi cho vua Càn Long.

Nỗi ám ảnh của vua Càn Long

Khi đề cập đến việc vua Chiêu Thống và bầy tôi ở Trung Hoa, sử Việt Nam đương thời thường nhấn mạnh việc nhà Thanh đánh lừa họ để tự nguyện cắt tóc, thay áo.

Quả thực những gì vua tôi nhà Lê hằng tin tưởng nay không còn được tiếp tục nữa nhưng không phải chỉ là vài câu nói trí trá mà nhà Thanh đã thay đổi kế hoạch ngoại giao mà họ gọi là *"đạo lý nước lớn"*, tuy một mặt vẫn nêu cao những quy tắc luân lý chính đáng nhưng khi cần thì sẵn sàng phủi tay. Việc đơn giản hóa một chính sách để miêu tả hậu quả chứ không phải nguyên nhân đưa đến những phán xét thiếu trung thực.

Che giấu một thất bại quân sự

Vua Càn Long cố tình biến việc quốc vương An Nam đích thân đưa một phái đoàn sang chúc thọ thành một biến cố vô tiền khoáng hậu xứng đáng với những ân điển vượt bực mà ngay con ruột ông hay cận thần cũng không được hưởng. Việc vua Càn Long liên tiếp ban ơn một cách rộng rãi không khỏi đưa đến những hoài nghi về thiện chí của Thanh triều và soi rọi lại nhiều vấn đề, nhiều chính sách của Trung Hoa trong lịch sử.

Tuy nhiên, trong kho văn thư của Thanh triều, chúng ta vẫn còn tìm được một số khúc mắc - trong lý của kẻ mạnh nhưng lại yếu trên đạo nghĩa. Vua Càn Long cũng biết rằng một cuộc chiến thứ hai sẽ gây rất nhiều tốn kém và sa lầy còn đáng ngại hơn cả cuộc chiến Miến Điện nên ông tìm cách trút bỏ trách nhiệm thiên triều và hợp thức hóa việc công nhận một giòng họ mới. Công tác xóa bài làm lại đó đã được dàn dựng một cách chu đáo từ việc ngụy tạo chiến công, thủ tiêu chứng cớ đến việc tìm lý lẽ để bào chữa cho sai lầm từ trung ương.

Quan lại nhà Thanh, với khôn khéo của người biết ý cấp trên, một mặt thực hiện việc bôi xóa chứng tích, mặt khác luôn luôn nhận lỗi về phần mình đã không tuân theo thánh dụ sớm triệt binh để đến nỗi bị đánh úp.

Cứu chữa một ám ảnh tâm lý

Tuy sự rình rang này khiến Thanh triều tốn phí về vật chất nhưng dẫu sao cũng chưa vi phạm một nguyên tắc đạo đức như việc vô hiệu

hóa vua Chiêu Thống và tòng vong. Trong vai trò đại diện cho đấng tối cao để chăn dắt thiên hạ, vua nhà Thanh phải tuân thủ một nguyên tắc vô hình: đó là mối giềng Khổng Mạnh, vốn dĩ là xương sống của văn minh Trung Hoa. Thiên tử có thể quan sát những vấn đề hàng ngày xảy ra quanh mình để nhận biết mình đang đúng hay sai, tốt hay xấu.

Một biến cố có thể đã khiến vua Càn Long dao động là cái chết tương đối đột ngột của hoàng tử thứ sáu Chất Thân vương Vĩnh Dong (永瑢) đầu tháng Năm năm Canh Tuất, Càn Long thứ 55 (1790). Chất Thân vương vốn rất được vua Càn Long thương mến, vừa có tuổi lại điềm đạm chín chắn. Ông đã được cử làm Tổng tài biên soạn *Tứ khố toàn thư*, lại được chỉ định để tổ chức đại lễ Thất Tuần Khánh Thọ rồi Bát Tuần Khánh Thọ là vai trò mà nhiều người cho rằng chuẩn bị để lên nối ngôi thay ông khi nhà vua thoái vị.[1]

Vĩnh Dong qua đời trong khi ngày đại lễ vinh quang tột đỉnh gần kề - lại đúng lúc phái đoàn Quang Trung đang có mặt tại Quảng Châu - khiến cho vua Càn Long nghĩ rằng mình đã làm một tội gì rất lớn đưa đến sự trừng phạt như một cảnh cáo của trời đất. Phải chăng, một mặt vua Càn Long nêu cao đạo lý cương thường nhưng hành động thì hoàn toàn ngược lại, đã không *"phù nguy"* mà lại ép những người An Nam phải bất trung, bất hiếu?

Tóm lại, tuy chỉ giương một cái càng nhỏ lên chống lại cỗ xe, bốn người bọn Lê Quýnh đã hiên ngang bảo vệ một truyền thống sáng ngời, là tấm chắn vô hình giúp cho họ được toàn mạng trong một xã hội mà hoàng đế có quyền tối thượng. Trong bối cảnh chung, việc vua Càn Long gặp nhóm Lê Quýnh ở hành tại trên đường đông tuần, sau đó lại dặn dò đừng để cho họ nhịn ăn mà chết để thiên triều khỏi

---

1. Về việc chỉ định người kế vị, theo truyền thống hoàng đế tại vị giữ bí mật và để di chiếu trong một hộp kín nên có nhiều giả thuyết và vua Càn Long đã thay đổi nhiều lần vì nhiều hoàng tử chết sớm. Xem thêm Harold. L. Kahn, "Secret Succession and the Control of Cliques", *Monarchy in the Emperor's Eyes: Image and Reality in the Ch'ien-lung Reign*, Harvard University Press, 1971, tr. 231-247.

mang tiếng là *"vì Nguyễn Quang Bình mà bức tử cựu thần họ Lê"* thể hiện sự áy náy của ông về đạo lý mà bốn người Việt nêu cao.

Dù Lê Quýnh và đồng chí của ông rất ngang bướng, nhà Thanh cũng chỉ đi đến trừng phạt sau cùng là cái án *"bất tuân"* [không tuân lệnh trên] để giam họ vô thời hạn chứ không thể đày họ đi xa hay xử tử họ như một tội nhân bình thường khác. Chính vì thế, những cao triều và thoái triều trong toàn bộ bang giao Thanh-Việt cuối thế kỷ XVIII cần được quan tâm rộng rãi hơn.

Thời thay ngôi, đổi chủ nào cũng có một số người biết khai thác hoàn cảnh để lựa gió xoay chiều nhưng cũng nhiều người thà chết cũng không luồn cúi. Bên cạnh đó, cũng có kẻ lợi dụng ưu thế của mình để chèn ép, lắm khi vu cáo những người trước đây có thù oán riêng tư. Những người được coi là công thần của triều đại này lại bị coi là đại nghịch của triều đại khác, việc đó cũng là lẽ thường. Riêng với Lê Quýnh, thái độ chính trị của ông đúng hay sai còn tùy vào nhận định và quan điểm của từng người. Tuy nhiên, dù ở phía nào, đã là người Việt Nam, chúng ta không thể không cảm phục ông về sự bất khuất nhất định không chịu cắt tóc, đổi áo theo người Thanh để phải chịu không biết bao nhiêu đày đọa trong 15 năm lưu lạc. Tấm lòng son sắt đó không phải chỉ đối với một họ Lê nhưng đối với cả dân tộc, cả giống nòi mà thời đại nào cũng không mấy người theo kịp.

Tiểu sử của Lê Quýnh không đóng góp nhiều vào những biến động lịch sử. Tuy trong một số giai đoạn, ông có tham gia vào tình hình chính trị của Bắc Hà nhưng trên thực tế chỉ mang tính chứng nhân. Mà không phải chỉ riêng ông, cả triều đình nhà Lê cũng cùng chung một cảnh ngộ. Từ vua chí quan họ chỉ là những người được đưa ra để làm bề ngoài cho những mưu tính bên trong. Cho nên, họ không được tham dự và cũng không chịu trách nhiệm về thành hay bại.

Thế nhưng, dù hoàn cảnh khắc nghiệt, nhiều người trong số đó vẫn dám ngẩng cao đầu để giữ cho mình một tư thế không dời đổi. Tuy chỉ vài mươi gia đình sống hiu quạnh trong một con hẻm ở ngoại ô Bắc Kinh, nhóm người nhỏ bé đó vẫn giữ được vua ra vua, tôi ra tôi,

yêu thương đùm bọc nhau khi sống cũng như khi chết, há chẳng phải là một tấm gương sáng cho chúng ta hay sao?

Chính vì sự nổi bật đó, trong ngôi từ đường thờ những thần tử tiết nghĩa cuối đời Lê xây năm Tự Đức thứ 10 (1857), linh vị của Lê Quýnh được đặt ngay chính giữa với hàng chữ:

故黎節義，同平章事長派侯，謚忠毅，黎囧之位

Cố Lê tiết nghĩa, Đồng bình chương sự Trường Phái hầu, thụy Trung Nghị, Lê Quýnh chi vị.

Lê Quýnh cũng là người duy nhất được ban tên riêng với chữ Trung là thụy danh cao quý nhất.

Trong *Việt sử tổng vịnh*, vua Dực Tôn [Tự Đức] khen ngợi Lê Quýnh như sau:

聞嚴將軍頭，與嵇侍中血。
又張睢陽齒，及顏常山舌。
炎方豈無人，有長派侯髮。
始云大義伸，終是陰謀設。
徒然嘆忠臣，畢竟私僞孽。
不特忘忠義，雍辦遺體闕。
能全忠孝歸，大邦足愧殺。

Dịch âm:

Văn Nghiêm tướng quân đầu,
Dữ Kê thị trung huyết.
Hựu Trương Tuy Dương xỉ,
Cập Nhan Thường Sơn thiệt.
Viêm phương khởi vô nhân,
Hữu Trường Phái hầu phát.
Thủy vân đại nghĩa thân,

Chung thị âm mưu thiết.
Đồ nhiên thán trung thần,
Tất cánh tư ngụy nghiệt.
Bất đặc vong trung nghĩa,
Thế biện di thể khuyết.
Năng toàn trung hiếu quy,
Đại bang quý túc sát.

Dịch nghĩa:

Nghe đầu Nghiêm tướng quân[1]
Cùng máu Kê thị trung[2]
Lại răng Trương Tuy Dương[3]
Cùng lưỡi Nhan Thường Sơn[4]
Phương Nam đâu phải không có người
Cũng có tóc Trường Phái hầu
Mới đầu là để vươn đại nghĩa
Nhưng cũng bởi do âm mưu cả
Than ôi kẻ trung thần
Đều do tội của ngụy

---

1. Trương Phi đánh Ba Thục, bắt được Nghiêm Nhan. Nhan không chịu đầu hàng, nói rằng: ở xứ Thục có anh tướng quân đứt đầu chứ không có tướng quân đầu hàng.

2. Vua Hoài Đế nhà Tấn bị giặc đuổi, quan Thị trung Kế Thiệu đưa mình che tên cho vua, bị bắn chết, rảy máu lên áo vua.

3. Đời nhà Đường, An Lộc Sơn làm phản, Trương Tuần khởi quân đánh giặc, nhưng thua trận và bị bắt. Trương Tuần mắng giặc luôn miệng, bị giặc bẻ hết hai cái răng.

4. Nhan Kiều Khanh bị giặc bắt, bị giặc cắt đứt lưỡi, nhưng vẫn cứ chửi mãi không thôi.

Không quên điều trung nghĩa

Chẳng cắt tóc khuyết thân thể

Về nước toàn trung hiếu

Đại bang sợ nên không giết được.

Ở một nghĩa rộng hơn, chúng ta cũng có thể coi thái độ bất khuất của Lê Quýnh như một biểu trưng của chính dân tộc Việt trong giao thiệp với người láng giềng phương Bắc. Nhà Thanh khi nhân danh một đại quốc nêu cao tính chính thống để can thiệp vào các nước nhỏ ở xung quanh, lại bị vướng ngay vào những điều họ hằng rao giảng.

Nếu không có 4 người *"An Nam nghĩa sĩ"* đó, trang sử của nhà Thanh can thiệp vào Đại Việt có thể khép lại ngay sau khi nhóm vua Lê được ***"an tháp"*** ở Bắc Kinh. Tuy nhiên, thái độ của Lê Quýnh đã nhen nhúm một tia lửa hy vọng và dù không thành công trong vận động để xin một mảnh đất dung thân, cuối cùng di hài vua Lê và 17 người khác cũng được mang về để khỏi thành những oan hồn uổng tử lang thang nơi xứ lạ. Dù sa cơ, dù thất thế, mãi mãi họ vẫn còn là người Việt Nam.

BẢNG NIÊN BIỂU, SỰ KIỆN, NHÂN VẬT LỊCH SỬ THỜI LÊ MẠT

BẢNG ĐỐI CHIẾU SỰ KIỆN VỀ LÊ DUY KỲ

SỬ SÁCH	SỰ THẬT
Vua quan nhà Lê khi bị thua tại Thăng Long bèn chạy sang Trung Hoa cầu cứu.	Hoàng tộc nhà Lê bị truy đuổi vượt sông chạy qua Trung Hoa, lạc trong rừng nhiều ngày trước khi gặp quan quân nhà Thanh đi tuần (*Bắc hành tùng ký* và *Tiêu Tương tuẫn tiết hành*).
Thái hậu mẹ Lê Duy Kỳ gào khóc xin cứu viện ở dinh Tổng đốc tại Nam Ninh.	Đoàn người chạy để khỏi bị truy sát và khi thoát chết rồi cũng chỉ mong sao được can thiệp để có một vùng đất tự trị giống như trường hợp nhà Mạc ở Cao Bằng (theo lá thư của Nguyễn Huy Túc còn lưu trong văn khố nhà Thanh).
Nhà Thanh đem quân sang Đại Việt là do vua Lê cầu cứu.	Lê Duy Kỳ hoàn toàn không biết gì về việc Tôn Sĩ Nghị chuẩn bị đem quân sang Đại Việt, cho đến khi nhà Thanh muốn "chính nghĩa hóa" việc họ động binh nên cử người về liên lạc và thông báo. Nhận được tin bất ngờ này, Lê Duy Kỳ mới sai Lê Duy Đản và Trần Danh Án *"nón mê áo rách"* sang Trung Hoa với chủ đích xác nhận là mình còn sống (*Khâm định An Nam kỷ lược*).

Vua Lê cùng quần thần ra đón quân Thanh ở Kinh Bắc, mang trâu bò, rượu, thức ăn để khao quân (*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển XLVII, tr. 34-35).	Hoàn toàn không ai biết tin tức vua Lê ở đâu cho tới khi quân Thanh đã chiếm lại Thăng Long. Trước đó, Tôn Sĩ Nghị có sai Lê Quýnh đi kiếm nhưng chưa quay trở lại nên không biết Lê Duy Kỳ còn sống hay đã chết (*Khâm định An Nam kỷ lược*).
Vua Lê mời quân giặc vào đóng trong thành Thăng Long nhưng Tôn Sĩ Nghị không đồng ý, đem quân ra đóng ở ngoài bờ sông (*Hoàng Lê nhất thống chí*, tr. 359-360).	Vua Lê cùng Lê Quýnh về đến nơi khi Tôn Sĩ Nghị đã yên ổn đâu vào đấy và vào gặp họ Tôn giữa đêm khuya ở doanh trại họ Tôn tại bờ sông (*Khâm định An Nam kỷ lược*). Ngay sáng hôm sau, Tôn Sĩ Nghị lập tức phong vương cho Lê Duy Kỳ để kịp thời tâu về vua Càn Long là công tác tái lập vương triều cho nhà Lê đã hoàn tất (*Khâm định An Nam kỷ lược, Cao Tông thực lục*).
Thầy trò Lê Duy Kỳ/Lê Quýnh ngày ngày cưỡi ngựa sang dinh Tôn Sĩ Nghị để *"xin chỉ thị"*.	Lê Quýnh sốt rét phải về quê là làng Đại Mão (Kinh Bắc) chữa bệnh và đến khi bị tù tại Yên Kinh mới có dịp diện kiến vua Lê.
Thái hậu [mẹ Lê Duy Kỳ] là một người đàn bà xảo trá hay can thiệp vào việc triều chính, chủ động trong việc cầu cứu quân Thanh lẫn việc xúi bẩy việc tiến quân (*Hoàng Lê nhất thống chí*).	Chỉ sau khi Lê Duy Kỳ xuất hiện, Tôn Sĩ Nghị mới sai người sang Long Châu đón thân quyến nhà Lê và Nguyễn Thái hậu về. Hai mẹ con gặp lại lần đầu vào đêm 30 Tết ở bờ sông [đến mồng 5 thì lại chạy lên Lạng Sơn để qua Trung Hoa] (*Khâm định An Nam kỷ lược*).

Lê Duy Kỳ mượn thế quân Thanh đền ơn trả oán, trong đó có việc chặt chân ba hoàng thúc, mổ bụng đàn bà có mang... khi trở về Thăng Long (*Hoàng Lê nhất thống chí* và *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*).	Vụ án ba hoàng thúc chưa biết rõ nguyên nhân nhưng đã xảy ra từ trước khi quân Thanh sang Đại Việt [rất có thể liên quan đến việc tranh đoạt ngai vàng giữa các con vua Hiển Tông và cháu nội] (lá thư của các di mục An Nam và Lê Duy Cẩn xin nhà Thanh bãi binh).
Lê Duy Kỳ dẫn mẹ chạy làm náo loạn lòng quân gây ra việc quân Thanh đại bại (sử Trung Hoa).	Tôn Sĩ Nghị bỏ mặc các tướng, chạy qua sông Phú Lương, chặt cầu phao khiến quân Thanh bị tàn sát (lá thư tự thú của Tôn Sĩ Nghị tâu lên vua Càn Long do Trang Cát Phát tìm thấy trong văn khố không chép trong *Khâm định An Nam kỷ lược*).
Lê Duy Kỳ chạy theo Tôn Sĩ Nghị qua ải Nam Quan sang Trung Hoa (*Hoàng Lê nhất thống chí*).	Tôn Sĩ Nghị cùng một số cận vệ chạy đường riêng, Lê Duy Kỳ và tông thất nhà Lê chạy một đường khác. Hai mẹ con qua được cửa ải vào hai ngày khác nhau. Chỉ có Hoàng phi không chạy được nên lẩn trốn về quê ở làng Tỳ Bà (*Khâm định An Nam kỷ lược* và *Bắc hành tùng ký*).
Lê Duy Kỳ và tòng vong bị đánh lừa, gióc tóc, thay áo (*Hoàng Lê nhất thống chí*).	Lê Duy Kỳ và đồng bọn bị bắt buộc phải đổi theo y phục của họ [theo luật nhà Thanh ai muốn ở lại Trung Hoa đều phải gióc tóc và mặc quần áo theo kiểu người Mãn] rồi áp tống về Bắc Kinh, sau đó chia ra mỗi người một nơi sáp nhập vào Hán quân của nhà Thanh. Những người không chịu hàng phục đều bị bắt giam (*Khâm định An Nam kỷ lược*).

Lê Duy Kỳ bỏ mất ấn tín của nhà Thanh ban cho (*Hoàng Lê nhất thống chí*).	Ấn *An Nam Quốc vương* của Lê Duy Kỳ giao lại cho Nguyễn Thị Kim/Lê Quýnh giữ nhưng không giao lại cho nhà Thanh, chỉ đưa ra một số giấy có đóng dấu trống để chứng minh là vẫn còn trong tay họ Lê. Vì thế, nhà Thanh không thể truy tố Lê Duy Kỳ về tội làm mất con dấu An Nam Quốc vương là một đại tội. (*Khâm định An Nam kỷ lược*).

NIÊN BIỂU VUA LÊ CHIÊU THỐNG

ÂM LỊCH	LÊ TRIỀU	TÂY SƠN	THÁNG	DƯƠNG LỊCH	TUỔI	GHI CHÚ
Bính Tuất	CH 27[1]			1766		Xuất sinh.
Đinh Hợi	CH 28			1767	1	Trịnh Doanh mất, Trịnh Sâm nối nghiệp.
					2	
Kỷ Sửu	CH 30			1769	3	Thái tử Duy Vĩ bị giam vào ngục.
Canh Dần	CH 31			1770	4	
Tân Mão	CH 32			1771	5	Thái tử Duy Vĩ bị giết. Ba anh em Duy Khiêm (Kỳ), Duy Trù, Duy Chi bị giam.
Nhâm Thìn	CH 33			1772	6	
Quý Tỵ	CH 34			1773	7	
Giáp Ngọ	CH 35			1774	8	
Ất Mùi	CH 36			1775	9	
Bính Thân	CH 37			1776	10	
Đinh Dậu	CH 38			1777	11	
Mậu Tuất	CH 39			1778	12	

1. Chú thích:

CH: Niên hiệu Cảnh Hưng triều Lê Hiển Tông (1740-1786).

CT: Niên hiệu Chiêu Thống triều Lê Mẫn Đế (1786-1789).

QT: Niên hiệu Quang Trung triều Tây Sơn (1788-1792).

CTh: Niên hiệu Cảnh Thịnh triều Tây Sơn (1792-1801).

Kỷ Hợi	CH 40			1779	13	
Canh Tý	CH 41			1780	14	
Tân Sửu	CH 42			1781	15	
Nhâm Dần	CH 43			1782	16	Trịnh Sâm mất. Quân Tam Phủ nổi loạn lập Trịnh Khải làm chúa.
Quý Mão	CH 44			1783	17	Anh em Lê Duy Kỳ được thả ra khỏi ngục. Lê Duy Kỳ lên làm Hoàng thái tôn.
Giáp Thìn	CH 45			1784	18	
Ất Tỵ	CH 46			1785	19	
Bính Ngọ	CH 47		Năm [1] 26-Sáu 26-Sáu 27-Sáu 11-Bảy 17-Bảy Bảy	1786	20	Nguyễn Huệ lấy Phú Xuân, Quận Tạo Phạm Ngô Cầu bị giết. Chúa Trịnh Khải chạy lên Sơn Tây. Nguyễn Huệ vào Thăng Long. Chúa Trịnh tự vẫn. Nguyễn Huệ lấy Công chúa Ngọc Hân. Vua Hiển Tông mất. Lê Duy Kỳ lên ngôi, niên hiệu Chiêu Thống.
Đinh Mùi	CT 1		Chạp Chạp	1787 1787 1787	21	Vũ Văn Nhậm ra Bắc, giết Nguyễn Hữu Chỉnh. Lê Duy Kỳ chạy lên Kinh Bắc. Gia quyến nhà Lê hơn 200 người do Hoàng Ích Hiếu, Phạm Đình Quyền bảo hộ chạy lên Lạng Sơn.
Mậu Thân	CT 2	QT 1		1788	22	Nguyễn Huệ giết Vũ Văn Nhậm. Lê Duy Kỳ lưu lạc từ Kinh Bắc sang Hải Dương, Thanh Hoa (*Nghệ An ký*, tr. 337).
			4-Năm	1788		Gia quyến nhà Lê chạy được tới Bác Niệm, biên giới Quảng Tây.
						Quân Tây Sơn truy kích.
						Lê quyến chạy được tới bờ sông bên kia là ải Đầu Áo, Thủy Khẩu quan.
				1788		Quân Thanh sang Đại Việt.

1. Trong sách này, tháng Âm lịch, chúng tôi dùng Giêng, Hai, Ba, Tư, Năm ...Một, Chạp. Nếu tháng Dương lịch, chúng tôi dùng 1, 2, 3, ...11, 12.

			4-Tám	1788		Tôn Sĩ Nghị sai Lê Quýnh về nước kiếm vua Lê để báo tin.
			8-Chín	1788		Lê Quýnh gặp Lê Duy Kỳ ở Hải Dương.
			15-Chín	1788		Lê Duy Kỳ sai Lê Quýnh cùng Lê Duy Đản và Trần Danh Án sang Trung Hoa tạ ơn và báo tin.
						Lê Duy Kỳ và Lê Quýnh ra gặp Tôn Sĩ Nghị.
		QT 1				Lê Duy Kỳ được phong An Nam Quốc vương.
Kỷ Dậu	CT 3	QT 2		1789	23	Chạy sang Trung Hoa.
			Năm N			Phúc Khang An bắt Lê Duy Kỳ cắt tóc đổi y phục [*Khâm định An Nam kỷ lược*, tr. 21].
			18-Năm N			Gặp Nguyễn Quang Hiển.
Canh Tuất		QT 3		1790	24	
			2-Hai	1790		Bị giải lên Yên Kinh.
			Ba			Lê Quýnh đến Yên Kinh bị tra hỏi ở bộ Hình.
			23-Ba			Lê Quýnh đến ngục ở bộ Hình.
			5-Năm	1790		Vua Lê đến kinh đô.
			Ba			Gửi 10 lạng bạc, 2 cân trà và 3 bài thơ cho bọn Lê Quýnh (có họa lại).
			Tư			Gửi 1 bài thơ cho Lê Quýnh (có họa lại).
Tân Hợi		QT 4	Sáu	1791	25	Quân Tây Sơn đánh Bảo Lạc bắt được Lê Duy Chỉ đem giết đi.
Nhâm Tý		QT 5		1792	26	Con trai Lê Duy Thuyên chết vì bệnh đậu.
		QT 5				Vua Quang Trung mất (9-Nhâm Tý).
Quý Sửu		CTh 1		1793	27	Vua Chiêu Thống mất (16-10-Quý Sửu).
Giáp Dần		CTh 2		1794		
Ất Mão		CTh 3		1795		
Bính Thìn		CTh 4		1796		
Đinh Tỵ		CTh 5		1797		
Mậu Ngọ		CTh 6		1798		
Kỷ Mùi		CTh 7		1799		Thái hậu mất ở Tây Doanh (Trung Hoa).

				1799		Lê Quýnh và đồng bọn được thả.
Canh Thân				1800		
Tân Dậu				1801		
Nhâm Tuất				1802		Tòng thần nhà Lê xin về nước.
Nhâm Tuất			Chín	1802		Lê Duy Hoán, con Lê Duy Chi được phong làm Diên Tự công, trông coi việc thừa tự nhà Lê.
Giáp Tý			Một	1804		Đưa linh cữu vua Lê về táng ở Bàn Thạch.
Giáp Thân				1884		Vua Tự Đức đặt tên thụy là Mẫn Hoàng đế [Mẫn Đế].

LÊ THẦN TÔNG VONG NHÂN VẬT CHÍ

HỌ TÊN		QUÊ QUÁN	CHỨC VỤ LÊ TRIỀU	CHỨC VỤ THANH TRIỀU	NGUỒN TÀI LIỆU	PHỤ CHÚ
Bế Nguyễn Cung	閉阮恭				*Lê quý dật sử*, tr. 89	Đi đường Cao Bằng sang Trung Hoa.
Bế Nguyễn Doãn (Cửu, Môn…)	閉阮允				*Lê quý dật sử*, tr. 89	Đi đường Cao Bằng sang Trung Hoa. Tên này có lẽ là tên Nôm nên mỗi sách chép một khác.
Cao Quốc Liên	高國連					
Cao Xuân Vượng	高春旺					
Đàm Thận Xưởng	潭慎廠	Hương Mặc, Đông Ngàn			*Nam thiên trung nghĩa thực lục*	Chạy sang Thanh theo vua Lê tuy chưa từng làm quan
Đặng Kinh Huân	鄧金薰					
Danh Khoan Triều	名寬朝					
Đinh Lệnh Dận	丁令胤	Hàm Giang, Cẩm Giàng, Hải Dương			*Lê quý dật sử*, tr. 89. *Lê quý kỷ sự*, tr. 82	Em Đinh Nhạ Hành, đi đường Long Môn sang Trung Hoa.
Đinh Lệnh Ấn						Gia quyến Đinh Nhạ Hành
Đinh Võ Đường						Gia quyến Đinh Nhạ Hành
Đinh Võ Điều						Gia quyến Đinh Nhạ Hành
Đinh Võ Đô				Mã giáp		

Đinh Nhạ Hành	丁迓衡	*Hàm Giang, Hải Dương*	Cai quản Thị Trung hiệu	Kiêu kỵ hiệu, Lãnh thôi	*Lê quý dật sử*, Lê quý kỷ sự, *Nam thiên trung nghĩa thực lục*	Em họ Đinh Tích Nhưỡng, đi đường Long Môn sang Trung Hoa.
Đỗ Văn Thành	杜文城					
Giang Danh Quan	江名冠					
Hoàng Ích Hiếu	黃益曉	Phong Nẫm, Thượng Lang [Cao Bằng]	Địch quận công		*An Nam kỷ lược*, *Nam thiên trung nghĩa thực lục*	Phiên mục Cao Bằng bị phát vãng đi Y Lê.
Hoàng Văn Đề	黃文提					
Hoàng Văn Diễn	黃文衍					
Hoàng Văn Hoàng	黃文潢					
Hoàng Vinh An	黃榮安					
Lê Đình Định	黎廷定					Con Lê Trọng Vĩ.
Lê Doãn		Đồng Trạch, Quỳnh Côi				
Lê Doãn Toàn	黎允全					Con Lê Quýnh, còn tên là Thuyên.
Lê Doãn Trị	黎允值	Đại Mão, Siêu Loại	Siêu lành hầu		*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, *Nam Thiên trung nghĩa thực lục*	Em họ Lê Quýnh.
Lê Doãn Tuấn	黎允俊					
Lê Duy An	黎維按		Trung quận công	Tá lãnh	*Lê quý dật sử*, *An Nam kỷ lược*	Hoàng thúc, chú vua Chiêu Thống theo đường Du Quan sau được thừa tập chức tá lãnh khi vua Chiêu Thống qua đời

Lê Duy Đản	黎輝東	Hương La, Bắc Ninh	Hương Phái bá			Hàn lâm Thị độc. Tiến sĩ khoa Ất Mùi [1775].
Lê Duy Doanh	黎維贏				*An Nam kỷ lược*	Thân tộc nhà Lê
Lê Duy Phó	黎維溥			Lãnh thổi	*Gia Khánh triều, Thượng dụ đáng*	
Lê Duy Thuyên	黎維詮				*An Nam kỷ lược*	Con vua Chiêu Thống, chết ở Bắc Kinh
Lê Duy Trợ	黎維助				*An Nam kỷ lược*	Thân tộc nhà Lê
Lê Hân	黎昕	Nộn Liễu, Nghệ An		Mã giáp	*An Nam kỷ lược, Nam thiên trung nghĩa thực lục*	Bị an tháp ở Phụng Thiên.
Lê Hạo	黎灝	An Ấp, Hương Sơn	Quản hậu kinh cơ		*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*	Theo đường Nam Quan sang Trung Hoa.
Lê Nguyên		Đồng Trạch	Xuất nạp [can gián]		*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*	Theo đường Nam Quan sang Trung Hoa.
Lê Quang Duệ	黎光睿			Mã giáp	*Đông Hoa tục lục*, 1629	Bị an tháp ở Nhiệt Hà.
Lê Quý Thích	黎貴適	Động Bàng, Yên Định			*An Nam kỷ lược, Khâm định Việt sử thông giám cương mục*	Bị đày vì cắt huyết ăn thề trong nhóm vua Lê ở Bắc Kinh
Lê Quỳnh	黎炯	Đại Mão, Bắc Ninh	Trường Phái hầu	Mã giáp	*Bắc hành tùng ký*	
Lê Thức	黎式	Đáp Cầu, Hoằng Hóa			*Nam thiên trung nghĩa thực lục*	Chạy sang Thanh theo vua Lê
Lê Trọng Vĩ	黎仲偉					
Lê Tùng	黎松	Tây Tựu, Từ Liêm			*Nam thiên trung nghĩa thực lục*	Chạy sang Thanh theo vua Lê

Lê Văn Trương		*Nghĩa Động, Nam Đường*			*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*	Coi tượng binh.
Lương Đình Hiệu	梁廷校			An tháp Tô Châu	*Thanh thực lục*, 1364, tr. 308	Xin về.
Lý Bình Đạo	李秉道	Thuỵ Lôi, Thăng Long	Hương cống	Mã giáp	*Nam thiên trung nghĩa thực lục*	
Lý Gia Du	李嘉猷	Thụy Lôi, Kim Bảng				
Lý Thừa Nghiệp	李承鄴					
Ngô Thư	吳舒				*Bắc hành tùng ký*	Vào thăm Lê Quỳnh.
Nguyễn Đình Cẩm	阮廷錦					
Nguyễn Đình Dung	阮廷容					
Nguyễn Đình Giản	阮廷簡	Vĩnh Trị, Hoằng Hoá, Thanh Hoá.	Bút Phong Hầu		*Nam thiên trung nghĩa thực lục*	Tiến sĩ khoa Ất Sửu (1745) đời Cảnh Hưng
Nguyễn Đình Hoa	阮廷花					
Nguyễn Đình Liễn	阮廷璉					
Nguyễn Đình Luyện	阮廷練					
Nguyễn Đình Mai	阮廷枚					
Nguyễn Đình Miên		Hương Canh, Từ Liêm			*Nam thiên trung nghĩa thực lục*	Bị đày vì cắt huyết ăn thề trong nhóm vua Lê ở Bắc Kinh
Nguyễn Đình Viện	阮廷院	Mỹ Dụ, Nghệ An			*Nam thiên trung nghĩa thực lục*	Chống Tây Sơn, bị giết
Nguyễn Doãn Tuấn	阮允俊					
Nguyễn Hiền	阮賢		Sinh viên			

Nguyễn Hùng Trung	阮雄忠	Bình An, Thư Trì			*Nam thiên trung nghĩa thực lục*	Chạy sang Thanh theo vua Lê
Nguyễn Huy Giáp	阮輝珅			An tháp Tứ Xuyên	*Thanh thực lục*, (tài liệu 1364), tr. 304	Xin lên Bắc Kinh với Lê Duy Kỳ.
Nguyễn Huy Trạc	阮輝濯					Tự tử không chịu suy tôn Nguyễn Huệ.
Nguyễn Huy Túc	阮輝瑣					
Nguyễn Ngọc Chẩn	阮玉振					Con Nguyễn Đình Viện.
Nguyễn Nghiêm	阮嚴			Mã giáp		
Nguyễn Ngọc Liễn	阮玉璉					Con Nguyễn Đình Viện.
Nguyễn Ngọc Triệu	阮玉肇					Con Nguyễn Đình Viện.
Nguyễn Phú Tân	阮富璡					
Nguyễn Quốc Đống	阮國棟	Tỳ Bà, Lang Tài	Phượng Thái hầu		*Gia Khánh triều, Thượng dụ đáng 9-128*	Anh của Hoàng phi Nguyễn Thị Kim (*Việt sử cương mục tiết yếu*, tr. 622) bị phát vãng đi Trương Gia Khẩu.
Nguyễn Thế Đăng	阮世登				*Gia Khánh triều, Thượng dụ đáng 9-128*	Bị phát vãng đi Hắc Long Giang.
Nguyễn Thị Kim [Ngọc Thụy]	阮氏金	Tỳ Bà, Lang Tài	Hoàng phi		*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tr. 859	Vợ vua Chiêu Thống, không kịp chạy sang Trung Hoa với chồng.
Nguyễn Thị Ngọc Tố		Tỳ Bà, Lang Tài (Bắc Ninh)	Thái hậu			Mẹ vua Chiêu Thống.
Nguyễn Trọng Du	阮仲瑜	Hậu Tải, Nam Định			*Nam thiên trung nghĩa thực lục*	Chạy sang Thanh theo vua Lê
Nguyễn Văn Kính	阮文敬					
Nguyễn Văn Quyên	阮文涓	Bố Vệ, Đông Sơn				Mã đồng, bị người Thanh đánh chết.

Nguyễn Văn Xuyên	阮文川					
Nguyễn Viết Triệu	阮曰肇	Thanh Thủy, Nam Đường			*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*	Chết khi nghe tin vua Chiêu Thống mất.
Nguyễn Xuân Hải	阮春海			Nội giám	*Gia Khánh triều, Thượng dụ đáng 9-128*	3 người trong gia đình vua Lê.
Phạm Đình [Trần] Thiện		Bác Trạch, Chân Định		Lãnh thôi		Con Viêm quận công Phạm Đình Sĩ.
Phạm Như Tùng	范如松	An Lão, Thư Trì	Đề lĩnh		*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tr. 858; *An Nam kỷ lược*	Bị phát vãng ở Hắc Long Giang.
Phạm Viết Canh	范曰賡				*Bắc hành tùng ký*	Vào thăm Lê Quýnh.
Phan Khải Đức	潘啟德	Nghệ An		Kiêu kỵ hiệu úy	*Lê quý dật sử*, tr. 99; *An Nam kỷ lược*, *Nam thiên trung nghĩa thực lục*	Theo đường Nam Quan sang Trung Hoa.
Thiều Tôn Hợp	韶尊洽					Con rể Nguyễn Đình Viện.
Trần Chính Trung	陳正忠					
Trần Đắc Bồi	陳得培					*Bắc hành tùng ký* viết là Trịnh Đức Bồi.
Trần Dần	陳寅					Con nuôi em Nguyễn Đình Viện.
Trần Danh (Phương) Bính	陳名禺	Ngọc Đình, Nghệ An			*Nam thiên trung nghĩa thực lục*	Không sang Trung Hoa.
Trần Danh Án	陳名案	Bảo Triện, Bắc Ninh	Phó đô ngự sử, Định Nhạc bá		*Nam thiên trung nghĩa thực lục*	Hàn lâm Hiệu lý. Không sang Trung Hoa.
Trần Đình	陳珽	Chí Linh, Hải Dương				
Trần Hạc	陳鶴					Chống Tây Sơn bị giết

Trần Huy Lâm	陳煇林	Nam Trực, Nam Chân	Nội hàm			Theo đường Nam Quan sang Trung Hoa.
Trần Lang	陳琅					Em Trần Đình.
Trần Quang Châu	陳光珠	Thuận An, Bắc Ninh	Điện tiền đô chỉ huy sứ			Nổi lên chống Tây Sơn, bị bắt giết
Trần Trừng	陳澄					Cháu Trần Đình.
Trịnh Đức Bồi	鄭德培				*Bắc hành tùng ký*	Vào thăm Lê Quýnh.
Trịnh Hiến	鄭憲	Sóc Sơn, Vĩnh Lộc, Thanh Hoá	Ái Sơn hầu		*Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Nam thiên trung nghĩa thực lục*	Nhóm 4 người Lê Quýnh.
Võ Trọng Dật	武仲逸					Cháu rể Nguyễn Đình Viện.
Vũ Trinh	武楨	Lang Tài, Bắc Ninh	Lan Trì bá		*Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*, tập II, tr. 149	
Vũ Xuân Bình	武春昺					

NIÊN BIỂU VỀ LÊ QUÝNH

NĂM	DL	SỰ KIỆN	GHI CHÚ
Canh Ngọ	1750	Sinh ra ở làng Đại Mão, huyện Siêu Loại, phủ Thuận An, Giang Bắc.	
	1770	Được tập ấm làm Hiển cung đại phu.	
	1774	Cha mất, trở về quê nuôi mẹ.	
Bính Ngọ	1786	Tây Sơn ra Bắc, Lê Quýnh đem 300 binh đinh vào bảo vệ triều đình, được phong tước bá.	
Đinh Mùi	1787	Cùng với Đinh Nhạ Hành chống Tây Sơn ở Sơn Nam.	
		Tập hợp binh lực ở Văn Phong, được thăng lên Trường Phái hầu.	
		Được vua Lê sai lên Thái Nguyên hợp với Nguyễn Huy Túc, Nguyễn Quốc Đống hộ vệ hoàng gia.	
Mậu Thân	1788		Vua Lê bôn tẩu Giang Bắc, Hạp Sơn, Vị Hoàng.
		Tháng Tư: Lê Quýnh đưa gia quyến vua Lê chạy sang Mục Mã, Cao Bình.	
		Tháng Năm: Nhóm Lê Quýnh bị quân Tây Sơn đuổi đánh phải chạy đến Thủy Khẩu, Phất Mê rồi sang Trung Hoa còn được 62 người.	
		Tháng Sáu: Quan nhà Thanh cho an tháp ở Nam Ninh và tâu lên vua Càn Long để xin động binh chinh tiểu An Nam.	
		Tháng Tám: Theo đường thủy Quảng Đông về nước tìm gặp vua Chiêu Thống ở Tứ Kỳ (Hải Dương).	Một nhóm khác do Nguyễn Đình Mai theo đường Vân Nam về nước.
		Tháng Chín: Đi cùng phái đoàn Lê Duy Đản, Trần Danh Án mang quốc thư sang Quảng Tây cầu viện.	

		Tháng Mười: Đi theo đoàn quân Tôn Sĩ Nghị về nước. Được sai đi tìm vua Chiêu Thống đưa về Thăng Long.	Gặp Tôn Sĩ Nghị ở phủ Thái Bình, quân Thanh đang sắp sửa tiến sang Đại Việt.
		Tháng Một: Cùng với Lê Duy Kỳ đến bờ phía bắc sông Phú Lương để gặp Tôn Sĩ Nghị.	Việc này phủ nhận triều đình vua Lê đem bò, rượu ra đón quân Thanh ở Lạng Giang.
		Tháng Một: Sau khi vua Chiêu Thống được phong vương, Lê Quýnh được nhà Thanh ban cho chỏm mũ chức vụ tổng binh và vua Chiêu Thống cho làm Bình chương sự lo việc lương hướng để chuẩn bị tiến quân thu phục các khu vực đã mất.	Thanh triều thay đổi kế hoạch không tiếp tục dự tính đánh xuống Thuận Hóa để bắt sống Nguyễn Huệ và muốn giữ nguyên tình trạng chia cắt thành hai miền Nam và Bắc Hà [có thể sẽ tái lập một nước Chiêm Thành như thời nhà Minh].
		Tháng Chạp: Bị sốt rét nên về quê chữa bệnh.	Sự vắng mặt của Lê Quýnh phủ nhận những vu cáo về ông trong dã sử và cuốn tiểu thuyết *Hoàng Lê nhất thống chí*.
Kỷ Dậu	1789		
		Tháng Giêng: Quân Thanh bị đánh tan, Tôn Sĩ Nghị phải chạy về Quảng Tây.	Vua Quang Trung không truy kích quân Thanh nhằm mở ra một cơ hội bang giao hậu chiến. Hầu hết triều đình vua Lê và thân nhân đều chạy thoát lên hướng bắc.
		Vua Chiêu Thống và một số thân quyến, bảy tôi chạy được sang Trung Hoa.	Lê Quýnh vì ở quê không biết tin quân Thanh thua trận nên không theo vua Chiêu Thống sang Trung Hoa.
		Lê Quýnh ở lại quê nhà nhận lệnh Vương phi chiêu mộ hào kiệt và chuẩn bị chờ quân Thanh sang cứu viện lần thứ hai.	Theo tình hình thực tế lúc đó, khu vực Giang Bắc có thể coi là trung tâm đầu não của nhóm hoài Lê sẵn sàng hưởng ứng nếu quân Thanh sang lần thứ hai.

		Tháng Năm: Lê Huy Trình theo lệnh Phúc Khang An về gọi Lê Quýnh và bộ tham mưu của ông sang Trung Hoa.	Trong khoảng từ tháng Hai đến tháng Năm, việc đàm phán giữa Thanh triều và Đại Việt đã đi những bước quan trọng: - Tháng Hai: Nguyễn Quang Bình xin giảng hòa. - Tháng Ba: thu xếp để trao trả các tù binh bị bắt. Vua Càn Long chính thức bãi bỏ việc điều binh trả thù. - Tháng Tư: tình hình đàm phán giữa Thanh triều và Đại Việt sắp kết thúc như dự kiến. Vua Càn Long chính thức thông báo cho Nguyễn Quang Bình về việc chấm dứt yểm trợ cho nhà Lê. - Tháng Năm: đa số tù binh được trả về Trung Hoa. Sau khi đã có những kết quả cụ thể và triển vọng công nhận Nguyễn Quang Bình càng lúc càng rõ nét, Phúc Khang An tính kế để vô hiệu hóa nhóm cựu thần nhà Lê bằng cách sai người về mời họ sang Quảng Tây *"bàn quốc sự"*.
		Tháng Năm: Nguyễn Quang Hiển thay mặt vua Quang Trung lên Bắc Kinh nhận sắc và ấn của nhà Thanh.	Vua Càn Long bằng lòng cho Nguyễn Quang Bình nạp khoản và ban cho một vòng trân châu. Truyền lệnh cho Lê Duy Kỳ và nhóm tòng vong phải cạo đầu, đổi sang y phục Trung Hoa.
		Tháng Sáu: Nguyễn Quang Hiển và Lê Duy Kỳ gặp nhau ở Quế Lâm.	Vua Càn Long bằng lòng phong vương cho Nguyễn Quang Bình và thu nhận lễ vật đưa lên Bắc Kinh.
		Tháng Bảy: Thanh triều chuẩn bị gửi Thành Lâm sang phong vương cho Nguyễn Quang Bình.	Trao đổi giữa hai triều đình chủ yếu là về việc phái đoàn vua Quang Trung sẽ sang Bắc Kinh vào năm sau.

		Tháng Tám: Lê Quýnh và đồng chí theo đường Ải Điểm sang Ninh Minh. Gặp Lâm Hổ Bảng, Tri phủ Thái Bình.	Lê Quýnh thông báo cho nhà Thanh biết họ còn giữ được cái ấn An Nam Quốc vương mà vua Lê được ban như một dấu hiệu họ đang là đầu não của các cuộc nổi dậy.
		Tháng Chín: Tả Giang đạo Tống Văn Hình đến ép cạo đầu, đổi y phục nhưng bọn Lê Quýnh không bằng lòng.	
		Tháng Mười: Lê Quýnh và năm người khác nhất định chống lại lệnh cắt tóc nên bị đưa đi Liễu Châu. Trên đường đi có hai người bị ốm chết.	Khâm sứ nhà Thanh là Thành Lâm sang phong vương cho vua Quang Trung ở Thăng Long. Vua Càn Long ban cho nước ta lịch Thời Hiến và ra lệnh mở lại các cửa thông thương sang An Nam (khai quan thông thị).
		Tháng Một: Nhóm Lê Quýnh gặp Phúc Khang An ở Ngô Châu.	Hai bên đấu lý về việc ép Lê Quýnh phải cắt tóc, đổi áo. Vua Càn Long ra lệnh đưa nhóm Lê Duy Kỳ lên Bắc Kinh.
		Tháng Chạp: Nhóm Lê Quýnh đến Quế Lâm.	Khi biết ý định của nhà Thanh không giúp nữa, Lê Quýnh từ chối không gặp vua Lê mà xin về nước lo việc phục quốc. Vua Càn Long ra lệnh đưa nhóm Lê Quýnh lên kinh đô để tra hỏi.
Canh Tuất	1790	Tháng Giêng: Nhóm Lê Quýnh bị đưa lên kinh đô theo lệnh của vua Càn Long.	Mục đích ban đầu của việc đưa bọn Lê Quýnh lên kinh đô là nhằm cho họ sống chung với nhóm cũ của vua Chiêu Thống.
		Tháng Hai (ngày 21): Vua Lê được đưa từ Quảng Tây lên Bắc Kinh.	
		Tháng Ba: Nhóm Lê Quýnh đến Duyện Châu.	
		Tháng Tư: Nhóm Lê Quýnh gặp vua Càn Long đích thân tra hỏi và khuyên nhủ nhưng nhất quyết không chịu ở lại Trung Hoa.	Sau khi biết nhóm Lê Quýnh không chịu ở lại làm dân thiên triều, vua Càn Long giao họ cho bộ Hình quản thúc, không cho họ có thể phá rối phái đoàn An Nam sang Bắc Kinh. Phái đoàn vua Quang Trung lên đường đi chúc thọ.

		Tháng Năm (ngày 5): Vua Lê đến Bắc Kinh.	Vua Lê và thân nhân đến Chính Dương Môn và đến ngày 7 tháng Năm thì cho cư trú ở con hẻm Quốc Tử Giám, Tây Định Môn.
		Tháng Năm: Nhóm Lê Quýnh bị đưa ra thẩm vấn ở miếu Lôi Thần rồi chia ra giam ở ngục phía bắc thuộc bộ Hình.	Bốn người bị chia thành hai nhóm theo lệnh vua Càn Long để dễ khuyến dụ.
		Tháng Sáu: Lê Quýnh được Đinh Nhạ Hành, Phạm Như Tùng, Nguyễn Quốc Đống đến thăm.	
			Tháng Bảy-Tám: Phái đoàn Quang Trung đến Nhiệt Hà và Bắc Kinh chúc thọ. Vua Càn Long cho tra hỏi những người An Nam nào muốn về nước sống yên thân thì sẽ được toại nguyện.
		Tháng Một: Con là Lê Doãn Toàn[1] đến thăm.	
		Tháng Chạp: Hồ Quý Đường đến ép cắt tóc nhưng không chịu.	
Tân Hợi	1791		
		Tháng Giêng: Nhận được tin Lê Duy Kỳ làm tá lãnh.	
		Tháng Ba: Vua Lê sai Nguyễn Quốc Đống đến cho 10 lạng bạc và 2 cân trà cùng 3 bài thơ.	
		Tháng Tư: Lê Quýnh nhận được thư vua Chiêu Thống.	Vua Lê và 10 người khác cắt máu ăn thề xin nhà Thanh can thiệp để vua Quang Trung cắt một trong bốn tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hưng Hóa cho nhà Lê để phụng thờ tông miếu. Vua Càn Long tức giận cho đày mỗi người một nơi, Lê Duy Kỳ bị cắt hết bổng lộc.

1. Nhiều tài liệu viết là Doãn Thuyên [允佺]. Thuyên là chữ Toàn có bộ nhân, chúng tôi dùng Toàn cho thống nhất vì cũng như chữ Quýnh, chữ Giản... bộ nhân có lẽ dùng riêng để đặt tên trong họ để phân biệt mà thôi.

		Tháng Năm: Lê Quýnh nghe tin nhóm vua Lê bị phân tán đi các nơi.	
Nhâm Tý	1792		
		Tháng Năm: Gọi lên tra hỏi về việc Nguyễn Quang Bình tố cáo Lê Duy Chỉ ám thông với Lê Duy Kỳ.	Vua Quang Trung tố cáo rằng trong số những người An Nam được đưa về nguyên quán đã có người ám thông với Lê Duy Chỉ và giả mạo sắc chỉ của nhà Thanh để mưu tính việc đưa Lê Duy Kỳ trở lại. Vua Càn Long đã cho tra hỏi những người ở Bắc Kinh về việc này, kể cả lấy khẩu cung những người đang ở trong ngục là nhóm Lê Quýnh nhưng không có chứng cớ gì vì họ hoàn toàn biệt lập với bên ngoài.
			Tháng Năm: Lê Duy Thuyên, con trai Lê Duy Kỳ qua đời. Tháng Chín: Vua Quang Trung qua đời.
Quý Sửu	1793		Tháng Mười: Vua Chiêu Thống qua đời.
Giáp Dần	1794		Tháng Chín: Lê Duy Trị [chú họ vua Chiêu Thống] trốn qua Trung Hoa.
Bính Thìn	1796		Vua Càn Long nhượng vị cho con là vua Gia Khánh để lên làm Thái thượng hoàng. Gia Khánh nguyên niên.
Đinh Tỵ	1797	Nhà Thanh bắt được một số cướp biển trong đó có một số người An Nam. Lê Quýnh gặp người đàn bà họ Phan là gia quyến hải tặc bị bắt.	Thuỷ quân của chúa Nguyễn Phúc Ánh nay chiếm ưu thế về trang bị và vũ khí nên thuỷ quân Tây Sơn không chống nổi. Một số đầu mục hải quân gốc cướp biển sợ bị tội nên chạy trốn về vùng Nam Trung Hoa, quay lại nghề ăn cướp bị quan quân nhà Thanh bắt được.
		Tháng Chạp: Phản đối việc đề lao khinh nhờn.	
Mậu Ngọ	1798		

Canh Thân	1800	Tháng Tư: Được thả ra khỏi ngục, an tháp ở Lam Điện bên ngoài Hỏa Khí doanh.	Được tùy tiện ăn mặc theo kiểu An Nam.
		Viếng mộ vua Chiêu Thống ở phía đông kinh thành.	
Quý Hợi	1803	Tháng Bảy: Gặp con là Lê Doãn Trác trong phái bộ cầu phong của nhà Nguyễn. Tháng Chín: Xin được đưa di cốt vua Lê về nước.	
Giáp Tý	1804	Thanh triều đồng ý cho mang quan tài vua Lê, Thái hậu, Nguyên tử… về nước.	
		Tháng Tám: Toàn bộ nhóm Lê Quýnh về đến Bắc Thành [Thăng Long].	An táng vua Chiêu Thống và thân quyến ở Thanh Hoa. Hoàng phi Nguyễn Thị Kim tự tử.
		Tháng Một: Lê Quýnh về quê viếng từ đường rồi vào ở chùa Đại Đồng.	
Ất Sửu	1805	Mồng 1 tháng Chín: Lê Quýnh bị cướp đâm nhiều vết, đến ngày 15 tháng Chín thì qua đời.	
Đinh Tỵ	1857		Tự Đức thứ 10. Triều đình cho xây Lê mạt tiết nghĩa từ ở Hà Nội.

TỔNG KẾT VĂN KIỆN LIÊN QUAN ĐẾN ĐẠI VIỆT ĐỜI TÂY SƠN TRONG *THANH THỰC LỤC*[1]

Năm	Số văn thư	Hoạt động chủ yếu
1788	30	Chiến dịch đem quân sang Thăng Long.
1789	72	Phong vương và tiếp đón sứ thần.
1790	68	Tiếp đón phái đoàn Nguyễn Quang Bình.
1791	25	Tạ ơn, tiến cống.
1792	9	Văn thư ngoại giao.
1793	14	Tin vua Quang Trung mất và điếu tang, phong vương.
1794	4	Văn thư ngoại giao.
1795	4	Văn thư ngoại giao.
1796	14	Vua Gia Khánh lên ngôi và tiễu trừ hải phỉ.
1797	6	Văn thư ngoại giao.
1799	4	Vua Gia Khánh thân chính.
1800	3	Văn thư ngoại giao.

1. *Thanh thực lục* tuy chỉ ghi chép một phần những văn thư liên hệ đến nước ta nhưng qua mật độ của các tài liệu này cũng có thể hình dung được sự mật thiết giữa hai triều Thanh - Tây Sơn theo từng năm đời Quang Trung, Cảnh Thịnh.

PHỤ LỤC

LÊ MẠT TIẾT NGHĨA TỪ

Dưới đây là nội dung các chi tiết về việc triều Tự Đức dựng một từ đường ở Hà Nội để thờ cúng những nghĩa sĩ nhà Lê. Theo lời tâu của hai bộ Công và bộ Lễ thì việc lập từ được tham chiếu tài liệu đời Khang Hy đã lập đền thờ những trung thần nhà Minh tuẫn tiết, ban tên thụy cho 8 người và thông thụy [tên thụy chung] cho 310 người.

Từ đường này theo khuôn mẫu miếu Trung Hưng Công Thần nhà Nguyễn bao gồm: tiền đường, chính đường 7 gian hợp thành một tòa, hai bên tả hữu tòng tự cũng 7 gian, đằng trước, đằng sau có xây nghi môn và 3 tòa tiền môn, mỗi năm hai lần xuân thu cúng tế.

Lễ vật mỗi kỳ bao gồm một con bò, một con dê, một con heo và các loại rau quả cùng hương đèn, trầu rượu.

Về phần Vương phi Nguyễn Thị Kim thì đời Gia Long đã có thánh chỉ cho lập bia đá ở bản quán, trên bia khắc bốn chữ "An Trinh Tuẫn Tiết" là chữ vua ban nên cũng đưa vào những người thần tử đã vì nhà Lê mà tuẫn tiết.

Mọi vật liệu và nhân công để xây đền thờ này do tỉnh Hà Nội đảm trách.

Chính đường ba gian hai chái, rường chính 5 thước 8 tấc, rường phụ ở giữa 6 thước 5 tấc 5 phân, hai bên tả hữu 6 thước 4 tấc 5 phân. Hai chái thì xà thứ nhất 5 thước 4 tấc, xà thứ hai 3 thước 1 tấc, trước sau 2 xà đều 5 thước 4 tấc, xà sau thứ ba đều 3 thước 2 tấc.

Tiền đường một gian hai chái, rường chính 5 thước 4 tấc, xà trước thứ hai 5 thước 1 tấc, thừa lưu sau 3 thước 6 tấc, chấn tâm ở giữa 6

thước 5 tấc 5 phân, tả hữu thứ nhất đều 6 thước 4 tấc 5 phân, tả hữu thứ hai đều 5 thước 4 tấc, 2 chái xà đều 3 thước 1 tấc.

Tất cả đều làm bằng gỗ cứng chắc, trên mái lợp ngói. Chính đường ba mặt tả, hữu và phía sau, tiền đường hai mặt trái phải, đều xây tường bằng gạch, xung quanh có tường thấp bao quanh. Phía trước xây một cổng nghi môn, bên dưới có ba cửa hình tròn, thẳng góc với bên trong tường vây. Bên trái xây một tòa nhà lợp ngói, trong số bốn bức vách thì hai vách trong ở hai đầu dùng gỗ, mặt sau thì dùng tường gạch.

Còn về tịch điền của chung thì được miễn thuế má, nếu như của riêng thì cứ chiếu theo giá trị mà nạp trả. Lại lấy mười người tráng đinh ở vùng xung quanh trông coi thủ từ, đều được miễn thuế thân và không bị bắt lính.

Còn về khoản ban tên thụy để thờ trong đền, chiếu theo sự trạng của Lê Quýnh thì so với những người khác xuất sắc hơn nên xin được ban cho tên thụy Trung Nghị. Những người còn lại từ Nguyễn Viết Triệu, Trần Danh Án, Nguyễn Đình Giản, Nguyễn Đình Viện, Nguyễn [Trần] Quang Châu, Nguyễn Văn Quyên, Trần Danh Bính, Trần Đĩnh, Nguyễn Huy Trạc, Nguyễn Quốc Đống, Lê Hân, Hoàng Ích Hiểu, Lê Doãn Trị, Nguyễn Đình Cẩm, Lê Quý Thích, Đàm Thận Xưởng, Nguyễn Hùng Trung, Nguyễn Trọng Du, Lê Tùng, Lê Thức, Lê Trọng Vĩ, Phạm Như Tùng, tất cả 22 người xin được ban cho thông thụy là Trung Mẫn.

Những người nêu trên, tất cả 23 người, xin được chế tạo bài vị ghi rõ, những ai có chức tước thì xin ghi tên tuổi, thụy hiệu, danh phận đời Lê. Còn như con của Nguyễn Đình Viện là Nguyễn Ngọc Liễn, Nguyễn Ngọc Triệu, Nguyễn Ngọc Chấn, con rể là Thiều Tôn Hiệp, em trai Trần Đĩnh là Trần Lang, cháu là Trần Trừng, cùng con rể của anh là Vũ Trọng Dật, con nuôi của em là Trần Dần, Trần Hạc, con trai Lê Trọng Vĩ là Lê Đình Định, tất cả 10 người, xin được chế tạo bài biển hai mặt, mỗi mặt 5 hàng, mỗi hàng 1 người viết rõ tên để thờ.

Gian chính giữa để án thờ một người:

Cố Lê tiết nghĩa, đồng Bình chương sự Trường Phái hầu, thụy Trung Nghị, Lê Quýnh chi vị.

Gian bên tả để án thờ 11 người:

- Cố Lê tiết nghĩa, tứ thành Phó Đề lãnh, thụy Trung Mẫn, Nguyễn Viết Triệu chi vị.

- Cố Lê tiết nghĩa, Binh bộ Thượng thư Bút Phong hầu, thụy Trung Mẫn, Nguyễn Đình Giản chi vị.

- Cố Lê tiết nghĩa, thự Trấn thủ Kinh Bắc Đĩnh Võ hầu, thụy Trung Mẫn, Trần Quang Châu chi vị.

- Cố Lê tiết nghĩa, thụy Trung Mẫn, Trần Danh Bính chi vị.

- Cố Lê tiết nghĩa, Hộ bộ Tả Thị lang, thụy Trung Mẫn, Nguyễn Huy Trạc chi vị.

- Cố Lê tiết nghĩa, thự Trấn thủ Kinh Bắc, thụy Trung Mẫn, Lê Hân chi vị.

- Cố Lê tiết nghĩa, Đô đốc chỉ huy sứ, thụy Trung Mẫn, Lê Doãn Trị chi vị.

- Cố Lê tiết nghĩa, trông coi tứ bảo, thụy Trung Mẫn, Lê Quý Thích chi vị.

- Cố Lê tiết nghĩa, thụy Trung Mẫn, Nguyễn Hùng Trung chi vị.

- Cố Lê tiết nghĩa, thụy Trung Mẫn, Lê Tùng chi vị.

- Cố Lê tiết nghĩa, Trấn thủ Kinh Bắc, Tả Tham chính sứ, thụy Trung Mẫn, Lê Trọng Vĩ chi vị.

Gian bên hữu để án thờ 11 người:

- Cố Lê tiết nghĩa, phong Tĩnh Nạn công thần Ngự sử kiêm Phó Đô ngự sử, thụy Trung Mẫn, Trần Danh Án chi vị.

- Cố Lê tiết nghĩa, Tuyên Quang xứ Thanh Hình Hiến sát ty phó sử [sứ?], thụy Trung Mẫn, Nguyễn Đình Viện chi vị.

- Cố Lê tiết nghĩa, thị nội, thụy Trung Mẫn, Nguyễn Văn Quyên chi vị.

- Cố Lê tiết nghĩa, thụy Trung Mẫn, Trần Đĩnh chi vị.

- Cố Lê tiết nghĩa, Đô đốc đồng tri, thụy Trung Mẫn, Nguyễn Quốc Đống chi vị.

- Cố Lê tiết nghĩa, Địch quận công, thụy Trung Mẫn, Hoàng Ích Hiểu chi vị.

- Cố Lê tiết nghĩa, thụy Trung Mẫn, Nguyễn Đình Cẩm chi vị.

- Cố Lê tiết nghĩa, thụy Trung Mẫn, Đàm Thận Xưởng chi vị.

- Cố Lê tiết nghĩa, Võ úy, thụy Trung Mẫn, Nguyễn Trọng Du chi vị.

- Cố Lê tiết nghĩa, thụy Trung Mẫn, Lê Thức chi vị.

- Cố Lê tiết nghĩa, Đề đốc tứ thành quân vụ quản trấn thủ Sơn Tây, Hiệp lý các trấn Tuyên Quang, Hưng Hóa, tham dự triều chính bộ Binh bộ Hộ Cận Quang hầu, thụy Trung Mẫn, Phạm Như Tùng chi vị.

Chái bên đông để thờ 5 người:

- Cố Lê tiết nghĩa, Nguyễn Trọng Liễn chi vị.

- Cố Lê tiết nghĩa, Nguyễn Ngọc Triệu chi vị.

- Cố Lê tiết nghĩa, Nguyễn Ngọc Chấn chi vị.

- Cố Lê tiết nghĩa, Thiều Tôn Hiệp chi vị.

- Cố Lê tiết nghĩa, Trần Đình Định chi vị.

Chái bên tây để thờ 5 người:

- Cố Lê tiết nghĩa, Trần Lang chi vị.

- Cố Lê tiết nghĩa, Trần Dần chi vị.

- Cố Lê tiết nghĩa, Trần Hạc chi vị.

- Cố Lê tiết nghĩa, Trần Trừng chi vị.

- Cố Lê tiết nghĩa, Vũ Trọng Dật chi vị.[1]

---

1. Trần Khánh Hạo (chủ biên), *Việt Nam Hán văn tiểu thuyết tùng san*, quyển VI, sđd, tr. 118-121.

MỘT SỐ NHÂN VẬT LỊCH SỬ THỜI LÊ MẠT

(Trong Nam thiên Trung nghĩa thực lục)

Nam thiên Trung nghĩa thực lục[1] ghi chép tiểu sử và văn thơ của nhiều trung thần nhà Lê đương thời. Đây có lẽ là nỗ lực của giới sĩ phu Bắc Hà muốn chép lại những gì đã xảy ra đối với triều đại sau cùng tại miền Bắc. Chúng tôi xin dịch lại những nhân vật liên quan đến thời Lê mạt.

Trong sách này, một số địa danh theo mặt chữ có khác với thời nay, chẳng hạn Nghĩa An (nay là Nghệ An). Chúng tôi đổi lại cho thống nhất với tên hiện nay.

NGUYỄN ĐÌNH GIẢN

阮廷簡

Người làng Vĩnh Trị, tổng Từ Minh, huyện Hoằng Hóa, phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Tiến sĩ khoa Ất Sửu (1745), năm Cảnh Hưng thứ 6. Ông là người cương trực, khẳng khái. Cuối đời Lê, ông khởi binh cần vương vào bảo vệ Kinh thành, được bổ làm Thượng thư bộ Binh, ban Bút Phong hầu (筆峯侯). Khi Tây Sơn lấy Thăng Long, vua Lê [Chiêu Thống] chạy lên phương Bắc, Nguyễn Đình Giản chạy ra khởi nghĩa ở Sơn Tây. Tây Sơn cho người mang thư đến gặp, Đình Giản giận dữ mắng sứ rằng: "Ta thề không cùng bọn giặc các ngươi cùng sống, nếu như Trời không còn tựa nhà Lê thì đành chết mà thôi". Tây Sơn biết không thể khuất phục được ông, bắt sống đưa về. Giản chửi mắng không ngớt nên bị giết.

---

1. Trần Khánh Hạo chủ biên, *Việt Nam Hán văn tiểu thuyết tùng san*, tập VI, Học Sinh thư cục, Paris - Taipei, 1986.

TRẦN DANH ÁN

陳名案

Người xã Bảo Triện, huyện Gia Bình, phủ Thuận An, tỉnh Bắc Ninh, đỗ Nhị giáp khoa Đinh Mùi (1787), năm Chiêu Thống thứ 2. Khi quân Tây Sơn vào Thăng Long, vua Lê phải chạy ra ngoài, Án đi theo không bao giờ rời. Năm Mậu Thân (1788), Án nhận lệnh cùng Lê Duy Đản sang nhà Thanh xin quân cứu viện, thi từ khẳng khái làm rung động người phương Bắc. Vua nhà Thanh khen ngợi về nghĩa khí đó nên lập tức ra lệnh cho Tổng đốc Lưỡng Quảng Tôn Sĩ Nghị đem binh qua cứu, lấy lại được Thăng Long. Vì có công đó nên được phong làm Tĩnh nạn công thần, thăng lên chức Phó đô ngự sử của Ngự sử đài. Chẳng bao lâu, binh bị đánh bại, vua Lê chạy sang nhà Thanh, Án bị bệnh không kịp theo nên ẩn lánh ở trong thôn dã thuộc Kinh Bắc, Hải Dương. Tây Sơn nhiều phen mời mọc, muốn đưa ông ra làm quan để lấy lòng mọi người nên sai bầy tôi là Ngô Sĩ [tức Ngô Thì Nhậm], Phan Huy Ích tự tay viết thư vời ông. Án viết thư trả lời, lời lẽ hết sức nặng nề. Giặc biết ông không thể khuất phục nên sai người lén bắt. Án tới nơi, giặc dụ dỗ cho làm quan to nhưng vẫn không chịu khuất phục rồi tìm cách trốn đi cùng với Trần Quang Châu, Dương Đình Tuấn khởi binh đánh giặc nhưng không thắng lại bỏ chạy. Về sau nghe tin vua Lê qua đời, ông quay về phương Bắc khóc lạy nên bị bệnh nặng rồi mất (nơi khác viết là uống thuốc độc tự tử). Ông đặt tên tự là Liễu Am, có thơ để lại cho đời.

NGUYỄN HUY TÚC

阮輝宿

Người xã Kim Lũ, huyện Thanh Trì, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Nội, là con Tiến sĩ triều Lê Nguyễn Công Án, trúng kỳ thi Nho sinh, lại đỗ đầu kỳ thi theo phép Tư Mã thập khoa[1], được bổ làm Đốc đồng trấn Cao Bình.

---

1. Tức Chế khoa do vua Chiêu Thống áp dụng. Lối thi này là lối thi mới gồm 10 khoa, phỏng theo cách thức của Tư Mã Quang nhà Tống kén chọn nhân tài dựa trên đức độ, tiết tháo, mưu trí và sức khỏe, thông minh, công bằng, tinh thông kinh sử, bác học, văn tài, khéo xét xử, giỏi tài chính, thuế khóa, hiểu biết pháp luật.

Khi quân Tây Sơn đến, cùng với Lê Quýnh hộ tống Lê thái hậu và Nguyên tử sang đất Thanh, dâng biểu xin cứu viện. Vua Thanh ra lệnh cho Tổng đốc Tôn Sĩ Nghị đem quân sang cứu, khắc phục được thành Thăng Long. Nhờ có công ông được bổ làm Tả thị lang bộ Lại, đồng Bình chương sự, Tô Phái hầu.

Khi quân Tây Sơn quay trở lại, vua Lê chạy sang phương Bắc, Huy Túc không kịp chạy theo nên về ẩn trốn ở huyện Bất Bạt dưới chân núi Tản Viên [Ba Vì]. Đến năm Gia Long nguyên niên, khi vua Thế Tổ ra Bắc Hà, Huy Túc đến chiêm bái trình bày xin được giữ như chí muốn [tức không làm quan với nhà Nguyễn].

LÊ DOÃN TRỊ

黎允值

Người làng Đại Mão, huyện Siêu Loại, phủ Thuận An, tỉnh Bắc Ninh là con của Tiến sĩ đời Lê Lê Trọng Thân, đường đệ của Lê Quýnh, làm quan đến Đô đốc chỉ huy sứ Siêu Lãnh hầu. Năm Kỷ Dậu (1789), khi binh Tây Sơn đến, vua Lê sang Trung Hoa, Trị cùng anh là Lê Quýnh sang Thanh cầu viện, người Thanh ép phải cắt tóc nhận quan tước, không chịu nên bị giam 13 năm. Đến năm Gia Long thứ 3 (1804), người Thanh cho về nước, Trị được còn tóc mà về, hộ tống quan tài vua Lê chôn ở Thanh Hóa, sau bệnh chết ở nhà.

TRỊNH HIẾN

鄭憲

Người Sóc Sơn, xã Biện Thượng, huyện Vĩnh Lộc, phủ Thiệu Hóa, Thanh Hóa. Năm Chiêu Thống thứ 3, vua Lê chạy sang Bắc, Hiến cùng bọn Lê Quýnh sang bên Thanh xin viện binh để tính đường khôi phục. Người Thanh ép ông phải cắt tóc, ông không chịu nên bị giam đến 13 năm. Đến năm Gia Long thứ 3 (1804), người Thanh chịu cho ông về nước, Hiến còn được mái tóc dài, hộ tống quan tài vua Lê về chôn ở Thanh Hóa. Về sau, khi triều đình lục dụng những bầy tôi có nghĩa triều Lê, ông được bổ làm Binh tào tham tri Bắc thành.

LÝ BỈNH ĐẠO

李秉道

Còn có tên là Gia Du (嘉猷), người làng Thụy Lôi, huyện Kim Bảng, phủ Lý Nhân, Hà Nội, đỗ Hương cống đời Lê. Năm Kỷ Dậu (1789), vua Lê chạy sang đất Bắc, Bỉnh Đạo và nhóm Lê Quýnh cũng nhập Thanh cầu viện, mưu tính chuyện khôi phục. Người Thanh ép ông phải cắt tóc, đổi y phục nhưng không chịu nên bị giam 13 năm. Đến năm Gia Long thứ 3 (1804), người Thanh trả về nước, Bỉnh Đạo còn tóc dài mà về, đem quan tài vua Lê về chôn ở Thanh Hóa. Sau khi lục dụng bầy tôi nhà Lê, ông được làm Thị trung học sĩ rồi ra làm Hiệp trấn.

NGUYỄN THẢNG

阮倘

Người làng Gia Thụy, huyện Gia Lâm, phủ Thuận An, tỉnh Bắc Ninh, nho sinh trúng thi đời Lê, rồi bảy lần thi Hội, trúng Tam trường năm 60 tuổi, được bổ làm Tri huyện Yên Dũng. Khi quân Tây Sơn đến, vua Lê chạy sang Kinh Bắc nhưng bị Trấn thủ Nguyễn Cảnh Thước chống lại. Thảng nghe tin, tập hợp người trong hạt nghênh đón vua, lại xin giết Cảnh Thước bảo vệ Xương Giang để mưu chuyện khôi phục. Vua Lê khen là trung thành bèn cho Thảng làm Khoa lại chưởng ấn cấp sự trung. Đi theo vua đến Sơn Tây thì quân giặc đuổi tới, Thảng phụng mệnh đốc chiến. Binh bại, bị đâm trúng nên mang bệnh về nhà hơn một tháng thì chết.

TRẦN DANH BÍNH

陳名昺

Người xã Ngọc Điền, tổng Hoàng Trung, huyện Thạch Hà, phủ Hà Thanh, đạo Hà Tĩnh, tỉnh Nghệ An, con trai của Tiến sĩ triều Lê Trần Danh Cố. Năm Bính Ngọ (1786), quân Tây Sơn đến, Bính dọn nhà đến Nga Khê ở huyện Thiên Lộc, bí mật lo việc khởi nghĩa. Giặc sai Nguyễn Thận [tức Đô đốc Nguyễn Văn Thận, trấn thủ Nghệ An] đem vàng bạc đến dụ, ông cáo bệnh không ra. Thận cho người bắt ông đưa ra Nghệ An, khi qua Lam Giang, ông nhảy xuống nước nhưng được vớt lên không chết. Thận ép ông phải lạy, ông không chịu. Dọn thức ăn ngon, ông không ăn, nhiều lần uy hiếp nhưng ông cãi lại, không chịu khuất phục.

NGUYỄN VIẾT TRIỆU

阮曰肇

Người xã Thanh Tuyền [sau đổi là Thanh Thủy], tổng Nộn Liễu, huyện Nam Đường, phủ Anh Sơn, tỉnh Nghệ An. Triệu là con trai của Hương cống Nguyễn Viết Xưởng, trước đã đỗ Hiệu sinh. Cuối đời Lê, khi quân Tây Sơn đến, Viết Triệu chiêu binh vào bảo vệ, được trao cho chức Phó đề lĩnh tứ thành [bốn trấn chung quanh kinh đô]. Năm Mậu Thân (1788), thua ở Mục Sơn, vua Lê chạy ra ngoài gửi biểu xin cứu viện. Vua Thanh sai Tôn Sĩ Nghị đem binh sang cứu, đánh bại quân Tây Sơn ở Xương Giang, vua Lê cùng Tôn Sĩ Nghị đến Thăng Long. Nhưng quân địch lại tới, Viết Triệu cùng với mọi người chống cự nhưng không thắng, Sĩ Nghị nhổ trại chạy qua sông, vua Lê cùng Sĩ Nghị cưỡi ngựa chạy lên phương Bắc, chỉ một mình Viết Triệu cầm roi đi theo. Đến Nam Quan, các bầy tôi lục tục kéo đến. Khi sang Yên Kinh, cùng với tòng vong chư thần 10 người trích huyết ăn thề, dâng biểu xin quân. Người Thanh không nhận, lại bị các thần Hòa Thân dùng ngụy kế, chia ra đày mỗi người một nơi. Viết Triệu bị an trí ở Trương Gia Khẩu, Nhiệt Hà. Về sau, nghe tin vua Lê qua đời, Viết Triệu lập bài vị khóc thật bi ai đến ngất đi, vì thế mà bị bệnh chết. Năm Gia Long thứ 3 (1804), vua Thanh cho chư thần mang quan tài vua Lê về nước, thi hài Viết Triệu cũng được đem về phụ táng ở cạnh lăng vua Lê ở Bàn Thạch.

NGUYỄN ĐÌNH VIỆN

阮廷院

Người thôn Cự, xã Mỹ Dụ, tổng Đô An, huyện Hưng Nguyên, phủ Anh Sơn, tỉnh Nghệ An. Đình viện đỗ Hương cống đời Lê, làm Phó sứ thanh hình hiến sát sứ trấn Tuyên Quang. Thời Lê mạt, khi đang ở nhiệm sở, nghe tin binh Tây Sơn đến, ông ở lại chiêu dụ hương binh đánh giặc. Vua Lê gửi sắc rằng: "Tùy nghi liệu lý việc của Nghệ An". Năm Bính Ngọ, về đến trấn Nghệ An, ông dặn các con chiêu tập hào kiệt, hương binh chia ra giữ các nơi hiểm yếu đánh nhau với quân địch. Không địch nổi, lui về quê nhà sửa sang chiến cụ lương thực. Năm Đinh Mùi (1787), quân Tây Sơn vây nhà của ông, Đình Viện cùng các con trai, con rể và hương binh chống lại, suốt ba ngày đêm, thế cùng lực kiệt, cùng các con là Hương cống Ngọc Liễn,

Ngọc Triệu và Ngọc Chấn, con rể là Thiều Tôn Trị [韶尊治] đều chết cả, bị giặc chặt đầu đem đi. Hương binh hơn 300 người đều bị sát hại.

Khi đó, vợ của Ngọc Triệu là Hồ Thị Viện, tuổi mới 21, vợ Ngọc Liễn là Vũ Thị Luyện, tuổi mới 17 đều chưa có con, đi ra theo quân ngụy, van xin đưa lại thủ cấp để đem về hợp táng. Sau đó thủ tiết, đến ngoài 70 tuổi, bệnh chết.

Tra thêm ở *Lê sử bổ biên*, Nguyễn Duệ của Tây Sơn vốn là tướng cũ của Nguyễn Nhạc, ở trơ trọi tại Nghệ An, sợ bị Nguyễn Huệ làm hại nên ngầm liên lạc với Nguyễn Đình Viện, ra lệnh bí mật thông với Nguyễn Chỉnh [Hữu Chỉnh], ước hẹn cùng nhau đánh Nguyễn Huệ. Sau khi thắng rồi sẽ giao trả lại đất Nghệ An. Đình Viện tâu lên, vua Lê khen ngợi nên sai Đình Viện về trước lo liệu. Đình Viện đến Nghệ An, ngầm chiêu mộ nghĩa sĩ nhưng Chỉnh không ưng thuận. Đến khi Duệ theo đường Ai Lao về với Tây Sơn, Đình Viện chiếm cứ Nghệ An, tì tướng của Duệ là Nguyễn Lệnh [阮令] quay lại tấn công Đình Viện, Viện thế cô không có cứu viện, cùng con trai, con rể đều chết trận.

TRẦN QUANG CHÂU

陳光珠

Người xã Phù Than, tổng Vạn Tư, huyện Gia Bình, phủ Thuận An, tỉnh Bắc Ninh. Năm Đinh Mùi (1787) đời Chiêu Thống, quân Tây Sơn đến, vua Lê chạy ra ngoài, ông xướng xuất nghĩa binh đánh tiết chế Vũ Văn Nhậm ở sông Thiên Đức, chém được rất nhiều, thanh thế vang dội. Vua Lê nghe tiếng trung dũng ban cho ông chức Điện tiền đô chỉ huy sứ, giao cho nhiệm vụ hưng phục. Ông chống với giặc [Tây Sơn], thường chỉ một cánh quân khi ra khi vào, phần nhiều thắng trận. Năm Mậu Thân (1788), người Thanh sang cứu viện, ông đem quân hỗ giá được phong làm tiên phong đại tướng quân, hướng dẫn quân Bắc tiến đánh thắng trận được giao cho làm thự trấn thủ Kinh Bắc, tước Định Vũ hầu. Năm Kỷ Dậu (1789), quân Thanh thua chạy, vua Lê sang đất Bắc, ông chạy theo không kịp nên lẩn trốn trong huyện cùng với Trần Danh Án, Dương Đình Tuấn, Lê Trọng Đang, trong ba, bốn năm trời chống nhau với Tư khấu giặc là Dũng [Vũ Văn], Đô đốc giặc là Nguyên, anh và cháu đều chết trận. Năm Nhâm Tý (1792), ông bị giặc bắt, không chịu khuất phục nên bị giết. Đến năm Gia Long nguyên niên, một người con được tập ấm, tước tử.

NGUYỄN VĂN QUYÊN

阮文涓

Người thôn Phù Xá, xã Bố Vệ, huyện Đông Sơn, phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Đời Chiêu Thống, Văn Quyên làm lính thị nội trong cung. Khi quân Tây Sơn đến, ông đi theo vua Lê chạy sang đất Bắc. Về sau, khi Tể tướng nhà Thanh đi du ngoạn với vua Lê có ý khinh mạn, ông giơ tay đánh, trách y thất lễ. Việc đó khi truyền ra, người Thanh khen ông là trung, sau chết. Năm Gia Long thứ 3, nhà Thanh cho đem hài cốt về nước chôn bên dưới mộ vua Lê.

Theo *Lê sử bổ biên*, vua Lê sang nhà Thanh, tòng thần bị chia ra đi Hắc Long [giang], Cát Lâm các nơi. Một hôm, lúc sáng sớm, vua Lê cưỡi ngựa vào phủ đệ Đô thống hoàng kỳ Kim Giản, muốn vì bầy tôi mà kêu xin, nhưng lúc ấy Giản đang hầu vua Thanh ở Viên Minh Viên. Vua Lê cưỡi ngựa vào Viên Minh Viên, có đầy tớ là Văn Quyên cầm cương, đến nơi phục xuống đất kêu lớn. Người trong vườn sợ hãi, sợ tiếng kêu vào đến nơi vua ở nên xúm lại giựt lấy con ngựa rồi xốc vua Lê lên xe, đưa đến Thận Hình ty. Văn Quyên kêu lớn rằng: Bọn Ngô vô lễ, sao dám làm nhục vua nước ta. Rồi nhặt gạch đánh chúng. Bọn trong vườn xúm lại đánh Văn Quyên nhừ tử rồi cũng đưa đến Thận Hình ty. Văn Quyên vì thế bị bệnh mà chết. Sau đưa hài cốt từ nước Thanh về phụ táng ở bên cạnh lăng vua Lê ở Bàn Thạch.

TRẦN ĐĨNH

陳珽

Người xã Điền Trì, huyện Chí Linh, phủ Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Trần Đĩnh là con trai của Tiến sĩ, Hàn lâm viện kiểm thảo Trần Tiến [陳璡]. Năm Bính Ngọ (1786), khi quân Tây Sơn đến, ông tự đem em, cháu hơn 10 người, tập hợp thủ hạ thổ binh, khí giới đưa vua Lê về đóng ở huyện Chí Linh. Khi quân Thanh sang cứu viện, mọi người đều được cất nhắc để dùng. Khi Tây Sơn quay lại, vua Lê chạy lên ở Bắc Kinh, ông ở sau không theo kịp. Trở về, ông tụ tập hào mục và thủ hạ thổ binh, dựng lũy chống nhau với Tây Sơn. Thế yếu không thể địch nổi, em là Trần Lang, cháu là Trần Trừng đều tử trận, số còn lại bỏ chạy vào rừng. Ẩn trốn trong đó được mấy năm, Tây Sơn chiêu dụ nhưng không chịu khuất phục. Tháng Ba năm

Canh Tuất (1790), ông lại cùng với Tiến sĩ nhà Lê là Lê Duy Đản, nguyên Hiệp trấn Kinh Bắc Hoàng Xuân Tú khởi nghĩa ở Phao Sơn, giết và bắt được nhiều quân Tây Sơn. Qua hơn 10 năm, Tây Sơn đem binh ba mặt vây lại, Đĩnh và rể của anh Trần Đông là Vũ Trọng Dật, con nuôi của em Trần Khuê là Trần Dần, Trần Hạc đều bị chết.

Đến năm Gia Long nguyên niên (1802), khâm phụng thánh chỉ chấp thuận cho em là Trần Quý được làm Tri phủ Đoan Hùng. Tra theo *Lê quý kỷ sự* thì khi vua Lê chạy đến huyện Siêu Loại, Trần Đĩnh, Hoàng Xuân Tú, Trần Quang Châu, Vũ Dung, Vũ Chí Hanh đều đem bộ thuộc ra nghinh giá, đưa vua về ở Thanh Hà rồi bị giặc [Tây Sơn] công phá. Vua Lê lại chạy qua Chí Linh, Đinh Tích Nhưỡng mưu cướp nhà vua, ước hẹn với đảng giặc là Trấn thủ Hải Dương Hoàng Đình Hoãn hợp binh vây hơn một tháng. Bọn Trần Đĩnh thừa khi giặc sơ hở tấn công, chém được tướng là Sầm Kính. Về sau, quân giặc mỗi ngày một đánh ép vào, vua Lê phải chạy sang Vị Hoàng, khi đó ở Hải Dương đưa vua đi đến hơn một trăm chiếc thuyền đều bảo đi về giúp cho Trần Đĩnh để mưu tính chuyện ở Hải Dương.

NGUYỄN THỊ KIM

阮氏金

Người làng Tì Bà, tổng Tì Bà, huyện Lang Tài, phủ Thuận An tỉnh Bắc Ninh. Bà là cung tần của vua Chiêu Thống. Khi vua Lê chạy sang Bắc, bà không kịp theo nên về trốn ở nhà bên ngoại. Năm Gia Long thứ 3 (1804), quan tài của vua Lê mang từ nhà Thanh về, Thị Kim đến cửa quan nghinh tiếp, về đến Thăng Long uống thuốc độc tự tử. Vua nghe tin hạ chỉ lập bia ở xã nhà, trên khắc "Chỉ tứ an trinh tuẫn tiết Nguyễn Thị Kim chi môn".

PHAN THỊ THUẦN

潘氏舜

Người xã Trảo Nha, tổng Hoàng Đoài, huyện Thạch Hà, đạo Hà Tĩnh, tỉnh Nghệ An. Bà là thiếp của Đô thống binh sứ Tưu Lĩnh hầu [湫嶺侯] Ngô Cảnh Hoàn [吳景桓]. Cuối đời Lê, quân Tây Sơn tiến đánh, Cảnh Hoàn cùng hai con xông ra đánh giặc, hết sức chiến đấu ở bến Thúy Ái [翠靄] sông Nhĩ Hà, cha con ba người đều đánh đến chết. Thị Thuần

lập đàn tế ở trên sông, chính ở Thúy Ái là nơi chồng chết. Theo *Lê sử bổ biên* thì đời Lê Hiển Tông, năm Cảnh Hưng thứ 47 (1786), ban tặng cho thiếp của Ngô Cảnh Hoàn Phan Thị Thuấn là Tiết nghĩa phu nhân. Trước đây, trong chiến dịch ở Thúy Ái, Ngô Cảnh Hoàn phụng mệnh đánh giặc [Tây Sơn], đánh không thắng, nhảy xuống sông tự tử. Phan Thị Thuấn là người thiếp, sau khi tang ma cũng nhảy xuống sông tuẫn tiết. Sau khi được phong, lại lập đền thờ.

Chú: Cảnh Hoàn là người Trảo Nha, Thạch Hà, là tướng có nhiều công lao, năm đó đã 72 tuổi. Trong trận đánh ở bến Thúy Ái, ông phụng mệnh cần vương, người trong họ thấy ông đã già nên ngăn lại, ông nói: "Họ ta thụ ơn nước đã lâu, nay lại trốn lánh, thì còn gì với tổ tiên linh thiêng nữa". Thế rồi đem quân bản bộ tiến đến bến Thúy Ái, đánh không thắng, nhảy xuống sông. Người thiếp là Phan Thị Thuấn, hiệu là Thủy Nữ, chưa có con, sau khi khóc chồng mới nói với người trong họ rằng: "Thiếp thờ chồng đã lâu, chồng chết vì việc nhà vua, thiếp cũng mong được theo để trọn đạo làm vợ. Nay công đã chết rồi, không chôn được, thiếp chết đi thôi cũng để trôi theo dòng nước". Nói rồi ra bờ sông lập đàn tụng kinh cho chồng một ngày một đêm, sai người mượn một chiếc thuyền nhỏ, mặc đồ tang, cùng thị nữ đứng ở đầu thuyền, cho người chèo thuyền ra giữa sông. Mọi người nghe nói đứng xem kín mít. Thị Thuấn quay sang những người trong họ ở bờ sông phục lạy bốn lạy rồi đâm đầu xuống sông mà chết. Vì thế được phong tặng là Tiết nghĩa phu nhân.

NGUYỄN HUY TRẠC

阮輝濯

Người xã Đan Nhiễm, tổng Phụng Công, huyện Văn Giang, phủ Thuận An, tỉnh Bắc Ninh. Huy Trạc là Tiến sĩ triều Lê, làm quan đến Hữu thị lang bộ Hộ. Cuối đời Lê, Tây Sơn bắt ông vào triều bái mạng, Huy Trạch không chịu khuất, uống thuốc độc tự tận. Theo *Lê quý kỷ sự* thì năm Chiêu Thống thứ 2 (1787), binh Tây Sơn đến, vua Lê xuất bôn, Nguyễn Huệ cho sứ giả vời chư thần cũ của nhà Lê cùng dâng biểu để tôn ông lên làm vua. Huy Trạc bị bắt đến Kinh thành, không chịu vào yết kiến, đến đêm uống thuốc độc tự tử.

NGUYỄN QUỐC ĐỐNG

阮國棟

Người xã Tì Bà, tổng Tì Bà, huyện Lang Tài, phủ Thuận An, tỉnh Bắc Ninh. Quốc Đống là anh của vương phi nhà Lê Nguyễn thị Kim, làm quan đến Đô đốc đồng tri. Năm Chiêu Thống thứ 3 (1788), vua Lê chạy sang nhà Thanh, Quốc Đống đi theo, sau lại đưa quan tài vua Lê về nước. Năm Gia Long thứ 8 (1809), vì tiết nghĩa đáng khen, ông được vua ban cho 50 phương gạo, 50 quan tiền, cho vào sai hạng ngoại tỏa. Theo *Lê quý kỷ sự* và *Lê sử bổ biên* thì Quốc Đống trước đây cùng với Lê Quýnh đưa Lê thái hậu và Nguyên tử sang Nam Ninh xin viện binh, được Tôn Sĩ Nghị sai đi đường tắt mang hịch về nước trước, gặp vua Lê ở Lang Tài, bàn để cho Lê Duy Đản, Trần Danh Án mang biểu đem đi, Sĩ Nghị vì thế đem quân sang cứu. Về sau chạy theo vua Lê sang đất Thanh, cùng với bọn Phạm Như Tùng 10 người trích huyết ăn thề, dâng biểu xin quân. Người Thanh không bằng lòng, đày ra an trí ở Cát Lâm.

LÊ HÂN

黎昕

Người xã Nộn Liễu, tổng Nộn Liễu, huyện Nam Đường, phủ Mạc Sơn, tỉnh Nghệ An. Lê Hân, vốn là Huyện thừa đời Lê. Cuối đời Lê có loạn, khi Tây Sơn Nguyễn Nhạc trở về ghé lại Nghệ An, Hân quyên tiền mộ trai tráng đến huyện Băng Sơn chặn đường tấn công, gọi là quân cần vương. Quân giặc [Tây Sơn]dò thám được khẩu hiệu, vì thế nên bị đánh bại. Ông lại mộ dũng sĩ cùng anh ruột là Trấn thủ Thanh Hóa Lê Thường, mấy lần lập được chiến công nên được giữ chức Thự trấn thủ Kinh Bắc.

Năm Mậu Thân (1788), vua Lê xuất bôn, sai Nguyễn Huy Túc, Lê Quýnh qua Thanh cầu viện. Vua Thanh sai Tôn Sĩ Nghị đem quân sang cứu, 6 lần đánh đều thắng. Sau đó, Tây Sơn quay trở lại, Hân cùng Nguyễn Viết Triệu, Lê Văn Trương, Lê Quý Thích hợp với quân Thanh đánh Tây Sơn ở Bình Vọng, quân Thanh bị thua, vua Lê cùng Tôn Sĩ Nghị đều chạy sang đất Bắc.

Năm Canh Tuất (1790) đến Yên Kinh, các bầy tôi khác cũng lần lượt đến, Hân cùng tòng vong khác như Phạm Như Tùng tất cả 10 người, trích huyết ăn thề, dâng biểu xin quân để mưu tính việc khôi phục. Người Thanh lần lữa không chấp thuận, Hân hết sức công phẫn, nói năng không còn nhẹ lời nên bị các thần Hòa Thân tức giận, bảo Khoa lan đại giả vờ dụ

đến ấn đường khóa lại, đưa đi an trí ở Phụng Thiên. Hân ở Phụng Thiên 16 năm, dùng y đạo cứu người, nổi tiếng ở đất Bắc nên được Thái thú họ Lưu gả con gái cho. Năm Gia Long thứ 3 (1804), nhà Thanh cho chư thần về nước, Hân đến Thăng Long thì bị bệnh chết nên cũng phụ táng bên cạnh mộ vua Lê ở Bàn Thạch. Vợ họ Lưu không quay trở về nước, suốt đời thủ tiết. *Lê sử bổ biên* cũng chép như vậy.

HOÀNG ÍCH HIỂU

黄益曉

Người xã Đăng Nẫm, tổng Lăng Yên, huyện Thượng Lang, phủ Trùng Khánh, tỉnh Cao Bình. Ích Hiểu là chi phái phiên thần của nhà Lê, giữ chức Chính thủ hiệu Vệ Nhất hiệu. Năm Chiêu Thống thứ 2 (1787), quân Tây Sơn đến, vua Lê chạy lên tỉnh Bắc. Lê quốc mẫu, Nguyên tử trốn ở xứ Canh Nậu [耕耨], tỉnh Bắc. Ích Hiểu mộ được 500 nghĩa sĩ, nghinh đón Lê quốc mẫu, Nguyên tử đi theo đường Thái Nguyên để sang Cao Bình. Quân Tây Sơn đuổi tới, mọi người phải chạy sang đất Thanh.

Khi viện binh đắc thắng, vua Lê sắc ban cho Ích Hiểu tước Địch Quận công. Năm Kỷ Dậu (1789), quân nhà Lê thất lợi, Ích Hiểu cùng con là Ích Thi mang gia quyến hộ vệ cho Quốc mẫu và Nguyên tử sang bên Thanh, sau cha con bị an tháp ở Y Lê. Đến năm Gia Long thứ 3 (1804), nhà Thanh cho các bầy tôi tòng vong về nước, Ích Hiểu từ Y Lê trở về, xin được về bản quán dưỡng bệnh, được nhà vua ban cho tiền bạc và gạo để sinh hoạt trong 10 năm. Ích Hiểu chết vì bệnh năm thứ 11, được vua chuẩn cho con là Ích Thi trông coi cai quản 4 xã Hà Hoàng [河隍], Cổ Phương [古芳], Cảnh Sơn [景山], Điệu Lang [調浪].

NGUYỄN ĐÌNH MIÊN

阮廷綿[1]

Người xã Hương Canh, huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội. Năm Kỷ Dậu (1789), Đình Miên chạy theo vua Lê sang đất Thanh, về sau các bầy tôi của vua Lê là bọn Phạm Như Tùng cùng Đình Miên, tất cả 10 người

1. Trong sách viết tả tòng hệ, hữu tòng bạch. Như vậy, tên ông là Miên nhưng có lẽ vì kiêng húy tên vua Thiệu Trị (Miên Tông) nên đổi thành Cẩm [錦].

trích huyết ăn thề dâng biểu xin quân nhưng bị các thần Hòa Thân làm hại, không những ngừng viện binh mà còn đày đi ra ngoài 300 dặm an trí.

LÊ QUÝ THÍCH

黎貴適

Người xã Đồng Bàng, huyện An Định, phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Quý Thích làm quan đời Lê chức Chưởng tứ bảo. Năm Kỷ Dậu (1789), ông đi theo vua Lê sang đất Thanh. Về sau, nhóm tòng vong là Phạm Như Tùng cùng Quý Thích 10 người trích máu ăn thề, dâng biểu xin quân nhưng bị các thần Hòa Thân làm hại, không những ngừng viện binh mà còn đày đi ra ngoài 300 dặm an trí.

ĐÀM THẬN XƯỞNG

譚愼廠

Người xã Hương Mặc, tổng Nghĩa Lập, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Thận Xưởng là hậu duệ của Tiến sĩ Đàm Thận Huy [譚愼徽] thời Lê. Cuối đời Lê, ngụy Tây Sơn chiếm nước, vua Lê sang phương Bắc, rồi quân Thanh sang cứu viện, ông tự đem nghĩa binh đi theo chống với quân Tây Sơn ở bến sông Nhĩ Hà, không thắng. Khi vua Lê chạy sang Tàu, ông đi theo vào nước Thanh. Năm Gia Long thứ 3 (1804), cùng chư thần nhà Lê đem áo quan vua về nước. Năm Gia Long thứ 14 (1815), được nhà vua ân thưởng 50 quan tiền và 50 hộc thóc. Chết già ở nhà.

NGUYỄN HÙNG TRUNG

阮雄忠

Không rõ thời gian Hùng Trung làm quan dưới thời Lê. Khi vua Lê chạy sang Trung Hoa, Hùng Trung chạy theo. Năm Gia Long thứ 3 (1804), cùng chư thần tòng vong đem quan tài vua Lê về nước. Năm Gia Long thứ 14 (1815), được vua ban thưởng tiền và gạo để sinh sống.

NGUYỄN TRỌNG DU

阮仲瑜

Người xã Hậu Tải, huyện Thư Trì, phủ Kiến Xương, tỉnh Nam Định. Trọng Du là võ úy dưới thời nhà Lê. Khi vua Lê chạy sang đất Bắc, Trọng

Du đi theo. Năm Gia Long thứ 3 (1804), cùng các bầy tôi tòng vong mang quan tài vua Lê về nước. Năm Gia Long thứ 14 (1815), được nhà vua ban cho tiền và gạo để sinh sống.

LÊ TÙNG, LÊ THỨC

黎松，黎式

Lê Tùng người xã Tây Tựu, huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội. Lê Thức người xã Đáp Cầu, huyện Hoằng Hóa, phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Lê Tùng và Lê Thức năm Kỷ Dậu (1789) cùng với vua Lê chạy sang nhà Thanh. Về sau, vua Lê chọn trong số bầy tôi Phạm Như Tùng cùng Lê Tùng, Lê Thức cả thảy 10 người, trích máu ăn thề, dâng biểu xin giúp binh nhưng bị các thần Hòa Thân làm hại, khiến viện binh bị ngưng lại, lại bị đưa ra ngoài 300 dặm an trí.

LÊ TRỌNG ĐANG

黎仲璫

Người xã Bình Vọng, tổng Hà Hồi, huyện Thượng Phúc, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Nội. Lê Trọng đang đỗ Tiến sĩ đời Lê, làm quan đến Tả tham chính sứ trấn Kinh Bắc. Năm Bính Ngọ (1786), quân Tây Sơn đến chiêu hàng nhưng ông không chịu theo. Khi quân Tây Sơn đánh trấn doanh, ông bí mật cùng Định Vũ hầu Trần Quang Châu cùng mưu tính việc khởi nghĩa. Giặc [Tây Sơn] dò biết, sai quân đến đánh, ông cùng con là Lê Đình Định đều bị bắt. Tây Sơn sai người dụ ông về hàng nhưng không chịu khuất phục nên bị giết, con là Đình Định cũng tuẫn nạn.

PHẠM NHƯ TÙNG

范如松

Người xã An Lão, huyện Thư Trì, phủ Kiến Xương, tỉnh Nam Định. Vào đời Cảnh Hưng, khi đang học ở phủ thì được vào cung hầu hạ Đông cung, càng ngày càng được yêu thích. Lấy cớ mẹ đã già xin về nhà phụng dưỡng. Chiêu Thống nguyên niên (1786) lại được gọi vào Kinh đô ban cho tước Cận Quang hầu. Đã từng đi theo chinh phạt, đến đâu là thắng đấy nên đổi qua chức Thị trung. Được giữ chức Đề lĩnh lo việc quân ở cửa chính tây, làm Trấn thủ Sơn Tây, Dao lĩnh các trấn Tuyên Quang, Hưng

Hóa, Hiệp lý bộ Binh, bộ Hộ và tham dự việc triều chính. Khi quân Tây Sơn đến, phụng mệnh sang nhà Thanh cầu viện. Khi quân Thanh thua chạy rồi, ông cùng với vua Lê chạy sang phương Bắc. Năm Gia Long thứ 3 (1804), ông theo quan tài vua Lê trở về, sau khi việc xong xin được về dạy học. Năm Gia Long thứ 14 (1815), ông được vua ban cho 50 phương gạo, 9 đĩnh bạc để sinh sống. Năm Minh Mệnh thứ 5 (1824), chết già ở nhà.

Lê sử bổ biên chép:

Tháng Giêng năm Kỷ Dậu (1789), vua Lê gặp Tôn Sĩ Nghị ở trong quân, Hoàng Ích Hiểu [phụ đạo, Địch Quận Công, người Cao Bằng], Lê Hân [thự Bắc Trấn, người Nộn Liễu, Nam Đường], Nguyễn Quốc Đống [ngoại thích, người Tì Bà, Lang Tài], Phạm Như Tùng [đề lĩnh tứ thành, người Thư Trì, Sơn Nam], Nguyễn Viết Triệu [phó đề lĩnh, người Thanh Tuyền, Nam Đường], Phạm Trần Thiện [hiệp lý bộ Binh, người Quỳnh Côi, Sơn Nam], Lê Văn Trương [chăn voi, người Nghĩa Đồng, Nam Đường], Lê Quý Thích [giữ bốn quả ấn, người Đồng Phương, Thanh Hóa] tất cả 8 người đi theo hầu nhà vua.

Quân Tây Sơn ép tới, Sĩ Nghị nhổ lũy vượt sông chạy trốn, vua Lê cũng giục ngựa cùng Sĩ Nghị chạy lên phương Bắc, chỉ có mình Viết Triệu cầm roi đi theo. Bọn Ích Hiểu quay về theo hầu Lê thái hậu bồng Lê nguyên tử đưa sang sông.

Vua Lê đến Nam Quan, các bầy tôi cũng lục tục đến. Vua Thanh ra lệnh cho các thần Phúc Khang An lo liệu việc An Nam. Về sau được Tây Sơn đút lót nhiều tiền của nên Phúc Khang An dâng biểu xin vua Thanh nhận sứ giả Tây Sơn và hạ chỉ vời vua Lê đến triều đình.

Tháng Năm năm Canh Tuất (1790), vua Lê đến Yên Kinh, người cùng nước đến sau cũng lục tục kéo đến. Khi đó, vua Thanh đi Nhiệt Hà cung tránh nóng đã khởi hành rồi. Vua Lê sai các bầy tôi dự bị thảo tờ biểu xin viện binh, nhân khi Đô thống Nhương Hoàng Kỳ là Kim Giản vời đến gặp mới phục xuống lạy, lại thấy thông ngôn báo rằng: "Có chỉ khen thưởng". Khi về đến doanh thì Kim Giản bưng chỉ của Thanh đế, ban cho vua Lê chức thế tập Tá lãnh, quan phục theo cấp tam phẩm. Vua Lê không còn biết thế nào, đành phải nhận.

Đến tháng Mười, vua Lê thấy không thể nương cậy gì người Thanh nên định kế cùng chư thần Phạm Như Tùng, Hoàng Ích Hiểu, Lê Hân,

Nguyễn Quốc Đống, Nguyễn Viết Triệu, Lê Văn Trương, Lê Quý Thích, Nguyễn Đình Cẩm [người Hương Canh, Từ Liêm], Lê Tùng [người Tây Tựu], Lê Thức [người Đáp Cầu, Thanh Hóa] tất cả 10 người, trích huyết ăn thề, dâng biểu xin viện binh, nếu như không được chấp thuận thì mong được đất hai châu Tuyên Quang, Thái Nguyên để về thờ cúng tông miếu, hoặc sẽ lẻn quay về Quảng Hà mưu tính chuyện hưng phục chứ không chịu sống nhờ nơi đất Bắc. Sẽ quỳ ở sân chầu mà xin, nếu như có chuyện không may thì sống chết cũng đành.

Thế nhưng, khi đến cho Kim Giản biết trước thì Giản không chịu nhận. Khi ra ngoài cửa, phục xuống đất kêu toáng lên. Giản bất đắc dĩ phải mời vào uống trà nói rằng: "Thôi hãy về quán để rồi thương lượng".

Tháng Một, có ba người Khoa lan đại [tức thư ký của nước Thanh] đến nói rằng: "Giản đã phụng chỉ hứa cho vương đất Khâm Châu, sang năm đến mùa xuân khi hoa ở ngoài bến nở khi đó về cũng không muộn".

Tháng Ba năm Tân Hợi (1791), Khoa lan đại trở lại đòi vua Lê và chư thần đến ấn phòng, mời uống trà ăn trái cây rồi đưa về. Ngờ đâu bị các thần Hòa Thân làm hại, đã ngừng chuyện viện binh lại âm mưu phân tán người nước ta để bịt miệng.

Ngày 20 tháng Tư, Khoa lan đại lại cưỡi ngựa chạy đến nói: "Phụng chỉ hứa cho vương châu Tuyên Quang để trở về ở, chọn xem những người đi theo độ vài người có khả năng, mặc quan phục vào tạ ơn".

Chư thần đi theo Khoa lan đại đến ấn phòng, người Thanh ra lệnh đem khóa sắt khóa lại, cho lên xe bò đem ra an trí cách xa 300 dặm.

Ngày 21, Hoàng Ích Hiểu bị đưa đi Y Lê, Lê Hân đi Phụng Thiên, Phạm Như Tùng đưa đi Hắc Long Giang, Nguyễn Quốc Đống đưa đi Cát Lâm, Nguyễn Viết Triệu, Lê Văn Trương đưa đi Nhiệt Hà, Trương Gia Khẩu, còn lại Phạm Trần Thiện, Đinh Nhạ Hành ở lại phục thị vua Lê ở Yên Kinh.

Ngày 20 tháng Năm năm Nhâm Tý (1792), Lê nguyên tử bị bệnh đậu chết, vua Lê vì thế không được khỏe.

Tháng Chín năm Quý Sửu (1793), chư thần từ khắp các nơi ai ai cũng dâng biểu hỏi thăm, vua Lê cũng hồi chỉ ủy lạo. Khi đó, Phạm Như Tùng đã chết rồi, gia đồng là Lê Huy Vượng có công lao hầu hạ vua Lê, nhà vua thấy y có nghĩa nên nhận làm con nuôi, ban tên là Duy Khang, dặn phụng thờ hương hỏa.

Cứ như *Lê sử bổ biên* viết thì Phạm Như Tùng đã chết ở bên nội địa, có sai biệt với lời tâu của tỉnh có đoạn "Như Tùng xin được về nhà dạy học". Sau khi tra xét lại, tỉnh đó trình rằng: "Phạm Như Tùng năm Gia Long thứ 3 (1804) từ bên Thanh trở về nước, xin được về dạy học. Ngày 21 tháng Ba năm Minh Mệnh thứ 5 (1824) qua đời, hiện nay phần mộ còn ở tại xã, bia đá có ghi: Cố Lê Tham đốc Phạm công chi mộ.

SẮC DỤ CỦA VUA TỰ ĐỨC

Nguyên văn:

朕聞: 自昔忠臣烈女,見危致命,舍生取義,非以邀名於後世,而朝廷必旌褒之,誠所以鼓勵風教而激勸將來也。

年前禮部臣遵將黎末殉節諸臣,議請追錄一摺,經交廷臣查議。

嗣據奏上,朕再三批閱,重念國家旌典,其於人心風俗,所關非細,予奪存削,千載之公諸係焉,誠不可不詳慎也。爰命史臣重加稽核,再交廷臣覆閱,以昭公詳。

節據覆敍,朕各已詳覽,仍照之廷臣原摺,請該二十五名氏,其間固有卓然可稱,亦有尋常無甚表見。

又有庇類可指,亦有遺漏未周,所應甄別權衡,用工大公至正,就中如黎囧,阮曰肇,陳名案,阮廷簡,阮廷院,阮光珠,阮文涓,陳名暮,陳珽,阮氏金,潘氏舜等,其精忠節烈,固爲可嘉。

增檢之阮輝濯,阮國棟,黎昕,黄益曉,黎允值,阮廷錦,黎貴適,潭慎廠,阮雄忠,阮仲瑜,黎松,黎式,黎仲偉等,雖無異常,而始終從亡,確有實狀,亦屬可錄。

又如范如松,摺内以其去回未明,懸之冊後。

茲究出范如松現於嘉隆年間遣回,則該之始終完節,去回本自明白,準併與前次議旌二十四人,一同列祀。

就中阮氏金於嘉隆年間,已奉恩給墓夫,祀田,又命立碑於其鄉,已足慰潛爽,茲著毋須再議。潘氏舜已有原祠在翠露社,茲著于這祠豎碑旌表。

餘自黎囧以下,准于河内省城黎氏故都之地,立祠各祀。

黎囧艱貞自靖,百折不回,其氣節較與同輩中,尤爲出色,著賜專謚。餘

阮曰肇，陳名案，阮廷簡，阮廷院，阮光珠，阮文涓，陳名昺，陳珽，增檢之阮輝濯，阮國棟，黎昕，黃益曉，黎允值，阮廷錦，黎貴適，潭慎廠，阮雄忠，阮仲瑜，黎松，黎式，黎仲，范如松，該二十二人，著賜通謚，用亦甄別。其廷錦著，俟列祀日，照從舊名，毋須改避。

他如阮廷院之子阮玉璉，阮玉肇，阮玉振，壻韶尊洽，陳珽之弟陳琅，侄陳澄，與該兄之壻武仲逸，弟之養子陳寅，陳鶴，黎仲偉之子黎廷定等，均由同時殉難，一門中，亦屬可嘉。

其阮玉璉等十人，著准其附祀于祠，俾如朝廷表節旌忠，無微不錄。

向上應得賜謚祀典，與立祠見碑等款，著交禮工部臣，會同詳悉。著議當如何垂之永久，具奏候旨，幾定施行，稱朕意焉。

餘准依議行。

欽此。

欽遵。

Phiên âm:

Trẫm văn:

Tự tích trung thần liệt nữ, kiến nguy trí mệnh, xả sinh thủ nghĩa, phi dĩ yêu danh ư hậu thế, nhi triều đình tất tinh bao chi, thành sở dĩ cổ lệ phong giáo nhi kích khuyến tương lai dã.

Niên tiền Lễ bộ thần tuân tương Lê mạt tuẫn tiết chư thần, nghị thỉnh truy lục nhất triệp, kinh giao đình thần tra nghị.

Tự cứ tấu thượng, trẫm tái tam phê duyệt, trọng niệm quốc gia tinh điển, kỳ ư nhân tâm phong tục, sở quan phi tế, dư đoạt tồn tước, thiên tái chi công chư hệ yên, thành bất khả bất tường thận dã.

Viên mệnh sử thần trọng gia kê hạch, tái giao đình thần phúc duyệt, dĩ chiêu công tường.

Tiết cứ phúc tự, trẫm các dĩ tường lãm, nhưng chiếu chi đình thần nguyên triệp, thỉnh cai nhị thập ngũ danh thị, kỳ gian cố hữu trác nhiên khả xưng, diệc hữu tầm thường vô thậm biểu kiến.

Hựu hữu tý loại khả chỉ, diệc hữu di lậu vị chu, sở ứng chân biệt quyền hành, dụng công đại công chí chính, tựu trung như Lê Quýnh, Nguyễn Viết Triệu, Trần Danh Án, Nguyễn Đình Giản, Nguyễn Đình Viện, Nguyễn Quang Châu, Nguyễn Văn Quyên, Trần Danh [Phương]

Bính, Trần Đĩnh, Nguyễn Thị Kim, Phan Thị Thuấn đẳng, kỳ tinh trung tiết liệt, cố vi khả gia.

Tăng kiểm chi Nguyễn Huy Trạc, Nguyễn Quốc Đống, Lê Hân, Hoàng Ích Hiểu, Lê Doãn Trị, Nguyễn Đình Cẩm, Lê Quý Thích, Đàm Thận Xưởng, Nguyễn Hùng Trung, Nguyễn Trọng Du, Lê Tùng, Lê Thức, Lê Trọng Vĩ đẳng, tuy vô dị thường, nhi thủy chung tòng vong, xác hữu thật trạng, diệc thuộc khả lục.

Hựu như Phạm Như Tùng, triệp nội dĩ kỳ khứ hồi vị minh, huyền chi sách hậu. Tư cứu xuất Phạm Như Tùng hiện ư Gia Long niên gian khiển hồi, tắc cai chi thủy chung hoàn tiết, khứ hồi bổn tự minh bạch, chuẩn tính dữ tiền thứ nghị tinh nhị thập tứ nhân, nhất đồng liệt tự. Tựu trung Nguyễn Thị Kim ư Gia Long niên gian, dĩ phụng ân cấp mộ phu, tự điền, hựu mệnh lập bi ư kỳ hương, dĩ túc ủy tiềm sảng, tư trứ vô tu tái nghị.

Phan Thị Thuấn dĩ hữu nguyên từ tại Thúy Ái xã, tư trứ vu giá từ thụ bi tinh biểu.

Dư tự Lê Quýnh dĩ hạ, chuẩn vu Hà Nội tỉnh thành Lê thị cố đô chi địa, lập từ các tự. Lê Quýnh gian trinh tự tĩnh, bách chiết bất hồi, kỳ khí tiết giác dữ đồng bối trung, vưu vi xuất sắc, trứ tứ chuyên thụy.

Dư Nguyễn Viết Triệu, Trần Danh Án, Nguyễn Đình Giản, Nguyễn Đình Viện, Nguyễn Quang Châu, Nguyễn Văn Quyên, Trần Danh Bính, Trần Đĩnh. Tăng kiểm chi Nguyễn Huy Trạc, Nguyễn Quốc Đống, Lê Hân, Hoàng Ích Hiểu, Lê Doãn Trị, Nguyễn Đình Cẩm, Lê Quý Thích, Đàm Thận Xưởng, Nguyễn Hùng Trung, Nguyễn Trọng Du, Lê Tùng, Lê Thức, Lê Trọng Vĩ, Phạm Như Tùng, cai nhị thập nhị nhân, trứ tứ thông thụy, dụng diệc chân biệt.

Kỳ đình cẩm trứ, sĩ liệt tự nhật, chiếu tòng cựu danh, vô tu cải tự.

Tha như Nguyễn Đình Viện chi tử Nguyễn Ngọc Liễn, Nguyễn Ngọc Triệu, Nguyễn Ngọc Chấn, tế Thiều Tôn Hiệp, Trần Đĩnh chi đệ Trần Lang, điệt Trần Trừng, dữ cai huynh chi tế Vũ Trọng Dật, đệ chi dưỡng tử Trần Dần, Trần Hạc, Lê Trọng Vĩ chi tử Lê Đình Định đẳng, quân do đồng thời tuẫn nạn, nhất môn trung hiếu, diệc thuộc khả gia.

Kỳ Nguyễn Ngọc Liễn đẳng thập nhân, trứ chuẩn kỳ phụ tự vu từ, tỉ như triều đình biểu tiết tinh trung, vô vi bất lục.

Hướng thượng ứng đắc tứ thụy tự điển, dữ lập từ kiến bi đẳng khoản, trứ giao Lễ Công bộ thần, hội đồng tường tất. Trứ nghị đương như hà thùy chi vĩnh cửu, cụ tấu hậu chỉ, cơ định thi hành, xưng trẫm ý yên.

Dư chuẩn y nghị hành.

Khâm thử.

Khâm tuân.[1]

Dịch nghĩa:

Trẫm nghe rằng:

Từ xưa đến nay trung thần liệt nữ, thấy nguy chí mệnh, thu điều nghĩa không màng sống chết, không những để lại tên tuổi cho hậu thế mà triều đình cũng phải khen ngợi công lao để cổ lệ phong giáo, khuyến khích người đi sau vậy.

Năm trước các bầy tôi trong bộ Lễ đã tuân lệnh nghị thỉnh để truy lục chư thần tuẫn tiết cuối đời Lê giao cho đình thần tra xét và bàn thảo. Cứ theo lời tâu lên, trẫm xem đi xem lại, ngẫm nghĩ về điển lệ quốc gia, cùng với phong tục lòng người, chỗ nào cũng thật kỹ càng, thêm bớt cẩn thận vì có quan hệ đến công đạo nghìn sau nên không thể không cẩn thận vậy.

Lại ra lệnh cho sử thần kê tra thật rõ ràng rồi giao lại cho đình thần duyệt thêm lần nữa để cho mọi người được biết.

Cứ như tâu lên, trẫm cũng đã coi lại kỹ, chiếu theo nguyên triệp của đình thần xin cho tên của 25 người, trong đó có người đặc sắc đáng tuyên dương nhưng cũng có người tầm thường không có gì nổi bật.

Lại cũng có những chỗ còn che khuất cần nêu ra, lại có chỗ nói đến nhưng chưa đầy đủ, hoặc xem xét cân nhắc chưa chính xác sao cho đại công chí chính.

Tựu trung những người như Lê Quýnh, Nguyễn Viết Triệu, Trần Danh Án, Nguyễn Đình Giản, Nguyễn Đình Viện, Nguyễn Quang Châu, Nguyễn Văn Quyên, Trần Danh [Phương] *Bính, Trần Đĩnh, Nguyễn Thị Kim, Phan Thị Thuấn đều là tinh trung tiết liệt, đáng để ngợi khen.*

---

1. Trần Khánh Hạo (chủ biên), *Việt Nam Hán văn tiểu thuyết tùng san*, quyển VI, sđd, tr. 117-118.

Xem thêm những người như Nguyễn Huy Trạc, Nguyễn Quốc Đống, Lê Hân, Hoàng Ích Hiểu, Lê Doãn Trị, Nguyễn Đình Cẩm, Lê Quý Thích, Đàm Thận Xưởng, Nguyễn Hùng Trung, Nguyễn Trọng Du, Lê Tùng, Lê Thức, Lê Trọng Vĩ thì tuy không có gì lạ thường nhưng trước sau tòng vong, quả là điều có thực nên cũng đáng được nêu ra.

Còn những người như Phạm Như Tùng, trong triệp nêu ra đi về không rõ thì hãy để đó rồi tìm hiểu thêm. Tra cứu ra thấy đời Gia Long Phạm Như Tùng có trở về, vậy thì trước sau quả giữ được tiết, khứ hồi minh bạch nên cho được liệt vào với 24 người kia.

Tựu trung thì dưới đời Gia Long Nguyễn Thị Kim đã được ân cấp phu canh mộ, tự điền lại lập bia ở nơi quê quán thì cũng đã an ủi cho việc trốn lánh, không cần phải bàn thảo thêm nữa. Phan Thị Thuấn cũng đã có đền ở xã Thúy Ái, nơi đó cũng có bia biểu dương rồi. Ngoài ra, từ Lê Quýnh đổ xuống, chuẩn cho lập từ cúng tế ở Hà Nội là nơi cố đô của nhà Lê.

Lê Quýnh tuy gian nan nhưng vẫn chấp nhận, trăm cay ngàn đắng không chịu khuất, khí tiết so với người khác có phần hơn, quả là xuất sắc nên ban cho tên thụy riêng. Những người còn lại như Nguyễn Viết Triệu, Trần Danh Án, Nguyễn Đình Giản, Nguyễn Đình Viện, Nguyễn Quang Châu, Nguyễn Văn Quyên, Trần Danh Bính, Trần Đĩnh và những người thêm vào như Nguyễn Huy Trạc, Nguyễn Quốc Đống, Lê Hân, Hoàng Ích Hiểu, Lê Doãn Trị, Nguyễn Đình Cẩm, Lê Quý Thích, Đàm Thận Xưởng, Nguyễn Hùng Trung, Nguyễn Trọng Du, Lê Tùng, Lê Thức, Lê Trọng Vĩ, Phạm Như Tùng, tất cả 22 người thì ban cho tên thụy chung như thế cho có phân biệt.

Còn như những chữ cấm kỵ của triều đình, đợi khi liệt trong ngày tế, chiếu theo tên cũ không cần phải thay đổi tránh né. Những người như con của Nguyễn Đình Viện là Nguyễn Ngọc Liễn, Nguyễn Ngọc Triệu, Nguyễn Ngọc Chấn, con rể là Thiều Tôn Hiệp, em trai Trần Đĩnh là Trần Lang, cháu là Trần Trừng, cùng con rể của anh là Vũ Trọng Dật, con nuôi của em là Trần Dần, Trần Hạc, con trai Lê Trọng Vĩ là Lê Đình Định đều cùng tuẫn nạn một lần, cả nhà trung hiếu, cũng đều đáng khen cả.

Bọn Nguyễn Đình Liễn cả thảy 10 người cũng được chuẩn cho phụ tế ở trong đền để tỏ ra rằng triều đình chuộng việc trung tiết, không chuyện nhỏ nào không chép đến.

Những người ở trên được ban tên thụy và vào danh sách cúng tế, cùng các khoản lập từ dựng bia đều giao cho bầy tôi các bộ Lễ và bộ Công, cùng chung thực hiện. Còn việc thảo luận để tính việc dài lâu thì hãy tâu lên đợi chiếu chỉ rồi sau đó theo mà thi hành để cho hợp với ý trẫm.

Còn mọi việc khác trẫm chuẩn y theo nghị luận mà làm, hãy khá tuân theo.

DI VĂN

Nhờ có tự truyện "*Bắc hành lược ký*" [hay *tùng ký*] của chính ông nên cũng còn được một đôi phần văn chương của Lê Quýnh. Những bài thơ cũng có phụ chú theo lối của người xưa nên chúng ta có thể theo dõi được hành trạng và soi sáng ít nhiều về cuộc đời tù ngục của ông và nhóm vua Lê tại Bắc Kinh. Tuy nhiên, một số bài khác cũng được chép lại ở rải rác nhiều tài liệu, đôi khi có những dị biệt nhưng không quan trọng lắm.

Những bài thơ ông làm được ghi lại trong *Nam thiên trung nghĩa thực lục*[1] gồm có:

1. Phục xuất trú Ải Điếm hậu mệnh cảm tác (復出駐隘店候命感作)
2. Tòng Ải Điếm đáo Minh Ninh châu (從隘店到明寧洲)
3. Trung thu tại Minh Ninh châu (中秋在明寧洲)
4. Liễu Châu tạm trú nhân tác (柳洲暫住因作)
5. Phụng họa ngự thi nguyên vận (奉和御詩原韻) (3 bài).
6. Tứ nguyệt hựu phụng ngự thi ủy vấn cung họa (四月又奉御詩慰問恭和)
7. Trừ tịch cảm tác (除夕感作)
8. Vịnh du thụ nhị thủ (詠楡樹二首)

---

1. Trần Khánh Hạo (chủ biên), *Việt Nam Hán văn tiểu thuyết tùng san*, quyển VI, sđd, tr. 77-87.

9. Sơ đăng ngũ thập tuế tác (初登五十歲作)

10. Ngục trung ngẫu thành (獄中偶成)

11. Tại ngục nhàn tọa cảm tác nhị thủ (在獄閒坐敢作二首)

12. Xuất ngục cảm tác (出獄感趕作)

13. Triển bái cố chủ mộ hồi cảm tác [展拜故主墓回感作]

14. Lục nguyệt sâm Vũ Lương tuyệt, hựu kiến dụ bất hứa tiến thành, ngẫu tác (六月霖雨糧絕,又見諭不許進城,偶作)

15. Thập nguyệt cung trị cố chủ kỵ nhật, vãng bái viên tẩm cảm tác (十月恭值故主忌日,往拜園寢感作)

16. Họa Đinh Công Nhạ hành nguyên vận (和丁公迓衡原韻) (4 bài).

17. Họa Thanh Nhân triệu hối đình (和清人趙晦亭)

18. Họa đáp Giao Tây nhân cầm khả thị kiến tặng nguyên vận lục thủ (和答膠西人琴可氏見贈原韻六首) (6 bài)

19. Thập nhị nguyệt tuyết hậu nguyệt xuất ngẫu tác ([十二月雪後月出偶作)

20. Tặng Nghĩa An nhân Phan Thị (贈義安人潘氏)

21. Quá Công Mẫu sơn tác (過公母山作)

22. Hỷ tử kiến phỏng ngẫu thành (喜子見訪偶成)

23. Họa Vũ Kiêm sơn nguyên vận (和武兼山元韻)

24. Ký niên nghị Từ Ô Trần Trung Thức (寄年誼慈烏陳中式)

25. Ngẫu cảm (偶感)

26. Thiền viện nạp lương ngẫu tùy lai cựu gia nhân ư Vạn Thọ tự tương kiến, nhưng tác (禪院納涼偶隨來舊家人於萬壽寺相見,仍作)

HÌNH ẢNH

Vua Lê di hành.

Nguồn: Mary Somers Heidhues, *Southeast Asia: A concise history, Thames & Hudson, London,* 2000, tr. 92.

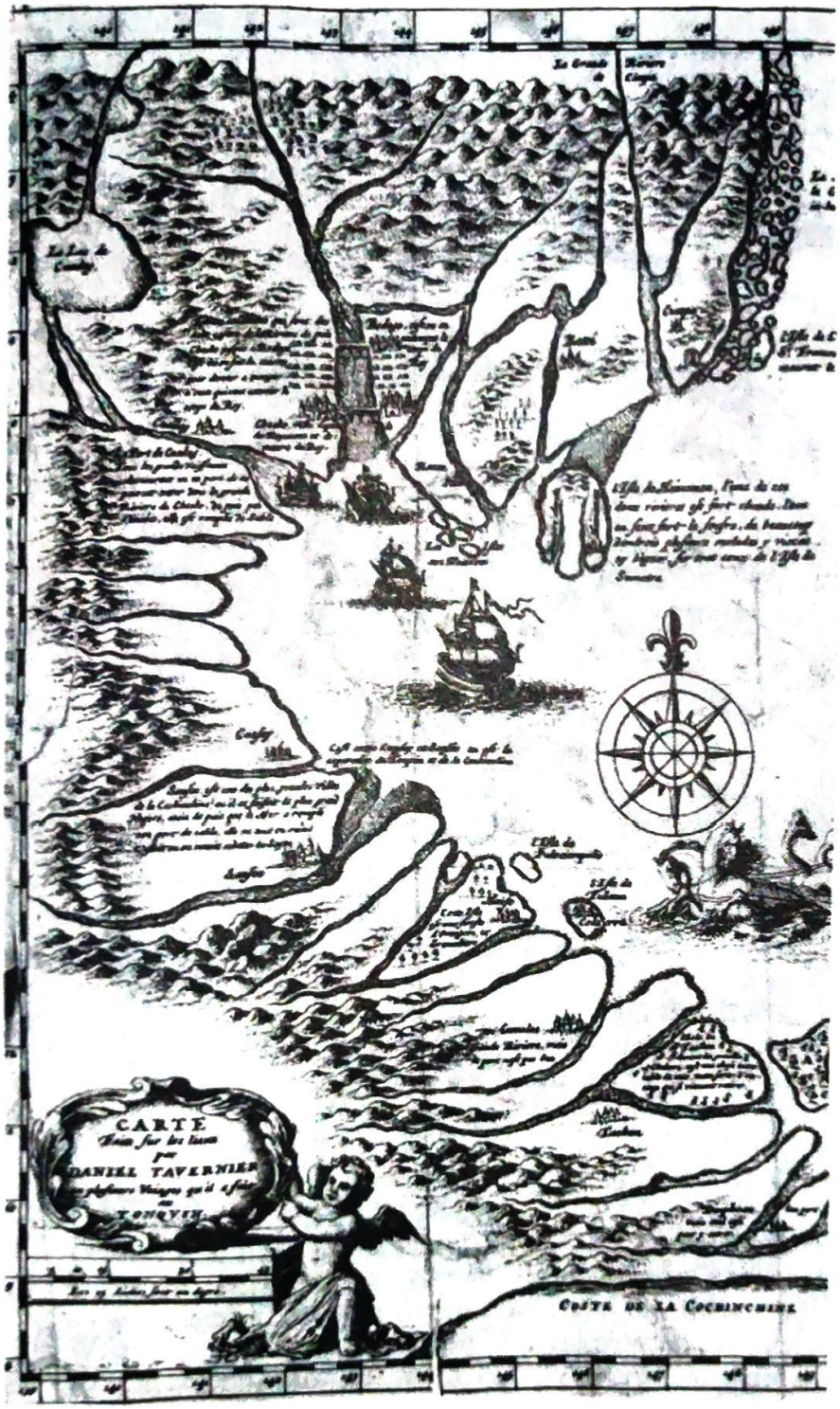

240. MAP OF TONGKING

From J. B. Tavernier, *Recueil de plusieurs relations et traitez singuliers et curieux* (Paris, 1681), between pp. 168 and 169.

Map made by Daniel Tavernier, the brother of Jean-Baptiste, who presumably made eleven or twelve voyages to Tongking. The captions on the map contain a mixture of good and bad information.

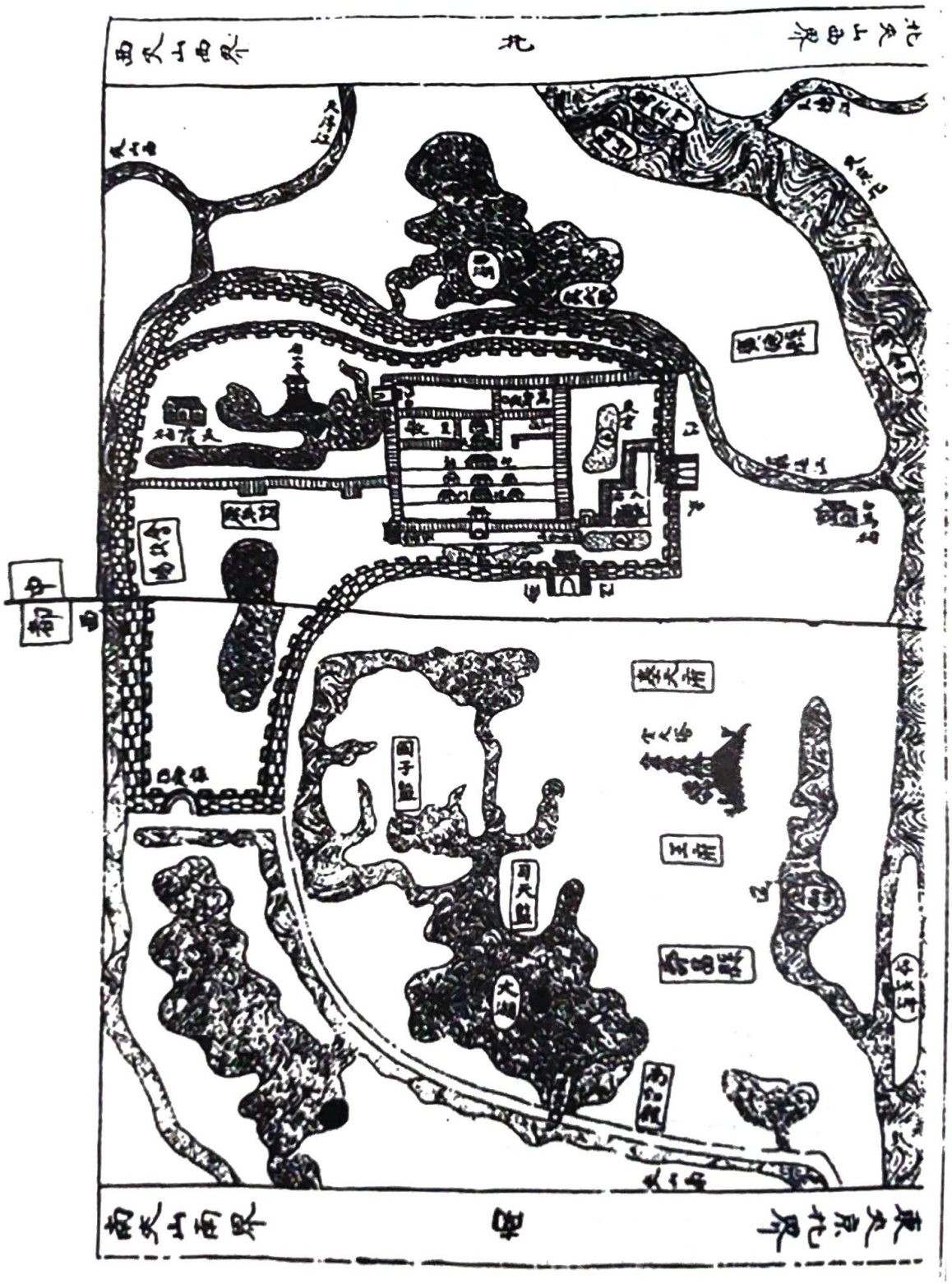

Kinh thành Thăng Long đời Lê.

Nguồn: *Hồng Đức bản đồ*, Bộ Quốc gia Giáo dục, Sài Gòn, 1962, tr. 9.

Cửa Nam Quan (La porte de Chine) [1896].

Nguồn: Charles Daney, *Indochine*, Paris, Flammarion, 1992, tr. 46.

Vua Càn Long năm 80 tuổi.

Nguồn: *Vạn Thọ Vô Cương*

Happy Birthday Emperor Qianlong

Hongkong Heritage Museum, 2000, tr. 45.

Vua Gia Khánh.

Nguồn: *Thanh Sử Đồ Điển, đệ Bát sách, Gia Khánh triều*
Chu Thành Như chủ biên, Tử Cấm Thành xuất bản xã, Bắc Kinh, 2002, tr. 5.

Y phục nam nhân đời Thanh.

Nguồn: *Chinese Costumes*, Part II
T'ang -Ch'ing Dynasty.

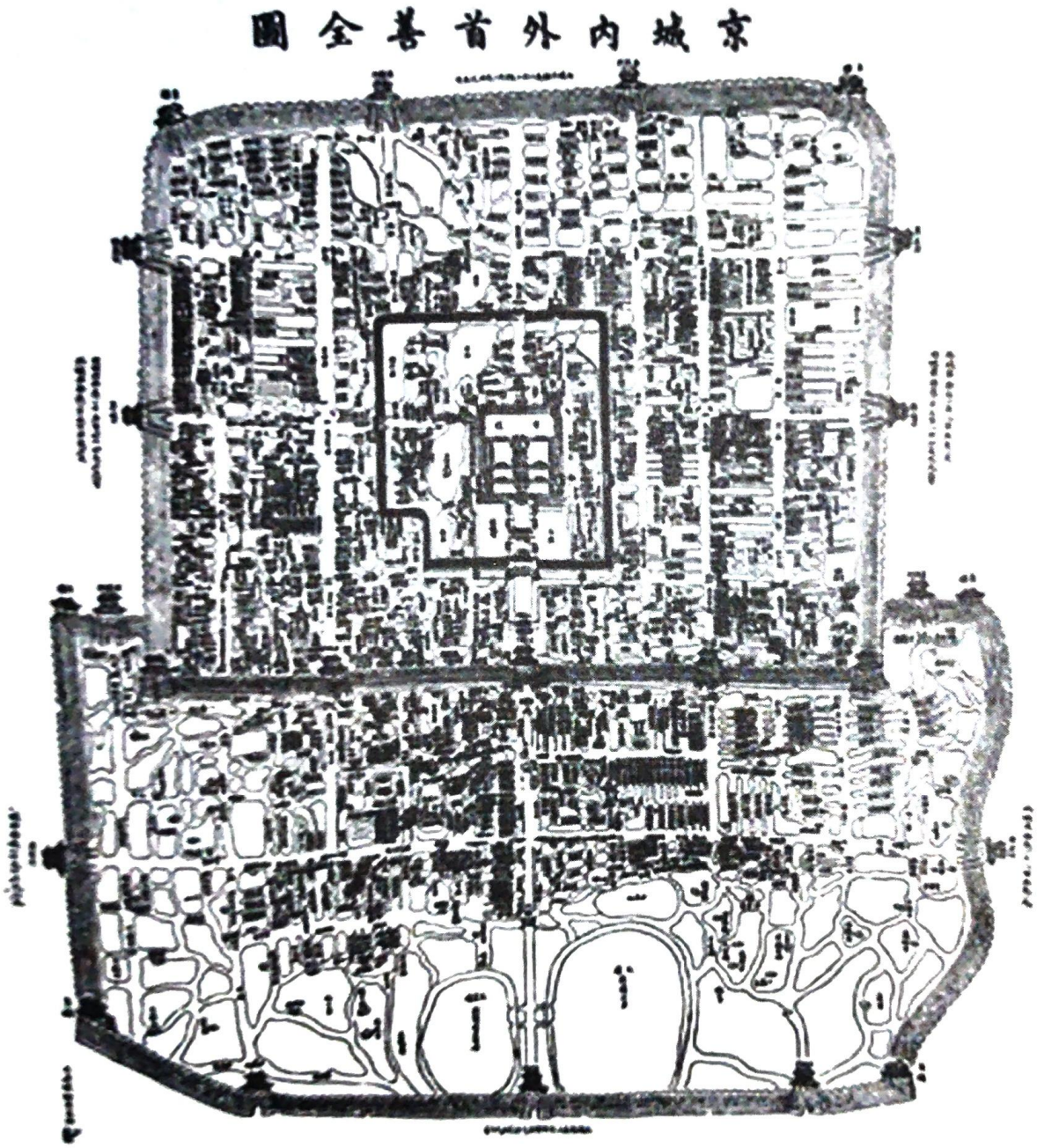

MAP OF PEKING.

Kinh thành Bắc Kinh.

Nguồn: Scidmore, *China: The Long-Lived Empire*, The Century Co., New York, 1900, tr. 67.

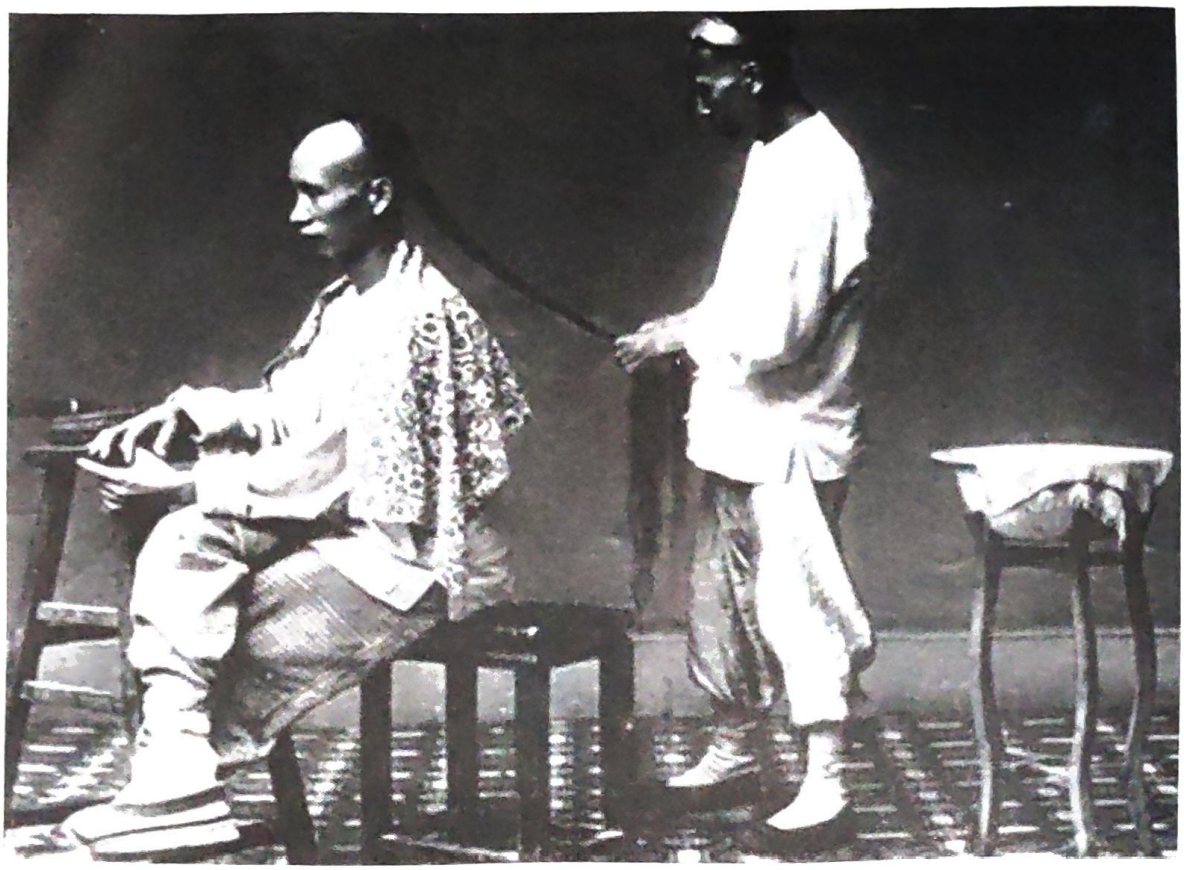

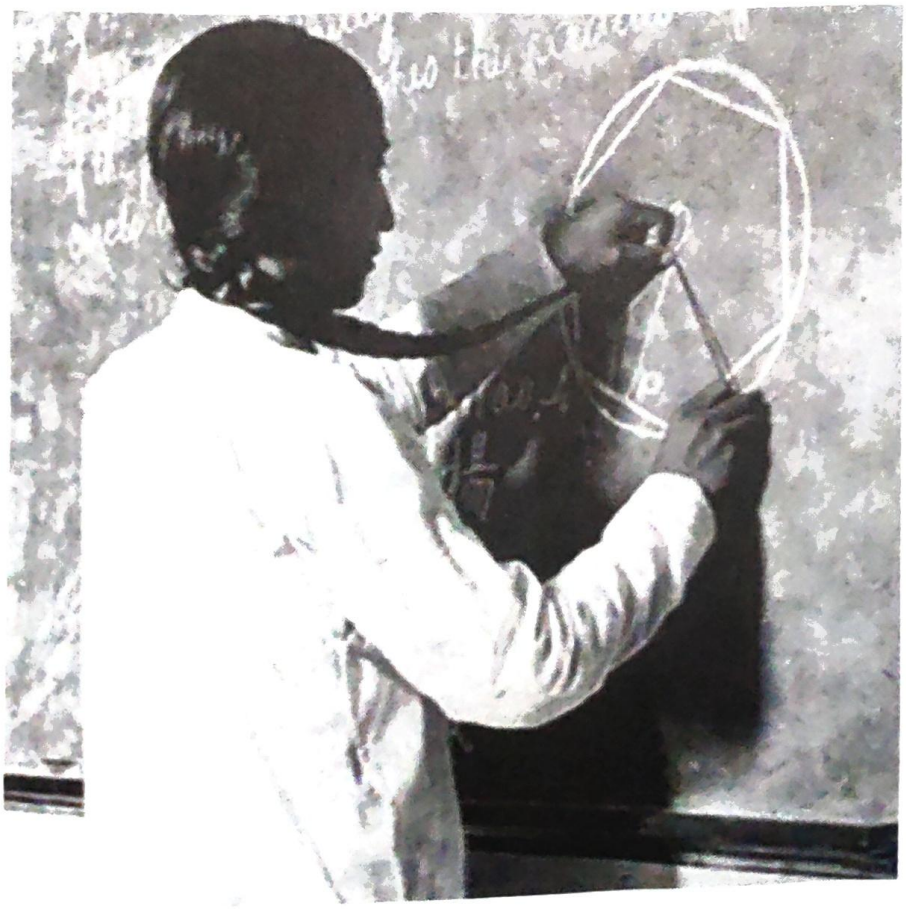

Tóc đuôi sam [queue] *và cạo nửa đầu trước theo quy định Mãn Thanh được coi như một biểu tượng thần phục triều đình.*

Nguồn: Jonathan D. Spence và Annping Chin, *The Chinese Century: A Photographic History of the Last Hundred Years*, Random House, 1996, tr. 18-19.

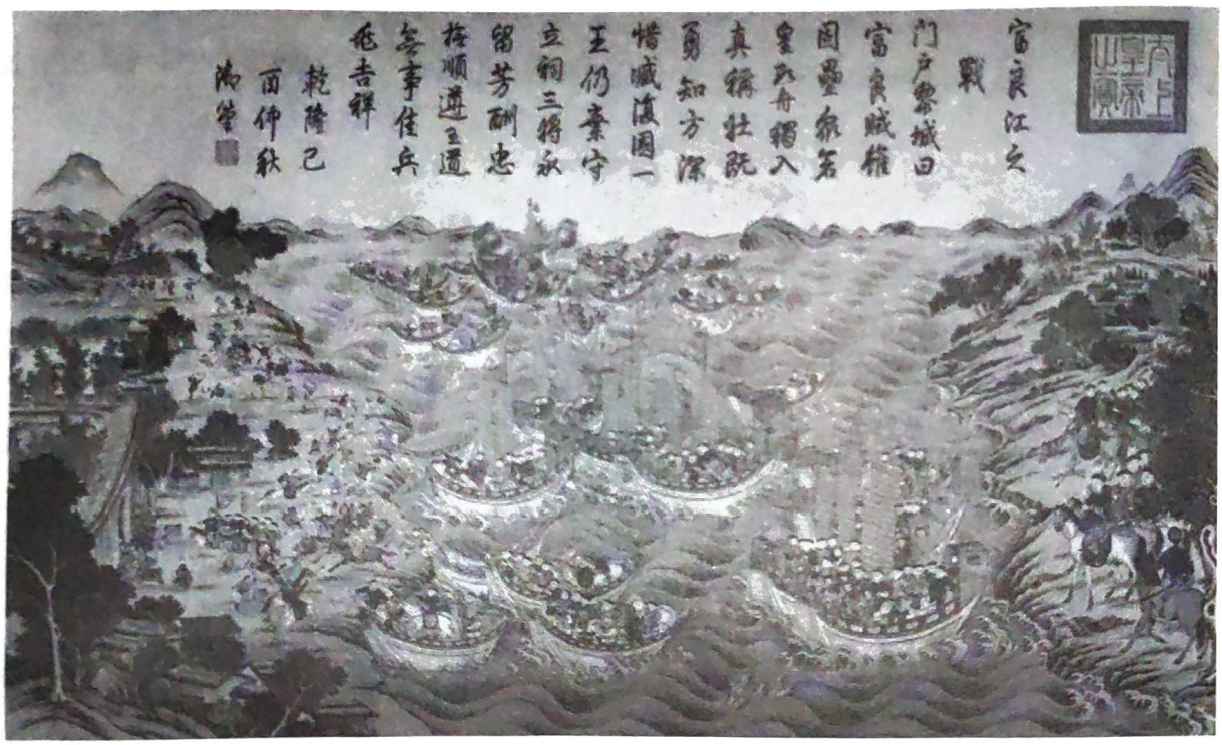

Phú Lương giang chi chiến
(trận đánh ở sông Phú Lương, tức Nhĩ Hà)
Tranh tuyên truyền nhà Thanh trong bộ An Nam chiến đồ

Nguồn: *Thanh Sử Đồ Điển, Càn Long triều, quyển Thượng*
Chu Thành Như chủ biên, Tử Cấm Thành xuất bản xã, Bắc Kinh, 2002, tr. 98.

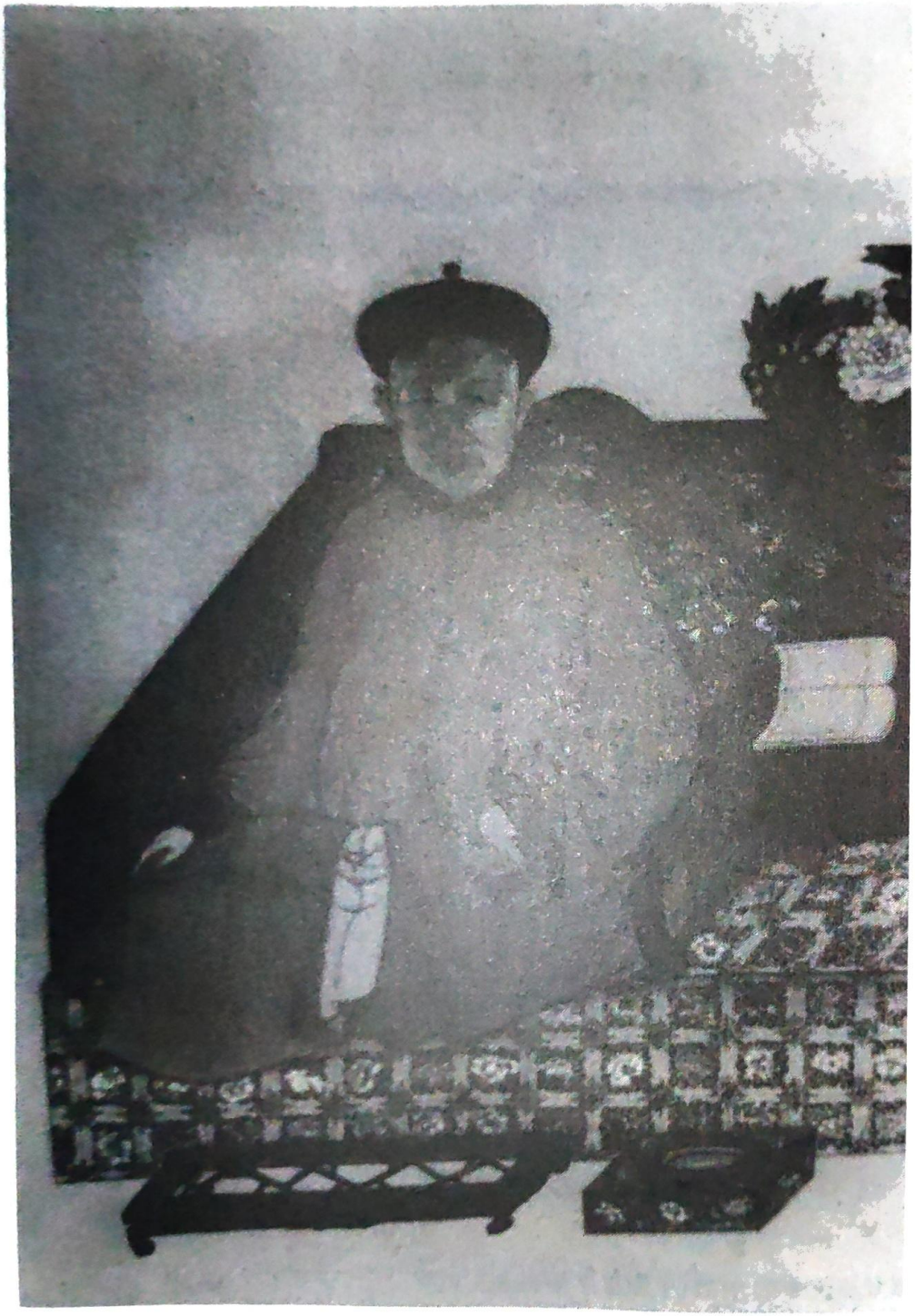

Phúc Khang An.

Nguồn: *Thanh Sử Đồ Điển, Càn Long triều, quyển Thượng*
Chu Thành Như chủ biên, Tử Cấm Thành xuất bản xã, Bắc Kinh, 2002, tr. 107.

Bổ phục tam phẩm
Vua Chiêu Thống khi sang Trung Hoa được hàm tam phẩm
Trên áo có thêu hình này.

Nguồn: *5000 years of Chinese Costumes*
Zhou Xun, Gao Chunming, The Commercial Press, Hongkong, 1998, tr. 325.

"... Nhìn từ nhiều góc độ, chỉ trong một thập niên, các thế lực tranh bá đồ vương từ Nam Quan đến vịnh Xiêm La đã phát huy tất cả tiềm năng mong đạt được mục tiêu sau cùng. Những liên minh chồng chéo khiến việc phân tích, gỡ rối càng thêm phức tạp và phân định thù bạn, đúng sai, chính tà thật không đơn giản.

Trong tập hợp ngắn này, chúng tôi chỉ nhìn lại đời sống và sinh hoạt của những người lưu lạc ra bên ngoài, nay đã vô can với biến chuyển, đổi thay ở trong nước. Họ sống như thế nào? Nỗ lực của họ đi về đâu?

Vua Chiêu Thống sống và chết trong vòng kiềm tỏa của nhà Thanh. Người vợ trẻ xa chồng xa con sống lẻ loi trong một ngôi chùa chờ đón linh cữu cố quân về nước. Một bầy tôi bị đánh lừa sang Trung Hoa bị cầm tù hơn mười năm vì không chịu cắt tóc đổi áo. Đó là những góc tối của xã hội trong một giai đoạn đầy sóng gió, nhiễu nhương."

Nguyễn Duy Chính

dtBOOKS
CÔNG TY TNHH SÁCH DÂN TRÍ
ĐC: 11C Nguyễn Kiệm, P. 3, Q. Gò Vấp, TP. HCM
VPGD: 65 Hồ Văn Huê, P. 9, Q. Phú Nhuận, TP. HCM
ĐT: (028) 62751674 - 62784851

Lê Mạt sự ký - Sự suy tàn của của Triều Lê cuối TK XVIII
ISBN: 978-604-956-930-2
9 786049 569302
8 935207 001630
Giá: 235.000đ
www.dtbooks.com.vn